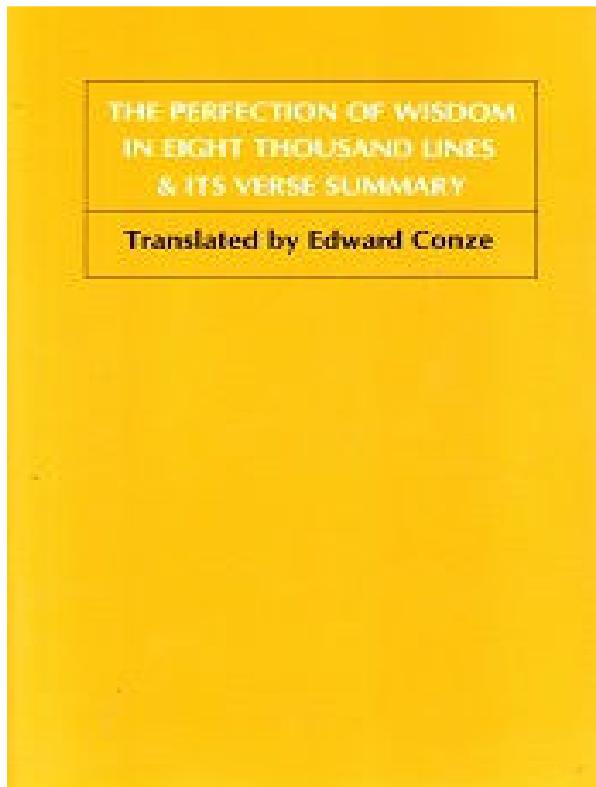


BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐÀ TÁM NGÀN CÂU & KỆ TÓM LUỢC



Anh dịch: Edward Conze

Việt dịch: Đỗ Đình Đồng

Nguyên tác: Prajñāpāramitā-Ratnaguṇasamcayagāthā
& Aṣṭasāhasrikā Prajñāpāramitā

Anh dịch: Edward Conze

Việt dịch: Đỗ Đình Đồng

Mục lục

Lời người dịch, 4

Lời Nói Đầu của Dịch giả Bản Tiếng Anh, 8

Bát-nhã Ba-la-mật-đa Kệ Bảo Hạnh Tạng, 24

Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tám Ngàn Câu, 104

Phụ lục:

Liệt kê các đề mục, 385

Thuật ngữ, 395

Thư mục, 423

Vài nét về Dịch giả của Bản dịch Tiếng Anh, 425

Lời người dịch

Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tám Ngàn Câu & Kệ Tóm Lược là bản dịch tiếng Việt từ bản văn tiếng Anh “*The Perfection of Wisdom in Eight Thousand Lines & Its Verse Summary*” do Giáo sư Tiên sĩ Edward Conze dịch từ nguyên bản Phạn văn “*Aṣṭasāhasrikā Prajñāpāramitā & Prajñāpāramitā-Ratnagunasamcayagāthā*” đã được Haribhadra duyệt và tu chỉnh vào khoảng đầu thế kỷ 11 ở Ấn độ, và được nhà Four Seasons Foundation xuất bản tại Hoa Kỳ, vào năm 1995. Tuy nhiên, bản văn Phạn ngữ này, theo nghiên cứu của Giáo sư Conze cùng với sự đóng góp của các đồng nghiệp của Giáo sư, nó không phải là nguyên tác, vì đã bị sửa chữa, thêm bớt của nhiều người qua thời gian không để lại tên tuổi, nên có nhiều chỗ không phù hợp nhau về văn cú cũng như tư tưởng. Mặc dù Giáo sư Conze và các đồng nghiệp của ông đã bỏ ra nhiều thời gian, công phu nghiên cứu, và hiệu đính nhưng không thể phục hồi toàn bộ nguyên tác. Trong khi dịch, Giáo sư Conze không những dựa theo hiệu chính và luận thích của Haribhadra (người duyệt bản văn) mà còn tham khảo các bản dịch chữ Hán và chữ Tây Tạng của kinh văn này. Cũng theo sự nghiên cứu của Giáo sư Conze thì *Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tám Ngàn Câu & Kệ Tóm Lược* là bản văn thuộc văn hệ Bát-nhã xuất hiện đầu tiên, nếu truy nguyên, với những bài kệ trong hai chương đầu của Kinh, người ta có thể quay về với thời gian khoảng 100 năm trước C. N. Rồi từ kinh này với 8.000 câu, phát triển thành 10.000, 18.000, 25.000, và 100.000 câu; rồi sau đó rút lại còn 2.500, 700, 500, 300 (*Kinh Kim Cương*), 150, 25 câu (*Tâm Kinh*), và cuối cùng chỉ còn một âm tiết (“A”). Nhan đề của nguyên tác Phạn ngữ không có chữ Sutra (Kinh), bản dịch tiếng Anh cũng không có, nên bản dịch tiếng Việt này cũng không thêm vào. Dù vậy, trong thân bản văn có chữ Sutra (Kinh) xuất hiện nhiều lần nên vẫn có thể gọi nó là Kinh.

Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tám Ngàn Câu dạy gì?

Dưới đây chỉ là vài khái niệm cơ bản:

Thông qua sự vấn đáp của đức Phật và các đại đệ tử của Ngài như Tu-bồ-đề, Di-lặc, Xá-lợi-phát, Phú-lâu-na, Thiên đế Thích-đề Hoàn-nhân, đức Phật dạy về sáu Ba-la-mật (còn gọi là Lục độ) mà đứng đầu và quan trọng nhất là Bát-nhã ba-la-mật.

Gì là sáu Ba-la-mật? Đó là: Bố thí Ba-la-mật, Trì giới ba-la-mật, Nhẫn nhục ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiên định Ba-la-mật, và Bát-nhã ba-la-mật. Ba-la-mật có nghĩa là gì? Nó là phiên âm của chữ Phạn “paramita” có nghĩa là qua bờ kia (chỗ an ủn, nơi giải thoát, không còn đau khổ phiền não).

Thế nào gọi là bố thí ba-la-mật? Bố thí ba-la-mật có mục đích gì? Bố thí là cho người khác những gì mình có về tinh thần hay vật chất. Về tinh thần như Phật pháp, v.v..., tức thuyết pháp, giảng kinh, tụng kinh siêu độ, bố thí kinh luận Phật giáo, sao chép, án tông kinh điển, v.v... Về vật chất như chỗ ở, thực phẩm, nước uống, quần áo, thuốc men, tịnh tài, v.v... Mục đích là làm vơi đi sự khổ do nhu cầu cần thiết cho đời sống của người nhận, cũng như để phá bỏ cái tâm hạn hẹp, ích kỷ... của người cho. Đỉnh cao của bố thí ba-la-mật là sự bố thí trong đó không có người cho, không có vật cho, và không có người nhận. Đến mức này, người ta có thể bố thí cả thân mạng mình. Cúng dường cũng như chuyên công đức là hình thức khác của bố thí. Đây là một trong những tảng đá móng xây dựng sự sống bình yên cho con người.

Thế nào gọi là trì giới ba-la-mật? Trì giới ba-la-mật có mục đích gì? Trì giới tức là tuân giữ các giới luật theo mức độ mình thọ nhận từ bốn sự hay vị sự truyền giới. Như năm giới chính cho cư sĩ, mười giới chính cho tăng-già, nói chung. Nhiều giới vi tế hơn cho các tỳ-kheo hay tỳ-kheo ni, v.v... Giữ giới để người giữ có thể tránh được tội ác hoặc do mình hoặc do người gây ra. Giữ được giới mình thọ làm cho mình và người an ủn, thân và tâm thanh tịnh, tinh thần thoái mái, dễ tiến trên đường đạo và sang bờ kia. Đỉnh cao của giữ giới là khi không ý thức mình phải giữ giới mà giới vẫn được giữ

một cách tự nhiên. Trí giới ba-la-mật cũng là một tảng đá móng nǔa để xây dựng sự sống bình yên của con người.

Thé nào gọi là nhẫn nhục ba-la-mật? Mục đích của nhẫn nhục ba-la-mật là gì? Nhẫn nhục ba-la-mật sự tự nguyên chịu đựng những việc bất công hay không hợp lý xảy ra cho chính mình hay người khác, tìm và đưa ra hành động hay lời nói đúng và hợp thời để hóa giải vấn đề xây một cách đúng đắn và hòa nhã. Đây cũng là một tảng móng nǔa góp sức xây dựng nếp sống hòa bình cho nhân loại.

Thé nào gọi là tinh tấn ba-la-mật? Mục đích của tinh tấn ba-la-mật là gì? Tinh tấn ba-la-mật là sự nỗ lực cần thiết trong sự tu tập trên đường đạo. Ấy là sự nỗ lực liên tục, bền bỉ, mãnh mẽ, tận sức để vượt qua tất cả mọi chướng ngại về vật chất cũng như tinh thần, của mình cũng như của người trên đường tu để tiến tới chứng đắc giác ngộ viên mãn. Ấy cũng là giúp mình và giúp người. Đây cũng là một tảng đá móng khác góp vào xây dựng đời sống hòa bình của thế giới.

Thé nào gọi là thiền định ba-la-mật? Mục đích của thiền định ba-la-mật là gì? Vắn tắt, thiền định ba-la-mật là pháp môn nghiệp tâm hay định tâm mình. Khi tâm yên tĩnh và sinh động thì sự vật bên ngoài và bên trong trở nên rõ ràng hơn. Mây mù tan đi, con mắt huệ trở lại sáng tỏ. Tâm mình tĩnh có thể giúp tâm người tĩnh. Thiền định ba-la-mật nếu có được sự trợ giúp của các ba-la-mật kia, trở nên dễ đạt hơn. Sự thực, khi một hành giả thiền định thì nó đã tiềm ẩn các ba-la-mật kia rồi. Hơn nữa, nếu được thực hành đúng, các ba-la-mật có thể hỗ trợ lẫn nhau, đưa hành giả đến giác ngộ nhanh hơn. Đây là pháp môn hướng đến giác ngộ vô thượng túc thấy tánh thành Phật. Như vậy thiền định ba-la-mật cũng là một tảng đá móng góp vào xây dựng hạnh phúc lâu dài của chúng sinh trong ba cõi.

Thé nào gọi là bát-nhã ba-la-mật? Mục đích bát-nhã ba-la-mật là gì? Bát-nhã là phiên âm từ tiếng Phạn “Prajñā” có nghĩa “trí tuệ” “trí huệ”, và ba-la-mật từ chữ Phạn “paramita” có nghĩa là “sang bờ kia”. Như vậy Bát-nhã ba-la-mật, nói chung, có nghĩa là “trí tuệ sang bờ kia”. Đây là nghĩa theo từ nguyên. Trong Kinh này, chúng

ta thấy bát-nhã ba-la-mật đứng đầu tất cả sáu ba-la-mật, là con mắt thấy và người dẫn đường của năm ba-la-mật kia, hiểu rõ năm ba-la-mật kia, và luôn có ưu thế đối với năm ba-la-mật kia. Trong Kinh này cũng như các kinh khác thuộc văn hệ Bát-nhã như *Kinh Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa* hay *Kinh Kim Cương*, v.v..., đều nói Bát-nhã ba-la-mật là Mẹ, là người sinh ra chư Phật, là người dạy chư Phật biết thế giới này. Rồi khi chư Phật đã biết thế giới này, các Ngài liền theo đó chỉ bày cho chúng sinh thấy và biết thế giới này là không, là rỗng không để chúng sinh thôi bám vào đó và được giải thoát khỏi các khổ. Theo đuổi và thực hành bát-nhã ba-la-mật là để đạt nhất thiết trí và nhất thiết chủng trí của chư Phật, tức là cảnh giới Chánh đẳng Chánh giác, trở thành bậc Chánh Biến Tri hay bậc Toàn Tri Toàn Giác, tức là quả. Theo đuổi và thực hành bát-nhã ba-la-mật các bước như thế nào, xin mời độc giả và hành giả xem lời Phật và các đại Đệ tử của Ngài dạy trong Kinh.

Trong khi dịch, chúng tôi có tham khảo bản dịch tiếng Việt của Hòa thượng Thích Trí Tịnh từ bản chữ Hán của Pháp sư Cưu-ma-la-thập, tức Kinh *Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa*. Và theo cách gọi truyền thống thì Kinh *Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa* là *Đại Bát-nhã* và Kinh *Kim Cương Bát-nhã Ba-la-mật-đa* là *Tiểu Bát-nhã* thì *Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tám Ngàn Câu* này là *Trung Bát-nhã* vậy. Sở sỉ có cách gọi này là do cách xếp loại theo độ dài của mỗi kinh.

Tuy đã cố gắng rất nhiều nhưng chắc vẫn còn nhiều sai sót, mong các bậc cao minh rộng lượng chỉ bảo cho.

Xin đa tạ.

Frederick, đầu Xuân 2019
Đỗ Đình Đồng

Lời Nói Đầu của Dịch giả bản tiếng Anh

Hai Phiên Bản

Trong tập sách này độc giả sẽ thấy cùng một bản văn được trình bày trong hai phiên bản, một lần bằng kệ và một lần bằng văn xuôi. Đối với các Kinh Đại Thừa đó là một quá trình hoàn toàn bình thường. Nói chung các phiên bản bằng kệ có sớm hơn, và trong tất cả các trường hợp chúng được duyệt lại ít hơn các phiên bản bằng văn xuôi. Lý do kệ thì bằng tiếng địa phương, văn xuôi nói chung bằng tiếng Phạn (Sanskrit) đúng luật. Ngày nay tiếng địa phương được biết như là “tiếng Phạn Lai của Phật giáo” (Buddhist Hybrid Sanskrit), một từ do Giáo sư F. Edgerton, người đầu tiên dùng nó khi biên soạn ngữ pháp và từ điển về nó. Kệ thì thường khó kiến tạo, và đòi hỏi sự so sánh chặt chẽ với các bản dịch tiếng Tây Tạng phản ánh cách biệt làm thế nào của các học giả (pandits) Ấn Độ ở thế kỷ mười chín. Song nên xem phần lớn bản dịch của tôi đáng tin cậy, và chỉ có những nghi ngờ nghiêm trọng về lời dịch ở I 7, II 13, và XX 13, không có sự thảo luận nào với các học giả thân hữu đánh tan.

Bảo Hạnh (The Ratnaguna)

Hình thức kệ của Kinh (Sutra) này được truyền xuống đến chúng ta với cái tên *Prajñāpāramitā-Ratnaguṇasamcayagāthā* (viết tắt *Rgs*) gồm 302 “Câu Kệ Bảo Hạnh Tạng Bát-nhã Ba-la-mật-đa,” phẩm hạnh là, như bản dịch Hán ngữ thêm, “những phẩm hạnh của ‘Mẹ chư Phật.’” Bản văn chỉ có được nhan đề này khá trễ theo lịch sử của nó, theo đối chiếu nó chỉ xảy ra ở XXIX 3 (*idam guṇasamcayānām*) và ở XXVII 6 (*ayu vihāra guṇe ratānām*), tức là ở các phần cuối của bản văn. Nhưng Haribhadra, người hiệu đính, không tạo nó từ những ám chỉ này bởi vì hai bài kệ của nó được

Nguyệt Xứng (Candrakirti, khoảng năm 600) trích dẫn trong quyển *Ārya-Saṃcayagāthā*.

Không may, bản văn hiện tại của chúng ta không phải là bản văn nguyên tác. Nó đã bị sửa chữa lộn xộn vào thế kỷ thứ tám, dưới triều đại Pala Phật giáo, lúc ấy trị vì Bihar, Haribhadra, đại chuyên gia về Bát-nhã-ba-la-mật-đa, hoặc đã sắp xếp lại các bài kệ, hoặc có lẽ, chỉ chia thành các chương. Đáng tiếc các dịch giả Trung Hoa cũng không có được bản văn nguyên tác và chỉ tạo được một bản dịch trễ và không đáng tin cậy lăm từ bản duyệt lại của Haribhadra vào năm 1001 sau C. N. Nhưng chính các bài kệ, khác với sự sắp xếp của chúng, không thể thay đổi được nhiều bởi vì ngôn ngữ cổ và vận luật của chúng chống lại những thay đổi nền tảng. Mặc dù sức lôi cuốn chút ít của bài thơ bốc hơi trong lời dịch, nhưng nó đến như là một lời tuyên bố của con người và quan hệ đến sinh mạng của Phật giáo Đại thừa giai đoạn đầu, đơn giản và thẳng thắn, cốt túy và trực tiếp. Không phải không tự nhiên, *Bảo Hạnh* (Ratnaguna) vẫn rất phổ biến ở Tây Tạng, người ta thường thấy nó liên kết với hai tác phẩm khác có tính cách khuyến thiện, “Những Lời Nguyện của Phổ Hiền” và “Tụng Văn Thủ Sư Lợi Đạo Hạnh” (The Recitation of Manjusri’s Attributes).

Theo tôi thấy 41 bài kệ của hai chương đầu tạo nên Bát-nhã-ba-la-mật-đa nguyên tác có thể trở về đến năm 100 trước C.N. mà tất cả những cái khác là những cái trau chuốt. Tôi đã đưa ra một giám định có phân tích ở một chỗ khác. Các chương này tạo thành một bản văn duy nhất là sự tái xuất hiện liên tục của điệp khúc “và đó là thực hành bát-nhã ba-la-mật” (*eshā sa prajña-vara-pāramitāya caryā*) giữ lại với nhau và kết thúc bằng một kết luận thích hợp ở câu II 13. Sự thật nhan đề của tài liệu nguyên bản có thể là “hành (*carya*) Bát-nhã Ba-la-mật-đa,” y như ở Trung Hoa, bản văn Bát-nhã Ba-la-mật-đa đầu tiên là *Tao-hsing* (Đạo hành), “hành Đạo,” trong một tập nhỏ (fascicle) và như trong ba bản dịch đầu tiên của Trung Hoa chương thứ nhất gọi là “hành (Đạo),” không phải, như bây giờ, “tu tập nhất thiết chủng trí.”

Ở đầu kia có 52 bài kệ không có sự giống nhau nào cả với *Tám Ngàn Câu* (Ashta). Vì chính chúng là một luận tách rời, theo trật tự đảo ngược, bàn về năm ba-la-mật dẫn đến bát-nhã ba-la-mật, và là phụ lục cho *Bảo Hạnh* (Rgs) hiện hữu, như vậy đem tổng số chương từ 28 đến 32. Phần còn lại, 33 bài kệ nữa của *Bảo Hạnh* không có mặt trong *Tám Ngàn Câu* (Ashta). Chúng liên hệ phần lớn là những ví dụ.

Đặc biệt thích thú là những ví dụ ở Chương XX bàn về chủ đề theo sau đặc biệt sâu xa khó hiểu: Nó là một trong những nét phân biệt nhất của một “Bồ-tát” rằng ngài có thể hoãn sự nhập Niết-bàn của mình để trợ giúp chúng sinh. Về mặt kỹ thuật, điều này được diễn đạt bằng cách nói rằng “ngài không nhận thức Biên tế của Thực tại (*bhūta-koti*). Đã có lúc, “Biên tế của Thực tại” là một trong những từ đồng nghĩa tối nghĩa hơn của “Niết-bàn,” nhưng bây giờ vì do sự thay đổi nghĩa nó trở thành đồng nhất với Niết-bàn của A-la-hán trong Tiểu thừa thấp kém khi phân biệt với Niết-bàn viên mãn và cứu cánh của một vị Phật. Truyền thống cũng đã biết “ba cửa giải thoát” – không, vô tướng, và vô nguyện – là ba loại thiền định đưa thẳng đến Niết-bàn. Chương XX bây giờ cố gắng giải thích (các câu 370-81 trong ngoặc mộc) làm sao người ta có thể tu tập những điều này mà không có tác dụng phụ không thể ham muốn của người từ bỏ thế gian bằng cách biến mất vào Niết-bàn Tiểu thừa căn bản là vị kỷ. Đa số độc giả sẽ thấy những ví dụ của *Bảo Hạnh* (Rgs) thuyết phục hơn sự hợp lý bề ngoài của *Tám Ngàn Câu* (Ashta).

Mặt khác, những mảnh miếng lớn của *Tám Ngàn Câu* không có trình bày trong *Bảo Hạnh*. Áng chừng chúng chiếm khoảng 240 câu trong số 529 câu. Lý do tại sao chúng thất lạc không phải lúc nào cũng rõ ràng. Hiển nhiên là một số vắng mặt bởi vì chúng đã được thêm vào Kinh sau khi *Bảo Hạnh* hoàn thành. Như tôi đã gợi ý ở chỗ khác, đó là các chương từ XXIX đến chương XXXII, cũng như phần lớn của các chương XIII, XIX, đến chương XXVIII, và v.v... Những cái khác có thể do không có sự co giãn của trí tưởng tượng tùy thuộc vào cách xử lý có tính cách thi ca, như là những

cuộc thử thăm dò cái tâm Biết Tất Cả ở chương XII, những tạp văn ký sự không thay đổi về Chân Như ở chương XVI, hay đôi khi những liệt kê bằng văn xuôi những hành vi ác của Ma vương (Mara) ở các chương XI, XVII 328-32, và XXIV 416-21. Cũng hoàn toàn có thể là một vài phần của *Bảo Hạnh* có trễ hơn bản văn xuôi *Tám Ngàn Câu* và các tác giả của chúng không nhằm tái sản xuất tất cả mọi điểm tranh luận, từng bước, mà bằng lòng nhất lấy một câu ở chỗ này hay chỗ kia.

Tám Ngàn Câu (The Ashta)

Bây giờ đến chính Kinh. Đầu tiên là nhan đề của nó. *Asṭasāhasrikā Prajñāpāramitā* (viết tắt là *Ashta* hay *A*) có nghĩa là “Bát-nhã-ba-la-mật-đa trong Tám Ngàn Câu,” hay *śloka* (thi tiết hay câu thơ hoặc câu kệ). Chữ *Śloka* dùng để chỉ một đơn vị 32 âm tiết (syllable). Thủ bản Cambridge Add 866 năm 1008 sau C.N. cho con số *śloka* thực tế sau mỗi chương, và cộng lại với nhau một cách chính xác là 8.411. Những người theo đạo có khuynh hướng qui các thánh thư của họ cho sự hưng khởi của thần linh, và họ không thích nghĩ chúng như là sự tiếp nối những lời nói có tính cách lịch sử do những người có thể sai lầm nói ra. Những tín đồ trung thành ở Ấn Độ và thế giới Phật giáo thông thường giả định rằng tất cả các Kinh Bát-nhã-ba-la-mật-đa đều là lời của Phật, được tóm lược ít nhiều theo cái hiểu của những người với nhiệt tâm và sự trưởng thành tinh thần của họ. Cái [Kinh] đầu tiên là 8.000 câu, hay đúng hơn là cái đến trước. Rồi nó được mở rộng thành 10.000, 18,000, 25,000 và 100,000 câu (*śloka*); và sau đó nó được rút lại thành 2,500, 700, 500, 300 (*Kinh Kim Cương*), 150 và 25 (*Tâm Kinh*), và cuối cùng thành một âm tiết (“A”). Tất cả đều không có tên và có niên đại khoảng giữa các năm 50 và 700 sau C.N.

Trong ngôn ngữ của nó, Kinh này hầu như là Phạn ngữ thuần túy. Niên đại sáng tác có thể bao hàm một khoảng thời gian nào đó với các bản dịch của Trung Hoa. Đầu tiên là “Kinh bát-nhã-ba-la-mật-đa về Hành Đạo” của Lokakshema vào năm 179 sau C.N. Vào

thời đó, “*kinh* đã mang lấy công thức căn bản duy trì trong Phạn ngữ, và không một chương nào hoàn toàn bị bỏ ra ngoài.” Nhưng ngay cả khi điều đó phát triển qua một hay hai thế kỷ bởi vì nó chứa nhiều phân đoạn bị bỏ đi trong *Bảo Hạnh* (*Ratnaguna*) phản ánh trạng thái sớm hơn của bản văn mà ngay cả phiên bản của Lokakshema cũng từ đó mà ra. Sau Lokakshema chúng ta có thể theo dõi sự phát triển thêm và những thay đổi của bản văn ở Trung Hoa qua tám thế kỷ. Bản văn Phạn ngữ hiện thời mà chúng tôi dịch ở đây là bản văn của các thủ bản Pala có niên đại giữa các năm 1000 và 1150 sau C.N. Chúng được xác định bởi bản dịch tiếng Tây Tạng (khoảng năm 850 sau C.N.) và phù hợp chặt chẽ với bản dịch tiếng Trung Hoa vào năm 985 sau C.N. của Danapala, và phù hợp đến một độ nào đó với một trong những bản dịch của Huyền Trang (Taisho 220 [4], khoảng năm 650 sau C.N.). Thực tế nỗ lực nhiều như thế đã được công hiến cho bộ kinh rất được tôn kính này mà bản văn của nó được thiết lập một cách khéo léo phi thường. Từ Ấn Độ chúng ta có những thủ bản xưa hơn bất kỳ một kinh Đại thừa nào khác. Ở Trung Hoa “nó là bản văn triết lý đầu tiên được dịch từ văn học Đại thừa sang tiếng Trung Hoa” và nó đã được dịch không ít hơn bảy lần. Lời cuối sách của bản dịch tiếng Tây Tạng trong Kanjur (Kinh tạng) cho thấy sự chăm sóc nó một cách ngoại lệ qua các thế kỷ bởi một vài cái tên vĩ đại nhất của các học giả Tây Tạng: – nó được dịch đầu tiên vào khoảng năm 850; rồi vào năm 1020; rồi được đổi chiêu với nhiều thủ bản và bình luận của Ấn Độ, và được duyệt lại vào các năm 1030, 1075 và 1500.

Những Người Nói [Kinh]

Các Kinh của Đại thừa là những cuộc đối thoại. Người ta phải biết những qui ước ở phía sau sự trình bày của chúng, bởi vì những gì là vấn đề không chỉ là những gì được nói mà còn là ai nói. Trước tiên có ba trong những người được biết nhiều nhất trong các “đệ tử” của đức Phật lịch sử, thuật ngữ gọi là “*thanh văn*” (*śrāvaka*, từ ngữ căn *sru* có nghĩa là nghe), bởi vì các ngài ấy nghe giáo pháp trực

tiếp từ miệng Phật. Các ngài ấy là Tu-bồ-đề (Subhūti), Xá-lợi-phát (Sariputra), và A-nan-đa (Ananda).

Mà ngài Tu-bồ-đề nói ấy là chính đức Phật nói qua ngài ấy. Ngài Tu-bồ-đề là một trong “tám mươi đại đệ tử” của truyền thống Trưởng Lão, là người xuất sắc vì sự tu tập tâm từ, hay lòng từ ái của ngài ấy. Trong Phật giáo xưa kia, *lòng từ* (maitrī) là một đức hạnh thứ yếu và tùy thuộc. Bây giờ nó mang tính cách Đại thừa nên đặt vị đại biểu của nó ở trên tất cả các đệ tử khác. Thêm nữa, Tu-bồ-đề đã được ca tụng vì ngài ấy là “đệ nhất trong những người An trụ,” (một cách thức ám chỉ ngài ấy tránh tất cả mọi xung đột bằng cách không tranh cãi gì cả,) và cũng vì tu tập quán các pháp là không. Ngài ấy là kênh chính qua đó sự hưng khởi của đức Phật truyền xuống. Thuyết ấy được tuyên bố rõ ràng trong *Bảo Hạnh* ở I 2-4 (= *Tám Ngàn Câu* I 4), và cũng trong *Tám Ngàn Câu* ở I 25, II 44. Ấy là Phật lực (*anubhāva*), “năng lực duy trì” của ngài (*adhiṣṭhāna*), hay như chúng ta có thể nói, “ân huệ” của ngài dẫn đến sự hiển lộ chánh pháp, hoặc qua lời nói của riêng ngài hay qua những người được khởi hưng như là miệng ngài. Đến lượt những người này có được lối vào sự tiết lộ do đời sống thánh thiện (phạm hạnh) và những tu tập tinh thần và thiền định của họ. Và trong Kinh này, Tu-bồ-đề là người quan trọng nhất trong những người đó.

Mặt khác, ngài Xá-lợi-phát (*Sāriputra*) là đệ nhất trí tuệ trong hàng Trưởng lão. “Trí tuệ” ở đây là một từ chỉ “*A-tì-đạt-ma*” (*Abhidharma*) đã phát triển trong cộng đồng tăng-già khoảng ba thế kỷ sau khi Phật diệt độ. *A-tì-đạt-ma*, hay “thắng pháp,” là một hệ thống thiền định phân tích và xếp loại tất cả các quá trình và sự việc xảy ra trong thế giới duyên khởi có thể được cho là ảnh hưởng đến sự cứu độ. Bị điều này ám ảnh, Xá-lợi-phát bây giờ được miêu tả như là một người mù đối với Một Chân Lý Tối Hậu, người không có các căn, bỏ đi dự kiến của mình với sự tạp đà và nhị nguyên, và đối diện với nhất thể không dị biệt của tánh không. Đó chính là nội kiến của ngài ấy đối với sự vắng mặt của ngã trong tất cả các pháp duyên khởi bây giờ ngăn ngài ấy không hiểu sự liên hệ của ngã với Chân Như Tuyệt Đối (như ở VIII 178-88 của *Tám Ngàn Câu*). Đó là sự

biện hộ về một cái thấy kém hơn mà ngài ấy hỏi những câu hỏi thường rối rắm của mình, và ngài ấy không còn là vị “Phật thứ nhì” của truyền thống cổ cũng đã biết ngài ấy như là vị “thống soái của đạo tràng,” và về ngài ấy người ta nói rằng “đúng là trưởng tử của một chuyền luân thánh vương như cha của ngài ấy đã làm, như vậy ông, Xá-lợi-phất, hãy chuyền bánh xe Pháp vô thượng (tức là dạy) một cách toàn hảo như ta làm.”¹

Ngài *A-nan-đà* (Ananda) nói tám lần. Ngài ấy là thị giả riêng của đức Phật trong ba mươi năm, và sự sùng mộ của ngài ấy đối với con người của đức Phật đã là một ngạn ngữ. Ngài ấy đã nghe tất cả những bài pháp của Phật. Kết quả ngài ấy được biết như là “người giữ kho tàng Pháp,” và có điều thật kỳ diệu về trí nhớ dai của ngài ấy và “người ta nói rằng ngài ấy có thể nhớ không sót một âm tiết trong 60.000 câu do đức Phật nói ra và ngài ấy có thể nói tám chữ khi một người thường nói một chữ.” Trong danh sách “các đại đệ tử,” ngài ấy là người đệ nhất học nhiều (nghĩa đen: nghe nhiều, *bahu-śruta*). Ngài ấy cũng nổi tiếng vì đã tụng trước 499 vị A-la-hán tại “hội nghị” lần thứ nhất ở thành Vương xá (Rajagriha), xảy ra một năm sau khi Phật diệt độ, tất cả các Kinh, hay bản văn nói về Pháp, trong khi ngài *Ưu-pa-li* (Upali) tụng các bản văn về Giới luật (Vinaya), tức là kỷ luật của tu viện. Trong *Tám Ngàn Câu* (Ashta) có hai dịp ngài *A-nan-đà* chứng thực Kinh Bát-nhã-ba-la-mật-đa được đức Phật đặc biệt trao phó cho mình.

Thêm vào đây, ba đệ tử khác có ngài Phú-lâu-na (*Pūrṇa*) trong *Tám Ngàn Câu* ở I 20, 24, II 40 và XVI 319. Các nhân vật kịch (*dramatis personae*) khác là ngài Di-lặc (Maitreya), vị Phật vị lai, và Thích-đè (Sakra), hay Thích Đè Hoàn Nhân.

Ngài *Di-lặc* nói hai lần – ở VI 135-54 và XIX 359-60. Lần thứ nhất ngài ấy giải thích một vấn đề siêu hình quá tối nghĩa về sự chuyền công đức, và lần thứ nhì khi ngài ấy được nài nĩ làm chứng vì ngài ấy đã có sẵn kinh nghiệm trực tiếp vấn đề.

Sự xử lý của Phật giáo về các thần (deva) của bà-la-môn được quản theo hai cách: – một là nhân mạnh sự thấp kém của các thần

¹ *Samyutta Nikaya* viii 7.

này trong mọi cách so với đức Phật, và mặt khác là thuyết phục rằng về mặt lý trí họ không đặt biệt súng sủa, kết quả họ sống với nhau quá hạnh phúc và trường thọ. Họ là bản sao của “những người bất tử” của Hy Lạp, và có 27 loại, phân bùa trong “ba giới”: sáu ở dục giới, mười bảy ở sắc giới và bốn ở vô sắc giới. Các thần hiện hình trong các Kinh là những thần ở dục giới, những ưa thích nhục dục và ngay cả những ẩn ức tình dục khiến họ cảm thấy sự gần gũi nào đó với loài người. Thấp nhất là “Bốn Đại Thiên Vương” hay “Những Thần Hộ Vệ Thế Gian,” và thấp thứ nhì là “các thần ở cõi trời Ba mươi ba,” và thần cai quản là Đề-thích, vị thần chiến tranh xưa của những người Aryan xâm lược, mà trong các bản văn Phật giáo, thần này thường được gọi là *Thích-đề* (Śraka), chúa tể của các thần (*devānām indira*), và thường được nói đến như là *Kiều-thi-ca* (Kauśika) bởi vì thần là thần thủ hộ bộ tộc bà-la-môn Kuśika. Thần và đoàn tùy tùng sống trên đỉnh núi Tu-di (Sumeru), ở một nơi gọi là Vaijayanta (XI 236-37) từ đó các thần có thể khước từ sự xâm nhập kẻ thù dị giáo của họ, các A-tu-la (III 72), và ở đó có một sảnh đường hội họp khổng lồ gọi là Sudharmā (*Tám Ngàn Câu*, IV 94-95) và bao quanh là những công viên, những cây thần kỳ, và những con voi kỳ diệu. Ở cõi trời này mẹ của Phật đã được tái sinh trong một lần, và Phật đã lên đó để giảng A-tì-đạt-ma cho mẹ ngài. Thích-đề là người đối thoại rất thường xuyên trong các Kinh Phật giáo tất cả mọi loại, nhưng thần ý thức tinh tế về những khuyết điểm có tính cách lý trí của mình. Ở *Tám Ngàn Câu* (XXIII 415), thần thừa nhận rằng “Tôi hoàn toàn không thể nói được điều gì liên quan đến chủ đề của các vị Bồ-tát.” Bởi vì khi thần nói nghĩa mình nói là như thế và khi được Phật khởi hứng (*Tám Ngàn Câu*, XXIII 414, XXVI 438), nhưng thần rất thường xuyên phản ánh sự bối rối của những người chưa tiến bộ xa lắm.

Sự Liên Hệ với Văn Học Có Trước

Trong chính câu đầu tiên, bản văn tuyên bố là một Kinh theo kiểu truyền thống. “Như vậy tôi nghe một thời” – chữ “tôi” ở đây

là A-nan-đà, người được cho là đã tụng lại Kinh này chẳng bao lâu sau khi Phật nhập Niết-bàn. Dĩ nhiên đó là chuyện tưởng tượng sùng đạo đã không ngăn những người khác khỏi quở trách các tác giả của những Kinh này vì họ chỉ là những “thi sĩ.” Đây là ám chỉ câu nói nổi tiếng trong các kinh của những trường phái cũ tương phản với sự bịa đặt mới “các thi sĩ” hay “các tiểu thuyết gia” như chúng ta có thể nói, với “các Kinh do chính Như Lai đã dạy, ý nghĩa thâm sâu, siêu thế gian, với tánh không làm thông điệp.” Người ta nói bối cảnh của các bài pháp là gần thành Vương xá (Rajagriha), trên núi Linh Thíru, Gṛdhraकūṭa-parvata, một khu vực đặc biệt hoang vắng, toàn bộ là đá và không khí rỗng không. Vả lại địa phương này rõ ràng không có lịch sử. Các trường phái hiện đại vẫn không đồng ý về nơi phát sinh của *Bát-nhã-ba-la-mật-đa*. Một vài người tìm nó ở Nam Dravidian, một vài người tìm ở phía Tây bắc, và một vài người tìm ở Decan. Nhưng không ai tìm nó trên Ngọn Linh Thíru ở Magadha (Ma-kiệt-đà), miền đất trung tâm của chế độ tôn giáo cũ.

Những trích dẫn trực tiếp từ những kinh có trước thì rất hiếm. Có tầm quan trọng lớn là một trích dẫn trong *Tám Ngàn Câu*, I 8-9 (= *Bảo Hạnh* I 7) nói về du sĩ Śrenika (Tiên Ni). Nó cung cấp cho chúng ta mắt xích kết nối sự tiết lộ mới với sự tiết lộ cũ, và cho thấy rằng Bát-nhã-ba-la-mật-đa tiếp tục một truyền thống bên trong cộng đồng có nghĩa là để lại chỗ cho Chân Như Tuyệt Đối nơi con người, và xem sự truy cầu là một cuộc săn tìm chân ngã, và là một cố gắng chứng ngộ, hay khải thị, Như Lai trong tâm mình. Hai trích dẫn nữa thì không dấu vết, nhưng phần lớn trở về với các kinh của Trưởng Lão bộ. Chúng xuất hiện trong *Tám Ngàn Câu*, ở XI 246 và XII 256. Trích dẫn thứ ba, ở IV 94, về Pháp thân, hiển nhiên là một sự thêm vào bản văn về sau này và phải đối chiếu với một kinh Đại thừa nào đó. Trong các trường hợp khác, chúng tôi không chắc rằng chúng tôi phải nói đến những trích dẫn từ văn học thực tế của Trưởng Lão bộ, hay chỉ với những chỗ thông thường được áp ủ trong giới Đại thừa.

Những ngữ cú truyền thống đóng vai trò phần lớn trong văn học khäu truyền, chẳng hạn, những ngữ cú rập khuôn tính ra khoảng một phần ba tổng số mà Etienne Lamotte đã góp nhặt được một số những ngữ cú như thế, và tôi dùng cơ hội này để lôi kéo sự chú ý tới một số nữa. Đa số chúng là những ngữ cú đồng nghĩa mà thường khó tái tạo trong Anh ngữ, nhưng vào lúc đó chúng được đánh giá cao vì cung cấp một mì vị truyền thống cho những người quen thuộc với các Kinh Nikāya và A-hàm và là những cách phát biểu có nghiên cứu kỹ lưỡng những ý tưởng như “dũng cảm,” “vô úy,” “thờ phụng,” hay “học,” hay những công thức cho những món quà cồng kềnh hay những trận động đất, v.v...

Hơn nữa, *những nhân vật thần thoại* là những nhân vật của các Kinh cũ của Trưởng Lão bộ: – tức là, bốn Thần Bảo Hộ Thé Gian (II 33, XXIII 414), Thích-đè và tùy tùng của thần (xem ở trên), và các thần ở Đâu-suất (Tushita) (XIV 285, XXVIII 459); Di-lặc (cũng ở VIII 199, IX 200, XIV 28, XXXII 529) và Nhiên Đăng (Dipankara) (II 48, XIX 368-69), Ma vương (Mara) và nhóm của y (III 9), dạ-xoa (yashas) (II 38) và nhiều loại thần khác nhau từ đền thờ vạn thần của Ấn-độ giáo. Và Kim Cương Thủ (Vajrapani) ở câu XVII 333 là đại dạ-xoa “với lưỡi tầm sét trong tay” là một loại thần bảo vệ của đức Phật và quen thuộc đối với chúng ta từ những hình tượng điêu khắc và đắp nổi như là người theo Phật để quấy rầy những người tâm bị phân tán của ngài bằng chiếc chày kim cương (vajra); nhưng thần không phải là vị Bồ-tát Đại thừa có cùng tên thuộc gia đình Như Lai A-súc (Akshobhya: Bất Động) là những trao phó sau này, và như vậy những thần ấy thuộc về câu chuyện Tất-đà-ba-luân (Sadāprarudita) (ví dụ XXX 481). Cũng như những ám chỉ có *tính cách lịch sử* và *địa lý* tất cả đều chỉ những thứ quen thuộc từ các kinh của Trưởng Lão bộ: – các vua Tân-bà-sa-la (Bimbisara) và Ba-tư-nặc (Prasenajit) và các bộ tộc Licchavi và Sakya (III 78); các đại đệ tử ở II 40; thị trấn Dipavatti (II 48) cũng như châu Diêm-phù-đè (Jambudhvipa) và núi Tu-di (Sumeru).

Các Đề Mục và Cách Xử Lý

Sự giám định các đề mục chính đã được cho trong phần Phụ Lục. Dĩ nhiên, nên nhớ rằng các nội dung của Kinh không có cùng niên đại. Chẳng hạn có rất trễ là các chương XXX và XXXI mà thực ra là một câu chuyện nêu gương đạo đức (*avadāna*) nhét vào ở cuối chuyện. Huyền Trang (Hsüan-tsang, 650 sau C.N.) đã loại bỏ nó trọn vẹn khỏi *Tám Ngàn Câu* và cho nó vào phụ lục của phiên bản 100.000 câu. Câu chuyện này trải qua thời gian đã bị biến đổi rất nhiều hơn bất cứ phần nào của Kinh. Thực tế, những sự sắp xếp lại và những nhồi nhét thuyết giảng xảy ra đã làm tối nghĩa chủ ý nguyên tác của câu chuyện [Bồ-tát] Hay Khóc, làm hỏng một cách nghiêm trọng sự trong sáng và diễn biến, và phá hủy nhiều giá trị văn chương và phẩm chất bi tráng của nó. Trong các phiên bản sớm hơn, đơn giản là câu chuyện về cuộc hành trình có tính biểu tượng của vị Bồ-tát tìm Bát-nhã-ba-la-mật-đa, và Hay Khóc là một hình ảnh thánh anh hùng kiểu mẫu thuộc loại mà Joseph Campell đã có thể miêu tả trong quyển *Hero with a Thousand Faces* [Anh Hùng Ngàn Mặt] (1949) của ông – theo sau một cú “Gọi” là một cuộc hành trình, một cuộc đánh nhau với kẻ thù rất nhiều quyền lực, những trợ giúp từ những tác nhân siêu nhiên và những hình ảnh nữ nhân, và cuối cùng, sự truy cầu anh hùng hoàn tất, ông ta thâm nhập, có những người tùy tùng đi theo, đến nguồn trí tuệ và trở về với bối cảnh của mình.

Nhưng ngay cả trong những phần giáo lý trang nghiêm hơn cũng có nhiều phát triển. Chỉ ra một cách ngắn gọn một vài tiêu chuẩn cho người ta khám phá những lưu truyền về sau trong Bát-nhã-ba-la-mật-đa có thể là hữu dụng. Những gì chúng tôi tìm thấy trong các tầng lớp sau này là 1) sự gia tăng bộ phái, với tất cả thù hận, chửi mắng, và những cuộc bút chiến, mà nó ám chỉ; 2) gia tăng tính cách học giả và sự nhồi nhét càng lúc càng dài hơn các liệt kê Thắng pháp (Abhidharma); 3) phát triển nhấn mạnh về kỹ năng kỹ xảo, và về những phụ trợ như Lời Nguyện của Bồ-tát và bốn phương tiện cải hóa (bốn nghiệp pháp), và những diễn biến luận lý của nó, như phân biệt giữa chân lý tạm thời và tối hậu; 4) gia tăng quan tâm về

Phật giáo tín ngưỡng, với những vị Phật và Bồ-tát cõi trời và các cõi Phật; 5) một khuynh hướng dài dòng văn tự, lặp đi lặp lại và trau chuốt; 6) những thương tiếc về sự suy đồi của Pháp (Dharma); 7) sự phơi bày ẩn nghĩa càng lúc càng thường xuyên hơn khiến cho nghĩa của nguyên tác càng lúc càng trở nên u tối; 8) bát cứ ám chỉ nào về Pháp thân của Phật cũng khác biệt với một hạn từ chỉ sự kết tập những giáo lý của ngài; 9) một giáo lý càng lúc càng nhiều chi tiết về các địa (*bhumi*) trong sự nghiệp của một Bồ-tát.

Bản dịch Anh ngữ

Bản dịch *The Perfection of Wisdom in Eight Thousand Lines* (Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tám Ngàn Câu) này hoàn tất vào năm 1951, và được hội Asiatic Society ở Calcutta xuất bản lần đầu tiên vào năm 1958, số 284, hay 1578 trong *Bibliotheca Indica*. (Người ta nói nó đã được in lại vào năm 1970, nhưng không một bản in lại nào đến tay tôi). Nhiều đính chính đã được đưa vào trong ấn bản hiện tại này. [Độc giả] có thể thấy các chủ ý của tôi trong Lời Nói Đầu đầu tiên mà tôi cho in lại ở đây.

“Đọc một bản trực dịch, chữ đối chữ, của Bát-nhã Ba-la-mật-đa thì chán, và thực tế không ai có thể hiểu được nếu không có nguyên tác Phạn ngữ ở ngay trước mặt. Nếu từng có trường hợp nào văn tự giết chết tinh thần, thì đây là trường hợp đó. Kinh có nghĩa là để nhớ, bản dịch có nghĩa là để đọc. Những sự lặp đi lặp lại dài câu, những ngữ cú rập khuôn, và sự chồng chất những từ đồng nghĩa là sự trợ giúp to lớn cho trí nhớ, nhưng chúng gây khó chịu và làm phân tâm độc giả hiện đại, và làm tối nghĩa bản văn. Bản dịch này nhằm mục đích đem lại nghĩa của Kinh, thường với sự trợ giúp từ lời bình luận của Haribhadra, và nó vừa gần gũi với bản văn vừa có thể hiểu được. Sự tái tạo các qui ước văn chương và những đặc biệt của bút pháp trong việc chọn lựa cách diễn đạt của Phạn ngữ Phật giáo không phải là một trong các mục đích của tôi. Nó chỉ có chút ít, hay không có gì cả, giá trị đối với các học giả, và làm bối rối những độc giả phổ thông.”

Trong một đoạn văn, ví dụ ở XII 256-72, sự tìm hiểu làm sao Phật biết tâm của chúng sinh thì hoàn toàn không thể hiểu được trong Kinh văn. Vì thế, tôi tự do thêm vào những lời bình từ *Abhisamayālaṅkārāloka* (Hiện Chứng Trang Nghiêm Luận Thích) của Haribhardra.

Về các chữ viết tắt, “v.v...” hoặc chỉ sự liệt kê các pháp hoặc những thứ khác, hoặc một dãy các từ đồng nghĩa. “Sắc, v.v...” có nghĩa là “sắc, thọ, tưởng, hành và thức,” và có thể dịch hay hơn là “nǎm uǎn”. Ở XX 376, 378 “tín, v.v...” ám chỉ năm đức hạnh chính, ví dụ tin, tinh tấn, niệm, định và tuệ; cũng như ở XX 378 “tù, v.v...” chỉ bốn tâm vô lượng “tù, bi, hỷ, và xả. Ở III 62 “hoa, v.v...” ám chỉ sự liệt kê các vật bố thí như thấy ở III 57; và “nhận lấy”, v.v...” ở III 56 đã nói đầy đủ ở XXII 398 và ở chỗ khác. “Tên, v.v...” ở XXVII 449, 452 thay cho “tên, bộ tộc, quyền lực, hình và tướng,” như ở XXVII 49. Ở II 35 ba đoạn “v.v..., cho đến khi chúng ta đến” là những phần của nguyên văn, trong khi “v.v..., đến” là của riêng tôi. Tôi rõ ràng cả quyết rằng độc giả sẽ xem bản văn Phạn ngữ.

Bản dịch *Verses on the Perfection of Wisdom* (Những Bài Kê về Bát-nhã Ba-la-mật-đa) của tôi đặt căn bản trên bản văn *Ratguna* (Bảo Hạnh) (*Bibliotheca Buddhica*) của E. Obermiller, như đã được tôi đính chính trên *Indo-Iranian Reprint* (V, 1960) và trong *Indio-Iranian Journal* IV, 1960, các trang 37-48, của Giáo sư E. Edgerton trong *Indio-Iranian V*, 1961, các trang 1-18 và của T.s. R. O. Meisezal trong *Oriens* 17, 1964, 289-301. Tôi đã thêm đầu đề cho các đoạn, nhưng độc giả nên nhớ rằng chúng không tạo thành bất cứ phần nào cho bản văn. Lời dịch hai chương đầu tiên xuất hiện trong tạp chí *The Middle Way* (Trung Đạo) XXXII 4, 1958, các trang 136-41, và tôi đã theo một thứ văn điệu cho nó. Toàn bộ phần còn lại là trực dịch, và nói chung sự phân chia các câu tương ứng với sự phân chia của nguyên tác. Toàn bộ bản dịch được hội International Academy of Indian Culture, ở New Deli, xuất bản lần đầu tiên vào năm 1962 trong *Asian Studies*, phần 1, được Giáo sư Raghu Vira hiệu đính, các trang 126-78, và những bản in thêm riêng có kỳ hạn khả dụng của Luzac & Co. ở Luân-đôn.

Những Trợ giúp Nghiên cứu Kinh

Không có luận thích, những bản văn thâm sâu này khó mà hiểu được, và không một người Ấn độ nào từng thử làm thế. [Luận thích] hay nhất, *Abhisamayālaṅkārāloka* (Hiện Chứng Trang Nghiêm Luận Thích), của Haribhadra, do U. Wogihara hiệu đính vào những năm 1932-35. Đến bây giờ nó chưa được dịch, nhưng đã hướng dẫn tôi giải thích trong nhiều dịp. Ba luận thích Ấn độ về *Bảo Tạng* được bảo tồn trong các bản dịch Tây tạng, nhưng tôi không tham khảo các luận đó. Về thuật ngữ thì quyển *The Bodhisattva Doctrine in Buddhist Sanskrit Literature* (Giáo Pháp Bồ-tát trong Văn Học Phạn Ngữ Phật Giáo), 1932, của Har Dayal, được nhà Banarsidass in lại ở Ấn độ vào năm 1970, là hữu dụng nhất. Về bối cảnh triết học, quyển *Buddhist Thought in India* (Tư Tưởng Phật Giáo ở Ấn Độ), 1962 của tôi là giám định cập thời nhất. Pho sách nguồn gốc có giá trị nhất đối với các bản văn Bát-nhã Ba-la-mật-đa là bộ *Luận Đại Trí Độ* của Long Thọ (Nagarjuna), chỉ được bảo tồn trong bản dịch chữ Hán và một phần được dịch sang tiếng Pháp do Etienne Lamotte thực hiện với nhan đề *Le Traité de la grande vertu de sagesse*, 3 tập, 1944, 1949, và 1970.

Niruktipratisamvid, hay kiến thức về ngôn ngữ, như được ban cho theo truyền thống là một trong những đặc tính của một Bồ-tát hữu hiệu. Những người nói tiếng Anh muốn thăm dò những thâm huyền lý trí của Phật giáo Đại thừa hiện tại phải có nắm vững hai ngôn ngữ: tiếng Phạn (Sanskrit) và tiếng Pháp. Về ngôn ngữ thứ nhất, dĩ nhiên nó không phải là hoàn toàn bắt buộc, nhưng chắc chắn nó trợ giúp để có được ít nhất một ý niệm nào đó về các từ Phạn ngữ được cấu tạo như thế nào. Tôi sẽ cho một thí dụ khá rõ ràng minh họa Phật giáo Bát-nhã Ba-la-mật-đa không phải là một tôn giáo thích hợp cho những người không có trí não.

Những nghị luận ở chương XVI về Suchness (Chân như) và Tathagata (Như Lai) không thể hoán đổi vị trí cho nhau trong Anh ngữ và những người có ý thức nào đó về bối cảnh Phạn ngữ thám

định nó tốt hơn. Về Suchness (Như Tính hay Chân Như) là *tathā-tā*, nghĩa là, *tatha* = như, cộng với *tā*, để chỉ một danh từ trừu tượng. Một biến thể là *tathā-tvā*, “Thusness” (Như thế). Nhận một cái gì đó trong Suchness (Như tính) của nó là nhận nó như là nó, nghĩa là, không thêm hay bớt nó một cái gì. Hơn nữa, *tathā-gata* là một danh hiệu của đức Phật. Chữ này có thể được cấu tạo như *tathā-gata*, “như thế đi,” hay *tathā-āgata*, “như thế đến,” nghĩa là đến hay đi như những vị Phật khác đến hay đi. Nhưng ở đây là sự khó khăn, giống như nhiều thuật ngữ Phật giáo khác, *Tathāgata* rất có thể là Phạn ngữ hóa của một từ Prakit.² Y như *tathatā* chỉ chân thực tại một cách tổng quát, như vậy một từ đã phát triển thành “*Tathagata*” chỉ chân tự kỷ, chân thực tại trong con người, loại người mà giáo pháp Phật giáo có gắng tạo ra, một vị Phật, một Như Lai (*Thatā-gata*), “người đã đến chân Đạo,” hay “người đã đi đến đó,” nghĩa là đến giải thoát, chân mục tiêu của người ấy.

Kết luận

Trong Lời Nói Đầu này tôi tự bằng lòng với sự miêu tả các kinh thư mà chúng tôi đặt trước công chúng như là những tài liệu *văn học*, liên hệ chúng với những tài liệu văn học khác có thể góp phần vào sự hiểu biết. Nếu đã có chỗ cho nó, người ta cũng có thể viết về bối cảnh chung của chúng theo lập trường *lịch sử tư tưởng*, và cho thấy những yếu tố gì kết hợp để thay đổi bộ mặt Phật giáo vào lúc bắt đầu của kỷ nguyên Ki-tô giáo.

Cuối cùng, người ta cũng có thể xử lý chúng như là những tài liệu tâm linh vẫn còn có khả năng giải phóng các nội kiến tâm linh nơi những người tách rời với các tác giả của nguyên tác bởi hai ngàn năm và những dị biệt to lớn về văn hóa trí thức và vật chất. Tuy nhiên, có một sự phi lý nào đó về cách giải thích các vấn đề tinh thần bằng những hạn từ trừu tượng và chung chung, vì mọi sự vật tùy thuộc vào những điều kiện cụ thể và những người thực tế

² *Sam-s-kṛta*: nhân tạo, hợp với các luật của các nhà ngữ pháp. *Pra-kṛta*: tự nhiên, ngôn ngữ của con người.

và hoàn cảnh của họ. Một vài người sẽ xem nền văn học này khá kỳ lạ và ngoại lai, và có thể mong muốn một cái gì đó giản dị và gần gũi hơn. Tôi hy vọng họ sẽ cho phép tôi bẻ vặt lại bằng một nhận định rất thân cận với tôi đối với các học sinh của tôi ở Berkeley. Có người đã hỏi rằng Phật giáo nên làm gì để trở nên dễ chấp nhận hơn đối với người Mỹ, tôi thường mỉm cười chỉ ra một vài nhượng bộ mà có lẽ người ta có thể làm một cách kính trọng đối với những khuynh hướng bệnh vực nữ quyền, dân chủ, chủ nghĩa khoái lạc, xu hướng cổ sơ và phản trí thức của xã hội Mỹ. Dù cho cuối cùng tôi hằng khôi phục tinh thần và nhắc nhở thính giả của tôi rằng vấn đề Pháp tự điều chỉnh nó để trở nên thích nghi hơn với người Mỹ thì chẳng có chi nhiều, mà là người Mỹ tự thay đổi và chuyên hóa họ đủ để trở nên thích nghi hơn với Phật Thầy Tôn.³

E. C.

³ Cùng với Lời Nói Đầu này dịch giả Anh ngữ, Giáo sư Edward Conze, có cho nhiều chú thích. Nhưng hầu hết các chú thích ấy chú ý nhiều đến công tác dịch thuật bản văn mà không cho thêm các thông tin về ý nghĩa của bản văn nên người dịch đã lược bỏ không dịch, vì những chú thích ấy không giúp cho độc giả hiểu bản văn hơn. ND.

*BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA
KÊ BẢO HẠNH TẶNG*

MỤC LỤC

Chương I

- 1. Khuyến dụ sơ khởi
- 2-4. Nguồn thẩm quyền của Tu-bồ-đề
- 5-15. Những lời dạy căn bản
- 16-21. Định nghĩa ba hạn từ cốt yếu
- 22-28. Bản tính siêu việt của các Bồ-tát

Chương II

- 1-3. Các Bồ-tát trụ ở đâu
- 4-8. Các Bồ-tát tu luyện ở đâu
- 9-12. Những sự kiện hiện hữu
- 13. Kết luận

Chương III

- 1-4. Công đức phát xuất từ Bát-nhã Ba-la-mật
- 5-6. Bát-nhã Ba-la-mật một đại tri thức
- 7-8. Bát-nhã Ba-la-mật và Năm Ba-la-mật kia

Chương IV

- 1-2. Giá trị tương đối của Xá-lợi và Bát-nhã Ba-la-mật
- 3-4. Tỉ dụ Ngọc như ý
- 5. Bát-nhã Ba-la-mật và Các Ba-la-mật khác
- 6-7. Tỉ dụ Bóng tối

Chương V

- 1-2. Bát-nhã Ba-la-mật giả và thực
- 3-4. Bát-nhã Ba-la-mật vĩ đại hơn bất cứ món quà tinh thần nào khác

- 5-8. Tâm quan trọng của tâm bồ-đề
- 9. Mặt trời và con đom đóm

Chương VI

- 1. Công đức vô thượng của hồi hướng và hoan hỉ
- 2-4. Tâm cõi của hoan hỉ
- 5-9. Chuyển đúng và sai

Chương VII

- 1-2. Bát-nhã Ba-la-mật hướng dẫn các Ba-la-mật kia
- 3-4. Thái độ đối với Pháp và đối với Ngã
- 5-7. Tin Bát-nhã Ba-la-mật

Chương VIII

- 1-4. Nghĩa của tịnh

Chương IX

- 1-2. Tịnh viên tròn

Chương X

- 1-2. Những phẩm chất xứng đáng với Bát-nhã Ba-la-mật
- 3-4. Tỉ dụ ngôi làng
- 5-6. Tỉ dụ đại dương
- 7. Tỉ dụ mùa xuân
- 8. Tỉ dụ người đàn bà mang thai
- 9-10. Làm sao trụ trong Bát-nhã Ba-la-mật

Chương XI

- 1. Chủ đề
- 2-3. Những chướng ngại khác nhau
- 4-5. Con đường Bồ-tát và con đường Thanh văn
- 6-7.Thêm chướng ngại
- 8-10. Hành vi của ma và trợ giúp của Phật

Chương XII

- 1-2. Bát-nhã Ba-la-mật Mẹ của chư Phật
- 3-5. Như Lai biết thế gian bằng cách nào
- 6-7. Những ví dụ về Phật
- 8-9. Cái Thầy Pháp của Như Lai

Chương XIII

- 1-2. Tí dụ vua và các quan

Chương XIV

- 1. Bồ-tát và giác ngộ
- 2-4. Tí dụ con tàu
- 5-6. Tí dụ cái bình
- 7-8. Tí dụ hai con tàu
- 9-10. Tí dụ người già

Chương XV

- 1-2. Người mới tu và thiện tri thức
- 3-6. Bồ-tát giúp chúng sinh như thế nào
- 7-8. Bát-nhã Ba-la-mật và sự mâu thuẫn với thế gian

Chương XVI

- 1-2. Về Chân như
- 3-5. Bát-nhã và phương tiện thiện xảo
- 6. Thái độ đáng ham muốn đối với những bậc khác

Chương XVII

- 1. Chủ đề
- 2-7. Những phẩm tính của Bồ-tát bất thối chuyển

Chương XVIII

- 1-2. Những trạm dừng thăm sâu
- 3. Tí dụ người đàn bà

- 4-6. Quán xét công đức
- 7-8. Không tăng hay giảm

Chương XIX

- 1-2. Tùy thuộc phát sinh và tỉ dụ cái đèn
- 3-4. Tỉ dụ hạt và quả
- 5. Tỉ dụ những giọt nước
- 6-7. Nghĩa của không
- 8. Thái độ đối với những nơi có thể gây sợ

Chương XX

- 1. Ba cửa giải thoát và Phật pháp
- 2-4. Tỉ dụ người anh hùng
- 5-7. Tỉ dụ đại thiên thế giới
- 8. Tỉ dụ con chim bay
- 9-10. Tỉ dụ người bắn cung
- 11-12. Tỉ dụ kỳ tích song đôi
- 13-14. Tỉ dụ những cái dù
- 15-16. Tỉ dụ thương nhân và hòn đảo ngọc
- 17-18. Tỉ dụ thương nhân và cuộc hành trình
- 19-20. Vị Bồ-tát bất định
- 21. Các cửa giải thoát và địa bất thối chuyển
- 22-24. Những dấu hiệu bất thối chuyển.

Chương XXI

- 1-3. Kiêu mạn và những hành vi khác của Ma vương
- 4-8. Những lỗi làm liên quan với không chấp trước

Chương XXII

- 1-4. Thiện tri thức và các Ba-la-mật
- 5-7. Ué và tịnh
- 8-9. Công đức vô thượng của Bát-nhã ba-la-mật
- 10-11. Bi tâm và Bát-nhã Ba-la-mật
- 12-13. Tỉ dụ viên ngọc có giá trị lớn

Chương XXIII

- 1-2. Địa vị thượng đẳng của các Bồ-tát
 3-4. Tỉ dụ vua và thái tử đăng quan

Chương XXIV

- 1-2. Ma vương hoảng hốt và bị đánh bại như thế nào
 3-4. Cái gì khiến Ma vương băng lòng
 5-6. Sự kiêu mạn và sám hối của Bồ-tát

Chương XXV

- 1-3. Bồ-tát được huấn luyện như thế nào
 4-5. Bát-nhã Ba-la-mật hiếu tất cả các Ba-la-mật
 6. Bồ-tát và Thanh văn

Chương XXVI

- 1-3. Hoan hỉ và Bát-nhã Ba-la-mật
 4. Tỉ dụ không gian và bầu trời
 5-6. Tỉ dụ người do huyền hóa tạo ra
 7. Tỉ dụ những huyền hóa của Phật
 8. Tỉ dụ cái máy

Chương XXVII

1. Vị Bồ-tát đáng kính
 2-3. Ma vương không có sức chống lại một số Bồ-tát
 4-5. Thái độ đúng đắn với Chân như
 6-7. Vị Bồ-tát trụ vô thượng
 8-9. Làm sao và tại sao nên trụ nơi tánh không

Chương XXVIII

1. Ai tu luyện trong Bát-nhã Ba-la-mật tu luyện trong cảnh giới
 Phật
 2-6. Tính vô tận của Bát-nhã Ba-la-mật
 7. Tùy thuộc Phát sinh

Chương XXIX

- 1-10. Thiên định Ba-la-mật
- 11-14. Tình tấn Ba-la-mật

Chương XXX

- 1-7. Tình tấn Ba-la-mật, tiếp theo
- 8-14. Nhẫn nhục Ba-la-mật

Chương XXXI

- 1-8. Trì giới Ba-la-mật
- 9-18. Bố thí Ba-la-mật

Chương XXXII

- 1-5. Phân thưởng của sáu Ba-la-mật
- 6. Kết luận

Kính lê chư Phật và chư Bồ-tát!

Nhân đó đức Thέ tôn, để bốn chúng được vui lòng, và để làm cho bát-nhã ba-la-mật này sáng tỏ hơn, lúc ấy đã dạy các bài kệ sau đây:

Chương I

Khuyến dụ Sơ khởi

1. Hãy tận lực gọi lên từ ái, kính trọng và tin tưởng!
Hãy tẩy sạch cầu uế chướng ngại, và tất cả những vết nhơ!
Hãy lắng nghe Bát-nhã Ba-la-mật của chư Phật hiền từ,
Đã dạy vì hạnh phúc thế gian, vì những tâm hồn anh dũng!

Nguồn Thăm quyền của Tu-bô-dè [4]⁴

2. Tất cả những con sông trên Đảo Táo Hòn⁵ này,
Làm cho hoa, quả, cỏ và cây phát triển,
Tất cả đến từ sức mạnh của Long vương,
Từ thần lực của Long vương ở hồ A-na-bà-đẹp-đa.⁶
3. Cũng vậy, bất cứ Pháp nào các đệ tử của bậc Chiến Thắng⁷
thiết lập
Bất cứ điều gì họ dạy, bất cứ điều gì khéo léo giải thích –
Về việc làm thánh linh dẫn dắt cũng đến cực lạc viên mãn,
Cũng là quả của việc làm này – là hành động của Như Lai.
4. Về bất cứ điều gì bậc Chiến Thắng đã dạy, dẫn đến Pháp
Đệ tử của Ngài, nếu chân thực, đã được giáo huấn tốt.

⁴ Những con số trong ngoặc mốc chỉ số trang tương ứng của ấn bản *Tám Ngàn Câu* (Ashta) của R. Mitra.

⁵ Chỉ Ấn Độ.

⁶ Theo thần thoại Ấn Độ, mưa là việc làm của các Rồng (Naga) sống ở những hồ, ao, v.v... *Anopatapta* (A-na-bà-đẹp-đa) là hình thức tiếng Prakit, dùng trong bản văn này, của từ *Anavatapta* trong tiếng Sanskrit (Phạn), có nghĩa là “mát,” và ám chỉ hồ Manasarowara nổi tiếng ở Hy-mã-lạp-sơn.

⁷ Phạn: *Jina*, Anh: Conqueror, một danh hiệu của Phật. Trong câu thứ nhì của bài kệ này, đức Phật cũng được gọi là “Đại Ngưu,” một danh hiệu tôi đã bỏ không dịch trong bản dịch này. E. C.

Họ dạy theo kinh nghiệm trực tiếp, phát xuất từ tu luyện,
Lời dạy của họ chỉ phát sinh từ thần lực của chư Phật, không
phải từ sức mạnh của riêng mình.

Những Giáo lý Căn bản [5-18]

5. Chúng ta không thể bám vào một bát-nhã nào,
Một ba-la-mật cao nhất nào,
Một Bồ-tát nào, cũng như một tâm bồ-đề nào.
Khi nghe nói vậy mà không bối rối và lo âu,
Bồ-tát ấy ở trong dòng bát-nhã của bậc Thiện Thệ⁸.
6. Trong sắc, thọ, tưởng, hành, và thức
Không chỗ nào họ tìm thấy nơi yên nghỉ.
Không nhà, họ lang thang, các pháp không giữ họ,
Họ cũng không nắm giữ các pháp – họ sắp được Bồ-đề của
bậc Chiến Thắng.
7. Du sĩ Tiên-ni⁹ trong tuệ giác chân lý
Không tìm thấy căn bản nào, dù nắm uẩn chưa được giải trừ.
Cũng vậy vị Bồ-tát, khi hiểu các pháp như ngài ấy nên hiểu
Không rút lui vào Tịch diệt.¹⁰ Lúc ấy ngài trụ nơi bát-nhã.
8. Bát-nhã này là gì, của ai và ở đâu, ngài ấy chất vấn,
Rồi ngài thấy rằng tất cả các pháp này hoàn toàn rỗng không.
Không bị đe dọa, không sợ trước sự khám phá này.
Không xa Bồ-đề lúc ấy là bậc Trí giả.
9. Theo đuổi¹¹ trong các uẩn, trong sắc, thọ, tưởng,

⁸ Phạn: *Sugata*, Anh: *Well-Gone*.

⁹ Srenika Vatsagotra là một “Du sĩ,” tức là một nhà tu khổ hạnh không phải Phật giáo, có cuộc đàm thoại với đức Phật tạo thành một phân đoạn trong *Samyuktāgama* (kinh Tập A-hàm) của các nhà Nhất Thiết Hữu bộ (Sarvastivadins). Vào một dịp, (*Samy.* no.105, pp. 31c-32) Srenika nêu câu hỏi về “chân ngã,” mà ông ta đồng nhất nó với Như Lai. Phật bảo ông ta rằng không thể tìm thấy Như Lai trong các uẩn, ngoài các uẩn, hay trong sự vắng mặt của các uẩn. Trong hành động tin tưởng vô thượng, Srenika thiện nguyện chấp nhận Như Lai bất chấp sự kiện ngài không thể liên hệ với uẩn nào trong các uẩn.

¹⁰ Tịch diệt (nirvṛti, Blessed Rest) có nghĩa là Niết-bàn (Nirvana) không chứa thế giới đau khổ và Bồ-tát không nén “rút lui vào” đó, không nén “bám vào” nó.

¹¹ Theo đuổi (to course) có nghĩa là “chú ý” (to be attentive to), “đối xử như có thật” (to treat as real).

Hành và v.v..., và không quán chúng bằng trí tuệ;
 Hay tưởng tượng các uẩn này là rõng không;
 Có nghĩa là theo đuổi tưởng, bỏ qua dấu vết của bát sinh.

10. Nhưng khi không theo đuổi trong sắc, thọ, tưởng,
 Trong hành hay thức, mà lang thang không nhà,
 Vẫn không biết theo đuổi kiên định trong bát-nhã,
 Những ý nghĩ về bát sinh – lúc ấy thiền định tốt nhất trong
 tất cả những thiền định gắn bó với ngài ấy.
11. Nhờ đó mà Bồ-tát ấy bây giờ an trụ nơi chính mình,
 Cảnh giới Phật vị lai của ngài ấy được các Phật trước thọ ký.
 Dù ở trong thiền, hay ở ngoài thiền, ngài ấy không quan tâm.
 Vì các pháp như thực ngài ấy biết bản tánh cốt yếu.
12. Theo đuổi như thế ngài ấy theo đuổi trong bát-nhã của các
 bậc Thiện Thệ,
 Song ngài ấy không hiểu các pháp mà mình theo đuổi.
 Sự theo đuổi này ngài ấy tuệ tri như là không theo đuổi,
 Đó là thực hành bát-nhã, ba-la-mật vô thượng.
13. Cái gì không hiện hữu, cái không hiện hữu đó người ngu
 tưởng tượng;
 Không hiện hữu cũng như hiện hữu chúng tạo thành cách
 thức.
 Vì pháp như thực, hiện hữu và không hiện hữu, cả hai đều
 không thực.
 Một Bồ-tát đi đến [giác ngộ] khi ngài ấy tuệ tri điều này.
14. Nếu biết năm uẩn là huyền,
 Mà không cho huyền là một vật, và các uẩn là một vật khác;
 Nếu không có ý niệm nhiều vật, người ấy theo đuổi trong
 bình an –
 Thì đó là thực hành bát-nhã, ba-la-mật cao nhất.
15. Những ai với thầy giỏi cũng như nội kiến sâu,
 Không sợ hãi khi nghe những lời dạy sâu của Mẹ.
 Nhưng những người với thầy dở, có thể bị người khác hướng
 dẫn sai lầm,
 Do đó bị hỏng, như cái nồi không nung khi tiếp xúc với khí

âm.

Minh định Ba Hạn từ Cốt yếu [18-24]

16.Lý do gì mà chúng tôi nói về các ‘Bồ-tát’?

Muốn diệt tất cả ràng buộc, và cắt đứt nó,

Đích thực không ràng buộc, hay Bồ-đề của bậc Chiến Thắng là số mệnh vị lai của họ.

Do đó họ được gọi là “Những người gắng sức vì Bồ-đề.”

17.Lý do gì được gọi là ‘Đại sĩ’?

Họ lên đến chỗ cao nhất bên trên số đông người;

Và về số đông người, họ cắt đứt những cái thấy sai lầm.

Đó là lý do tại sao chúng tôi nói về họ như là các ‘Đại sĩ.’

18.Vĩ đại là người cho, là người nghĩ, là sức mạnh,

Người ấy lên xe của các bậc Chiến thắng Vô thượng.

Trang bị bằng chiếc áo giáp vĩ đại, người ấy hàng phục Ma vương huyền thuật.

Đây là lý do tại sao gọi họ là “Đại sĩ.”

19.Tuệ giác này cho người ấy thấy tất cả chúng sinh như huyền,

Giống như đám người được triệu gọi ở ngả ba đường,

Bởi một nhà huyền thuật, rồi chém đứt mây ngàn đầu;

Người ấy biết toàn thể thế giới chúng sinh này là một màn hí lồng, song chẳng sợ.

20.Sắc, thọ, tưởng, hành và thức

Không hợp nhất, không ràng buộc, không thể giải thoát.

Trong không bị đe dọa, người ấy tiến đến Bồ-đề,

Cho người cao nhất trong loài người là chiếc áo giáp tốt nhất trong tất cả các áo giáp.

21.Lại nữa cái gì là ‘chiếc xe đưa đến Bồ-đề’?

Treo trên đó là sự hướng dẫn tất cả chúng sinh đến Niết-bàn.

Vĩ đại là chiếc xe, bao la, mênh mông như hư không bát ngát.

Những ai du hành trên đó được chở đi an toàn, vui vẻ và thong dong.

Bản tánh Siêu việt của Bồ-tát [24-31]

22. Siêu việt thế gian như thế, ngài ấy không ở trong tầm hiểu biết của chúng ta.

‘Ngài ấy đến Niết-bàn,’ nhưng không ai có thể nói ngài ấy đi đâu.

Lửa tắt nhưng, chúng ta hỏi, nó đi đâu?

Giống như, làm sao chúng ta có thể tìm thấy người đã tìm được Niết-bàn?

23. Quá khứ của Bồ-tát, vị lai và hiện tại của ngài ấy phải lẩn tránh chúng ta,

Thời gian ba chiều kích không chạm được ở bất cứ chỗ nào,
Ngài ấy hoàn toàn thanh tịnh, vô vi, vô ngại.

Đó là ngài ấy thực hành bát-nhã, ba-la-mật cao nhất.

24. Những Bồ-tát trí tuệ, theo đuổi như thế, phản chiếu bất sinh,
Song trong khi làm như thế, nơi các ngài ấy sinh đại bi,

Tuy nhiên nó không có bất cứ ý nghĩ gì về chúng sinh.

Do vậy, các ngài ấy thực hành bát-nhã, ba-la-mật cao nhất.

25. Nhưng khi nghĩ về khổ và chúng sinh khiến ngài ấy nghĩ đến:
‘Khổ ta sẽ loại trừ, hạnh phúc thế gian ta sẽ làm việc!’

Lúc ấy chúng sinh tưởng, ngã tưởng, –

Thực hành bát-nhã, ba-la-mật cao nhất, còn thiểu.

26. Ngài ấy tuệ tri rằng tất cả chúng sinh cũng bất sinh như mình.

Ngài ấy biết rằng tất cả không còn hiện hữu như mình hay bất cứ chúng sinh nào khác;

Bất sinh và sinh không phân biệt,

Đó là thực hành bát-nhã, ba-la-mật cao nhất.

27. Tất cả những từ chỉ sự vật dùng trong thế gian này phải được bỏ lại phía sau,

Phải siêu việt tất cả những sự vật được sinh ra và tạo tác –

Lúc ấy đạt được tuệ giác bất tử, vô thượng, vô ti.

Đó là nghĩa mà chúng tôi nói về bát-nhã ba-la-mật.

28. Khi không ngờ, vị Bồ-tát thực hiện sự hành trì của mình,

Khi thiện xảo trong bát-nhã người ta biết ngài ấy trụ.

Tất cả các pháp ở đó không thực có, bản tánh cốt yếu của chúng rỗng không.

Nhận biết điều đó là hành bát nhã, ba-la-mật vô thượng.

Chương II

Bồ-tát Trụ ở đâu [35-37]

1. Ngài ấy không trụ trong sắc, thô hay tưởng,
Trong hành hay thức, trong bát cứ uẩn nào.
Ngài ấy chỉ trụ trong chân tánh của Pháp.
Rồi ngài ấy thực hành bát-nhã, ba-la-mật vô thượng.
2. Thường và vô thường, khổ và lạc, ngã và vô ngã,
Thương và ghét – chúng chỉ là nhất Như trong Tánh Không này.
Và như thế ngài ấy không trụ nơi quả đã đạt được, mà nó là ba –
Của A-la-hán, Duyên giác¹², và Phật giác ngộ viên mãn.
3. Chính Đạo sư không dừng lại trong cõi vô vi
Không ở trong các pháp hữu vi, mà tự tại du phương không nhà:
Như vậy, Bồ-tát trụ không có sự nương nhờ hay cái căn bản.
Một địa vị không có cái căn bản được bậc Chiến Thắng gọi là có địa vị.

Bồ-tát Tu luyện ở đâu [38-43]

4. Những ai ước mong trở thành đệ tử của bậc Thiện Thệ,
Hay các Duyên giác, hoặc các Pháp vương –
Không nhờ hạnh Nhẫn nhục này, họ không đến được các mục tiêu riêng của họ.
Họ đi ngang qua, nhưng mắt họ không ở bờ kia.
5. Những người dạy pháp, và những người lắng nghe khi thuyết;
Những người đạt được quả A-la-hán, Duyên giác, hay bậc cứu độ thế gian;
Và Niết-bàn đạt được bởi người trí và người có học –
Chỉ là huyền, chỉ là mộng – Như Lai đã dạy thế.
6. Bốn hạng người không được giáo lý này cảnh giác:
Các con của bậc Chiến Thắng thiện xảo trong đạo; các thánh

¹² Phạn: Praktyekabuddha, cũng dịch là Bích-chi Phật hay Độc giác Phật.

- không thối chuyển,
A-la-hán không còn cấu trược, và xóa sạch nghi ngờ;
Những người mà thầy giỏi thuần thực, tính hạng thứ tư.
7. Theo đuổi như thế, vị Bồ-tát trí tuệ và có học,
Tu luyện không phải vì địa vị A-la-hán, hay bậc Duyên giác.
Ngài ấy tu luyện một mình trong Phật pháp vì nhất thiết trí.
Không tu luyện là sự tu luyện của ngài ấy, và không ai được
huấn luyện trong pháp tu này.
8. Tăng hay giảm các sắc không phải là mục đích của sự tu
luyện này.
Ngài ấy cũng không khởi sự để được các pháp sai biệt,
Chỉ hy vọng đạt được nhất thiết trí bằng sự tu luyện này.
Ngài ấy đi đến đó khi tu luyện trong pháp tu này, và hoan hỉ
vì đức hạnh của nó.

Những Sự kiện Hiện hữu [44-47]

9. Sắc chẳng phải bát-nhã, bát-nhã chẳng thấy ở sắc,
Ở thức, thọ, tưởng, hay hành.
Các uẩn chẳng phải bát-nhã, bát-nhã không ở nơi các uẩn.
Nó như hư không, không chỗ vỡ hay kẽ nứt.
10. Trong tất cả các trợ duyên khách quan, bản tánh chính yếu
vô biên;
Cũng vậy trong chúng sinh bản tánh chính yếu cũng vô biên.
Như bản tánh chính yếu của hư không không giới hạn;
Trí tuệ của các bậc Thế Gian giải cũng không giới hạn.
11. ‘Thọ’ chỉ là danh từ, các Đạo sư bảo chúng ta như vậy;
Các thọ bị lãng quên và đi mất, và cánh cửa mở ra Bên kia.
Ai thành công trong tẩy sạch mình về thọ,
Khi đến Bên kia, họ hoàn thành mệnh lệnh của Thầy.
12. Nếu trong vô số kiếp như cát sông Hằng
Bậc Đạo sư sẽ tự mình tiếp tục nói chữ ‘chúng sinh’:;
Vẫn bần lai thanh tịnh, không chúng sinh nào có thể kết quả
từ lời ngài ấy nói.
Đó là thực hành bát-nhã, ba-la-mật cao nhất.

Kết luận

13. Như thế bậc Chiến Thắng kết thúc sự thuyết giảng của ngài, và cuối cùng bảo:

“Khi tất cả những gì ta đã nói và làm cuối cùng phù hợp với bát-nhã ba-la-mật,

Thì sự thọ ký này ta đã nhận từ Ngài, bậc đã đi trước ta:¹³

‘Giác ngộ viên mãn, ông sẽ là Phật ở thời vị lai!’

¹³ Tức Phật Nhiên Đăng (Buddha Dipankara), bậc tiền bối thứ 24 của Thích-ca Mâu-ni.

Chương III

Công đức Đến từ Bát-nhã Ba-la-mật [49-70]

1. Người thọ nhận Bát-nhã ba-la-mật này,
Nơi các bậc Cứu độ theo đuổi, và hằng tham học nó;
Lửa, độc, kiếm và nước không thể hại người ấy,
Ma vương cũng không tìm được lối vào, cũng không là ông
chủ của người ấy.
2. Ai có thể vì bậc Thiện Thệ đi nghỉ mà xây Tháp miếu,
Làm bằng bảy thứ báu, và phụng thờ;
Cho đến hằng ngàn câu-lợi cánh đồng đầy những Tháp này
Của bậc Thiên Thệ, vô số như cát sông Hằng.
3. Như người ấy, lại có nhiều chúng sinh trong câu-lợi cánh
đồng vô tận,
Tất cả họ thò phụng chúng, không làm gì khác, –
Với hoa trời, những mùi hương và thuốc cao thơm nhất, –
Hãy tính số kiếp trong ba thời, và còn nhiều hơn thế:
4. Nhưng nếu người nào khác chép lại sách này, Mẹ của các
bậc Thiện Thệ,
Từ đó những người Dẫn đạo đến với mười lực,
Nhớ trong tâm, tôn kính nó với hoa, hương thơm nhất và
thuốc cao, –
Một phần vô cùng nhỏ công đức của người ấy sẽ khiến những
người đã bỏ thí phụng thờ các Tháp.

Bát-nhã Ba-la-mật, một Đại Tri thức [73-74]

5. Bát-nhã Ba-la-mật của các bậc Chiến Thắng là một đại tri
thức,
Những pháp khinh an được tạo ra cho khổ và bệnh nỗi nhiều
thế giới chúng sinh
Các bậc Cứu độ Thế gian trong quá khứ, trong vị lai, và
những bậc [hiện tại] trong mười phương,
Do tu luyện tri thức này, họ trở thành những y sĩ vô thượng.

6. Và những người theo đuổi thực hành lòng từ và quan tâm
hạnh phúc của những người khác,
Họ, những người trí, do tu luyện tri thức này, sẽ chứng
nghiệm giác ngộ.
Những người có hạnh phúc hữu vi, và những người có hạnh
phúc vô vi,
Nên biết tất cả hạnh phúc của họ có kết quả từ đây.

Bát-nhã Ba-la-mật và Năm Ba-la-mật kia [81-82]

7. Ngọc hiện hữu đây đó, một cách tiềm tàng, trên trái đất,
Và khi thuận duyên, chúng phát triển sai biệt rất nhiều:
Tất cả những phẩm tính của giác ngộ [trong] năm ba-la-mật,
Tất cả đều phát triển từ bát-nhã ba-la-mật.
8. Chúng ta biết bát cứ nơi nào vị Chuyển luân vương có thể đi,
Ở đó có toàn bộ đoàn quân tất cả bảy vật quý:
Nơi nào có bát-nhã ba-la-mật này của các bậc Chiến Thắng,
Ở đó cũng có đem theo tất cả các pháp phẩm tính thiện.

Chương IV

Giá trị Tương đối của Xá-lợi và Bát-nhã Ba-la-mật [94-99]

1. Được bậc Chiến Thắng hỏi, Thích-đè đáp:

“Nếu tôi có thể làm cho các Phật địa nhiều như cát sông Hằng,
Tất cả các Phật địa ấy đầy áp xá-lợi của các bậc Chiến Thắng:
Nhưng tôi vẫn giữ bát-nhã này, hàng đầu của các ba-la-mật.

2. Vì sao? Ấy không phải là tôi không kính trọng xá-lợi,
Mà xá-lợi được thờ phụng bởi vì được bát-nhã dưỡng nuôi.
Giống như mọi người được nhà vua ủng hộ được thờ phụng’
Xá-lợi của Phật cũng được thờ phụng bởi vì được bát-nhã
ba-la-mật ủng hộ.

Tí dụ Ngọc Như ý [96-99]

3. Viên ngọc quý, có tất cả mọi phẩm chất, vô giá.

Nên cái giỏ chứa nó được người ta kính lể;
Ngay cả khi lấy ngọc đi, cái giỏ tiếp tục phóng hào quang:
Những phẩm tính của viên ngọc đó là nhu thế.

4. Cũng vậy với những phẩm tính bát-nhã, nó là ba-la-mật hàng đầu.

Xá-lợi của bậc Chiến Thắng được thờ phụng ngay cả sau khi
ngài đã nhập diệt.

Do vậy hãy để người muốn chiến thắng có được những phẩm
tính Chiến Thắng

Hãy nhận bát-nhã ba-la-mật. Nó là giải thoát.”

Bát-nhã Ba-la-mật và Năm Ba-la-mật kia [100-101]

5. [Lúc ấy Thế Tôn nói:] “Bát-nhã kiểm soát người bố thí,
Cũng như trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn và thiền định.
Nó nắm lấy các pháp thiện nên chúng không thể bị mất.
Nó cũng là kẻ mỉm tiết lộ tất cả các pháp.

Tí dụ Những cái Bóng [101]

6. Ở Diêm-phù-đè¹⁴ có nhiều ngàn câu-lợi cây
Thuộc các loại khác nhau, đa dạng và khác hình;
Song bóng của chúng chẳng có sự khác nhau nào cả,
Khi nói đến thì chúng đều là những cái bóng.
7. Năm ba-la-mật này của các bậc Chén Thắng, cũng vậy
Chúng có tên theo bát-nhã ba-la-mật:
Khi chúng được chuyển thành nhất thiết trí,
Giác ngộ là cái tên cung cấp cái lý duy nhất cho tất cả sáu.

¹⁴ Phạn: *Jambuvipa*.

Chương V

Bát-nhã Ba-la-mật Giả và Thật [112-13]

1. Khi một Bồ-tát tiết lộ [sai] sắc, thọ, tưởng, hành,
Hay thức là vô thường [tuyên bố rằng chúng bị hoại diệt], –
Trong [bát-nhã ba-la-mật] giả, ông ta theo đuổi, xem xét một
cách không trí tuệ;
Bởi vì người có học không bao giờ tác động sự hoại diệt pháp.

2. Ở trong sắc, thọ, hay tưởng

Hay thức, hay hành không có sự nhận biết:
Nhờ tánh không và bất sinh [ông ấy] tri kiến tất cả các pháp.
Đây là sự thực hành bát-nhã, ba-la-mật hàng đầu.

Bát-nhã ba-la-mật Vĩ đại hơn Bát cứ Món quà Tình thần nào khác [122-23]

3. Nếu có người tu học A-la-hán như nhiều chúng sinh
Nơi các cõi nhiều như cát sông Hằng:
Và nếu có người khác, sao chép bát-nhã ba-la-mật này,
Bố thí sách ấy cho một chúng sinh khác, – công đức của
người này nhiều hơn hẳn.
4. Vì sao? Các bậc Thầy Vô thượng, đã tu luyện trong đó,
Làm cho tất cả các pháp có thể hiểu được trong tánh không
này.
Khi biết điều đó, các Thanh văn¹⁵ nhanh chóng chứng
nghiêm loại giải thoát của riêng họ,
Những người khác chứng nghiêm sự giác ngộ của Duyên
giác, những người khác nữa chứng nghiêm sự giác ngộ của
Phật.

Tâm Quan trọng của Tâm Bồ-đề

¹⁵ Phạn: śrāvaka; Anh: Disciples.

5. Trên thế giới chõ nào không có mầm, chõ ấy không thể có cây.
 Làm sao chõ ấy có thể sinh ra cành, lá, quả hay hoa?
 Không có phát tâm bồ-đề, không thể có bậc Chiến Thắng ở thế gian.
 Rồi làm sao Thích-đè, Phạm-thiên, quả và đệ tử tự thị hiện?
6. Khi quả cầu mặt trời gửi đến nhiều ánh sáng,
 Thì chúng sinh tận lực làm việc của mình:
 Như vậy, khi tâm bồ-đề xuất hiện vì biết thế gian,
 Nhờ tri kiến của nó, tất cả các pháp phẩm tính được kết tập.
7. Nếu không có Long vương trong [hồ] A-na-bạt-tập-đa,¹⁶
 Làm sao có được dòng chảy của các sông trong cõi Diêm-phù-đè?
 Và nếu không có sông, quả và hoa không thể nào khả hữu,
 Và cũng sẽ không có nhiều thứ ngọc trong các đại dương.
8. Như thế, nếu không có tâm bồ-đề, làm sao có được
 Dòng tri kiến của Như Lai trong tất cả các thế giới này?
 Và nếu không có tri kiến, không có sự phát triển nào của đức hạnh,
 Không giác ngộ, không có pháp của Phật như biển lớn.

Mặt trời và Con Dom đóm

9. Nếu tất cả động vật phát ánh sáng ở mọi nơi trên thế giới này
 Phát ra ánh sáng vì mục đích chiếu sáng:
 Một tia sáng đơn độc, phát ra từ quả cầu mặt trời, chiếu sáng tất cả,
 Tất cả ánh sáng của những bầy động vật phát ra ánh sáng sẽ vô cùng nhỏ bé.

¹⁶ Phạn: *Anavatapta*.

Chương VI

Công đức Vô thương của Hồi hướng và Hoan hỉ [135]

1. Dù bao nhiêu công đức các nhóm Thanh văn có thể tạo ra,
Kết hợp với sự phát triển bồ thí, trì giới, và [thiền định]:
Nhưng nếu một Bồ-tát hoan hỉ với một niệm duy nhất,
Sẽ không có khói công đức nào nơi các nhóm Thanh văn.

Tâm mực của Hoan hỉ [135-38]

2. Nếu lấy na-do-tha câu-lợi Phật, những bậc đã đi qua trong thời quá khứ,
Và những bậc ngay bây giờ trú ở nhiều ngàn câu-lợi vô tận cõi Phật;
Cũng như những bậc Cứu độ thế gian, đi đến Bát Niết-bàn,¹⁷
Sẽ chứng minh Pháp bảo vì sự diệt khổ hoàn toàn;
3. Nếu xét công đức của các bậc Chiến Thắng đó trong thời kỳ
Bắt đầu với sự phát sinh thứ nhất tâm bồ-đề vô thương,
Cho đến lúc thiền Pháp của các bậc Dẫn đạo diệt, –
Và các pháp kết nối với các ba-la-mật, cũng như các pháp của Phật;
4. Công đức con cháu của các Phật và của Thanh văn cũng vậy
Dù họ đang tu luyện hay đã lão thông, có lậu hay không, –
Tích lũy hết thảy, Bồ-tát hoan hỉ vì nó,
Và hồi hướng toàn bộ đến sự giác ngộ liên hệ với hạnh phúc thế gian.

Chuyển Thực và Giả [142-58]

5. Khi nơi người chuyển tiến hành nhận thức một niệm,
Hay nếu sự chuyển nhận thức giác ngộ can dự nhận thức của một chúng sinh:
Thiết lập trong tưởng, tà kiến, và ý nghĩ, nó bị ba chấp ràng buộc.
Nó không trở thành chuyển đến những người nhận biết nó.

¹⁷ Phạn: *parinirvāṇa*.

6. Nhưng khi Bồ-tát ấy tri kiến như vậy: Những pháp này diệt đoạn,
Và chúng được chuyển ở đâu, thì đó cũng là diệt;
Cũng không ở nơi nào một pháp chuyển thành một pháp:
Rồi nó thực trở thành chuyển nơi người tuệ quán như vậy.
7. Khi tạo dấu hiệu, ngài ấy không chuyển [đến giác ngộ],
Nhưng nếu không có dấu hiệu, [ngài ấy] trở thành chuyển thành giác ngộ.
Như thức ăn trộn với chất độc có ngon để ăn,
Nhận các pháp thanh tịnh do bậc Chiến Thắng đã nói là cái căn bản, thì cũng vậy.
8. Do vậy người tu luyện chuyển nêu:
Vì các bậc Chiến Thắng tuệ tri thiện [căn] đó, –
Đẳng cấp như thực của nó, nguồn gốc như thực của nó, các tướng như thực của nó, –
Như thế tôi thực hoan hỉ [nơi thiện căn đó], tôi thực chuyển [nó].
9. Và như vậy chuyển công đức thành giác ngộ.
Người ấy không làm mích lòng Phật, thuyết giảng những gì
bậc Chiến Thắng đã dạy.
Có nhiều Bồ-tát noi theo gian nương vào cái căn bản
Tất cả các ngài vượt qua người anh hùng chuyển theo cách
này.

Chương VII

Bát-nhã ba-la-mật Hướng đạo các Ba-la-mật kia [172]

1. Làm sao na-do-tha câu-lợi những người bẩm sinh mù lòa kia,
không có người dẫn đường,
Những kẻ không biết đường, tìm được lối vào thành phố?
Không bát-nhã, năm ba-la-mật này đều không có mắt:
Những người không có sự dẫn đao không thể chứng ngộ.
2. Khi các ba-la-mật kia được bát-nhã hộ trì,
Thì khi được mắt rồi, chúng thực sự đến được đích [giác ngộ].
Ấy giống như vẽ rồng rồi nhưng chưa điểm nhãn.
Chỉ sau khi điểm nhãn xong mới được nhận thù lao.

Thái độ Đối với các Pháp và Ngã [172-75]

3. Khi một người phát triển bát-nhã đến tột cùng không nắm
giữ một pháp nào cả,
Vô vi hay hữu vi, tối hay sáng;
Rồi có người đến nói trong thế giới bát-nhã ba-la-mật,
[Như] hư không, trong ấy không thiết định cái gì thực có.
4. Khi người ấy nghĩ, ‘Ta theo đuổi bát-nhã của bậc Chiến
Thắng,
Ta sẽ giải thoát hằng ni-do-tha chúng sinh bị nhiều bệnh tật:
Bồ-tát này là kẻ tưởng tượng quan niệm chúng sinh,
Và đây chẳng phải là thực hành bát-nhã, ba-la-mật hàng đầu.

Tin Bát-nhã Ba-la-mật [176-79]

5. Vị Bồ-tát đã quán bát-nhã ba-la-mật hàng đầu này,
Trong quá khứ đã phụng sự [các Phật], đã học và không nghi
ngờ:
Ngay khi nghe nó, ông ấy sẽ lại nhận ra Thầy,
Và nhanh chóng hiểu sự Tĩnh Lặng Bình An của giác ngộ.
6. Dù trong quá khứ đã tôn vinh và phụng sự hàng triệu Phật,
Nếu không tin vào bát-nhã ba-la-mật của bậc Chiến Thắng,
Khi nghe nó, ông ấy sẽ vất đi, một trí thông minh nho nhỏ;

- Sau khi vất đi, ông ấy sẽ đến ngục A-tì, và không ai cứu được.
7. Do vậy, hãy tin Mẹ của tất cả các bậc Chiến Thắng,
Nếu muôn chứng nghiệm tri kiến vô thượng của Phật:
Hãy để ông ấy làm kẻ lái buôn, du hành đến đảo kho tàng,
Và khi xài hết của cải của mình, ông ấy lại trở về [với nó].

Chương VIII

Nghĩa của Thanh tịnh [186-95]

1. Nên biết sắc thanh tịnh từ quả thanh tịnh.

Tù sắc và quả thanh tịnh là nhất thiết trí thanh tịnh.

Nhất thiết trí và quả thanh tịnh, và sắc thanh tịnh:

Cũng như không đại, chúng không bị phá vỡ hay cắt thành từng mảnh.

2. Khi siêu việt những gì thuộc ba giới, các Bồ-tát,

[Dù] cầu uế [được] trừ, phô bày tái sinh [của họ];

[Dù] không còn suy đồi, bệnh và chết, họ phô bày đoạn diệt,
Đây là bát-nhã ba-la-mật những người trí hàng theo đuối.

3. Thế gian này bị ràng buộc với bùn danh-và-sắc.

Bánh xe sinh tử quay, tựa như bánh xe gió.

Khi tri kiến thế gian quay như cái bẫy cho dã thú

Người trí đạo chơi đây đó tựa như chim trong hư không.

4. Người ấy theo đuổi thanh tịnh hoàn toàn, không theo đuổi sắc,

Hay thức, tưởng, thọ, hay hành;

Theo đuổi như vậy người ấy tránh tất cả những chấp trước.

Không chấp trước, người ấy theo đuổi trong bát-nhã của các bậc Thiện Thệ.

Chương IX

Thanh tịnh Viên tròn [200-201]

1. Theo đuôi như vậy, bậc Bồ-tát trí tuệ và có học,
Khi dứt bỏ những chấp trước của mình, bước đi không chấp
trước thế gian.
Như mặt trời, thoát khỏi sao La-hầu, rực sáng,
Hay như lửa, buông lỏng, cháy cả cỏ, cây, rừng.
2. Bồ-tát ấy thấy tất cả các pháp và Bát-nhã ba-la-mật
Đều thanh tịnh, hoàn toàn thanh tịnh, trong yếu tánh.
Nhưng ngài ấy không nắm giữ người thấy hay tất cả các pháp.
Đây là thực hành bát-nhã ba-la-mật hàng đầu.

Chương X

Những Phẩm tính Xác định Bát-nhã Ba-la-mật [211-13]

1. Thiên đế Thích-đè hỏi bậc Chiến Thắng:
“Theo đuổi bát-nhã, Bồ-tát ấy làm thế nào “nhập vào nó?”
“Ai ‘nhập vào’ ít nhất không bất cứ cái gì, dù là uẩn hay giới,
“Nhập vào” như thế, Bồ-tát ấy nhập vào [bát-nhã].”
2. Nên biết khi một người đã lên đường lâu trên chiếc xe ấy,
Đã làm bốn phận dưới nhiều ni-do-tha câu-lợi Phật,
Khi nghe nói các pháp này là hư tưởng và như huyền,
Thì không do dự, nhưng nỗ lực tu luyện mình.

Tí dụ Ngôi làng [215-16]

3. Nếu có người [ra khỏi] nơi hoang vắng tiếp xa nhiều dặm
Sẽ thấy những đàn bò, những ranh giới, hay rừng cây:
[Rồi] y lấy lại hơi thở, và không còn sợ trộm cắp [nữa]:
[Vì y biết rằng] đây là những dấu hiệu một ngôi làng hay
thành phố gần đây:
4. Cũng vậy người tìm giác ngộ, khi biết bát-nhã này,
Ba-la-mật hàng đầu của các bậc Chiến Thắng, và bám vào
nó:
Người ấy lấy lại hơi thở, và không sợ [nữa],
Không sợ ngay cả [rơi vào] hàng A-la-hán hay Duyên giác.

Tí dụ Đại dương [216-17]

5. Bao lâu một người còn đi xem đại dương,
Y vẫn thấy cây và rừng của Hy-mã-lạp-sơn, [vì còn xa nó].
Nhưng khi không còn thấy những dấu hiệu này, y hết nghi,
[và biết rằng]
‘Đại dương rõ gần, nó không phải quá xa’:
6. Cũng vậy, nên biết một người đã lên đường vì giác ngộ hàng
đầu,
Và đang học về bát-nhã ba-la-mật này của các bậc Chiến
Thắng.

Dù người ấy không phải là người mặt đối mặt mà bậc Đạo sư đã thọ ký,
 Người ấy biết rằng ‘chẳng bao lâu mình sẽ chứng nghiệm sự giác ngộ của Phật.’

Tỉ dụ Mùa xuân [217]

7. Trong mùa xuân đẹp, khi cành và lá mọc ra
 Từ các cành, chẳng bao lâu sẽ đến [nữa] là lá, quả và hoa:
 Một người đã được bát-nhã ba-la-mật nắm tay,
 Chẳng bao lâu sẽ đạt giác ngộ hàng đầu của các bậc Đạo sư.

Tỉ dụ Người Đàn bà Mang thai [218]

8. Khi một người đàn bà mang thai toàn bộ náo động vì đau, Nên biết rằng đã đến lúc nàng sinh:
 Cũng vậy vị Bồ-tát, khi nghe nói về bát-nhã của các bậc Chiến Thắng
 Ngài mục kích nó với hân hoan và nhiệt huyết, nhanh chóng chứng ngộ.

Làm sao Trú trong Bát-nhã Ba-la-mật [219-20]

9. “Khi vị hành giả Du-già đang theo đuổi bát-nhã, ba-la-mật vô thượng,
 Ông ta không thấy sắc tăng hay giảm.
 Nếu có người không thấy pháp, hay vô pháp, hay Pháp giới
 Và nếu không chứng nghiệm Tịch diệt, thì người ấy trú trong bát-nhã.
10. Khi theo đuổi ở đó, ông ấy không tưởng tượng Phật pháp,
 Không lực, không đường đưa đến thần lực, ông ấy cũng không tưởng tượng sự an tĩnh của giác ngộ.
 Không phân biệt, không kiến lập, quyết tâm theo đuổi,
 Đây là thực hành bát-nhã, ba-la-mật hàng đầu.

Chương XI

Chủ đề [232]

1. Tu-bồ-đề hỏi Phật, mặt trăng Giáo Pháp:
“Đối với các phẩm tính quý, có những chướng ngại nào?”
“Sẽ có nhiều chướng ngại,” bậc Đạo sư giảng.
“Tôi sẽ nói một vài trong những chướng ngại đó:

Những Chướng ngại Khác nhau [232-33]

2. Những ánh chớp ý niệm phân kỳ và đa dạng sẽ phát sinh
Khi người ấy sao chép bát-nhã này, ba-la-mật của các bậc
Chiến Thắng.
Rồi chúng lại biến mất nhanh chóng, như tia chớp,
Không lợi gì cho hạnh phúc thế gian. Đây là một việc làm
của Ma vương.
3. Và người ấy có thể có một vài nghi ngờ khi được dạy:
‘Tên tôi không được Đạo sư công bố ở đây;
Hoàn cảnh ra đời và nơi sinh hay bộ tộc của tôi cũng vậy.’
Vì thế họ sẽ không lắng nghe, và từ chối. Đó cũng là việc
làm của Ma vương.

Con đường Bồ-tát và Con đường Thanh văn [234-39]

4. Cũng như vì vô minh mà một người từ bỏ gốc rễ,
Và những kẻ si mê ưa thích cành và tàng lá hon;
Như người khi được con voi, y lại muốn cái chân của nó; –
Cũng vậy là người, khi nghe Bát-nhã Ba-la-mật, lại ước mơ
Kinh [của Thanh văn].
5. Giống như người đã được thức ăn thượng đẳng có trăm vị,
Dù đã có thức ăn ngon nhất, song y tìm thức ăn hạ đẳng.
Cũng vậy là một Bồ-tát, khi đã được ba-la-mật này,
Mà vẫn tìm giác ngộ ở hàng A-la-hán.

Thêm Chướng ngại nữa [242-43]

6. Họ sẽ muôn danh, họ sẽ muôn lợi,

Trong lòng họ mong vậy, chú tâm đến sự quen thuộc gia đình.
 Cụ tuyệt cái đúng [Pháp], họ sẽ làm cái sai;
 Bỏ chánh đạo, họ đi tà đạo. Đây cũng là việc làm của Ma vương.

7. Dù cho ban đầu họ phát sinh niềm tin,
 Nhiệt tình nghe pháp thù thắng nhất;
 Khi họ thấy rằng pháp sư nắn chí không muốn làm việc mình,
 Họ sẽ bỏ đi, không vui vẻ và rất buồn bã.

Việc làm của Ma vương và sự Trợ giúp của Phật [248-52]

8. Khi xảy ra những việc làm này của Ma vương,
 Cùng với nhiều chuồng ngai phân tán và đa dạng khác,
 Rồi vì thế nhiều tăng nhân phiền não,
 Và sẽ không nhớ trong tâm Bát-nhã Ba-la-mật này.
9. Chỗ nào có những viên ngọc vô giá
 Và khó có được, chủ nhân luôn có nhiều kẻ thù.
 Cũng vậy, bát-nhã này, ba-la-mật hàng đầu của các bậc
 Chiến Thắng,
 Là Pháp bảo khó được, và nhiều phiền toái.
10. Khi một người mới khởi sự lên xe, và trí thông minh giới hạn,
 Y không được [ngay] Pháp bảo này, khó được.
 Lúc ấy Ma vương sẽ hăng hái tạo ra chuồng ngai.
 Nhưng chư Phật mười phương sẽ chú tâm trợ giúp.

Chương XII

Bát-nhã Ba-la-mật Mẹ của chư Phật [253-57]

1. Nếu người mẹ, có nhiều con, ngã bệnh,
Tất cả họ, buồn trong lòng, bận rộn vì bà:
Cũng vậy, chư Phật trong các thiên thế giới mười phương
Để bát-nhã ba-la-mật này vào tâm như mẹ của các Ngài.
2. Các bậc Cứu độ thế gian trong quá khứ, cũng như các bậc
[hiện tại] trong mười phương,
Đã từ bà ấy mà ra, và các bậc trong vị lai cũng vậy.
Bà ấy là người chỉ cho thế gian [vì cái gì], bà là mẹ sinh ra,
mẹ của các bậc Chiến Thắng.
Và tiết lộ ý nghĩ và hành động của những chúng sinh khác.

Như Lai biết Thế gian Như thế nào [270-74]

3. Chân như của thế giới, Chân như của A-la-hán,
Chân như của Duyên giác, và Chân như của bậc Chiến Thắng,
Chỉ là Chân như duy nhất không hiện hữu, không thay đổi,
Khiến Như Lai hiểu bát-nhã ba-la-mật.
4. Dù những bậc trí trú ở thế gian hay đi đến Niết-bàn tối hậu,
Đã được thiết lập vững chắc vẫn tồn tại sự nối tiếp cố định
này của Pháp tánh: ‘Các pháp đều rỗng không.’
Ấy là Chân như (tathatā) mà các Bồ-tát hiểu.
Do đó chư Phật có được danh hiệu ‘Như Lai.’
5. Đây là lãnh vực của các bậc Dẫn đạo, với quyền lực riêng,
Trú trong các khu rừng hoan hỉ của bát-nhã ba-la-mật.
Mặc dù họ đem chúng sinh đau khổ ra khỏi ba nỗi phiền não,
Song không bao giờ có quan niệm chúng sinh ở bất cứ nơi
nào.

Những Tí dụ về Phật

6. Khi con sư tử ở trong hang núi,
Gầm lên không sợ hãi, khiến cho những con thú kém hơn run
rẩy:

Cũng vậy, khi con Sư Tử của Loài Người, dựa vào bát-nhã ba-la-mật,

Róng lên không sợ hãi, làm cho nhiều kẻ ngoại đạo run rẩy.

7. Cũng vậy những tia sáng mặt trời, được bầu trời ủng hộ,
Làm trái đất khô, và lộ ra sắc của nó ra.

Cũng vậy vị Pháp vương, được bát-nhã ba-la-mật ủng hộ,
Làm sông ái khô và lộ ra pháp.

Như Lai Thấy Pháp

8. Nơi không có cái thấy về sắc, không có cái thấy về thọ,
Không có cái thấy về tưởng, không có cái thấy về hành,
Không có cái thấy về thức, tâm hay ý,
Điều này được Như Lai thuyết giảng như là thấy Pháp.
9. Một cái thấy trong hư không là một hỡi, họ tuyên bố như thế.

Một cái thấy như cái thấy hư không, như vậy ông nên xem
đó là đối tượng!

Như thế cái thấy Pháp đã được Như Lai thuyết giảng.

Nhưng không thể trình cái thấy ấy bằng những câu khẳng định [khác với cái thấy].

Chương XIII

Tỉ dụ nhà Vua và các Quan [281]

1. Ai thấy như thế, thấy tất cả các pháp.

Khi ông quan làm mọi việc, nhà vua ~~bằng~~ lòng.

Có bất cứ hành động gì của Phật, có bất cứ pháp gì của Thanh văn,

Ấy là bát-nhã ba-la-mật ảnh hưởng tất cả.

2. Một ông vua không đi đến làng xóm hay miền quê;

Nhưng trong nhà riêng của vua là chỗ hội họp mà vua triệu tập tất cả:

Cũng vậy Bồ-tát không rời pháp tánh của các pháp,

Nhưng ngài kết tập tất cả những phẩm tính nơi Phật pháp.

Chương XIV

Bồ-tát và Giác ngộ [284-86]

1. Vị Bồ-tát có niềm tin kiên cố nơi bậc Thiện Thệ,
Quyết tâm vào bát-nhã ba-la-mật vô thượng;
Vượt qua bên kia hai hạng Thanh văn và Duyên giác,
Ngài sẽ nhanh chóng, không chướng ngại, đạt giác ngộ của
các bậc Chiến Thắng.

Tỉ dụ Con tàu [286-87]

2. Khi một con tàu hư vỡ nơi đại dương,
Những người không bám được cái xác, cây gậy hay khúc gỗ,
Đi đến chỗ hủy diệt trong nước, không đến được bờ;
Nhưng những người nắm được một vật gì đó, đi bờ kia và
đến được:
3. Cũng vậy, những người dù bẩm sinh có niềm tin và sở hữu
sự tịch tĩnh nào đó,
Từ chối bát-nhã ba-la-mật, người mẹ:
Họ phải lang thang mãi mãi trong biển sinh tử,
Trong sinh, già, chết, phiền não, náo loạn, và gãy đứt [chân
tay].
4. Nhưng những người được bát-nhã ba-la-mật hộ trì,
Thiện xảo trong thấy tự hữu, những bậc thấu thị thấy thực
tướng tối hậu:
Họ là những người xứng đáng của chiếc xe đã tích tập sự
giàu sang công đức và tri kiến.
Họ sẽ nhanh chóng chứng nghiệm sự giác ngộ của bậc Thiện
Thệ quá ư kỳ diệu.

Tỉ dụ Cái bình [287-88]

5. Nếu như có người chuyên nước trong cái bình làm băng đát
không nung;
Nên biết rằng nó sẽ vỡ nhanh thôi, vì nó không giữ nước tốt.

Nhưng khi chuyển nước trong cái bình được nung kỹ, trên đường đi

Nó có thể vỡ mà không sợ, và nó đến nhà một cách an toàn:

6. Mặc dù vị Bồ-tát có đầy niềm tin,

Nếu thiếu bát-nhã ông ấy nhanh chóng đi đến hoại diệt.

Nhưng khi được cả hai, niềm tin và bát-nhã, hộ trì,

Vượt qua hai bậc kia, ông ấy sẽ đạt giác ngộ vô thượng.

Tí dụ Hai Con tàu [288-90]

7. Một con tàu, chưa thực tốt, trên đại dương

Đi đến hoại diệt, cùng với hàng hóa và thương nhân của nó.

Nhưng khi một con tàu đã thực tốt, và cùng hòa nhập tốt,

Thì nó không hư vỡ, và tất cả hàng hóa đến bờ [kia].

8. Cũng vậy một Bồ-tát hăng say tin tưởng,

Nhưng thiếu bát-nhã, đi đến thất bại nhanh chóng trong giác ngộ.

Nhưng khi khéo hòa nhập với bát-nhã, ba-la-mật hàng đầu,

Ngài ấy chứng nghiệm, vô hại vô tật, sự giác ngộ của các bậc Chiến Thắng.

Tí dụ Người già [290-91]

9. Một người già, bệnh, một trăm hai mươi tuổi,

Mặc dù có thể đứng dậy, nhưng không thể bước đi một mình;

Nhưng khi hai người, ở hai bên phải và trái, giữ ông ta

Ông ta không cảm thấy sợ bị ngã, và đi theo dễ dàng:

10. Cũng vậy, một vị Bồ-tát, yếu về bát-nhã,

Mặc dù lên đường, ngài ấy sẽ quí ngã giữa đường;

Nhưng khi được phuơng tiện thiện xảo và bát-nhã hộ trì,

Ngài ấy không ngã đổ mà chứng nghiệm sự giác ngộ của những người hùng mạnh nhất.

Chương XV

Người Mới Bắt Đầu và các Thiện Tri Thức [292-93]

1. Các Bồ-tát trụ ở sơ địa của những người mới bắt đầu,
Với quyết tâm lên đường vì giác ngộ vô thượng của Phật,
Họ, những người sáng suốt, nên là những đệ tử tốt đế tâm
kính trọng Đạo sư, –
Luôn luôn chăm sóc thầy [‘các thiện tri thức’ của họ].
2. Vì sao? Những phẩm tính của người có học đến từ [sự chăm
sóc] đó.
Họ [các thiện tri thức] dạy trong bát-nhã ba-la-mật.
Bậc Chiến Thắng, người hộ trì tất cả những phẩm tính tốt
nhất, dạy như vậy:
‘Nương tựa thiện tri thức là Phật pháp.’

Bồ-tát Trợ Giúp Chúng Sinh Như Thế Nào [293-301]

3. Bồ thí, trì giới, cũng như nhẫn nhục và tinh tấn,
Thiền định và trí tuệ nên được chuyển thành giác ngộ.
Nhưng không nên bám vào giác ngộ, xem [nó như thuộc về]
các uẩn.
Như thế nên chứng minh nó cho những kẻ mới bắt đầu.
4. Theo đuổi như thế, những Đại dương Phẩm tính, những Mặt
trăng Giáo pháp
Trở thành nơi nương náu, nơi qui y, và chỗ an nghỉ của thế
gian;
Phương tiện cứu độ [con đường], trí thông minh, những hòn
đảo, những người lãnh đạo ham muộn phúc lợi;
Ánh sáng, ngọn đuốc, những Pháp sư hàng đầu, bất động.
5. Chiếc áo giáp khó mặc những người quyết tâm nhất mặc vào;
Nhưng họ không được trang bị các uẩn, giới hay nhập;
Họ tự tại với quan niệm ba thừa, và không hộ trì nó;
Họ không thối chuyển, bất động, và kiên định trong tính cách.
6. Được bẩm sinh như vậy với pháp, vô ngại,
Không do dự, bối rối và kinh ngạc, chú tâm vào những gì lợi

ích,

Khi nghe bát-nhã ba-la-mật, họ không thất vọng.

Nên biết họ không thể bị người khác dẫn lạc đường, là bất
thôi chuyền.

Bát-nhã Ba-la-mật và Sự Mâu thuẫn với Thế gian [304-5]

7. Thâm sâu là pháp này của các bậc Đạo sư, khó thấy,
Không ai đạt nó, họ cũng không đến được.
Vì lý do ấy, khi đạt được giác ngộ, bậc Từ Bi
Trở nên không quan tâm, – thân gì của chúng sinh tri kiến
điều này?
8. Với những chúng sinh hoan hỉ ở nơi an định, họ hăng hái vì
các trần,
Cúi xuống nắm bắt, không thông minh, và hoàn toàn mù.
Pháp nên đắc là không có gì để an định và không có gì để
nắm bắt.
Mâu thuẫn của nó với thế gian thị hiện.

Chương XVI

Về Chân như [306-8]

1. Không đại ở phương đông, và ở phương nam,
Cũng như ở phương tây và phương bắc thì vô biên;
Trên và dưới, trong mươi phương, xa như vậy
Không có một tạp đà hay khác biệt nào để đắc.
2. Chân như quá khứ, Chân như vị lai,
Chân như hiện tại, Chân như của các A-la-hán,
Chân như của tất cả các pháp, Chân như của các bậc Chiến
Thắng, –
Tất cả đó là Chân-như-Pháp, không có khác biệt nào khả đắc.

Bát-nhã và sự Thiện xảo trong Phương tiện [30-11]

3. Nếu một Bồ-tát ước mong đạt đến
Giác ngộ này của các bậc Thiện Thệ, không có pháp dị biệt,
Bồ-tát ấy nên thực hành bát-nhã ba-la-mật, kết hợp với
phương tiện thiện xảo.
Không có bát-nhã, không có sự chứng đắc của các Đạo sư
của loài người.
4. Con chim với bộ xương lớn một trăm năm chục dặm
Sẽ có ít sức mạnh nếu đôi cánh bị mất hay yếu đi:
Nếu nó phải nhảy xuống cõi Diêm-phù-đè từ chỗ trú của các
Thần của trời Ba mươi ba,
Nó sẽ đi đến chỗ hoại diệt.
5. Nếu Bồ-tát ấy tìm được năm ba-la-mật này của các bậc Chiến
Thắng
Trong nhiều na-do-tha câu-lợi kiếp,
Và luôn luôn chăm sóc thế gian với những lời nguyễn vô
cùng phong phú; –
Nếu không có phương tiện thiện xảo, thiếu bát-nhã, ngài ấy
rơi vào chỗ Thanh văn.

Thái độ Dáng Ham muốn Đối với Chúng sinh khác [321-22]

6. Nếu muốn tiến vào tri kiến Phật này,
Nên có tâm bình đẳng đối với cả thế gian, quan niệm cha mẹ
[đối với tất cả chúng sinh];
Nên tận sức với ý từ thiện và tâm thân thiện;
Trách nhiệm và ngay thẳng, nên dịu dàng trong lời nói.

Chương XVII

Chu đè [323]

1. Trưởng lão Tu-bồ-đề hỏi đức Thé Tôn:

“Xin hãy dạy về các tướng của những người ẩn mình trong Bình an, của những Đại dương Phẩm tính,
Làm sao họ trở thành bất thối chuyền, và có đại hùng lực.
Xin hãy nói, Ôi bậc Chiến Thắng, những phẩm tính của họ,
chỉ một cách đại cương!”

Những Phẩm tính của Bồ-tát Bất Thối chuyền [323-38]

2. “Họ tự tại với sự nhận thức cái tạp đa; họ nói một cách thích nghi;

Họ không qui y với các Sa-môn hay Bà-la-môn bên ngoài.
Người trí luôn luôn tránh ba nơi phiền não,
Và họ thực hành mười điều thiện.

3. Tự tại với tư lợi họ dạy thế gian theo Pháp.

Họ hoan hỉ trong Pháp. Họ luôn luôn nói dịu dàng.
Đứng, đi, nằm, ngồi, họ ý thức đầy đủ [những gì họ đang làm].

Họ đi tới nhìn trước chỉ một cái ách, không nghĩ lang thang.

4. Họ mặc y phục sạch không bụi đất. Họ trở thành thanh tịnh qua ba ly cách.

Những người trang nghiêm không muốn được gì, nhưng luôn luôn muốn Pháp.

Họ vượt qua bên kia các cõi Ma. Người khác không thể dẫn họ đi lạc đường.

Họ thiền định trong bốn thiền, nhưng không dùng các thiền ấy làm hậu thuẫn [cho sự tái sinh tốt hơn của họ].

5. Không muốn danh, tâm họ không bị giận dữ chế ngự.

Là gia chủ, họ luôn luôn không bị trói buộc vào tất cả của cải của mình.

Họ không tìm cách sống theo tà đạo,

Băng phù chú, hay thần chú là việc làm của nữ nhân.

6. Họ cũng không [kiếm sống bằng cách] nói những lời dối láo có thể chấp nhận đối với nam và nữ.

Thực hành bát-nhã tự tại, tốt nhất trong các ba-la-mật,
Không cãi cọ và bàn luận, tâm họ vững chắc thân thiện,
Họ muôn [thấy] cái biết tất cả, tâm họ luôn luôn hướng về
đạo.

7. Họ tránh những người của các khu vực bên ngoài, của các
vùng biên giới.

Không nghi ngờ địa vị của mình, họ luôn luôn làm theo cách
như núi Tu-di.

Vì Pháp, họ từ bỏ đời sống riêng và chú tâm vào tu hành.
Nên tuệ tri đây là tướng của những người bất thối chuyền.

Chương XVIII

Những Trạng dùng Thâm sâu [342-43]

1. Thâm sâu là sắc, thọ và hành,
Thức và tưởng; vô tưởng trong yếu tánh, và tĩnh lặng.
Như người cố gắng đến đáy đại dương bằng một bước dài,
Cũng vậy, khi quán các uẩn bằng trí, người ta không đến
được đáy của chúng.
2. Như thế khi một Bồ-tát hiểu rằng các pháp này
Ở trong thừa thâm sâu là theo nghĩa tối hậu không tì vết;
Ở đâu không có uẩn, nhập, hay giới,
Làm sao có thể có việc Bồ-tát ấy đạt công đức ở chỗ nào?

Tí dụ Người Đàn bà [343-44]

3. Như một người đàn ông, bị tham lam chiếm cứ trước, có hẹn
Với một người đàn bà mà không gấp nàng, sẽ đắm chìm
trong nhiều ý nghĩ;
Như trong một ngày [trong tâm] có nhiều chiếm cứ trước,
Một Bồ-tát có đạt đến mục tiêu của mình cũng mất nhiều
kiếp như vậy.

Quán xét Công đức [344-46]

4. Nếu một Bồ-tát trong nhiều ngàn câu-lợi kiếp
Bố thí những món quà không tì vết, và bình đẳng trì giới.
Và nếu một vị khác thuyết giảng pháp kết hợp với bát-nhã,
ba-la-mật hàng đầu, –
Công đức từ bố thí và trì giới [đem so sánh] sẽ là vô cùng
nhỏ.
5. Khi một Bồ-tát, thiền định về ba-la-mật hàng đầu,
Từ đó [thiền định] hiện ra thuyết giảng Pháp không cầu ué,
Và cũng chuyển [công đức ấy] đến giác ngộ liên hệ với hạnh
phúc thế gian:
Trong ba giới không có gì có thể trở nên đẹp bằng Bồ-tát ấy.

6. Chỉ vì công đức ấy bị tuyên bố chỉ là không xứng đáng, Tựa như hư không, vô nghĩa, rỗng không và không bản chất. Theo đuổi như thế ngài ấy theo đuổi trong bát-nhã của các bậc Thiện Thệ.
Theo đuổi [như thế], ngài ấy được công đức vô lượng.

Không Tăng hay Giảm [347-51]

7. Như nói ngài ấy tri kiến tất cả các pháp này
Phật đã chứng minh, thực hành, và tiết lộ.
Mặc dù ngài ấy có thể dạy trong nhiều na-do-tha câu-lợi kiếp,
Song Pháp giới không kiệt tận cũng không tăng.
8. Và về năm ba-la-mật này của các bậc Chiến Thắng,
Những pháp này cũng được công bố chỉ là lời nói.
Vị Bồ-tát chuyển, không để tâm vào đó,
Không thất bại, ngài ấy chứng nghiệm giác ngộ vô thượng
của Phật.

Chương XIX

Tùy thuộc Phát sinh và Tí dụ Cái đèn [352-53]

1. Cái bắc của cây đèn dầu, – không do cơ duyên thứ nhất [của ngọn lửa]
Mà cái bắc cháy; hay không cháy khi có hay không có cơ duyên.
Hay không phải cái bắc cháy do cơ duyên cuối cùng của ngọn lửa,
Cũng như khi ngọn lửa cuối cùng không làm cho cái bắc đèn không cháy.
2. Do tâm [bồ-đề] đầu tiên người ta không chứng nghiệm giác ngộ vô thượng,
Lại nữa, khi nó không ở đó, người ta không thể chứng nghiệm nó;
Không phải tâm cuối cùng đến Cực lạc,
Lại không phải khi nó không ở đó, người ta có thể đến được.

Tí dụ Hạt và Quả

3. Cây, quả và hoa đến từ hạt,
Khi hạt bị chướng ngại, hay vắng mặt, thì không có cây đến.
Cũng thế, dĩ nhiên, tâm đầu tiên là nền tảng của giác ngộ;
Nhưng khi nó bị trở ngại hay vắng mặt, không có giác ngộ nào đến.
4. Tùy duyên hạt giống mọc lúa mạch, lúa gạo và v.v...;
Quả của chúng ở trong những [hạt giống] này, song không ở nơi chúng.
Khi sự giác ngộ này của các bậc Chiến Thắng xuất hiện,
Những gì xảy ra là ảo ảnh, mà trong tự thể nó không hiện hữu.

Tí dụ Những Giọt nước

5. Những giọt nước làm đầy bình từng giọt,
Dần dần, từ cơ duyên đầu tiên đến cơ duyên cuối cùng.

Cũng vậy tâm đầu tiên là nhân [sơ khởi] của giác ngộ vô thượng:

Dần dần những phẩm chất sáng ngời hoàn thành nơi các Phật.

Nghĩa của Không [356-61]

6. Ngài ấy theo đuổi các pháp như là không, vô tướng và vô nguyễn;

Nhưng không chứng nghiệm Tịch diệt, cũng không theo đuổi trong tướng:

Như một thuyền nhân thiện nghệ đi từ [bờ] này đến bờ kia
Nhưng không đứng ở đâu nào, cũng không đứng nơi dòng nước lũ.

7. Theo đuổi như thế, ngài ấy cũng không nghĩ:

‘Được những bậc có mười lực thọ ký, ta có thể đạt giác ngộ!’
Ngài ấy cũng không run rẩy [vì thấy rằng] giác ngộ ở đây không phải bát cứ vật gì.

Theo đuổi như thế, ngài ấy trở thành người theo đuổi trong bát-nhã của các bậc Thiện Thê.

Thái độ Đối với Những nơi Có thể Gây Sợ hãi [361-64]

8. Khi thấy thế giới hoang dại, đầy đói và bệnh tật,
Họ không sợ, và tiếp tục mặc áo giáp.

Vì người trí luôn luôn tiếp cận giới hạn xa hơn.

Trong tâm họ không sinh chút nào mệt mỏi.

Chương XX

Ba Cửa Giải thoát và Phật pháp [370-71]

1. Hơn nữa, vị Bồ-tát theo đuôi trong bát-nhã của các bậc Chiến Thắng

Tri kiến các uẩn này là bất sinh, bẩn lai trống rỗng.

Ngay cả trong khi không thiền định, ngài ấy thấy thế giới của chúng sinh trong bi tâm,

Ngài ấy không trở thành thiếu Phật-pháp.

Tí dụ Người Anh hùng [371-74]

2. Một người thiện xảo, bẩm sinh với tất cả các phẩm tính, Hùng mạnh, không thể chiếm lấy, phẩm tính tốt, học nhiều nghệ thuật.

Hoàn hảo trong thuật bắn cung, sùng mộ nhiều kỹ xảo,

Hoàn hảo trong tri thức những hình tướng khác nhau về ảo ảnh huyền thuật, sắc bén về hạnh phúc thế gian.

3. Người ấy đưa cha mẹ, cùng với con trai và con gái
Vào nơi hoang dã, đầy những lực lượng thù nghịch.
Người ấy triệu gọi nhiều người, những anh hùng vô địch,
Đi an toàn, và lại trở về nhà;

4. Cũng vậy, vào lúc một Bồ-tát trí tuệ
Mở rộng tâm đại từ đến tất cả trong thế giới chúng sinh,
Vượt qua bên kia bốn Ma, và hai hạng,
Ngài ấy vĩnh viễn trụ trong chánh định, mà không chứng nghiệm giác ngộ.

Tí dụ Vũ trụ

5. Được hư không yểm trợ là gió, và nước;
Cũng được hư không yểm trợ là trái đất và thế giới [chúng sinh]

Nếu nền tảng thụ hưởng những việc làm của chúng sinh

Được thiết lập như thế trong hư không, làm sao người ta có thể nghĩ về vật đó?

6. Cũng vậy, vị Bồ-tát, thiết định trong không
Thị hiện nhiều việc làm đa dạng và sai biệt cho chúng sinh
trong thế gian,
Những lời nguyễn và tri kiến của ngài ấy là sức mạnh hộ trì
chúng sinh.
Nhưng ngài ấy không chứng nghiệm Tịch diệt; vì tánh không
không phải là chỗ trụ.
7. Vào lúc vị Bồ-tát trí tuệ và có học
Theo đuổi trong tịch tĩnh thù thắng nhất của tam-muội không,
Trong lúc ấy không nên tán dương một tướng nào,
Cũng không nên trụ trong vô tướng; vì ngài ấy là người theo
đuối tĩnh lặng.

Tí dụ Con Chim bay [374]

8. Con chim bay không đặt chân trong không trung.
Không đứng trên hư không, cũng không rơi xuống đất.
Cũng vậy, vị Bồ-tát theo đuổi trong các cửa giải thoát
Không chứng nghiệm Tịch diệt, cũng không theo đuổi trong
tướng.

Tí dụ Người Bắn cung [374-75]

9. Như người luyện bắn cung bắn một mũi tên đi lên,
Và rồi một mũi nữa tiếp theo nhanh,
Không cho mũi tên đầu tiên cơ hội nào rơi xuống đất.
Cho đến khi người ấy muốn mũi tên ấy rơi xuống đất.
10. Cũng vậy, một người theo đuổi trong bát-nhã, ba-la-mật
hạng nhất,
Hoàn thành bát-nhã, phương tiện thiện xảo, các lực và khả
năng làm những việc diệu kỳ:
Bao lâu các thiện căn này còn chưa hoàn thành
Người ấy còn chưa đạt được tánh không thù thắng nhất.

Tí dụ Kỳ tích Song đôi

11.Một tăng nhân được phú bẩm khả năng thù thắng nhất để làm những việc kỳ diệu

Đứng giữa trời, thị hiện kỳ tích song đôi:

Biểu diễn đến và đi, nằm và ngồi;

Nhưng không thể bảo người ấy ngừng lại, hay không cảm thấy kiệt sức dù có thể ở đó bao lâu.

12.Cũng thế, vị Bồ-tát trí tuệ, trụ trong không,

Hoàn hảo trong tri kiến và khả năng làm những việc kỳ diệu, lang thang không nhà,

Thị hiện những việc làm dị biệt vô tận cho thế gian,

Nhung ngài ấy không thể bị hao mòn hay cảm thấy cạn kiệt trong câu-lợi kiếp.

Tí dụ những Cái dù

13.Như với một vài người đứng trên vách đá cao;

Nếu họ cầm dù trong tay và nhảy vào hư không,

Thân họ, một khi đã rời khỏi vách đá;

Sẽ tiếp tục rơi cho đến khi đến đất.

14.Cũng vậy, vị Bồ-tát trí tuệ, đứng trong bi mẫn,

Cầm hai chiếc dù phương tiện thiện xảo và bát-nhã,

Xem các pháp là không, vô tướng và vô nguyên;

Dù không chứng nghiệm Tịch diệt, tuy ngài ấy thấy các pháp.

Tí dụ Thương nhân và Hòn Đảo ngọc

15.Có người ham ngọc, hành trình đến hòn đảo kho tàng,

Và khi đã được ngọc, người ấy lại trở về nhà.

Dù như vậy, thương nhân ấy sống hoàn toàn hạnh phúc,

Song y mang trong lòng những nhóm bà con đau khổ;

16.Cũng vậy, vị Bồ-tát du hành đến đảo kho tàng Tánh Không,

Và đã được các định, các căn và các lực;

Dù có thể chứng nghiệm Tịch diệt, hoàn toàn hoan hỉ trong đó,

Ngài ấy mang tất cả chúng sinh đau khổ trong tâm.

Tí dụ Thương nhân và Cuộc Hành trình

17. Như một thương nhân, thích kinh doanh, đi vào thành phố,
Thị trấn và làng mạc, ngang qua đường đi, và người ấy làm
quen với chúng;
Nhưng không ở lại đó hay nơi đảo kho tàng;
Mà người ấy, phân biệt, trở nên thiện nghệ trên đường về nhà.
18. Cũng vậy, vị Bồ-tát trí tuệ trở nên thiện xảo khắp mọi nơi
Trong tri kiến và giải thoát của Thanh văn và Duyên giác,
Họ không trụ ở đó hay ở nơi tri kiến của Phật,
Cũng không ở nơi duyên. Với đạo người trí trở thành người
biết phương pháp.

Vị Bồ-tát Không thể Khẳng định

19. Lúc ngài ấy nói chuyện với thế gian bằng tâm từ ái,
Và theo đuổi thiền định tánh không, vô tướng và vô nguyện:
Không thể có chuyện ngài ấy sẽ [có ý] đi đến Tịch diệt,
Hay có thể khẳng định ngài ấy là do duyên qui định.
20. Như một người do huyền thuật tạo ra, hay một người biến
thân mình thành vô hình,
Người ta không thể xác định được người ấy bằng lời:
Cũng vậy, vị Bồ-tát theo đuổi trong các cửa giải thoát
Cũng không thể xác định được bằng lời.

Các Cửa đến Giải thoát và Giai đoạn Bất Thối chuyển [379]

21. Nếu có người hỏi về sự thực hành và các căn
Một Bồ-tát không động đến sự tiết lộ các pháp thâm sâu
là không và vô tướng,
Nếu ông ấy không chỉ ra các pháp đặc biệt với địa bất thối
chuyển,
Không nên xem Bồ-tát ấy là người đã được thọ ký.

Những Biểu hiệu của Bất Thối chuyển [380-84]

22. Không phải bậc A-la-hán, không phải bậc Duyên giác,
Cũng không phải cái gì thuộc ba giới người ấy mộng ước.

Nhưng thấy các Phật, và chính mình là người thuyết pháp cho thế gian:

Thì nên biết người ấy được thọ ký ‘bất thối chuyền.’

23. Khi trong mộng, thấy chúng sinh ở ba nơi thống khổ,
Người ấy lập thệ, ‘Nguyện rằng tôi xóa bỏ ba nơi thống khổ
ngay giây phút ấy!’

Nếu nhờ sức mạnh tuyên bố Chân lý, người ấy làm điều được
ngay cả khói lửa:

Thì nên biết người ấy đã được thọ ký ‘bất thối chuyền.’

24. Những kẻ bị ma ám, với những bệnh tật khác nhau, trong
thế giới loài người,

Nhờ sức mạnh tuyên bố Chân lý, người ấy an ủi họ, là người
tù bi.

Cũng không có tự ý hay kiêu mạn nào phát sinh với người
ấy:

Thì nên biết là người ấy đã được thọ ký ‘bất thối chuyền.’

Chương XXI

Kiêu mạn và những Hành vi khác của Ma vương [385-91]

1. Nhưng khi noi người ấy phát sinh tự phụ, ‘Tôi đã được tiền định

[Bởi vì] lời tuyên bố Chân Lý [của tôi] mà nhiều việc được thành,’

Khi một Bồ-tát tự đặt mình lên trên các [Bồ-tát] khác, là người đã được tiền định,

Nên biết rằng người ấy ở trong tự phụ, và ít thông minh.

2. Lại vì sức mạnh của cái tên, Ma vương tiến đến gần,

Nói [với người ấy]: ‘Đây là tên của ngài.’

Dòng họ cha mẹ [ngài] bảy đời về trước y đi qua;

‘Khi ngài là một vị Phật, lúc ấy đây là tên ngài!’

3. Nếu là người hành xử phù hợp với pháp tu khổ hạnh, một hành giả Du-già sùng mộ,

[Ma vương sẽ bảo:] ‘Trước kia, ngài cũng đã có những phẩm tính giống như vậy.’

Vị Bồ-tát, khi nghe như thế, trở nên tự phụ,

Nên biết Bồ-tát ấy bị Ma vương chiếm hữu, ít thông minh.

Những Lỗi làm Nối kết với Xa lìa [391-95]

4. Dù người ấy có thể xa lìa hoàn toàn xóm làng hay thành thị, tu tập trong một hang núi,

Nơi một khu rừng xa xôi, hay trong vùng cây ly cách, –

Bồ-tát ấy tự tán dương mình, phản đối những người khác,

Nên biết ông ấy bị Ma vương chiếm hữu, ít thông minh.

5. Mặc dù họ luôn ở trong làng, đô thị hay thị trấn;

Nếu ở đó, không sinh lòng mong muốn thura A-la-hán và Duyên giác,

Mà sùng mộ sự giác ngộ vì thuần thực chúng sinh:

Đây là sự xa lìa được các con của bậc Thiện Thệ dạy.

6. Dù người ấy có thể ở trong hang núi, rộng năm trăm dặm,

Bị dã thú khuấy phá, nhiều câu-lợi năm:

Bồ-tát ấy không biết sự xa lìa này
Nếu ông ấy trú ô nhiễm do tự phụ.

7. Khi ông ấy cảm thấy cao hơn các Bồ-tát tu tập vì hạnh phúc thế gian,
Đạt được các tam muội, giải thoát, các căn, thiền và lực,
Trên căn bản họ không theo đuổi sự xa lìa của khu rừng xa vắng,
Mà bậc Chiến Thắng nói ‘ông ấy ở lại trong cõi Ma.’
8. Hoặc ở trong xóm giềng làng mạc, hay trong rừng xa vắng:
Nếu người ấy không nghĩ về hai thừa và cố định với giác ngộ vô thượng,
Thì đây là sự xa lìa của những người lên đường vì hạnh phúc thế gian.
Nên xem Bồ-tát ấy là người ngã tịch diệt.

Chương XXII

Các Thiện Tri thức và các Ba-la-mật [396-99]

1. Vì thế lúc ấy những người hữu học diệt kiêu mạn,
Tìm giải pháp trang nghiêm cho giác ngộ tối ưu,
Nên như người theo y sĩ để chữa khỏi nhiều bệnh,
Theo thiện tri thức, không nản lòng.
2. Các Phật, các Bồ-tát lên đường vì giác ngộ tối hảo,
Và các ba-la-mật này đã được kể là ‘những thiện tri thức.’
Ấy là họ dạy các ngài ấy trong những giai đoạn tăng tiến này,
Vì hai lý do họ [nhanh chóng] hiểu sự giác ngộ của Phật.
3. Các bậc Chiến Thắng quá khứ và vị lai, và những vị [hiện giờ] trụ trong tất cả mười phương.
Tất cả đều [có] ba-la-mật này cho con đường của họ, không
đường nào khác.
Như quang minh huy hoàng, như ngọn đuốc, như ánh sáng,
như Đạo sư
Miêu tả các ba-la-mật này cho những ai lên đường vì giác
ngộ tối hảo.
4. Khi tri kiến bát-nhã ba-la-mật qua tướng của không,
Người ấy tri kiến tất cả các pháp này cũng qua tướng ấy;
Khi người ấy tri kiến các pháp là không, là không có tướng,
Khi theo đuổi như thế người ấy theo đuổi trong bát-nhã của
các bậc Thiện Thệ.

Nhiễm và Tịnh [400]

5. Khi muốn có thức ăn, đắm mình trong tướng tượng, chúng
sinh
Luôn luôn lang thang đây đó trong sinh tử, tâm họ chấp trước.
Cả hai ‘tôi’ và ‘cái của tôi’ là các pháp không thực có và rỗng
không.
Do cái tôi của mình, kẻ ngu trở nên bị vướng mắc trong hư
không.
6. Như có người ngờ rằng mình bị trúng độc

Có thể bị suy sụp, mặc dù không có độc gì vào bao tử của y;
Cũng vậy, người ngu tự nhận vào mình [những ý niệm] ‘tôi’
và ‘cái của tôi’

Bị ý niệm ‘tôi’ hoàn toàn không có thực đó cưỡng bức trải
qua sinh và tử hết lần này đến lần khác.

7. Ở đâu có nhận biết ở đó có ô nhiễm, nó đã lộ ra như vậy;
Người ta gọi sự không nhận biết về tôi và cái của tôi là thanh
tịnh.
Nhưng ở đây không có người bị nhiễm hay được tịnh.
Lúc ấy vị Bồ-tát ấy hiểu rõ bát-nhã ba-la-mật.

Công đức Vô thương của Bát-nhã Ba-la-mật [401-2]

8. Nếu có nhiều chúng sinh ở đây trong toàn cõi Diêm-phù-đè
Tất cả đều phát khởi tâm bồ-đề hạng nhất,
Và có nhiều của bố thí trong nhiều ngàn câu-lợi năm
Hồi hướng tất cả đến giác ngộ kết nối với hạnh phúc thế gian;
9. Nhưng nếu một người nào khác, thực hành bát-nhã, ba-la-
mật hàng đầu,
Dù chỉ một ngày phù hợp với nó:
Một công đức vô cùng nhỏ cũng đem lại đây khói của bố thí.
Vì thế những người không sợ sẽ luôn luôn nhảy vào bát-nhã.

Bi tâm và Bát-nhã Ba-la-mật [402-4]

10. Khi hành giả Du-già theo đuổi trong bát-nhã, đệ nhất ba-la-
mật,
Hành giả ấy phát sinh đại bi nhưng không có ý niệm chúng
sinh.
Rồi người trí xứng đáng với những cúng dường của toàn thế
giới,
Hành giả ấy không bao giờ tiêu dùng một cách vô ích đòn bồ
thí của cõi này.
11. Vị Bồ-tát nguyện giải thoát cho thần và người,
Bị ràng buộc đã lâu, và chúng sinh ở ba nơi thống khổ,
Để thị hiện cho thế giới chúng sinh con đường lớn đến bờ

kia,

Nên ngày đêm sùng mộ bát-nhã ba-la-mật.

Tí dụ Viên ngọc có Giá trị lớn [404-5]

12.Có lần có người được một viên ngọc đẹp

Mà trước kia người ấy chưa bao giờ có được, nên hài lòng.

Nếu ngay khi được mà lại mất nó vì không cẩn thận,

Y sẽ buồn phiền và luôn luôn ham có lại viên ngọc ấy.

13.Cũng vậy, vị hành giả Du-già lên đường vì giác ngộ tối ưu

Không nên xa rời bát-nhã ba-la-mật, ví như viên ngọc,

Cầm viên ngọc đã được, với sức mạnh gia tăng,

Hành giả tiến tới, và nhanh chóng đến [cảnh giới] Cực lạc.

Chương XXIII

Địa vị Thượng đẳng của Bồ-tát [413]

1. Khi mặt trời mọc, không mây và chỉ một vầng tia sáng,
Đánh tan toàn bộ bóng tối mù lòa và lẩn lộn,
Nó chiếu sáng tất cả những con vật như đom đóm,
Cũng như tất cả các chòm sao, và ánh sáng của mặt trăng.
2. Cũng vậy, vị Bồ-tát trí tuệ theo đuổi trong bát-nhã, ba-la-mật
hàng đầu:
Diệt khu rừng già tà kiến,
Vị Bồ-tát theo đuổi trong không và vô tướng
Vượt qua rất nhiều cả thế gian, cũng như A-la-hán và Duyên
giác.

Tí dụ nhà Vua và Thái tử Đăng quang

3. Giống như con của vua, người ban cho sự giàu sang, ham
muốn hạnh phúc [của những người khác]
Trở thành người có uy quyền trong tất cả, đã tìm kiếm nhiều.
Vì ngay cả bây giờ ông ấy làm cho [nhiều] người hạnh phúc,
Vậy thì còn nhiều hơn biết bao khi ông ấy được lập làm
[người cai trị] quyền lực của vương triều!
4. Cũng vậy vị Bồ-tát, theo đuổi trong bát-nhã,
Người bố thí bất tử, thân thiết với thần và người.
Bây giờ Bồ-tát ấy đã thích thú vì hạnh phúc chúng sinh,
Vậy thì còn nhiều hơn biết bao khi ngài ấy được lập làm vị
Vua của Pháp!

Chương XXIV

Ma vương Bát an và bị Đánh bại Như thế nào [416-17]

1. Nhưng Ma vương lúc ấy trở thành kẻ cảm thấy như gai đâm vào thịt,
Khổ vì phiền não, khốn cùng, không thích thú, ít khả năng chịu đựng.
[Y thị hiện] đại hỏa tai nơi chân trời, ném sao băng, để gây sợ hãi,
'Làm sao vị Bồ-tát này có thể bị làm cho trong tâm chán nản!'
2. Khi người trí trở nên quyết tâm,
Ngày đêm quán nghĩa của bát-nhã, ba-la-mật hàng đầu,
Rồi thân, ý, và ngữ của họ trở nên [tự tại] như chim trên trời.
Làm sao Thân nhân của Bóng tối có được lối vào đến họ?

Cái gì Khiến Ma vương Bằng lòng [420]

3. Khi một Bồ-tát dùng tranh cãi và biện luận,
Và khi những ý nghĩ [của hai Bồ-tát] trở nên mâu thuẫn và tức giận nhau,
Thì Ma vương trở nên hài lòng, và cực kỳ phấn khởi, [nghĩ:]
'Cả hai người này vẫn còn cách xa tri kiến của các bậc Chiến Thắng.'
4. Cả hai người này vẫn còn cách xa [nó], so với các ác quỷ;
Cả hai sẽ tác động lên chính mình tiêu tan cam kết.
Những kẻ đầy thù ghét, thiếu nhẫn nhục, làm sao có thể đạt được giác ngộ?' –
Rồi Ma vương trở nên bằng lòng, cùng với đám [ma] của nó.

Sự Kiêu mạn và Sám hối của Bồ-tát [420]

5. Nếu một Bồ-tát chưa có được sự thọ ký
Sẽ có những ý nghĩ giận dữ vì người nào đã có, và sẽ đưa đến cãi nhau:
Vì nhiều lúc ông ấy khăng khăng với những ý nghĩ ương ngạnh sai lầm,

- Vì nhiều kiếp ông ấy phải mặc lại cái áo giáp ấy.
6. Rồi ông ấy lập chánh niệm, và [phản chiếu], ‘Đây là những ý nghĩ bất thiện;
Bằng phương tiện nhẫn nhục ba-la-mật chư Phật chứng ngộ.’
Ông ấy thú nhận lỗi của mình, và về sau tự kìm chế,
Hay ông ấy phản kháng, và tu luyện mình trong Phật Pháp.

Chương XXV

Một Bồ-tát được Huấn luyện Như thế nào [424-30]

1. Khi tự huấn luyện, ngài ấy không đi đến sự huấn luyện ở bát cứ nơi nào,
Cũng không đến với người huấn luyện, hay với các pháp huấn luyện.
Người tự huấn luyện, không phân biệt giữa – huấn luyện và không huấn luyện, –
Ngài ấy tự huấn luyện trong Phật pháp này.
2. Vị Bồ-tát tri kiến sự huấn luyện này như vậy,
Không bao giờ trở nên thiếu huấn luyện, hay vô giới luật.
Tìm được lạc thú nơi chúng, ngài ấy tự huấn luyện trong các Phật pháp này.
Ngài ấy tự huấn luyện, thiện xảo trong huấn luyện [thượng thừa], nhưng không nhận biết bất cứ điều gì,
3. Khi huấn luyện như vậy trong bát-nhã, với người trí soi sáng
Không một ý nghĩ nào phát sinh là bất thiện:
Như khi mặt trời đi qua bầu trời, trước tác động ánh sáng
Không bóng tối nào có thể tự bảo trì giữa không trung.

Bát-nhã Ba-la-mật Hiểu Tất cả các Ba-la-mật [430-31]

4. Với những người tác động sự huấn luyện trong bát-nhã ba-la-mật
Tất cả các ba-la-mật [khác] sẽ được lãnh hội trong đó.
Vì trong cái thấy sai làm về ngã bao gồm cả sáu mươi hai cái thấy sai làm,
Cũng vậy, những ba-la-mật này [bao gồm trong bát-nhã ba-la-mật].
5. Như khi mạng căn đã dứt
Tất cả các căn khả hữu khác cũng dứt:
Cũng vậy, khi người trí tuệ nhất trong những người trí tuệ theo đuổi trong bát-nhã,
Tất cả những ba-la-mật này, như đã nói, sẽ được lãnh hội

trong đó.

Bồ-tát và Thanh văn [432-33]

6. Trong tất cả những phẩm tính của Thanh văn cũng như của Duyên giác,

Vì Bồ-tát trí tuệ trở thành được huấn luyện:

Nhưng ngài ấy không trụ nơi chúng cũng không mong muốn chúng,

‘Ta [cũng] sẽ được huấn luyện trong đó,’ [ngài ấy nghĩ].
Theo nghĩa này, ngài ấy huấn luyện mình [trong đó].

Chương XXVI

Hoan hỉ và Bát-nhã Ba-la-mật [435-36]

1. Nếu có người quyết hoan hỉ trong phát sinh ý nghĩ
[Về một Bồ-tát] lên đường vì giác ngộ tối hảo và không thối
chuyển;
Người ta có thể [đo] các núi Tu-di đến Đại thiên thế giới¹⁸
so sánh chúng [với đầu cọng rơm],
Nhưng không phải công đức đó phát xuất từ hoan hỉ.
2. Họ hoan hỉ vì khôi công đức của tất cả chúng sinh ở đó,
Ham cái gì thiện và muốn giải thoát.
Khi vì hạnh phúc chúng sinh họ đạt đến những phẩm tính vô
cùng của bậc Chiến Thắng.
Họ sẽ bố thí Pháp cho thế gian vì sự diệt khổ hoàn toàn.
3. Vì Bồ-tát, không phân biệt, hiểu
Tất cả các pháp là không, vô tướng và vô ngại,
Không nhị nguyên, ngài ấy tìm giác ngộ trong bát-nhã.
Sùng mộ bát-nhã ba-la-mật hàng đầu là hành giả Du-già đó.

Tí dụ Hư không và Bầu trời [441]

4. Chướng ngại của không giới do bầu trời
Không ai có thể tìm được ở bất cứ nơi đâu.
Cũng vậy, vị Bồ-tát trí tuệ, theo đuổi trong bát-nhã,
Như hư không mờ trống, ngài lặng lẽ theo đuổi.

Tí dụ Người do Huyền thuật Tạo ra [441-42]

5. Vì nó không xảy ra đối với người do nhà huyền thuật gọi lên
[khi ông ta nhìn thính giả]:
'Tôi sẽ làm vui lòng những người đó,' tuy nhiên ông ta biểu
diễn việc mình làm,
Họ thấy ông ta trưng bày những tác phẩm ảo thuật khác nhau,

¹⁸ *Đại thiên thế giới* cũng gọi là Tam thiên Đại thiên thế giới (Phạn: trisāhasra-mahāsāhasra-lokadhatus, Anh: great trichiliocosm): Một vũ trụ bao gồm 1.000 triệu mặt trời, 1.000 triệu mặt trăng, 1.000 triệu thiên đường và địa ngục, v.v...

Mặc dù người ấy không có thân, tâm, hay tên.

6. Cũng vậy, nó không bao giờ xảy ra đối với một người theo đuổi trong bát-nhã:

‘Khi biết giác ngộ tôi sẽ giải thoát thế gian!’

Trong những lần tái sinh khác nhau, người ấy hợp tác với những việc làm đa dạng,

Mà thị hiện giống như huyền hóa, nhưng không theo đuổi trong phân biệt sai lầm.

Tí dụ Những Huyền hóa của Phật [442-43]

7. Như sự huyền hóa của một vị Phật biểu diễn một việc làm của Phật,

Nhưng khi ngài ấy làm thế, không một ý niệm tự phụ nào phát sinh:

Cũng vậy, vị Bồ-tát trí tuệ, theo đuổi trong bát-nhã,

Thực hiện tất cả những việc làm, có thể ví với ảo ảnh hư dối của huyền thuật.

Tí dụ Cái máy [443]

8. Một người thợ chuyên môn và có kinh nghiệm làm một cơ quan bằng gỗ;

Có thể so sánh nó với một người nam hay nữ, nó thực hiện tất cả những việc làm của nó ở đây.

Cũng vậy, vị Bồ-tát trí tuệ, theo đuổi trong bát-nhã,

Thực hiện toàn bộ việc làm với tri kiến, nhưng không phân biệt.

Chương XXVII

Vị Bồ-tát Đáng Tôn kính [446-47]

1. Với người trí, theo đuổi như vậy, nhiều chúng thần,
Cung tay đưa ra, kính chào, sẽ hành lễ kính.
Chư Phật cũng vậy, có nhiều như các thiên giới trong mười
phương,
Tác động lời công bố của tràng hoa tán thán những phẩm tính
của người trí.

Ma vương Bất lực với những vị Bồ-tát Nhất định [447-49]

2. Nếu trong các cõi có chúng sinh nhiều không đếm được như
cát sông Hằng
Hãy giả sử, tất cả trở thành Ma vương;
Và nếu mỗi sợi lông trên thân họ lại huyền tạo ra một cái bẫy,
Tất cả bẫy đó cũng không thể làm chướng ngại người trí.
3. Trong bốn mùa vị Bồ-tát dũng và trí khiến cho
Bốn Ma vương không thể tấn công được, [và] không thể lay
chuyển:
Ngài ấy trở thành người trú trong không; song không phải là
người bỏ rơi chúng sinh;
Làm như đã nói; ngài ấy được các bậc Thiện Thệ hộ trì.

Thái độ Đúng đối với Chân như [425-54]

4. Vị Bồ-tát tin quyết khi được dạy
Bát-nhã ba-la-mật này, Mẹ của chư Như Lai,
Và thực hành đạo tiến bộ với quyết tâm,
Nên biết ngài ấy đã lên đường tốt hướng về nhất thiết trí.
5. Nhưng ngài ấy không đến chỗ trụ trong Chân như Pháp giới.
Ngài ấy trở thành người, như mây, đứng giữa bầu trời không
có chỗ nào để đứng,
Như một phù thủy đuỗi tà, như chim, cuồng gió không cho nơi
nương tựa,
Hay như người, nhò súc thần chú, kỳ diệu làm cho cây nở

đầy hoa trái mùa.

Vị Bồ-tát Trú Vô thương [454-56]

6. Vị Bồ-tát trí tuệ và có học theo đuối như vậy

Không tìm cách quấy rầy người tinh thức với giác ngộ, cũng không tìm cách làm tổn thương Phật pháp,

Không tìm cách quấy rầy người chứng minh, cũng không tìm cách quấy rầy người yêu thích thấy Pháp.

Đây là cách trú của những người ưa yên tĩnh, của những người hoan hỉ trong những phẩm tính quý.

7. Có nhiều chỗ trú như của Thanh văn và Duyên giác,

Kết hợp với bình an và hạnh phúc của thiền định tĩnh lặng:

Ngoại trừ sự giải thoát A-la-hán của các Nhu Lai

Cách trú này là hàng đầu và không gì vượt qua được.

Làm Thế nào và Tại sao nên Trú trong Không [456]

8. Con chim ở trong hư không, nhưng không rơi xuống.

Con cá ở trong nước, nhưng không chết.

Cũng vậy, vị Bồ-tát, nhờ các thiền và các lực đã qua bên kia, Trú trong không, nhưng không đến nơi Tịch diệt.

9. Người muốn đi đến đỉnh cao của những phẩm tính của tất cả chúng sinh,

Để chứng nghiệm tri kiến của Phật cái tối ưu, cái quá ư kỳ diệu,

Để bố thí món quà tốt nhất của Pháp tối cao vô thượng,

Người ấy nên nương vào chỗ trú tốt nhất của những người đem lợi ích.

Chương XXVIII

Ai tu luyện trong Bát-nhã Ba-la-mật

Tu luyện trong Cảnh giới Phật [466]

- Trong tất cả những phương pháp tu luyện đã được bậc Dẫn đạo tiết lộ,

Giáo lý này là tối ưu và không gì vượt qua được.

Người, trí tuệ trong tất cả các pháp tu luyện, muốn đi qua Bên kia,

Người ấy nên tu luyện trong bát-nhã ba-la-mật, trong phép tu luyện của Phật.

Bát-nhã Ba-la-mật Vô tận [464-71]

- Đây là pháp khí tốt nhất, kho tàng của Pháp vô thượng, Kho tàng của hạnh phúc và thong dong của những người thuộc về bộ tộc Phật.
Những bậc cứu thế quá khứ và vị lai, [và những bậc hiện tại] trong mười phương,
Họ từ đây đến, nhưng Pháp giới không kiệt tận.
- Như nhiều cây, quả, hoa và rừng cây ở đó,
Tất cả đều đến từ trái đất và sinh ra ở đó.
Song trái đất không kiệt tận hay phát triển,
Không mệt, không suy yếu, không tạo ra phân biệt.
- Dòng dõi của Phật, Thanh văn và Duyên giác,
Các thần và các pháp dẫn đến sự thong dong và hạnh phúc của tất cả thế gian, – cũng nhiều như vậy,
Tất cả kết quả từ bát-nhã, ba-la-mật hàng đầu,
Song bát-nhã không bao giờ kiệt tận, cũng không gia tăng.
- Cũng nhiều như chúng sinh ở [các vùng] dưới, giữa và trên
của thế giới,
Tất cả do vô minh đem đến, như bậc Thiện Thệ đã nói.
Tính máy móc của ác tiếp tục được sự hội đủ của các duyên duy trì,
Song tính máy móc của vô minh không kiệt tận, cũng không

tăng trưởng.

6. Cũng như có nhiều căn nguyên của phuơng tiện thiện xảo,
hay các pháp môn tri kiến,
Tất cả đều kết quả từ bát-nhã, ba-la-mật hàng đầu.
Bộ máy tri kiến được sự hội đủ các duyên duy trì,
Song bát-nhã ba-la-mật không tăng hay giảm.

Duyên sinh [468-70]

7. Nhưng vị Bồ-tát hiểu tùy thuộc phát sinh như là không tùy thuộc phát sinh

Và bát-nhã này phi tịch diệt:

Như tia sáng mặt trời thoát khỏi mây che phủ,

Như vậy, ngoài áy phá tan sự che phủ của vô minh, và trở thành Tự-hữu.

Chương XXIX

Thiền định Ba-la-mật

1. Những người đại hùng lực trú trong bốn Thiên
Không biến chúng thành nơi định cư, hay thành nhà.
Nhưng bốn Thiên này, với các chi của chúng, đến lượt sẽ trở thành
Căn bản cho sự chứng đắc giác ngộ tối thượng và vô song.
2. Người an lập trong các Thiên trở thành người đạt bát-nhã hàng đầu;
Cũng như khi chứng nghiệm bốn Thiên Vô tướng thù thắng nhất,
Người ấy khiến cho các Thiên này trợ giúp sự giác ngộ tốt nhất và hàng đầu.
Nhưng không phải vì các lậu diệt mà Bồ-tát ấy luyện tập mình trong đó.
3. Đáng kinh ngạc và kỳ diệu là sự tích lũy những phẩm tính quý này.
Khi họ trú trong Thiên và Định, thì không có tướng.
Khi nhân tướng của những người trụ trong đó tan vỡ,
Họ lại tái sinh trong dục giới, [và nơi nào] họ muốn.
4. Như một người từ cõi Diêm-phù-đè là một vị thần trong quá khứ,
Sau khi đến trở lại những chỗ trú cao nhất của các thần,
Sẽ thấy các căn nhà ở trong những chỗ đó
Rồi sẽ trở lại, và không làm nhà mình nơi đó;
5. Cũng vậy, những Bồ-tát đó, những người mang những phẩm tính tối ưu,
Trú trong Thiên và Định, các hành giả Du-già tận sức mình,
Lại trở thành vững chắc trong dục giới, không cầu ué
Như hoa sen trong nước, tự tại với các pháp của người ngu.
6. Ngoại trừ để thuần thực chúng sinh, tịnh hóa [Phật] địa,
Hoàn thành các ba-la-mật này, những Tâm hồn lớn
Không cố gắng sau khi tái sinh trong vô sắc giới,

E rằng sẽ mất các ba-la-mật và những phẩm tính giác ngộ trong ấy.

7. Như có người, tìm được chõ cát ngọc,
Không sinh lòng ham muốn trí thông minh quan tâm đến nó.
Vào lúc khác người ấy có thể có được một ít ngọc;
Cầm ngọc, đi vào nhà, người ấy không thèm muốn [nữa?].
8. Cũng vậy, các Bồ-tát trí tuệ đạt được
Sự định tĩnh của bốn Thiên, đem lại hoan hỉ và thong dong,
Buông bỏ sự hoan hỉ và thong dong có được trong Thiên và
định,
Các ngài ấy lại vào dục giới, bi mẫn vì tất cả chúng sinh.
9. Khi một Bồ-tát trú trong định của Thiên,
Ngài ấy không sinh lòng ham muốn trí thông minh vì chiếc
xe A-la-hán và Duyên giác:
[Lúc đó] trở nên không tập trung, bị phân tán trong ý nghĩ và
khoa trương,
Ngài ấy đã mất các phẩm tính Phật, một thủy thủ đắm tàu
đau khổ.
10. Mặc dù ngài ấy tự áp dụng năm căn, –
Với sắc và thanh, cũng như mùi, vị, và xúc, –
Khi tự tại với thừa A-la-hán và Duyên giác, vị Bồ-tát hoan
hỉ ấy,
Một anh hùng, nên được tuệ tri như là luôn luôn thiền định.

Tinh tấn Ba-la-mật

11. Họ có tâm thanh tịnh và dũng cảm, và nối kết với những
chúng sinh và người khác,
[Khi] họ thực hành Tinh tấn Ba-la-mật thù thắng
Như một tỳ nữ phục tùng chủ nhân không tùy thuộc ai khác,
Cũng vậy, những người trí kiên định chịu sự phục tùng của
tất cả chúng sinh.
12. Người tỳ nữ không đáp trả chủ nhân của mình,
Ngay cả khi bị ngược đái, hay đánh đập.
Quá run rẩy trong tâm, và bị sợ hãi chế ngự

Nàng nghĩ, ‘Ông ấy sẽ giết ta vì thế!’

- 13.Cũng vậy, vị Bồ-tát lên đường vì giác ngộ hàng đầu,
Nên đối xử với tất cả thế gian như người đầy tớ chân thành.
Vì thế ngài ấy đạt giác ngộ, và các phẩm tính thành tựu.
Lửa, phát xuất từ cổ và cành, [rồi] đốt cháy chúng.
- 14.Từ bỏ số mệnh hạnh phúc cho chính mình,
Thực hành nhiệm vụ đối với chúng sinh khác, ngày đêm,
trong ý nghĩ của ngài ấy không có sự do dự:
Như người mẹ, chăm sóc đứa con duy nhất,
Ngài ấy trụ trong quyết tâm vô tận của mình.

Chương XXX

Tinh tần Ba-la-mật (tiếp theo)

1. Vị Bồ-tát có ý định lang thang lâu trong sinh tử,
Một hành giả Du-già sùng mộ sự tịnh hóa [Phật] địa vì hạnh
phúc chúng sinh,
Và không nảy sinh một chút ý nghĩ mệt nhọc nào,
Hành giả ấy bẩm sinh với tinh tần ba-la-mật, và không nản
chí.
2. Nếu vị Bồ-tát bất trí đếm những câu-lợi kiếp của mình,
Và nghĩ rằng còn lâu mới đạt được giác ngộ viên mãn, ông
ấy bị ràng buộc với khổ,
Vì thế ông ấy kém tinh tần ba-la-mật, và lười biếng.
3. Bắt đầu với sự phát tâm bồ-dề đầu tiên,
Cho đến cuối cùng đạt Cực lạc không gì vượt qua được,
Nếu ngày đêm người ấy nhất tâm gìn giữ,
Nên biết người trí và có học ấy là người hết sức tinh tần.
4. Nếu có người nói, ‘Nếu ông phá tan được núi Tu-di,
Ông sẽ là người đạt giác ngộ hàng đầu,’
Nếu là phát sinh ý nghĩ mệt nhọc hay giới hạn
[đối với những nỗ lực của mình],
Thì Bồ-tát ấy bị lười biếng ảnh hưởng.
5. Nhưng khi ở ông ấy phát sinh ý niệm, ‘Đó chẳng có gì khó.
Chỉ trong thoáng chốc núi Tu-di [sẽ] vỡ tan thành bụi,’
Rồi vị Bồ-tát trí tuệ ấy trở thành người hết sức tinh tần.
Không lâu ngài ấy sẽ đạt được giác ngộ hàng đầu của những
người Dẫn đạo.
6. Nếu ông ấy tận lực với thân, ý, và ngữ, [nghĩ]
‘Khi thuần thực, ta sẽ làm việc hạnh phúc thế gian,’
Rồi, ở yên trong ý niệm về ngã, bị lười biếng ảnh hưởng,
Ông ấy còn cách xa sự phát triển thiền định về vô ngã như
trời cách xa đất.
7. Khi một người không có ý niệm nào về thân, ý, hay chúng
sinh,

Chịu loại bỏ thọ, theo đuối trong Pháp bát nhị, –
Điều đó đã được Người Ban cho lợi ích gọi là tinh tấn ba-la-mật
Của những người muốn giác ngộ hàng đầu, cực lạc, bất diệt.

Nhẫn nhục Ba-la-mật

8. Khi nghe người khác nói với mình một cách thô bạo và phật lòng
Vị Bồ-tát trí tuệ vẫn tịch tĩnh thong dong và bằng lòng.
[Nghĩ:] ‘Ai nói? Ai nghe? Bằng cách nào? với ai, do ai?’
Sự phân biệt này hiến dâng cho nhẫn nhục ba-la-mật bậc nhất.
9. Nếu một Bồ-tát, sùng mộ Pháp quý, giữ hạnh nhẫn nhục, –
Và nếu một người khác cúng dường một đại thiên thể giới
đầy những vật quý
Cho chư Phật, các bậc Thê Gian giải, các bậc A-la-hán và
Duyên giác –
[Đem so sánh] thì công đức của khói phảm vật đó vô cùng
nhỏ.
10. Nhẫn cách của một người an lập trong nhẫn nhục thì hoàn
toàn thanh tịnh,
Được ba mươi hai tướng tán dương, [trở nên] vô biên.
Ngài ấy thuyết giảng Pháp rỗng không tốt nhất cho chúng
sinh.
Thân mến với tất cả thế gian làm cho người nhẫn nhục và sự
phân minh xứng hợp.
11. Nếu có người mang một giỏ chứa bột chiên-dàn,
Với kính trọng và yêu mến, rải nó lên vị Bồ-tát;
Và nếu có người thứ nhì ném than hồng qua đầu ngài ấy, –
Ngài ấy sẽ phát tâm bình đẳng với cả hai.
12. Nhẫn nhục như vậy, vị Bồ-tát trí tuệ và có học
Hồi hướng sự phát tâm đó đến giác ngộ vô thượng.
Vị anh hùng giữ hạnh nhẫn nhục trong tất cả các cõi, vượt
qua
Bất cứ thứ gì A-la-hán và Duyên giác có thể vượt qua trong

thế giới chúng sinh.

13. Lại nữa, người nhẫn nhục nên phát tâm [như vậy]:

‘Ở các địa ngục, thế giới súc sinh và trong thế giới Diêm vương có nhiều cái ác,

Với khoái lạc giác quan là nhân, người ta phải trải qua nhiều cái tạo ra không khoái lạc.

Vì giác ngộ, tốt hơn nên nhẫn nhục hôm nay! ’

14. ‘Roi, gậy, kiém, giết chóc, bỏ tù, và thoi đâm,

Chặt đầu, cắt tai, tay, chân, và mũi,

Nhiều cái ác như vậy có nơi thế gian, mà tôi chịu đựng,’

[Khi nghĩ như vậy], vị Bồ-tát ấy trụ trong nhẫn nhục ba-la-mật.

Chương XXXI

Trì giới Ba-la-mật

1. Do trì giới những người ham muốn tinh lăng được nhắc lên,
Đứng vững trong tinh cầu của những người có mười lực,
không phá giới.
Dù giữ đúng bao nhiêu hành động hạn chế,
Họ hồi hướng chúng đến giác ngộ vì lợi ích của tất cả chúng
sinh,
2. Nếu sinh tâm ham muốn sự giác ngộ của A-la-hán và Duyên
giác,
Người ấy trở nên bất giới, bất trí, và có lỗi trong theo đuổi.
Nhưng khi chuyển [tất cả công đức] thành Cực lạc cùng tốt
của giác ngộ,
Người ấy đứng vững trong trì giới ba-la-mật, [dù] tiếp cận
với thức giác¹⁹.
3. Pháp từ đó các phẩm tính của bậc Đại Từ đến,
Đó là đối tượng trì giới của những người bẩm sinh với những
phẩm tính ấy của Pháp.
Pháp [liên hệ với] sự mất những phẩm tính giác ngộ của
những người hành động vì hạnh phúc thế gian,
Là sự không trì giới đã được bậc Đạo sư công bố.
4. Khi một Bồ-tát nếm vị của năm thức giác,
Nhưng qui y với Phật, Pháp, và Tăng-già
Và chuyển chú ý của mình về nhất thiết trí, [nghĩ] ‘Ta sẽ
thành Phật,’ –
Là đứng vững trong trì giới ba-la-mật, nên biết người phân
minh đó.
5. Nếu khi theo đuổi hằng câu-lợi kiếp trong mười thiện đạo,
Mà phát sinh lòng ham muốn cảnh giới A-la-hán hay Duyên
giác,
Thì người ấy trở thành người phá giới, có lỗi trong trì giới.
Phát sinh tâm như thế còn nặng hơn là phạm một tội đáng

¹⁹ Anh: *sense-qualiy*.

trục xuất.

6. Khi giữ giới, người ấy chuyển [công đức kết quả] đến giác ngộ hàng đầu,
Nhưng không cảm thấy tự phụ cũng không tán dương mình.
Khi loại bỏ ý niệm về ta và ý niệm về chúng sinh,
Bồ-tát ấy được gọi là trụ vững trong trì giới ba-la-mật.
7. Nếu một Bồ-tát theo đuổi trong đạo của các bậc Chiến Thắng,
Phân biệt chúng sinh này là người giữ giới và chúng sinh kia
đạo đức xấu,
Chú tâm nhận thức của số đông, ông ấy hoàn toàn bất giới.
Ông ấy có lỗi trong giữ giới, không thanh tịnh hoàn toàn
trong đó.
8. Người nào không có ý niệm về ta và ý niệm về người,
Người ấy thị hiện sự rút lui khỏi họ, và không [cần] hạn chế.
Người không quan tâm đến hạn chế hay không hạn chế,
Người ấy được bậc Đạo sư công bố là bị giới luật hạn chế.

Bồ thí Ba-la-mật

9. Nhưng một người, bẩm sinh trì giới, một người thanh tịnh,
Trở nên không quan tâm bất cứ điều gì có thể thân mật hay
không thân mật,—
Nếu khi từ chối đầu, tay, và chân, tâm người ấy vẫn không
chán nản,
Người ấy trở thành người từ bỏ tất cả những gì mình có, luôn
luôn không sợ.
10. Biết yếu tánh của các pháp là không và không có ngã,
Người ấy từ bỏ thân mình, tâm không chán nản,
Không nói gì về sự từ bỏ tài sản và vàng.
Không thể nào người ấy hành động vì đê tiện.
11. Do ý niệm ta mà có cảm giác về quyền làm chủ tài sản, cũng
như lòng tham;
Làm sao người bị mê hoặc có thể có quyết tâm từ bỏ?
Kẻ bần tiện tái sinh trong thế giới Ngạ quỉ,
Hay nếu là người, thì họ là những người nghèo.

12.Rồi Bồ-tát ấy, biết tại sao những chúng sinh này bị nghèo khổn quẫn,

Trở nên quyết tâm bố thí, luôn luôn là người bố thí rộng rãi.
Khi bố thí bốn Châu, khéo điểm tô, tựa như chúng chỉ là nước dãi,

Ngài ấy trở nên phấn khởi, vì không còn giữ các Châu.

13.Khi bố thí phẩm vật, vị Bồ-tát trí tuệ và có học,

Ghi nhớ tất cả chúng sinh có trong ba cõi,

Trở thành người bố thí của tất cả chúng sinh, ngài ấy chuyển Phẩm vật thành giác ngộ thù thắng nhất, vì hạnh phúc thế gian.

14.Khi bố thí phẩm vật, ngài ấy không biến nó thành cái căn bản hay sự ủng hộ.

Và không bao giờ mong bất cứ báo đáp nào.

Khi từ bỏ như vậy, ngài ấy trở thành người từ bỏ khôn ngoan nhất.

Cái nhỏ bé ngài ấy từ bỏ trở thành nhiều và vô lượng.

15.Nếu tất cả chúng sinh trong hoàn thể ba cõi, nhiều bao nhiêu Hãy giả sử, bố thí phẩm vật trong số kiếp vô tận,

Cho chư Phật, các bậc Thê Gian giải, cho các A-la-hán và Duyên giác,

Mà nguyện cho đức hạnh của hàng Thanh văn; –

16.Và nếu một Bồ-tát, trí tuệ và thiện xảo trong các phương tiện, Hoan hỉ với căn bản của những hành vi công đức của họ, Và vì hạnh phúc chúng sinh, chuyển nó thành giác ngộ tối ưu và thù thắng nhất, –

Nhờ chuyển, ngài ấy vượt qua [công đức của] toàn thế giới.

17.Nếu có một khối lớn những viên ngọc thủy tinh giả mạo,

Một viên ngọc lưu ly thôi cũng vượt hơn tất cả:

Cũng vậy vị Bồ-tát, hoan hỉ, vượt qua

[Công đức] toàn thể khối phẩm vật quảng đại của cả thế gian.

18.Nếu Bồ-tát ấy, khi bố thí phẩm vật cho thế gian

Vẫn không bị cảm giác quyền sở hữu hay sự yêu mến tài sản của mình lay động,

Nhờ đó thiện căn của ngài ấy phát triển thành đại hùng lực:
Như mặt trăng, không mây, là vầng hào quang trong nửa
tháng sáng âm lịch.

Chương XXXII

Báo đáp của Sáu Ba-la-mật

1. Qua Bồ thí một Bồ-tát cắt đứt sự tái sinh làm Ngã quỉ,
Cắt đứt sự nghèo, cũng như tất cả những cầu nhơ.
Khi theo đuối trong đó [bồ thí] ngài ấy được sự giàu sang vô
cùng và phong phú.
Qua Bồ thí, ngài ấy thuần thực chúng sinh trong phiền não.
2. Qua Trì giới, ngài ấy tránh tái sinh làm súc vật,
Cũng như tám khoảnh khoắc khó lường; ngài ấy luôn được
tái sinh vào giây phút cát tường.
Qua Nhẫn nhục, ngài ấy được thân hoàn hảo và cao vời,
Với da vàng kim, thế gian ưa nhìn ngắm.
3. Qua Tinh tấn, không mất những phẩm tính quang minh.
Ngài ấy được kho tàng tri kiến vô cùng của các bậc Chiến
Thắng.
Qua Thiền, ném bỏ các thức giác (sense-qualities) gớm ghiết,
Ngài ấy thu thập được “tri thức,” thàn thông và các định.
4. Qua Bát-nhã, hiểu yếu tánh của các pháp,
Ngài ấy hoàn toàn siêu việt ba cõi và những cảnh thông khổ.
Khi chuyển bảo luân của bậc Hùng Mạnh Nhất của Loài
Người,
Ngài ấy chứng minh Pháp cho thế gian vì sự diệt hoàn toàn
của ác.
5. Khi vị Bồ-tát hoàn thành các pháp này,
Ngài ấy vẫn thọ nhận ruộng thanh tịnh cùng với chúng sinh
thanh tịnh.
Ngài ấy cũng thọ nhận dòng truyền của Phật, dòng truyền
của Pháp,
Cũng như dòng truyền của Tăng-già. Ngài ấy thọ nhận tất cả
các pháp.”

Kết Luận

6. Vị y sĩ vô thượng phối hợp phương thuốc với bệnh của thế

gian,

Đã giảng dạy bát-nhã này là con đường đến giác ngộ.

Nó được gọi là “Con Đường đến giác ngộ là sự ‘Tích lũy
những Phẩm tính Quí báu,’”

Và dạy như vậy để tất cả chúng sinh có thể đến Con Đường
ấy.

***BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA
TÁM NGÀN CÂU***

Mục Lục

Chương I. Thực hành Nhất thiết chủng trí

1. Dẫn nhập
2. Tính Tích diệt của Ngã
3. Nghĩa của ‘Bồ-tát’
4. Nghĩa của ‘Đại sĩ’
5. Nghĩa của ‘Đại thừa’
6. Chứng đắc

Chương II. Thích-đè (Sakra)

1. Lời mở đầu
2. Làm sao Trụ trong Không, hay Bát-nhã Ba-la-mật
3. Các Thánh và Mục đích của họ đều là Ảo ảnh
4. Hoa của Thích-đè
5. Tu Luyện trong Bát-nhã Ba-la-mật
6. Tính Vô biên của Bát-nhã Ba-la-mật
7. Thọ ký

Chương III. Tôn trọng Pháp khí của các Ba-la-mật,
Giữ các Phẩm tính thiện Vô lượng

1. Những Lợi thế Thé gian của Bát-nhã Ba-la-mật
2. Sự Sùng bái Bát-nhã Ba-la-mật so với sự
Sùng bái chư Phật
3. Bát-nhã Ba-la-mật, một Đại Thần chú
4. Bát-nhã Ba-la-mật và các Ba-la-mật khác
- 5.Thêm những Ưu thế nữa từ Bát-nhã Ba-la-mật

Chương IV. Sự Công bố các Phẩm tính

1. Giá trị Tương đối của Xá lợi của Nhu Lai
và của Bát-nhã Ba-la-mật
2. Tỉ dụ Ngọc Nhu ý
3. Giá trị Vô thượng của Bát-nhã Ba-la-mật

Chương V. Tính Cách mạng của Công đức

1. Bát-nhã Ba-la-mật, Nguồn Công đức
2. Bát-nhã Ba-la-mật Giả hiệu
3. Bát-nhã Ba-la-mật Vĩ đại hơn bất cứ Món quà Tinh thần nào khác

Chương VI. Hồi hướng và Hoan hỉ

1. Công đức Vô thượng của Hồi hướng và Hoan hỉ
2. Tâm vóc của Hoan hỉ
3. Vấn đề Siêu hình
4. Làm sao Tránh được những Cái thấy ĐIÊN đảo
5. Quán xét Công đức

Chương VII. Địa ngục

1. Tán ca Bát-nhã Ba-la-mật
2. Ưu thế của Bát-nhã Ba-la-mật đối với các Ba-la-mật khác
3. Bát-nhã Ba-la-mật Không đem lại gì cả
4. Tại sao Bát-nhã Ba-la-mật Vĩ đại
5. Nguyên nhân Tin Bát-nhã Ba-la-mật
6. Nhân và Quả của Không tin

Chương VIII. Thanh tịnh

1. Sự Thâm sâu và Tính Thanh tịnh của Bát-nhã Ba-la-mật
2. Chấp trước
3. Vô chấp
4. Như Hư không và Tiếng vang
5. Kết luận

Chương IX. Tán thán

1. Bát-nhã Ba-la-mật Hoàn toàn Thanh tịnh
2. Hiệu quả của Bát-nhã Ba-la-mật
3. Chuyển Bánh xe Pháp thứ hai
4. Cách thức và Phẩm tính của Bát-nhã Ba-la-mật

Chương X. Công bố các Phẩm tính Mang trong Tâm

1. Hành vi Quá khứ và Thái độ Hiện tại đối với Bát-nhã Ba-la-mật
2. Những Phẩm tính Xứng đáng của một Bồ-tát đắc Bát-nhã Ba-la-mật
3. Năm Tí dụ Minh họa Sự Gần gũi với Giác ngộ Viên mãn
4. Tại sao các Bồ-tát được chư Phật ưu ái
5. Thái độ Đúng đối với Bát-nhã Ba-la-mật
6. Những Churóng ngại đối với Bát-nhã Ba-la-mật
7. Vị Bồ-tát được chư Phật hộ trì
8. Tiên đoán về Sự Truyền bá Bát-nhã Ba-la-mật
9. Miêu tả các Bồ-tát sê học Bát-nhã Ba-la-mật

Chương XI. Những Việc làm của Ma vương

1. Những Việc làm Dị biệt của Ma vương
2. Bát-nhã Ba-la-mật và các Kinh của hàng Thanh văn
3. Những Việc làm Dị biệt của Ma vương
4. Nguồn gốc Bất hòa giữa Thầy và Trò
5. Sự Sai hướng của Mục đích
6. Thêm sự Bất hòa giữa Thầy và Trò
7. Ma vương Khuyên bỏ Bát-nhã Ba-la-mật
8. Sự Đối lập giữa Ma vương và Phật

Chương XII. Chỉ ra Thế gian

1. Bát-nhã Ba-la-mật Mẹ của chư Phật
2. Như Lai Biết Thế gian Như thế nào
3. Làm sao Như Lai biết Tâm của Chúng sinh
4. Các Tướng Thâm sâu, và Chúng bị ràng buộc như thế nào
5. Thế giới Cho thấy Rỗng không

Chương XIII. Không thể Nghĩ bàn

1. Năm Thuộc tính của Bát-nhã Ba-la-mật
2. Sự Tái sinh Tinh thần Kết quả từ Tri kiến này
3. Không Có gì để Năm bắt

4. Phản ứng của chư Thiên

Chương XIV. Các Tỉ dụ

1. Tái sinh ở Vị lai và Quá khứ
2. Những Hành vi của một Bồ-tát Thất bại trong Bát-nhã Ba-la-mật
3. Bốn Tỉ dụ

Chương XV. Chu Thiên

1. Phận sự của Người Mới tu
2. Một Bồ-tát Trợ giúp Chúng sinh Như thế nào
3. Miêu tả Bát-nhã Ba-la-mật

Chương XVI. Chân như

1. Chân như Nhu Lai
2. Trái đất Rung chuyển, và Sô đồng Được cứu
3. Bát-nhã Ba-la-mật và Phương tiện Thiện xảo
4. Giác ngộ và Tánh không
5. Những Điều Tiên quyết đế đi đến Giác ngộ

Chương XVII. Biểu tượng, Biểu hiệu, và Dấu hiệu của Bát thối chuyển

1. Những Biểu hiệu Dị biệt của Bát thối chuyển
2. Những Việc làm của Ma vương
- 3.Thêm những Biểu hiệu của Bát thối chuyển

Chương XVIII. Tánh Không

1. Những Trạm dừng Thâm sâu
2. Làm sao Theo dõi Bát-nhã Ba-la-mật
3. Công đức
4. Vô lượng, Rỗng không và Thuyết thoại
5. Không Tăng hay Giảm

Chương XIX. Nữ Thần sông Hằng

1. Tùy thuộc Phát sinh
2. Không Phát triển
3. Không có Trợ duyên Khách quan và không Tự hữu
4. Năm chõ Gây sợ hãi
5. Tiên đoán của Nữ Thần Sông Hằng

Chương XX. Bàn về Phương tiện Thiện xảo

1. Tánh không và Biên tế của Thực tại
2. Ba Tí dụ
3. Các Cửa đến Giải thoát và những Lời nguyễn về Chúng sinh
4. Bất Thối chuyền
5. Những Kinh nghiệm về Mộng và Tướng của Bất thối chuyền
6. Bất Thối chuyền và Huyền lực của Thành thật

Chương XXI. Những Việc làm của Ma Vương

1. Kiêu mạn và Huyền lực của Thành thật
2. Kiêu mạn trong Nối kết với sự Công bố Tên
3. Lỗi lầm trong Nối kết với Xã ly

Chương XXII. Thiện Tri thức

1. Các Thiện Tri thức
2. Không, Nhiễm và Tịnh
3. Chú ý đến Bát-nhã Ba-la-mật, và Viên ngọc có Giá trị Lớn
4. Không và sự Tăng trưởng trong Giác ngộ

Chương XXIII. Thích-đè

1. Địa vị Thượng đẳng của Bồ-tát
2. Báo đáp của Bát-nhã Ba-la-mật

Chương XXIV. Tự phụ

1. Những Duyên Mở ra cho một Bồ-tát đối với

Tác động của Ma Vương

2. Thái độ Đúng của Bồ-tát đối với các Bồ-tát khác

Chương XXV. Huân luyện

1. Một Bồ-tát được Huân luyện Như thế nào trong Nhất Thiết trí
2. Sự Có ít Bồ-tát
3. Bát-nhã Ba-la-mật Hiểu tất cả các Ba-la-mật khác
4. Công đức từ Bát-nhã ba-la-mật
5. Bồ-tát và Thanh văn

Chương XXVI. Như huyền

1. Thích-đè Tán thán các Bồ-tát
2. Hoan hỉ, Chuyển Công đức
3. Bản tánh của Huyền

Chương XXVII. Cốt lõi

1. Can đảm của vị Bồ-tát trong Khó khăn
2. Vị Bồ-tát được chư Thiên Bảo vệ, và Chống lại Ma vương
3. Chư Phật Tán thán Bồ-tát ấy
4. Giác ngộ và Chân như
5. Không và Sự Trú trong Bát-nhã Ba-la-mật

Chương XXVIII. Avakirnakusuma

1. Sự Tiên đoán về Avakirnakusuma
2. Tán thán Bát-nhã Ba-la-mật
3. Truyền Kinh cho A-nan-đa
4. Cõi Phật Bất Động (Akshobhya Buddha)
5. Tịch diệt, Không Tịch diệt và Bát-nhã Ba-la-mật
6. Những Lợi thế Phát xuất từ Bát-nhã Ba-la-mật

Chương XXIX. Những Phương pháp Tiếp cận

Chương XXX. Tát-đà-ba-luân

1. Tát-đà-ba-luân Lên đường tìm Bát-nhã Ba-la-mật
2. Miêu tả Thành Chúng hương, và Đời sống của Bồ-tát Đàm-vô-kiệt
3. Danh sách và Nghĩa của các Tam-muội
4. Tát-đà-ba-luân và Người Con gái của Thương nhân
5. Cuộc Gặp gỡ với Đàm-vô-kiệt

Chương XXXI. Bồ-tát Đàm-vô-kiệt

1. Sự Đến và Đi của các Như Lai
2. Tát-đà-ba-luân Tự Hy sinh
3. Đàm-vô-kiệt Chứng minh Pháp

Chương XXXII. Trao phó

1. Kết thúc Câu chuyện Tát-đà-ba-luân
2. Bát-nhã Ba-la-mật được Trao phó cho A-nan-đa

Chương I

THỰC HÀNH NHẤT THIẾT CHỦNG TRÍ

1. DẪN NHẬP

Một thời tôi nghe như vầy. Đức Thế Tôn trú ở thành Vương Xá²⁰, trên núi Linh Thú, cùng với chúng đại tỳ-kheo, với 1.250 vị, tất cả đều là A-la-hán, – đã hết rỉ lậu, không cầu uế, điều ngự đầy đủ, hoàn toàn tự tại trong tâm, khéo giải thoát và trí tuệ, thuần chủng, những Rồng lớn, việc làm đã xong, phận sự đã thành tựu, gánh nặng đã đặt xuống, phúc lợi riêng đã thành tựu, những kiết sử ràng buộc trở nên tịch diệt, tâm khéo được giải thoát bằng chánh kiến, trong sự điều tâm hoàn toàn – ngoại trừ một vị duy nhất, tức Tôn giả A-nan-đa.²¹

Đức Thế Tôn nói với Trưởng lão Tôn giả Tu-bồ-đề²²: Bây giờ hãy làm nó rõ ràng, này Tu-bồ-đề, với chư Bồ-tát, đại sĩ, bắt đầu từ bát-nhã ba-la-mật, làm sao các Bồ-tát, đại sĩ, tiến vào bát-nhã ba-la-mật!

Vì thế Tôn giả Xá-lợi-phát²³ tự nghĩ: [4] Trưởng lão Tôn giả Tu-bồ-đề, sẽ giảng giải bát-nhã ba-la-mật của chính ngài ấy, vén mở bát-nhã ba-nhã ba-la-mật bằng hành tác và sức lực của riêng ngài ấy, hay nhờ thần lực của Phật?

Tôn giả Tu-bồ-đề, nhờ thần lực của Phật, biết rằng Tôn giả Xá-lợi-phát đã đàm luận như thế trong tâm ngài ấy, nói với Tôn giả Xá-lợi-phát: Bất cứ điều gì, thưa Tôn giả Xá-lợi-phát, các đệ tử của Thế Tôn dạy, tất cả đều biết là việc làm của Nhu Lai²⁴. Vì trong pháp do Nhu Lai chứng minh họ tự huấn luyện mình, họ giác ngộ chân tánh của nó, họ giữ nó trong tâm. Từ đó về sau không một

²⁰ Phạn: *Rajagriha*.

²¹ Phạn: *Ananda*.

²² Phạn: *Subhuti*.

²³ Phạn: *Sariputra*.

²⁴ Phạn: *Tathagata*.

điều gì họ dạy mâu thuẫn với chân tánh của pháp. Ấy đúng là đưa ra sự chứng minh pháp của Như Lai. Bất cứ điều gì những người con đó của một gia đình thiện lương thuyết giảng đều là bản tánh của pháp, họ không đưa vào sự mâu thuẫn với thực tánh của pháp.

2. TÍNH TỊCH DIỆT CỦA NGÃ

Vì thế Tôn giả *Tu-bồ-đè*, do thần lực của Phật, bạch với Đức Thế Tôn: Thế Tôn đã nói, ‘Bây giờ hãy làm nó rõ ràng, này Tu-bồ-đè, với chư Bồ-tát, đại sĩ, bắt đầu từ bát-nhã ba-la-mật, các Bồ-tát, đại sĩ tiến vào bát-nhã ba-la-mật như thế nào!’ Khi nói về ‘Bồ-tát,’ chư ‘Bồ-tát’ ấy chỉ pháp gì? Con không, Ôi Thế Tôn, thấy pháp ‘Bồ-tát’ đó [5], cũng không thấy pháp gọi là ‘bát-nhã ba-la-mật.’ Vì thế con không tìm, không hiểu, cũng không thấy pháp ‘Bồ-tát,’ hay ‘bát-nhã ba-la-mật,’ con sẽ giáo huấn hay khuyến dụ Bồ-tát gì trong bát-nhã ba-la-mật gì? Nhưng, Ôi Thế Tôn, nếu khi nêu ra điều này, tâm của Bồ-tát ấy không trở nên sợ sệt, cũng không thản nhiên, không thát vọng cũng không ngã lòng, nếu ngài ấy không bỏ đi hay trở nên chán nản, không run rẩy, không sợ hay kinh hãi, ấy chính là Bồ-tát này, đại sĩ này, được giáo huấn trong bát-nhã ba-la-mật. Một cách chính xác, nên biết đây là bát-nhã ba-la-mật của Bồ-tát ấy, là sự giáo huấn của ngài ấy trong bát-nhã ba-la-mật. Như thế khi ngài ấy trụ vững chắc, đó là sự giáo huấn và khuyến dụ của ngài ấy. Hơn nữa, khi một Bồ-tát theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật và phát triển nó, ngài ấy sẽ tự huấn luyện mình rằng không tự kiêu về tâm bồ-đề đó. Tâm ấy là vô tâm, vì trong yếu tánh tâm trong sáng.

Xá-lợi-phát: Tâm ấy mà nó là vô tâm, là cái gì đó mà nó có [hiện hữu]?

Tu-bồ-đè: Ở đó có hiện hữu không, hay người ta có thể lãnh hội không, ‘có’ hay ‘không có’ trong trạng thái vắng mặt của tâm này?

Xá-lợi-phát: Không, không phải thế. [6]

Tu-bồ-đè: Vậy thì đó có phải là câu hỏi thích hợp khi Tôn giả Xá-lợi-phát hỏi hay tâm ấy mà nó là vô tâm là một cái gì đó mà nó có?

Xá-lợi-phát: Thé thì trạng thái vắng mặt tâm này là gì?

Tu-bồ-đề: Ấy là không có sự biến đổi hay phân biệt.

Xá-lợi-phát: Vậy ngài có giảng điều này không, ngài Tu-bồ-đề, ngài người mà đức Thé Tôn đã tuyên bố là đệ nhất trong những người An trụ. Và vì lý do đó, [tức là bởi vì không tự kiêu về tâm bồ-đề] nên được xem là một Bồ-tát không thể bỏ giác ngộ viên mãn, và là một người không bao giờ ngừng đem bát-nhã ba-la-mật đến tâm. Hoặc một người muốn tu luyện ở mức độ của Thanh văn, hay Duyên giác, hay Bồ-tát, – một người lắng nghe bát-nhã ba-la-mật này, chấp nhận nó, giữ trong tâm, tụng nó, nghiên cứu nó, truyền bá nó cho người khác, và trong chính bát-nhã ba-la-mật này người được phú bẩm sự thiện xảo trong phương tiện sẽ tận lực, với mục đích tìm ra tất cả các pháp tạo thành một Bồ-tát. [7] Chỉ trong bát-nhã ba-la-mật này tất cả các pháp kiến lập một vị Bồ-tát, và Bồ-tát ấy sẽ tự huấn luyện và tận sức mình, được chỉ ra đầy đủ. Ngài ấy muốn tu luyện vì giác ngộ viên mãn cũng sẽ lắng nghe, v.v..., bát-nhã ba-la-mật này. Người được phú bẩm thiện sự xảo trong phương tiện nên tận sức mình chỉ trong bát-nhã ba-la-mật này, với mục đích tìm được tất cả các pháp kiến lập một vị Bồ-tát.

Tu-bồ-đề: Tôi không tìm được bất cứ cái gì tương ứng với chữ ‘Bồ-tát,’ hay chữ ‘bát-nhã ba-la-mật,’ – mà lúc ấy tôi nên giáo huấn và khuyên nhủ Bồ-tát nào trong bát-nhã ba-la-mật nào? Chắc chắn ấy sẽ là điều đáng tiếc nếu tôi không thể tìm được chính cái ấy, chỉ bằng chữ thôi sẽ khiến cho một Bồ-tát sinh ra và lìa đời. Hơn nữa, như thế cái gì được chỉ định thì không tương tục cũng chẳng phải không tương tục, không gián đoạn cũng chẳng phải không gián đoạn. Vì sao? Bởi vì nó không hiện hữu. Đó là [lý do] tại sao nó không tương tục cũng chẳng phải không tương tục, không gián đoạn cũng chẳng phải không gián đoạn. Nên thừa nhận một vị Bồ-tát không trở nên sơ hãi khi được dạy bát-nhã ba-la-mật thâm sâu này [8] là không thiếu trong bát-nhã ba-la-mật, khi trụ ở địa bất thối chuyền của Bồ-tát, trụ vững chắc, vì không trụ ở bất cứ nơi nào. Hơn nữa, một Bồ-tát theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật và phát triển nó, không nên trụ trong sắc, v.v... Bởi vì, khi trụ trong sắc, v.v...,

ngài ấy theo đuổi trong tác động của sắc, và không phải trong bát-nhã ba-la-mật. Vì trong khi theo đuổi trong tác động của sắc, ngài ấy không thể có được bát-nhã ba-la-mật, cũng không tận sức mình vì nó, cũng không hoàn thành nó. Khi không hoàn thành bát-nhã ba-la-mật, ngài ấy không thể đi đến nhất thiết trí, chừng nào ngài ấy còn là người cố gắng thích hợp với những cái chủ yếu lẩn tránh. Vì trong bát-nhã ba-la-mật thì sắc không thích hợp. Nhưng sự không thích hợp của sắc, v.v..., không phải là sắc, v.v... Và bát-nhã ba-la-mật cũng không thể thích hợp được. Như vậy một Bồ-tát nên theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật. Nên gọi nội kiến tập trung này của một vị Bồ-tát là ‘sự không thích hợp của tất cả các pháp.’ Nó quảng đại, cao quý, không giới hạn và vững vàng, không bị bắt cứ một Thanh văn hay Duyên giác nào chia xẻ. Không thể bám giữ chính cảnh giới Nhất thiết trí, bởi vì không thể nắm bắt nó bằng tướng. Nếu có thể nắm bắt nó bằng tướng, thì Du sĩ Tiên-ni²⁵ không có niềm tin nơi đạo của chúng ta. Du sĩ Tiên-ni tin quyết tri kiến này của nhất thiết trí, và là một ‘tín đồ’ ông ta [9] nhập vào tri kiến với một phạm vi có giới hạn. Ông ta không chấp giữ sắc, v.v... Ông ta cũng không bình luận tri kiến đó với hân hoan và khoái lạc. Ông ta cũng không xem nó là bên trong sắc, v.v..., cũng không phải bên ngoài, cũng không cả hai bên trong và bên ngoài, cũng không khác hơn sắc, v.v... Trong đoạn kinh này, Du sĩ Tiên-ni, là người luôn luôn tin quyết vào tri kiến của nhất thiết trí, được gọi là tín đồ. Ông ta nhận chân tánh của các pháp làm tiêu chuẩn của mình, và tin quyết vào vô tướng, vì thế ông ta không chấp giữ bất cứ pháp nào ông ta có thể thích nghi hay buông thả. Ông ta cũng không quan tâm đến cả Niết-bàn. Nên biết đây cũng là bát-nhã ba-la-mật của một Bồ-tát, mà ông ta không chấp giữ sắc, v.v..., và ông ta không nhập Niết-bàn giữa đường, trước khi ông ta giác ngộ mười lực của Như Lai, bốn vô úy của ngài, và mười tám pháp bất cộng của một vị Phật. Vì thế, nên biết đây cũng là bát-nhã ba-la-mật của một Bồ-tát. [10] Thêm nữa, một Bồ-tát theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật và phát triển nó, nên quán sát và thiền định về ba-la-mật đó là gì,

²⁵ Phạn: Srenika.

ai có nó, và về bát-nhã ba-la-mật này là pháp vô hữu, bất khả đắc. Khi các quán sát này không làm Bồ-tát ấy sợ, thì biết ngài ấy là một Bồ-tát sở hữu bát-nhã ba-la-mật.

Xá-lợi-phát: Làm sao biết được một Bồ-tát sở hữu bát-nhã ba-la-mật, khi chính sắc không sở hữu tự tánh của sắc, v.v...; khi bát-nhã ba-la-mật không sở hữu tự tánh của bát-nhã ba-la-mật; khi chính nhất thiết trí không sở hữu tự tánh của nhất thiết trí?

Tu-bồ-dề: Đúng vậy, thưa ngài Xá-lợi-phát. Sắc tự nó không sở hữu tự tánh của sắc, v.v... Bát-nhã ba-la-mật không sở hữu tướng của ‘bát-nhã ba-la-mật.’ Tướng không sở hữu tự tánh của tướng. Cái có tướng không sở hữu tự tánh của cái có tướng, và tự tánh không sở hữu tướng của tự tánh. [11]

Xá-lợi-phát: Song, vị Bồ-tát tu luyện trong đây sẽ đi đến nhất thiết trí chứ?

Tu-bồ-dề: Ngài ấy sẽ đi đến. Bởi vì tất cả các pháp đều bất sinh, và không đi đến. Khi theo đuổi như thế, một Bồ-tát đến gần nhất thiết trí. Ở gần nhất thiết trí, thân, ý, và tướng của ngài ấy sẽ trở nên hoàn toàn thanh tịnh, vì thuần thực chúng sinh, và ngài ấy sẽ gặp chư Phật. Như vậy một Bồ-tát theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật đến gần nhất thiết trí.

Tu-bồ-dề nói thêm về vị Bồ-tát ấy: Ngài ấy theo đuổi trong tướng khi ngài ấy theo đuổi trong sắc, v.v..., hay trong tướng của sắc, v.v..., hay trong ý tưởng rằng ‘sắc là tướng,’ hay trong tùy thuộc phát sinh của sắc, hay trong sự dừng lại hay hủy diệt của sắc, hay trong ý tưởng rằng ‘sắc là rỗng không.’ hay ‘Tôi theo đuổi’ hay ‘Tôi là một Bồ-tát.’ Vì ngài ấy thực tế theo đuổi trong ý tưởng ‘Tôi là một Bồ-tát’ như là cái căn bản. [12] Hay, khi nó xảy ra với ngài ấy ngài ấy theo đuổi như thế, theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật và phát triển nó,’ – ngài ấy chỉ theo đuổi trong tướng. Nên biết một Bồ-tát như thế là không thiện xảo trong phương tiện.

Xá-lợi-phát: Vậy thì ngài ấy phải theo đuổi như thế nào nếu ngài ấy theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật?

Tu-bồ-dề: Ngài ấy không nên theo đuổi trong các uẩn, cũng không theo đuổi trong tướng, cũng không theo đuổi trong ý kiến rằng

‘các uẩn là tướng,’ cũng không theo đuổi trong sự sinh của các uẩn, trong sự trụ hay diệt của chúng, cũng không theo đuổi trong ý kiến rằng ‘các uẩn rỗng rỗng,’ hay ‘Tôi theo đuổi,’ hay ‘Tôi là một Bồ-tát.’ Và [13] không nên nảy sinh, ‘ngài ấy theo đuổi như thế, theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật và phát triển nó.’ Ngài ấy theo đuổi nhưng không vui thích những ý kiến như ‘Tôi theo đuổi,’ ‘Tôi không theo đuổi,’ ‘Tôi không theo đuổi cũng chẳng không theo đuổi,’ và cùng cái [bốn] ấy với ‘Tôi sẽ theo đuổi.’ Ngài ấy không đến gần bất cứ pháp nào cả, bởi vì tất cả các pháp không thể tiếp cận và không thể thích hợp. Vậy thì vị Bồ-tát ấy có nội kiến tập trung ‘Không nắm bắt bất cứ pháp nào bằng danh, sự quảng đại, cao quý, không bị giới hạn và vững chắc, không bị bắt cứ Thanh văn hay Duyên giác nào chia xẻ. Khi trú trong nội kiến tập trung này, một Bồ-tát sẽ nhanh chóng đạt được giác ngộ viên mãn mà các Như Lai quá khứ đã thọ ký cho ngài ấy. Nhưng khi trú trong định đó, ngài ấy không phê bình nó, cũng không nghĩ ‘Tôi được nghiệp thọ,’ ‘Tôi sẽ nhập định,’ ‘Tôi đang nhập định,’ Tôi đã nhập định.’ Tất cả, trong mỗi và mọi cách, không hiện hữu đối với ngài ấy. [14]

Xá-lợi-phát: Người ta có thể thị hiện định ấy không?

Tu-bồ-đề: Không, thưa ngài Xá-lợi-phát. Bởi vì người con ấy của gia đình thiện lương không biết cũng không nhận thức nó.

Xá-lợi-phát: Ngài nói rằng người ấy không biết cũng không nhận thức nó ư?

Tu-bồ-đề: Tôi nói, vì định ấy không hiện hữu.

Thé Tôn: Nói khéo đấy, Tu-bồ-đề. Và một Bồ-tát nên tu luyện như thế trong ấy, bởi vì lúc ấy ông ta tu luyện trong bát-nhã ba-la-mật.

Xá-lợi-phát: Khi tu luyện như thế, ngài ấy tu luyện trong bát-nhã ba-la-mật ư?

Thé Tôn: Khi tu luyện như thế, ông ấy tu luyện trong bát-nhã ba-la-mật.

Xá-lợi-phát: Khi tu luyện như thế, ngài ấy tu luyện trong những pháp nào?

Thé Tôn: Ông ấy không tu luyện trong bất cứ pháp nào hết. [15]

Bởi vì các pháp không hiện hữu theo cách như thế như những người, ngu không có học, tầm thường quen giả sử.

Xá-lợi-phát: Thế thì chúng hiện hữu thế nào?

Thé Tôn: Vì chúng không hiện hữu, thế là chúng hiện hữu. Và như thế, vì chúng không hiện hữu²⁶, chúng được gọi là [quả của] vô minh²⁷. Những người ngu ngốc, không học, tầm thường cứ ở trong chúng. Mặc dù không hiện hữu, họ kiến lập tất cả các pháp. Khi kiến lập các pháp, chấp giữ hai biên, họ không biết hay thấy các pháp đó [trong thực tướng của chúng]. Vì thế họ kiến lập tất cả các pháp không hiện hữu. Khi kiến lập chúng, họ cứ ở hai biên. Rồi họ tùy thuộc vào cái mắc xích như là sự thật căn bản, và kiến lập các pháp quá khứ, vị lai, và hiện tại. Sau khi kiến lập, họ cứ ở trong danh và sắc. Họ kiến lập tất cả các pháp không hiện hữu, họ không biết cũng không thấy đạo như thật. Hậu quả, họ không tiến hành từ ba giới, và không thức tỉnh trước biên tέ của thực tại. Vì lý do đó, họ đi đến chỗ trở thành những ‘người ngu’ kiểu mẫu. Họ không có niềm tin nơi chánh pháp. Nhưng một Bồ-tát không ở lại nơi bất cứ pháp nào.

Xá-lợi-phát: Khi tu luyện như thế, có phải đó là một Bồ-tát tu luyện trong nhất thiết trí?

Thé Tôn: Khi tự tu luyện như thế, một Bồ-tát không những tu luyện trong nhất thiết trí, mà ông ấy còn tu luyện trong tất cả các pháp, [16] Khi tự tu luyện như thế, một Bồ-tát được tu luyện trong nhất thiết trí, đến gần nó, tiến đến nó.

Tu-bồ-đề: Nếu, Ôi Thé Tôn, có người hỏi, – Người huyền này sẽ được tu luyện trong nhất thiết trí, sẽ đến gần nó, sẽ đi đến nó chẳng? Nên giải thích như thế nào?

Thé Tôn: Tôi sẽ hỏi ông một câu ngược lại, ông có thể trả lời theo cách hay nhất của ông.

Tu-bồ-đề: Thật khéo nói, Ôi Thé Tôn. Và Tôn giả Tu-bồ-đề lắng nghe đức Thé Tôn.

Thé Tôn: Ý ông thế nào, Tu-bồ-đề, có phải sắc, v.v..., là một

²⁶ Phạn: *avidyamāna*.

²⁷ Phạn: *avidyā*.

vật, và huyền là một vật khác?

Tu-bồ-đè: Dạ không, bạch Thέ Tôn. Bởi vì không phải như thế, không phải huyền là một vật, và sắc, v.v..., là một vật khác; sắc chính là huyền, huyền chính là sắc.

Thέ Tôn: Ý ông thế nào, Tu-bồ-đè, có phải ý niệm ‘Bồ-tát’ ấy, cái thông tri ấy, khái niệm ấy, sự phát biểu theo qui ước ấy, – ở trong năm thủ uẩn không?

Tu-bồ-đè: Vâng, đúng ạ. Bởi vì một Bồ-tát tu luyện mình trong bát-nhã ba-la-mật sẽ tu luyện mình như một người huyền vì giác ngộ vô thượng. [17] Vì nên nhớ rằng năm thủ uẩn giống như một người huyền. Bởi vì Thέ Tôn đã nói rằng sắc giống như huyền. Và cái gì là đúng với sắc cũng đúng với sáu căn, và năm thủ uẩn.

Tu-bồ-đè: Các vị Bồ-tát mới lên xe sẽ không run rẩy khi họ nghe sự giảng giải này sao?

Thέ Tôn: Họ sẽ run rẩy khi họ rơi vào tay các ác tri thức, nhưng không [run rẩy] nếu họ rơi vào tay các thiện tri thức.

Tu-bồ-đè: Vậy thì ai là thiện tri thức của Bồ-tát?

Thέ Tôn: Những người giáo huấn và khuyên nhủ ông ta trong các ba-la-mật. Những người chỉ cho ông ta những hành vi của Ma vương, nói ‘đây là cách nhận ra những lỗi lầm và hành vi của Ma vương. Đây là những lỗi lầm và hành vi của Ma vương. Ông nên loại bỏ chúng sau khi ông nhận ra chúng.’ Nên biết những người này là thiện tri thức của một Bồ-tát, một đại sĩ, được trang bị chiếc áo giáp vĩ đại, lên đường trên chiếc xe lớn, đã lên xe đại thừa. [18]

3. NGHĨA CỦA ‘BỒ-TÁT’

Tu-bồ-đè: Về những gì Thέ Tôn đã nói, khi nói về ‘Bồ-tát,’ – chữ ‘Bồ-tát’ có nghĩa là gì?

Thέ Tôn: Không cái gì thực có là nghĩa của chữ ‘Bồ-tát.’ Bởi vì một Bồ-tát tu luyện mình trong vô chấp đối với tất cả các pháp. Vì Bồ-tát ấy, đại sĩ ấy, thức tỉnh trong vô chấp đối với giác ngộ viên mãn theo nghĩa ông ấy hiểu tất cả các pháp. Bởi vì ông ấy lấy giác

ngộ làm mục đích của mình, nên được gọi là Bồ-tát,²⁸ đại sĩ.

4. NGHĨA CỦA ‘ĐẠI SĨ’

Tu-bồ-đề: Lại nữa, khi Thé Tôn nói một Bồ-tát là ‘một đại sĩ,’ – vì lý do gì mà gọi một Bồ-tát là một đại sĩ?

Thé Tôn: Một Bồ-tát được gọi là ‘một đại sĩ’ theo nghĩa ông ấy sẽ khiến cho một khối lớn, một tập thể chúng sinh đạt cái cao nhất.

Xá-lợi-phát: Một Bồ-tát được gọi là một ‘đại sĩ’ theo nghĩa gì cũng rõ ràng đối với con. [19]

Thé Tôn: Vậy thì bây giờ hãy làm rõ ràng ý ông là gì!

Xá-lợi-phát: Một Bồ-tát được gọi là một ‘đại sĩ’ theo nghĩa ngoài áy chứng minh pháp đến độ những sai lầm to lớn sẽ bị bỏ đi, – những tà kiến như sự giả định về ngã, chúng sinh, họ giả (linh hồn), người, hữu, vô hữu, đoạn, thường, nhân cách, v.v...

Tu-bồ-đề: Một Bồ-tát được gọi là ‘đại sĩ’ theo nghĩa gì cũng rõ ràng đối với con. [19]

Thé Tôn: Vậy thì bây giờ hãy làm rõ ràng ý ông là gì!

Tu-bồ-đề: Một Bồ-tát được gọi là một ‘đại sĩ,’ nếu ngoài áy vẫn không chấp trước, không dính líu, tâm bồ-đề, tâm nhất thiết trí, tâm bất bình đẳng, tâm bình đẳng với những cái bất bình đẳng, không được bắt cứ một Thanh văn hay Duyên giác nào chia xẻ. Bởi vì tâm nhất thiết trí [tự nó] không có rỉ lậu, và không bao gồm [thế giới thực nghiệm]. Và trong khía cạnh tâm nhất thiết trí, không có rỉ lậu và không bao gồm, ngoài áy vẫn không chấp trước và không dính líu. Theo nghĩa đó một Bồ-tát thực đến chỗ trở thành một ‘đại sĩ’ kiểu mẫu.

Xá-lợi-phát: Vì lý do gì ngoài áy không chấp trước ngay cả với tâm đó, và không dính líu với nó?

Tu-bồ-đề: Bởi vì nó không phải là tâm.

Xá-lợi-phát: Có phải tâm đó, là không vô tâm, là một cái gì đó mà nó là [hiện hữu] không? [20]

Tu-bồ-đề: Có hiện hữu ở đó không, hay người ta có thể nhận

²⁸ Phạn: Bodhisattva, Anh: enlightenment-being.

biết không, là ‘có’ hoặc ‘không có’ trong trạng thái tâm vắng mặt này?

Xá-lợi-phát: Không, không phải thế.

Tu-bồ-dề: Thế thì làm sao Tôn giả Xá-lợi-phát có thể nói, ‘có phải tâm đó, là vô tâm, là một cái gì đó mà nó có [hiện hữu] không?’

Xá-lợi-phát: À, ngài có giảng giải điều này không, ngài là người mà Thế Tôn tuyên đã công bố là đệ nhất trong những người An trú.

Vì thế Tôn giả Phú-lâu-na,²⁹ con trai của ngài Di-lặc,³⁰ nói với Thế Tôn: ‘Đại sĩ,’ người được gọi như thế, được trang bị chiếc áo giáp vĩ đại là người đó, người đó lên đường bằng xe đại thừa, được lên xe đại thừa. Đó là tại sao người đó đến chỗ trở thành một ‘đại sĩ’ kiêu mẫu.

Tu-bồ-dề: Vĩ đại thế nào mà tôn xưng ngài ấy danh hiệu gọi là ‘được trang bị chiếc áo giáp vĩ đại’?

Thế Tôn: Ở đây Bồ-tát ấy, đại sĩ ấy, nghĩ như vậy: ‘Tôi sẽ đưa vô số chúng sinh đến Niết-bàn nhưng không có chúng sinh nào đến Niết-bàn, hay được đưa đến Niết-bàn.’ Tuy nhiên nhiều chúng sinh trong ấy có thể đưa đến Niết-bàn, song không có chúng sinh nào được đưa đến Niết-bàn, cũng không có sự đưa đến Niết-bàn. Vì như thế là chân tánh của các pháp, thấy bản tánh của các pháp là hư huyền. [21] Cũng vậy, Tu-bồ-dề, nếu một nhà ảo thuật khôn lanh, hay người tập sự của nhà ảo thuật, triệu gọi một đám đông người ở ngã ba đường, và rồi lại làm họ biến mất. Ý ông thế nào, Tu-bồ-dề, có ai bị người nào giết, hay ám sát, hay hủy diệt, hay bị làm cho biến mất không?

Tu-bồ-dề: Thật không có, bạch Thế Tôn.

Thế Tôn: Dù vậy một Bồ-tát, một đại sĩ, đưa vô số chúng sinh đến Niết-bàn, song không có chúng sinh nào được đưa đến Niết-bàn, hay đưa những người khác đến đó. Nghe sự giảng giải này mà không sợ, đó là điều vĩ đại đem danh hiệu cho Bồ-tát ấy được biết như là ‘được trang bị chiếc áo giáp vĩ đại.’

Tu-bồ-dề: Theo con hiểu nghĩa lời dạy của Thế Tôn, vì chắc

²⁹ Phạn: *Purna*.

³⁰ Phạn: *Maitrayani*: Từ Thị.

chắn không phải được trang bị chiếc áo giáp mà vị Bồ-tát này, vị đại sĩ này, nên được biết đến.

Thé Tôn: Đúng vậy. Vì nhát thiết trí không phải được tạo ra, không phải không được tạo ra, không phải kết quả.

Tu-bồ-đề: Đúng vậy. Vì sắc, v.v..., [22] chẳng phải bị ràng buộc hay được giải thoát. Và điều đó cũng đúng với Như của sắc, Như của thọ, v.v...

Phú-lâu-na: Nhưng vậy thì cái gì là sắc của cái mà ngài nói nó không phải bị ràng buộc cũng không được giải thoát, và cái gì là Như của sắc, v.v...?

Tu-bồ-đề: Sắc của người huyền thi không buộc cũng không giải. [23] Bởi vì trong chân tướng nó chẳng ở đó, bởi vì nó ly cách, bởi vì nó bất sinh. Đây là chiếc áo giáp vĩ đại, chiếc áo giáp vĩ đại của một Bồ-tát, của một đại sĩ, được trang bị chiếc áo giáp vĩ đại, đã lên đường bằng chiếc xe lớn, đã lên chiếc xe đại thừa.

Sau những lời này Tôn giả Phú-lâu-na im lặng.

5. NGHĨA CỦA ‘ĐẠI THỪA’

Tu-bồ-đề: Ấy là như thế, Ôi Thé Tôn, một Bồ-tát, một đại sĩ, được trang bị cái áo giáp vĩ đại, và trở thành người lên đường trên chiếc xe lớn, đã lên chiếc xe đại thừa. Nhưng thế nào là chiếc xe đại thừa? Làm sao biết người ấy đã lên đường trên chiếc xe đó? Nó từ đâu tới và đi về đâu? Nó sẽ đứng ở chỗ nào? Ai sẽ tới bằng phương tiện xe đại thừa này?

Thé Tôn: ‘Đại thừa’ [chiếc xe lớn] là chữ đồng nghĩa của vô lượng. ‘Vô lượng’ có nghĩa là vô cùng. Nó từ ba giới tới. Nó ra đi đến nơi không có trợ duyên khách quan nào. Ấy sẽ là một Bồ-tát, một đại sĩ, sẽ đi tới, – người ấy sẽ đi tới bất cứ nơi nào. Cũng không một người nào ra đi trên đó. Nó sẽ không trụ ở bất cứ chỗ nào. [Và cuối cùng], bằng phương tiện chiếc xe đại thừa này không một ai đi tới, không một ai đã đi tới, không một ai sẽ đi tới. [24] Bởi vì không pháp nào trong các pháp này, – người ấy đi tới, và bởi [pháp]

đó mà người ấy đi tới – hiện hữu, cũng không thể đạt được các pháp. Vì tất cả các pháp không hiện hữu, pháp gì có thể đi tới bởi pháp gì? Như thế, Tu-bồ-đề, một Bồ-tát, một đại sĩ, được trang bị chiếc áo giáp vĩ đại, và lên chiếc xe đại thừa.

Tu-bồ-đề: Thέ Tôn nói về ‘chiếc xe đại thừa.’ Vượt qua thế giới với chư thiên, người, a-tu-la, chiếc xe ấy sẽ đi tới. Vì nó cũng như hư không, và quá ư quảng đại. Như trong hư không, trong chiếc xe này như thế có chỗ cho vô lượng và vô số chúng sinh. Chiếc xe đại thừa của chư Bồ-tát, chư đại sĩ cũng vậy. Người ta không thể thấy nó đến, hay đi, và chỗ trú của nó không hiện hữu. Như vậy người ta không thể đến chỗ bắt đầu của chiếc xe lớn này, cũng không thể đến chỗ cuối hay chỗ giữa của nó. Nhưng nó tự đồng nhất mọi nơi. Vì thế, người ta nói về ‘chiếc xe đại thừa.’

Thέ Tôn: Nói khéo đây, Tu-bồ-đề. Nó là như thế. Nó như vậy mà nó là chiếc xe lớn của các Bồ-tát, các đại sĩ. Đã tu luyện ở trong đó, các Bồ-tát thực đạt đến nhất thiết trí, đã đạt đến, sẽ đạt đến.

Phú-lâu-na: Trưởng lão Tu-bồ-đề này, khi được hỏi về bát-nhã ba-la-mật, ngài ấy tưởng rằng chiếc xe đại thừa là một vật gì đó có thể chỉ ra được. [25]

Tu-bồ-đề: Ôi Thέ Tôn, con có nói về chiếc xe đại thừa mà không vi phạm bát-nhã ba-la-mật chứ?

Thέ Tôn: Ông có nói. Ông chỉ ra chiếc xe đại thừa phù hợp với bát-nhã ba-la-mật.

6. CHÚNG ĐÁC

Tu-bồ-đề: Nhờ thần lực của Phật, Ôi Thέ Tôn. Hơn nữa, Ôi Thέ Tôn, một Bồ-tát [bắt đầu cuộc hành trình] không tiến gần [mục đích là cảnh giới Bồ-tát viên mãn] từ nơi bắt đầu, không ở nơi kết thúc, cũng không ở chặng giữa. Bởi vì Bồ-tát thì vô biên như sắc, v.v..., vô biên. Ngài ấy không tiến gần ý kiến ‘Bồ-tát là sắc,’ v.v... Điều đó cũng không hiện hữu, và không nhận biết được. Như vậy trong mỗi và mọi cách con không được bắt cứ pháp nào trong các pháp kiến lập một Bồ-tát. Con không thấy pháp mà chữ ‘Bồ-tát’ chỉ. Bát-

nhã ba-la-mật con cũng không thấy cũng không đạt được. Nhất thiết trí con cũng không thấy, cũng không đạt được. Vì trong mỗi và mọi cách con không nhận biết cũng không thấy pháp áy, – pháp gì con nên dạy và khuyên nhủ qua pháp gì và trong pháp gì? ‘Phật,’ ‘Bồ-tát,’ ‘bát-nhã ba-la-mật,’ tất cả chỉ là danh tự. Và những gì các danh từ áy chỉ là một cái gì đó bất tạo. Nó như là có ngã. [26] Mặc dù chúng ta nói về ‘ngã,’ nhưng tuyệt đối ngã là một cái gì đó bất tạo. Vì thế tất cả các pháp không có tự tánh, sắc là cái gì, v.v..., mà không thể nắm bắt, và cái gì đó không được tạo ra. Như vậy sự kiện tất cả các pháp không có tự tánh giống như sự kiện chúng không được tạo ra. Nhưng sự bất tạo của tất cả các pháp khác với [chính] những pháp đó. Làm sao con dạy và khuyên nhủ sự bất tạo trong bát-nhã ba-la-mật mà nó cũng là bất tạo? Nhưng người ta không thể nhận biết tất cả các pháp khác hơn là bất tạo, dù chúng là những pháp kiến lập một vị Phật, hay một Bồ-tát, hay người đi đến giác ngộ. Nếu một Bồ-tát, khi được dạy điều này, không sợ, thì nên biết rằng ‘Bồ-tát này, đại sĩ này, theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật, phát triển nó, quán sát nó, và thiền định về nó.’ Bởi vì thời gian ấy Bồ-tát không tiếp cận sắc, v.v..., cũng không đi đến sắc. Vì sự bất sinh của sắc, v.v..., không phải là sắc, v.v... [27] Sự bất diệt của sắc, v.v..., không phải là sắc, v.v... Sự bất sinh và sắc vì thế không phải hai, cũng không phân chia. Sự bất diệt và sắc vì thế không phải hai cũng không phân chia. Cũng như người ta gọi nó là ‘sắc,’ v.v..., người ta làm một phép đếm về cái gì không phải là hai. Như vậy vị Bồ-tát quán sát trong bát-nhã ba-la-mật tất cả các pháp trong tất cả các chúng, và lúc đó ngài ấy [28] không tiếp cận sắc, v.v...

Xá-lợi-phát: Như tôi hiểu lời dạy của Tôn giả Tu-bô-đè, Bồ-tát cũng là bất sinh. Nếu Bồ-tát là bất sinh, vậy thì làm sao ngài ấy tiếp tục cuộc hành hương khó khăn, và làm sao có thể trải nghiệm những đau khổ đó vì chúng sinh?

Tu-bô-đè: Tôi không tìm một Bồ-tát tiếp tục cuộc hành hương khó khăn. Trong bát cứ trường hợp nào, người theo đuổi trong sự tưởng khó thì không phải là một Bồ-tát. Bởi vì người tạo ra sự tưởng khó không thể làm việc hạnh phúc cho vô số chúng sinh. Trái

lại, người ấy hình thành ý niệm thong dong, hình thành ý niệm tất cả chúng sinh, dù đàn ông hay đàn bà, là cha mẹ và con cái của mình, và như vậy người ấy tiếp tục cuộc hành hương của một Bồ-tát. Vì thế một Bồ-tát nên đồng nhất tất cả chúng sinh với cha mẹ và con cái của mình, vâng, ngay cả với tự ngã của riêng mình, như vậy: ‘Vì tôi, chính tôi, muốn hoàn toàn không có tất cả mọi đau khổ, cũng như tất cả chúng sinh muốn hoàn toàn không có tất cả mọi đau khổ.’ Hơn nữa về tất cả chúng sinh, nên hình thành ý niệm: ‘Ta không nên bỏ rơi tất cả những chúng sinh này. Ta nên giải thoát họ khỏi cái khói đau khổ vô lượng ấy! và ta không nên sinh ra ý nghĩ ghét họ, dù cho ta bị chặt chân tay hàng trăm lần!’ Như vậy một Bồ-tát sẽ nâng cao trái tim mình lên. Khi trụ như một người có trái tim như thế, thì ngài ấy sẽ không theo đuổi cũng không trụ như người thường khó. [29] Hơn nữa một Bồ-tát nên phát sinh ý nghĩ ‘như trong mỗi và mọi cách ngã không hiện hữu, và không đến gần được, cũng vậy trong mỗi và mọi cách tất cả các pháp đều không hiện hữu, và không đến gần được.’ Ngài ấy nên ứng dụng ý niệm này với tất cả các pháp, bên trong và bên ngoài. Khi ngài ấy trụ như người có trái tim như thế, thì ngài ấy sẽ không theo đuổi, cũng không trụ, như người thường khó. Nhưng khi Tôn giả Xá-lợi-phật nói rằng ‘bất sinh là Bồ-tát,’ quả thật như thế, ‘bất sinh là Bồ-tát.’

Xá-lợi-phật: Thêm nữa, có phải chỉ Bồ-tát là bất sinh hay các pháp kiến lập ngài ấy cũng vậy?

Tu-bồ-đề: Các pháp kiến lập ngài ấy cũng là bất sinh.

Xá-lợi-phật: Có phải các pháp kiến lập một Bồ-tát bất sinh hay cảnh giới của nhát thiết trí cũng vậy?

Tu-bồ-đề: Cảnh giới của nhát thiết trí cũng là bất sinh.

Xá-lợi-phật: Có phải chỉ cảnh giới của nhát thiết trí là bất sinh hay các pháp kiến lập nó cũng vậy?

Tu-bồ-đề: Các pháp kiến lập nhát thiết trí cũng là bất sinh.

Xá-lợi-phật: Có phải chỉ các pháp kiến lập nhát thiết trí là bất sinh hay hạng người thường cũng vậy?

Tu-bồ-đề: Người thường cũng là bất sinh.

Xá-lợi-phật: Có phải chỉ hạng người thường bất sinh hay các

pháp kiến lập họ cũng vậy?

Tu-bò-đè: Các pháp kiến lập hạng người thường cũng là bất sinh.
[30]

Xá-lợi-phát: Thưa Tôn giả Tu-bò-đè, nếu một Bồ-tát là bất sinh và các pháp kiến lập ngài ấy cũng vậy, cảnh giới nhất thiết trí cũng vậy, các pháp kiến lập nó cũng vậy, hạng người thường cũng vậy, và các pháp kiến lập họ cũng vậy, – thế thì chắc chắn một Bồ-tát không có bất cứ một gǎng sức nào cũng đạt đến cảnh giới của nhất thiết trí ư?

Tu-bò-đè: Tôi không ước mong chứng đắc một pháp bất sinh, cũng không [ước mong] tái hợp nhất với một [pháp bất sinh]. Hơn nữa, người ta có đạt được sự chứng đắc một pháp bất sinh qua một pháp bất sinh không?

Xá-lợi-phát: Vậy thì người ta có đạt được sự chứng đắc bất sinh qua một pháp bất sinh, hay qua một pháp sinh không?

Tu-bò-đè: Vậy thì một pháp bất sinh được sinh, hay nó không được sinh?

Xá-lợi-phát: Thế thì sự sinh một pháp mà pháp ấy là sự bất sinh, hay sự bất sinh một pháp mà pháp ấy là sự sinh?

Tu-bò-đè: Nói một pháp sinh là một pháp bất sinh là không thể hiểu được.

Xá-lợi-phát: Nói bất sinh cũng không thể hiểu được.

Tu-bò-đè: Bất sinh chỉ là thuyết thoại. Bất sinh chỉ xuất hiện trước con mắt tâm. Bất sinh chỉ là tia sáng trong tâm. Tuyệt đối nó không là cái gì hơn thế.

Xá-lợi-phát: Nên xếp Tôn giả Tu-bò-đè vào hạng nhất của những người thuyết giảng pháp. [31] Dù người ta có thể vấn nạn ngài ấy bằng bất cứ cách nào, ngài ấy cũng tìm được đường ra, ngài ấy không lạc ra ngoài [lời dạy đúng về] chân tánh của Pháp, và ngài ấy không mâu thuẫn với chân tánh đó của Pháp.

Tu-bò-đè: Đây là Chân như Cứu cánh của Thế Tôn, yếu tánh của Thanh văn, những người không có bất cứ sự ủng hộ nào, như thế, khi bị vấn nạn bằng bất cứ cách nào, họ cũng tìm được lối ra, không mâu thuẫn với chân tánh của các pháp, cũng không xa lìa nó. Và

bởi vì họ không tùy thuộc vào bát cứ một pháp nào.

Xá-lợi-phật: Nói hay, ngài Tu-bồ-đề. Và cái gì là ba-la-mật của các Bồ-tát [không cho phép họ] tùy thuộc vào bát cứ pháp nào?

Tu-bồ-đề: Bát-nhã ba-la-mật, phúc lợi cho tất cả [ba] thừa, cũng là ba-la-mật [không cho phép họ] nương tựa vào bát cứ pháp nào, bởi vì [nó cho thấy rằng] tất cả các pháp không có sự hộ trợ nào cả [vì thế không thể công hiến gì hết]. Vì nếu một Bồ-tát, khi được dạy bát-nhã ba-la-mật thâm sâu này, mà không sợ, lúc ấy nên biết rằng ngài ấy tự điều chỉnh mình phù hợp với bát-nhã ba-la-mật, và ngài ấy không thiếu sự chú ý này [đối với những sự kiện chân thật về các pháp].

Xá-lợi-phật: Một Bồ-tát không thiếu sự chú ý khi ngài ấy được điều chỉnh phù hợp với bát-nhã ba-la-mật thì thế nào? [32] Vì nếu một Bồ-tát không thiếu sự chú ý, thì ngài ấy [tự động] sẽ thiếu sự điều chỉnh để phù hợp với bát-nhã ba-la-mật. Và nếu không thiếu sự điều chỉnh phù hợp với bát-nhã ba-la-mật, ngài ấy sẽ thiếu sự chú ý. Nhưng nếu [ở] một Bồ-tát mà hai sự kiện là ngài ấy không thiếu sự chú ý và ngài ấy không thiếu sự trú trong bát-nhã ba-la-mật, cùng thuộc về nhau, thì tất cả chúng sinh cũng sẽ không thiếu sự trú trong bát-nhã ba-la-mật. Bởi vì họ cũng trú không thiếu chú ý.

Tu-bồ-đề: Nói hay, nhưng tôi phải chứng minh lại cho ngài, mặc dù Tôn giả Xá-lợi-phật đã năm đúng vấn đề chừng nào lời nói còn liên quan. Bởi vì nên biết rằng chú ý không có tự tánh theo cách chúng sinh không có tự tánh; chú ý không thực hữu theo cách chúng sinh không thực hữu; chú ý ly cách theo cách chúng sinh ly cách; chú ý không thể nghĩ bàn theo cách chúng sinh không thể nghĩ bàn; những hành động chú ý của tâm không trải qua quá trình đưa đến giác ngộ theo cách chúng sinh không trải qua quá trình đó; những hành động của chú ý không trải qua quá trình đưa đến giác ngộ theo bát cứ chân nghĩa nào hơn chúng sinh trải qua. Qua sự chú ý có tánh cách như thế tôi ước mong rằng một Bồ-tát, một Đại sĩ, có thể trú ở chỗ trú này.

Chương II

THÍCH-ĐỀ³¹

1. TƯA

Lại cũng lúc đó, nhiều thiên đến hội ấy, và ngồi chỗ của mình: Thiên đế Thích-đè, với bốn vạn thiên của [trời] Ba mươi ba; bốn hộ vệ thế gian, với hai vạn thiên thuộc đám tùy tùng của Bốn Đại Thiên vương; Phạm-thiên, người trị vì thế giới này, với một vạn thiên thuộc đám cùng đi của Phạm-thiên; và năm ngàn thiên của cõi Tịnh Độ. Nhưng thần lực của Phật, sự trang nghiêm và uy quyền của ngài vượt qua ngay cả sự huy hoàng của chư thiên, một báo đáp cho những hành vi họ đã làm trong quá khứ.

Thích-đè: Thưa ngài Tu-bồ-đè, nhiều ngàn thiên đây đến hội này, và đã ngồi chỗ của họ, bởi vì họ muốn nghe về bát-nhã ba-la-mật từ ngài Tu-bồ-đè thánh thiện, và lắng nghe lời khuyên của ngài ấy cho các Bồ-tát, sự giáo huấn và khuyên nhủ của ngài ấy. Rồi một Bồ-tát trụ trong bát-nhã ba-la-mật như thế nào, tu luyện trong bát-nhã ba-la-mật như thế nào, hiến mình cho bát-nhã ba-la-mật như thế nào?

Tu-bồ-đè: Vậy thì hãy để tôi giải thích cho ngài, nhờ thần lực, sự trang nghiêm và uy lực của Phật. Chúng thiên nào chưa phát tâm vì giác ngộ viên mãn, nên làm thế. Tuy nhiên, chúng thiên nào chắc chắn họ đã an toàn ra khỏi thế gian này [tức là, những vị A-la-hán đã đạt lìa sinh cuối cùng, và nghĩ rằng họ đã làm xong tất cả] là không thích hợp cho giác ngộ viên mãn [bởi vì họ không muốn đi, vì bi tâm, trở lại với sinh tử]. Vì sao? Con lụt sinh tử bao vây họ lại. [34] Không có khả năng tái sinh lại nhiều lần, họ không thể phát tâm vì giác ngộ viên mãn. Song nếu họ cũng phát tâm vì giác ngộ viên mãn, tôi cũng sẽ xác nhận cho họ. Tôi sẽ không bít lấp thiện căn của họ. Vì nên dương cao những pháp phân minh nhất lên trên

³¹ Phạn: *Sakra*. Đầy đủ hơn: *Sakra Indra*: Thích-đè Hoàn Nhân. Các thuật ngữ Phật giáo trong sách này, xem phần Thuật ngữ ở cuối sách. ND.

tất cả các pháp khác.

Thé Tôn: Khéo nói đây, Tu-bồ-đè. Ông khéo khuyến khích các Bồ-tát.

Rồi *Tu-bồ-đè* thưa với Thé Tôn: Chúng con nên biết ơn Thé Tôn, không nên không biết ơn. Vì trong quá khứ, trong sự hiện diện của các Như Lai quá khứ, Thé Tôn đã vì chúng con, sống đời phạm hạnh với giác ngộ là mục đích của ngài. Ngay cả sau khi ngài đã nhất định trở thành một Bồ-tát [một chúng sinh hiến mình cho giác ngộ], các vị đệ tử vẫn dạy bảo và khuyên nhủ ngài ấy trong các ba-la-mật, và do theo đuổi trong đó ngài ấy đã sản sinh ra tri kiến cùng tốt. Dù như thế chúng con cũng sẽ trợ giúp, bênh vực, giúp đỡ, và hộ trì các Bồ-tát. Bởi vì các Bồ-tát ấy, nếu chúng con trợ giúp, bênh vực, giúp đỡ và hộ trì các ngài ấy, sẽ sớm biết giác ngộ viên mãn.

2. LÀM SAO TRỤ TRONG KHÔNG, HAY BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

Rồi *Tu-bồ-đè* nói với Thích-đè: Này ngài Kiều-thi-ca, bây giờ hãy lắng nghe và chú ý kỹ. Tôi sẽ dạy ngài một Bồ-tát trụ trong bát-nhã ba-la-mật như thế nào. [35] Được trang bị với chiếc áo giáp vĩ đại, Bồ-tát ấy nên phát triển như thế để ngài ấy không trụ ở bất cứ chỗ nào trong những chỗ này: không ở sắc, thọ, tưởng, hành, thức; không ở mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; không ở sắc, thanh, hương, vị, xúc, ý; không ở nhãn thức, v.v..., cho đến: không ở ý thức, v.v..., cho đến: không ở các đại, túc là, đất, nước, lửa, gió, khí, thức; không ở các trụ cột niệm, chánh tinh tấn, những đường đến thần thông, các căn, các lực, các giác chi, các Đạo phàn, không ở các quả Dự lưu, Nhất lai, Bát hoàn, hay A-la-hán; không ở cảnh giới Duyên giác, cũng không ở cảnh giới Phật. Ngài ấy không nên trụ ở ý niệm ‘đây là sắc,’ ‘đây là thọ,’ v.v..., đến: ‘đây là cảnh giới Phật.’ Ngài ấy không nên trụ ở các ý niệm ‘sắc, v.v..., là thường, [hay] vô thường’; [36] ‘sắc là hiền hay ác’; ‘sắc là ngã, hay không phải ngã,’ ‘sắc là dễ thương hay đáng ghét,’ ‘sắc là rỗng không, hay nhận biết được như một cái gì đó.’ ngài ấy không nên trụ ở ý niệm

các quả của đời sống phạm hạnh (thánh thiện) lấy sự cao quý của chúng từ Vô vi³². Hay người được quả Dự lưu thì xứng đáng với các vật bồ thí, và sẽ tái sinh bảy lần là nhiều nhất. Hay người được quả Nhất lưu thì xứng đáng với các vật bồ thí, nhưng vì chưa hoàn toàn thắng đến cuối cùng, sẽ tạo ra một kết cuộc xấu sau khi người ấy đến thế gian này một lần nữa. Hay người được quả Bát lai thì xứng đáng với những vật bồ thí, không trở lại thế gian này một lần nữa, và sẽ đạt Niết-bàn ở chỗ khác. Hay một A-la-hán thì xứng đáng với các vật bồ thí, và sẽ chỉ ở đây trong chính cuộc hiện hữu này đạt được Niết-bàn trong cõi vô dư Niết-bàn. Hay một Duyên giác thì xứng đáng với những vật bồ thí, và sẽ đạt được Niết-bàn sau khi vươn lên trên mức độ Thanh văn, nhưng không đạt mức độ Phật. Một vị Phật thì xứng đáng với các vật cúng dường, và sẽ đạt được Niết-bàn nơi Niết-bàn của Phật, trong cõi vô dư Niết-bàn, sau khi đã vươn lên trên mức độ của người thường, của Thanh văn, và của Duyên giác, đã đem hạnh phúc cho vô số chúng sinh, đã đưa đến Niết-bàn trăm ngàn na-do-tha³³ câu-lợi³⁴ chúng sinh không đếm được, đã làm kiên cố vô số chúng sinh [37] của cảnh giới Thanh văn, cảnh giới Duyên giác, và cảnh giới Phật viên mãn, đã trụ ở địa của một vị Phật và đã làm việc làm của một vị Phật, – do đó ngay cả một Bồ-tát cũng không nên trụ chỗ trụ của mình.

Vì thế Tôn giả Xá-lợi-phất tự nghĩ: Nếu vì thế ngay cả một người không trụ chỗ của mình, vậy thì làm sao người ta trụ và tu luyện mình? Tôn giả Tu-bồ-đề, nhờ thần lực của Phật, biết được tâm ý của Tôn giả Xá-lợi-phất và nói: Này ngài Xá-lợi-phất, ý ngài thế nào, đức Như Lai trụ ở đâu?

Xá-lợi-phất: Như Lai chẳng trụ ở đâu cả, bởi vì tâm ngài ấy không tìm sự hộ trợ nào. Ngài ấy không trụ nơi cái gì hữu vi cũng không trụ nơi cái gì vô vi, cũng không từ những chỗ ấy hiện ra.

Tu-bồ-đề: Dù vậy một Bồ-tát sẽ trụ và tu luyện mình. Ngài ấy sẽ quyết định rằng ‘như Như Lai không trụ ở bất cứ chỗ nào, cũng

³² Anh: *the Conditioned*.

³³ Phạn: *niyutas*

³⁴ Phạn: *kotis*.

chẳng không trụ, [38] không trụ riêng cũng chẳng không trụ riêng, tôi cũng sẽ như vậy.’ Cũng vậy ngài ấy nên tu luyện mình ‘như Như Lai được đặt định, như vậy tôi sẽ trụ, và tu luyện mình.’ Ngài ấy tu luyện mình như vậy. ‘Như Như Lai được đặt định, như vậy tôi sẽ trụ, khéo được đặt định bởi vì không có chỗ nào để trụ.’ Dù vậy một Bồ-tát nên trụ và tu luyện mình. Khi tu luyện như thế, ngài ấy tự điều chỉnh mình hợp với bát-nhã ba-la-mật, và sẽ không bao giờ ngừng đem nó đến tâm.

3. CÁC VỊ THÁNH VÀ MỤC TIÊU CỦA HỌ ĐỀU LÀ ẢO ẢNH

Do vậy ý nghĩ đến với một vài vị trong các *thiên* ở hội chúng: Những gì các vị tiên nói và thi thầm, chúng ta hiểu dù làm thầm. Những gì ngài Tu-bồ-đề vừa bảo chúng ta, chúng ta không hiểu. *Tu-bồ-đề* đọc được ý nghĩ của họ, và nói: Chẳng có gì để hiểu, chẳng có gì để hiểu cả. Vì không cái gì đặc biệt để chỉ ra, không cái gì đặc biệt để giải thích.

Do đó các *thiên* nghĩ: Nguyên ngài Tu-bồ-đề Thánh thiện mở rộng điều này! Nguyên ngài Tu-bồ-đề Thánh thiện mở rộng điều này! Những gì ngài Tu-bồ-đề Thánh Thiện khám phá, chứng minh, và dạy ở đây còn hoằng viễn hơn hoằng viễn, vi tế hơn vi tế, thâm sâu hơn thâm sâu. *Tu-bồ-đề* đọc được ý nghĩ của họ, và nói: Không ai có thể đạt được bất cứ quả nào của đời sống phạm hạnh hay giữ nó, – từ quả Dự lưu đến giác ngộ viên mãn – [39] trừ phi người ấy kiên nhẫn chấp nhận tính bát khả đắc của pháp ấy.

Rồi các *thiên* đó nghĩ: Nên nguyên điều gì cho những người giống như người xứng đáng lắng nghe giáo pháp từ ngài Tu-bồ-đề Thánh thiện? *Tu-bồ-đề* đọc được ý nghĩ của họ, và nói: Những ai học giáo pháp từ tôi nên nguyên giống như huyền hóa của ảo thuật, vì họ sẽ không nghe lời nói của tôi cũng không chứng nghiệm các sự kiện họ diễn đạt.

Chư thiên: Chúng sinh như huyền ảnh, họ không phải chỉ là huyền ảnh chứ?

Tu-bồ-đề: Giống như huyền như mộng là những chúng sinh đó. Vì không phải là hai thứ khác nhau là ảo ảnh huyền thuật và chúng sinh, là mộng và chúng sinh. Tất cả những sự kiện khách quan cũng giống như ảo ảnh huyền thuật, như mộng. Các hạng thánh khác nhau, từ bậc Dự lưu đến cảnh giới Phật, cũng giống như ảo ảnh huyền thuật, như mộng. [40]

Chư thiên: Một vị Phật giác ngộ viên mãn, ngài nói, cũng giống như ảo ảnh huyền thuật, như mộng ư? Cảnh giới Phật, ngài nói, cũng giống như ảo ảnh huyền thuật, như mộng ư?

Tu-bồ-đề: Ngay cả Niết-bàn, tôi nói, giống như ảo ảnh huyền thuật, như mộng. Những thứ khác còn hơn thế nữa!

Chư thiên: Ngay cả Niết-bàn, ngài Tu-bồ-đề Thánh thiện, ngài nói, giống như ảo ảnh, như giác mộng ư?

Tu-bồ-đề: Dù cho ngẫu nhiên có thể có bất cứ vật gì phân minh hơn, tôi cũng nói nó giống như ảo ảnh, như mộng. Vì không phải hai vật khác nhau là ảo ảnh và Niết-bàn, là mộng và Niết-bàn.

Vì thế Tôn giả Xá-lợi-phát, Tôn-giả Phú-lâu-na, con của ngài Di-lặc, Tôn giả Ma-ha Câu-hi-la³⁵, Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên³⁶, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp-ba³⁷ và các Đại Đệ tử khác, cùng với nhiều ngàn *Bồ-tát*, nói: Ngài Tu-bồ-đề, ai sẽ là người lãnh hội được bát-nhã ba-la-mật như được giải thích ở đây?

Vì thế Tôn giả *A-nan-đa* nói với các Trưởng lão đó: Các Bồ-tát không thể đọa lạc sẽ lãnh hội nó, hay những người đã đạt chánh kiến, hay các vị A-la-hán đã khô hết rỉ lậu.

Tu-bồ-đề: Không ai lãnh hội bát-nhã ba-la-mật này như được giải thích ở đây [tức là, được giải thích theo cách như thế mà thực ra không có giải thích gì cả]. [41] Vì đã không chỉ ra, soi sáng, hay thông tri một pháp nào. Vì thế sẽ không có ai có thể lãnh hội nó.

4. HOA CỦA THÍCH-ĐỀ

³⁵ Phạn: *Mahakosthila*.

³⁶ Phạn: *Mahakatyayana*.

³⁷ Phạn: *Mahakashyapa*.

Do đó ý nghĩ này đến với *Thích-đè*: Bây giờ hãy để tôi, để lẽ bái bài pháp được ngài Tu-bồ-đề Thánh thiện dạy này, biến ra một số hoa, và rải chúng lên ngài Tu-bồ-đề Thánh thiện. Rồi Thích-đè triệu gọi hoa và rải chúng lên Tôn giả Tu-bồ-đề. Tôn giả Tu-bồ-đề nghĩ cho mình bằng cách đáp: Những hoa này [bây giờ] xuất hiện giữa chư thiên của trời Ba mươi ba mà trước kia ta đã không chú ý đến. Những hoa này, Thích-đè rải, là những huyền hóa. Chúng không phải là sinh ra từ cây, bụi cây hay dây leo. Những hoa này Thích-đè rải là tâm tạo. *Thích-đè* đáp: Những hoa ấy không có sinh ra gì cả. Vì thực ra không có hoa, hoặc chúng xuất ra từ tâm, hay từ cây, bụi cây hay dây leo. Lúc ấy *Tu-bồ-đề* nói: Như ngài nói, ngài Kiều-thi-ca³⁸, ‘những hoa này đã không sinh ra gì cả, [42] không phải từ tâm, cũng không từ bụi cây hay dây leo’ – bởi vì cái chẳng bao giờ sinh ra thì không phải là hoa.

5. TU LUYỆN TRONG BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

Rồi ý nghĩ đến với Thiên đế *Thích-đè*: Trí tuệ thâm sâu, chắc chắn, là ngài Tu-bồ-đề Thánh thiện, ở đây ngài ấy giải thích sự hiện hữu chỉ bằng danh từ [của tất cả các pháp riêng rẽ], không đưa nó vào mâu thuẫn [với mô phạm chân lý], nhưng mở rộng và giảng giải một cách đơn giản. Rồi ngài ấy nói với Tôn giả Tu-bồ-đề: Đúng như vậy. Vị Bồ-tát nên tự tu luyện như thế trong đó [trong nội kiến này] như ngài Tu-bồ-đề Thánh thiện chỉ ra.

Tu-bồ-đè: Ngài ấy nên như vậy. Khi tự tu luyện như thế, ngài ấy không tu luyện mình trong quả của bậc Dự lưu, cũng không trong quả của đời sống phạm hạnh, cho đến cảnh giới Phật. Khi tu luyện mình ở các địa áy, tu luyện mình trong cảnh giới Phật, hay ở cảnh giới nhất thiết trí; và vì thế ở trong Phật pháp vô lượng và vô số. Vì thế một người tu luyện mình không vì sự tăng của sắc, thọ, v.v..., cũng không vì sự giảm của chúng; [43] không thích hợp với sắc, v.v..., cũng không buông chúng đi. Một người tu luyện mình không chấp giữ bất cứ pháp nào khác, ngay cả nhất thiết trí, không làm

³⁸ Phạn: *Kausika*.

xuất sinh một, hay làm một biến mất. Khi tu luyện như thế, một Bồ-tát tu luyện trong nhất thiết trí, và ngài ấy sẽ đi đến nhất thiết trí.

Thích-đè: Một Bồ-tát sẽ đi đến nhất thiết trí, dù cho ngài ấy không tu luyện mình chấp giữ bất cứ pháp nào, – ngay cả nhất thiết trí, – cũng không sản sinh một hay làm một biến mất?

Tu-bồ-đề: Ngài ấy sẽ đi đến. [44]

Thích-đè lúc ấy nói với Xá-lợi-phật: Một Bồ-tát nên tìm bát-nhã ba-la-mật ở đâu?

Xá-lợi-phật: Trong lời giải thích của Tôn giả Tu-bồ-đề.

Thích-đè: Nhờ thần lực của ai, và uy lực của ai, mà ngài Tu-bồ-đề Thánh thiện dạy bát-nhã ba-la-mật?

Xá-lợi-phật: Nhờ thần lực của Như Lai, và uy lực của Như Lai.

Tu-bồ-đề: Quả thực ấy là thần lực của Như Lai, thưa ngài Thích-đè, nhờ đó tôi dạy bát-nhã ba-la-mật. Và khi ngài hỏi, ‘Một Bồ-tát nên tìm bát-nhã ba-la-mật ở đâu?’, câu trả lời là: Ngài ấy không nên tìm nó trong sắc, cũng không tìm trong bất cứ uẩn nào khác; cũng không tìm trong cái gì khác hơn sắc, hay bất cứ uẩn nào khác. Bởi vì bát-nhã ba-la-mật không phải là một trong các uẩn, cũng không khác hơn các uẩn. [45]

6. TÍNH VÔ CÙNG CỦA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

Thích-đè: Bát-nhã ba-la-mật này, thưa ngài Tu-bồ-đề, là một ba-la-mật vĩ đại, vô hạn, vô lượng, vô cùng.

Tu-bồ-đề: Đúng vậy. Vì sao? Bát-nhã ba-la-mật vĩ đại, vô hạn, vô lượng, và vô cùng bởi vì sắc, thọ, v.v..., cũng vậy. Vì thế người ta không ở lại trong sự tin quyết rằng đây là một ‘ba-la-mật vĩ đại,’ một ‘ba-la-mật vô hạn,’ một ‘ba-la-mật vô lượng,’ và ‘ba-la-mật vô cùng.’ Đó là tại sao bát-nhã ba-la-mật là một ba-la-mật vĩ đại, vô hạn, vô lượng, và vô cùng. [46] Bát-nhã ba-la-mật là một ba-la-mật vô cùng bởi vì các vật cũng như chúng sinh [cá thể] đều vô cùng. Bát-nhã ba-la-mật là một ba-la-mật vô cùng bởi vì người ta không thể được nó ở đâu, giữa, hay cuối của bất cứ một sự thật khách quan

nào [vì là một pháp, nó không có tự tánh]. Hơn nữa, bát-nhã ba-la-mật là một ba-la-mật vô cùng bởi vì tất cả những sự thật khách quan đều vô tận, vô biên, và đầu, giữa, và cuối của chúng không nhận biết được. Vì không thể biết được đầu, giữa và cuối của sắc, v.v... Theo cách ấy bát-nhã ba-la-mật là một ba-la-mật vô cùng lý do là vì sự vật vô cùng. Hơn nữa, một chúng sinh thì vô tận và vô biên bởi vì đầu, giữa hay cuối của nó bất khả đắc. Vì thế, bát-nhã ba-la-mật là một ba-la-mật vô cùng là vì chúng sinh vô cùng.

Thích-đè: Làm sao mà, ngài Tu-bồ-đề Thánh thiện, bát-nhã ba-la-mật là một ba-la-mật vô cùng vì lý do chúng sinh vô cùng?

Tu-bồ-đè: Không phải thế, bởi vì số chúng sinh quá lớn và phong phú.

Thích-đè: Vậy thì làm sao, thưa ngài Tu-bồ-đề Thánh thiện, bát-nhã ba-la-mật là một ba-la-mật vô cùng vì lý do chúng sinh vô cùng?

[47]

Tu-bồ-đè: Chữ ‘chúng sinh’ chỉ thực thể gì?

Thích-đè: Chữ ‘chúng sinh’ không chỉ pháp hay vô pháp. Nó là một từ được thêm vào [cái gì thực sự ở đó] như là một cái gì ngẫu nhiên, vô căn cứ, không là cái gì trong tự thể, không tìm thấy nơi sự thực khách quan.

Tu-bồ-đè: Do đó [tức là, do nói chữ ‘chúng sinh’] bất cứ chúng sinh nào cũng hiện ra [như là sự thực tối hậu]?

Thích-đè: Quả thực không, ngài Tu-bồ-đề Thánh thiện!

Tu-bồ-đè: Khi không một chúng sinh nào hiện ra, làm sao có thể có được sự vô cùng của họ. Nếu một Như Lai, với giọng nói ở mức vô cùng, với giọng nói sấm rèn thâm sâu của ngài ấy, nên phát âm, trong vô số kiếp như cát sông Hằng, chữ ‘chúng sinh,’ ‘chúng sinh,’ – vì thế ngài ấy sẽ sản sinh, hay ngừng lại, bất cứ chúng sinh nào, trong quá khứ, vị lai hay hiện tại ư?

Thích-đè: Quả thực không, thưa ngài Tu-bồ-đề Thánh thiện! Bởi vì chúng sinh xưa nay thanh tịnh, hoàn toàn thanh tịnh.

Tu-bồ-đè: Theo cách này bát-nhã ba-la-mật cũng là một ba-la-mật vô cùng bởi lý do chúng sinh vô cùng. Theo cách này, nên biết bát-nhã ba-la-mật vô cùng do chúng sinh vô cùng. [48]

7. THỌ KÝ

Vì thế chư *thiên* chung quanh Thích-đè, Phạm-thiên và Ba-xà-ba-đè,³⁹ và các nhóm nam và nữ chung quanh các Tiên nhân⁴⁰ hét lên ba lần khải hoàn: Chào Pháp! Chào Pháp! Chào Pháp giới của Pháp! Và họ thêm: Đẹp thay là Trưởng lão Tu-bồ-đè bây giờ đã chỉ ra, chứng minh, phô bày và làm sáng tỏ cách Như Lai đến thị hiện như thế nào. Là chủng của Như Lai vì thế chúng ta sẽ quan tâm vị Bồ-tát sở hữu bát-nhã ba-la-mật viên mãn này và trú trong đó.

Lúc ấy *Thế Tôn* nói: Đúng thế, Ôi chư thiên! Tôi cũng đã làm như vậy, khi tôi gặp đức Như Lai Nhiên Đăng⁴¹ ở kinh đô Dipavati, thành vương xá, sở hữu đầy đủ bát-nhã ba-la-mật này, vì thế đức Như Lai Nhiên Đăng, đã tiên đoán rằng một ngày kia tôi sẽ giác ngộ viên mãn, và nói với tôi: “Ông, người Bà-la-môn trẻ, trong một thời vị lai, sau số kiếp không thể tính được, sẽ trở thành một Như Lai, tên là Thích-ca-mâu-ni, – được phú bẩm tri kiến và đức hạnh, Thiện Thệ, một thế gian giải, không ai vượt qua được, người thuần thực của những người chưa thuần thực, thầy của Trời và người, một vị Phật, một Thế Tôn!”

Chư thiên đáp: Kỳ diệu, Ôi Thế Tôn, quá ư kỳ diệu, Ôi Thiện Thệ, nhất thiết trí được bát-nhã ba-la-mật này nuôi dưỡng và nâng cao nhiều biết bao nơi các Bồ-tát, các đại sĩ!

³⁹ Phạn: *Prajapati: Sanh chủ*.

⁴⁰ Phạn: *Rishis*.

⁴¹ Phạn: *Dipankara*.

Chương III

SỰ TÔN KÍNH PHÁP KHÍ CỦA CÁC BA-LA-MẬT, CHÚA GIỮ CÁC PHẨM TÍNH THIỆN VÔ LUỢNG

1. NHỮNG LỢI THẾ THẾ GIAN CỦA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

Đức Thế Tôn thấy chư thiên đã tụ hội và an tọa, các tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, nam cư sĩ và nữ cư sĩ tụ hội và an tọa, và ngài nói với chư thiên như vậy: Ma vương và nhóm của y sẽ không thể làm hại những người thọ nhận bát-nhã ba-la-mật, mang nó trong tâm, thuyết giảng, nghiên cứu và truyền bá nó. Người và ma cũng sẽ không làm hại họ được. Họ cũng sẽ không chết không đúng lúc. Các thiên áy lên đường vì giác ngộ viên mãn, nhưng chưa nắm được bát-nhã ba-la-mật này, sẽ tiếp cận người đã [50] làm được như thế, lắng nghe người áy, và sẽ hiểu, v.v..., bát-nhã ba-la-mật này. Một người sùng mộ bát-nhã ba-la-mật này chắc chắn sẽ không bao giờ cứng đơ vì sợ hãi, – dù người áy ở trong rừng, dưới gốc cây, hay trong một túp lều, hay một chỗ trống, hay một con đường, hay một đại lộ, một rừng cây, hay trên biển cả.

Bốn Đại Thiên Vương: Kỳ diệu, Ôi Thế Tôn, là những người hiểu, v.v..., bát-nhã ba-la-mật này nên rèn luyện cho chúng sinh trong ba thừa, song không nhận thức bất cứ chúng sinh nào. Chúng tôi, Ôi Thế Tôn, sẽ bảo vệ những người như thế. [51]

Thích-đè, Phạm-thiên, và các Thiên khác cũng hứa bảo vệ người theo bát-nhã ba-la-mật.

Thích-đè: Kỳ diệu, Ôi Thế Tôn, là hiểu, v.v..., bát-nhã ba-la-mật này, người ta sẽ được rất nhiều lợi thế ngay cả ở đây và bây giờ. Khi thọ nhận bát-nhã ba-la-mật, người ta có thọ nhận tất cả sáu ba-la-mật không?

Thế Tôn: Có. Hơn nữa, khi nhận lấy, v.v..., bát-nhã ba-la-mật, người ta được các lợi thế ở đây và bây giờ. Hãy chú ý lắng nghe, tôi sẽ dạy ông đó là những lợi thế nào.

Hãy cứ như vậy, thưa Thé Tôn, *chư thiên* đáp.

Thé Tôn: Những cãi vã, thỏa thuận và mâu thuẫn của những người phản đối pháp của tôi sẽ biến mất một cách đơn giản; những ý định của những người chống đối sẽ không được thực hiện. [52] Bởi vì nó là sự thật đối với những người theo bát-nhã ba-la-mật, những tranh luận đó sẽ biến mất một cách đơn giản, và sẽ không trù lại. Đây là một lợi thế ngay cả ở đây và bây giờ. Có một loại cỏ, tên là Ma-đè⁴², chưa tất cả độc. Giả sử một con rắn độc, bị đói, thấy một con vật, và đuổi theo, theo mùi thơm, để ăn nó; nhưng nếu con vật đó đi đến một vùng đất có loại cỏ ấy và đứng đó, lúc ấy mùi của cỏ đó khiến cho con rắn quay trở lại. Bởi vì tính chất chữa trị của cỏ ấy mạnh đến độ chế ngự được độc của con rắn. Cũng vậy, những cãi vã, thỏa thuận, và mâu thuẫn đối với những người theo bát-nhã ba-la-mật sẽ được hiển bày, tinh chỉ, và giải tỏa, [53] qua ngọn lửa ác liệt của bát-nhã ba-la-mật, qua uy lực của nó, qua sức mạnh của nó, qua sự thâm nhiễm uy lực của nó. Chúng sẽ biến mất, và không phát triển hay trù lại. Vì sao? Bởi vì bát-nhã ba-la-mật làm giảm bớt tất cả ác, – khôi lòng tham chấp Niết-bàn, không làm nó tăng. Chư thiên, tất cả chư Phật, và tất cả chư Bồ-tát, sẽ bảo vệ những người theo bát-nhã ba-la-mật. Đây sẽ là một lợi thế ngay cả ở đây và bây giờ. Hơn nữa, lời nói của người theo bát-nhã ba-la-mật sẽ trở nên có thể chấp nhận được, mềm dịu, độ lượng, và thích đáng. Giận dữ và tự phụ sẽ không chế ngự được người ấy. Bởi vì bát-nhã ba-la-mật thuần thực và chuyển hóa người ấy. Giận dữ và tự phụ người ấy không tăng. Thủ địch cũng như cái ác sẽ không bám giữ người ấy, cũng không có ngay cả có khuynh hướng hướng về chúng. [54] Người ấy sẽ tâm niệm và thân thiện. Người ấy tư duy: ‘Nếu ta nuôi dưỡng ác ý trong ta, các căn của ta sẽ thành mảnh mún, nét mặt của ta sẽ bị hỏng, và trong bát cứ trường hợp nào, nó cũng hoàn toàn phi lý mà ta, người đã lên đường vì giác ngộ viên mãn, và muôn tự tu luyện vì nó, sẽ hứng chịu hậu quả của giận dữ.’ Theo cách này người ấy sẽ nhanh chóng lấy lại được chánh niệm. Đây sẽ là một lợi thế khác ngay cả ở đây và bây giờ.

⁴² Phạn: *Maghi*.

Thích-dè: Kỳ diệu làm sao bát-nhã ba-la-mật này được dựng lập để kiểm tra và huấn luyện các Bồ-tát.

Thé Tôn: Hơn nữa, này Kiều-thi-ca, nếu một người theo bát-nhã ba-la-mật ra chiến trường, đến tiền tuyến, người ấy không thể mất mạng mình nơi đó. Không thể có chuyện người ấy sẽ mất mạng vì sự tấn công của người nào khác. [55] Nếu có người đánh người ấy – bằng kiếm, hay gậy, hay cục đất, hay bất cứ vật gì khác – thì thân người ấy không thể bị đánh trúng. Bởi vì đại tri thức là cái này, bát-nhã ba-la-mật; một tri thức không có đo lường, một tri thức hoàn toàn không có sự đo lường, một tri thức không gì vượt qua được, một tri thức làm bình đẳng những cái không bình đẳng là cái này, bát-nhã ba-la-mật. Bởi vì khi người ta tu luyện mình trong tri thức này, thì người ta không có ý quấy rầy sự yên ổn của mình hay của người khác. Vị Bồ-tát, vị đại sĩ được tu luyện trong tri thức này, sẽ đạt đến giác ngộ viên mãn, sẽ đạt được tuệ tri của nhất thiết trí. Một khi được giác ngộ viên mãn vị ấy sẽ đọc được ý nghĩ của tất cả chúng sinh. Bởi vì với các Bồ-tát, các đại sĩ được tu luyện trong tri thức này, không gì là không đạt được, không biết, không chứng ngộ. Đó là tại sao người ta nói tuệ giác của nhất thiết trí. Đây là một lợi thế khác ngay cả ở đây và bây giờ. [56]

Thêm nữa, bát-nhã ba-la-mật này được viết xuống thành sách và đã được thờ ở đâu, nó đã được học hiểu, v.v..., ở đâu, ở đó người và ma không thể làm hại, ngoại trừ là hình phạt cho những hành vi quá khứ. Đây là một lợi thế khác ngay cả ở đây và bây giờ.

Cũng như, này Kiều-thi-ca, những người và ma đó đi đến đạo tràng, hay đến vùng lân cận nó, hay bên trong nó, hay đến gốc cây giác ngộ, không thể bị người và ma làm đau, hay làm bị thương, hay bị chiếm đoạt, ngay cả với sự trợ giúp những chúng sinh ác thú, ngoại trừ là sự trừng phạt những hành vi trước kia. Bởi vì trong đó, các Như Lai quá khứ, vị lai và hiện tại đạt được giác ngộ, các ngài nâng đỡ tất cả chúng sinh và tiết lộ với họ sự không sợ, không thù nghịch, không kinh hãi. Cũng vậy, này Kiều-thi-ca, nơi nào người ta thọ nhận, v.v..., bát-nhã ba-la-mật này nơi ấy chúng sinh không thể bị người và ma làm khổ. [57] Bởi vì bát-nhã ba-la-mật này biến

địa điểm nó ở thành cái rương đựng thánh tích chân thật cho chúng sinh, – đáng được thờ phụng và chiêm ngưỡng, – thành nơi nương náu cho những chúng sinh đến đó, một nơi qui y, một chỗ nghỉ ngơi và voi bót cuối cùng. Đây là một lợi thế khác ngay cả ở đây và bây giờ.

2. SỰ SÙNG BÁI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT SO VỚI SỰ SÙNG BÁI CHƯ PHẬT

Thích-đè: Giả sử có hai người. Một trong hai người đó, một người con trai hay một người con gái của gia đình thiện lương, đã viết xuống bát-nhã ba-la-mật này thành một quyển sách; rồi người ấy đặt nó lên, tôn vinh, sùng kính, thờ phụng, và trang nghiêm nó bằng hoa trời, nhang, mùi thơm, tràng hoa, thuốc cao, bột thơm, tràng phan, lọng, phướn, chuông, cò, với những hàng đèn chung quanh, và với nhiều loại thờ cúng. Người kia đặt trong Tháp miếu xá-lợi của đức Nhu Lai đã nhập Bát Niết-bàn; người ấy sẽ giữ và bảo tồn chúng; người ấy sẽ tôn vinh, thờ cúng và trang nghiêm chúng bằng hoa trời, nhang, v.v..., như trước. Trong hai người ấy, người nào, Ôi Thé Tôn, có công đức lớn hơn?

Thé Tôn: Tôi sẽ hỏi ông về điểm này, và ông có thể trả lời cách tốt nhất theo khả năng của ngài. Nhu Lai, khi đạt và biết được giác ngộ viên mãn hay nhất thiết trí, trong đó Nhu Lai đã tu luyện con người nhất thiết trí mà Nhu Lai đem lại bằng những thực hành nào? [58]

Thích-đè: Đó là vì đức Thé Tôn đã tu luyện mình chính trong bát-nhã ba-la-mật này mà Nhu Lai đã có được và biết giác ngộ viên mãn hay nhất thiết trí.

Thé Tôn: Vì thế Nhu Lai không lấy tên mình theo sự kiện Nhu Lai có được con người nhục thân mà từ sự kiện Nhu Lai có được nhất thiết trí. Và nhất thiết trí này của Nhu Lai đến từ bát-nhã ba-la-mật. Mặt khác, con người nhục thân của Nhu Lai là kết quả của sự thiện xảo trong phương tiện bát-nhã ba-la-mật. Và điều đó trở thành nền tảng vững chắc cho [sự đắc thành] tri kiến nhất thiết trí

[của những người khác]. Do nền tảng này ủng hộ mà xảy ra sự tiết lộ tri kiến nhất thiết trí, sự tiết lộ Phật thân, Pháp thân, Tăng-già thân. Sự có được con người nhục thân như thế là nguyên nhân tri kiến nhất thiết trí. Khi nền tảng vững chắc của tri kiến đó mà nó có, vì tất cả chúng sinh, trở thành cái rương chứa thánh tích đích thực, đáng được lễ bái, tôn vinh, kính trọng và chiêm ngưỡng. Sau khi tôi đến Bát Niết-bàn, xá-lợi của tôi cũng sẽ được thờ phụng. Vì lý do này mà người ấy sao chép và sùng bái bát-nhã ba-la-mật tạo ra công đức lớn hơn. Vì trong khi làm như thế, người ấy sùng bái tri kiến nhất thiết trí. [59] Người con trai hay người con gái của gia đình thiện lương sao chép bát-nhã ba-la-mật, và thờ phụng nó, sẽ sinh công đức nhiều hơn. Vì do sùng bái bát-nhã ba-la-mật, người ấy sùng bái tri kiến nhất thiết trí.

Thích-đè: Có thể nào những người của Diêm-phù-đè đó, không sao chép bát-nhã ba-la-mật này, không thọ nhận, không học hiểu nó, không thờ phụng nó, không biết Thé Tôn dạy rằng sùng bái bát-nhã ba-la-mật là có lợi ích lớn! Làm sao họ không ý thức Thé Tôn đã dạy rằng sùng bái bát-nhã ba-la-mật đem lại những lợi thế, báo đáp lớn! Nhưng họ không biết điều này, họ không ý thức điều này! Họ không có niềm tin nơi nó!

Thé Tôn: Này Kiều-thi-ca, ý ông thế nào, bao nhiêu người trong cõi Diêm-phù-đè được phú bẩm niềm tin hoàn toàn nơi Phật, Pháp, và Tăng-già? [60]

Thích-đè: Chỉ một ít.

Thé Tôn: Đúng vậy, Kiều-thi-ca. Chỉ một ít người trong cõi Diêm-phù-đè bẩm sinh với niềm tin nơi Phật, Pháp, và Tăng-già. Còn ít hơn những người ít ỏi đó là những người đạt được quả Dụ lưu, rồi sau đó, quả Nhất lai, hay quả Bát hoàn. Còn ít hơn nữa là người đạt quả A-la-hán. Ít hơn nữa là những người chứng được sự giác ngộ của Duyên giác. Ít hơn nữa là những người phát tâm đến giác ngộ đầy đủ. Ít hơn nữa là những người phát tâm đến giác ngộ đầy đủ, làm mạnh tâm đó. Ít hơn nữa là những người phát tâm đến giác ngộ đầy đủ, làm mạnh tâm đó, cộng thêm trú với hết sức tinh tấn. Ít hơn nữa là những người theo đuổi thiền định về bát-nhã ba-

la-mật. Ít hơn nữa là những người theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật. Ít hơn nữa là những người, khi theo đuổi và gắng sức trong bát-nhã ba-la-mật, trú ở địa của Bồ-tát bất thối chuyền. Ít hơn nữa, khi theo đuổi và gắng sức trong bát-nhã ba-la-mật, sẽ biết giác ngộ viên mãn. Ít hơn nữa, khi theo đuổi và gắng sức trong bát-nhã ba-la-mật, thực biết giác ngộ viên mãn. Nay giờ, những Bồ-tát ấy trú ở địa của Bồ-tát bất thối chuyền, và biết giác ngộ viên mãn, họ giảng giải bát-nhã ba-la-mật cho những người con trai và con gái của gia đình thiện lương [61] nhiệt tâm muốn tu luyện mình và gắng sức trong bát-nhã ba-la-mật. Và đến phiên họ thọ nhận bát-nhã ba-la-mật, học và sùng bái nó. Mặt khác, có vô số chúng sinh phát tâm vì giác ngộ, làm mạnh tâm niệm giác ngộ đó, theo đuổi hướng về giác ngộ, – và có lẽ chỉ một hay hai người trong bọn họ có thể trú ở địa của Bồ-tát bất thối chuyền! Vì giác ngộ viên mãn thì khó đạt đến nếu kém tinh tấn, giải đai, một chúng sinh thấp kém, có ý nghĩ, ý kiến, ý định và trí tuệ thấp kém. Rồi thì, nếu có người muốn biết nhanh giác ngộ viên mãn, người ấy nên sẵn sàng và liên tục nghe và học bát-nhã ba-la-mật này. Vì người ấy sẽ hiểu rằng trong quá khứ, khi là một Bồ-tát, đức Như Lai đã tu luyện trong bát-nhã ba-la-mật; người ấy cũng nên tu luyện trong đó mà người ấy [bát-nhã ba-la-mật] là Đạo sư của mình. Trong bát cứ trường hợp nào, dù Như Lai còn tại thế hay đã nhập Niết-bàn, các Bồ-tát nên trở lại với bát-nhã ba-la-mật này. [62] Thế thì, này Kiều-thi-ca, nếu có người, để thờ phụng Như Lai đã nhập Niết-bàn, xây nhiều câu-lợi⁴³ Tháp miếu bằng bảy báu, thờ xá-lợi của Như Lai trong đó, và suốt đời tôn vinh xá-lợi bằng hoa, v.v..., rồi người ấy, nhờ sức mạnh đó, sẽ có được rất nhiều công đức không?

Thích-đè: Người ấy sẽ được, Ôi Thế Tôn.

Thế Tôn: Nhiều hơn thế sẽ là công đức của một người thực sự tin vào bát-nhã ba-la-mật này; tin tưởng phó thác nơi nó, tịch tĩnh trong niềm tin, tâm bồ-đề của người ấy phát khởi, với ý muốn nhiệt thành, nghe nó, học nó, mang nó trong tâm, tung đọc và nghiên cứu nó, truyền bá, chứng minh, giải thích, xiển dương và niêm nó, soi

⁴³ Phạn: *kotis*.

sáng nó chi tiết cho người khác, khai mở nghĩa của nó, thẩm tra nó bằng tâm minh; dùng trí tuệ của mình đến độ đầy đủ nhất, xem xét nó thấu triệt; sao chép nó, bảo tồn và cất giữ bản sao chép ấy – như thế thiện pháp có thể trường tồn, như thế sự dẫn đạo của chư Phật không thể bị hủy diệt, như thế thiện pháp tiếp tục được ủng hộ, vì sự dẫn đạo của các ngài ấy sẽ không cạn kiệt, – cuối cùng, tôn vinh và thờ phụng bát-nhã ba-la-mật này. [63] Nhiều hơn nữa sẽ là công đức của người sùng mộ bát-nhã ba-la-mật so sánh không chỉ với công đức của một người xây nhiều câu-lợi Tháp miếu làm bằng bảy báu, thờ xá-lợi của Như Lai. Nó sẽ nhiều hơn công đức của một người làm đầy toàn thể cõi Diêm-phù-đè bằng những Tháp miếu như thế. [64] Nó sẽ nhiều hơn công đức do tất cả chúng sinh tạo ra trong một thiên thế giới bốn châu nếu mỗi một chúng sinh được xây một Tháp miếu như thế. [65] Cũng như, nếu tất cả chúng sinh trong một tiểu thiên thế giới, [66] hay một trung thiên thế giới, [67] hay một đại thiên thế giới cũng làm như thế. [68] Hay đặt ra một trường hợp tưởng tượng, tất cả chúng sinh trong một đại thiên thế giới đồng thời trở thành người, và mỗi người xây một Tháp miếu như thế; và nếu mỗi người xây tất cả các Tháp miếu đó, và tôn vinh chúng trong một kiếp hay phần còn lại của một kiếp; [69] thì người sùng mộ bát-nhã ba-la-mật ấy vẫn có công đức nhiều hơn công đức kết quả từ hậu quả của những hành vi công đức của tất cả những chúng sinh dựng và thờ phụng vô số Tháp miếu đó.

Thích-đè: Đúng vậy, Ôi Thế Tôn. Vì người tôn vinh bát-nhã ba-la-mật, theo nghĩa tuyệt đối, người ấy tôn vinh chư Phật quá khứ, vị lai và hiện tại trong tất cả các thiên thế giới, chỉ có tri kiến của một vị Phật có thể nhận biết được. Công đức của người ấy sẽ nhiều hơn ngay cả công đức của tất chúng sinh trong các đại thiên thế giới vô số như cát sông Hằng, [70] nếu mỗi một chúng sinh trong số đó xây một Tháp miếu, và nếu mỗi một chúng sinh trong số đó xây tất cả các Tháp miếu đó, và tôn vinh chúng trong một kiếp hay trong phần còn lại của một kiếp.

3. BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT, MỘT ĐẠI THẦN CHÚ

Thé Tôn: Đúng vậy, Kiều-thi-ca. Công đức của người sùng mộ bát-nhã ba-la-mật nhiều hơn công đức đó; nó vô lượng và không thể tính toán, [71] không thể nghĩ bàn, không thể so sánh, không thể giới hạn. Bởi vì nhất thiết trí của chư Như Lai đến từ bát-nhã ba-la-mật; sự thorer xá-lợi của Như Lai đến từ nhất thiết trí. Vì thế sự tích lũy công đức của người sùng mộ bát-nhã ba-la-mật không mang tỉ lệ tương xứng nào với sự tích lũy công đức sinh ra từ sự xây Tháp miếu, làm bằng bảy báu, chứa và thorer phung xá-lợi của Như Lai. [72]

Vì thế *bốn vạn thiên* đó trong hội chúng nói với Thiên đế Thích-đè: Thưa Ngài, hãy thorer nhận bát-nhã ba-la-mật! Bát-nhã ba-la-mật ấy, thưa Ngài, nên được thorer nhận, trì tụng, nghiên cứu và giải thích!

Thé Tôn: Này Kiều-thi-ca, hãy thorer nhận bát-nhã ba-la-mật, trì tụng, nghiên cứu và giải thích nó! Vì nếu các A-tu-la hình thành ý tưởng có đánh nhau với chư Thiên của Trời Ba mươi ba, và nếu ông, Kiều-thi-ca, ghi nhớ trong tâm và niệm bát-nhã ba-la-mật này, thì các A-tu-la sẽ lại bỏ ý tưởng đó. [73]

Thích-đè: Một tri thức vĩ đại là bát-nhã ba-la-mật này, một tri thức không có sự đo lường, một tri thức hoàn toàn không có đo lường, một tri thức không gì vượt qua được, một tri thức vô song, một tri thức làm bình đẳng những cái bất bình đẳng.

Thé Tôn: Đúng thế, Kiều-thi-ca. Nhờ tri thức này, tức bát-nhã ba-la-mật, chư Phật quá khứ biết giác ngộ viên mãn. Nhờ tri thức này chư Phật vị lai sẽ biết nó [giác ngộ viên mãn]. Nhờ tri thức này chư Phật hiện tại thực biết nó [giác ngộ viên mãn]. Nhờ tri thức này tôi biết nó [giác ngộ viên mãn]. [74] Chỉ nhờ tri thức này mười thiện đạo hoạt động trở thành thị hiện trên thế gian, bốn thiền hợp tác với các giác chi, bốn tâm vô lượng hợp tác với các giác chi, bốn chứng đắc vô tướng được các giác chi duy trì, sáu thân thông hợp tác với các giác chi, ba mươi bảy pháp kiến lập các giác chi, vắn tắt, tám vạn bốn ngàn pháp môn, tri kiến của Phật, tri kiến của bậc Tự-hữu, tri kiến bất khả tư nghị. Nhưng khi trong thế gian không có các Như Lai, thì các Bồ-tát, – được phú bẩm sự thiện xảo trong các phương tiện như là kết quả nghe sự tuôn chảy của bát-nhã ba-

la-mật trong quá khứ (khi có các Phật), đầy lòng thương xót chúng sinh, đến thế gian này vì thương xót, – nuôi dưỡng trong thế gian mười thiện đạo, bốn thiền vì không hợp tác với các giác chi, v.v..., đến: năm thân thông không hợp tác với các giác chi. [75] Cũng như nhờ cái đĩa mặt trăng, tất cả cây, cỏ, sao và các chòm sao được chiếu sáng theo uy lực và sức mạnh của chúng, như thế sau khi Như Lai nhập diệt và Chánh Pháp của Ngài biến mất, trong sự vắng mặt các Như Lai, dù đúng đắn, chính trực, xuất sắc, hay đời sống phạm hạnh được thai nghén và thị hiện trong thế gian, tất cả cái đó đến từ vị Bồ-tát ấy, đã được ngài ấy đem đến, truyền bá từ sự thiện xảo trong phương tiện của ngài ấy. Nhưng nên biết sự thiện xảo trong phương tiện của các Bồ-tát đến từ bát-nhã ba-la-mật. Hơn nữa, những người sùng mộ bát-nhã ba-la-mật, vì thế, nên mong nhiều lợi thế ở đây và bây giờ.

Thích-đè: Đó là những lợi thế nào?

Thế Tôn: Những người sùng mộ sẽ không chết một cách không đúng lúc, không vì độc, hay kiêm, hay lửa, hay nước, hay gây, hay bạo động. Khi họ nhớ đến và niệm bát-nhã ba-la-mật này, [76] những tai họa đe dọa họ từ vua hay hoàng tử, từ các quan cố vấn và các quan thượng thư của vua, sẽ không xảy ra. Nếu các vua, v.v..., cố ý làm hại những người hay nhớ đến và niệm bát-nhã ba-la-mật họ sẽ không thành công; bởi vì bát-nhã ba-la-mật phù hộ họ. Mặc dù các vua, v.v..., có thể tiếp cận họ với ý định làm hại, thay vì thế họ sẽ quyết định chào mừng các vua quan ấy, cải hóa họ, lễ phép và thân thiện với họ. Vì bát-nhã ba-la-mật này bày tỏ thái độ từ bi đối với tất cả chúng sinh. Vì thế, dù cho người sùng mộ bát-nhã ba-la-mật có thể ở giữa nơi hoang vắng bị nhiều rắn độc tràn vào phá hoại, người cũng như ma không thể làm hại họ được, ngoại trừ là một hình phạt cho những hành vi quá khứ.

Liền đó, một trăm du sĩ của những môn phái khác đến gần đức Thế Tôn với ý thù hận. Thiên đế *Thích-đè*, nhận biết những du sĩ đó từ xa, và nghĩ: Chắc chắn những du sĩ của các phái khác đó đang đến gần Thế Tôn với ý nghĩ thù hận. Rồi hãy để ta nhớ lại bát-nhã ba-la-mật này nhiều như ta đã học được từ Thế Tôn, [77] đưa nó

vào tâm, tụng niệm và loan truyền nó, như thế những du sĩ đó không thể đến gần đức Thé Tôn, và sự thuyết giảng bát-nhã ba-la-mật này không thể bị gián đoạn.

Vì thế Thiên đế Thích-đè, hồi tưởng bát-nhã ba-la-mật này nhiều như mình đã học được từ đức Thé Tôn, đưa nó đến tâm, niệm và triển khai nó. Những du sĩ của các phái khác do đó đã cung kính vái chào Thé Tôn từ远远 xa, và bỏ đi, theo con đường của họ.

Vì thế khiến cho Tôn giả *Xá-lợi-phát* [suy nghĩ]: Vì lý do gì những du sĩ dị giáo đó cung kính vái chào đức Thé Tôn từ远远 xa và ra đi theo đường của họ?

Thé Tôn: Khi Thiên đế Thích-đè, nhận thức ý nghĩ của những du sĩ thù nghịch của các phái khác đó, ông ta hồi tưởng bát-nhã ba-la-mật này, đưa nó đến tâm, niệm và loan truyền nó, với mục đích khiến cho những du sĩ của các phái khác muôn tranh cãi, biện luận và làm trở ngại quay trở lại, để phòng họ đến gần nơi bát-nhã ba-la-mật này đang được giảng dạy. Và tôi đã cho phép Thiên đế Thích-đè. Bởi vì tôi thấy không có một pháp thanh tịnh nào nơi các du sĩ đó. [78] Tất cả họ muôn đến gần với ý niệm thù nghịch, với những suy nghĩ thù địch.

Vì thế, Ác Ma nghĩ: Bốn chúng của Như Lai tụ hội, ngồi mặt đối mặt với Như Lai. Mặt đối mặt [với Như Lai] chư thiên này của cõi dục và cõi sắc chắc chắn sẽ được thọ ký tại hội chúng là những Bồ-tát sẽ giác ngộ viên mãn. Bây giờ hãy để ta đến gần làm mù họ. Do đó Ma vương triệu gọi bốn đoàn quân, và di chuyển hướng về chỗ Thé Tôn.

Vì thế Thiên đế *Thích-đè*, nghĩ: Chắc chắn đây là Ác Ma, triệu gọi bốn đoàn quân, di chuyển hướng về chỗ Thé Tôn. Nhưng cách dàn trận của đoàn quân này không phải là cách dàn trận của đoàn quân của Vua Tân-bà-sa-la⁴⁴, không phải của đoàn quân của Vua Ba-tư-nặc⁴⁵, không phải của đoàn quân của tộc Thích-ca⁴⁶ hay của tộc Licchavi. Từ lâu Ác Ma, đã theo đuổi Thé Tôn, tìm cơ hội để

⁴⁴ Phạn: *Bimbisara*.

⁴⁵ Phạn: *Prasenajit*.

⁴⁶ Phạn: *Sakyas*.

đột nhập, tìm cơ hội để đi vào, ý định làm chúng sinh đau đớn. Bây giờ tôi sẽ hồi tưởng bát-nhã ba-la-mật này, đem đến tâm, niêm và loan truyền nó. Vì thế Thích-dè hồi tưởng, đem đến tâm, niêm và loan truyền nó. [79] Tức thời Ác Ma, lại quay lưng bỏ đi.

Do đó chư thiên của Trời Ba mươi ba triệu gọi hoa trời Mạn-đa-la⁴⁷, bay qua không trung, và rải lên đức Thế Tôn. Và họ kêu lên trong khải hoàn: “Chắc chắn bát-nhã ba-la-mật này đã đến với người của Diêm-phù-đè từ lâu!” Năm lấy thêm hoa Mạn-đà-la, họ rải và rắc lên Thế Tôn, và nói: “Ma vương và nhóm của y sẽ không có cơ hội để nhập vào các chúng sinh thuyết giảng và phát triển bát-nhã ba-la-mật, hay theo đuổi nó. Những chúng sinh nghe và học bát-nhã ba-la-mật sẽ được phú bẩm không phải với những thiện căn nhỏ. Những người đến nghe bát-nhã ba-la-mật này đã thực hành phận sự của họ nơi các bậc Chiến Thắng trong quá khứ. Nhiều hơn thế biết bao là những người sẽ học và niêm, sẽ được tu luyện trong Như, tiến đến nó, nỗ lực vì nó; họ sẽ là những người tôn vinh các Như Lai. [80] Vì nó ở trong bát-nhã ba-la-mật này mà người ta nên tìm nhất thiết trí. Giống như tất cả những viên ngọc đều do đại dương sinh sản, và nên tìm chúng qua đại dương, cũng vậy nên tìm viên ngọc nhất thiết trí vĩ đại của các Như Lai qua biển lớn bát-nhã ba-la-mật.”

Thế Tôn: Đúng vậy, Kiều-thi-ca. Viên ngọc vĩ đại nhất thiết trí của chư Như Lai đến từ biển lớn bát-nhã ba-la-mật.

4. BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT, VÀ CÁC BA-LA-MẬT KHÁC

A-nan-đa: Thế Tôn không tán thán bối thí ba-la-mật hay bối cứ ba-la-mật nào của năm ba-la-mật đâu; ngài không nói tên của chúng. Ngài chỉ tán thán bát-nhã ba-la-mật, nói một mình tên của nó.

Thế Tôn: Đúng vậy, A-nan-đa. Vì bát-nhã ba-la-mật kiểm soát năm ba-la-mật ấy. Ý ông thế nào, A-nan-đa, có thể gọi bối thí không hồi hướng đến nhất thiết trí là bối thí ba-la-mật chẳng?

⁴⁷ Phạn: *Mandavara*.

A-nan-đa: Dạ không, Thé Tôn.

Thé Tôn: Với các ba-la-mật kia cũng vậy. [81] Ý ông thế nào, A-nan-đa, có phải bát-nhã mà nó chuyển các thiện căn bằng cách hồi hướng chúng đến nhất thiết trí là không thể nghĩ bàn chăng?

A-nan-đa: Dạ, không thể nghĩ bàn, hoàn toàn không thể nghĩ bàn.

Thé Tôn: Vì thế Bát-nhã ba-la-mật có tên từ sự thù thắng vô thượng⁴⁸ của nó. Qua nó, các thiện căn, hồi hướng đến nhất thiết trí, có tên ‘các ba-la-mật.’ Do vì nó hồi hướng các thiện căn đến nhất thiết trí mà bát-nhã ba-la-mật kiểm soát, hướng dẫn, chỉ đạo năm ba-la-mật. Như vậy, năm ba-la-mật ấy chứa trong bát-nhã ba-la-mật, và hạn từ ‘bát-nhã ba-la-mật’ chỉ là một từ đồng nghĩa chỉ sự hoàn thành của sáu ba-la-mật. Vậy thì, khi công bố bát-nhã ba-la-mật, tất cả sáu ba-la-mật được công bố. Giống như những viên ngọc, rải rác đây đó trên trái đất rộng lớn, phát triển khi tất cả các duyên thuận lợi; trái đất rộng lớn ủng hộ chúng, và chúng phát triển nhờ sự ủng hộ của trái đất rộng lớn; dù vậy, hiện thân trong bát-nhã ba-la-mật, năm ba-la-mật ấy yên nghỉ trong nhất thiết trí, chúng phát triển bởi vì được bát-nhã ba-la-mật ủng hộ; và vì được bát-nhã ba-la-mật duy trì chúng có tên ‘ba-la-mật.’ [82] Như vậy là bát-nhã ba-la-mật kiểm soát, hướng dẫn, chỉ đạo năm ba-la-mật ấy.

5. NHỮNG LỢI THẾ NỮA TỪ BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

Thích-đè: Cho đến bây giờ Như Lai chưa công bố tất cả những phẩm tính của bát-nhã ba-la-mật, những phẩm tính người ta có được bằng cách học, nghiên cứu, và niêm bát-nhã ba-la-mật, tôi đã học được từ Thé Tôn, và loan truyền [mà giờ đây các ngoại đạo và Ma vương đã phải quay đi]!

Thé Tôn: Đúng vậy, Kiều-thi-ca. Hơn nữa, không chỉ người học, nghiên cứu và niêm bát-nhã ba-la-mật, sẽ có những phẩm tính đó, mà còn người thờ phụng bần sao chép nó, tôi dạy, người ấy cũng sẽ có những lợi thế đó ở đây và bây giờ. [83]

⁴⁸ Phạn: *paramatvāt*.

Thích-dè: Tôi cũng sẽ bảo vệ người thò phung bản sao chép bát-nhã ba-la-mật, và còn nhiều hơn thế nữa là người học, nghiên cứu và niêm nó.

Thé Tôn: Nói khéo đây, Kiều-thi-ca. Hơn nữa, khi có người niêm bát-nhã ba-la-mật này, nhiều trăm Thiên sẽ đến gần, nhiều ngàn, nhiều trăm ngàn Thiên cũng lắng nghe pháp. Và khi nghe pháp, các Thiên đó sẽ muốn tạo ra sự sẵn sàng nói noi người thuyết pháp đó. Ngay cả khi người ấy không muốn nói, các Thiên đó vẫn mong rằng, do sự kính trọng của họ đối với pháp, sự sẵn sàng sẽ phát sinh noi người ấy, và người ấy sẽ cảm thấy được thúc giục dạy. [84] Đây lại là một phẩm tính khác mà người nào đó có được ngay ở đây và bây giờ khi học, nghiên cứu, và niêm bát-nhã ba-la-mật. Hơn nữa, tâm của những người dạy bát-nhã ba-la-mật này vẫn sẽ không sợ trước bốn chúng. Họ sẽ không sợ bị những người thù nghịch nạn vấn, vì bát-nhã ba-la-mật bảo vệ họ. Chìm ngập trong bát-nhã ba-la-mật người ta không thấy sự thù nghịch, không thấy những kẻ hành động với lòng thù nghịch, cũng không thấy những kẻ muốn thù nghịch. Như vậy, được bát-nhã ba-la-mật duy trì, người ta sẽ không bị chỉ trích và sợ hãi tác động. Người nào đó cũng có được những phẩm tính này chỉ ở đây và bây giờ khi nghe, nghiên cứu và niêm bát-nhã ba-la-mật. Thêm nữa, người ấy sẽ thân mật với cha mẹ mình, với bạn bè, thân nhân và bà con, với Sa-môn (Sramanas) và Bà-la-môn. Người ấy sẽ có tài và có khả năng biện luận, hợp với pháp, bất cứ phản biện nào có thể phát sinh, và có thể giao tiếp với những phản vấn. Những phẩm tính này cũng có người có được ngay ở đây và bây giờ khi học, nghiên cứu, và niêm bát-nhã ba-la-mật. [85] Hơn nữa, Kiều-thi-ca, trong các Thiên của Bốn Đại Thiên Vương các Thiên đã lên đường vì giác ngộ viên mãn sẽ quyết tâm đến chỗ mà người ta đã đặt bản sao chép bát-nhã ba-la-mật, và thò phung nó. Họ sẽ đến, nhìn lên bản sao chép bát-nhã ba-la-mật này, kính chào nó, lễ bái nó, học, nghiên cứu và niêm nó. Rồi họ lại ra đi. Và điều đó áp dụng cho tất cả chư Thiên, đến các Thiên cao nhất. [88] Và người con trai hay người con gái của một gia đình thiện lương nên ước nguyện rằng chư Thiên, Rồng, Dạ-

xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ga-ru-đa, Khản-na-la, Mô-ha-ra-ga, người và ma, ở mười phương trong vô số thiên thế giới, với sự trợ giúp của sách này, nên thấy bát-nhã ba-la-mật, bái chào nó, kính lẽ nó, học, nghiên cứu, và niệm nó; rồi họ nên trở về các thế giới của họ; và họ có thể bỏ thí món pháp thí này. Tuy nhiên, Kiều-thi-ca, ông không nên nghĩ rằng chỉ trong thế giới bốn châu này các Thiên của cõi dục và của cõi sắc, đã lên đường vì giác ngộ viên mãn, sẽ quyết định trở lại chỗ đó. Không phải vậy, Kiều-thi-ca, ông nên xem! Không, tất cả chư Thiên trong đại thiên thế giới, đã lên đường vì giác ngộ viên mãn, sẽ quyết định đến chỗ đó. Họ sẽ đến, nhìn lên bản sao chép bát-nhã ba-la-mật này kính chào nó, kính bái nó, học, nghiên cứu và niệm nó. Hơn nữa, cái nhà, căn phòng, hay chỗ của người thợ phụng bát-nhã ba-la-mật sẽ được canh giữ tốt. Không ai làm hại người ấy, ngoại trừ là một hình phạt cho những hành vi quá khú. Đây là một phẩm tính khác mà một người có được ngay ở đây và bây giờ. [89] Vì chính các Thiên có năng lực, và các chúng sinh siêu nhiên khác, sẽ quyết định đến chỗ đó.

Thích-đè: Làm sao biết được chư Thiên và chúng sinh siêu nhiên khác đến chỗ đó nghe, v.v..., bát-nhã ba-la-mật?

Thié Tôn: Khi một người tưởng ở một nơi nào đó một thứ ánh sáng cao vời hay ngửi mùi của một tiên nhân chưa từng ngửi trước kia, rồi người ta nên biết chắc rằng một Thiên, hay một chúng sinh siêu nhiên khác, đã đến, đã đến gần. Hơn nữa, những thói quen sạch sẽ và thanh tịnh sẽ hấp dẫn các Thiên đó, v.v..., và sẽ làm họ vô cùng thích thú, quá vui, đầy nhiệt tình và hoan hỉ. Nhưng các thần có năng lực nhỏ hơn, đã chiếm trước chỗ đó, sẽ quyết định bỏ đi. Vì họ không thể chịu được vẻ huy hoàng, sự trang nghiêm và cao quý của các Thiên đầy năng lực đó, v.v... Và khi chính các Thiên đầy năng lực ấy, v.v..., sẽ quyết định đến với người ấy hoài, người sùng mộ bát-nhã ba-la-mật đó sẽ có được rất nhiều niềm tin tĩnh tịnh. Đây là một phẩm tính khác mà người con trai hay người con gái của một gia đình thiện lương sẽ có được ngay ở đây và bây giờ. Hơn nữa, không nên hình thành bất cứ thói quen không sạch sẽ hay bất tịnh nào trong phạm vi chỗ trú đó của người chỉ đường đến Pháp;

vả lại sự kính trọng sâu xa của người ta đối với nó vẫn không đầy đủ. Hơn nữa, người sùng mộ bát-nhã ba-la-mật sẽ không bị mệt mỏi nơi thân hay tâm. Thoải mái người ấy nằm xuống, thoải mái người ấy bước đi. Trong giấc ngủ người ấy không thấy ác mộng. Khi thấy bát cứ điều gì trong mộng, [91] người ấy chỉ thấy các Như Lai, hay Tháp miếu, hay Bồ-tát, hay các Đệ tử của Như Lai. Khi nghe âm thanh, người ấy sẽ nghe âm thanh của các ba-la-mật và của những giác chi. Người ấy sẽ chỉ thấy các cây giác ngộ; và ở bên dưới những cây ấy là các Như Lai, trong khi các Ngài thức tỉnh với giác ngộ viên mãn. Và người ấy cung sẽ thấy những người Giác ngộ viên mãn chuyển bánh xe pháp như thế nào. Và người ấy sẽ thấy nhiều Bồ-tát, tụng bát-nhã ba-la-mật này, hân hoan vì sự hợp xướng của nó, tuyên bố nên đạt nhất thiết trí như thế nào, nên tịnh hóa Phật địa như thế nào. Người ấy được cho thấy sự thiện xảo trong các phuong tiện. Người ấy nghe âm thanh tuyệt vời của giác ngộ viên mãn của chư Phật, chư Thê Tôn: 'Ở phuong này, ở phần này của thế giới, trong thiền thế giới này, dưới cái tên này, một Như Lai chứng minh pháp, có nhiều ngàn Bồ-tát và Thanh văn, nói đúng hơn là được nhiều trăm ngàn na-do-tha câu-lợi Bồ-tát và Thanh văn, vây quanh và tháp tùng.' Khi có những giác mộng như thế, người ấy sẽ ngủ thong dong, sẽ thức dậy thong dong. Ngay cả khi bị ném thức ăn, thân của người ấy vẫn cảm thấy thoải mái và quá ư nhẹ nhàng. Không một khuynh hướng ý nghĩ nào phát sinh nơi người ấy vì quá nhiệt tình với thức ăn. Người ấy sẽ chỉ có sự thích thú nhẹ nhàng với thức ăn. [92] Một người sùng mộ bát-nhã ba-la-mật không có ham muốn mãnh liệt nào đối với thức ăn, và chỉ có sự thích thú nhẹ nhàng đối với nó, ngay cả một tỳ-kheo, tu tập Du-già, và đã ra khỏi định, – bởi vì những ý nghĩ của người ấy trào tràn với những thích thú khác. Vì ở mức độ đó, người ấy đã hiến mình sùng mộ sự phát triển bát-nhã ba-la-mật, đến mức độ đó các thiền sẽ cung cấp thức ăn của trời cho người ấy. Những phẩm tính này cũng đạt được ngay cả ở đây và bây giờ. Nhưng lại nữa, Kiều-thi-ca, nếu có người sao chép bát-nhã ba-la-mật thành tập, và thờ phụng nó, nhưng không học, nghiên cứu và niệm nó; và nếu có người khác

thực tin bát-nhã ba-la-mật, tin tưởng phó thác cho nó, và quyết ý vì nó, niềm tin tịch tĩnh, ý nghĩ hướng đến giác ngộ, tâm ý nhiệt thành, nghe nó, học nó, mang nó trong tâm, tụng đọc và nghiên cứu nó, soi sáng nó một cách chi tiết cho người khác, khai mở nghĩa của nó, dùng tâm thẩm tra nó, và dùng tối đa trí tuệ của mình quán sát nó toàn triệt; biên chép nó, bảo tồn và đem cất bản biên chép ấy, như thế thiện pháp có thể trường tồn, như thế sự dẫn đạo của chư Như Lai không thể bị đoạn diệt, như thế thiện pháp không thể biến mất, như thế các Bồ-tát, các đại sĩ, có thể được tiếp tục trợ giúp, vì sự dẫn đạo của họ sẽ không thất bại, – và cuối cùng, tôn vinh và thờ phụng bát-nhã ba-la-mật này; rồi càng sinh chậm công đức càng nhiều. [93] Những người muốn có được những phẩm tính phân biệt này ở đây và bây giờ nên bắt chước người ấy, và họ nên thực tin vào bát-nhã ba-la-mật, v.v..., đến: bởi vì sự dẫn đạo của các ngài ấy sẽ không thất bại. Người ấy sẽ quyết tâm chia sẻ nó với những người muốn nó. Như thế con mắt vĩ đại Dẫn đạo của chư Phật sẽ không thất bại, hoặc đối với người ấy hoặc đối với những người khác trong sự truy cầu đức hạnh. Thêm nữa, bát-nhã ba-la-mật nên được tôn vinh và sùng bái trong tất cả mọi thời.

Chương IV

CÔNG BỐ CÁC PHẨM TÍNH

1. GIÁ TRỊ TƯƠNG ĐỐI CỦA XÁ-LỢI NHƯ LAI VÀ CỦA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

Thé Tôn: Nay Kiều-thi-ca, một mặt nếu ông được cho cõi Diêm-phù-dè này đầy ắp xá-lợi của chư Như Lai; và nếu mặt khác, ông có thể chia xé một tập sao chép bát-nhã ba-la-mật này; và nếu ông phải chọn giữa hai cái ấy, ông chọn cái nào?

Thích-đề: Chỉ bát-nhã bala-mật này. Bởi vì tôi yêu mến sự Dẫn đạo của chư Như Lai. Như Thé Tôn có nói: “Các Pháp thân là chư Phật, chư Thé Tôn. Nhưng, này các tỳ-kheo, các ông không nên nghĩ rằng thân cá nhân này là thân của tôi. Nay các tỳ-kheo, các ông nên thấy tôi từ sự thành tựu của Pháp thân.” Nhưng nên thấy thân Như Lai như là do thực tế (biên tế của thực tại) mang đến, tức là, do bát-nhã ba-la-mật. Không phải là, Ôi Thé Tôn, tôi thiếu kính trọng xá-lợi của Như Lai. Trái lại, tôi thực sự kính trọng nó. Vì đến từ bát-nhã ba-la-mật này mà xá-lợi của Như Lai được thờ phụng, và do đó, khi một người thờ phụng bát-nhã ba-la-mật này thì sự thờ phụng xá-lợi của Như Lai cũng được thờ phụng. Vì xá-lợi của Như Lai đến từ bát-nhã ba-la-mật. Cũng như chiếc ngai vàng của tôi ở Diệu pháp⁴⁹, cung điện của chư Thiên. Khi tôi ngồi lên đó, [95] chư Thiên đến chờ tôi. Nhưng khi tôi không ngồi, chư Thiên, vì kính trọng tôi, họ kính trọng chỗ ngồi của tôi, đi nhiễu quanh nó, và lại bỏ đi. Vì họ hồi tưởng rằng, ngồi trên chỗ ngồi ấy, Thiên đế Thích-đề, chứng minh Pháp với chư Thiên của Trời Ba mươi ba. Cũng vậy, bát-nhã ba-la-mật là nhân duyên nổi bật thực sự nuôi dưỡng nhất thiết trí của Như Lai. Xá-lợi của Như Lai, mặt khác, là những món ký gửi đích thực của nhất thiết trí, nhưng đó không phải những điều kiện hay lý do đích thực, cho sự sản sinh tri kiến đó. Vì nguyên

⁴⁹ Phạn: *Sudharmā*.

nhân tri kiến của nhất thiết trí bát-nhã ba-la-mật cũng được thờ phụng qua xá-lợi của Như Lai. Vì lý do này, của hai món đã đề cập trước, tôi chỉ chọn bát-nhã ba-la-mật của Như Lai. Nhưng không phải vì tôi thiếu kính trọng xá-lợi của Như Lai. [Chọn như thế] tôi thực có sự kính trọng nó, vì xá-lợi đó được thờ phụng bởi vì được bát-nhã ba-la-mật thâm nhập. Và nếu tôi phải chọn giữa tập sao chép bát-nhã ba-la-mật ở một bên và cả một đại thiên thế giới dày ắp xá-lợi của Như Lai ở bên kia, [96] tôi vẫn chỉ chọn bát-nhã ba-la-mật này, vì cùng lý do. Vì xá-lợi của Như Lai là những món ký gửi chân thật của tri kiến nhất thiết trí, nhưng chính tri kiến ấy đến từ bát-nhã ba-la-mật. Rồi vì thế, trong hai món đó tôi chỉ chọn bát-nhã ba-la-mật này. Nhưng đó không phải là tôi thiếu kính trọng xá-lợi của Như Lai. [Chọn như thế] tôi thực sự có sự kính trọng đối với xá-lợi. Tuy nhiên, xá-lợi được thờ phụng bởi vì nó đến từ bát-nhã ba-la-mật này, và được bát-nhã ba-la-mật này thâm nhập.

2. TỈ DỤ NGỌC NHƯ Ý

Giống như viên ngọc vô giá có đặc tính ngăn ngừa người và ma không vào được nơi đặt nó. Nếu có người bị ma ám, người ta chỉ phải giơ viên ngọc này ra, và ma sẽ bỏ đi. Nếu có người bị gió đè và dùng viên ngọc này khi thân bị xẹp, người đó sẽ giữ gió ấy lại, ngăn ngừa nó không trở nên tệ hơn, khiến nó giảm nhẹ. Sẽ có hiệu quả tương tự khi áp dụng cho thân bóng vì nước mêt, nghẽn vì đờm, hay đau vì hậu quả của chứng bệnh phát sinh do sự rối loạn các chất dịch. [97] Nó sẽ chiếu sáng bóng tối của đêm đen tối nhất. Trong nóng, nó sẽ làm mát địa điểm đặt nó. Trong lạnh nó sẽ làm ấm. Sự có mặt của nó xua đi rắn độc và những độc vật khác ra khỏi những vùng chúng phá hoại. Nếu có người đàn ông hay đàn bà bị rắn độc cắn, người ta chỉ cần cho họ nhìn thấy ngọc ấy; và sự thấy nó sẽ chống lại độc ấy, và làm nó bỏ đi. Những phẩm tính của ngọc này là như thế. Nếu có người có nhọt trong mắt, hay sự thấy của mắt bị mờ, hay một chứng bệnh nơi mắt, hay mắt có vảy, người ta chỉ cần đặt ngọc ấy lên mắt, và chỉ sự có mặt của nó thôi sẽ loại trừ và làm

dịu được những đau đớn đó. Những phẩm tính của nó là như thế. Đặt vào nước, nó nhuộm tất cả nước màu của nó. Bọc nó trong vải trắng và ném vào nước, nó làm nước thành trắng. Cũng vậy, khi bọc hay buộc nó trong vải màu xanh đen, hay vàng, hay đỏ, hay đỏ đậm, hay trong vải có bát cứ màu gì khác, nó sẽ nhuộm nước ấy thành màu của vải ném vào. Nó cũng sẽ làm trong bát cứ chất đục gì có thể có trong nước. Bẩm sinh với những phẩm tính như thế là viên ngọc đó. [98]

A-nan-đa: Những viên ngọc này, ngài Kiều-thi-ca, thuộc về thế giới của các thần hay thuộc về người ở Diêm-phù-đè?

Thích-đè: Những ngọc ấy được tìm thấy ở nơi các thần. Mặt khác, những viên ngọc tìm thấy nơi những người ở Diêm-phù-đè thì khá thô, nhỏ hơn và không được phú cho những phẩm chất như thế. Chúng vô cùng kém hơn những viên ngọc trời. Nhưng những [ngọc] đó ở nơi các thần thì tốt và đầy đủ tất cả các phẩm tính khả hữu. Nếu bây giờ viên ngọc đó được đặt vào giỏ, hay đặt trên giỏ, thì cái giỏ ấy sẽ vẫn đáng ham muôn sau khi người ta lấy viên ngọc ra. Cái giỏ, nhờ các phẩm tính của viên ngọc, sẽ trở một thành vật mong ước tối thượng. Cũng như thế, Ôi Thé Tôn, là những phẩm tính tri kiến của nhất thiết trí đến từ bát-nhã ba-la-mật. Ấy cũng như câu chuyện về xá-lợi của Như Lai, người đi đến Bát Niết-bàn, được thờ phụng. Vì nó là món ký gửi của tri kiến nhất thiết trí. Và như sự chứng minh pháp của chư Phật và chư Thé Tôn trong tất cả các thiên thế giới nên được sùng bái bởi vì nó đến từ bát-nhã ba-la-mật, sự chứng minh pháp của pháp sư cũng vậy. Như quan hầu cận của nhà vua không sợ gì quyền lực của vua [99] và được đám người rất đông sùng bái, cũng vậy người thuyết giảng pháp, bởi vì, nhờ thần lực của Pháp thân, người ấy không sợ và được đám người rất đông sùng bái. Nhưng xá-lợi của Như Lai được sùng bái vì cùng lý do mà người ta sùng bái sự chứng minh pháp và người thuyết giảng pháp.

3. GIÁ TRỊ VÔ THƯỢNG CỦA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

Rồi vì thế, Ôi Thé Tôn, nếu có hai phần; và nếu không chỉ đại thiên thế giới này, mà nếu còn tất cả các thiên thế giới, vô số như cát sông Hằng, đầy xá-lợi của Như Lai, được đặt xuống như là phần thứ nhất; và tập sách sao chép bát-nhã ba-la-mật như là phần thứ hai. Nếu tôi được mời chọn một trong hai và lấy nó, tôi sẽ chỉ lấy bát-nhã ba-la-mật này. Ấy không phải, Ôi Thé Tôn, là tôi thiêu kính trọng đối với xá-lợi của Như Lai. Sự kính trọng của tôi đối với xá-lợi là thực. Nhưng bát-nhã ba-la-mật thâm nhập nhất thiết trí, và xá-lợi của Như Lai được thờ phụng bởi vì nó đến từ nhất thiết trí. Như vậy, sùng bái bát-nhã ba-la-mật thực ra là sùng bái chư Phật và chư Thé Tôn, quá khứ, vị lai, và hiện tại. Hơn nữa, Ôi Thé Tôn, người nào muốn thấy, hợp với pháp, chư Phật và chư Thé Tôn chỉ hiện hữu bây giờ trong vô lượng và vô số các thiên thế giới, nên theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật, tạo nỗ lực trong nó, phát triển nó. [100]

Thé Tôn: Đúng thế, Kiều-thi-ca. Tất cả chư Như Lai đúng là nợ bát-nhã ba-la-mật này sự giác ngộ của họ, – dù họ sống trong quá khứ, vị lai hay hiện tại. Tôi bây giờ, này Kiều-thi-ca, cũng là một Như Lai, đúng là tôi nợ bát-nhã ba-la-mật này sự giác ngộ của tôi.

Thích-đề: Ba-la-mật vĩ đại là bát-nhã ba-la-mật. Vì nó cho phép Như Lai biết và thấy đúng những ý nghĩ và hành động của tất cả chúng sinh.

Thé Tôn: Đúng thế, Kiều-thi-ca. Ấy là bởi vì một Bồ-tát theo đuổi một thời gian lâu trong bát-nhã ba-la-mật này mà ông ấy biết và thấy đúng ý nghĩ và hành động của tất cả chúng sinh.

Thích-đề: Một Bồ-tát chỉ theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật và không [theo đuổi] trong các bát-nhã kia ư?

Thé Tôn: Ông ấy theo đuổi trong tất cả sáu ba-la-mật. Nhưng là bát-nhã ba-la-mật [101] kiểm soát Bồ-tát ấy khi ông ấy bố thí hay trì giới, hay tự hoàn thiện mình trong nhẫn nhục, hay nỗ lực tinh tấn, hay nhập định, hay minh sát các pháp. Sự phân biệt hay khác nhau giữa sáu ba-la-mật này là bất khả đắc, – tất cả chúng được sự thiện xảo trong phương tiện duy trì, hồi hướng đến bát-nhã ba-la-mật, hồi hướng đến nhất thiết trí. Chỉ vì người ta không nghĩ ra có

sự phân biệt hay khác nhau nào giữa những cái bóng ném xuống của những cây khác nhau ở Diêm-phù-đè, – dù màu của chúng có thể khác nhau, hình dáng, lá, hoa và quả của chúng, chiều cao và chu vi của chúng – nhưng tất cả chúng chỉ được gọi là ‘những cái bóng’; dù vậy sự phân biệt hay khác nhau giữa sáu ba-la-mật là bất khả đắc, – tất cả chúng được sự thiện xảo trong các phương tiện duy trì, hồi hướng đến bát-nhã ba-la-mật, hồi hướng đến nhất thiết trí.

Thích-đè: Được phú bẩm những phẩm tính vĩ đại là bát-nhã ba-la-mật này, những phẩm tính vô lượng, những phẩm tính vô biên!

Chương V

TÍNH CÁCH MẠNG CỦA CÔNG ĐỨC

1. BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT, NGUỒN CÔNG ĐỨC VĨ ĐẠI

Thích-đè: Chúng ta hãy xem lại hai người. Một người tin thực sự bát-nhã ba-la-mật, tin tưởng phó thác nơi nó, v.v..., đến: vì sự dẫn đạo của người ấy sẽ không thất bại [như ở trg. 62]. Và khi nghe sự giải thích này, người ấy quyết định rằng mình sẽ không bao giờ bỏ bát-nhã ba-la-mật này, – chắc chắn lợi ích rất nhiều, lợi thế rất lớn, kết quả rất lớn, phần thưởng rất lớn, được phú bẩm những phẩm tính rất vĩ đại! – người ấy sẽ canh giữ nó, bởi vì nó quá khó đạt. Và chính người ấy sẽ tôn vinh, sùng bái và ngưỡng mộ nó. Người kia trước hết tôn trọng nó, rồi bố thí một bản sao cho một người con trai hay con gái khác của một gia đình thiện lương, ham muốn nó, và nhiệt tình hỏi xin nó. [103] Trong hai người này người nào có công đức lớn hơn, người có ý định cho nó hay người không có ý định cho nó?

Thέ Tôn: Tôi sẽ hỏi ông về điểm này, và ông có thể trả lời cách tốt nhất theo khả năng ông. Nếu người một mình tôn vinh xá-lợi của Nhu Lai sau khi nhập Bát Niết-bàn, chăm sóc và bảo tồn nó; và nếu người kia không chỉ tự mình tôn vinh xá-lợi của Nhu Lai, chăm sóc và tôn trọng nó, nhưng thêm vào đó tiết lộ nó với những người khác, cho đi, và chia sẻ, hy vọng rằng sự thờ phụng xá-lợi sẽ trở nên lan rộng, vì thương xót chúng sinh; rồi trong hai người, người nào sẽ được nhiều công đức hơn: Người trong khi tự mình thờ phụng xá lợi, tiết lộ, cho và chia sẻ với những người khác hay người một mình đơn độc thờ nó?

Đé thich: Người chia sẻ với những người khác. [104]

Thέ Tôn: Đúng vậy, Kiều-thi-ca. Người bố thí bát-nhã ba-la-mật này cho những người khác, giúp đỡ những người khác, có ý định bố thí, người ấy nhờ sức mạnh đó sẽ có công đức lớn hơn. Thêm nữa nếu người ấy đi đến chỗ có những người trở thành những khí

cụ thích hợp cho bát-nhã ba-la-mật này, và chia xé với họ, thì người ấy còn có nhiều công đức hơn. Hơn nữa, này Kiều-thi-ca, công đức của người khiến tất cả chúng sinh trong châu Diêm-phù-đè theo mười đường nghiệp thiện và an định họ trong đó sẽ nhiều không?

Thích-đé: Sẽ nhiều.

Thέ Tôn: Nhiều hơn sẽ là công đức của người làm bẩn sao chép bát-nhã ba-la-mật này, tin nơi nó và có niềm tin nơi nó, niềm tin tịch tĩnh và kiên định; sẽ phát tâm vì giác ngộ và với ý định nồng nhiệt sẽ cúng dường bát-nhã ba-la-mật này cho một Bồ-tát khác đã phát tâm bồ-đề; trước hết sẽ hoàn thiện chính mình bằng cách viết và đọc tụng không mệt mỏi; rồi sau khi lao động nhiều nhiệt tình, người ấy sẽ thuyết phục vị Bồ-tát kia, giải thích bát-nhã ba-la-mật này cho Bồ-tát ấy, khiến cho đến với nó, làm đầy nhiệt tâm vì nó, [105] làm cho ông ấy hoan hỉ nơi nó, bằng lời nói của mình đưa ông ấy đến với nó, giáo dục ông ấy trong nó, làm sáng những lợi ích của nó cho ông ấy, làm sạch ý nghĩ của ông ấy, phá tan những nghi ngờ của ông ấy; và nói với ông ấy như sau: “Hãy đến đây, hỡi người con trai của gia đình thiện lương, hãy tu luyện mình trong chính Đạo của Bồ-tát này, vì kết quả của sự tu luyện này, sự theo đuổi này, sự đấu tranh này chắc chắn anh sẽ nhanh chóng tinh thức với giác ngộ viên mãn. Sau đó anh sẽ giáo dục vô số chúng sinh trong sự tịch diệt hoàn toàn của thực thể tái sinh, nói cách khác, trong sự tiết lộ biên tế của thực tại.” Bởi vì ông ấy có ý định bố thí, vì thế công đức của ông ấy nhiều hơn. Và điều này đúng dù cho nếu so sánh nó với công đức của một người trụ trong sự tuân theo mười đường nghiệp thiện tất cả chúng sinh trong các thiên thế giới bất kỳ cõi nào, [106] ngay cả trong tất cả các thiên thế giới có nhiều như cát sông Hằng. [107] Hay nếu so sánh nó với công đức của người an định cho những người khác trong bốn thiền, bốn Vô lượng, bốn chứng đắc vô tướng, năm thân thông, trong bất cứ số thiên thế giới nào. [112] Trong mỗi trường hợp, một người không những chỉ viết bát-nhã ba-la-mật này và tụng nó một mình, mà còn viết nó cho những người khác và bố thí cho họ, sẽ dễ dàng có công đức nhiều hơn. Hơn nữa, này Kiều-thi-ca, một người cũng sẽ được công

đức nhiều hơn nếu người ấy thâm mật với nghĩa ấy khi tụng bát-nhã ba-la-mật này; và viết nó cho những người khác, bố thí nó, xiển dương và làm nó sáng rõ, cả nghĩa và chữ.

2. BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT TƯƠNG TỰ (GIẢ HIỆU)

Thích-đè: Rồi người ta có thể giải thích bát-nhã ba-la-mật này không?

Thé Tôn: Có thể, nên giải thích cho người không hiểu nó. Vì trong vị lai bát-nhã ba-la-mật giả hiệu sẽ xuất hiện. Khi nghe nó, người không hiểu [bát-nhã ba-la-mật thực là gì] nên ý thức [rằng lắng nghe bát-nhã ba-la-mật giả hiệu] sẽ bị hỏng, nếu người ấy muốn được giác ngộ viên mãn.

Thích-đè: Trong vị lai người ấy nên làm thế nào để nhận ra nếu và khi nào người ta xiển dương bát-nhã ba-la-mật giả hiệu? [113]

Thé Tôn: Trong vị lai sẽ có một vài tỳ-kheo thân không phát triển, hành vi đạo đức, ý nghĩ và trí tuệ không phát triển, ngu và đần như cùu, không có trí tuệ. Khi họ tuyên bố rằng họ sẽ xiển dương bát-nhã ba-la-mật, thực tế họ sẽ xiển dương cái giả hiệu của nó. Họ sẽ xiển dương bát-nhã ba-la-mật giả hiệu bằng cách dạy rằng sự vô thường của sắc, v.v..., phải được giải thích là sự đoạn diệt của sắc, v.v... Gắng sức vì nội kiến đó, theo họ, đó sẽ là sự theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật. Nhưng trái lại, không nên xem sự vô thường của sắc, v.v..., như là sự đoạn diệt của sắc, v.v... Vì xem sự vật theo cách đó có nghĩa là theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật giả hiệu. Vì lý do đó, Kiều-thi-ca, nên xiển dương nghĩa của bát-nhã ba-la-mật. Bằng cách xiển dương nó, người ta sẽ được công đức nhiều hơn.

3. BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT VĨ ĐẠI HƠN BẤT CỨ MÓN QUÀ TINH THẦN NÀO KHÁC

Và công đức đó sẽ nhiều hơn nếu người ta thiết định chúng sinh trong bất cứ con số nào của các thiên thế giới trong quả của người

Nhập lưu. [116] Và điều đó cũng duy trì tốt quả của người Nhất lai, của người Bát hoàn, và của A-la-hán. Vì bát-nhã ba-la-mật đem đến quả của người Nhất lai, của người Bát hoàn và của A-la-hán. [125] Và Bồ-tát ấy sẽ gia tăng sức chịu đựng của mình bằng cách phản chiếu rằng bằng tự tu luyện trong bát-nhã ba-la-mật, ông ấy dần dần trở thành người có được các pháp tạo nên một vị Phật, và sẽ đến gần giác ngộ viên mãn. Vì ông ấy biết rằng bằng cách tự luyện mình trong sự tu luyện này, theo đuổi trong đó, chiến đấu trong đó, ông ấy sẽ đem lại tất cả các quả của đời sống phạm hạnh, từ quả Nhập lưu đến cảnh giới Phật. Công đức của người chia sẻ bát-nhã ba-la-mật cũng sẽ lớn hơn công đức của người thiết định trong cảnh giới Duyên giác bất cứ số chúng sinh nào trong bất cứ thiên thế giới nào. [128] Hơn nữa, Kiều-thi-ca, nếu có người đưa tâm của chúng sinh nhiều như có trong cõi Diêm-phù-đè lên đến giác ngộ viên mãn; và nếu có người khác không những chỉ đưa tâm của họ lên đến giác ngộ viên mãn, nhưng thêm vào, cũng cho họ một tập sao chép bát-nhã ba-la-mật này; hay nếu người ấy trình một tập sao chép bát-nhã ba-la-mật này với một Bồ-tát bất thối chuyền, với hy vọng ngài ấy sẽ cho mình tu luyện trong đó, [129] nỗ lực vì nó, phát triển nó, và kết quả là sự phát triển, gia tăng, và phong phú của bát-nhã ba-la-mật, thực hiện Phật pháp; rồi so với người trước, người ấy sẽ được công đức lớn hơn, vì chắc chắn một khi tỉnh thức với giác ngộ viên mãn, người ấy sẽ chấm dứt những đau khổ của chúng sinh. Và công đức của người ấy sẽ lớn hơn, dù cho người kia đưa tâm của bất cứ số chúng sinh nào trong bất cứ thiên thế giới nào lên đến giác ngộ viên mãn. [130] Hay chúng ta hãy so sánh lại hai người: Người thứ nhất trình một tập sao chép bát-nhã ba-la-mật này với bất cứ số chúng sinh nào trong bất cứ thiên thế giới nào trở thành bất thối chuyền đối với giác ngộ viên mãn, nhất định lên đường vì nó; thêm vào, người thứ nhì sẽ xiển dương nó với họ, theo nghĩa và theo chữ. Người ấy sẽ không nhờ sức mạnh đó mà được nhiều công đức ư? [131]

Thích-đェ: Công đức của người ấy quả thực nhiều. Không dễ dàng gì tính được khói công đức đó, hay đếm nó, hay tìm được bất

cứ vật gì tương tự, giống nó, hay có thể so sánh với nó.

Thé Tôn: Còn nhiều hơn nữa là công đức của một người giáo huấn và khuyên nhủ trong bát-nhã ba-la-mật những Bồ-tát bất thối chuyển đó muôn đạt giác ngộ viên mãn nhanh hơn. [133] Và hơn nữa, còn một Bồ-tát khác sẽ xuất hiện, nói rằng mình sẽ đạt được giác ngộ viên mãn nhanh hơn họ. Nếu có người giáo huấn và khuyên nhủ Bồ-tát đó trong bát-nhã ba-la-mật hiểu nhanh hơn, người ấy có công đức còn nhiều hơn nữa.

Thích-đề: Đến độ mà một Bồ-tát đến gần giác ngộ viên mãn hơn, đến độ ngài ấy nên được giáo huấn và khuyên nhủ trong bát-nhã ba-la-mật, vì điều đó đưa ngài ấy càng ngày càng đến gần Chân Như hơn. Khi đến gần Chân Như hơn, ngài ấy ban nhiều quả và lợi thế cho những người đã phục vụ mình, tức là, những người mà nhờ họ ngài ấy thọ hưởng y áo, bình bát đựng của bố thí, chỗ ở, và những phương thuốc trị bệnh. Công đức của ngài ấy bây giờ còn nhiều hơn, vậy thì sự thật ngài ấy đến gần giác ngộ viên mãn hơn. [134]

Tu-bồ-đề: Nói hay, ngài Kiều-thi-ca. Ngài làm cho những người thuộc Bồ-tát thừa vững mạnh hơn, trợ giúp họ, đứng bên họ. Dù vậy ngài cũng nên hành động. Một thánh đệ tử muôn công hiến trợ giúp tất cả chúng sinh, người ấy làm cho các Bồ-tát vững mạnh hơn trong thái độ đối với giác ngộ viên mãn, trợ giúp họ, đứng bên họ. Ấy là điều nên làm. Vì giác ngộ viên mãn của các Bồ-tát phát sinh từ bát-nhã ba-la-mật. Bởi vì, nếu các Bồ-tát không phát tâm bồ-đề, họ sẽ không tu luyện mình trong giác ngộ viên mãn hay trong sáu ba-la-mật, và như vậy họ sẽ không thức tỉnh với giác ngộ viên mãn. Nhưng bởi vì các Bồ-tát tự tu luyện trong sự tu luyện của Bồ-tát, trong sáu ba-la-mật, do đó họ phát tâm bồ-đề, vì thế họ thức tỉnh với giác ngộ viên mãn.

Chương VI

HỒI HƯỚNG VÀ HOAN HỈ

1. CÔNG ĐỨC VÔ THUỢNG CỦA HỒI HƯỚNG VÀ HOAN HỈ

Di-lặc: Một mặt chúng ta có, về phần của Bồ-tát, việc làm công đức thấy được khi Bồ-tát ấy hoan hỉ vì công đức của người khác, và khi ngài ấy hồi hướng công đức ấy đến giác ngộ tột cùng của tất cả chúng sinh; mặt khác, về phần chúng sinh, có việc làm công đức thấy được khi bồ thí, trì giới, khi phát triển thiền định. Trong những việc này, việc làm công đức của một Bồ-tát thấy được khi hoan hỉ và hồi hướng được tuyên bố là việc tốt nhất, việc thù thắng và cao cả nhất, việc chí cao và vô thượng, không gì trên nó, không gì bằng, làm bình đẳng những cái không bình đẳng.

2. TÂM MỨC CỦA HOAN HỈ

Tu-bồ-dề: Một Bồ-tát, một đại sĩ, xem thế giới với mười phương của nó, trong mọi phương, mở rộng khắp nơi. Ngài ấy xem các thiên thế giới, hoàn toàn không thể đo lường, hoàn toàn ở bên kia tính toán, hoàn toàn vô lượng, hoàn toàn không thể nghĩ bàn, vô cùng và vô biên.

Ngài ấy xem trong thời quá khứ, trong mỗi một phương, trong mỗi một thiên thế giới, các Như Lai, hoàn toàn không thể đo lường, hoàn toàn ở bên kia tính toán, hoàn toàn vô lượng, hoàn toàn không thể nghĩ bàn, vô cùng và vô biên, đã đạt được Niết-bàn cứu cánh trong cõi Niết-bàn ấy không lưu lại gì phía sau, – [136] dấu vết bị cắt đứt, dòng chảy bị cắt đứt, chướng ngại bị hủy diệt, những dẫn đạo qua [thế giới] hữu, nước mắt đã khô, với tất cả chướng ngại bị nghiền nát, gánh nặng được đặt xuống, hạnh phúc riêng của họ đã đạt được, nơi họ các xiềng xích [kiết sử] của hữu bị diệt, tâm tư được chánh kiến khéo giải thoát, và họ đã đạt được ba-la-mật cao

nhất trong sự kiểm soát toàn thể tâm họ.

Ngài ấy xem họ, từ chỗ họ bắt đầu phát tâm bồ-đề, đến lúc họ đạt được giác ngộ viên mãn, cho đến cuối cùng nhập Niết-bàn vô dư, không để lại gì phía sau, và toàn thể quãng thời gian ấy đến khi thiện Pháp biến mất [như mỗi vị trong các Như Lai này thuyết giảng].

Ngài ấy xem xét khói lượng giới luật, khói lượng thiền định, khói lượng bát-nhã, khói lượng giải thoát, khói lượng tri kiến giải thoát của các Phật và các Thế Tôn đó.

Thêm vào, ngài ấy xem kho tàng công đức hợp tác với sáu ba-la-mật, với sự đạt được các phẩm tính của một vị Phật, và với các ba-la-mật vô úy và các lực; và những cái đó hợp tác với sự hoàn thiện của các thần thông, của thông hiểu, của thệ nguyện; và kho tàng công đức hợp tác với sự thành tựu tri kiến của nhất thiết trí, với sự lo lắng vì chúng sinh, đại từ và đại bi, vô lượng và vô số những phẩm tính Phật.

Và ngài ấy cũng xem giác ngộ viên mãn và hạnh phúc của nó, sự hoàn thiện quyền tối thượng trên tất cả các pháp, và sự thành tựu diệu lực tối thượng vô lượng và không thể chinh phục được mà nó chinh phục tất cả, và lực tri kiến của Như Lai về cái gì là thực có, cái nào không có che đậy, vướng mắc hay chướng ngại, không bình đẳng, làm bình đẳng những cái không bình đẳng, không thể so sánh, vô lượng, và lực tri kiến của Phật nổi bật giữa các lực ấy, tri kiến của một vị Phật, sự hoàn thiện mười lực, sự chứng đắc thong dong vô thượng kết quả từ bốn vô úy, [137] và sự đắc Pháp qua chứng ngộ thực tướng tối hậu của tất cả các pháp.

Ngài ấy cũng xem sự chuyên bánh xe Pháp, cầm đuốc Pháp, đánh trống Pháp, làm đầy vỏ sò Pháp, vung kiếm Pháp, tuôn mưa Pháp, và làm tươi mát tất cả chúng sinh, bằng quà pháp, bằng sự trình quà Pháp với họ. Ngài ấy còn xem kho tàng công đức của tất cả những người được giáo dục và huấn luyện bởi sự chứng minh Pháp đó, – dù họ quan tâm pháp của chư Phật, hay pháp của Duyên giác, hay của Thanh văn, – tin vào chúng, cố định với chúng, và sẽ kết thúc trong giác ngộ viên mãn.

Ngài ấy cũng xem kho tàng công đức, kết hợp với sáu ba-la-mật, của tất cả các Bồ-tát đó những vị mà các Phật và các Thê Tôn đó đã thọ ký giác ngộ viên mãn. Ngài ấy xem kho tàng công đức của tất cả những người thuộc thừa Duyên giác, và họ được thọ ký sự giác ngộ của Duyên giác. Ngài ấy xem việc làm công đức thấy được khi bố thí, trì giới và phát triển thiền định, của bốn chúng của các Phật và các Thê Tôn đó, tức là, của các tỳ-kheo và tỳ-kheo ni, các nam cư sĩ và nữ cư sĩ. Ngài xem các căn lành được trồng trong suốt thời gian đó bởi các Thần⁵⁰, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ga-ru-đa, Khẩn-na-la, và Ma-hầu-la-già, bởi người và ma, và cũng bởi súc sinh, vào thời ấy các Phật và Bồ-tát đó đã chứng minh Pháp, và khi các ngài nhập Niết-bàn, và khi các ngài đã vào Bát Niết-bàn [138] – cảm ơn Phật, Thê Tôn, cảm ơn Pháp, cảm ơn Tăng-già, và cảm ơn những người có sự tu dưỡng tâm chân chánh. [Trong thiền định Bồ-tát ấy] tích tập thiện căn của tất cả những vị đó, tất cả lượng công đức đó không ngoại lệ hay dư thừa, cuộn nó lại thành một cuộn, cân nó, và hoan hỉ vì nó với sự hoan hỉ tuyệt vời và cao cả nhất, sự hoan hỉ cao nhất và cùng tốt, không gì trên nó, không gì bằng, bình đẳng những cái không bình đẳng. Khi hoan hỉ như thế, ngài ấy thốt ra nhận định: “Tôi chuyển việc làm công đức thấy được khi hoan hỉ thành giác ngộ viên mãn. Nguyện nó nuôi dưỡng sự giác ngộ viên mãn [của chính tôi và của tất cả chúng sinh]!

3. VÂN ĐỀ SIÊU HÌNH

Bây giờ, vì quan tâm những nền tảng này qua đó người thuộc thừa Bồ-tát hoan hỉ, quan tâm những trợ duyên và những quan điểm, qua đó người ấy dấy lên ý nghĩ, – những nền tảng, những trợ duyên khách quan và những quan điểm đó được hiểu theo cách như thế, chúng có được xử lý như là những dấu hiệu không?

Di-lặc: Không, không được. [139]

Tu-bồ-đề: Nếu người ấy xử lý cái nền tảng không hiện hữu đó

⁵⁰ Phạn: Devas, Nagas, Yakshas, Gandharvas, Asuras, Garudas, Kinnaras, và Mahoragas, theo thứ tự

như là một dấu hiệu, và trợ duyên khách quan đó không hiện hữu, thì người ấy sẽ không có nhận thức điên đảo, ý nghĩ điên đảo, những cái thấy điên đảo ư? Vì cũng ở nơi người tham lam, khi người ấy phân biệt một thực thể [nền tảng] không hiện hữu và tư duy về nó – nghĩ rằng có thường trong vô thường, dễ chịu trong đau khổ, ngã trong cái gì vô ngã, thương yêu trong cái gì ty hiềm – ở đó dấy lên nhận thức điên đảo, ý nghĩ điên đảo, cái thấy điên đảo. Và vì nền tảng [thực thể], trợ duyên khách quan, quan điểm [đều không hiện hữu], giác ngộ cũng vậy, tâm [bồ-đề] cũng vậy, và tất cả các pháp cũng vậy, tất cả các yếu tố cũng vậy. Nhưng rồi trên nền tảng nào, do trợ duyên khách quan nào, hay quan điểm nào mà người ấy chuyển tâm gì thành giác ngộ viên mãn, hay việc làm công đức gì thấy được khi hoan hỉ mà người ấy chuyển thành giác ngộ cùng tốt, chánh đẳng và viên mãn gì?

Di-lặc: Không nên dạy hay xiển dương điều này trước một Bồ-tát mới lên đường trong thừa. Vì Bồ-tát ấy sẽ mất niềm tin nhỏ bé mà nó là của ông ấy, sự thương mến, tịch tĩnh, và kính trọng nhỏ bé đó mà chúng là của ông ấy. Nên dạy và xiển dương điều này trước một Bồ-tát bất thối chuyển. Thay vì, một Bồ-tát được thiện tri thức nâng đỡ do đó sẽ không sợ, không trở nên thản nhiên, không bị ném bỏ, không phiền muộn, sẽ không chuyển tâm mình đi hướng khác, cũng không lo lắng, không run rẩy, sợ sệt, kinh hãi. [140] Và như thế Bồ-tát ấy nên chuyển việc làm công đức thấy được khi hoan hỉ vào nhất thiết trí.

Tu-bồ-đề: Ý nghĩ mà do đó người ta hoan hỉ và chuyển, hay hồi hướng [thiện căn nối kết với hoan hỉ] đó, – ý nghĩ [hoan hỉ] đó [vào lúc chuyển] thì tịch diệt, ngừng lại, ra đi, đảo ngược. Vì thế, ý nghĩ mà do nó người ta chuyển hướng đến giác ngộ viên mãn là gì? Hay ý nghĩ mà nó chuyển việc làm công đức thấy được khi hoan hỉ thành giác ngộ viên mãn là gì? Hay nếu hai ý nghĩ ấy không bao giờ gặp nhau, làm sao người ta có thể chuyển hay hồi hướng ý nghĩ bằng ý nghĩ? Cũng không thể chuyển [hay lật nhào, chuyển hóa] ý nghĩ ấy theo chừng mức người ta quan tâm đến tự tánh của nó.

Thích-đè: Những Bồ-tát mới lên đường trên xe đại thừa nên ý

thức về sự lo sợ khi nghe giải thích này. Rồi làm sao một Bồ-tát nên chuyển việc làm công đức thấy được khi hoan hỉ ấy vào giác ngộ viên mãn? Và làm sao người ta bám vào việc làm công đức thấy được khi hoan hỉ thành công khi bám vào ý nghĩ nói kết với hoan hỉ ấy, và làm sao người ta chuyển ý nghĩ nói kết với hoan hỉ ấy thành công khi chuyển nó?

Vì thế Tôn giả Tu-bồ-đề hướng tâm mình đến Bồ-tát Di-lặc, định tâm noi ngài ấy, và nói như vậy [141]: Ở đây Bồ-tát ấy xem công đức kết nối với các Phật và các Thế Tôn quá khứ, theo cách chúng ta đã miêu tả trước [tức các câu 135-38]. Ngài ấy tích lũy thiện căn của tất cả những cái đó, tất cả phẩm tính của các thiện căn đó không có ngoại lệ và dư thừa, cuộn nó thành một cuộn, cân nó, và hoan hỉ vì nó. Rồi ngài ấy chuyển việc làm công đức thấy được khi hoan hỉ qua giác ngộ viên mãn. [142] Làm sao khi chuyển, Bồ-tát ấy có thể không có nhận thức điên đảo, ý nghĩ điên đảo, cái thấy điên đảo?

4. LÀM SAO TRÁNH ĐƯỢC THẤY ĐIÊN ĐẢO

Di-lặc: Vị Bồ-tát ấy không phải trở thành người nhận thức ý nghĩ, vì kết quả của ý nghĩ do đó mà ngài ấy chuyển. Như thế việc làm công đức thấy được khi hoan hỉ trở thành cái gì đó được chuyển thành giác ngộ viên mãn. Nếu không nhận thức ý nghĩ đó, [nhận diện nó] như là ‘đây là ý nghĩ đó,’ thì một Bồ-tát không có nhận thức, ý nghĩ, hay thấy điên đảo. Nhưng nếu vị ấy nhận thức ý nghĩ mà do nó ngài chuyển, [nhận diện nó] như là ‘đây là ý nghĩ đó,’ thì vị ấy trở thành người nhận thức ý nghĩ. Kết quả, vị ấy có nhận thức, ý nghĩ, và thấy điên đảo. Nhưng một Bồ-tát chuyển đúng, không sai, khi vị ấy nhận thức và đem đến tâm ý nghĩ chuyển [143] theo cách như thế mà vị ấy xem nó là ‘chỉ tịch diệt, tịch diệt,’ là ‘ngừng lại, ra đi, đảo ngược’; và khi vị ấy phản chiếu thấy rằng cái tịch diệt cái ấy không thể chuyển được; và [tịch diệt, v.v...] này chính là bản tánh của các pháp, cũng là của ý nghĩ mà do đó người ta chuyển, cũng là của các pháp qua đó người ta chuyển, cũng như của các pháp mà người ta chuyển đến chúng. Như thế Bồ-tát ấy nên

chuyển. Vì áy nên [các câu 145-49] xem các Phật vị lai, các Phật hiện tại, các Phật quá khứ, vị lai và hiện tại theo cùng cách vị áy xem các Phật quá khứ. Trong những hoàn cảnh nào vị áy không có nhận thức, ý nghĩ, hay cái thấy điên đảo? Nếu trong khi chuyển, vị áy nghĩ đến các pháp là diệt, dừng lại, ra đi, đảo ngược, và pháp được chuyển thành là không thể diệt, thì nó [thiện căn] trở thành cái được chuyển thành giác ngộ viên mãn. Vì vị áy không an định trong quá trình hồi hướng. Hơn nữa nếu vị áy xem không pháp nào có thể chuyển thành pháp, thì nó cũng trở thành cái được chuyển thành giác ngộ viên mãn. Như thế vị Bồ-tát chuyển áy không có nhận thức, ý nghĩ hay cái thấy điên đảo. Vì vị áy không ở lại trong quá trình hồi hướng đó. Hơn nữa, nếu vị áy tri kiến rằng ý nghĩ không thể nhận thức ý nghĩ, pháp không thể tri kiến pháp, thì nó cũng trở thành cái được chuyển thành giác ngộ viên mãn. Đây là sự thuần thục vô thượng của Bồ-tát áy. Nhưng mặt khác, nếu một Bồ-tát nhận thức sự tích lũy công đức đó, thì vị áy không thể chuyển nó thành giác ngộ viên mãn. Bởi vì vị áy ở lại trong quá trình hồi hướng đó. Thêm nữa nếu vị áy phản chiếu rằng sự tích lũy công đức này cũng ly cách và tịnh lặng, rằng việc làm công đức áy cũng thấy được khi hoan hỉ [150], thì vị áy chuyển thành giác ngộ viên mãn. Thêm vào, nếu vị áy vẫn không nhận thức rằng tất cả những sự có hữu vi thì tịnh lặng và ly cách, thì đó là bát-nhã ba-la-mật của Bồ-tát áy. Nhưng vị áy không chuyển thành giác ngộ viên mãn nếu vị áy nhận thức rằng cái này ở đây là thiện căn của các Phật, các Thế Tôn đã đi đến Bát Niết-bàn; rằng thiện căn đó chỉ như [huyền] như quá trình hồi hướng; và rằng [ý nghĩ] mà do đó nó được chuyển cũng thuộc cùng loại, có cùng tướng, thuộc cùng hạng, có cùng tự tính. Vì các Phật và các Thế Tôn không cho phép sự hồi hướng xảy ra qua tướng. Vì áy không nhớ cũng không chuyển [thiện căn đó] đến giác ngộ viên mãn nếu vị áy đem lại một tướng bằng cách phản chiếu những gì là quá khứ thì tịch diệt, ngừng lại, đảo ngược; những gì là vị lai thì chưa đến; và cái thuộc hiện tại không an định thì khả đắc, và cái gì bất khả đắc thì không có tướng hay tâm cõi. Mặt khác, vị áy cũng chuyển đến giác ngộ viên mãn nếu vị áy không đem lại

một tướng hay ghi nhớ kết quả của sự hoàn toàn không chú ý, nếu vị ấy không chú ý là kết quả của sự thiếu chú tâm, hay thiếu hiểu biết. Nhưng thiện căn đó trở thành cái được chuyển thành giác ngộ viên mãn do duyên mà vị ấy ghi nhớ tướng đó, nhưng vị ấy không xem nó là tướng. Như thế Bồ-tát ấy nên tu luyện mình trong đó. Nên biết điều này là sự thiện xảo trong các phương tiện của vị ấy. Qua sự thiện xảo trong các phương tiện đó, khi vị ấy chuyển thiện căn, thì vị ấy ở gần nhất thiết trí. Bồ-tát ấy muốn tu luyện mình trong phương tiện thiện xảo của mình, tuy nhiên, nên luôn luôn nghe bát-nhã ba-la-mật này, nghiên cứu nó, và học hỏi nó. [151] Vì không có sự trợ giúp của bát-nhã ba-la-mật người không được dạy không thể vào được công việc hồi hướng bằng phương tiện bát-nhã ba-la-mật. Nhưng không nên khẳng định với kết quả rằng nhờ bát-nhã ba-la-mật có thể chuyển hóa việc làm công đức ấy thành giác ngộ viên mãn. Vì đoạn diệt là những đời sống cá nhân đó, đoạn diệt là những nghiệp hành, tịnh lặng, ly cách, không có căn bản. Hơn nữa, người đó đã mang lại tướng, tạo ra phân biệt, người ấy nhận thức cái gì có thực trong cái gì không có thực tựa như nó có thực, và người ấy chuyển hóa cái căn bản thành cái không có căn bản. Các Phật và các Thê Tôn không cho phép thiện căn của người ấy trở thành cái được chuyển hóa thành giác ngộ viên mãn theo cách này. Vì chúng đối với người ấy trở thành cái đại căn bản. Ngay cả Bát Niết-bàn của các Phật, các Thê Tôn người ấy cũng xem như là tướng và phân biệt, người ấy đạt Niết-bàn theo một quan điểm, và nó không phải sự hồi hướng được người ta nhận thức là một căn bản mà các Như Lai gọi là nguồn đại hạnh phúc. Vì quá trình hồi hướng này không phải không có độc, không phải không có gai. Nó giống như thức ăn có vẻ tuyệt hảo, nhưng thực sự nó có độc. Màu, mùi, vị và xúc của nó dường như đáng ham muốn, tuy nhiên, nó có độc nên tránh và những người cẩn trọng không ăn. Những người khờ dại và những người ngu đần có thể nghĩ rằng nên ăn nó. Màu, mùi, vị, và xúc của thức ăn đó hứa hẹn hạnh phúc, nhưng sự chuyển hóa của nó trong người ăn nó sẽ dẫn đến kết cuộc đau đớn. Kết quả, người ấy chết, hay đau chết người. Cũng vậy một vài [người nhận

thúc cái căn bản] nắm bắt một cách tệ hại nghĩa của những gì được khéo dạy, phân biệt nó một cách tệ hại, làm chủ nó một cách tệ hại, và hiểu lầm nó, không hiểu nghĩa như thực, họ sẽ giáo huấn [152] và khuyên nhủ những người khác xem khói công đức của các Phật và các Thê Tôn quá khứ, vị lai và hiện tại theo cách đã miêu tả trước [các câu 135-38], để hoan hỉ nó, và chuyển việc làm công đức thấy được khi hoan hỉ thành giác ngộ viên mãn. Như thế sự chuyển đó, khi được phuơng tiện tướng thực hiện, chuyển thành độc tính. Nó giống như thức ăn có độc đã đề cập trước đây. Không thể có sự chuyển nào cho người nhận thức cái căn bản. Vì cái căn bản có độc [có tầm mức]. Vì thế người thuộc thừa Bồ-tát không nên tu luyện mình như thế. Vậy thì người ấy nên tu luyện mình như thế nào? Người ấy nên bám vào thiện căn của các Phật và Thê Tôn của quá khứ, vị lai và hiện tại như thế nào? Và làm sao bám được một cách thành công vào cái mà nó trở thành một cái gì đó? Người ấy nên chuyển như thế nào? Và làm sao nó trở thành cái được chuyển thành giác ngộ vô thương thành công? Ở đây người con trai hay người con gái của một gia đình thiện lương thuộc thừa Bồ-tát, và không muốn phi báng Như Lai, như thế nên hoan hỉ vì tất cả thiện căn đó, như thế nên chuyển nó: “Con hoan hỉ trong thiện căn đó xem như là các Như Lai với Phật tri kiến và Phật nhãm của các ngài biết và thấy nó, – loại của nó là như thế, hạng của nó là như thế, phẩm tính của nó là như thế, tự tánh của nó là như thế, tướng của nó là như thế, và cách hiện hữu của nó là như thế. Và con chuyển nó theo cách như thế như các Như Lai có thể cho phép thiện căn đó được chuyển thành giác ngộ viên mãn.” Khi hoan hỉ như thế, chuyển như thế, một Bồ-tát trở thành không có lỗi. Sự chánh đáng của chư Phật, chư Thê Tôn, được hoan hỉ. Thiện căn ấy trở thành cái được chuyển thành giác ngộ viên mãn. Và ngài ấy không phi báng các Như Lai đó. Như vậy, sự chuyển của ngài ấy trở thành sự chuyển không có độc, một sự chuyển vĩ đại, một sự chuyển thành pháp giới; nó trở thành hoàn hảo, hoàn toàn hoàn hảo, qua nhiệt tâm và quyết tâm của người chuyển. Hơn nữa, người thuộc thừa Bồ-tát nên chuyển với sự thông hiểu rằng tất cả giới, định, huệ, giải

thoát, tri kiến giải thoát, không gồm trong dục giới, sắc giới, vô sắc giới, và chúng không phải là quá khứ, vị lai hay hiện tại. Vì mọi sự vật ở trong ba thời hay [154] trong ba giới thì không bao gồm [trong thực tướng tối hậu]. Vậy thì sự chuyển cũng không bao gồm, và pháp [nghĩa là, cảnh giới Phật] mà quá trình chuyển hóa được chuyển thành cũng vậy, – nếu ngài ấy chỉ tin chắc điều đó. Khi một Bồ-tát chuyển theo cách như thế, ngài ấy không bao giờ có thể mất chuyển nữa, và nó trở thành không bao gồm, không có độc, một sự chuyển vĩ đại, một sự chuyển của pháp giới, hoàn hảo, hoàn toàn hoàn hảo. Nhưng mặt khác, khi ngài ấy ở lại nơi sự chuyển, và xem nó như là một tướng, thì vị ấy chuyển sai. Tuy nhiên, một Bồ-tát chuyển với ý tưởng rằng qua sự chuyển này nó thành pháp giới, vì các Phật, các Thê Tôn biết và cho phép, thiện căn đó trở thành cái được chuyển thành giác ngộ viên mãn, đã chuyển thành công. Đây là phương pháp chuyển đúng. Và theo cách này nó trở thành cái được chuyển thành giác ngộ vô thượng, đã chuyển thành công.

Thê Tôn: Khéo nói, Tu-bồ-đề⁵¹, khéo nói. Ông thực hiện chức năng của Đạo sư khi ông chứng minh Pháp với các Bồ-tát. Vì sự chuyển này, sự chuyển của pháp giới, đó là sự chuyển của một Bồ-tát. Ông ấy nghĩ: Vì các Phật và Thê Tôn biết và thấy thiện căn trong pháp giới này, – loại của nó là như thế, hạng của nó là như thế, phẩm tính của nó là như thế, tự tánh của nó là như thế, tướng của nó là như thế, cách hiện hữu của nó là như thế, – vì thế tôi hoan hỉ nó. Và vì các ngài ấy cho phép, nên tôi chuyển nó.” [155]

5. QUÁN XÉT CÔNG ĐỨC

Khối công đức của một Bồ-tát, sinh ra từ sự chuyển pháp giới của ngài ấy, được tuyên bố là thượng đẳng so với sự tích lũy công đức về phần một người tạo nên và an định trong mười đường nghiệp thiện tất cả chúng sinh trong đại thiên thế giới vô số như cát sông Hằng. Và nó cũng thượng đẳng nếu tất cả chúng sinh đó được bốn

⁵¹ Theo văn mạch của đoạn đối thoại thì phải là Di-lặc mà không phải Tu-bồ-đề. Ở đây chúng tôi dịch theo bản tiếng Anh là Tu-bồ-đề. ND.

thiên, hay bốn Tâm Vô lượng, hay bốn chứng đắc vô tướng, hay [156] năm thân thông; hoặc cũng bằng như vậy nếu họ trở thành những bậc Nhập lưu, v.v..., đến: những bậc Duyên giác. Đây không phải là tất cả. [157] Nếu tất cả chúng sinh trong tất cả các thiên thế giới đã lên đường vì giác ngộ vô thượng; và này Tu-bồ-đề, nếu tất cả những chúng sinh đó cung cấp, trong vô số kiếp như cát sông Hằng, cho tất cả chúng sinh trong những đại thiên thế giới khác nhau, vô số như cát sông Hằng, tất cả [những gì] họ có thể cần; nhưng họ sẽ cùng đường trong khi nhận thức cái căn bản. Và khi tiến hành theo cách này, nếu chúng ta tưởng tượng tất cả những chúng sinh đó là một chúng sinh duy nhất, và nếu mỗi một Bồ-tát, trong vô số kiếp như cát sông Hằng, cung cấp cho tất cả các Bồ-tát đó tất cả [những gì] họ có thể cần, và đối xử họ với lòng kính trọng; nếu như thế mỗi một vị trong tất cả các Bồ-tát đó, nếu tất cả họ cùng nhau cùng đường vật đó, bây giờ các Bồ-tát đó nhờ sức mạnh ấy có được công đức nhiều không?

Tu-bồ-đề: Quả thật rất nhiều, Ôi Thé Tôn. Khối công đức đó sẽ thách thức sự tính toán. Nếu nó là một vật thể vật chất, nó không thể tìm được một chỗ ngay cả trong các đại thiên thế giới vô số như cát sông Hằng.

Thé Tôn: Đúng vậy, Tu-bồ-đề. Và sự tích lũy công đức này, do bồ thí về phần của những Bồ-tát nhận thức cái căn bản, là vô cùng nhỏ so với công đức do một người thuộc thừa Bồ-tát tạo ra, do bát-nhã ba-la-mật và phuơng tiện thiện xảo nắm giữ, và chuyển thiện căn đó thành giác ngộ viên mãn bằng phuơng tiện chuyển này của pháp giới. [158] Vì mặc dù các Bồ-tát nhận thức cái căn bản đã bỏ thí nhiều phẩm vật tốt, họ cũng tính chúng thành một cái ‘rất ít.’

Vì thế hai vạn Thiên của Bốn Đại Thiên Vương, chắp tay lễ bái Thé Tôn, và nói: “Sự chuyển hóa thành nhất thiết trí của các thiện căn này do những người được bát-nhã ba-la-mật và phuơng tiện thiện xảo hộ trì, là một sự chuyển hóa vĩ đại của các Bồ-tát ấy. Bởi vì nó vượt qua sự tích lũy công đức, phát xuất từ bồ thí, của những Bồ-tát đó đặt chân trên một cái gì dù nó có thể vĩ đại đến đâu.”

Vì thế một trăm ngàn thiên của trời Ba mươi ba lại mưa xuống

trên Thé Tôn hoa trời, nhang thơm, nước hoa, vòng hoa, dầu thơm, phấn thơm, ngọc và y phục. Họ sùng bái Thé Tôn với lọng trời, phướn, chuông, cờ, và những hàng đèn vây quanh tất cả, với nhiều loại sùng bái. Họ chơi các nhạc cụ của trời [để tôn vinh Thé Tôn] và họ nói: [159] “Cuộc chuyển hóa pháp giới này là một cuộc chuyển hóa vĩ đại của các Bồ-tát. Bởi vì nó vượt qua khói công đức tích lũy kết quả từ phẩm vật của các Bồ-tát đặt cái căn bản nơi cái gì đó, bởi vì sự chuyển hóa vĩ đại đó được bát-nhã ba-la-mật và phương tiện thiện xảo hộ trì.”

Tất cả các hạng Thiên khác xuất hiện nơi cảnh, sùng bái Thé Tôn, và cất giọng nói. Họ nói: “Kỳ diệu, Ôi Thé Tôn, đến độ sự chuyển hóa thiện căn do các Bồ-tát được bát-nhã ba-la-mật và phương tiện thiền xảo hộ trì vượt qua khói công đức của các Bồ-tát đặt cái căn bản nơi một cái gì đó, mặc dù nó tích lũy trong thời gian lâu như thế, và được nhiều sự tận lực như thế đem lại.”

Vì thế, Thé Tôn nói với chư thiên, từ các thiên thuộc cõi Tịnh cư trở xuống: “Chúng ta hãy để lại trường hợp tích lũy công đức của tất cả chúng sinh trong vô số thiên thế giới đã nhất định lên đường vì giác ngộ viên mãn, và đã bố thí phẩm vật vì muốn đạt giác ngộ viên mãn. [160] Cùng cách ấy chúng ta hãy xem trường hợp tất cả chúng sinh trong vô số thiên thế giới, lập nguyện đạt giác ngộ viên mãn, và phát tâm bồ-đề, sẽ bố thí phẩm vật trên mức độ rộng lớn như đã miêu tả trước [tức trg. 157]. Mặt khác, chúng ta xem một Bồ-tát, người được bát-nhã ba-la-mật và phương tiện thiện xảo bảo trì, bám giữ các thiện căn của các Phật, Bồ-tát, Duyên giác, và Thanh văn, và của tất cả những chúng sinh khác cũng như những thiện căn đã được gieo trồng, sẽ được gieo trồng, và đang được gieo trồng, và hoan hỉ vì tất cả theo cách đã miêu tả trên. Rồi sự tích lũy công đức về phần của các Bồ-tát trước kia bố thí phẩm vật trong khi nhận thức cái căn bản – chỉ vì họ nhận thức cái căn bản – sẽ là vô cùng ít. [161]

Tu-bồ-đề: Thé Tôn miêu tả sự hoan hỉ vì thiện căn của tất cả chúng sinh như là sự hoan hỉ thù thắng nhất. Sự hoan hỉ này là sự hoan hỉ thù thắng nhất vì lý do gì?

Thé Tôn: Nếu một người thuộc thừa Bồ-tát không nắm bắt các pháp quá khứ, vị lai và hiện tại, người ấy không quan tâm đến chúng, không nhắm vào chúng, không cấu tạo chúng, không phân biệt chúng, không thấy cũng không xem chúng [162] nếu người ấy quán xét chúng với sự tin quyết rằng tất cả các pháp được cầu dệt bởi cấu trúc tư tưởng, bất sinh, không tối, không đến, không đi, và không một pháp nào từng được sinh hay bị diệt trong quá khứ, vị lai hay hiện tại; nếu một người quán các pháp đó theo cách như thế, thì sự hoan hỉ của người ấy phù hợp với chân tánh của các pháp đó, và sự chuyển hóa [công đức] của một người thành giác ngộ viên mãn cũng như vậy. Đây là lý do thứ nhất tại sao sự hoan hỉ của Bồ-tát là sự hoan hỉ thù thắng nhất. Việc làm công đức thấy được khi bố thí về phần của vị Bồ-tát nhận thức cái căn bản, có cái căn bản trong thấy, thì vô cùng nhỏ so với sự chuyển hóa thiện căn do vị Bồ-tát đó làm. Hơn nữa, Tu-bồ-đề, người thuộc thừa Bồ-tát muốn hoan hỉ trong thiện căn của tất cả các Phật và Thé Tôn, nên hoan hỉ theo cách như vậy: Vì giải thoát [không phát sinh, vì những chướng ngại do cầu nhiệm và do những cái có khả năng nhận thức diệt], vật bố thí cũng vậy, giới luật cũng vậy, v.v...; sự hoan hỉ cũng vậy, việc làm công đức thấy được khi hoan hỉ cũng vậy; [163] vì giải thoát, chuyển hóa cũng vậy, các Phật và Thé Tôn, Duyên giác, và Thanh văn đã nhập Bát Niết-bàn cũng vậy; vì giải thoát, các pháp quá khứ, hay đã diệt; cũng như các pháp vị lai, hay chưa sinh; và các pháp hiện tại, hay đang tiến hành bây giờ; vì giải thoát tất cả chư Phật và Thé Tôn quá khứ, vị lai và hiện tại cũng vậy. Như thế, tôi hoan hỉ với sự hoan hỉ thù thắng nhất trong chân tánh của các pháp, không buộc, không mở, không vướng mắc. Từ đó tôi chuyển việc làm công đức thấy được khi hoan hỉ thành giác ngộ viên mãn; nhưng thực sự không có sự chuyển xảy ra, bởi vì không có gì chuyển, không có gì diệt. Đây là lý do thứ nhì tại sao sự hoan hỉ của Bồ-tát ấy là sự hoan hỉ thù thắng nhất. [164]

Nhưng trở lại vấn đề công đức. Bây giờ chúng ta hãy xét trường hợp tất cả chúng sinh trong vô số các thiên thế giới đã nhất định lên đường vì giác ngộ viên mãn, và để tiến đến giác ngộ viên mãn,

trong vô số kiếp họ sẽ đảm nhận bốn phận giữ giới, tức là sự hành xử tốt của thân, ngữ và ý, – trừ khi nhận thức cái căn bản. Tuy nhiên, sự tích lũy công đức của họ thì vô cùng nhỏ so với sự tích lũy công đức của một Bồ-tát phát xuất từ hoan hỉ, – chỉ vì họ nhận thức cái căn bản. [165] Và cũng giống như vậy nếu tất cả chúng sinh đó trong vô số kiếp thực hành nhẫn nhục, dù họ mãi bị bạo hành, đánh đập và chửi mắng rất nhiều; [166] hay nếu họ thực hành tinh tấn, và không ở trong hoàn cảnh giải đai hay hôn trầm, quăng ném hay chinh phục; [168] hay cuối cùng, nếu họ nhập định. Bao lâu họ còn thực hiện những thực hành đó trong khi nhận thức cái căn bản, công đức của họ sẽ vô cùng bé so với công đức của một Bồ-tát hoan hỉ vì các thiện căn của tất cả chúng sinh với sự hoan hỉ thù thắng nhất, chuyển hóa thiện căn này thành giác ngộ vô thượng.

Chương VII

ĐỊA NGỤC

1. TÁN CA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

Xá-lợi-phát: Bát-nhã Ba-la-mật, Ôi Thế Tôn, là sự thành tựu tri kiến nhất thiết trí.

Thế Tôn: Xá-lợi-phát, Đúng như ông nói.

Xá-lợi-phát: Bát-nhã ba-la-mật ban cho ánh sáng, Ôi Thế Tôn. Con lẽ bái bát-nhã ba-la-mật! Bát-nhã ba-la-mật đáng tôn kính. Bát-nhã ba-la-mật không ué trước, toàn thể gian khong thể làm ô ué bát-nhã ba-la-mật. Bát-nhã ba-la-mật là nguồn ánh sáng. Bát-nhã ba-la-mật lấy đi bóng tối của mọi người trong ba giới, và dẫn ra khỏi bóng tối mù lòa do ô nhiễm và tà kiến gây nên. Chúng ta có thể tìm được chỗ trú trong bát-nhã ba-la-mật. Thủ thắng nhất là những việc làm của bát-nhã ba-la-mật. Bát-nhã ba-la-mật khiến chúng ta tìm sự an toàn của các giác chi. Bát-nhã ba-la-mật rọi ánh sáng cho người mù, đem ánh sáng đến như thế tất cả sợ hãi và phiền não có thể bị bỏ rơi. Bát-nhã ba-la-mật có năm mắt, và chỉ đường cho tất cả chúng sinh. Bát-nhã ba-la-mật tự có nhân căn. Bát-nhã ba-la-mật giải tán sự ảm đạm và tối tăm của mê hoặc. [171] Bát-nhã ba-la-mật không làm gì tất cả các pháp. Bát-nhã ba-la-mật hướng dẫn những người đi lạc vào đường tà trở lại đường chánh. Bát-nhã ba-la-mật đồng nhất với nhất thiết trí. Bát-nhã ba-la-mật không bao giờ sản sinh bất cứ pháp nào, bởi vì bát-nhã ba-la-mật bỏ những căn bã liên hệ với cả hai loại che phủ, những cái do ô nhiễm sinh ra và những cái do những cái có khả năng nhận thức sinh ra. Bát-nhã ba-la-mật không đoạn bất cứ pháp nào. Tự chẳng đoạn và chẳng sinh là bát-nhã ba-la-mật. Bát-nhã ba-la-mật là mẹ của chư Bồ-tát, vì tánh không của sở tướng. Là thí chủ trân bảo của tất cả Phật pháp, bát-nhã ba-la-mật sinh ra mười lực (của Phật). Bát-nhã ba-la-mật không bị nghiền nát. Bát-nhã ba-la-mật bảo vệ những người không có sự bảo vệ, với sự trợ giúp của bốn vô úy.

Bát-nhã ba-la-mật là thuốc giải độc sinh tử. Bát-nhã ba-la-mật có tri kiến rõ ràng về tự tánh của tất cả các pháp, vì bát-nhã ba-la-mật không lạc đường. Bát-nhã ba-la-mật của chư Phật, chư Thê Tôn, đặt bánh xe Pháp vào chuyển động.

2. ƯU THẾ CỦA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT TRÊN CÁC BA-LA-MẬT KHÁC

Một Bồ-tát nên trụ trong bát-nhã ba-la-mật như thế nào, chăm sóc và tôn kính bát-nhã ba-la-mật như thế nào?

Thê Tôn: Nên đối xử bát-nhã ba-la-mật như chính vị Đạo sư trong mọi cách.

Lúc ấy *Thích-đè* hỏi Xá-lợi-phát: Do đâu và vì lý do gì ngài Xá-lợi-phát thánh thiện nêu lên câu hỏi này? [172]

Xá-lợi-phát: Nó khởi lên bởi vì tôi nghe nói rằng “một Bồ-tát được bát-nhã ba-la-mật và phuơng tiện thiện xảo hộ trì, chuyển hóa việc làm công đức thấy được khi hoan hỉ, thành nhất thiết trí, vượt qua khỏi toàn bộ việc làm công đức khi bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, và thiền định của tất cả các Bồ-tát theo cái căn bản.” Ấy chỉ là bát-nhã ba-la-mật hướng dẫn năm ba-la-mật đi lên con đường đến nhất thiết trí. Cũng như, thưa ngài Kiều-thi-ca, những người sinh ra bị mù, một trăm, hay một ngàn, hay một trăm ngàn trong bọn họ, không có người dẫn đường, họ không thể đi theo con đường và đến một ngôi làng, thị trấn hay thành phố; cũng vậy, bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh thần và thiền định tự chúng không thể gọi là ‘ba-la-mật’ được vì không có bát-nhã ba-la-mật chúng như là sinh ra đã bị mù, không có người dẫn đường không thể đi lên con đường đến nhất thiết trí, càng ít có thể đến được nhất thiết trí. Tuy nhiên, khi bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn và thiền định được bát-nhã ba-la-mật duy trì, thì chúng được gọi là ‘ba-la-mật,’ vì lúc ấy [173] năm ba-la-mật có được một nhãn căn cho phép chúng đi lên con đường đến nhất thiết trí và đến nhất thiết trí.

3. BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT KHÔNG TÌM ĐƯỢC GÌ CẢ

Xá-lợi-phát nói với đức Thé Tôn: Một Bồ-tát nên thành tựu bát-nhã ba-la-mật như thế nào?

Thé Tôn: Ông ấy nên xem sự không thành tựu của sắc, v.v... Sự không thành tựu của năm uẩn, đó gọi là ‘sự thành tựu của bát-nhã ba-la-mật.’ Như thế, bởi vì không có gì bị tác động, sự thành tựu của năm uẩn được gọi là sự thành tựu của bát-nhã ba-la-mật.

Xá-lợi-phát: Khi bát-nhã ba-la-mật được sự thành tựu như thế thành tựu, nó tìm được pháp gì?

Thé Tôn: Khi được thành tựu theo cách như thế, bát-nhã ba-la-mật không tìm được một pháp nào, và kết quả thật sự bát-nhã ba-la-mật đến chỗ trở thành ‘bát-nhã ba-la-mật’ có kiểu mẫu.

Thích-đè: Thé thì, Ôi Thé Tôn, bát-nhã ba-la-mật này không tìm được ngay cả nhất thiết trí?

Thé Tôn: Không tìm được vì nếu nó là cái căn bản, hay một quá trình của tâm, hay một hành động ý nguyện. [174]

Thích-đè: Rồi làm sao nó tìm được?

Thé Tôn: Đến mức nó không tìm được, đến mức đó nó tìm được.

Thích-đè: Kỳ diệu, Ôi Thé Tôn, là thấy mức độ mà bát-nhã ba-la-mật này không tìm được cũng không diệt bất cứ pháp nào. Vì mục đích không sinh và không diệt của tất cả các pháp dựng lập bát-nhã ba-la-mật, tuy nhiên không thực sự hiện diện.

Tu-bồ-đè: Nếu một Bồ-tát cũng nhận thức điều này, thì ngài ấy sẽ tránh xa bát-nhã ba-la-mật này, xem nó như là không xứng đáng và không ý nghĩa, và không hành động với nó.

Thé Tôn: Điều này hoàn toàn đúng. Vì nơi nào bát-nhã ba-la-mật được chiếu sáng, nơi đó sắc không trở nên được chiếu sáng, các uẩn kia cũng không, các quả của đời sống phạm hạnh cũng không, cho đến cảnh giới Phật.

Tu-bồ-đè: Bát-nhã ba-la-mật này là một ba-la-mật vĩ đại, ôi Thé Tôn! [175]

4. TẠI SAO BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT VĨ ĐẠI

Thé Tôn: Ý ông thế nào, Tu-bồ-đè, bát-nhã ba-la-mật này là một

ba-la-mật vĩ đại theo cách gì?

Tu-bô-đè: Nó không làm cho sắc, v.v..., lớn hơn hay nhỏ hơn, nó không kết hợp hay phân tán sắc, v.v...Nó cũng không làm các lực của một Như Lai mạnh hơn hay yếu hơn, cũng không kết hợp hay phân tán các lực ấy. Nó không làm cho ngay cả nhất thiết trí đó lớn hơn hay nhỏ hơn, cũng không kết hợp hay phân tán nhát thiết trí. Vì nhất thiết trí không bị kết hợp và phân tán. Nếu vị Bồ-tát nhận thức ngay cả điều này, thì ngài ấy không theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật, còn nhiều hơn thế biết bao nếu ngài ấy hình thành ý niệm: 'Được phú bẩm tri kiến nhất thiết trí, như vậy tôi sẽ chứng minh pháp cho chúng sinh, như vậy tôi sẽ dẫn dắt những chúng sinh ấy đến Niết-bàn cứu cánh.' Vì sự nhận biết này của chúng sinh như là sự thật căn bản, khi ngài ấy nói, "Tôi sẽ dẫn dắt những chúng sinh đó đến Niết-bàn cứu cánh," không thể là kết quả của bát-nhã ba-la-mật. Đây quả thật sẽ là một căn bản lớn của sự nhận biết về phần ngài ấy. Vì sự vắng mặt của tự tánh nơi chúng sinh nên biết như là thuộc về chính yếu tánh của bát-nhã ba-la-mật. Nên biết rằng bát-nhã ba-la-mật không có tự tánh bởi vì chúng sinh không có tự tánh; rằng bát-nhã ba-la-mật ly cách bởi vì chúng sinh ly cách; rằng bát-nhã ba-la-mật là không thể nghĩ bàn bởi vì chúng sinh là [không thể nghĩ bàn]; [176] rằng bát-nhã ba-la-mật có bản tánh bất hoại bởi vì chúng sinh có [bản tánh bất hoại]; rằng bát-nhã ba-la-mật thực tế không trải qua quá trình dẫn đến giác ngộ bởi vì chúng sinh không [trải qua]; rằng bát-nhã ba-la-mật được xem là như thực, không trải qua quá trình đưa đến giác ngộ bởi vì chúng sinh là như thực, không trải qua quá trình đó; rằng cách mà theo đó Như Lai đi đến sở hữu đầy đủ các lực của ngài nên hiểu theo cách chúng sinh đi đến sở hữu đầy đủ lực của họ. Do đây mà bát-nhã ba-la-mật là một ba-la-mật vĩ đại.

5. NGUYÊN NHÂN TIN BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

Xá-lợi-phát: Các Bồ-tát tái sinh ở đây, và sẽ tin quyết bát-nhã ba-la-mật thâm sâu này ở đây, không phân vân, nghi ngờ hay sững

sốt, nơi các ngài ấy tịch và các ngài ấy thực hành trong bao lâu, các ngài ấy sẽ theo giáo pháp của bát-nhã ba-la-mật này, hiểu nghĩa của nó, và giáo huấn người khác trong nó cả hai, bằng phương pháp bày tỏ nghĩa và bằng phương pháp bày tỏ giáo pháp không?

Thé Tôn: Nên biết rằng một Bồ-tát như thế tái sinh ở đây sau khi ông ấy chết ở các thiên thế giới khác nơi ông ấy tôn vinh và tham vấn các Phật, các Thế Tôn. Bất cứ Bồ-tát nào, sau khi tịch ở các thiên thế giới khác nơi ông ấy tôn vinh và tham vấn các Phật, các Thế Tôn, tái sinh ở đây, khi ông ấy nghe dạy bát-nhã ba-la-mật thâm sâu này, đồng nhất bát-nhã ba-la-mật này với Đạo sư, [177] và tin chắc rằng ông ấy mặt đối mặt với Đạo sư, rằng ông ấy thấy Đạo sư. Khi người ta dạy bát-nhã ba-la-mật, ông ấy chú ý lắng nghe, tỏ lòng kính trọng nó trước khi nghe nó, và không cắt ngắn câu chuyện. Nên biết một Bồ-tát như thế là một người thực hành đã lâu, đã tôn vinh nhiều vị Phật.

Tu-bồ-đề: Có thể nào nghe bát-nhã ba-la-mật ấy, phân biệt và quán xét nó, nói những câu khẳng định và phản chiếu nó gì không? Người ta có thể giải thích, hay học, bởi vì những biểu tượng, biểu hiệu hay dấu hiệu nào đó, đây là bát-nhã ba-la-mật, hay ở đây, đây là bát-nhã ba-la-mật, hay ở đó, đó là bát-nhã ba-la-mật không?

Thé Tôn: Quả thực không thể, Tu-bồ-đề. Bát-nhã ba-la-mật này không thể xiển dương, hay nghe, hay phân biệt, hay quán xét, hay tuyên bố, hay phản chiếu được bằng phương tiện các uẩn, hay bằng phương tiện các giới, hay bằng phương tiện các nhập. Đây là hậu quả của sự thật là tất cả các pháp đều ly cách, tuyệt đối ly cách. Cũng không thể hiểu bát-nhã ba-la-mật bằng các uẩn, các giới, hay các nhập. Vì chính các uẩn, các giới và các nhập đều rỗng không, ly cách và tĩnh lặng. Chính như thế mà bát-nhã ba-la-mật và các uẩn, các giới, và các nhập không phải hai, cũng không phân chia. Kết quả vì là không, sự ly cách và tĩnh lặng của chúng, chúng bất khả đắc. Thiếu cái căn bản nhận biết trong tất cả các pháp, đó gọi là ‘bát-nhã ba-la-mật.’ Ở đâu không có nhận thức, tên gọi, quan niệm hay sự phát biểu có tính cách qui ước, ở đó người ta nói ‘bát-nhã ba-la-mật.’ [178]

Tu-bô-dè: Có nên biết vị Bồ-tát đó nỗ lực vì bát-nhã ba-la-mật thâm sâu này là người thực hành bao lâu rồi không?

Thé Tôn: Ở đây người ta phải phân biệt, vì sự phú bẩm không đồng của các Bồ-tát khác nhau.

6. NHÂN VÀ QUẢ CỦA KHÔNG TIN

Hoàn toàn có thể có một vài Bồ-tát, mặc dù họ đã thấy nhiều trăm, nhiều ngàn, nhiều trăm ngàn Phật, và đã sống đời phạm hạnh trong sự hiện diện của các ngài ấy, tuy nhiên họ không thể có niềm tin nơi bát-nhã ba-la-mật. Lý do là trong quá khứ họ cũng không có sự kính trọng bát-nhã ba-la-mật thâm sâu này khi nó được dạy trước sự hiện diện của các Phật và các Thé Tôn đó. Bởi vì họ không kính trọng nó, họ không ham muốn học nhiều hơn về nó, không tôn vinh nó, không thiện chí hỏi câu hỏi, và thiếu niềm tin. Thiếu niềm tin, do đó họ bước ra khỏi hội chúng. Ấy là bởi vì trong quá khứ họ đã sản xuất, tích lũy, chòng chất, và kết tập nghiệp đưa đến sự suy đồi của pháp mà ở hiện tại họ cũng bước ra khi người ta dạy bát-nhã ba-la-mật thâm sâu này. Vì thiếu kính trọng, không tín ngưỡng và niềm tin vững chắc nơi bát-nhã ba-la-mật, họ không có sự hòa hợp nơi thân hay nơi tâm họ. Không có sự hòa hợp họ không biết, thấy, nhận ra hay nhận biết bát-nhã ba-la-mật này. Trước hết họ không tin, rồi họ không nghe, rồi họ không thừa nhận nó, và như thế họ sản xuất, tích lũy, chòng chất, và thu thập nghiệp dẫn đến sự suy đồi của pháp. [179] Đến phiên điều này sẽ sinh ra nghiệp dẫn đến sự suy yếu trong trí tuệ. Đến phiên điều đó khiến họ sẽ khuất từ, chối bỏ và mắng chửi bát-nhã ba-la-mật này khi được dạy, và khi từ chối nó, họ sẽ bỏ đi. Nhưng do từ chối bát-nhã ba-la-mật này họ từ chối nhất thiết trí của chư Phật và chư Thé Tôn, quá khứ, vị lai và hiện tại. Không bằng lòng với việc làm hỏng sự tương tục của riêng họ, tựa như tất cả đang cháy, họ sẽ ngăn cản, can gián, cũng đuổi người khác đi, – những người có trí thông minh, trí tuệ, công đức và thiện căn nhỏ, chỉ được phú bẩm chút ít niềm tin, lòng yêu thương, sự tịch tĩnh, và sự muôn làm, những người mới bắt đầu,

chủ yếu không xứng đáng, – cố gắng lấy đi ngay cả chút niềm tin, lòng thương yêu, sự tịch tĩnh và sự ham muốn làm nhỏ bé đó. Họ sẽ nói rằng không nên tu luyện trong đó, họ sẽ tuyên bố rằng áy không phải là lời của Phật. Trước tiên họ làm hỏng và trở nên xa lì với sự tương tục của riêng họ, rồi đến sự tương tục của những người khác. Do đó họ sẽ phi báng bát-nhã ba-la-mật. Phi báng bát-nhã ba-la-mật có nghĩa là phi báng nhất thiết trí, và thêm nữa là chư Phật quá khứ, vị lai và hiện tại. Họ sẽ bị đưa ra khỏi sự hiện diện của các Phật và Thé Tôn, bị bãi miễn khỏi Pháp, bị trực xuất khỏi Tăng-già. Ở tất cả mọi lối, họ sẽ bị đóng cửa vào Tam Bảo. Những hoạt động của họ cắt đi lợi ích và hạnh phúc của chúng sinh, và họ sẽ thu thập chúng do nghiệp đưa đến các đại địa ngục. [180] Bởi vì họ tạo ra các nghiệp hành này, họ sẽ tái sinh nơi các đại địa ngục, trong nhiều trăm năm, v.v... đến nhiều trăm ngàn na-do-tha câu-lợi kiếp. Họ sẽ chuyển từ đại địa ngục này sang đại địa ngục khác. Sau một thời gian rất lâu thế giới của họ sẽ bị lửa thiêu sạch. Rồi họ sẽ bị ném vào các đại địa ngục ở các thiên thế giới khác, ở đó họ lại chuyển từ đại địa ngục này đến đại địa ngục khác. Khi thế giới đó cũng bị lửa thiêu, họ sẽ lại bị ném vào các đại địa ngục ở một thiên thế giới khác, ở đây họ sẽ lại chuyển từ đại địa ngục này sang đại địa ngục khác. Khi thế giới đó cũng bị lửa thiêu, nghiệp này của họ sẽ không cùng tận, sẽ vẫn còn một tàn dư hậu quả nào đó và chết ở đó, họ sẽ lại bị ném vào thiên thế giới này. Ở đây họ sẽ lại tái sinh trong các đại địa ngục, và chịu những đau khổ lớn trong đó, cho đến lúc thế giới này một lần nữa bị lửa thiêu. [181] Vì thế như chúng ta thấy, họ sẽ trải qua một nghiệp vuông mắc với nhiều cảm giác đau đớn. Vì sao? Bởi vì giáo lý của họ rất tệ.

Xá-lợi-phất: Ngay cả hậu quả của năm tội nghịch cũng không có sự cân xứng nào với sự hành xử sai của ý và ngữ sao?

Thé Tôn: Không có. Tất cả những người chống đối bát-nhã ba-la-mật và khuyên người khác bỏ nó là những người mà tôi không đồng ý ông thấy họ, còn ít hơn biết bao nếu ông trở nên thân mật với họ hay [bố thí cho họ] sự giàu sang, danh dự hay địa vị? Sự thực, nên xem họ là những người làm ô danh của pháp, như vật vô

giá trị, như người hèn hạ, như rắn độc. [182] Họ là những người mang bát hạnh, họ sẽ làm bại hoại những người lắng nghe họ. Nên xem những người làm ô danh bát-nhã ba-la-mật là những người làm ô danh Pháp.

Xá-lợi-phát: Thé Tôn chưa nói với chúng con thời gian một người như thế phải ở trong các đại địa ngục là bao lâu.

Thé Tôn: Hãy để yên điều đó đi, Xá-lợi-phát. Nếu nói điều ấy ra những người nghe sẽ phải ý thức e rằng máu nóng trào ra miệng họ, e rằng họ phải chết hoặc bị đau đớn rất nhiều, e rằng áp lực thô bạo đè họ xuống, e rằng mũi nhọn sầu não đi vào tim họ, e rằng họ sẽ sụp ngã nặng, e rằng họ sẽ teo lại và héo úa, e rằng người ấy có tội vì những sự phật lòng này nghe nói về thời gian chịu đựng bao lâu trong khi thân họ [phải ở lại trong các địa ngục]. – Vì vậy Thé Tôn từ chối trả lời câu hỏi của Tôn giả Xá-lợi-phát. Vì lần thứ nhì, vì lần thứ ba Tôn giả Xá-lợi-phát đã nói như vầy với Thé Tôn: Xin hãy nói cho con, Ôi Thé Tôn, sự câu lưu người ấy ở địa ngục là bao lâu, để làm chỉ dẫn cho các thế hệ vị lai.

Thé Tôn: Bởi vì người ấy gây nén, tích lũy, chồng chất, và thu thập nghiệp này của ý và ngữ, người ấy phải ở lại các đại địa ngục một thời gian lâu. Các thế hệ vị lai sẽ được ban cho sự chỉ dẫn rất nhiều, do hậu quả của nghiệp hành bất thiện của sự hành xử sai này của ngữ và ý, nên người ấy sẽ chịu đau đớn trong thời gian rất dài. Chỉ nói lên sự đau đớn vô lượng và trọng đại của người ấy cũng sẽ là cái nguồn đủ làm xao xuyến những người con trai và con gái của gia đình thiện lương. [183] Nó sẽ chuyển họ ra khỏi những hoạt động xui khiến làm bại hoại pháp, họ sẽ tạo nên sự hình thành của công đức, và họ sẽ không bắc bỏ thiện pháp, còn cứu ngay cả sinh mạng của họ nữa, vì họ không muốn gặp những đau đớn như thế.

Tu-bồ-đề: Một người như thế sẽ trở nên khéo han chế trong những hành vi của thân, ngữ hay ý. Vì một khói rất lớn phi công đức do những lời dạy sai như thế sinh ra. Hành vi nào, Ôi Thé Tôn, là hành vi tạo ra khói phi công đức rất lớn ấy?

Thé Tôn: Những lời dạy sai tạo ra. Chính ở đây sẽ có những người bị mê hoặc, những người bỏ thế gian vì Pháp-Luật khéo dạy,

sẽ quyết định làm ô danh, báu bỏ, chống đối bát-nhã ba-la-mật này. Nhưng chống đối bát-nhã ba-la-mật là chống đối sự giác ngộ của chư Phật và chư Thê Tôn. Điều đó có nghĩa là người ta chống đối nhất thiết trí của chư Phật và chư Thê Tôn trong quá khứ, vị lai và hiện tại. Chống đối nhất thiết trí có nghĩa là chống đối thiện pháp. Chống đối thiện pháp có nghĩa là chống đối tăng-già các Đệ tử của Như Lai. Và khi người ta chống đối tăng già các Đệ tử của Như Lai, thì người ta bị đóng cửa mọi nẻo vào Tam Bảo. Rồi người ta quản lý để có được nghiệp hành bất thiện lớn hơn không thể đo lường và không thể tính toán được.

Tu-bồ-đề: Vì lý do gì [184] những người đó tin rằng họ nên chống đối bát-nhã ba-la-mật này?

Thê Tôn: Người như thế là bị Ma vương theo đuổi. Nghiệp của người ấy khiến cho trí tuệ suy yếu, và vì thế người ấy không có lòng tin hay niềm tin tịch tĩnh nơi các pháp thâm sâu. Được phú bẩm hai ác pháp đó, người ấy sẽ chống đối bát-nhã ba-la-mật này. Hơn nữa, Tu-bồ-đề, người ấy sẽ là người ở trong tay các ác tri thức; hay người ấy có thể là người không tu tập; hay là người đã định trú nơi các uẩn; hay là người tâng bốc mình và phản đối người khác, tìm kiếm lỗi lầm. Cũng được phú bẩm bốn thuộc tính này sẽ là người tin rằng nên chống đối bát-nhã ba-la-mật này khi người ta dạy nó.

Chương VIII

THANH TỊNH

1. BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT THÂM SÂU VÀ THANH TỊNH

Tu-bồ-đề: Khó mà có được niềm tin nơi bát-nhã ba-la-mật nếu người ta không tu tập, thiêng thiện căn và ở trong tay của ác tri thức.

Thé Tôn: Đúng vậy, Tu-bồ-đề. Khó mà có được niềm tin nơi bát-nhã ba-la-mật nếu người ta không tu tập, chỉ có các thiện căn nhỏ bé, trì độn, không quan tâm, ít học, có loại trí tuệ thấp kém, ý lại vào ác tri thức, không còn nhiệt tâm để hỏi, không thiện chí hỏi câu hỏi và không tu tập trong các thiện pháp.

Tu-bồ-đề: Vậy thì bát-nhã ba-la-mật này thâm sâu như thế nào vì rất khó có được niềm tin nơi nó?

Thé Tôn: Sắc không có buộc hay mở, bởi vì sắc không có tự tánh. Khởi điểm quá khứ của quá trình vật chất [= sắc] không có buộc hay mở, bởi vì khởi điểm quá khứ của quá trình vật chất không có tự tánh. Kết thúc của quá trình vật chất, trong vị lai, không có buộc hay mở, bởi vì sự kết thúc vị lai của quá trình vật chất không có tự tánh. Quá trình vật chất hiện tại không có tự tánh, bởi vì sự kiện hiện hữu hiện tại không phải là phần tự tánh của sắc hiện tại. [186] Với các uẩn còn lại cũng vậy.

Tu-bồ-đề: Khó, quá khó để có được niềm tin nơi bát-nhã ba-la-mật, nếu người ta không tu tập, không tròng thiện căn, ở trong tay của ác tri thức, chịu sự điều khiển của Ma vương, lười biếng, ít tinh tấn, bị cướp đi chánh niệm và ngu si.

Thé Tôn: Đúng vậy, Tu-bồ-đề. Bởi vì tính thanh tịnh của sắc đồng nhất với tính thanh tịnh của quả, và tính thanh tịnh của quả đồng nhất với tính thanh tịnh của sắc. Như vậy tính thanh tịnh của sắc và tính thanh tịnh của quả không phải hai, không bị phân chia, không bị làm vỡ ra từng phần, không bị cắt ra từng phần. Như thế tính thanh tịnh của sắc đến từ tính thanh tịnh của quả, và tính thanh

tịnh của quả đến từ tính thanh tịnh của sắc. [187] Và sự đồng nhất tương tự hiện hữu giữa tính thanh tịnh của sắc và tính thanh tịnh của nhất thiết trí. Điều đó cũng áp dụng cho các uẩn khác.

Xá-lợi-phát: Thâm sâu, Ôi Thế Tôn, là bát-nhã ba-la-mật!

Thế Tôn: Vì tính thanh tịnh.

Xá-lợi-phát: Một nguồn quang minh là bát-nhã ba-la-mật.

Thế Tôn: Vì tính thanh tịnh.

Xá-lợi-phát: Một ánh sáng là bát-nhã ba-la-mật.

Thế Tôn: Vì tính thanh tịnh.

Xá-lợi-phát: Không tùy thuộc tái sinh là bát-nhã ba-la-mật.

Thế Tôn: Vì tính thanh tịnh.

Xá-lợi-phát: Không ô nhiễm là bát-nhã ba-la-mật.

Thế Tôn: Vì tính thanh tịnh.

Xá-lợi-phát: Không có sự chứng đắc hay tái hợp trong bát-nhã ba-la-mật.

Thế Tôn: Vì tính thanh tịnh.

Xá-lợi-phát: Bát-nhã ba-la-mật không tự sinh trở lại.

Thế Tôn: Vì tính thanh tịnh. [188]

Xá-lợi-phát: Tuyệt đối không có sự tái sinh của bát-nhã ba-la-mật trong dục giới, hay trong sắc giới, hay trong vô sắc giới.

Thế Tôn: Vì tính thanh tịnh.

Xá-lợi-phát: Bát-nhã ba-la-mật không biết cũng không nhận thức.

Thế Tôn: Vì tính thanh tịnh.

Xá-lợi-phát: Thế thì bát-nhã ba-la-mật không biết cũng không nhận thức cái gì?

Thế Tôn: Sắc, và các uẩn khác. Vì sao? Vì tính thanh tịnh.

Xá-lợi-phát: Bát-nhã ba-la-mật không trợ giúp cũng không cản trở nhất thiết trí.

Thế Tôn: Vì tính thanh tịnh.

Xá-lợi-phát: Bát-nhã ba-la-mật không được cũng không bỏ bất cứ pháp nào.

Thế Tôn: Vì tính thanh tịnh.

Tu-bồ-dề: Sắc thanh tịnh, v.v..., là vì tự kỷ thanh tịnh.

Thé Tôn: Bởi vì nó rốt ráo thanh tịnh. [189]

Tu-bồ-đè: Quả thanh tịnh, nhát thiết trí thanh tịnh, là vì tự kỷ thanh tịnh.

Thé Tôn: Bởi vì tính rốt ráo thanh tịnh của nó.

Tu-bồ-đè: Không có sự chứng đặc hay tái hợp là vì tự kỷ thanh tịnh.

Thé Tôn: Bởi vì tính rốt ráo thanh tịnh của nó.

Tu-bồ-đè: Sắc vô biên, v.v..., là vì tự kỷ vô biên.

Thé Tôn: Bởi vì tính rốt ráo thanh tịnh của nó.

Tu-bồ-đè: Một Bồ-tát hiểu nó như thế, ngài ấy có bát-nhã ba-la-mật.

Thé Tôn: Bởi vì tính tính rốt ráo thanh tịnh của nó.

Tu-bồ-đè: Hơn nữa, bát-nhã ba-la-mật này không đứng ở bờ này cũng không đứng ở bờ kia, cũng không đứng ngang qua cả hai.

Thé Tôn: Bởi vì tính tính rốt ráo thanh tịnh của nó. [190]

Tu-bồ-đè: Một Bồ-tát xem ngay cả [nội kiến] đó như là một đôi tượng của nhận thức, vì thế ông ấy sẽ từ bỏ bát-nhã ba-la-mật này ra đi, và xa lìa nó.

2. CHẤP TRƯỚC

Thé Tôn: Nói hay, Tu-bồ-đè. Vì danh và tướng cũng là nguồn gốc của chấp trước.

Tu-bồ-đè: Kỳ diệu, Ôi Thé Tôn, là thấy mức độ bát-nhã ba-la-mật này được khéo dạy, khéo giải thích, khéo làm tròn. Thé Tôn còn công bố nguồn gốc của những chấp trước này.

Xá-lợi-phát: Ngài Tu-bồ-đè, những chấp trước này là những chấp trước nào?

Tu-bồ-đè: Là chấp trước nếu người ta nhận thức rằng các uẩn là rỗng không, pháp quá khứ là pháp quá khứ, pháp vị lai là pháp vị lai, và pháp hiện tại là pháp hiện tại. Là chấp trước nếu người ta lập thành quan niệm rằng có người thuộc thửa Bồ-tát tạo được khôi công đức rất lớn qua sự phát sinh đầu tiên ý nghĩ về giác ngộ.

Thích-đè: Bằng cách nào, ngài Tu-bồ-đè thánh thiện, ý nghĩ về

giác ngộ trở thành nguồn gốc của chấp trước?

Tu-bồ-đè: Người ta trở nên chấp trước khi người ta nhận thức ý nghĩ về giác ngộ này là ‘đây là ý nghĩ đầu tiên về giác ngộ,’ và nếu người ta cải hóa nó thành giác ngộ viên mãn trong khi ý thức rằng người ta làm như vậy. Vì hoàn toàn không thể chuyển bản tánh chính yếu của ý nghĩ. Vì thế người ta nên giữ sự hòa hợp với chân tướng khi bảo người khác thấy cái tối thượng, và phần khích họ đạt giác ngộ vô thượng. [191] Bằng cách ấy người ta không lãng phí tự kỷ, và cách người ta phần khích người khác đạt cái tối thượng có sự thừa nhận của các Phật. Và người ta thành công trong sự buông bỏ tất cả những điểm chấp trước.

Thé Tôn: Nói hay đây, Tu-bồ-đè, ông làm cho các Bồ-tát ý thức những điểm chấp trước. Bây giờ tôi sẽ công bố những chấp trước khác, vi tế hơn. Hãy lắng nghe kỹ, chú ý kỹ. Tôi sẽ dạy các ông.

“Nói hay, Ôi Thé Tôn,” và Tôn giả *Tu-bồ-đè* lắng nghe trong im lặng.

Thé Tôn: Ở đây, Tu-bồ-đè, người con trai hay người con gái của một gia đình thiện lương, theo dõi Như Lai qua một tướng. Nhưng, rất nhiều tướng, rất nhiều chấp trước. Vì chấp trước từ tướng đến. Như thế người ấy ý thức rằng mình hoan hỉ trong tất cả các pháp không rỉ lậu của chư Phật và chư Thé Tôn quá khứ, vị lai và hiện tại, và sau khi hoan hỉ, người ấy chuyển thiện căn mà nó kết hợp với hành động hoan hỉ của người ấy thành giác ngộ viên mãn. Tuy nhiên, thực ra chân tánh của các pháp không phải quá khứ, không phải vị lai, cũng không phải hiện tại; nó hoàn toàn nằm bên ngoài ba thời; và vì lý do đó không thể cải hóa nó được, không thể xem nó là một tướng, hay một trợ duyên khách quan, và không thể thấy, hay nghe, hay cảm, hay biết nó. [192]

3. KHÔNG CHẤP TRƯỚC

Tu-bồ-đè: Thâm sâu là yếu tánh của các pháp.

Thé Tôn: Bởi vì nó ly cách.

Tu-bồ-đè: Thâm sâu là yếu tánh của bát-nhã ba-la-mật.

Thé Tôn: Bởi vì yếu tánh của nó thanh tịnh và ly cách, vì thế bát-nhã ba-la-mật có yếu tánh thâm sâu.

Tu-bồ-đề: Ly cách là yếu tánh của bát-nhã ba-la-mật. Con kính bái bát-nhã ba-la-mật.

Thé Tôn: Tất cả các pháp cũng ly cách trong yếu tánh của chúng. Và sự ly cách yếu tánh của tất cả các pháp đồng nhất với bát-nhã ba-la-mật. Vì Như Lai biết đầy đủ tất cả các pháp bất tạo.

Tu-bồ-đề: Vì thế tất cả các pháp có đặc tính không được Như Lai biết đầy đủ ư?

Thé Tôn: Ấy chỉ là qua yếu tánh của chúng mà các pháp ấy không phải là một cái gì đó. Bởi vì tất cả các pháp có một tướng duy nhất, đó là không tướng. Vì lý do này mà tất cả các pháp có đặc tính không được Như Lai biết một cách đầy đủ. Vì không có hai tánh của pháp, nhưng chỉ một tánh duy nhất là tánh của tất cả các pháp. Và tánh của tất cả các pháp là không tánh, và không tánh là tánh của tất cả các pháp. Như thế tất cả các điểm chấp trước được bỏ đi. [193]

Tu-bồ-đề: Thâm sâu, Ôi Thé Tôn, là bát-nhã ba-la-mật này.

Thé Tôn: Thâm sâu như hư không thâm sâu.

Tu-bồ-đề: Khó hiểu, Ôi Thé Tôn, là bát-nhã ba-la-mật này.

Thé Tôn: Bởi vì không một cái gì được người giác ngộ hiểu đầy đủ.

Tu-bồ-đề: Không thể nghĩ bàn, Ôi Thé Tôn, là bát-nhã ba-la-mật này.

Thé Tôn: Bởi vì bát-nhã ba-la-mật không phải là một cái gì mà ý nghĩ phải biết, hay ý nghĩ có lối vào.

Tu-bồ-đề: Bát-nhã ba-la-mật không phải là cái được tạo ra, Ôi Thé Tôn.

Thé Tôn: Bởi vì không một tác nhân nào có thể nhận biết được.

Tu-bồ-đề: Vậy thì trong những hoàn cảnh này, một Bồ-tát nên theo đuổi như thế nào trong bát-nhã ba-la-mật?

Thé Tôn: Một Bồ-tát theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật, nếu trong khi theo đuổi, ông ấy không theo đuổi trong các uẩn; hay nếu ông ấy không theo đuổi trong tin quyết rằng các uẩn là vô thường,

hay chúng rỗng không, hay chúng không khiêm khuyết cũng không hoàn hảo [194]. Và nếu ông ấy không theo đuổi trong tin quyết rằng sắc không phải là sự khiêm khuyết hay sự hoàn hảo của sắc, với các uẩn khác cũng thế, thì ông ấy theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật.

Tu-bồ-đề: Kỳ diệu, Ôi Thé Tôn, là những lý do chấp trước và không chấp trước của các Bồ-tát được giải thích khéo làm sao.

Thé Tôn: Người ta theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật nếu người ta không theo đuổi trong ý kiến rằng sắc có chấp trước, hay không có chấp trước. Và như sắc, các uẩn khác, nhãn căn, v.v..., cũng vậy, đến thọ sinh ra từ sự tiếp xúc của mắt; các pháp (the physical elements), sáu ba-la-mật, ba mươi bảy giác chi, các lực, các vô úy, các trí phân tích, mười tám pháp bất cộng, và các quả của đời sống phạm hạnh, từ quả Nhập lưu đến nhất thiết trí. [195] Khi theo đuổi như vậy, một Bồ-tát không sinh ra chấp trước vào bất cứ cái gì, từ sắc đến nhất thiết trí. Vì nhất thiết trí thì không chấp trước, nó không có buộc cũng có không mở, và không có gì hiện lên trên nó. Nó là như thế, này Tu-bồ-đề, Bồ-tát đó nên theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật qua vươn lên hoàn toàn trên tất cả mọi chấp trước. [196]

4. NHƯ HƯ KHÔNG HAY TIẾNG VANG

Tu-bồ-đề: Kỳ diệu, Ôi Thé Tôn, là pháp này thâm sâu biết bao, con muốn nói bát-nhã ba-la-mật. Chứng minh không làm nó giảm hay tăng. Không chứng minh cũng không làm nó giảm hay tăng.

Thé Tôn: Nói hay, Tu-bồ-đề. Là một Như Lai nên trong suốt đời nói lời ca ngợi hư không, do đó không làm tăng dung lượng của hư không; và hư không cũng không giảm trong khi ngài ấy không nói lời ca ngợi nó. Hay như với một người huyễn. Ca ngợi không thâm nhập y cũng không thắng phục y. Khi không có ca ngợi, y không bị tác động hay thất vọng. Cũng vậy, chân tánh của các pháp cũng chỉ đến chừng đó, dù nó được chứng minh hay không.

Tu-bồ-đề: Người làm việc khó là vị Bồ-tát, trong khi theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật, không chán nản cũng không phán khởi; kiên trì nỗ lực vì nó và không quay lưng bỏ đi. Sự phát triển bát-

nhã ba-la-mật giống như sự phát triển hư không. Nên kính lẽ các vị Bồ-tát được trang bị chiếc áo giáp này. Vì họ muốn được trang bị bằng hư không, vì chúng sinh, họ mặc chiếc áo giáp ấy. Được trang bị chiếc áo giáp vĩ đại là một Bồ-tát, một vị anh hùng là một Bồ-tát, khi người ấy muốn được trang bị một chiếc áo giáp, và đạt được giác ngộ viên mãn, vì chúng sinh giống như hư không, giống như pháp giới. Ngài ấy là người muốn giải thoát hư không, là người muốn loại bỏ hư không, là người đã đạt được chiếc áo giáp đại tinh tấn ba-la-mật. [197] Bồ-tát ấy được trang bị chiếc áo giáp ấy vì chúng sinh giống như hư không, giống như Pháp giới.

Vì thế *một vị tỳ-kheo nào đó* vái chào đức Thế Tôn: Con kính lẽ, Ôi Thế Tôn, bát-nhã ba-la-mật! Vì nó không sinh cũng không diệt bất cứ pháp nào.

Thích-đè: Nếu có người, thưa ngài Tu-bồ-đề thánh thiện, nỗ lực vì bát-nhã ba-la-mật này, người ấy nỗ lực vì cái gì?

Tu-bồ-đề: Người ấy nỗ lực vì hư không. Người ấy nỗ lực chỉ vì cái trống không nếu người ấy quyết định tu luyện trong bát-nhã ba-la-mật hay thực hành nó.

Thích-đè: Xin hãy, Ôi Thế Tôn, ra lệnh cho tôi che chở, bênh vực và bảo vệ người con trai hay người con gái đó của gia đình thiện lương mang trong tâm bát-nhã ba-la-mật này!

Tu-bồ-đề: Thưa ngài Thích-đè, ngài có thể thấy được cái pháp mà ngài có ý muốn che chở, bênh vực và bảo vệ không?

Thích-đè: Không thể như vậy, thưa ngài Tu-bồ-đề thánh thiện.

Tu-bồ-đề: Như vậy khi một Bồ-tát trụ trong bát-nhã ba-la-mật như nó được xiển dương, thì đó sẽ là sự che chở, bênh vực và bảo vệ của ngài ấy. Mặt khác, khi ngài ấy không có trong bát-nhã ba-la-mật, [198] thì những người và ma đó tìm lối vào sẽ có được lối vào ngài ấy. Tuy nhiên, người ta muốn sắp xếp sự che chở, bênh vực và bảo vệ cho hư không nếu người ta muốn sắp xếp sự che chở, bênh vực và bảo vệ cho một Bồ-tát theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật. Ý ngài thế nào, ngài Kiều-thi-ca, ngài có thể sắp xếp sự che chở, bênh vực và bảo vệ cho một tiếng vang?

Thích-đè: Không thể như vậy, thưa ngài Tu-bồ-đề thánh thiện.

Tu-bồ-đề: Cũng vậy một Bồ-tát, theo đuổi và trú trong bát-nhã ba-la-mật, hiểu tất cả các pháp giống như tiếng vang. Ngài ấy không nghĩ về chúng, không phê bình, nhận diện, hay nhận thức về chúng, và ngài ấy biết rằng những pháp đó không hiện hữu, thực tướng của chúng không xuất hiện, không thể tìm được, không thể có được. Nếu ngài ấy trú như thế, ngài ấy theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật.

5. KẾT LUẬN

Vì thế, do thần lực của Phật, bốn Đại Thiên Vương trong Đại thiên thế giới, và tất cả các Thích-đè, các Thiên đế, và tất cả các thần Đại Phạm-thiên, và Sahapati, Đại Phạm-thiên – tất cả đến chỗ Thé Tôn. Họ lễ bái dưới chân Thé Tôn đầu chạm đất, bước đi ba vòng quanh Thé Tôn, và đứng sang một bên. Nhờ thần lực của Phật và thần thông của ngài, tâm họ có ấn tượng do thấy cảnh ngàn Phật. [199]

Trong những lời này, các tỳ-kheo kêu gọi Tu-bồ-đề, v.v..., xin hiển dương chính bát-nhã ba-la-mật này, chính chương này của bát-nhã ba-la-mật. Với sự tham chiếu, các Thiên đế Thích-đè hỏi những câu hỏi và những câu phản vấn. Chỉ bát-nhã ba-la-mật này đã được dạy ở chính chỗ này. Bồ-tát Di-lặc, bậc đại sĩ, sau khi đạt giác ngộ viên mãn, cũng sẽ dạy chính bát-nhã ba-la-mật này, ngay tại chỗ này.

Chương IX

TÁN THÁN

1. BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT HOÀN TOÀN THANH TỊNH

Tu-bồ-đề: Gọi nó là ‘bát-nhã ba-la-mật,’ Ôi Thế Tôn, chỉ là cho nó một cái tên. Và cái gì tương ứng với cái tên đó thì bát khả đắc. Ngay cả bát-nhã ba-la-mật này cũng không thể tìm thấy hay đạt được. Cho đến đây nó cũng chỉ là một chữ. Không có sự nhị nguyên nào của các pháp giữa hai cái đó có thể tìm thấy hay đạt được. Vậy thì vì lý do gì Bồ-tát Di-lặc, bậc đại sĩ, sau khi đạt được giác ngộ viên mãn, cũng sẽ dạy chính bát-nhã ba-la-mật này ngay tại chỗ này, cũng bằng những lời này?

Thế Tôn: Lý do là Di-lặc sẽ giác ngộ viên mãn vì sự thật là các uẩn chẳng phải thường cũng chẳng phải vô thường, chúng chẳng buộc cũng chẳng mở, chúng tuyệt đối thanh tịnh.

Tu-bồ-đề: Quả thực bát-nhã ba-la-mật hoàn toàn thanh tịnh. [201]

Thế Tôn: Bát-nhã ba-la-mật hoàn toàn thanh tịnh bởi vì các uẩn thanh tịnh, và bởi vì sự bát sinh của chúng hoàn toàn thanh tịnh, sự bát đoạn của chúng, sự không ô nhiễm và không thanh tịnh của chúng [hoàn toàn thanh tịnh]. Nó thanh tịnh bởi vì hư không thanh tịnh và bởi vì các uẩn không câu ué, và các lực ô nhiễm không thể nắm giữ chúng được. Bát-nhã ba-la-mật hoàn toàn thanh tịnh bởi vì, giống như hư không và tiếng vang, không thể nói được, không thể giao thiệp được, và không cống hiến một căn bản nào để nhận biết. Nó hoàn toàn thanh tịnh bởi vì nó không bị bắt cứ pháp nào, câu ué hay không câu ué, che phủ.

2. NHỮNG ẢNH HƯỞNG CỦA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

Tu-bồ-đề: Ấy quả thực là sự được nhiều đối với những người con trai và con gái này của gia đình thiện lương đến nghe bát-nhã

ba-la-mật này. Còn nhiều hơn thế nếu họ nhận lấy, mang nó trong tâm, lặp đi lặp lại, nghiên cứu, truyền bá, giảng dạy, giải thích, và làm chủ nó. Mắt, tai, mũi, lưỡi, và thân họ, sẽ không có bệnh, và tâm họ sẽ không mê mờ. Họ sẽ không chết dữ. Nhiều ngàn thiên (thần) sẽ đi theo gần họ ở phía sau. [202] Vào các ngày mồng tám, mười bốn và rằm, bất cứ ở đâu, người con trai hay người con gái của gia đình thiện lương dạy bát-nhã ba-la-mật này, ở đó người ấy được công đức rất nhiều.

Thé Tôn: Đúng vậy, Tu-bồ-đề. Nhiều ngàn thiên (thần), Tu-bồ-đề, sẽ đi theo gần ở phía sau người con trai hay con gái đó của gia đình thiện lương, và nhiều ngàn thiên (thần) sẽ đến chỗ [người] dạy bát-nhã ba-la-mật. Ham muốn nghe pháp, tất cả họ sẽ bảo vệ người thuyết giảng pháp dạy bát-nhã ba-la-mật này. Vì bát-nhã ba-la-mật là vật quý nhất trong thế giới với chư thiên, người và a-tu-la. Đó cũng là lý do tại sao một người như thế tạo ra rất nhiều công đức. Mặt khác, sẽ có nhiều chướng ngại cho việc viết, nhận lấy, mang trong tâm, lặp đi lặp lại, nghiên cứu, truyền bá, giải thích và niệm bát-nhã ba-la-mật thâm sâu này. Vì những vật quý nhất khởi lên nhiều thù nghịch. Chúng càng tuyệt vời, sự thù nghịch càng dữ dội. Nhưng đây là cái quý nhất trên toàn thế giới, bát-nhã ba-la-mật này, đã được dựng lên và gánh vác lợi ích và hạnh phúc thế gian, bằng cách cho thấy rằng tất cả các pháp không sinh cũng không diệt, không uế cũng không tịch. [203] Nhưng bát-nhã ba-la-mật không bám vào bất cứ pháp nào, không làm ô nhiễm bất cứ pháp nào, cũng không hộ trì bất cứ pháp nào. Vì tất cả các pháp này không hiện hữu cũng không khả đắc. Bởi vì được nhận biết, bát-nhã ba-la-mật không có cấu uế. ‘Không cấu uế,’ thì cũng đồng với bát-nhã ba-la-mật. Và bởi vì các uẩn không cấu uế mà bát-nhã ba-la-mật không cấu uế. Một Bồ-tát theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật nếu ngài ấy không nhận thức ngay cả điều đó. Hơn nữa, bát-nhã ba-la-mật này không vào hay tự đặt mình vào bất cứ pháp nào, nó không tiết lộ hay định rõ bất cứ pháp nào, nó không đem lại hay mang theo bất cứ pháp nào.

3. CUỘC CHUYỀN BÁNH XE PHÁP THỨ NHÌ

Vì thế, rất nhiều ngàn thiên (thần) trong cõi trung thiên đã gọi lớn với nhiều tiếng la hoan hỉ, vỗ y phục, và nói: Bây giờ chúng tôi quả thật thấy cuộc chuyển bánh xe pháp thứ nhì xảy ra ở Diêm-phu-đè!

Thé Tôn: Tu-bồ-đề, đây không phải là cuộc chuyển bánh xe pháp thứ nhì. Không pháp nào có thể chuyển tới hay lui. Đây chỉ là bát-nhã ba-la-mật của một Bồ-tát. [204]

Tu-bồ-đề: Vĩ đại là bát-nhã ba-la-mật này của một Bồ-tát, không chấp trước tất cả các pháp, muốn biết giác ngộ viên mãn, song chưa giác ngộ bất cứ pháp nào, hay sẽ chuyển bánh xe pháp nhưng sẽ không để lộ ra bất cứ pháp nào. Vì không pháp nào để đạt ở đây, không pháp nào để chỉ ra, không pháp nào tiếp tục đến pháp nào. Cũng không pháp nào quay lại bất cứ pháp nào khác. Bởi vì ngay từ đầu tất cả các pháp là bất sinh, vì yếu tánh của chúng là ly cách.

Thé Tôn: Đúng vậy, Tu-bồ-đề. Vì không chẳng tới cũng chẳng lui, và điều đó cũng tốt cho Vô tướng và Vô nguyện. Chứng minh điều đó là chứng minh tất cả các pháp. Nhưng không ai chứng minh nó, không ai nghe nó, không ai nhận nó, và không ai chứng ngộ nó trong quá khứ, hiện tại hay vị lai. Cũng không do sự chứng minh pháp này khiến cho bất cứ người nào đến Niết-bàn. Cũng không do sự chứng minh pháp này khiến cho bất cứ người nào xứng đáng với phẩm vật [tạo ra]. [205]

4. CÁCH THỨC VÀ PHẨM TÍNH CỦA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

Tu-bồ-đề: Đây là ba-la-mật của cái gì không có [hiện hữu], bởi vì hư không không phải là một cái gì là [hiện hữu]. Đây là bát-nhã ba-la-mật bình đẳng với những cái không bình đẳng, bởi vì tất cả các pháp giống nhau trong đó [vì bất sinh] chúng bất khả tri. Đây là bát-nhã ba-la-mật ly cách, của cứu cánh không. Ba-la-mật này không thể bị nghiền nát, bởi vì tất cả các pháp đều không được nhận

biết. Đây là ba-la-mật không dấu vết, bởi vì cả thân và tâm đều vắng mặt. Đây là ba-la-mật không có tự tánh, bởi vì nó không đến cũng không đi. Ba-la-mật này không thể diễn tả được, bởi vì tất cả các pháp không phân biệt. Ba-la-mật này không có tên, bởi vì các uẩn không nhận biết được. Ba-la-mật này không đi mất, bởi vì không một pháp nào từng đi mất. Người ta không thể dự phần ba-la-mật này, bởi vì không một pháp nào thể nắm giữ được. Bát-nhã ba-la-mật này vô tận, vì nối kết với pháp vô tận. Ba-la-mật này không có khởi nguyên, bởi vì không một pháp nào thực sự xảy ra. Đây là ba-la-mật không làm gì cả, bởi vì không tác nhân có thể nhận biết được. Ba-la-mật này không phát sinh [tri kiến] bất cứ vật gì, bởi vì tất cả các pháp đều không có ngã. Ba-la-mật này không truyền lại, bởi vì không có khởi nguyên của chết và tái sinh. Ba-la-mật này không rèn luyện, bởi vì các thời kỳ quá khứ, vị lai và hiện tại không nhận biết được. Đây là ba-la-mật của mộng, hưởng, ảnh phản chiếu, bóng nước trong sa mạc, hư huyền, bởi vì nó cho biết tin về bất sinh. Ba-la-mật này không có ô nhiễm, bởi vì tham, ghét và mê hoặc không có tự tánh. Ba-la-mật này không biết thanh tịnh, bởi vì không một pháp khí khả hữu nào có thể nhận biết được. Ba-la-mật này không tì vết, bởi vì hư không không tì vết. [206] Ba-la-mật này không có ngăn ngại, bởi vì nó hoàn toàn vươn lên trên tất cả mọi thái độ của tâm đối với các pháp. Ba-la-mật này không có một thái độ nào của tâm, bởi vì nó bất động. Ba-la-mật này không thể lay chuyển, do sự kiên định của pháp giới. Ba-la-mật này từ bỏ tham, bởi vì trong pháp không có sự sai lầm trong các pháp. Ba-la-mật này không hiện lên, bởi vì trong pháp không có phân biệt. Ba-la-mật này tịch tĩnh, bởi vì trong tất cả các pháp không một tướng nào được nhận biết. Ba-la-mật này không có lỗi, vì là ba-la-mật của tất cả các đức hạnh. Ba-la-mật này không ô nhiễm, bởi vì tướng tượng là cái không hiện hữu. Không tìm được một chúng sinh nào trong ba-la-mật này, bởi vì giới hạn của thực tại. Ba-la-mật này không có giới hạn, bởi vì sự thị hiện của tất cả các pháp không khởi lên. Ba-la-mật này không theo sau tính nhị nguyên đối đai, bởi vì nó không an định nơi tất cả các pháp. Ba-la-mật này không phân

biệt, bởi vì tất cả các pháp không phân biệt. Ba-la-mật này không lu mờ, bởi vì nó không có bất cứ mong muốn nào đối với mức độ của Thanh văn và Duyên giác. Ba-la-mật này không phân biệt, bởi vì tính đồng nhất căn bản của tất cả phân biệt. Ba-la-mật này vô cùng, bởi vì tánh của pháp không giới hạn. Ba-la-mật nay không chấp trước, bởi vì tính không chấp trước của nó đối với tất cả các pháp. Vô thường là ba-la-mật này, bởi vì tất cả các pháp không giới hạn. Xấu ác là bát-nhã ba-la-mật này, bởi vì tánh của pháp đồng với hư không. Rỗng không là ba-la-mật này, bởi vì tất cả các pháp đều không nhận biết được. Vô ngã là ba-la-mật này, bởi vì không có sự an định trong tất cả các pháp. Vô tướng là ba-la-mật này, bởi vì không có sự sinh lại trong pháp. [207] Đây là ba-la-mật của toàn bộ tánh không, bởi vì vô tận và vô biên. Đây là ba-la-mật của các giác chi, như thế là những trụ cột chánh niệm, v.v..., bởi vì chúng là không thể nhận biết được. Đây là ba-la-mật của Không, của Vô tướng, của Vô nguyễn, bởi vì ba cửa giải thoát là bất khả tri. Đây là ba-la-mật của tám giải thoát, bởi vì chúng là bất khả tri. Đây là ba-la-mật của chín trạm dừng kế tiếp, bởi vì thiền thứ nhất, v.v..., là bất khả tri. Đây là ba-la-mật của bốn Thánh đế, bởi vì bệnh, v.v..., là bất khả tri. Đây là ba-la-mật của mười ba-la-mật, bởi vì bố thí, v.v..., là bất khả tri. Đây là ba-la-mật cả mười lực, bởi vì nó không thể bị nghiền nát. Đây là ba-la-mật của bốn vô úy, bởi vì tuyệt đối nó không thể bị làm cho sợ. Đây là ba-la-mật của các trí phân tích, bởi vì nó không bị chướng ngại khi không chấp trước nhất thiết trí. Đây là ba-la-mật của tất cả các pháp bất cộng, bởi vì chúng siêu việt tất cả sự đếm. Đây là ba-la-mật Chân như của Như Lai, bởi vì không có sự sai trong tất cả các pháp. Đây là ba-la-mật của Tự hữu, bởi vì tất cả các pháp không có tự tánh. Bát-nhã ba-la-mật này là ba-la-mật tri kiến của nhất thiết trí, bởi vì nó biết tất cả mọi cách thức tự tánh của tất cả các pháp.

Chương X

CÔNG BỐ CÁC PHẨM TÍNH MANG TRONG TÂM

1. NHỮNG HÀNH VI QUÁ KHÚC VÀ THÁI ĐỘ HIỆN TẠI ĐỐI VỚI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

Vì thế *Dé-thích*, Thiên-đế, nghĩ: Những người đến nghe bát-nhã ba-la-mật này phải là những người đã thực hiện bốn phận của họ dưới nhiều bậc Chiến Thắng, đã tròng thiện căn dưới nhiều vị Phật, đã được thiện tri thức hộ trì. Còn nhiều hơn thế là những người họ nhận bát-nhã ba-la-mật này mang nó trong tâm, tham cùu, truyền bá và giải thích nó, và hơn nữa là những người tu luyện trong Như, tiến đến Như, nỗ lực vì Như. Họ được phú bẩm nhiều hơn là những thiện căn ít giá trị. Họ sẽ là những người đã tôn vinh nhiều vị Phật, đã tham vấn hết lần này đến lần khác. Ấy đúng là bát-nhã ba-la-mật này mà họ đã nghe trong quá khứ trước sự hiện diện của các Như Lai trước kia. Họ đã tròng thiện căn dưới nhiều vị Phật, [209] những người con trai và con gái ấy của gia đình thiện lương, ngay khi được dạy, giải thích và lặp đi lặp lại, họ sẽ không trở nên sợ hay vô cảm, sẽ không trở nên thất vọng hay buồn rầu, sẽ không hướng tâm đi chỗ khác hay chịu đau đớn, sẽ không run, sợ, hay kinh hãi.

Xá-lợi-phát đọc được những ý nghĩ của Thích-đè, và nói: Giống như một Bồ-tát bất thối chuyển nên xem người ấy, khi được dạy và giải thích cho chính bát-nhã ba-la-mật thâm sâu này, có niềm tin nơi nó, và tin cậy, tin vững chắc, tâm người ấy đầy niềm tin tịch tĩnh, phát tâm trực tiếp hướng về giác ngộ, chấp nhận, v.v..., bát-nhã ba-la-mật này, tu luyện trong Như, tiến đến Như, nỗ lực vì Như. Vì bát-nhã ba-la-mật này thâm sâu, Ôi Thế Tôn, và do đó có người với thiện căn nhỏ bé, không chịu tham vấn, không học được gì khi mặt đối mặt với các Phật và các Thế Tôn trong quá khứ, và không tu luyện trong quá khứ, ở đây không thể tin bát-nhã ba-la-mật thâm sâu này. Và về những người không tin nó cũng không hiểu nó, và

những người quyết định từ chối nó, [210] trong quá khứ họ cũng đã từ chối bát-nhã ba-la-mật này khi được dạy cho, do đó không xứng đáng với thiện căn của họ. Đối với những người không có tu luyện trong quá khứ không thể tin bát-nhã ba-la-mật này. Bây giờ khi họ từ chối nó, họ cũng đã từ chối nó trong quá khứ. Và đó là lý do tại sao, khi được dạy cho bát-nhã ba-la-mật này, họ không có niềm tin, hay kiên nhẫn, hay thích thú, hay muốn làm, hay khí lực, hay thận trọng, hay quyết tâm. Và trong quá khứ họ cũng không tham hỏi các Phật, các Thê Tôn, hay đệ tử của các ngài.

Đé-thích: Thâm sâu, Ôi ngài Xá-lợi-phất thánh thiện, là bát-nhã ba-la-mật. Ấy chẳng có gì phải kinh ngạc, khi người ta dạy nó, một Bồ-tát không tin nó, nếu ngài ấy không tu tập trong quá khứ.

Rồi *Đé-thích* nói với Thê Tôn: Tôi kính lễ, Ôi Thê Tôn, bát-nhã ba-la-mật! Người ta kính lễ tri kiến của nhất thiết trí khi người ta kính lễ bát-nhã ba-la-mật.

Thê Tôn: Đúng vậy. Vì nhất thiết trí của chư Phật, chư Thê Tôn, đến từ đó, [211] và ngược lại, bát-nhã ba-la-mật là cái sinh ra từ tri kiến của nhất thiết trí. Đó là lý do tại sao chúng ta nên theo đuổi, trụ lại, tiến tới, và nỗ lực trong bát-nhã ba-la-mật này.

Thích-đè: Làm sao một Bồ-tát, người theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật, trở thành người trụ trong bát-nhã ba-la-mật? Làm sao ngài ấy nỗ lực trong bát-nhã ba-la-mật?

Thê Tôn: Nói hay, nói hay, này Kiều-thi-ca. Nói hay, lại nói hay, Kiều-thi-ca, vì ông đã quyết định hỏi Như Lai về vấn đề này. Trong chuyện đó ông đã được thần lực của Phật hưng khởi. Ở đây, này Kiều-thi-ca, một Bồ-tát theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật không trụ trong sắc, .v..., không trụ trong quan niệm ‘đây là sắc, v.v...’ và đó có nghĩa là ông ấy nỗ lực vì sắc, v.v... Ông ấy không áp dụng cho mình quan niệm ‘đây là sắc, v.v...’ Cho đến đây ông ấy không áp dụng cho mình quan niệm ‘đây là sắc, v.v...’ ông ấy không trụ trong quan niệm ‘đây là sắc, v.v...’ [212] Như thế ông ấy trở thành người trụ trong bát-nhã ba-la-mật, như thế ông ấy nỗ lực.

Xá-lợi-phất: Thâm sâu, Ôi Thê Tôn, là bát-nhã ba-la-mật. Khó nắm bắt là bát-nhã ba-la-mật. Vô hạn là bát-nhã ba-la-mật.

Thé Tôn: Đúng vậy, Xá-lợi-phát. Ông ấy không trụ trong quan niệm ‘sắc, v.v... thì thâm sâu.’ Cho đến đây ông ấy không nỗ lực, ông ấy không trụ trong quan niệm này ông ấy nỗ lực vì sắc, v. v... Ông ấy không nỗ lực vì quan niệm ‘sắc, v.v... thâm sâu.’ Cho đến đây ông ấy không nỗ lực vì quan niệm này ông ấy không trụ trong quan niệm ‘sắc, v.v..., thâm sâu.’

2. NHỮNG PHẨM HẠNH XỨNG ĐÁNG CỦA BỒ-TÁT CÓ ĐƯỢC BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

Xá-lợi-phát: Trước một Bồ-tát bất thối chuyển, một Bồ-tát được thọ ký giác ngộ, nên dạy bát-nhã ba-la-mật thâm sâu. Vì ngài ấy sẽ không do dự, không nghi ngờ, không mê mờ, không tranh biện nó. [213]

Thích-đè: Dạy bát-nhã ba-la-mật này trước một Bồ-tát chưa được thọ ký thì có lỗi gì?

Xá-lợi-phát: Ngài Kiều-thi-ca, nếu chưa được thọ ký, một Bồ-tát được bát-nhã ba-la-mật này, vì thị kiến, sùng bái và nghe, và nếu ngài ấy vẫn không sợ khi nghe nó, thì có thể chắc chắn rằng ngài ấy từ xa đến, lên đường đã lâu trên xe, và thiện căn của ngài ấy đã khéo được thuần thực. Từ giờ trở đi cho đến khi ngài ấy thọ nhận sự thọ ký giác ngộ viên mãn sẽ không còn lâu nữa. Có thể chắc chắn rằng sự thọ ký đó sẽ gần, và sẽ đến với ngài ấy trước khi ngài ấy đi qua một, hai hay ba Nhu Lai. Và dĩ nhiên, ngài ấy sẽ làm hài lòng các Nhu Lai mà ngài ấy đi qua, sẽ làm hài lòng họ vĩnh viễn, và ngài ấy sẽ thấy thị kiến của các Nhu Lai đó sẽ kết quả thọ ký, và sẽ đưa ngài ấy đến sự thọ ký giác ngộ viên mãn. Từ xa đến, Ôi Thé Tôn, lên đường đã lâu trên xe đại thừa, với thiện căn khéo được thuần thực là vị Bồ-tát được bát-nhã ba-la-mật này vì thị kiến, tán thán, sùng bái và nghe. Còn nhiều hơn thế nếu ngài ấy không chỉ nghe, mà còn chấp nhận nó, [214] mang nó trong tâm, thuyết giảng, nghiên cứu, truyền bá, giải thích và tụng niệm nó.

Thé Tôn: Đúng vậy, Xá-lợi-phát, như ông nói.

3. NĂM TỈ DỤ MINH HỌA SỰ GẦN VỚI GIÁC NGỘ VIÊN MÃN

Xá-lợi-phát: Một tỉ dụ hay thí dụ lóe vào tâm con, Ôi Thê Tôn. Như vậy chúng ta có thể chắc chắn rằng một người thuộc thừa Bồ-tát, khi người ấy mộng thấy mình ngồi ở bồ-đề đạo tràng, thực tế là gần giác ngộ viên mãn; như vậy chúng ta có thể chắc chắn rằng người làm tròn các duyên vừa được nói qua đã từ xa đến, lên đường đã lâu trên xe Bồ-tát, và gần sự thọ ký giác ngộ. Chúng ta có thể chắc chắn rằng các Phật, các Thê Tôn, sẽ thọ ký [215] Bồ-tát này đạt giác ngộ viên mãn. Vì một Bồ-tát lên đường đã lâu trên xe, và thiện căn đã thuần thực, nếu ngài ấy được bát-nhã ba-la-mật thâm sâu này, dù cho ngài ấy không được gì khác hơn nghe nó. Còn nhiều hơn thế nữa nếu ngài ấy cũng mang nó trong tâm, v.v..., đến: niêm nó. Vì ý nghĩ của những chúng sinh không có nhiều nghiệp tích lũy dẫn dắt đến sự làm bại hoại pháp sẽ trở nên góm ghét bát-nhã ba-la-mật thâm sâu này, sẽ lánh xa nó. Do có nhiều nghiệp đó những chúng sinh không tích tập thiện căn sẽ không thấy thỏa mãn hay tin biện té của thực tại này. Nhưng những chúng sinh thấy thỏa mãn và tin nó là những người có tích tập các thiện căn, đã khéo tích tập chúng.

Một người ra khỏi khu rừng hoang khổng lồ, lớn một trăm dặm, lên đến một ngàn dặm, có thể thấy những dấu hiệu nào đó chỉ một thị trấn, hay một nơi không có chỗ trú ngụ, – như là những đàn bò, hay trại chăn nuôi, hay những đường biên giới, hay những khu vườn, hay những lùm cây. [216] Từ những dấu hiệu đó người ấy sẽ suy luận độ gần của một nơi có người ở. Người ấy cảm thấy hạnh phúc hơn, và bọn cướp không làm người ấy lo lắng nữa. Cũng vậy, đối với một Bồ-tát mà bát-nhã ba-la-mật này hiện lên nên biết rằng ngài ấy hoàn toàn gần với giác ngộ vô thượng, không bao lâu nữa ngài ấy sẽ nhận sự thọ ký. Ngài ấy cũng sẽ không còn sợ hàng Thanh văn và Duyên giác. Vì dấu hiệu này đã xuất hiện trước ngài ấy, nghĩa là, ngài ấy thọ nhận bát-nhã ba-la-mật thâm sâu này, vì thi kiến, tán thán, sùng bái, và nghe.

Thé Tôn: Đúng vậy, Xá-lợi-phát. Mong ông cũng làm sáng tỏ đoạn này. Vì những gì ông nói, và những gì ông sẽ nói, là nhờ thần lực của Phật.

Xá-lợi-phát: Một người muôn thấy biển lớn, có thể du hành đến đó. Bao lâu trên đường du hành người ấy còn thấy cây, hay dấu hiệu của cây, núi, hay dấu hiệu của núi, người ấy biết rằng biển lớn hãy còn xa. Nhưng khi không còn thấy cây hay núi nữa, thì người ấy biết rằng biển lớn vĩ đại rất gần ở đây. Vì biển lớn vĩ đại này dần dần lì dốc xuống, và bên trong nó không có cây hay núi. [217] Và mặc dù người ấy chưa thể thấy biển lớn vĩ đại ngay trước mắt mình, nhưng có thể hoàn toàn chắc chắn rằng biển lớn hoàn toàn gần, cách đây không xa lắm. Tương tự là trường hợp của vị Bồ-tát đã nghe bát-nhã ba-la-mật thâm sâu này. Ngài ấy biết rằng, mặc dù chưa mặt đối mặt với chư Như Lai, chưa được thọ ký giác ngộ viên mãn, tuy nhiên ngài ấy hoàn toàn gần sự thọ ký đó. Vì ngài ấy đã thọ nhận bát-nhã ba-la-mật thâm sâu này, vì thi kiến, tán thán, sùng bái và nghe.

Vào mùa xuân, Ôi Thé Tôn, khi lá của năm vừa qua héo tàn, người ta có thể thấy chồi non trên nhiều cây. Rồi người của Diêm-phù-đè sẽ vui mừng, bởi vì khi thấy những dấu hiệu này trong rừng cây, họ biết rằng hoa và trái cũng sẽ sớm hiện ra. Vì họ thấy những dấu hiệu này trên các cây. Cũng vậy, Ôi Thé Tôn, người ta có thể chắc chắn rằng một Bồ-tát khi thọ nhận bát-nhã ba-la-mật thâm sâu này, khi nó hiện lên vì ngài ấy, mà ngài ấy thuần thực các thiện căn của mình đã lâu. Ấy chỉ vì những thiện căn này hiện hữu, có được trong quá khứ, mà Bồ-tát ấy được ban cho bát-nhã ba-la-mật thâm sâu này. Lúc ấy chư thiên thấy các Phật quá khứ đều hoan hỉ, hân hoan và vô cùng hứng thú, bởi vì họ cảm thấy chắc chắn rằng không lâu Bồ-tát này sẽ nhận được thọ ký giác ngộ viên mãn, vì với các Bồ-tát quá khứ đây là những dấu hiệu sự thọ ký giác ngộ viên mãn của họ đang đến. [218]

Một người đàn bà, có thai với tử cung nặng nề, vặn vẹo, và hoàn toàn mệt mỏi, bà ấy không đi quanh nhiều, ăn ít, thấy ít yên ổn, nói ít, ít sức mạnh nhưng nhiều đau đớn, thường kêu la lớn và kỵ ở

chung theo thói quen. Bà ấy nhận thấy rằng mình trải qua tất cả những cảm giác không thích thú này nơi thân là kết quả của sự phóng túng trong sự chú ý không khôn ngoan trong quá khứ, thực hiện nó, phát triển nó, tạo ra nhiều thứ vì nó. Khi thấy những triệu chứng này nơi thân bà ấy, người ta có thể chắc chắn rằng không lâu bà ấy sẽ sinh một đứa con. Cũng vậy, đối với một Bồ-tát khi bát-nhã ba-la-mật hiện lên vì thị kiến, tán thán, sùng bái, và nghe, và nếu khi nghe nó, ý nghĩ của ngài ấy hoan hỉ noi nó, và ngài ấy không trở nên ham muốn nó, thì người ta có thể chắc chắn rằng không lâu ngài ấy sẽ nhận sự thọ ký giác ngộ viên mãn.

4. VÌ SAO CÁC BỒ-TÁT ĐƯỢC CHƯ PHẬT ƯU ÁI

Tu-bồ-đề: Thực kỳ diệu là được thấy mức độ mà chư Như Lai khéo hộ trì các Bồ-tát, khéo bảo bọc và ưu ái họ. [219]

Thé Tôn: Ấy là vì các Bồ-tát đó đã làm vì sự vui sướng và hạnh phúc của số nhiều, vì bi mẫn thế gian. Vì bi thương trời, người, vì lợi ích, sự vui sướng và hạnh phúc của đại chúng nên họ muốn đạt giác ngộ viên mãn, và từ đó chứng minh pháp vô thượng.

5. THÁI ĐỘ ĐÚNG ĐỐI VỚI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

Tu-bồ-đề: Về phần của một Bồ-tát theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật, sự phát triển của bát-nhã ba-la-mật trở nên gia tăng hoàn thiện như thế nào?

Thé Tôn: Một Bồ-tát theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật khi ông ấy không xét lại sự tăng hay giảm của sắc, v.v..., khi ông ấy không xét lại pháp hay vô pháp. Như vậy sự phát triển của bát-nhã ba-la-mật trở nên gia tăng hoàn thiện.

Tu-bồ-đề: Lời giải thích này chắc chắn không thể nghĩ bàn.

Thé Tôn: Bởi vì sắc không thể nghĩ bàn, các uẩn kia cũng vậy. Khi ông ấy không tưởng rằng sắc, v.v..., không thể nghĩ bàn, thì ông ấy theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật. [220]

Xá-lợi-phát: Ai nhiệt tâm tin vào bát-nhã ba-la-mật thâm sâu

này?

Thé Tôn: Vị Bồ-tát thực hành trong bát-nhã ba-la-mật.

Xá-lợi-phát: Một Bồ-tát trở nên thực hành như thế nào, và nghĩa của ‘thực hành’ là gì?

Thé Tôn: Ở đây vị Bồ-tát không kiến tạo các lực, cũng không kiến tạo các vô úy hay các pháp bất cộng, hay ngay cả cảnh giới nhất thiết trí. Bởi vì các lực là không thể nghĩ bàn, các vô úy cũng vậy, các pháp bất cộng cũng vậy, cảnh giới nhất thiết trí cũng vậy, và tất cả pháp cũng vậy. Khi thực hành như thế, một Bồ-tát không theo đuổi ở bất cứ nơi nào, thì ông ấy theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật. Vì lý do đó, ông ấy được gọi là ‘thực hành,’ và đó là nghĩa của chữ ‘thực hành.’

6. NHỮNG CHƯỚNG NGẠI ĐỐI VỚI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

Tu-bồ-đề: Thâm sâu, Ôi Thé Tôn, là bát-nhã ba-la-mật. Nó là một khối bảo vật. Nó là một khối thanh tịnh, thanh tịnh như hư không. Sẽ không ngạc nhiên nếu nhiều chướng ngại xuất hiện đối với người thọ nhận, v.v..., bát-nhã ba-la-mật này. [221]

Thé Tôn: Sẽ có nhiều chướng ngại cho sự nghiên cứu bát-nhã ba-la-mật này. Vì Ác Ma, sẽ có những nỗ lực to lớn gây khó khăn. Vì thế, nên nhanh lên mà sao chép nó. Nếu một người có một tháng, hay hai tháng, hay ba tháng để sao chép nó thì chỉ nên thực hiện việc sao chép. Nếu có một năm hay hơn, thì chỉ nên thực hiện việc sao chép bát-nhã ba-la-mật này [vì sau đó, hay trong thời gian đó có thể bị tất cả mọi thứ xen vào làm trở ngại]. Bởi vì sự thật là khi kính trọng những vật rất quý báu sẽ không có nhiều khó khăn xuất hiện.

Tu-bồ-đề: Ở đây, Ôi Thé Tôn, khi đang nghiên cứu bát-nhã ba-la-mật thì Ác Ma, sẽ tỏ ra cuồng nhiệt nhiều cách, tận lực gây khó khăn.

Thé Tôn: Dù thế [222] y không có sức tạo ra những chướng ngại thực sự cho một Bồ-tát đặt sự chú ý không phân chia của mình vào

phận sự của ông ấy.

7. VỊ BỒ-TÁT ĐƯỢC CHƯ PHẬT HỘ TRÌ

Xá-lợi-phát: Nếu, Ôi Thế Tôn, Ác Ma, quyết tâm gây chướng ngại cho việc nghiên cứu bát-nhã ba-la-mật này, làm sao ngay bây giờ người ta có thể thực sự nghiên cứu nó, và nhờ thần lực của ai họ có thể làm như vậy?

Thế Tôn: Ấy là nhờ thần lực của chư Phật và chư Thế Tôn, của chư Như Lai, mà họ nghiên cứu nó, và họ tạo tiến bộ tu luyện trong Như. Vì nó ở trong tánh của sự vật mà chư Phật, chư Thế Tôn tự trụ, giữ gìn và hộ trì chính các ngài trong vô lượng và vô số các thiên thế giới, sẽ ghi nhớ và hộ trì mọi người dạy [223] và nghiên cứu bát-nhã ba-la-mật này. Chư Phật sẽ ghi nhớ người ấy trong tâm và trợ giúp người ấy. Và hoàn toàn không thể gây chướng ngại cho người được chư Phật ghi nhớ và hộ trì.

Xá-lợi-phát: Ấy là nhờ thần lực của Phật, lực hộ trì và ân huệ của ngài mà các Bồ-tát nghiên cứu bát-nhã ba-la-mật thâm sâu này, tu luyện tiến bộ trong Như. [224]

Thế Tôn: Đúng vậy, Xá-lợi-phát. Họ được Như Lai biết đến, họ được Như Lai hộ trì và thấy, và Như Lai thấy họ bằng mắt Phật. Và những Bồ-tát đó nghiên cứu bát-nhã ba-la-mật này và tu luyện tiến bộ trong Như, Họ ở gần Như của giác ngộ vô thượng, và họ thăng bằng trong quyết định của họ đối với sự đạt giác ngộ viên mãn. Nếu họ chỉ nghiên cứu bát-nhã ba-la-mật này, không tu luyện tiến bộ trong Như, [225] họ sẽ không đứng thăng bằng trong Như trong giác ngộ vô thượng; tuy nhiên họ cũng được Như Lai biết đến, được Như Lai hộ trì và thấy, và Như Lai thấy họ bằng mắt Phật. Sự nghiên cứu liên tục bát-nhã ba-la-mật đó, và sự kích động tinh thần vì nó, sẽ có nhiều lợi ích cho họ, một lợi thế lớn, quả và báo. Vì nhắm vào thực tại tối hậu, bát-nhã ba-la-mật đã được dựng lập để tất cả chúng sinh thâm nhập pháp thực sự là gì.

8. TIÊN ĐOÁN SỰ TRUYỀN BÁ BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

Hơn nữa, các Kinh này kết hợp với sáu ba-la-mật, sau khi Như Lai ra đi, sẽ xuất hiện ở phương Nam. Từ phương Nam các Kinh sẽ truyền bá đến phương Đông, và từ đó đến phương Bắc – từ thời gian khi Pháp Luật Tạng⁵² giống như đè-hồ tươi mát mới được làm thành ngay vào thời kỳ thiện pháp biến mất. Lúc đó những người nghiên cứu và giữ gìn bát-nhã ba-la-mật này sẽ được Như Lai ghi nhớ; Như Lai sẽ biết, hộ trì và thấy họ, thấy họ bằng mắt Phật.

Xá-lợi-phát: Ngay cả trong lần cuối cùng, trong thời kỳ cuối cùng, bát-nhã ba-la-mật rất thâm sâu này cũng sẽ được truyền bá rộng rãi ở phương bắc, ở phần phương bắc của thế giới u?

Thé Tôn: Những người ở phương Bắc sẽ nỗ lực trong bát-nhã thâm sâu này sau khi họ nghe nó, [226] họ sẽ làm nó được truyền bá rộng rãi. Vì lên đường đã lâu trên xe đại thừa nên biết các Bồ-tát sẽ nghiên cứu bát-nhã ba-la-mật này.

9. MIÊU TẢ CÁC BỒ-TÁT SẼ THAM HỌC BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

Xá-lợi-phát: Những Bồ-tát ở phương Bắc sẽ tham học bát-nhã ba-la-mật thâm sâu này, họ sẽ nhiều hay ít?

Thé Tôn: Sẽ có nhiều, một số rất nhiều Bồ-tát ở phương Bắc. Nhưng sẽ chỉ có một vài người trong bọn họ sẽ tham học bát-nhã ba-la-mật thâm sâu này, và khi được dạy cho, họ sẽ không bị nó làm cho phá giới. Vì lên đường đã lâu trên xe đại thừa nên họ được biết đến. [227] Trong quá khứ họ đã theo đuổi, tham vấn và lễ bái các Như Lai. Họ sẽ trở thành hoàn toàn giữ giới luật, và họ sẽ nâng cao phúc lợi của nhiều người, nghĩa là, bắt đầu từ ngay đây sự giác ngộ của tôi. Chỉ vì họ mà tôi đã nói những bài pháp kết hợp với cảnh giới nhất thiết trí. Nói họ, ngay cả sau khi đã đi qua lần sinh hiện tại, chính những ý kiến này kết hợp với cảnh giới nhất thiết trí

⁵² Phạn: *Dharma-Vinaya*.

và với bát-nhã ba-la-mật, sẽ vẫn bám chặt vì thói quen. Họ sẽ dạy chính bài pháp này và hoan hỉ, nghĩa là, quan tâm đến giác ngộ vô thượng. Họ sẽ khéo thiết lập trong bát-nhã ba-la-mật này và tập trung vào nó. Ngay cả Ma vương cũng không thể làm họ sai hướng, những người khác thì còn ít hơn nữa, dù những người ấy dùng năng lực ý chí hay thần chú. Bởi vì thú hướng hướng về giác ngộ viên mãn của họ vững chắc không thể phản kháng được. Do nghe bát-nhã ba-la-mật này, những người con trai và con gái của gia đình thiện lương sẽ có được một độ nhiệt tâm, phần khởi phi thường và niềm tin tịch tĩnh. Vì nhiều người, họ sẽ tròng thiện căn, nghĩa là, nơi giác ngộ vô thượng. Bởi vì sự hiện diện của tôi, mặt đối mặt với tôi, họ đã thoát ra lời nguyệt: “Chúng con, theo đuổi trong tu tập của một Bồ-tát, sẽ đưa lên đường đến giác ngộ viên mãn nhiều trăm chúng sinh, vâng, nhiều [228] na-do-tha câu-lợi chúng sinh. Chúng con sẽ hộ trì sự giác ngộ hoàn hảo cho họ, thúc giục, khuyến khích và kích thích họ đạt được nó, giúp nó tới, giúp họ đứng vững trong nó, giúp họ trở nên không thói chuyền.” Và khi tôi quán sát tâm họ bằng tâm tôi, tôi hoan hỉ vì những người con trai và con gái của gia đình thiện lương thuộc thừa Bồ-tát và đã lập lời nguyệt này. Vì thế họ sẽ trở nên tin rất chắc rằng họ sẽ tìm sự tái sinh ở các Phật địa khác, và cũng sẽ đến mặt đối mặt với các Nhu Lai ở đó, chứng minh pháp, và từ các ngài ấy họ sẽ nghe tường tận chính bát-nhã ba-la-mật thâm sâu này. Ở các Phật địa đó họ cũng sẽ đưa vô số chúng sinh lên đường đến giác ngộ vô thượng, và sẽ giúp họ cầu tìm giác ngộ viên mãn. [229]

Xá-lợi-phát: Kỳ diệu là nghĩ rằng nơi các pháp quá khứ, vị lai và hiện tại không có gì Nhu Lai không thấy, không nghe, không cảm thấy, và không biết. Không có một pháp nào mà ngài không tri kiến, không có sự hành xử của bất cứ chúng sinh nào mà ngài không biết. Ngài còn tri kiến ngay cả cách hành xử vị lai của các Bồ-tát nhiệt tâm vì giác ngộ, đầy ý muốn nhiệt tình, tận lực tinh tấn. Nhưng trong những người con trai và con gái của gia đình thiện lương trong vị lai sẽ tham học bát-nhã ba-la-mật thâm sâu này, đã tận lực nhân danh sáu ba-la-mật này và phúc lợi của tất cả chúng

sinh, tìm kiếm và gắng sức đạt bát-nhã ba-la-mật thâm sâu này, vài người sẽ không đạt được nó trong khi những người kia sẽ đạt được nó mà không gắng sức. Đó, Ôi Thé Tôn, là vì lý do gì?

Thé Tôn: Đúng thế, Xá-lợi-phát. Không có gì trong các pháp quá khứ, vị lai hay hiện tại mà Như Lai không thấy, nghe và cảm thấy, hay không biết. Đúng hơn nữa là lúc ấy trong thời kỳ đó, vài vị Bồ-tát săn lùng và [230] tìm kiếm bát-nhã ba-la-mật này sẽ không được nó. Những Bồ-tát khác sẽ được nó mà không săn lùng hay tìm kiếm nó. Họ sẽ là những Bồ-tát trong quá khứ đã kiên trì săn lùng và tìm kiếm bát-nhã ba-la-mật này. Do sự thúc giục của thiện căn này trước kia mà họ sẽ được bát-nhã ba-la-mật này, bất chấp sự kiện bây giờ họ không săn lùng và tìm kiếm. Và các Kinh cũng khác với Kinh này, chỉ đón chào bát-nhã ba-la-mật này vì phù hợp, sẽ đến với họ. Vì đây là định luật, này Xá-lợi-phát, là nếu một Bồ-tát kiên trì săn lùng và tìm kiếm bát-nhã ba-la-mật này, ông ấy sẽ được nó sau một hay hai lần sinh, và những Kinh khác cũng kết hợp với bát-nhã ba-la-mật lúc ấy sẽ tự đến với ông ấy.

Xá-lợi-phát: Chỉ những Kinh này kết hợp với sáu ba-la-mật đến với vị ấy, và không có những kinh khác?

Thé Tôn: Cũng sẽ có những Kinh rất thâm sâu khác sẽ đến với với người con trai hay con gái này của gia đình thiện lương vì sự phù hợp riêng của chúng. Vì đây là một định luật, này Xá-lợi-phát, là nếu các Bồ-tát đưa những người khác lên đường đến giác ngộ viên mãn, giúp họ trong cuộc cầu tìm giác ngộ viên mãn, [231] giúp họ trở thành không thể phản kháng, và nếu chính họ cũng tu luyện trong đó, thì sau khi đi qua khỏi lần sinh hiện tại này, vì chuyện của họ, những Kinh rất thâm sâu này sẽ đến với họ, những Kinh kết hợp với sự không nhận biết cái căn bản, kết hợp với không, kết hợp với sáu ba-la-mật.

Chương XI

NHỮNG VIỆC LÀM CỦA MA VƯƠNG

1. NHỮNG VIỆC LÀM SAI KHÁC CỦA MA VƯƠNG

Tu-bô-dè: Thé Tôn đã công bố các đức hạnh của những người con trai và con gái của gia đình thiện lương. Còn có chướng ngại nào sẽ xuất hiện với họ không?

Thé Tôn: Nhiều việc làm của Ma vương sẽ gây chướng ngại cho họ.

Tu-bô-dè: Chúng thuộc loại gì?

Thé Tôn: Các Bồ-tát dạy bát-nhã ba-la-mật sẽ hiểu nó chỉ sau một thời gian lâu. Hay sau khi đã hiểu, lại liền bị quấy rầy. Hay họ sẽ viết ngáp, cười và ché giễu. Hay họ sẽ tham cùu nó với những ý nghĩ bị quấy rầy. Hay họ sẽ viết với tâm họ để ở chỗ khác. Hay họ sẽ không có được chánh niệm. Hay họ sẽ viết trong khi cười, ngạc nhau, hay trong khi ché giễu nhau, hay với đôi mắt phân tán. [233] Hoặc những gì họ viết sẽ bất hòa với nhau. “Chúng tôi không thể bám chân vững chắc trong nó, chúng tôi không có được hoan hỉ vì nó,” với những lời này họ sẽ từ chỗ ngồi đứng dậy, và bỏ đi. Tâm họ không có niềm tin tịch tĩnh, họ sẽ nghĩ ‘chúng tôi không có duyên tiên định với bát-nhã ba-la-mật này,’ họ sẽ từ chỗ ngồi đứng dậy, và bỏ đi. Hay bởi vì quyền sách này không nói tên chỗ họ sinh, không nhắc đến tên riêng hay bộ tộc của họ, của mẹ và cha họ, của gia đình họ, họ có thể quyết định không lắng nghe bát-nhã ba-la-mật, và bỏ đi. Và mỗi lần bỏ đi, hết lần này đến lần khác, họ sẽ phải nhận lấy sinh tử trong nhiều kiếp như họ đã sinh ra ý nghĩ, và trong những kiếp ấy họ sẽ tạo những nỗ lực mới. Vì lý do gì? Bởi vì những Bồ-tát từ chối lắng nghe bát-nhã ba-la-mật này không thể tiến đến các đạo pháp dù là thế gian hay siêu thế gian.

2. BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT VÀ CÁC KINH THANH VĂN

Thêm vào, những người thuộc thừa Bồ-tát có thể từ bỏ bát-nhã ba-la-mật này mà nó nuôi dưỡng tri kiến của nhát thiết trí, và quyết định tìm các Kinh không nuôi dưỡng nó. Hơn nữa, những người không tu luyện minh trong bát-nhã ba-la-mật này không muốn tu luyện trong các đạo pháp thế gian hay siêu thế gian, cũng không đi đến các pháp ấy. [234] Vì không tu luyện trong bát-nhã ba-la-mật, họ không thể đi đến các đạo pháp thế gian hay siêu thế gian. Những người có trí thông minh giới hạn loại bỏ bát-nhã ba-la-mật, là gốc rễ của sự nhận biết các đạo pháp thế gian và siêu thế gian, như thực, và thay vì quyết định tìm sự ủng hộ nơi những gì chỉ là cành nhánh. Như một con chó từ chối miếng đồ ăn được chủ cho, và thích ngoạm lấy một miệng đầy nước từ người đầy tớ hơn; cũng vậy, trong vị lai, một vài người thuộc thừa Bồ-tát sẽ từ chối bát-nhã ba-la-mật này, mà nó là gốc rễ của tri kiến nhát thiết trí, và quyết định tìm cái cốt lõi, sự gia tăng, cảnh giới Phật, trong thừa Thanh văn và Duyên giác, mà nó thực sự tương ứng với cành, lá, và tàng cây. Nên hiểu đây cũng là do Ma vương làm. Vì những người có trí thông minh nhỏ bé sẽ không tri kiến được rằng bát-nhã ba-la-mật một mình nuôi dưỡng tri kiến của nhát thiết trí. Họ sẽ loại bỏ và từ chối bát-nhã ba-la-mật, và quyết định tham cứu những Kinh khác vì cao hơn nó, những Kinh chào đón hàng Thanh văn hay Duyên giác. Nên so sánh chúng với cành, lá, và tàng cây. Vì một Bồ-tát không nên tu luyện theo cùng cách mà những người thuộc thừa Thanh văn hay Duyên giác tu luyện. Rồi các Thanh văn và Duyên giác tu luyện cách nào? Họ lập tâm rằng “chúng ta sẽ thuần thực một tự kỷ duy nhất, chúng ta sẽ bình an một tự kỷ duy nhất, chúng ta sẽ dẫn đến Niết-bàn một tự kỷ duy nhất.” Như thế họ quyết tâm luyện tập những pháp tu nhằm sinh ra những thiện căn để làm họ thuần thực, làm họ bình an, đưa họ đến Niết-bàn. Một Bồ-tát chắc chắn không nên tu luyện minh theo cách ấy. Trái lại, ông ấy nên tu luyện minh như vậy: [235] “Tự kỷ của tôi, tôi sẽ đặt nó nơi Chân như, và như thế tất cả thế gian có thể được nhò, tôi sẽ đặt tất cả chúng sinh vào Chân như, và tôi sẽ đưa đến Niết-bàn toàn thể thế giới vô lượng chúng sinh.” Với chủ tâm đó, một Bồ-tát nên quyết tâm thực hành

tất cả những pháp tu sinh ra tất cả các thiện căn. Nhưng ông ấy không nên khoa trương về chúng. Hãy tưởng tượng một người, không thể nhìn thấy con voi, cố gắng quyết định màu sắc và hình dạng của nó. Trong tối, người ấy sờ xem bàn chân con voi, và quyết định màu sắc và hình dạng con voi bằng cách suy luận từ bàn chân nó. Làm một việc như thế có thông minh không?

Tu-bồ-đề: Dạ không, Thέ Tôn!

Thέ Tôn: Cũng đúng như vậy với những người thuộc thừa Bồ-tát không hiểu bát-nhã ba-la-mật này và không tham hỏi về nó, nhưng trong khi ấy lại ham muốn giác ngộ viên mãn, từ chối nó, và thích tìm các Kinh đón chào hàng Thanh văn hay Duyên giác hơn. Và đây cũng là điều do Ma vương làm. Giống như người ham muốn châu ngọc không tìm chúng nơi đại dương, mà tìm nơi lỗ nước bùn trong dấu chân bò, và như thế kết quả làm đại dương ngang bằng với nước trong dấu chân bò. Người ấy có thông minh lắm không?

Tu-bồ-đề: Dạ không, Thέ Tôn!

Thέ Tôn: Điều tương tự cũng áp dụng cho những người thuộc thừa Bồ-tát, mặc dù họ đã có bát-nhã ba-la-mật này, tuy nhiên nếu họ tự dứt mình ra khỏi nó, [236] không nhảy vào hay thăm dò nó. Và những người thích các Kinh chào đón hàng Thanh văn hay Duyên giác hơn, qua biện hộ cho sự trú bất động không quan tâm, mà nó không giới thiệu thừa Bồ-tát, nhưng chỉ làm thuần, làm voi bót, Niết-bàn của một tự kỷ đơn độc. Quyết định có được cuộc sống ẩn cư, đạt các quả của đời sống phạm hạnh, từ quả Dự Lưu đến cảnh giới Duyên giác, nhập Niết-bàn sau khi người ta đã, trong chính đời này, giải thoát tâm, không còn bám vào nữa, khỏi những rỉ lậu, – có nghĩa là “kết hợp với hàng Thanh văn hay Duyên giác.” Các Bồ-tát không nên khởi tâm như thế. Vì khi họ đã lên đường trên xe đại thừa các Bồ-tát mặc chiếc áo giáp vĩ đại. Tâm họ không nên dây lên đối với bất cứ sự không quan tâm nào. Vì họ là chân nhân, những vị lãnh đạo thế giới, những người nâng cao hạnh phúc thế gian. Vì thế họ nên liên tục và luôn luôn được huấn luyện trong sáu ba-la-mật. Nhưng những người đó thuộc thừa Bồ-tát, và những người, không biết và hiểu các Kinh kết hợp với sáu ba-la-mật, từ

chối bát-nhã ba-la-mật này, và thích các Kinh chào đón hàng Thanh văn hay Duyên giác hơn, – thiện căn của họ chưa thuần thục, trí thông minh của họ có giới hạn và nghèo nàn, quyết tâm của họ yếu. Họ giống như người thợ hồ, hay người thợ hồ mới tập sự, họ muốn xây một cung điện có tầm cỡ của cung điện Vaijayanta, và họ sẽ đo kích thước của nó theo cách đo chiếc xe mặt trời hay mặt trăng. [237] Một thủ tục tương tự được theo bởi những người từ chối bát-nhã ba-la-mật và cố tìm nhất thiết trí qua các Kinh kết hợp với hàng Thanh văn và Duyên giác, những Kinh giới thiệu sự làm thuần, làm voi bót, và Niết-bàn không có gì hơn là chỉ một tự kỷ. Nếu họ tìm những Kinh như thế và tu luyện với ý định này, các Bồ-tát này có phải rất thông minh không?

Tu-bồ-đề: Dạ không, Thế Tôn.

Thế Tôn: Điều này cũng do Ma vương làm. Giả sử một người trước thấy Thiên đế, và quyết định theo các tướng của những gì người ấy thấy màu da, hình dáng, vẻ đẹp và sự trang nghiêm của vua ấy. Rồi người ấy cũng làm điều tương tự với vị tư lệnh của một thành trì. Nếu người ấy không thể phân biệt, nếu người ấy phải nói về vị tư lệnh của thành trì, “cũng giống y như Thiên đế về màu da, hình dáng, vẻ đẹp và sự trang nghiêm,” [238] Mặt khác, nếu người ấy xem Thiên đế ngang bằng với vị tư lệnh thành trì, thì đây có phải là một việc làm thông minh không?

Tu-bồ-đề: Dạ không, Thế Tôn!

Thế Tôn: Điều như vậy cũng áp dụng với những người thuộc thừa Bồ-tát và trong vị lai họ sẽ từ chối bát-nhã ba-la-mật này, và tìm kiếm nhất thiết trí qua các kinh kết hợp với hàng Thanh văn hay Duyên giác. Đây cũng là việc do Ma vương làm cho họ. Trái lại, chắc chắn tôi không nói rằng Bồ-tát nên tìm kiếm nhất thiết trí qua các Kinh kết hợp với hàng Thanh văn hay Duyên giác. Bồ-tát chắc chắn không thể đi đến giác ngộ vô thượng trừ phi họ được huấn luyện những gì Như Lai đã tuyên bố trong bát-nhã ba-la-mật như là phương tiện thiện xảo của Bồ-tát. Về tri kiến đầy đủ của một Bồ-tát thì người ta không biết gì trong các Kinh khác. Vì thế lúc ấy, này Tu-bồ-đề, Như Lai thấy lợi thế này trong bát-nhã ba-la-mật,

bằng nhiều phương pháp chỉ nó cho các Bồ-tát, thúc giục và giới thiệu nó, làm họ đầy nhiệt tâm vì nó, khiến họ hoan hỉ vì nó, trao phó cho nó, trong hy vọng rằng như thế vị Bồ-tát ấy có thể trở thành bất thối chuyển đổi với giác ngộ viên mãn. Này Tu-bồ-đề, những Bồ-tát ấy tỏ ra rất thông minh, khi đã đạt và gặp được chiếc xe lớn, không thối chuyển, sẽ lại bỏ nó, bỏ đi, và thích một chiếc xe kém hơn?

Tu-bồ-đề: Dạ không, Thé Tôn! [239]

Thé Tôn: Nếu một người đang đói là từ chối thức ăn ngon thượng hạng, và thích ăn thức ăn ôi dở hạng kém, có phải y rất thông minh không?

Tu-bồ-đề: Dạ không, Thé Tôn!

Thé Tôn: Đúng vậy, Tu-bồ-đề, trong vị lai một vài Bồ-tát sẽ từ chối bát-nhã ba-la-mật này, sẽ thích các Kinh kết hợp với hàng Thanh văn hay Duyên giác, và sẽ tìm kiếm nhất thiết trí qua các Kinh chào đón hàng Thanh văn hay Duyên giác. Có phải những Bồ-tát ấy rất thông minh không?

Tu-bồ-đề: Dạ không, Thé Tôn!

Thé Tôn: Đây cũng là điều do Ma vương làm cho họ. Một người có được một viên ngọc vô giá và xem nó ngang bằng với một viên ngọc có giá trị và phẩm chất thấp hơn, có phải người ấy là một người thông minh không?

Tu-bồ-đề: Dạ không, Thé Tôn! [240]

Thé Tôn: Cũng vậy, trong vị lai sẽ có vài người thuộc thừa Bồ-tát, mặc dù họ đã được viên ngọc bát-nhã ba-la-mật thâm sâu và sáng ngời này, tuy nhiên họ sẽ nghĩ rằng nên xem nó ngang bằng với thừa Thanh văn và Duyên giác, và sẽ quyết định tìm kiếm nhất thiết trí và phương tiện thiện xảo ở hàng Thanh văn hay Duyên giác. Có phải họ rất thông minh không?

Tu-bồ-đề: Dạ không, Thé Tôn!

Thé Tôn: Đây cũng là điều do Ma vương làm cho họ.

3. NHỮNG VIỆC LÀM SAI KHÁC CỦA MA VƯƠNG

Hơn nữa, Tu-bồ-đề, khi bát-nhã ba-la-mật này được dạy, chúng minh, học, tụng, niệm, hay chỉ viết xuống, nhiều tia chớp nội kiến sẽ đến làm ngơ ngác nhiều người, và chúng sẽ làm tâm bối rối. Đây cũng là điều do Ma vương làm cho các Bồ-tát này.

Tu-bồ-đề: Có thể nào viết bát-nhã ba-la-mật xuống không?

Thé Tôn: Không, Tu-bồ-đề. Cũng là hành vi của Ma vương nếu sau khi đã viết bát-nhã ba-la-mật xuống, người ta nghĩ rằng đã viết bát-nhã ba-la-mật xuống hay chưa viết bát-nhã ba-la-mật, hay nếu người ta chấp vào bát-nhã ba-la-mật hoặc ở văn tự, hoặc một cái gì đó không ở văn tự. – Hơn nữa, Tu-bồ-đề, trong khi họ viết bát-nhã ba-la-mật xuống, tâm họ để ý tất cả mọi thứ: noi chốn, làng mạc, thị trấn, thành phố, các vùng thôn quê, quốc gia, đế đô, vườn lục thú, thầy giáo, [241] chuyện kể, bọn cướp, chỗ tắm, đường phố, kiệu cáng, những dịp hạnh phúc, những dịp sợ hãi, đàn bà, đàn ông, những người trung tính, những tình thế không thích hợp, mẹ cha, anh em chị em, bạn bè, thân nhân, bà con bên mẹ, vợ chính, con trai và con gái, nhà cửa, đồ ăn thức uống, quần áo, giường nằm, chỗ ngồi, cách sống, phận sự, cơ hội tham lam, ghét và mê hoặc, đúng lúc, lúc may mắn, về ca hát, âm nhạc, khiêu vũ, thơ, kịch, luận văn, kinh doanh, chuyện khôi hài, những màn trình diễn âm nhạc, những phiền muộn, phiền não, và bản thân họ. Những hành vi này và những hành động chú ý khác Ác Ma, sẽ sắp xếp khi bát-nhã ba-la-mật được dạy, nghiên cứu, hay chỉ viết xuống và như thế y sẽ gây chướng ngại và làm bối rối suy nghĩ cho các Bồ-tát. Một bồ-tát nên nhận ra đây là việc làm của Ma vương và tránh nó. [242] Thêm vào, những ý nghĩ của ông ấy cũng có thể là về vua chúa, hoàng tử, voi, ngựa, xe và các đội quân. Đó cũng là điều do Ma vương làm cho ông ấy. Thêm vào, những ý nghĩ của ông ấy có thể là về lửa, cám dỗ, tiền, bắp và chỗ có nhiều người tụ họp. Đây cũng là điều do Ma vương làm cho ông ấy. Hơn nữa, những khó khăn sẽ lại phát sinh về được, vinh dự, y áo, bát chứa đồ bô thí, chỗ ở, thuốc men dùng chữa bệnh, hay thay vào là những ý nghĩ hưng thú về được, vinh dự và danh tiếng có thể dày vò vị Bồ-tát dạy, giải thích, hay chỉ viết bát-nhã ba-la-mật này. Đây cũng là điều do Ma vương làm cho họ.

Họ nên nhận ra và tránh những hành vi này của Ma vương. Hơn nữa, Ác Ma, sẽ đến chỗ các Bồ-tát dạy, v.v..., bát-nhã ba-la-mật này, và sẽ mang theo các Kinh rất thâm sâu kết hợp với hàng Thanh văn và Duyên giác. Y sẽ khuyên họ nên “tu luyện theo đây, viết, xiển dương, và niệm cái này, vì nhất thiết trí sẽ được tạo ra từ nó.” [243] Nhưng một Bồ-tát thiện xảo trong phương tiện không nên mong mỏi những Kinh đó. Vì mặc dù chúng dạy Không, Vô Tướng, và Vô Nguyên, tuy nhiên chúng không thông báo sự thiện xảo trong phương tiện của các Bồ-tát. Một Bồ-tát chưa có trí phân biệt cao hơn của tri kiến về phương tiện thiện xảo từ chối bát-nhã ba-la-mật thâm sâu này, và thay bằng tìm kiếm phương tiện thiện xảo trong các Kinh kết hợp với hàng Thanh văn và Duyên giác. Nên biết đây cũng là việc làm của Ma vương cho một Bồ-tát.

4. NGUỒN GỐC BẤT HÒA GIỮA THẦY VÀ TRÒ

Rồi lại có những hành vi của Ma vương phá hỏng cơ hội hợp tác giữa thầy và trò. Trước hết, có thể là trò nhiệt tình, và ham học bát-nhã ba-la-mật, nhưng thầy biếng nhác và không muốn chứng minh pháp. Hay, thầy có thể không mệt mỏi và muốn công hiến bát-nhã ba-la-mật, trong khi trò mệt mỏi hay quá bận rộn. Thứ nhì, có thể là trò nhiệt tình, và ham học bát-nhã ba-la-mật, ghi nhớ nó trong tâm, thuyết giảng, nghiên cứu, truyền bá, hay chỉ viết nó, có thể trò lanh lợi, thông minh, và có trí nhớ tốt; nhưng thầy có thể đi vào một lãnh vực khác, hay ông ta có thể không quen với những điểm chính, không quen với các chi tiết, không có tri kiến cao hơn. [244] Hay, thầy có thể không mệt mỏi, sở hữu tri kiến cao hơn, muốn cho và thuyết giảng bát-nhã ba-la-mật này; nhưng trò bắt đầu đi đến một lãnh vực khác, hoặc không quen với những điểm chính, không quen với các chi tiết, không có tri kiến cao hơn. Hơn nữa, thầy có thể là người bám vào sức nặng của những vật thể gợi ham muốn, để có được, vinh dự, và y áo, trong khi trò là người có ít ước muôn, dễ bằng lòng, và hoàn toàn không bám lấy. Hay có thể ông ta là người không muốn cho đi bất cứ vật gì có giá trị. Đây cũng là nguyên

nhân gây ra sự không hòa hợp, khi nó là vấn đề tu luyện trong bát-nhã ba-la-mật hay sao chép nó. Mặt khác, trò có thể đầy tín ngưỡng, ham nghe bát-nhã ba-la-mật này và hiểu nghĩa của nó, phóng khoáng và rộng lượng; nhưng thầy không tín ngưỡng, quá dễ thỏa mãn, và không muốn dạy. Hay, trò có thể đầy tín ngưỡng, ham nghe và hiểu nghĩa; nhưng có thể thầy, bởi vì một vài chướng ngại cản trở lối vào pháp của ông ta, không có những Kinh này thuộc quyền sử dụng của ông ta, và không thể thăm dò chúng; trò hiển nhiên không tiếp xúc với vị thầy không có được chúng. [245] Hay nữa, thầy có thể muốn dạy, khi trò không nhiệt tình nghe. Hơn nữa, có thể là trò không muốn nghe bởi vì anh ta trêu nặng lười nhác, trêu nặng mệt nhọc thân thể, nhưng thầy muốn dạy; trái lại, dù trò muốn nghe, thầy có thể không muốn dạy bởi vì ông ta trêu nặng lười nhác hay mệt mỏi thân thể. Sự không hòa hợp này cũng sẽ khiến cho việc viết, thuyết giảng, và nghiên cứu khó khăn.

5. SỰ LẠC HUỐNG CỦA MỤC TIÊU

Hơn nữa, khi viết, hay dạy bát-nhã ba-la-mật, hay tu luyện trong nó, có người sẽ đến và khinh chê sự sống ở địa ngục, ở thế giới súc sinh, ở Ngạ quỉ và A-tu-la, nói “rất xấu là tất cả những hình thức sống này, rất xấu là tất cả các vật hữu vi; hãy chấm dứt cái xấu này, và để chúng tái sinh cho số phận của chúng.” Đây cũng là việc làm của Ma vương. [246] Lại nữa, có người có thể đến và ca ngợi đời sống chư thiên: “Rất hạnh phúc là chư thiên, rất hạnh phúc là đời sống ở các cõi trời. Vì thế người ta nên chăm sóc nhục cảm trong dục giới, nhập vào các định đã được biết rõ trong sắc giới, và nhập vào những chứng đắc đã được biết rõ trong vô sắc giới.” Tuy nhiên, toàn bộ điều này được bát-nhã xem chỉ là tái sinh trong đau khổ. Bởi vì đức Thé Tôn đã nói: “Tôi không tán thán bất cứ loại tái sinh nơi hữu nào, bởi vì nó không kéo dài lâu hơn một cái búng ngón tay. Vì mọi sự vật hữu vi đều vô thường. Bất cứ sự vật nào có thể gây khổ đều là xấu. Tất cả [những gì] ở trong ba giới đều là rỗng rỗng. Tất cả các pháp đều không có ngã. Khi người trí tuệ hiểu rằng

toàn bộ đây như vậy là không vĩnh viễn, vô thường, xấu, phải chịu hủy hoại, rồi chỉ ở đây họ nên đạt các quả của đời sống phạm hạnh, từ quả Nhập lưu đến A-la-hán. Hãy để họ ý thức hơn nữa về sự gấp gỡ với những chứng đắc đó, mà thực ra là những thất bại, và nhiều đau khổ.” Tuy nhiên, đối với một vài Bồ-tát đây sẽ là cái nguồn lo âu [bởi vì họ sẽ cảm thấy chán nản vì sự cầu tìm giác ngộ viên mãn bởi sự ham muốn tái sinh ở cõi trời]. Đây cũng là Ma vương làm cho họ.

6. THÊM BẤT HÒA GIỮA THÀY VÀ TRÒ

Hơn nữa, thầy có thể là một tỳ-kheo thích cô tịch trong khi trò thích đời sống cộng đồng hơn. Ông ta sẽ bảo họ rằng ông ta sẽ cho những người nào đến chỗ ông ta bát-nhã ba-la-mật này, mà không cho người nào không đến. Với ham muốn và nhiệt tình vì pháp mà họ đánh giá, họ đến chỗ thầy, và ông ta vẫn không cho họ cơ hội nào để học bất cứ điều gì. Ông ta là người hăng hái vì những mảnh mún không có giá trị của những vật gợi ham muốn, mà họ không muốn cho ông ta bất cứ vật gì ông ta đánh giá. [247] Đến chỗ nào ông ta cũng thiếu thức ăn, phiền phức vây quanh, và sinh mạng của ông ta ở trong nguy hiểm. Và học trò của ông ta sẽ nghe những người khác nói rằng chỗ đó thiếu thực phẩm, đầy phiền não và nguy hiểm đến tính mạng. Và ông thầy đó sẽ nói với những người con trai và con gái ấy của gia đình thiện lương: “Đây là chỗ thiếu thức ăn. Dĩ nhiên, này các nam tử của gia đình thiện lương, các người có thể đến đây nếu các người muốn. Nhưng tôi sợ rằng các người sẽ hối tiếc vì đã đến.” Đây là một mưu kế tinh vi mà ông ta dùng để từ chối họ. Trong chán ghét, họ sẽ giải thích những lời ấy như là dấu hiệu từ chối, không phải là dấu hiệu muốn cho. Tin chắc rằng ông ta không muốn cho, họ sẽ không đến chỗ ông ta. Hơn nữa, thầy có thể đã lên đường đến một nơi nguy hiểm vì có độc, dã thú săn mồi, ma quỷ. Và ông ta sẽ đi từ chỗ đó đến nơi hoang vắng có thú săn mồi, rắn và cuồng, có dấu hiệu hạn hán và nạn đói. Với những học trò tương lai, ông ấy nói: “Các anh ý thức, tôi giả sử, rằng ở địa

điểm này chúng ta đã ra đi vì có nhiều nguy hiểm, độc, dã thú săn mồi, ma ăn thịt sống, rắn và cướp tụ thành đám đông, không có thực phẩm cũng không có nước. Như vậy các anh sẽ trải qua rất nhiều đau khổ.” Như thế ông ta từ chối họ bằng một mưu kế tinh vi. Chán ghét, họ sẽ không đến với ông ta, và quay lại bỏ đi. [248] Cuối cùng, thầy có thể là một trong những tỳ-kheo bám vào sức nặng trong mối liên hệ của họ với các gia đình thân hữu nuôi dưỡng họ. Toàn bộ thời gian đi thăm họ, ông ta luôn rất bận rộn theo cách đó, và từ chối những học trò tương lai đó vì lý do “trước hết, có người tôi phải đi thăm.” Đây cũng sẽ là nguồn gốc bất hòa khi viết và nghiên cứu bát-nhã ba-la-mật này. Đây cũng là việc làm của Ma vương. Bằng những cách như thế, Ma vương sẽ tự cưa quây để ngăn người ta học, tham cứu, dạy, và viết bát-nhã ba-la-mật này. Vì thế, Tu-bồ-đề, tất cả những yếu tố ngăn sự hợp tác giữa thầy và trò nên nhận biết là hành vi của Ma vương, và nên cố gắng tránh chúng.

7. MA VƯƠNG KHUYÊN TỪ BỎ BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

Tu-bồ-đề: Thé thì, Ôi Thé Tôn, lý do Ma vương tạo nhiều nỗ lực lớn và tự xoay trở, bằng mưu kế này hay mưu kế khác, để ngăn trở người ta học và tham cứu bát-nhã ba-la-mật này là gì? [249]

Thé Tôn: Bát-nhã ba-la-mật là cái nguồn của nhất thiết trí của chư Phật, chư Thé Tôn. Và đến phiên nó là cái nguồn đạo của chư Như Lai, dẫn độ vô lượng và vô số chúng sinh đến chỗ bỏ đi các ô nhiễm. Nhưng với những người đã bỏ ô nhiễm, Ma vương không thể có được lối vào, khiến y buồn rầu và xuống tinh thần, và mũi nhọn sầu muộn làm y tức giận. Vì thế, khi có người viết và tham cứu bát-nhã ba-la-mật này, y biến nỗi khổ tâm to lớn của mình thành đại nỗ lực và tự cưa quây, bằng mưu kế này hay mưu kế khác, ngăn cản sự học bát-nhã ba-la-mật này. Hơn nữa, Ác Ma, sẽ đến trong lớp ngụy trang Sa-môn, và gây phẫn tranh. Để khuyên những người con trai của gia đình thiện lương gần đây đã lên đường trên

chiếc xe đại thừa từ bỏ, y sẽ nói: “Các Ngài lắng nghe đó chẳng phải là bát-nhã ba-la-mật. Như nó đã được truyền xuống trong các Kinh của tôi, như nó bao gồm trong các Kinh của tôi, đó là bát-nhã ba-la-mật.” Như thế y sẽ gieo nghi ngờ trong tâm của các Bồ-tát gần đây mới lên đường trên chiếc xe ấy, những người mà trí thông minh nhỏ bé, biếng nhác và giới hạn, những người mù và những người mà sự giác ngộ vị lai chưa được thọ ký. Bị nghi ngờ năm giữ, họ sẽ không học, tham cứu hay viết bát-nhã ba-la-mật này. [250] Đây cũng là Ma vương làm cho họ. Hơn nữa, Ma vương có thể đến trong lớp cải trang một vị Phật, với những tỳ-kheo do huyền thuật biến ra quanh y, và chủ trương rằng một Bồ-tát theo đuổi trong các pháp thâm sâu là người nhận ra biên tế của thực tại, người trở thành một Thanh văn, không phải một Bồ-tát, như Bồ-tát này. Đây cũng là một trong những việc làm của Ma vương. Này Tu-bồ-đề, khi có người viết và tham cứu bát-nhã ba-la-mật này, Ác Ma tạo ra những hành vi này mà tôi đã nói đến và cũng như nhiều hành vi khác nữa. Tất cả những cái đó Bồ-tát nên nhận ra, và tránh đi, không đào luyện chúng. Bồ-tát ấy nên đáp lại chúng bằng tinh tấn, chánh niệm và tự hữu.

8. SỰ ĐỐI LẬP GIỮA MA VƯƠNG VÀ PHẬT

Tu-bồ-đề: Đúng vậy, Ôi Thế Tôn. Bất cứ cái gì rất quý báu đều kêu gọi chiến sự. Bởi vì nó rất thương đáng, khó đạt được, và có giá trị lớn. Vì thế người ta nên mong rằng, như một định luật, nhiều chướng ngại sẽ xuất hiện vì bát-nhã ba-la-mật này. Khi quá sợ những chướng ngại này, có người trở nên lười biếng, nên biết rằng những người quyết định không học, tham cứu và viết bát-nhã ba-la-mật này là những người bị Ma vương vây hãm, nhưng gần đây đã lên đường trên chiếc xe ấy, trí thông minh của họ nhỏ bé, trì độn, có giới hạn và điên đảo, [251] và tâm họ từ chối vận hành trong các pháp rất cao diệu này.

Thế Tôn: Đúng vậy, Tu-bồ-đề. Và trong khi đúng là những hành vi này của Ma vương sắp xuất hiện, rất nhiều tác nhân đến lượt sẽ

xuất hiện chống lại những sai lầm của Ma vương. Những người quyết định học, tham cứu và viết bát-nhã ba-la-mật này được thần lực của Phật, lực hộ trì và ân huệ của ngài ảnh hưởng. [252] Vì trong khi Ác Ma, sẽ tạo những nỗ lực to lớn để gây chướng ngại, thì Như Lai đến lượt sẽ gửi đến sự trợ giúp.

Chương XII

CHỈ RA THẾ GIỚI

1. BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT, MẸ CỦA CHÚ PHẬT

Thé Tôn: Như người mẹ có nhiều đứa con, – năm, hay mươi, hay hai mươi, hay ba mươi, hay năm mươi, hay một trăm, hay một ngàn. Nếu bà ấy cảm thấy bệnh, tất cả các con tự tận sức ngăn mẹ khỏi chết, giữ bà sống lâu như có thể, giữ cho thân bà không đau và không khó chịu. Bởi vì họ ý thức rằng đối với bà họ nợ bà sự hiện hữu của họ, rằng bà đã mang họ đến thế giới này trong sự đau đớn to lớn của bà, rằng bà đã dạy họ theo cách của thế gian. Vì thế họ chăm sóc tốt bà, cho bà mọi thứ có thể làm bà hạnh phúc, bảo vệ tốt cho bà, làm nhiều cho bà, và họ hy vọng rằng bà sẽ không bị đau – đến từ sự tiếp xúc với mắt, tai, mũi, lưỡi, thân hay ý, hay đến từ hơi thở, mặt đắng, đờm, hay sự mất trật tự của những chuyện khôi hài, hay từ côn trùng, muỗi chích, hay những con vật bò, từ người hay ma, từ bất cứ vật gì rơi lên người bà, hay xé tách bà ra, hay từ sự va chạm tai hại. [254] Bằng cách này những người con đó tôn vinh mẹ họ bằng cách cho bà tất cả những gì có thể làm bà hạnh phúc, làm nhiều cho bà, áp ủ và bảo vệ bà, bởi vì họ ý thức rằng bà là người mẹ, người sinh ra họ, rằng bà đã mang họ vào thế giới này trong sự đau đớn to lớn, rằng bà giáo huấn họ theo cách của thế gian. Cũng bằng cách này, các Nhu Lai đem bát-nhã ba-la-mật này đến tâm, và qua thần lực, lực hộ trì và ân huệ của các ngài mà những người viết, học, nghiên cứu, truyền bá và niêm nó. Và các Nhu Lai ngay bây giờ cũng trú ở các thiên thế giới, – vì sự vui sướng và hạnh phúc của nhiều người, vì thương xót họ, vì sự vui sướng và hạnh phúc của một số người rất đông, vì thương xót chư thiên, người, và tất cả chúng sinh – các ngài cũng đem bát-nhã ba-la-mật này đến tâm, và các ngài cũng tỏ ra nhiệt tâm, như thế bát-nhã ba-la-mật này có thể dài lâu, như thế nó không thể bị hủy diệt, như thế Ma vương và nhóm của y không thể ngăn được người ta

dạy, viết và thực hành bát-nhã ba-la-mật này. Các Như Lai rất thích bát-nhã ba-ba-la-mật này, các ngài áp ủ và bảo vệ nó rất nhiều. Vì bát-nhã ba-la-mật là người mẹ, người sinh ra các ngài, bát-nhã ba-la-mật dạy các ngài nhiều cách về thế gian. Các Như Lai đến từ bát-nhã ba-la-mật. Vì bát-nhã ba-la-mật đã sinh và đã chỉ ra tri kiến nhất thiết trí, bát-nhã ba-la-mật đã chỉ ra cho các ngài thế giới thực sự là gì. [255] Nhất thiết trí của chư Như Lai đến từ bát-nhã ba-la-mật. Tất cả các Như Lai, quá khứ, vị lai, và hiện tại đạt được giác ngộ viên mãn nhờ chính bát-nhã ba-la-mật này. Theo nghĩa này, bát-nhã ba-la-mật sinh các Như Lai và dạy các ngài trong thế giới này.

2. NHƯ LAI BIẾT THẾ GIỚI BẰNG CÁCH NÀO

Tu-bồ-đề: Bát-nhã ba-la-mật dạy các Như Lai như thế nào trong thế giới này, và cái mà chư Như Lai gọi là ‘thế giới’ là gì? [256]

Thế Tôn: Năm uẩn được Như Lai tuyên bố là ‘thế giới’⁵³. Năm gì? Sắc, thọ, tưởng, hành, và thức.

Tu-bồ-đề: Năm uẩn được bát-nhã ba-la-mật chỉ ra như thế nào, hay cái được nó chỉ ra là gì?

Thế Tôn: Bát-nhã ba-la-mật của chư Như Lai chỉ ra năm uẩn như là thế giới, bởi vì chúng không vỡ vụn hay tan đi⁵⁴. Vì năm uẩn có tánh không làm tự tánh, và vì không tự tánh, tánh không không thể vỡ vụn hay tan đi. Theo nghĩa này bát-nhã ba-la-mật dạy chư Như Lai trong thế giới này. Và vì không không vỡ vụn cũng không tan đi, như thế Vô tướng, Vô nguyên, Vô quả, Vô sinh, Vô hữu, và Pháp giới cũng vậy.

3. NHƯ LAI BIẾT TÂM CỦA CHÚNG SINH BẰNG CÁCH NÀO⁵⁵

⁵³ Phạn: *loka*.

⁵⁴ Phạn: *lujyante, pralujyante*.

⁵⁵ Nghị luận tiếp theo sau đây hoàn toàn không thể hiểu được. Vì thế, tôi đã tự ý thêm vào đây lời bình từ luận thích của Haribhadra. E. C.

Hơn nữa, Tu-bồ-đè, nhờ bát-nhã ba-la-mật này Như Lai tuệ tri vô lượng vô số chúng sinh như thực. Và qua sự vắng mặt của tự tánh nơi chúng sinh. [257] Như Lai cũng tuệ tri ý nghĩ và hành động của vô lượng vô số chúng sinh, vì chúng sinh không có sự hiện hữu thực sự [như những cá thể tách rời]. Hơn nữa Như Lai, nhờ bát-nhã ba-la-mật, tuệ tri chúng thực sự là những ý nghĩ *tập hợp* của vô số chúng sinh là ‘những ý nghĩ tập hợp.’ Và làm sao Như Lai biết được? Như Lai tuệ kiến sự tập hợp đó tương đương với sự tịch diệt [của những ý nghĩ cá thể, nói theo cách thực nghiệm, đã ngừng hiện hữu, đang nhập vào tuyệt đối]. Và sự tịch diệt đó [nếu chúng ta xét chân thực tại của nó], chỉ là phi tịch diệt. Hơn nữa, Như Lai tuệ tri những ý nghĩ *phân tán* của chúng sinh như thực. Vì Như Lai tuệ tri rằng ý nghĩ bị phân tán [bởi sự vật của thế giới bên ngoài bởi vì không chú ý] Pháp giới. Mặt khác, ngài biết rằng những ý nghĩ đó, như chúng thực sự có trong thực tướng tối hậu, thì không có tướng, không tịch diệt [từ giây phút này đến giây phút khác], rằng sự tương tục của chúng không bị làm gián đoạn, và thực sự chúng không bị phân tán [bởi vì thực tế, chúng không thể bị hướng dẫn đến những vật bên ngoài]. [258] Như Lai biết tâm *vô cùng* và *vô tận* của chúng sinh. Vì Như Lai đại bi muôn một cái tâm mà với nó ngài tuệ tri như thực rằng “nên hiểu tâm phi tịch diệt vô lượng của chúng sinh giống như hư không phi tịch diệt vô lượng.” Và cái tâm ấy của Phật thì không bao giờ diệt, nó không bao giờ sinh, nó không có thời gian giữa sinh và diệt, nó không ủng hộ, nó vô cùng, vì không thể đo lường nó được, và nó vô tận, như chính Pháp giới. Như Lai biết tâm *ó nhiễm* của chúng sinh chúng vì cái gì. Vì ngài biết rằng tâm người thường thực sự không bị ô nhiễm bởi các lực ô nhiễm của những cái thấy điên đảo, mà chúng chỉ là những ý kiến sai lầm, thực sự không tìm được chỗ nào nơi họ. [259] Như Lai biết những ý nghĩ *không bị ô nhiễm* chúng thực sự là vì cái gì. Vì ngài biết rằng tâm ấy trong yếu tánh thì quang minh trong sáng. Như Lai biết những ý nghĩ *giải đai* chúng thực sự là vì cái gì. Vì ngài biết rằng những ý nghĩ đó thực sự không thể đi vó vẫn ở bất cứ nơi an nghỉ nào. Như Lai biết những ý nghĩ *hoạt động khẩn trương* chúng thực

sự là vì cái gì. Vì ngài biết rằng những ý nghĩ được tận dụng để được bình tĩnh, và chúng có thể không còn được tận dụng khi không gì còn lại có thể nắm bắt được. Như Lai biết [260] những ý nghĩ *rỉ lậu* chúng thực sự là vì cái gì. Vì ngài biết rằng những ý nghĩ đó không có tự tánh, chúng chỉ là biểu hiện giả của gì không phải chúng. Như Lai biết những ý nghĩ *không rỉ lậu* thực sự vì cái gì. Vì ngài biết rằng những ý nghĩ đó dẫn đến sự không hiện hữu [của rỉ lậu] và [khi sự tương tục hoàn toàn thanh tịnh], không có gì có thể khiến chúng hướng đến. Như Lai biết những ý nghĩ *tham lam* thực sự là vì cái gì. Vì ngài biết rằng tâm tham lam không phải là tâm như thực, và tâm như thực không phải là tâm tham lam. [261] Như Lai biết tâm *không tham lam* thực sự là vì cái gì. Vì ngài biết rằng cái tâm mà từ nó tham lam ra đi thì không phải là cái tâm tham lam, và chân tướng của cái tâm từ bỏ tham lam thì không phải là tâm tham lam, bởi vì nó xa lìa tham lam. Và vì Như Lai tuệ tri các tâm *tham* và *không tham*, vì thế ngài biết, theo cùng cách, các tâm *ghét* và *không ghét*, và *mê hoặc* và *không mê hoặc*. [263] Như Lai cũng biết những ý nghĩ *hiếm ít* của chúng sinh thực sự là vì cái gì. Vì ngài biết rằng những ý nghĩ đó không kết hợp với thế giới hiện tượng, chúng không bao gồm trong thế giới hiện tượng. Như Lai biết những ý nghĩ *rộng* và *phong phú* thực sự là vì cái gì. Vì ngài biết rằng những ý nghĩ đó không thực sự tăng hay giảm, những ý nghĩ đó không ra đi, bởi vì chúng không thể làm thế [vì chúng cốt yếu đồng nhất với Pháp giới, và không có chỗ nào bên ngoài để đi]. Như Lai biết những ý nghĩ *chưa qua* chúng thực sự là vì cái gì. Vì ngài biết rằng những ý nghĩ đó chưa đến, chúng không đi, và thực tướng của chúng cũng không bao gồm trong hiện tại. [264] Như Lai biết những ý nghĩ *đã qua* chúng thực sự là vì cái gì. Vì ngài biết rằng những ý nghĩ đó tất cả đều giống nhau trong Chân như tối hậu, thêm vào, trong tự tánh chúng hoàn toàn giống nhau [nghĩa là, chỉ là hư huyền]. Như Lai biết những ý nghĩ trở nên *không bị giới hạn* chúng thực sự là vì cái gì. Vì ngài biết rằng những ý nghĩ đó trở nên không bị giới hạn bởi vì chúng đã ngừng nương tựa vào bất cứ cái gì. Như Lai biết những ý nghĩ *có những thuộc tính có thể nhận*

thúc được chúng thực sự là vì cái gì. Vì ngài biết rằng tất cả những ý nghĩ đó trông giống nhau vì trong tự tánh toàn bộ chúng là những ý nghĩ. [265] Như Lai biết những ý nghĩ *không có những thuộc tính có thể nhận* *thúc được* chúng thực sự là vì cái gì. Vì ngài biết rằng ý nghĩ, vì tự nó không có tướng, và ly cách với đối tượng của chúng, thì không thể nhận *thúc được*, và không đến trong tâm của ba, hay tất cả năm loại thị kiến. Như Lai biết những ý nghĩ *phản ứng* chúng thực sự là vì cái gì. Vì ngài biết rằng những ý nghĩ đó biểu hiện cái gì không thực sự có ở đó, rằng chúng rỗng không, không có trợ duyên khách quan. Như Lai biết những ý nghĩ *không phản ứng* chúng thực ra là vì cái gì. Vì ngài biết rằng những ý nghĩ đó là không phải hai, [266] và rốt ráo không có thực, chúng chỉ có vẻ như đến một thực tướng nào đó. Như Lai biết những ý nghĩ *hạ đẳng* chúng thực sự là vì cái gì. Vì ngài biết rằng trong chân như thực tướng của những ý nghĩ *hạ đẳng* không có tướng tượng tự phụ. Như Lai biết những ý nghĩ *tối thương* chúng thực sự là vì cái gì. Vì ngài biết rằng những ý nghĩ đó không bị cản trở, bởi vì ngay cả cái ý nghĩ nhỏ nhất cũng không được nhận biết. Như Lai biết những ý nghĩ *không tập trung* chúng thực ra là vì cái gì. [267] Vì ngài biết rằng những ý nghĩ đó giống nhau trong việc chúng chấp giữ những dị biệt [được qui hướng về sự biểu thị sai về một thế giới của những sự vật tách rời mà chúng bị phân tán, và] chúng không thành một tổng hợp; theo nghĩa đó chúng *không tập trung*. Như Lai biết những ý nghĩ *tập trung* chúng thực ra là vì cái gì. Vì ngài biết rằng những ý nghĩ đó giống nhau trong pháp giới tự đồng nhất, và bằng cách không làm tắt cả những phân tán, chúng thành tổng hợp, và theo nghĩa này chúng là những ý nghĩ *tập trung*, giống như hư không. Như Lai biết những ý nghĩ *không giải thoát* chúng thực ra là vì cái gì. Vì ngài biết rằng những ý nghĩ đó, trong tự tánh, bây giờ đã giải thoát, vì chúng không có tự tánh hiện hữu. [268] Như Lai biết những ý nghĩ *giải thoát* chúng thực ra là vì cái gì. Vì Như Lai không nhận biết bất cứ một ý nghĩ nào là quá khứ, là vị lai, hay là hiện tại, bởi vì ý nghĩ không thực sự ở đó. Như Lai biết những ý nghĩ *không thể nhận* *thúc được* chúng thực ra là vì cái gì. Vì ngài

biết rằng ý nghĩ đó, bởi vì nó không thực sự ở đó, người ta không thể nhận thức được nó; bởi vì nó không có thực tướng, nên không thể phân biệt được; bởi vì nó thiếu thực tướng hoàn toàn, nên không thể nắm bắt được, – bằng mắt tuệ, bằng mắt trời, còn ít hơn biết bao là bằng mắt thịt, vì nó không đến trong phạm vi của mắt nào trong những mắt đó. Hơn nữa, Như Lai tuệ tri, chúng thực ra là vì cái gì, những *khuynh hướng* của vô số chúng sinh *nói những câu khẳng định* hay *phủ định* *sự vật*. Vì ngài biết [269] rằng tất cả những ý kiến này phát sinh tùy thuộc vào sắc, và các uẩn khác. Làm sao ngài phân biệt được sự tùy thuộc vào các uẩn của những câu nói khẳng định và phủ định đó? Nếu chúng ta lấy những câu như – ‘Như Lai tiếp tục hiện hữu sau khi chết,’ ‘Như Lai không tiếp tục hiện hữu sau khi chết,’ ‘Như Lai không tiếp tục và không tiếp tục hiện hữu sau khi chết,’ ‘Như Lai không tiếp tục cũng chẳng không tiếp tục hiện hữu sau khi chết’ – thì những câu nói đó chỉ ám chỉ các uẩn [và chúng không có căn bản nào trong thực tướng của Như Lai]. Điều đó cũng đúng với những câu nói tương tự, nghĩa là, khi người ta nói: ‘Thường hằng là ngã và thế giới, – chỉ cái đó là chân lý, mọi thứ khác đều là mê hoặc.’ Và như vậy nếu có người chủ trương rằng ngã và thế giới đều không thường hằng, vừa thường hằng vừa không thường hằng, không thường hằng cũng chẳng không thường hằng. [270] Hay tương tự, nếu có người chủ trương rằng ngã và thế giới hữu cùng, hay không phải hữu cùng, hay vừa hữu cùng vừa vô cùng, hay chẳng phải hữu cùng cũng chẳng phải không hữu cùng. Hay cuối cùng, nếu có người nói ‘cái mà nó là linh hồn, cái đó là thế xác,’ hay ‘một cái là linh hồn, một cái là thế xác,’ tất cả những câu nói này chỉ ám chỉ các uẩn. Nhờ bát-nhã ba-la-mật mà Như Lai biết những câu nói khẳng định và phủ định đó thực ra chúng vì cái gì. [271] Như Lai tri kiến rằng các uẩn đồng nhất với Chân như. Đó là tại sao Ngài biết, nhờ bát-nhã ba-la-mật, những câu nói khẳng định và phủ định thực sự là vì cái gì. Như vậy Như Lai khiến cho Chân như được biết qua Chân như của Như Lai, qua Chân như của các uẩn, qua Chân như của những câu nói khẳng định và phủ định. Và chính Chân như đó của các uẩn, đó cũng là Chân như của thế

giới. Vì Như Lai đã nói rằng “năm uẩn được kể như là ‘thế giới.’” Vì thế lúc ấy, Tu-bồ-đề, cái mà nó là Chân như của các uẩn, đó là Chân như của thế giới, đó là Chân như của tất cả các pháp; cái mà nó là Chân như của thế giới, đó là Chân như của tất cả các pháp; cái mà nó là Chân như của tất cả các pháp, đó là Chân như của Chân như của quả Nhập lulu, và như thế, cho đến: đó là Chân như của cảnh giới Duyên giác, đó là Chân như của Như Lai. Vì thế tất cả Chân như này, – Chân như của Như Lai, của năm uẩn, của tất cả các pháp, của tất cả các thánh Thanh văn và Duyên giác – chỉ là một Chân như duy nhất, không có dấu vết khác nào của khăng định và phủ định, là một, không khác, vô tận, không bị ảnh hưởng, không hai, không nguyên nhân vì bất nhị. [272] Đó là Chân như mà Như Lai biết đầy đủ, nhờ bát-nhã ba-la-mật. Bát-nhã ba-la-mật dạy Như Lai trong thế giới này như vậy. Như Lai chỉ bày thế giới cho thế gian mê đắm này thực ra nó là cái gì là như vậy. Và như thế thị kiến về thế giới này xảy ra. Bát-nhã ba-la-mật là mẹ của chư Như Lai, người đã sinh ra các Ngài là như vậy. Như Lai, sau khi giác ngộ Chân như, tri kiến Chân như của thế giới, Tính Bất hủ của nó, Chân như bất biến của nó là như vậy. Và vì thế, chỉ vì Ngài đã giác ngộ Chân như⁵⁶ nên Như Lai được gọi là Như Lai⁵⁷.

Tu-bồ-đề: Thâm sâu, Ôi Thế Tôn, là Chân như. Giác ngộ của chư Phật, chư Thế Tôn, sinh ra và hiển lộ qua nó. Ai khác có thể tin chắc nơi nó, trừ một Bồ-tát bất thối chuyền, hay một A-la-hán tâm ý đã hoàn thành, hay một người đã đạt được chánh kiến. Do đó những trạm dừng [stations] cực kỳ thâm sâu này được Như Lai miêu tả sau khi ngài đã chứng ngộ chúng.

Thé Tôn: Đúng vậy, Tu-bồ-đề. Vì Chân như này mà Như Lai biết đầy đủ, là vô tận, và Như Lai miêu tả nó là vô tận sau khi đã biết nó đầy đủ.

4. CÁC TƯỚNG THÂM SÂU, VÀ CHÚNG BỊ RÀNG BUỘC NHƯ THẾ NÀO

⁵⁶ Phạn: *tathatā*.

⁵⁷ Phạn: *Tathagata*.

Vì thế, do Thiên đế Thích-đè, dẫn đầu, các thiên cõi dục và cõi sắc, và hai vạn thiên của cõi Phạm-thiên đến chỗ Thê Tôn, đánh lẽ dưới chân ngài, đứng sang một bên, và nói: Các pháp thâm sâu đã được hiển bày, Ôi Thê Tôn, là những tướng cố định nơi chúng chăng? [273]

Thê Tôn: Các tướng cố định nơi sự thật là chúng rỗng không, vô tướng, vô nguyện, không kết hợp với nhau, không sinh, không đoạn, không nhiễm, không tịnh, chúng không hiện hữu, Niết-bàn, pháp giới, và Chân như. Vì những tướng ấy không có gì ủng hộ. Chúng giống như hư không. Những tướng ấy không do Nhu Lai cố định, không thể tính chúng vào các uẩn, chúng không tùy thuộc vào các uẩn, chúng không do thần, rồng hay người cố định, và chúng không thể bị thế giới với các thần, người và a-tu-la làm cho rơi rớt. Vì thế giới này với các thần, người và a-tu-la cũng chỉ có tướng này. Không một bàn tay nào cố định những tướng đó. Nói rằng hư không này được một cái gì đó cố định nó có đúng không?

Chư thiên: Dạ không, Ôi Thê Tôn, bởi vì nó vô vi.

Thê Tôn: Đúng vậy, ôi chư thiên. Không tùy thuộc vào chư Nhu Lai có sinh hay không, [274] các tướng ấy đứng ra như vậy. Hợp với những gì đứng ra như thế Nhu Lai miêu tả thực tướng của chúng, sau khi Nhu Lai biết nó đầy đủ. Vì thế, Nhu Lai được gọi là ‘Nhu Lai.’

Tu-bồ-đề: Thâm sâu, Ôi Thê Tôn, là những tướng này mà Nhu Lai đã biết đầy đủ. Nhưng bát-nhã ba-la-mật này là tri kiến không chấp trước của chư Nhu Lai. Vì cánh đồng tri kiến không chấp trước là bát-nhã ba-la-mật tầm mức của chư Nhu Lai.

5. THẾ GIỚI HIỀN BÀY NHƯ LÀ RỖNG KHÔNG

Thê Tôn: Đúng vậy, Tu-bồ-đề. Như vậy đó là bát-nhã ba-la-mật dạy chư Nhu Lai trong thế giới này. Mức độ mà chư Nhu Lai trú trong sự tùy thuộc thâm mật ở pháp này, bát-nhã ba-la-mật, đến mức độ đó là những pháp này, đứng kiên trì mãi, được Nhu Lai biết đầy đủ, qua sự không trú một chỗ nào. Vì thế các ngài trú trong sự

tùy thuộc gần gũi và thâm mật nơi Pháp áy. Các ngài đối xử Pháp với sự kính trọng, tôn nghiêm, sùng bái và trang trọng, vì các ngài biết rằng yêu tánh này của các pháp chính là bát-nhã ba-la-mật. Vì nhất thiết trí của chư Như Lai sinh ra từ bát-nhã ba-la-mật này, và vì thế chư Như Lai biết ơn và cảm ơn bát-nhã ba-la-mật. Công bình có thể gọi các Như Lai là ‘biết ơn và cảm ơn’⁵⁸. Trong biết ơn và cảm ơn, Như Lai [275] ưu ái và áp ủ chiếc xe trên đó ngài đã đến và con đường mà ngài đã đạt được giác ngộ viên mãn. Người ta nên biết đó là sự biết ơn và cảm ơn của Như Lai. Thêm vào, Như Lai đã biết tất cả các pháp một cách đầy đủ là bất tạo⁵⁹, là không phải bất tạo, là không phải do kết hợp với nhau. Người ta cũng nên biết đây là sự biết ơn và cảm ơn của Như Lai. Vì cảm ơn bát-nhã ba-la-mật mà tuệ tri của Như Lai như thế đã tiến hành nơi tất cả các pháp. Đó là một nét khác của sự thật mà bát-nhã ba-la-mật chỉ dạy chư Như Lai trong thế giới này.

Tu-bồ-đề: Nhưng làm sao bát-nhã ba-la-mật có thể chỉ dạy các Như Lai trong thế giới này nếu tất cả các pháp là không thể biết được và không thể nhận thức được?

Thé Tôn: Tốt, này Tu-bồ-đề, là ông quyết định hỏi Như Lai về vấn đề này. Tất cả các pháp quả thật là không thể biết được và không thể cảm nhận được. Bởi vì chúng rỗng không, và không tựa vào bất cứ vật gì. Như thế là tất cả các pháp, nhờ bát-nhã ba-la-mật, mà các Như Lai biết được một cách đầy đủ. Vì một lý do khác, bát-nhã ba-la-mật cũng có thể được xem là người dạy các Như Lai trong thế giới này, nghĩa là, bởi vì không thấy có một uẩn nào. [276]

Tu-bồ-đề: Làm sao có thể có được sự không thấy sắc, v.v...?

Thé Tôn: Ở đâu ý thức phát sinh một hành động mà không có một uẩn nào trợ duyên khách quan, ở đó xảy ra sự không thấy sắc, v.v.... Nhưng chỉ không thấy các uẩn này là thấy thế giới. Đó là cách Như Lai thấy thế giới. Như thế đó là bát-nhã ba-la-mật hành động như là người chỉ dạy các Như Lai trong thế gian này. Và làm sao bát-nhã ba-la-mật hiển bày thế giới nó vì cái gì? Bát-nhã ba-la-

⁵⁸ Phạn: *kritajña kritavedin*.

⁵⁹ Phạn: *akrita*.

mật hiển bày thế giới là rỗng không, không thể nghĩ bàn, tinh lặng. Vì tự tịnh, bát-nhã ba-la-mật hiển bày thế giới, làm cho thế giới được biết đến, nó chỉ ra thế giới.

Chương XIII

KHÔNG THỂ NGHĨ BÀN

1. NĂM ĐỨC TÍNH CỦA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

Tu-bồ-đề: Thâm sâu, Ôi Thế Tôn, là bát-nhã ba-la-mật. Chắc là một tác nhân vĩ đại đã dựng lập bát-nhã ba-la-mật như một tác nhân không thể nghĩ bàn, không thể so sánh, không thể đo lường, không thể tính toán, như một tác nhân bình đẳng những cái không bình đẳng.

Thế Tôn: Đúng vậy, Tu-bồ-đề. Và vì sao nó là tác nhân không thể nghĩ bàn? Bởi vì không thể nghĩ bàn là cảnh giới Nhu Lai, cảnh giới Phật, Tự-hữu, và cảnh giới nhất thiết trí. Và về những điều này người ta không thể phản chiếu bằng một ý nghĩ, bởi vì chúng không thể nào là đối tượng của ý nghĩ, hay của ý chí, hay của bất cứ một pháp nào kiến tạo ý nghĩ. Và vì sao nó là tác nhân không thể so sánh? Bởi vì người ta không thể phản chiếu cảnh giới Nhu Lai, v.v..., cũng không thể so sánh nó. Và vì sao nó không thể đo lường? [278] Bởi vì cảnh giới Nhu Lai, v.v..., thì không thể đo lường. Và vì sao nó không thể tính toán? Bởi vì cảnh giới Nhu Lai, v.v..., thì không thể tính toán. Và vì sao nó là tác nhân bình đẳng những cái không bình đẳng? Bởi vì không cái gì có thể bằng với Nhu Lai, với Bậc Giác Ngộ viên mãn, với Tự-hữu, với Nhất-thiết-trí, cái gì có thể cao hơn Nhu Lai thì còn ít hơn biết bao?

Tu-bồ-đề: Năm đức tính này chỉ áp dụng với cảnh giới Nhu Lai, v.v..., hay cũng áp dụng cho các uẩn và cho tất cả các pháp?

Thế Tôn: Chúng cũng áp dụng cho mấy cái kia. Các uẩn, và tất cả các pháp cũng không thể nghĩ bàn. Vì với yếu tánh thực của sắc, v.v..., không có ý nghĩ, cũng không ý chí, cũng không có bất cứ pháp nào kiến tạo ý nghĩ, cũng không có bất cứ sự so sánh nào. Vì lý do đó các uẩn và tất cả các pháp [279] cũng không thể nghĩ bàn và không thể so sánh. Chúng cũng không thể đo lường, bởi vì người ta không thể tư duy về sự đo lường sắc, v.v..., vì cách đo lường đó

không hiện hữu, vì thế tất cả các pháp vô cùng. Chúng cũng không thể tính toán được, bởi vì chúng vượt lên trên tất cả các khả năng tính toán. Chúng cũng bình đẳng với những cái không bình đẳng, bởi vì tất cả các pháp giống như hư không. Này Tu-bồ-đề, ý ông thế nào, ở đó có sự giống nhau nào hiện hữu liên quan với hư không, hay đo đếm, hay so sánh, hay ý nghĩ, hay một pháp kiến tạo ý nghĩ không?

Tu-bồ-đề: Dạ không, Thé Tôn. [280]

Thé Tôn: Cũng vậy, tất cả các pháp đều không thể nghĩ bàn, không thể so sánh, không thể đo lường, bình đẳng với những cái không bình đẳng. Vì chúng là pháp Như Lai. Nhưng các pháp Như Lai đó thì không thể nghĩ bàn bởi vì tất cả ý nghĩ đã đoạn, và không thể so sánh bởi vì chúng đã hoàn toàn vượt lên trên toàn bộ sự so sánh. Bằng các chữ ‘không thể nghĩ bàn’ và ‘không thể so sánh’ là để chỉ tất cả các đối tượng thuộc ý thức. Và với ‘không thể đo lường’, ‘không thể tính toán’ và ‘bình đẳng với những cái không bình đẳng’, cũng vậy. Bởi vì tất cả sự đo lường, tính toán, giống nhau đã đoạn là các pháp Như Lai không thể đo lường, không thể tính toán, bình đẳng với những cái không bình đẳng. Chúng không thể đo lường, không thể tính toán, bình đẳng với những cái không bình đẳng bởi vì tính không thể đo lường và tính không thể tính toán của chúng thì giống như hư không. Các pháp này không thể so sánh cùng nghĩa với hư không không thể so sánh. Các pháp này chắc chắn không thể đặt cạnh nhau, đó là lý do chúng không thể so sánh. Các pháp này không thể nghĩ bàn, không thể so sánh, không thể đo lường, không thể tính toán, bình đẳng với những cái không bình đẳng đồng nghĩa với hư không có những thuộc tính này.

2. SỰ TÁI SINH TINH THẦN KẾT QUẢ TỪ TRI KIẾN NÀY

Khi nghe dạy giáo pháp về tính không thể nghĩ bàn này, v.v..., tâm của năm trăm tỳ-kheo được giải thoát, không còn bám vào các lậu nữa, và tâm của hai ngàn tỳ-kheo ni cũng vậy. Sáu ngàn nam

cư sĩ và ba ngàn nữ cư sĩ được con mắt pháp thanh tịnh, điềm tĩnh, không cầu uế. Hai vạn Bồ-tát đạt hạnh nhẫn nhục chấp nhận các pháp vô sinh. Và Thế Tôn đã thọ ký rằng họ sẽ đạt giác ngộ trong chính Hiền kiếp⁶⁰ này. Và về các nam cư sĩ và nữ cư sĩ, với con mắt pháp thanh tịnh, họ cũng đã được Thế Tôn thọ ký, và họ cũng sẽ được giải thoát, không còn chấp các rỉ lậu nữa. [281]

3. KHÔNG GÌ ĐỀ CHẤP GIỮ

Tu-bồ-đề: Thâm sâu, Ôi Thế Tôn, là bát-nhã ba-la-mật. Chắc chắn vì một đại tác nhân mà nó được dựng lập.

Thế Tôn: Đúng vậy, Tu-bồ-đề. Vì nhất thiết trí đã được trao phó cho nó, và vì thế nó có được hàng Thanh văn và hàng Duyên giác. Một vị vua có xúc đầu thánh, một Sát-dé-ly⁶¹, cảm thấy dũng mạnh và an ninh trong vương quốc của mình, trao phó toàn bộ công việc triều chánh, thành phố và vương quốc của mình cho quan thương thư, và chính nhà vua chỉ có một ít quan tâm, và gánh nặng của mình nhẹ đi. Cũng vậy, bất cứ pháp nào của các Phật, các Duyên giác, hay các Thanh văn có thể có, tất cả đều được trao phó cho bát-nhã ba-la-mật. Ấy là bát-nhã ba-la-mật nơi chúng làm việc ấy. Theo cách này thì bát-nhã ba-la-mật đã được dựng lập vì một đại tác nhân, nghĩa là, như thế người ta không nên bám vào sắc, v.v..., cũng không trụ nơi nó. Và về các uẩn, cũng như các quả của đời sống phạm hạnh, từ quả Dự lưu đến cảnh giới nhất thiết trí, cũng vậy.

Tu-bồ-đề: Bát-nhã ba-la-mật đã được dựng lập bằng cách nào mà người ta không bám vào cảnh giới nhất thiết trí, cũng không trụ nơi nó? [282]

Thế Tôn: Ông có xem quả vị A-la-hán như là một pháp có thực mà ông có thể chấp giữ hay trụ không?

Tu-bồ-đề: Dạ không, Thế Tôn!

Thế Tôn: Đúng vậy, Tu-bồ-đề. Tôi cũng không xem cảnh giới Như Lai là có thực, và vì thế tôi không chấp giữ nó, không trụ nơi

⁶⁰ Phạn: *Bhadralalpa*.

⁶¹ Phạn: *Kshatriya*.

nó. Vì lý do đó nhất thiết trí cũng là cảnh giới trong đó người ta không chấp giữ vật gì cũng không trụ nơi vật gì.

Tu-bồ-đề: Các Bồ-tát chỉ mới lên đường trên xe, và thiện căn của họ còn nhỏ, phải ý thức rằng họ không run rẩy khi nghe giải thích này. Mặt khác, các Bồ-tát khi nghe bát-nhã ba-la-mật thâm sâu này, sẽ tin chắc nó nếu họ thích hợp với cảnh giới Phật, đã thực hiện các phận sự của họ dưới các bậc Chiến Thắng của quá khứ, và đã tròng thiện căn trong một thời gian dài.

Thế Tôn: Đúng vậy, Tu-bồ-đề.

4. PHẢN ÚNG CỦA CHƯ THIỀN

Nhân đó, chư thiên ở cõi dục và cõi sắc nói với Thế Tôn: Thâm sâu, Ôi Thế Tôn, là bát-nhã ba-la-mật này, khó thấy, khó hiểu. [283] Những chúng sinh tin quyết vào bát-nhã ba-la-mật rất thâm sâu này phải thực hiện các bốn phận của họ dưới các bậc Chiến Thắng của quá khứ, phải tròng thiện căn trong một thời gian lâu. Ôi Thế Tôn, nếu tất cả chúng sinh trong đại thiêng này phải theo đuổi địa vị của người theo Đạo trong một kiếp hay phần còn lại của một kiếp; và mặt khác, nếu có người chỉ trong một ngày thôi, nên tìm lạc thú trong hạnh nhẫn nhục chấp nhận bát-nhã ba-la-mật thâm sâu này, và nên tìm nó, tư duy nó, cân nhắc nó, thẩm tra nó và thiền định nó, thì người ấy sẽ tốt hơn tất cả những chúng sinh kia.

Thế Tôn: Này chư thiên, nếu có người nghe bát-nhã ba-la-mật thâm sâu này, v.v..., thì người ta mong rằng Niết-bàn của mình xảy ra nhanh hơn Niết-bàn của những người theo đuổi địa vị của người theo đạo một kiếp, hay phần còn lại của một kiếp.

Chư thiên: Ba-la-mật vĩ đại là bát-nhã ba-la-mật! – Sau khi nghe những lời đó, họ đánh lě dưới chân Thế Tôn với đầu chạm đất, đi vòng quanh Thế Tôn ba lần, quyết định từ giã trước sự hiện diện của Thế Tôn, họ thân thiện từ giã ngài và ra đi. Trước khi đi xa, họ liền biến mất, và chư thiên của cõi dục đi về cõi dục, và chư thiên cõi sắc đi về thế giới Phạm-thiên.

Chương XIV

TỈ ĐƯ

1. TÁI SINH VỊ LAI VÀ QUÁ KHỨ

Tu-bô-dè: Nếu một Bồ-tát, chỉ nghe thôi, liền tin vào bát-nhã ba-la-mật thâm sâu này, không trở nên sợ hãi, vô cảm, tê liệt hay mê mờ, không nghi ngờ hay do dự, nhưng hoan hỉ trong bát-nhã ba-la-mật, – Bồ-tát ấy chết ở đâu, tái sinh chỗ nào?

Thé Tôn: Nếu một Bồ-tát ứng đáp bát-nhã ba-la-mật theo cách như thế, nếu ông ấy hoan hỉ khi thấy và nghe nó, nhớ nó trong tâm và phát triển nó, giữ tâm cố định nơi nó mà không đổi hướng chỗ khác, cảm thấy có sự thúc giục nhận lấy nó, mang nó trong tâm, thuyết giảng, nghiên cứu và truyền bá nó, một khi ông ấy đã nghe bát-nhã ba-la-mật, nếu ông ấy theo đuổi người tụng pháp và không để người ấy đi, cho đến khi ông ấy biết thuộc lòng bát-nhã ba-la-mật hay có được tập sách có nó, giống như con bò cái không bỏ rơi con bê con, – thì Bồ-tát này chết nơi loài người và sẽ tái sinh nơi loài người. [285]

Tu-bô-dè: Có thể một Bồ-tát, được phú bẩm những phẩm tính này, đã chết ở các Phật địa khác, trước khi ngài ấy tái sinh nơi đây không?

Thé Tôn: Hoàn toàn có thể là một Bồ-tát được phú bẩm những phẩm tính này, trước khi tái sinh nơi đây, đã chết ở các Phật địa khác, nơi ông ấy đã tôn vinh và tham hỏi các Phật và các Thé Tôn. Hay ông ấy cũng có thể đã chết ở cõi trời Đâu-suất⁶². Có thể ông ấy đã tôn vinh Bồ-tát Di-lặc, và luôn luôn tham vấn về bát-nhã ba-la-mật này.

2. NHỮNG HÀNH VI QUÁ KHỨ CỦA MỘT BỒ-TÁT THẤT BẠI TRONG BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

⁶² Phạn: *Tushita*.

Mặt khác, nếu một Bồ-tát trong quá khứ đã nghe bát-nhã ba-la-mật thâm sâu này nhưng ông ấy không hỏi một câu nào về nó, và nếu về sau khi ông ấy tái sinh trong loài người và nghe dạy bát-nhã ba-la-mật thâm sâu này, ông ấy do dự, mê mờ và sợ hãi, thì có thể chắc chắn rằng trong quá khứ ông ấy cũng đã là một trong những người không tự nguyện hỏi câu hỏi. Lại nữa, một Bồ-tát khác có thể trong quá khứ đã có thái độ đúng đắn với bát-nhã ba-la-mật thâm sâu này, trong một, hai, ba, bốn hay năm ngày, và bây giờ chỉ trong một thời gian nào đó ông ấy có niềm tin nơi nó, nhưng về sau lại rút lại, và ông ấy không còn cảm thấy thích hỏi về nó nữa. Vì sự thật là nếu [286] một Bồ-tát trong quá khứ không có tất cả thời gian hỏi câu hỏi về bát-nhã ba-la-mật thâm sâu này, và không theo đuổi nó trong toàn bộ thời gian, rồi sau đó vào một lúc nào đó ông ấy cảm thấy có sự thúc giục theo đuổi nghe bát-nhã ba-la-mật thâm sâu này, nhưng không như thế vào những lúc khác; ông ấy sẽ lại mất niềm tin của mình, trở nên nản chí, sự thông minh trở nên không kiên định, giống như một cuộn bông. Có thể chắc chắn rằng một Bồ-tát như thế chỉ vì đã lên xe muộn. Đến xe muộn, ông ấy sẽ mất niềm tin nơi nó, sự tin tưởng tịch tĩnh nơi nó, sự thúc giục vì nó, nói cách khác, ông ấy sẽ không chấp nhận bát-nhã ba-la-mật thâm sâu này và không theo đuổi nó nữa. Người ta phải mong rằng ông ấy sẽ tiếp tục với một trong hai hạng, là Thanh văn hay hạng Duyên giác.

3. BỐN TỈ DỤ

Khi một con tàu bị đắm giữa đại dương, người ta sẽ chết trong nước không đến được bờ, nếu họ không tìm được sự ủng hộ của một khúc cây, hay một miếng gỗ, hay một vật thể cứng chắc khác. Nhưng những người xoay xở có được sự ủng hộ như thế sẽ không chết trong nước; an toàn và không trôi ngại, họ sẽ vượt qua đến bờ kia, và đứng, không đau và không bị thương, trên nền đất vững chắc. Cũng vậy, một Bồ-tát được phú bẩm chỉ một niềm tin nhỏ bé, chỉ một tin tưởng tịch tĩnh nhỏ bé, chỉ một tình thương nhỏ bé, chỉ một ham muốn làm nhỏ bé, và những người không được sự ủng hộ của

bát-nhã ba-la-mật, sẽ rơi giữa đường ác và không đạt đến cảnh giới nhất thiết trí, ông ấy sẽ đứng trong hàng Thanh văn hay Duyên giác. Có khác là trường hợp của một Bồ-tát [287] có niềm tin nơi nó, nhẫn nhục chấp nhận nó, hưng thú với nó, có tâm muôn làm, có khí lực, thận trọng, quả quyết, nhiệt tâm, từ bỏ, ít được kính trọng, hân hoan, phấn khởi, niềm tin tịch tĩnh, thương mến nó, và luôn luôn cố gắng đạt giác ngộ viên mãn, và cũng có được sự ủng hộ của bát-nhã ba-la-mật. Khi đạt được bát-nhã ba-la-mật, ông ấy sẽ trụ trong nhất thiết trí. Nếu có người dùng một cái bình không được nung kỹ để chứa nước, cái bình ấy sẽ không dùng được lâu, và thực tế nó sẽ vỡ ra từng mảnh tan tành. Vì trong tình trạng không được nung kỹ thực tế nó sẽ sớm đi đến kết thúc trên nền đất. Cũng vậy, mặc dù một Bồ-tát có thể có tất cả những đức tính đã kể ở trên, từ niềm tin đến sự khăng khăng ham muôn đạt giác ngộ, bao lâu ông ấy không được bát-nhã ba-la-mật và phương tiện thiện xảo hộ trì, ông ấy sẽ đến lúc sa ngã giữa con đường xấu, nói cách khác, ông ấy sẽ rơi vào hạng Thanh văn hay Duyên giác. Nhưng nếu một người mang nước, từ sông, hay hồ, hay ao, hay giếng, hay bất cứ một nơi mang nước nào khác, trong một bình được nung tốt, thì cái bình ấy cùng với nước [288] sẽ đến nhà an toàn và không bị thương tổn, chỉ vì điều kiện được nung kỹ của cái bình đó. Cũng vậy, một Bồ-tát không những chỉ có những đức tính đã kể trên mà thêm vào còn được bát-nhã ba-la-mật và phương tiện thiện xảo hộ trì, sẽ không xảy ra việc sa ngã giữa con đường xấu, và không bị đau, không bị thương tổn, ông ấy sẽ trụ trong nhất thiết trí. Một người ngu sẽ hạ thủy một con tàu ra viễn khơi mà nó không được trét keo hay sửa chữa, và đã buộc neo trong một thời gian lâu, chất hàng hóa quá sức nó, rồi leo lên và khởi hành nó. Con tàu của người ấy sẽ bị sụp đổ trước khi nó chuyển được hàng hóa qua biển. Hàng hóa của người ấy sẽ ở một nơi và con tàu sẽ biến mất một nơi khác. Theo cách này, người thương nhân ngu đó, không thiện xảo về phương tiện, sẽ mất một vận may lớn, một nguồn vui sướng lớn. Cũng vậy, một Bồ-tát có tất cả những đức tính kể trên, nhưng thiếu bát-nhã ba-la-mật và phương tiện thiện xảo, [289] không có được niềm vui

sướng của nhất thiết trí, ông ấy sẽ suy sụp giữa đường, bị sa ngã; ông ấy mất rất nhiều sự vui sướng của riêng mình, và ông ấy cũng mất rất nhiều sự vui sướng của những người khác, bởi vì ông ấy mất nhất thiết trí, giống như một vân mây lớn và một nguồn vui sướng lớn; không kể sự suy sụp của ông ấy giữa con đường xấu, sự rơi vào hàng Thanh văn hay Duyên giác. Một khác, một thương nhân thông minh sẽ kiến tạo một con tàu kiên cố, sẽ hạ thủy nó với sự thận trọng đúng mức, xếp hàng hóa lên tàu với sự phân bố đồng đều, và với gió thuận chiều tàu của người ấy dần dần dương buồm đến quốc gia mục tiêu của cuộc du hành trên biển. Tàu của người ấy sẽ không sụp đổ trong nước, nó sẽ đi đến nơi mà nó muốn đến, và thương nhân sẽ đạt được nhiều của cải thế gian bằng châu ngọc. Cũng thế, một Bồ-tát có niềm tin, và những đức tính khác như đã kể trên, và thêm vào đã được bát-nhã ba-la-mật và không thiếu sự thiện xảo trong các phương tiện hộ trì, chắc chắn ông ấy sẽ không suy sụp giữa con đường xấu, ông ấy sẽ không bị sa ngã, ông ấy sẽ trụ trong giác ngộ vô thượng. Vì sự thật là [290] nếu một Bồ-tát có niềm tin, và những đức tính khác như đã kể trên, và thêm vào, nếu những pháp này của ông ấy đã được bát-nhã ba-la-mật hộ trì và không thiếu sự thiện xảo trong các phương tiện, thì ông ấy sẽ không vội vàng hướng về mức độ của Thanh văn hay Duyên giác, mà trái lại các pháp này sẽ hướng mặt theo hướng nhất thiết trí, chúng sẽ lên đường vì nó, và chúng sẽ đưa đến đạt giác ngộ viên mãn. Nếu một người rất già, tuổi đã cao, suy yếu, hãy nói là một trăm hai mươi tuổi, và nếu người ấy thân ngã bệnh, thì người ấy có thể từ giường đứng dậy mà không cần sự trợ giúp của người khác không?

Tu-bồ-dề: Dạ không, Thế Tôn!

Thế Tôn: Và ngay cả khi người ấy có thể đứng dậy trên giường mình, chắc chắn người ấy sẽ không có đủ sức bước đi được khoảng nửa dặm. Bị cả tuổi già và bệnh phì phạm, người ấy không thể bước đi đây đó trong bất thời gian nào, ngay cả khi người ấy có thể đứng lên từ giường. Cũng thế, dù cho một Bồ-tát có tất cả những đức tính kể trên, nếu ông ấy không được bát-nhã ba-la-mật hộ trì và thiếu sự thiện xảo trong các phương tiện, thì mặc dù ông ấy có thể lên đường

vì giác ngộ viên mãn, song ông ấy sẽ suy sụp giữa con đường xấu, ông ấy sẽ bị sa ngã, nói cách khác, ông ấy sẽ đứng ở mức Thanh văn hay Duyên giác. [291] Đây là kết quả cần thiết của sự thật là ông ấy đã không được bát-nhã ba-la-mật hộ trì và thiếu sự thiện xảo trong các phương tiện. Nhưng có thể là hai người có sức mạnh trợ giúp người già và bệnh áy, và cẩn thận nâng người áy lên và hứa với người áy rằng người áy có thể đi bất cứ chỗ nào mình muốn, và xa đến đâu tùy ý, bởi vì họ sẽ trợ giúp người áy, và người áy không cần sợ bị ngã trên con đường đưa đến chỗ người áy phải đi. Cũng vậy, một Bồ-tát có niềm tin, v.v..., được bát-nhã ba-la-mật trợ giúp, và được phú bẩm sự thiện xảo trong các phương tiện, ông ấy chắc chắn không suy sụp giữa đường xấu, ông ấy sẽ không sa ngã, ông ấy có thể đến được trạm dừng này, nghĩa là, trạm dừng của giác ngộ viên mãn.

Chương XV

CHU THIỀN

1. PHẬN SỰ CỦA NGƯỜI MỚI BẮT ĐẦU

Tu-bô-dè: Một Bồ-tát chỉ mới bắt đầu nêu trụ trong bát-nhã ba-la-mật như thế nào, tu luyện mình như thế nào?

Thé Tôn: Một Bồ-tát như thế nêu chăm sóc, thương yêu và tôn vinh các thiện tri thức. Các thiện tri thức của ông ấy là những người sẽ giáo huấn và khuyên bảo ông ấy trong bát-nhã ba-la-mật, và sẽ giảng giải nghĩa của nó cho ông ấy. Họ sẽ giảng giải như sau: “Hãy đến đây, người con trai của gia đình thiện lương, hãy gắng sức trong sáu ba-la-mật. Bất cứ điều gì anh có thể đạt được bằng cách bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, [293] hay trí tuệ, – tất cả chuyển thành giác ngộ viên mãn. Nhưng đừng hiểu sai giác ngộ viên mãn là sắc, hay bất cứ uẩn nào khác. Vì nhất thiết trí không thể nắm bắt được. Và đừng mong cấp bậc Thanh văn hay Duyên giác. Như vậy là một Bồ-tát mới bắt đầu, nhờ thiện tri thức, dần dần nhập vào bát-nhã ba-la-mật.”

2. BỒ-TÁT TRỢ GIÚP CHÚNG SINH CÁCH NÀO

Tu-bô-dè: Những người làm điều khó là những Bồ-tát đã lên đường để đạt giác ngộ viên mãn. Nhờ thực hành sáu ba-la-mật, như đã miêu tả ở trên, họ không ước mong đạt giải thoát nơi Niết-bàn riêng tư của họ. Họ quán sát thế giới chúng sinh đau khổ cao độ. Họ muốn đạt được giác ngộ viên mãn, và họ không run rẩy vì sinh và tử.

Thé Tôn: Đúng vậy. Những người làm việc khó là những Bồ-tát đã lên đường vì lợi ích và hạnh phúc của thế gian, vì thương xót thế gian. “Chúng tôi sẽ trở thành nơi trú ẩn cho thế gian, nơi nương náu, nơi nghỉ ngơi, nơi làm vơi nhẹ cuối cùng, những hòn đảo, những ánh sáng, và những người dẫn đạo thế gian. Chúng tôi sẽ đạt được

giác ngộ viên mãn, và trở thành nơi trông cậy của thế gian,” – với những lời này họ tạo nên nỗ lực mạnh mẽ để đạt sự giác ngộ viên mãn như thế. [294]

1. Rồi làm sao các Bồ-tát đã thức tỉnh trước giác ngộ viên mãn trở thành *chỗ trú* của thế gian? Họ bảo vệ khỏi bị tất cả những đau khổ thuộc sinh tử, họ tranh đấu và nỗ lực loại bỏ đau khổ của thế gian.

2. Làm sao họ trở thành *chỗ nương náu* của thế gian? Họ giải thoát khỏi sinh, già, bệnh, chết, sầu muộn, thương tiếc, đau đớn, buồn và thất vọng cho những chúng sinh phải trải qua những tình trạng này.

3. Làm sao họ trở thành *chỗ nghỉ ngoi* của thế gian? Các Như Lai chứng minh Pháp cho chúng sinh như thế họ có thể học không ôm áp bất cứ cái gì.

Tu-bồ-dề: Sự không ôm áp đó đến như thế nào?

Thé Tôn: Sự không ôm áp sắc, v.v..., thì giống như sự không kết nối, như sự bất sinh và bất diệt của nó. [295] Như thế người ta học không ôm áp bất cứ cái gì là kết quả của tri kiến mà tất cả các pháp là không ôm áp, không kết nối.

4. Làm sao họ trở thành *nơi làm voi bót cuối cùng* của thế gian? Cảnh giới ở bên kia sắc không phải là sắc; mà là cái Ở Bên Kia, sắc, v.v..., và tất cả các pháp cũng vậy.

Tu-bồ-dề: Nếu sắc, v.v..., và tất cả các pháp là cái Ở Bên Kia, thì chắc chắn các Bồ-tát phải biết đầy đủ tất cả các pháp. Bởi vì giữa chúng không có sự phân biệt.

Thé Tôn: Đúng thế. Nơi cái Ở Bên Kia không có sự phân biệt. Do sự không phân biệt của chúng tất cả các pháp trở nên được biết đầy đủ đối với các Bồ-tát. Đây cũng là điều khó nhất cho các Bồ-tát thiền định về tất cả các pháp, nhưng không nhận ra [296] cũng không sợ, và họ thiền định như vậy: “Bằng cách này tất cả những pháp này được biết đầy đủ, và như thế, đã tinh thức trước giác ngộ viên mãn, chúng tôi sẽ chứng minh tất cả các pháp này, và hiển bày chúng.”

5. Làm sao họ trở thành *những hòn đảo*? ‘Những hòn đảo’ là

những mảnh đất bị nước giới hạn, trong các dòng sông hay những hồ lớn. Cũng như sắc, v.v..., bị sự bắt đầu và kết thúc giới hạn, và tất cả các pháp cũng vậy. Nhưng sự giới hạn của tất cả các pháp giống như sự Tĩnh lặng, sự Cao cả, như Niết-bàn, như cái Thực sự Hiện hữu, cái Không ĐIÊN đảo.

6. Làm sao họ trở thành *những ánh sáng* của thế gian? Ở đây các Bồ-tát đạt giác ngộ viên mãn, rồi lấy đi tất cả bóng tối và sự âm u không tri kiến của những chúng sinh trong thời gian dài đã bị bao bọc trong tấm màn vỏ trứng vô minh, bị bóng tối khuất phục, và các Bồ-tát chiếu sáng họ bằng bát-nhã. [297]

7. Làm sao họ trở thành *những người dẫn đạo* của thế gian? Khi họ trở nên giác ngộ, các Bồ-tát chứng minh pháp để tiết lộ sự vắng mặt của sinh và diệt trong yếu tánh của sắc, v.v..., và trong các pháp kiến tạo và phân biệt người thường, Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, và Phật, và trong tất cả các pháp một cách tổng quát.

8. Làm sao họ trở thành *nơi trong cậy* của thế gian? Khi họ đã giác ngộ, các Bồ-tát chứng minh pháp bằng cách dạy rằng sắc, v.v..., thì ở trong hư không của thế giới, chúng không đến, chúng không đi, chúng giống như hư không. Hư không không đến, cũng không đi, không do tạo tác cũng không phải không do tạo tác, cũng không bị ảnh hưởng; nó không trụ, không trường tồn, cũng không chịu đựng; nó không sinh cũng không diệt. Tất cả các pháp cũng vậy, theo cách thích nghi của hư không, chúng không phân biệt. [298] Bởi vì không của sắc, v.v..., không đến cũng không đi. Không của tất cả các pháp cũng vậy. Vì tất cả các pháp ở trong không, và từ trạng thái này chúng không ra đi. Chúng ở trong vô tướng, vô nguyễn, vô quả, bất sinh, vô sinh, trong sự vắng mặt của khẳng định, trong mộng và ngã, trong vô biên, trong tĩnh lặng, trong Niết-bàn, trong Bát Hồi phục; chúng không đến cũng không đi, ở trong bất động; chúng ở trong sắc, v.v..., [299] và trong giác ngộ viên mãn của A-la-hán và Duyên giác.

3. MIÊU TẢ BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

Tu-bồ-đề: Ai có thể hiểu được bát-nhã ba-la-mật này?

Thé Tôn: Các Bồ-tát theo đuổi dưới các Như Lai trong quá khứ, và các thiện căn của họ đã thuần thục.

Tu-bồ-đề: Tự tánh của họ thế nào?

Thé Tôn: Tự tánh của họ ly cách không cần rèn luyện.

Tu-bồ-đề: Các vị Bồ-tát này trú như thế, sau khi họ biết đầy đủ nơi trông cậy này, họ chứng minh nó cho chúng sinh? Theo nghĩa này có phải họ sẽ trở thành nơi trông cậy của tất cả chúng sinh? [300]

Thé Tôn: Đúng vậy, Tu-bồ-đề. Theo nghĩa này một Bồ-tát sau khi biết đầy đủ nơi trông cậy này, họ sẽ trở thành nơi trông cậy của vô số chúng sinh.

Tu-bồ-đề: Một người làm việc khó là vị Bồ-tát tự trang bị cho mình chiếc áo giáp này: “Tôi sẽ độ vô lượng vô số chúng sinh đến Niết-bàn.”

Thé Tôn: Tuy nhiên, chiếc áo giáp của một Bồ-tát như thế không nối kết với sắc, v.v..., cũng không mặc vào vì sắc, v.v... Nó không nối kết với mức độ của Thanh văn hay Duyên giác, hay một vị Phật, cũng không phải mặc vào vì họ. Vì chắc chắn không nối kết với tất cả các pháp là chiếc áo giáp đó của một Bồ-tát được trang bị bằng chiếc áo giáp vĩ đại.

Tu-bồ-đề: Ba quan điểm không nên ham muốn đối với một Bồ-tát được trang bị bằng chiếc áo giáp vĩ đại ấy và theo đuổi như thế trong bát-nhã thâm sâu. Gì là ba? Mức độ của một Thanh Văn, hay của một Duyên giác, hay của một vị Phật. [301]

Thé Tôn: Vì lý do gì ông nói thế? Dĩ nhiên, không thể, không thể nào là một Bồ-tát như thế nên thuộc về thừa Thanh văn hay Duyên giác. Nhưng vì ông ấy mặc chiếc áo giáp vì tất cả chúng sinh, chắc chắn ông ấy ham muốn mức độ của một vị Phật.

Tu-bồ-đề: Thâm sâu, Ôi Thé Tôn, là bát-nhã ba-la-mật. Không một cái gì hay một người nào có thể phát triển nó, cũng không có một cái gì hay một người nào để phát triển. Vì trong bát-nhã ba-la-mật không một cái gì được đưa đến ba-la-mật. Sự phát triển của bát-nhã ba-la-mật giống như sự phát triển của hư không, hay của

tất cả các pháp, hay của không chấp trước, của vô cùng, của cái gì không có [hiện hữu], của không bám lấy.

Thé Tôn: Đúng vậy. [302] Bởi vì những gì ông nói một Bồ-tát tự điều mình với bát-nhã thâm sâu và hoàn thiện, được xem là bất thối chuyển đổi với giác ngộ viên mãn. Vì lúc ấy một Bồ-tát không trụ trong bát-nhã hoàn thiện và thâm sâu, cũng không ở trong những tuyên bố hay khuyên nhủ người khác; ông ấy không đi do người nào khác mà ông ấy đặt sự tin tưởng của mình. Khi được dạy cho bát-nhã ba-la-mật thâm sâu này, ông ấy không trở nên sợ, hay vô cảm, cũng không quay lưng lại nó; ông ấy không run rẩy, lo sợ hay kinh hãi; ông ấy không do dự, hay nghi ngờ, hay mê mờ, nhưng ông ấy nhảy ngay vào trong đó, trở nên quyết ý với nó, và hoan hỉ trong cái thấy và nghe của nó. Nên biết rằng trong một đời trước ông ấy đã thăm dò bát-nhã ba-la-mật. Bởi vì bây giờ, khi được dạy bát-nhã thâm sâu và hoàn thiện này, ông ấy không run rẩy, không sợ, cũng không kinh hãi.

Tu-bồ-đề: Bằng phương cách gì một Bồ-tát khi được dạy cho bát-nhã ba-la-mật thâm sâu này không run rẩy mà trực giác bát-nhã ba-la-mật?

Thé Tôn: Bồ-tát này trực giác bát-nhã ba-la-mật qua một loạt [các ý nghĩ] thú hướng đến nhất thiết trí.

Tu-bồ-đề: Làm sao người ta trực giác một loạt các niêm như thế?

Thé Tôn: Qua một loạt các niêm thú hướng về hư không, khuynh hướng về hư không, nghiêng dốc về hư không. Sự trực nhận này có được qua một loạt các niêm thú hướng đến nhất thiết trí. Vì sao? Bởi vì nhất thiết trí thì vô lượng và vô hạn, tức là không phải sắc hay bất cứ uẩn nào khác. Đó không phải là đắc hay tái hợp nhất hay đến đó; không phải là đạo hay là quả của nó; không phải tri kiến hay ý thức; không phải khởi đầu hay hoại diệt, hay không sinh hay diệt, hay dừng lại, hay phát triển hay đoạn. Nó chẳng phải do cái gì làm ra, nó không từ nơi nào đến, nó không đi đến bất cứ nơi nào, nó không trụ ở bất cứ chỗ nào hay điểm nào. Trái lại, nó đến để được gọi là ‘vô lượng, vô hạn.’ Từ hư không vô lượng là nhất thiết trí vô lượng. Nhưng cái gì là vô lượng thì tự nó không để cho bất

cứ cái gì, dù là sắc hay bất cứ uẩn nào, hay bất cứ ba-la-mật nào trong sáu ba-la-mật biết nó đầy đủ.

Vì thế *Thích-đè* đến gần [304] nói: Thâm sâu, Ôi Thé Tôn, là bát-nhã ba-la-mật. Khó thăm dò, khó thấy, khó hiểu. Tâm của một Như Lai xem sự thâm sâu của pháp, và ngồi trên đao tràng giác ngộ, vừa đạt được giác ngộ viên mãn, có thú hướng vô vi không cần sự quan tâm, và không chứng minh pháp.

Thé Tôn: Đúng vậy. Thâm sâu chắc chắn là pháp này mà tôi biết đầy đủ. Không gì đã được, hay sẽ được, hay đang được biết một cách đầy đủ, và đó là sự thâm sâu của pháp này. Pháp này mà tôi biết đầy đủ thì thâm sâu nhờ hư không thâm sâu, tự kỷ thâm sâu, tất cả các pháp không đến và không đi thâm sâu. [305]

Thích-đè: Thực kỳ diệu, Ôi Thé Tôn, thực lạ lùng, Ôi Thiện Thệ! Vì trái với những con đường của toàn thể thế gian là sẽ không nắm bắt bất cứ cái gì.

Chương XVI

NHU'

1. NHU' CỦA LAI NHU'

Tu-bồ-đề: Khi không quan sát tất cả các pháp, chắc chắn, là dại pháp này. Không bị chướng ngại ở bất cứ chỗ nào là pháp này. Nhờ nó đồng với hư không, pháp này chắc chắn có tướng vô ngại, vì không có dấu vết gì của nó được nhận biết. Nó không có đối tác, vì nó không có cái thứ nhì. Nó không có đối thủ, vì nó đã đi qua bên kia tất cả đối đãi. Nó không có dấu vết, vì nó không được tạo ra để thành hữu. Nó bất sinh, vì nó không có cơ hội tái sinh. Nó không đường, vì không đường để biết.

Thích-đê và chư thiên: Sinh ra theo hình tượng của Thế Tôn là người Đệ tử này, Trưởng lão Tu-bồ-đề thánh thiện. Vì chứng minh bất cứ pháp nào, ngài ấy luôn luôn bắt đầu từ không. [307]

Tu-bồ-đề: Bởi vì không sinh là Trưởng lão Tu-bồ-đề, sinh ra theo hình tượng Như Lai. Ông ấy sinh ra theo hình tượng Như của Như Lai. Vì [Như] đó không đến cũng không đi, cũng vậy Như của Tu-bồ-đề không đến cũng không đi. Xưa nay Trưởng lão Tu-Bồ-đề sinh ra theo hình tượng Như của Như Lai. Bởi vì Như của Như Lai và Như của tất cả các pháp là đồng, và cả hai là Như của Trưởng lão Tu-bồ-đề. Sinh ra theo hình tượng Như là Trưởng lão Tu-bồ-đề; từ đó sinh ra theo hình tượng Như Lai. Nhưng Như đó cũng là không Như, và ông ấy sinh ra theo hình tượng Như Lai. Theo nghĩa đó thì Trưởng lão Tu-bồ-đề sinh ra theo hình tượng của Như Lai, và đó là kết quả của trật tự đã được thiết lập Như của Như Lai. Như của Tu-bồ-đề thì bất biến và bất dịch, không phân biệt và không khác nhau, y như Như của Như Lai. Như thế Trưởng lão Tu-bồ-đề, không biến dịch, không thay đổi, không phân biệt, không khác nhau qua Như đó, sinh ra theo hình tượng của Như Lai. Và y như Như của Như Lai, không biến dịch và không khác nhau, thì không bị chướng ngại ở bất cứ chỗ nào, Như của tất cả các pháp cũng vậy,

cũng không biến dịch và không khác nhau. Vì Như của Như Lai và Như của tất cả các pháp, cả hai là một Như duy nhất, không hai, không phân chia. Tuy nhiên, Như không hai thì không ở đâu, không từ đâu, không thuộc về đâu. Bởi vì nó là Như không thuộc về đâu không hai. Vì thế, qua cái Như không do tạo tác mà Trưởng lão Tu-bồ-đề sinh ra theo hình tượng của Như Lai. Tuy nhiên, cái Như không do tạo tác thì không lúc nào không là Như [308] và vì thế nó không hai. Theo nghĩa này thì Trưởng lão Tu-bồ-đề sinh ra theo hình tượng của Như Lai. Y như Như của Như Lai không phân biệt và không khác nhau, trong tất cả thời gian và nơi tất cả các pháp, và Như của Tu-bồ-đề cũng vậy. Và vì lý do này, mặc dù dường như chúng ta có nhị nguyên khi Tu-bồ-đề được triệu gọi từ Như của Như Lai, tuy nhiên, không gì thực hữu bị cắt tỉa từ Như đó, vẫn không bị gãy vỡ, bởi vì người ta không thể nhận biết một tác nhân thực hữu nào có thể làm nó vỡ ra. Theo nghĩa đó, Trưởng lão Tu-bồ-đề sinh ra theo hình tượng của Như Lai. Vì Như của Như Lai không ở bên ngoài Như của tất cả các pháp, Như của Tu-bồ-đề cũng vậy. Nhưng cái gì không ở bên ngoài Như của tất cả các pháp, cái đó không phải là của bất cứ cái gì không phải Như. Vì thế, Như của Tu-bồ-đề đồng với Như của tất cả các pháp. Trưởng lão Tu-bồ-đề đã trải nghiệm Như đó bằng cách bắt chước nơi chính mình cái Như không biến đổi, nhưng trong thực tế không một ai trải qua quá trình bắt chước ở bất cứ nơi nào. Theo nghĩa này thì Trưởng lão Tu-bồ-đề sinh ra theo hình tượng của Như Lai. Vì Như của Như Lai không phải quá khứ, không phải vị lai, cũng không phải hiện tại, Như của tất cả các pháp cũng vậy. Vì sinh ra trong hình tượng của Như, Tu-bồ-đề được gọi là “sinh ra theo hình tượng của Như Lai.” Bởi vì cũng qua Như của Như Lai [và không chỉ riêng Tu-bồ-đề] mà ông ta y theo Như. Chính vì qua Như của Như Lai ông ta y theo Như quá khứ, chính vì qua Như quá khứ ông ta y theo Như của Như Lai. Vị lai và hiện tại cũng vậy. Qua Như của Như Lai ông ta y theo Như quá khứ, vị lai và hiện tại, và qua Như quá khứ, vị lai và hiện tại ông ta y theo Như của Như Lai. Theo nghĩa này, Như của Tu-bồ-đề, và Như quá khứ, vị lai và hiện tại, và Như của Như Lai

không phải hai, không phân chia. Vì thế Như của tất cả các pháp và Như của Tu-bồ-đề không phải hai, không phân chia. [309] Cũng vậy, Như của Thê Tôn khi ngài còn là một Bồ-tát là Như của Thê Tôn khi ngài đạt giác ngộ viên mãn. Và đó là Như mà qua đó một Bồ-tát đến, khi ông ấy nhất định đạt giác ngộ viên mãn, được gọi là ‘Như Lai.’

2. TRÁI ĐẤT CHÂN ĐỘNG, VÀ SỐ NHIỀU ĐƯỢC CỨU

Khi sự luận cứu về Như của Như Lai này xảy ra, trái đất rộng lớn chấn động sáu cách, và phô bày mười tám tướng chấn động lớn, nó khuấy động, rung lắc, lay chuyển, vang dội và ngã đổ, như nó đã xảy ra khi Như Lai đạt giác ngộ viên mãn.

Tu-bồ-đề: Như thế, Ôi chư thiên, Trưởng lão Tu-bồ-đề sinh ra theo hình tượng của Như Lai. Nhưng ông ấy sinh ra không theo hình tượng của sắc, hay của bất cứ quả nào của đời sống phạm hạnh, từ quả Dự Lưu đến cảnh giới Phật. Vì những pháp đó, có thể sinh ra theo hình tượng của một cái gì đó, hay trong hình tượng mà ông ấy sinh ra, chúng không hiện hữu, chúng không đạt đến. Như thế là Trưởng lão Tu-bồ-đề sinh ra trong hình tượng của Như Lai.

Xá-lợi-phát: Ôi Thê Tôn, Như này lưu chuyển trong thâm sâu!

Thê Tôn: Đúng vậy, Xá-lợi-phát.

Nhưng khi luận cứu về Như này được xiển dương, tâm của ba trăm tỳ-kheo được giải thoát khỏi các lậu, không còn chấp trước nào nữa. Năm trăm tỳ-kheo-ni được mắt pháp thanh tịnh, điềm tĩnh, không cầu uế. [310] Năm ngàn thiên, trong quá khứ đã có những chuẩn bị cẩn thiết, được hạnh vô sinh pháp nhẫn. Và tâm của sáu ngàn Bồ-tát được vô lậu, không còn chấp trước nào nữa.

3. BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT VÀ PHƯƠNG TIỆN THIỆN XẢO

Xá-lợi-phát biết rằng tâm của các Bồ-tát đã thoát khỏi các

lại, không còn chấp trước, và hỏi Thé Tôn lý do hay nguyên nhân của việc đó.

Thé Tôn: Những Bồ-tát đó đã tôn vinh năm trăm Phật, và trong thời gian đó họ đã cúng dường, giữ giới và hoàn thiện nhẫn nhục, tận lực tinh tấn, và phát sinh thiền định. Nhưng họ không được bát-nhã ba-la-mật hộ trì và thiếu sự thiện xảo trong các phương tiện. Và như vậy, mặc dù họ đã được đạo của không, đã theo đuổi trong Vô tướng, đã đặt tâm họ làm việc Vô nguyện, vì muốn thiện xảo trong phương tiện họ đã nhận ra biên tế của thực tại, và đã đến mức độ của Thanh văn hay Duyên giác, và chưa đến mức độ của một vị Phật. Giả sử có một con chim khổng lồ, lớn một trăm hay đến năm trăm dặm, nhưng không có cánh, hay cánh bị tật hoặc bị hư. Con chim đó muốn bay xuống Diêm-phù-đè từ cõi Trời Ba mươi ba. Nếu trong hư không trung gian, ở giữa chuyến du hành của nó [311] đến Diêm-phù-đè, nó muốn trở về với chư thiên của Trời Ba mươi ba, nó có thể làm được như thế không?

Xá-lợi-phát: Dạ không, Thé Tôn.

Thé Tôn: Và nó có thể hy vọng xuống đến Diêm-phù-đè mà không hư hại hay bị thương tích không?

Xá-lợi-phát: Dạ không, Thé Tôn. Nó sẽ hư hại và bị thương tích, và khi nó rơi xuống Diêm-phù-đè sẽ chết hay bị đau khổng khiếp. Bởi vì sự thật là, trong khi thân nó khổng lồ, đôi cánh không đủ sức mạnh, và nó rơi xuống từ trên cao.

Thé Tôn: Đúng vậy, Xá-lợi-phát. Ngay cả một Bồ-tát, sau khi đã đưa tâm lên đến giác ngộ viên mãn, trong vô số kiếp bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, và nhập định, dù cho sự phát tâm đạt giác ngộ viên mãn của ông ấy vĩ đại bao nhiêu, – nếu không được bát-nhã ba-la-mật hộ trì và thiếu sự thiện xảo trong các phương tiện, ông ấy sẽ rơi vào hàng Thanh văn hay Duyên giác. Hơn nữa, Xá-lợi-phát, có thể là một Bồ-tát ghi nhớ, và giữ trong tâm mình, [312] về các Phật và các Thé Tôn, quá khứ, vị lai và hiện tại, giới luật, thiền định, trí tuệ, giải thoát, tri kiến giải thoát, – nhưng tất cả cái đó đều theo cách của tướng. Rồi ông ấy không biết cũng không thấy giới luật của các Như Lai, không biết cũng không thấy thiền định

hay trí tuệ, hay giải thoát, hay tri kiến giải thoát của các ngài. Vô minh về chúng, mù lòa về chúng, ông ấy nghe chữ ‘không,’ xem nó là tướng, và nguyện che giấu [khỏi công đức đó] trong giác ngộ viên mãn [mà ông ấy xem là không]. Vì thế, ông ấy vẫn còn trong hụng Thanh văn hay Duyên giác, – bởi vì sự thật là ông ấy không được bát-nhã ba-la-mật hộ trì và sự thiêu thiện xảo trong các phương tiện.

Xá-lợi-phát: Như con hiểu nghĩa lời dạy của Thế Tôn, mặc dù một Bồ-tát có thể được kết hợp với sự trang bị công đức rất nhiều, chừng nào ngài ấy chưa được bát-nhã ba-la-mật hộ trì và không có sự thiêu thiện xảo trong các phương tiện, ngài ấy thiêu thiện tri thức, và sự đạt giác ngộ viên mãn của ngài ấy không chắc chắn. Vì thế, một Bồ-tát muốn đạt giác ngộ viên mãn nên phát triển bát nhã ba-la-mật, và trở nên thiêu thiện xảo trong các phương tiện.

Thế Tôn: Đúng vậy, Xá-lợi-phát. [313]

Thích-đè và chư thiên: Thâm sâu, Ôi Thế Tôn, là bát-nhã ba-la-mật! Khó đạt, quá khó đạt là giác ngộ viên mãn!

Thế Tôn: Đúng vậy, chư thiên. Thâm sâu là bát-nhã ba-la-mật. Khó đạt, quá khó đạt là giác ngộ viên mãn, nếu là người trí tuệ yêu, tinh tấn và quyết tâm ở mức dưới, không thiêu thiện xảo trong các phương tiện, và nếu là người phục vụ ác tri thức.

4. GIÁC NGỘ VÀ KHÔNG

Tu-bồ-đề: Làm sao Thế Tôn có thể bảo là giác ngộ viên mãn thì khó đạt, quá khó đạt, khi không một ai có thể đạt giác ngộ viên mãn? Vì, do tính không của tất cả các pháp, không một pháp nào hiện hữu có thể đạt giác ngộ. Tất cả các pháp đều rỗng không. Pháp ấy cũng vì pháp nào được chứng minh, pháp ấy không hiện hữu. Và pháp ấy [314] cũng sẽ giác ngộ trong giác ngộ viên mãn, và pháp ấy sẽ giác ngộ, và pháp ấy sẽ tri kiến [giác ngộ], và pháp ấy sẽ tri kiến nó, – tất cả những pháp này đều rỗng không. Theo cách này con có thể hướng nghĩ rằng giác ngộ viên mãn dễ đạt, không khó đạt.

Thé Tôn: Bởi vì giác ngộ viên mãn khó đạt khả dĩ không thể xảy ra, bởi vì thực tế nó không ở đó, bởi vì không thể phân biệt nó, bởi vì nó không phải do cầu dệt [như một hiện tượng giả].

Xá-lợi-phát: Cũng bởi vì rỗng không nên nó khó đạt, Ôi ngài Tu-bồ-đề. Vì nó không xảy ra với hư không nên nó sẽ đạt giác ngộ viên mãn. Như thế, nghĩa là, vì nó không có tự tánh, nên những pháp này sẽ được biết trong giác ngộ. Và, thưa ngài Tu-bồ-đề, nếu giác ngộ viên mãn dễ đạt, thì vô số Bồ-tát không quay đi. Nhưng vì vô số Bồ-tát thực sự quay đi, do đó người ta có thể phân minh [315] giác ngộ viên mãn là khó đạt, quá khó đạt.

Tu-bồ-đề: Nhưng, thưa ngài Xá-lợi-phát, sắc, v.v..., có quay đi đối với giác ngộ viên mãn không?

Xá-lợi-phát: Không, thưa ngài Tu-bồ-đề.

Tu-bồ-đề: Thì pháp mà nó quay đi đối với giác ngộ viên mãn có khác hơn sắc, v.v..., không?

Xá-lợi-phát: Không, thưa ngài Tu-bồ-đề.

Tu-bồ-đề: Như của sắc, v.v..., có quay đi không?

Xá-lợi-phát: Không, thưa ngài Tu-bồ-đề. [316]

Tu-bồ-đề: Pháp mà nó quay đi đối với giác ngộ viên mãn có khác hơn Như của sắc, v.v..., không?

Xá-lợi-phát: Không, thưa ngài Tu-bồ-đề.

Tu-bồ-đề: Sắc, v.v..., có biết giác ngộ viên mãn không?

Xá-lợi-phát: Không, thưa ngài Tu-bồ-đề.

Tu-bồ-đề: Pháp mà nó biết giác ngộ viên mãn có khác hơn sắc, v.v..., không?

Xá-lợi-phát: Không, thưa ngài Tu-bồ-đề.

Tu-bồ-đề: Như của sắc, v.v..., có biết giác ngộ viên mãn không?

Xá-lợi-phát: Không, thưa ngài Tu-bồ-đề. [317]

Tu-bồ-đề: Pháp mà nó biết giác ngộ viên mãn có khác hơn Như của sắc, v.v..., không?

Xá-lợi-phát: Không, thưa ngài Tu-bồ-đề.

Tu-bồ-đề: Có nên biết sắc, v.v..., trong giác ngộ viên mãn, hay một pháp khác hơn sắc, v.v..., [318] hay Như của sắc, v.v..., hay một pháp khác hơn Như của sắc, v.v..., không?

Xá-lợi-phát: Không, thưa ngài Tu-bồ-đề.

Tu-bồ-đề: Như có quay đi đối với giác ngộ viên mãn không?

Xá-lợi-phát: Không, thưa ngài Tu-bồ-đề.

Tu-bồ-đề: Pháp mà nó quay đi đối với giác ngộ viên mãn có ở trong Như không?

Xá-lợi-phát: Không, thưa ngài Tu-bồ-đề. [319]

Tu-bồ-đề: Vậy thì, thưa ngài Xá-lợi-phát, pháp mà nó quay đi đối với giác ngộ viên mãn, khi chúng ta xem nó trụ trong tánh này của các pháp, mà nó chính là không, theo cách không trụ ở bất cứ pháp nào, là gì? Hay pháp gì, là Như đó chẳng? Có lẽ nó là Như bị quay đi chẳng?

Xá-lợi-phát: Không, thưa ngài Tu-bồ-đề.

Tu-bồ-đề: Vì như thế, trong chân lý tối hậu, và khi các pháp trụ, không một pháp nào có thể nhận biết được là có thực, pháp mà nó quay đi đối với giác ngộ viên mãn là pháp gì?

Xá-lợi-phát: Khi một người theo phương pháp quán sát các pháp nơi thực tại tối hậu của chúng, mà ngài Tu-bồ-đề Trưởng lão dùng trong giải thích này, thì quả thực không có một pháp nào quay đi đối với giác ngộ viên mãn. Nhưng, thưa Tôn giả Tu-bồ-đề, vậy thì không còn lý do gì để phân biệt ai đã phát tâm bồ-đề trong ba loại người, như đã được Như Lai miêu tả, khác nhau theo thửa họ đã chọn. Theo sự giải thích của Tôn giả Tu-bồ-đề sẽ chỉ có một thửa duy nhất [cho những người mà tâm họ đặt vào giác ngộ], nghĩa là, Phật thửa, Bồ-tát thửa, đại thửa.

Phú-lâu-na: Trước hết, Tôn giả Xá-lợi-phát phải hỏi Tôn giả Tu-bồ-đề Trưởng lão, ngài ấy có chấp nhận ngay cả một loại người duy nhất phát tâm bồ-đề, và dùng thửa Thanh văn hay thửa Duyên giác, hay đại thửa.

Xá-lợi-phát: Thưa ngài Tu-bồ-đề, ngài có chấp nhận một loại người duy nhất phát tâm bồ-đề, và dùng thửa Thanh văn hay thửa Duyên giác hay đại thửa không? [320]

Tu-bồ-đề: Thưa ngài Xá-lợi-phát, ngài có thấy trong Như của Chân như ngay cả một người duy nhất phát tâm bồ-đề, dù cho người ấy dùng thửa Thanh văn hay thửa Duyên giác hay đại thửa không?

Xá-lợi-phát: Không, thưa ngài Tu-bồ-đề. Trước hết, Như không được nhận biết như là ba loại, người phát tâm bồ-đề thì còn ít được nhận biết hơn biết bao nhiêu.

Tu-bồ-đề: Vậy thì Như có được nhận biết như là một loại không?

Xá-lợi-phát: Không phải thế, ngài Tu-bồ-đề.

Tu-bồ-đề: Vậy thì có lẽ ngài thấy trong Như có một pháp duy nhất kiến tạo một người phát tâm bồ-đề chẳng?

Xá-lợi-phát: Không phải thế, ngài Tu-bồ-đề.

Tu-bồ-đề: Vì như thế, trong chân lý tối hậu và khi các pháp trụ, một pháp như thế có thể đã kiến tạo một người phát tâm bồ-đề mà người ta không thể nhận biết được, ngài lấy ở đâu ra ý niệm, “người này thuộc thừa Thanh văn, người kia thuộc thừa Duyên giác, và người đó thuộc đại thừa”? Nếu một Bồ-tát nghe không có sự khác nhau, phân biệt hay sai khác này giữa ba loại người phát tâm bồ-đề, cho đến độ họ được cùng cái Như đó bao bọc, không trở nên sợ hay vô cảm trong tâm, không quay lại, thì nên biết rằng ngài ấy sẽ đi đến giác ngộ. [321]

Thé Tôn: Nói hay, Tu-bồ-đề. Nhờ thần lực và sự hộ trì của Như Lai ông đã được hưng khởi khi nói điều này.

Xá-lợi-phát: Bồ-tát ấy sẽ đi, Ôi Thé Tôn, đến giác ngộ nào?

Thé Tôn: Đến giác ngộ viên mãn vô thượng.

5. NHỮNG ĐIỀU CẦN THIẾT CHO SỰ ĐI ĐẾN GIÁC NGỘ

Tu-bồ-đề: Một Bồ-tát nên hành xử như thế nào, nên tu luyện như thế nào, nếu ngài ấy muốn đi đến giác ngộ viên mãn vô thượng?

Thé Tôn: Bồ-tát ấy nên theo cùng một thái độ đối với tất cả chúng sinh, tâm ông ấy nên bình đẳng đối với tất cả chúng sinh, ông ấy sẽ không vận dụng người khác với tâm không bình đẳng, mà với tâm từ mãn, khéo sắp xếp, giúp đỡ, không có sự khống ưa thích, tránh làm hại làm đau, ông ấy nên vận dụng người khác tựa như họ là mẹ, cha, con trai hay con gái của mình. [322] Một Bồ-tát nên hành xử như một cứu tinh đối với tất cả chúng sinh, ông ấy nên

tu luyện mình nếu muốn biết giác ngộ viên mãn vô thượng. Ông ấy nên tự mình trụ trong sự kiêng kỵ tất cả điều ác, ông ấy nên bỏ thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, làm chủ trí tuệ, quán sát sự tùy thuộc phát sinh [mười hai nhân duyên], cả hai chiêu xuôi và ngược, và ông ấy nên cũng thúc giục những người khác làm như vậy, đốc thúc và khích lệ họ. Cùng cách ấy, ông ấy nên trụ nơi mọi vật từ thiền định về các chân lý đến giai đoạn khi ông ấy đạt được sự chắc chắn rằng là một Bồ-tát ông ấy sẽ được độ, và khi ông ấy thuần thục chúng sinh. Ông ấy cũng nên thúc giục những người khác làm như vậy, đốc thúc và khích lệ họ. Khi ông ấy nhiệt tình mong muốn tất cả điều đó và tu luyện mình, thì mọi sự vật sẽ hiển bày với ông ấy, từ sắc đến trật tự lập thành của pháp.

Chương XVII

NHỮNG ĐỨC TÍNH, BIỂU HIỆU VÀ DẤU HIỆU CỦA BẤT THỐI CHUYỀN

1. NHỮNG BIỂU HIỆU SAI BIỆT CỦA BẤT THỐI CHUYỀN

Tu-bô-đè: Ôi Thế Tôn, gì là những thuộc tính, biểu hiệu và dấu hiệu của một Bồ-tát bất thối chuyển, và làm sao chúng ta có thể biết được một Bồ-tát bất thối chuyển?

Thế Tôn: Mức độ của người thường, mức độ của Thanh văn, mức độ của Duyên giác, tất cả được gọi là “mức độ của Chân như.” Với ý niệm tất cả những mức độ này, thông qua Chân như, thì không phải hai, không bị phân chia, không bị phân biệt, không phân biệt, ông ấy nhập vào Chân như này, tánh này của Pháp. Sau khi ông ấy đứng vững trong Chân như, ông ấy không tưởng tượng cũng không phân biệt nó. Theo nghĩa đó, ông ấy thực sự nhập vào Chân như. Khi ông ấy đã nhập vào nó như thế, ngay cả khi ông ấy bỏ hội chúng, nơi ông ấy đã nghe về Chân như, ra đi, ông ấy không do dự, không trở nên bối rối, không nghi ngờ, và ông ấy không bị mê mờ bởi ý niệm [về sắc, v.v...] rằng ‘nó không phải như thế.’ Trái lại, ông ấy tin chắc rằng ‘nó đúng là như thế, đúng là Chân như,’ và như thế ông ấy phóng vào nó. Nhưng ông ấy không bập bẹ như trẻ con về mọi điều đến trong đầu ông ấy. Ông ấy chỉ nói khi nó lợi ích [cho người khác] và không nói khi nó không lợi ích. Ông ấy không coi thường những gì người khác làm hay không làm. Được phú bẩm những thuộc tính, biểu hiệu và dấu hiệu này, một Bồ-tát nêu nhớ trong tâm như là bất thối chuyển đối với giác ngộ viên mãn. Hơn nữa, một Bồ-tát bất thối chuyển không làm mai mối cho các Sa-môn hay Bà-la-môn của các trường phái khác, bảo họ rằng họ biết cái gì đáng biết, họ thấy cái gì đáng thấy. [324] Ông ấy không đánh lẽ những Thần xa lạ, không cúng dường hoa hương, v.v..., không đặt sự tin tưởng nơi các Thần ấy. Ông ấy không còn tái sinh ở những

nơi thông khổ, cũng không bao giờ trở lại thành nữ nhân. Hơn nữa, này Tu-bồ-đề, một Bồ-tát bất thối chuyển đảm đương giữ mười thiện đạo. Ông ấy tự mình giữ, và thúc giục người khác giữ, không sát sinh, không lấy vật gì không được cho, không tà dâm, không say sưa làm mờ ám tâm, không nói dối, không nói lời ác, không nói lời thô bạo, không nói làm bầm không rõ ràng, không tham lam, không ác ý, không tà kiến. [325] Hoàn toàn chắc chắn một Bồ-tát không thối chuyển giữ mười thiện đạo, và thúc giục người khác giữ chúng, thúc đẩy và khuyến khích họ làm như thế, thiết định và xác thực người khác noi chúng. Ngay cả trong mộng, ông ấy không bao giờ vi phạm mười giới đó, và ông ấy không áp ủ những vi phạm như thế trong tâm. Ngay cả trong mộng, một Bồ-tát bất thối chuyển cũng giữ mười thiện đạo hiện diện trong tâm mình. Hơn nữa, khi một Bồ-tát bất thối chuyển làm chủ một bản kinh văn, và cung dường nó cho người khác, trong tâm ông ấy có sự vui sướng và hạnh phúc của tất cả chúng sinh, và ông ấy cung dường pháp phẩm ấy chung cho tất cả chúng sinh, không phân biệt. [326] Hơn nữa, khi được dạy cho các pháp thăm sâu, một Bồ-tát không do dự, không trở nên bối rối, không nghi ngờ, không bị mê mờ. Ông ấy chỉ nói những gì lợi ích, ông ấy nói một cách dịu dàng và chừng mực. Ông ấy ít lười biếng hay trầm trệ, và ông ấy mất hết tất cả những thiên kiến tiềm tàng cho cái ác. Dù ông ấy đi ra ngoài hay trở về, tâm ông ấy không lang thang, nhưng niệm của ông ấy cố định ở trước ông ấy. Khi bước đi trên đất ông ấy biết mình làm gì, và khi nhấc bàn chân lên hay đặt nó xuống ông ấy không lơ là cũng không vội vàng mà vẫn thong dong. Y áo của ông ấy không có chí rận, các thói quen của ông ấy sạch sẽ, ông ấy hiếm khi đau bệnh, và ít phiền não. Nơi thân ông ấy tám vạn gia đình của loài sâu hiện diện nơi thân của các chúng sinh khác không thể phát triển được gì cả, bởi vì các thiện căn của ông ấy đã nâng ông ấy lên cao bên trên toàn thể thế gian. Và vì các thiện căn đó của ông ấy tiếp tục gia tăng, theo trình tự ông ấy sẽ được sự thanh tịnh toàn hảo của thân, ngữ và ý. [327]

Tu-bồ-đề: Sự thanh tịnh hoàn toàn của ý, về phần của Bồ-tát này,

nên hiểu như thế nào?

Thέ Tôn: Khi các thiện căn đó của ông ấy tiếp tục gia tăng, theo trình tự ông ấy sẽ được cảnh giới của tâm mà ông ấy ít quan tâm, và không có sự gian xảo, lừa gạt, tà vạy và mưu kế. Thêm vào, sự thanh tịnh hoàn toàn của ý của ông ấy cũng bao gồm trong đó mà ông ấy đã siêu việt mức độ của Thanh văn và Duyên giác. Hơn nữa, một Bồ-tát bất thối chuyển không phải là người chấp vào tầm quan trọng của được, vinh dự, hay danh tiếng, hay y áo, bình bát chứa của bố thí, chỗ trú hay vật dụng thuốc men dùng cho đau bệnh. Ông ấy không phải là người đầy ganh tị và hèn mọn. Và khi được dạy cho các pháp thăm sâu, ông ấy không mất can đảm; mà trí thông minh của ông ấy trở nên vững chắc, nhập sâu. Ông ấy nghe pháp từ những người khác với sự kính trọng. Tất cả những pháp mà ông ấy nghe được từ người khác ông ấy kết hợp chúng với bát-nhã ba-la-mật, và ông ấy cũng kết hợp tất cả các nghệ thuật và các nghề chuyên môn của thế gian với pháp tánh, nhờ bát-nhã ba-la-mật. Ông ấy không thấy bất cứ pháp nào mà ông ấy không buộc nó vào pháp tánh và ông ấy thấy mọi sự vật như là đang được kết hợp với nó.

[328]

2. NHỮNG VIỆC LÀM CỦA MA VƯƠNG

Hơn nữa, Ác Ma, triệu gọi lên cảnh tám địa ngục lớn, với nhiều trăm, nhiều ngàn, nhiều trăm ngàn Bồ-tát trong đó, và y nói với vị Bồ-tát bất thối chuyển: “Những Bồ-tát đó, được Như Lai miêu tả như là bất thối chuyển, đã tái sinh nơi tám địa ngục lớn. Ông cũng vậy, vì ông đã được miêu tả như là bất thối chuyển, sẽ rơi vào các địa ngục lớn. Hãy thú nhận rằng ý niệm giác ngộ đó là một sai lầm! Hãy bỏ nó đi! Cảnh giới Phật là gì đối với ông? Theo cách đó, ông sẽ tránh khỏi tái sinh nơi các địa ngục. Nếu ông hành động như thế, ông sẽ là người đi đến thiên đường.” Dù cho lúc ấy tâm của Bồ-tát ấy không nao núng, không bối rối, nếu ông ấy chắc chắn trong tri kiến của mình rằng một Bồ-tát bất thối chuyển khả dĩ không thể bị tái sinh nơi các địa ngục ngược lại ý muốn của mình, thì đây là một

biểu hiện bất thối chuyển của ông ấy. Hơn nữa, Ác Ma, có thể đến trong lớp ngụy trang một Sa-môn, và nói: “Hãy từ bỏ những gì ông đã nghe được cho đến bây giờ, hãy bỏ đi những gì đã có được cho đến hiện tại! Và nếu ông theo lời khuyên này, chúng tôi sẽ đến với ông hoài, và y nói với ông ấy: ‘Những gì ông nghe bây giờ, đó không phải là lời của Phật. Nó là thi ca, tác phẩm của những thi sĩ. Nhưng những gì tôi dạy ông ở đây, đó là giáo lý của Phật, đó là lời của Phật.’” Nếu khi nghe như vậy, một Bồ-tát nao núng và bối rối, thì nên biết rằng ông ấy là người chưa được Như Lai thọ ký, ông ấy không cố định nơi giác ngộ viên mãn, [329] ông ấy không đứng vững trong cảnh giới bất thối chuyển. Nhưng nếu ngay cả khi nghe những lời này của Ma vương, ông ấy không nao núng mà quay về với pháp tánh, với Không sinh, với Không diệt, với Không tác dụng, thì ông ấy không phải là một trong những người đặt tin tưởng vào người khác. Một A-la-hán, một tỳ-kheo đã khô cạn rỉ lậu, không đi với người nào khác mà ông ấy tin tưởng, nhưng ông ấy đặt bản tánh của pháp ngay trước mắt mình, và Ma vương không có lối vào nơi ông ấy. Cũng vậy, một Bồ-tát bất thối chuyển không thể bị nghiền nát bởi một những người thuộc thừa Thanh văn và Duyên giác, do bản tánh của mình ông ấy không thể rơi lại vào hàng Thanh văn hay Duyên giác, ông ấy cố định vào nhất thiết trí, và kết thúc nơi giác ngộ viên mãn. Hoàn toàn chắc chắn là một Bồ-tát đứng vững trong cảnh giới bất thối chuyển khả dĩ không thể bị người khác dẫn dắt sai đường. Hơn nữa, có người sẽ đến nói với vị Bồ-tát bất thối chuyển: “Cuộc hành trình trong sinh tử là sự theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật, và không phải là cuộc hành trình của người trong cầu tìm giác ngộ. Hãy chấm dứt tất cả sự khổ trong chính đời này! Rồi ông sẽ không còn trải qua tất cả sự khổ và thất vọng bị ràng buộc với cảnh giới sinh tử. Chắc chắn mãi mãi, trong chính đời này nhân cách này của ông sẽ hoàn tất, tại sao ông nghĩ đến chuyện mang một cái khác nữa lên mình [vì những chúng sinh khác]?” Rồi dù cho Bồ-tát ấy không nao núng cũng không bối rối, thì chính Ma vương sẽ nói với ông ấy: “Cứ nhìn xem các Bồ-tát đó trong vô số kiếp đã trình những cần thiết của đời sống [330] với các Phật, các

Thế Tôn, những người đã sống đời sống phạm hạnh trong sự hiện diện của vô số Phật, những người đã tôn vinh vô số Phật và Thế Tôn, đã hỏi các ngài về chính thura này của các Bồ-tát, đã hỏi các ngài một Bồ-tát nêu trụ như thế nào, đã nghe câu trả lời của các Như Lai, và đã hành động với nó! Bất chấp sự thật là họ đã trụ, theo đuổi và tận sức mình như họ nên làm, – đến ngày này họ chưa biết giác ngộ viên mãn! Họ trụ vững chắc trong những chỉ giáo của các ngài, họ tu luyện mình như họ nên như vậy, – nhưng họ chưa đạt đến nhất thiết trí! Rồi ông sẽ làm sao đạt đến giác ngộ viên mãn mãi mãi?” Dù cho lúc ấy ông ấy không nao núng và không bối rối, thì Ác Ma, sẽ triệu gọi một vài tỳ-kheo ở chỗ đó, và nói: “Những tỳ-kheo đó đã trở thành A-la-hán, với rỉ lậu đã khô cạn. Họ đã lên đường vì giác ngộ, trong khi họ đã đạt đến quả A-la-hán, và trở nên an định trong đó. Ông sẽ làm sao đạt đến giác ngộ viên mãn?” Hoàn toàn chắc chắn rằng một Bồ-tát phải là bất thối chuyển đổi với giác ngộ viên mãn, khi người ta nói và xiển dương điều này, nếu tâm ông ấy không nao núng và không bối rối. Nếu tâm của một Bồ-tát đã nghe từ một người xa lạ những nhận xét gây thất vọng này không bị loại trừ khỏi bản tánh của pháp, nếu ông ấy không trở lại với nó, nếu ông ấy không đổi ý, nếu ông ấy thura nhận những việc làm này của Ma vương vì cái gì, thì hoàn toàn không thể có chuyện ông ấy theo đuổi đúng trong các ba-la-mật nêu không đạt đến nhất thiết trí. Ác Ma, khả dĩ không thể có được lối vào một Bồ-tát không những chỉ theo đuổi mà còn tu luyện mình đúng cách nữa, không thiếu sự hành trì được các Như Lai, những bậc đã điều đầy đủ tâm hành kết hợp với các ba-la-mật, miêu tả. [331] Nếu một Bồ-tát nhận ra các việc làm của Ma vương, nếu khi ông ấy nghe những nhận xét gây thất vọng từ những người xa lạ, mà ông ấy không từ bỏ, không tụt lại phía sau, không đổi ý, nếu ông ấy nhận ra những việc làm của Ma vương là vì cái gì, thì đây là một biểu hiệu nữa của bất thối chuyển.

Hơn nữa, một Bồ-tát bất thối chuyển không xô xâu một nhận thức về sắc, v.v..., cũng không sản sinh một nhận thức. Vì Bồ-tát bất thối chuyển qua các pháp mà chúng rỗng không không

có các tướng riêng nhất định nhập vào sự khảng định rằng ông ấy sẽ đạt được sự cứu độ như là một Bồ-tát không nhận biết ngay cả pháp ấy, và vì thế ông ấy không thể xỏ xâu hay sản sinh nó được. Vì thế người ta nói rằng “một Bồ-tát là bất thối chuyển nếu ông ấy nhẫn nhục chấp nhận tri kiến về sự bất sinh.” Đây là một biểu hiệu nữa của bất thối chuyển. Hơn nữa, Ác Ma, đến trong lớp nguy trang một tỳ-kheo có làm nản chí Bồ-tát ấy bằng những lời: “Đồng với hư không là nhất thiết trí này. Nó là một pháp không có, nó không hiện hữu. Ai có thể nhận biết, ai biết nó đầy đủ? Không ai có thể đến nó được, không ai có thể biết nó đầy đủ, không cái gì phải biết đầy đủ, không có người nào hiểu, không có gì phải hiểu. Ở tất cả thời gian những pháp đó đồng như hư không, ông tận lực mình vô ích, phát hiện như là việc làm của Ma vương là giáo pháp này ‘người ta nên biết giác ngộ viên mãn,’ nó không phải là lời dạy của Phật. Người con trai hay người con gái của gia đình thiện lương lúc ấy tri kiến, hiểu rõ và biết rằng [332] có gắng này để khuyên ông ấy từ bỏ chỉ là việc làm của Ma vương. Sau khi đã phản chiêu như thế, ông ấy nêu định tâm mình vững chắc, không lay chuyển, không thể kháng cự được. Đây là một biểu hiệu nữa của bất thối chuyển.

3. NHỮNG BIỂU HIỆU NỮA CỦA BẤT THỐI CHUYỂN

Hơn nữa, một Bồ-tát bất thối chuyển là người đã từ bỏ mức độ của Thanh văn và Duyên giác, và tiến hành theo chiều hướng nhất thiết trí. Theo dự tính, ông ấy nhập vào thiền thứ nhất, thứ hai, thứ ba và thứ tư, và ông ấy trú trong bốn thiền đó. Ông ấy trở thành người làm chủ hoàn toàn bốn thiền, nghĩa là, ông ấy nhập các định, nhưng sự tái sinh vị lai của ông ấy không phải do ảnh hưởng của chúng quyết định. Ông ấy đặt căn bản sự tái sinh của mình trên các pháp của dục giới. Nên biết đây cũng là một dấu hiệu của bất thối chuyển nơi một Bồ-tát bất thối chuyển. Hơn nữa, một Bồ-tát bất thối chuyển không chấp vào tầm quan trọng của danh tiếng, danh hiệu hay sự nổi tiếng. Ông ấy không chấp vào một cái tên [đặc biệt

mà trong bất cứ trường hợp nào nó cũng có mặt trong tánh không]. Tâm ông ấy vẫn không nao núng, và chỉ thích sự vui sướng của tất cả chúng sinh. Dù ông ấy ra đi hay trở lại, tâm ông ấy không lang lang, và ông ấy vẫn luôn luôn tâm niệm. Khi sống cuộc đời của một gia chủ, ông ấy không có sự yêu thương nhiều đối với những sự vật thích thú, và ông ấy không muốn chúng quá nhiều. Ông ấy sở hữu tất cả những vật thích thú với sự lo sợ và chán nản. Ở nơi hoang vắng bị trộm cướp khuấy phá, người ta ăn trong sợ hãi và luôn luôn nghĩ đến [333] bỏ đi, ra khỏi chỗ hoang vắng này, và không nghỉ ngơi. Cũng vậy, một Bồ-tát bất thối chuyển, sở hữu bất cứ vật thích thú nào ông ấy có thể mang theo một cách đơn giản, không hăng hái, không chấp trước. Ông ấy không phải là một trong những người quan tâm những hình tướng yêu thích. Những người sống cuộc sống của những gia chủ và những người chấp trước trong năm loại khoái lạc không kiểm sống theo cách bất thường mà theo cách chính đáng. Họ cũng không chết trong tình trạng tội lỗi, họ cũng không làm tổn thương những người khác. Vì họ thúc giục tất cả chúng sinh đạt hạnh phúc tối thượng, – những người xứng đáng đó, những bậc vĩ đại đó, những siêu nhân, những người tuyệt vời, những người huy hoàng, những người cao cả, những người hùng mạnh, những anh hùng của loài người, những người lãnh đạo của loài người, những hoa súng của loài người, những hoa sen của loài người, những người thuần chủng, Rồng của loài người, sư tử của loài người, những người huấn luyện của loài người! Trong tinh thần này các Bồ-tát sống cuộc đời của gia chủ, bởi vì họ đã được sức mạnh của bát-nhã ba-la-mật thám nhập, – và đó là một biểu hiệu nữa của bất thối chuyển. Hơn nữa, Kim Cương Thủ⁶³, đại Dạ-xoa, luôn luôn theo dõi phía sau vị Bồ-tát bất thối chuyển. Không thể tấn công được, Bồ-tát ấy không thể bị người hay ma đánh bại. Tất cả chúng sinh thấy khó chinh phục ông ấy, và tâm ông ấy không bị [những cuộc tấn công của họ] quấy rầy. Các căn của ông ấy đầy đủ tất cả, và ông ấy không thiếu bất cứ cái nào. Ông ấy sở hữu các cơ quan của một người đàn ông., [334] không phải những cơ quan của

⁶³ Phạn: *Varjpani*.

một người bất lực. Trong bất cứ cách nào, ông ấy cũng không dự vào những chú thuật, lảm nhảm thì thầm, thảo mộc thảo dược, ma thuật, phù phép chữa bệnh, v.v..., mà chúng là việc làm của đàn bà. Ông ấy kiêm sống theo cách trong sạch, không theo cách sai trái. Tính cách của ông ấy là không cãi cọ cũng không tranh luận. Cái thấy của ông ấy chánh trực, ông ấy không tự nâng cao mình cũng không hạ thấp người khác. Ông ấy được phú bẩm những đức tính này và những đức tính tương tự khác. Ông ấy không tiên đoán cho những người đàn bà hay đàn ông rằng họ sẽ có con trai hay con gái. Những cách sai lầm như thế khiến ông ấy có thể chấp nhận sẽ không phải của ông ấy. Tất cả điều này là một biểu hiệu nữa của bất thối chuyền. Hơn nữa, này Tu-bồ-đề, tôi sẽ chứng minh những thuộc tính, biểu hiệu, và dấu hiệu của một Bồ-tát bất thối chuyền. Được phú bẩm chúng, ông ấy được biết là bất thối chuyền đối với giác ngộ viên mãn. Lại nữa, đó là những điều nào? Đó là những điều sau đây: Ông ấy không trao mình cho sự chiếm hữu hay dự tưởng với các uẩn, các nhập, các giới, và duyên sinh. Ông ấy không dự tưởng loại chuyện mà người ta thích nói trong xã hội, chuyện nói về vua chúa và kẻ cướp, về quân đội và những cuộc đánh nhau; về làng mạc, [335] thành phố, thị trấn, các nước, vương quốc, và kinh đô; về chính ông ấy, về các quan thượng thư, tể tướng; về đàn bà, đàn ông và những người trung tính; về những cuộc hành trình, công viên, tu viện, cung điện, ao hồ, ao sen, đầm cây, vườn và núi; về quỉ Dạ-xoa⁶⁴, quỉ La-sát⁶⁵, Quỉ đói⁶⁶, quỉ Tỳ-xá-xà⁶⁷, quỉ Kataputana, quỉ Câu-bàn-trà⁶⁸; về thức ăn, đồ uống, quần áo, đồ trang sức, nước hoa, vòng hoa và dầu xức; về đường đi, ngả tư đường, đường phố, kiệu và người; về ca khúc, vũ điệu, chuyện kể, diễn viên, vũ công, và ca sĩ hát rong; về đại dương, về sông, về đảo. Họ không hiến mình cho chuyện nói làm chướng ngại pháp, loại chuyện nói làm vui người thường, nhưng hiến mình cho chuyện nói

⁶⁴ Phạn: *Yashas: Quí nhân.*

⁶⁵ Phạn: *Rakshasas: Bạo ác.*

⁶⁶ Phạn: *Pretas.*

⁶⁷ Phạn: *Pishacas: Đảm tinh.*

⁶⁸ Phạn: *Kumbhana.*

về bát-nhã ba-la-mật, và họ trở thành những người không thiếu tâm hành kết hợp với nhất thiết trí. Nhưng họ tránh chuyện nói về đánh nhau và xung đột, về cãi cọ và tranh biện. Họ có thiện chí đối với những gì đúng, và không thiện chí đối với những gì sai. Họ ca ngợi sự vắng mặt của bất hòa, và không để gây nên bất hòa. Họ muốn từ ái, và không muốn cái đối nghịch lại nó. Họ thuyết giảng pháp, và không thuyết giảng cái đối nghịch lại nó. Họ lập kế hoạch để có được cái thấy của các Nhu Lai trú ở các thiên thế giới khác, và như thế họ phát ý sinh niệm đưa họ đến tái sinh trong sự hiện diện của các ngài. Theo kế hoạch họ tái sinh gần các ngài, và họ không thiếu trong thị kiến của các Nhu Lai, [336] cũng không ở trong cơ duyên tôn vinh và phục vụ các ngài. Hơn nữa, khi một Bồ-tát bất thối chuyển nhất định chấm dứt sự hiện hữu của mình giữa chư thiên, – dù họ thuộc về cõi dục, hay cõi sắc, hay cõi vô sắc, – ông ấy được tái sinh ngay trong vùng trung tâm, ở châu Diêm-phù-de. Vì ở biên giới các nước, chỉ có một ít người có kiến thức tốt về nghệ thuật, thi ca, chân ngôn,⁶⁹ mạt tri, các luận tiêu chuẩn, những điều lả thường và ý nghĩa của tôn giáo, nhưng họ tái sinh rất nhiều ở vùng trung tâm. Nhưng những người tái sinh ở các vùng biên giới ít nhất cũng tái sinh ở các thị trấn lớn. Đây là một dấu hiệu nữa của bất thối chuyển. Hơn nữa, đối với một Bồ-tát bất thối chuyển không có chuyện tự hỏi là mình có phải là bất thối chuyển hay không. Chắc chắn là nó phát sinh nơi ông ấy, ông ấy không có sự bất định về giai đoạn mà ông ấy đã làm cho chính mình, và ông ấy không chìm bên dưới nó. Y như một người Dự lưu không có những do dự hay nghi ngờ về quả Dự lưu, nếu đó là giai đoạn đúng lý của ông ấy. Cũng vậy một Bồ-tát bất thối chuyển không có những do dự hay nghi ngờ về đang ở trên giai đoạn của Bồ-tát, khi đó là giai đoạn đúng lý của ông ấy, ông ấy cũng không chìm bên dưới nó. Và khi ông ấy nhanh chóng thấy thấu suốt bất cứ hành vi nào của Ma vương có thể đã phát sinh, và không đến vì sự lưỡng lự của ông ấy. [337] Một người phạm một tội ngũ nghịch, cho đến khi chết, sẽ không bao giờ mất ý niệm về hành động đó, người ấy không thể xóa bỏ hay loại bỏ nó,

⁶⁹ Phạn: *mantras*.

nhung nó theo người áy cho đến khi người áy chết. Cũng vậy, tâm bát thối chuyển của một Bồ-tát bát thối chuyển đã biết trụ vững trên địa bát thối chuyển mà đúng lý nó là của ông áy, ngay cả toàn thể thế giới với chư thiên, nhân, a-tu-la cũng không thể làm cong hay chia rẽ ông áy với nó. Ông áy nhận ra bất cứ hành vi nào của Ma vương có thể đã phát sinh vì cái gì, và không đến vì dao động. Ông áy không có do dự và nghi ngờ về giai đoạn đúng lý là của ông áy, ngay cả sau khi ông áy đi qua đời hiện tại này, những ý niệm mà chúng là đặc tính của Thanh văn và Duyên giác sẽ không phát sinh nơi ông áy. Nhưng khi đi qua đời hiện tại này ông áy nghĩ: “Áy không phải là trường hợp mà ta sẽ không đạt được giác ngộ viên mãn. Ta chắc chắn đạt được giác ngộ viên mãn, ta trụ vững trên địa mà đúng lý là của ta.” Ông áy không còn có thể bị người khác dẫn dắt lạc đường nữa, và ở địa mà nó đúng lý là của ông áy, thì ông áy không thể bị nghiền nát. Vì khi ông áy đứng vững ở địa đó, tâm ông áy trở nên không gì có thể vượt qua được, tri kiến của ông áy trở nên không ai có thể vượt qua được. Giả sử Ác Ma, trong lốt ngụy trang làm Phật đến nói với ông áy: “Hãy chứng ngộ quả A-la-hán trong đời này! Tiền định của ông không phải là giác ngộ viên mãn. Ông không có những đức tính, biểu hiệu và dấu hiệu mà một Bồ-tát phải được phú bẩm để đạt được giác ngộ viên mãn. Vậy thì vì sao ông phải theo đuổi trong đây?” Nếu lúc áy Bồ-tát đó trải nghiệm tâm có sự thay đổi, thì nên biết ông áy chưa được các Như Lai của quá khứ thọ ký giác ngộ viên mãn. [338] Mặt khác, nếu ông áy quán sát rằng, “đây chắc chắn là Ác Ma, đến sau khi y đã ngụy trang trong lốt Phật bằng ma thuật, ta bị Ma vương bám theo mãi, đây là một trong những cái do huyền thuật tạo ra, không phải là Như Lai. Như Lai đã nói đến kết quả không nên chứng ngộ quả A-la-hán, và không khác hơn,” nếu ông áy thấy và hiểu rằng “đây chắc chắn là Ác Ma, đã tạo ra hai huyền tướng của Phật, và muôn làm ta mất thiện cảm với giác ngộ vô thượng,” và nếu Ma vương, sau đó, quay đi, thì Bồ-tát này chắc chắn trong quá khứ đã được các Như Lai được thọ ký giác ngộ viên mãn, và ông áy đã trụ vững ở địa bát thối chuyển của Bồ-tát. Ở đâu thấy được những đức tính, biểu hiệu

và dấu hiệu này, ở đó có thể chắc chắn, không nghi ngờ gì, vì ông ấy có những phẩm tính này, ông ấy đã được các Như Lai trong quá khứ thọ ký, và đã đứng vững trên địa bát thối chuyền của Bồ-tát. Vì ông ấy có những đức tính, biểu hiệu và dấu hiệu của một Bồ-tát bát thối chuyền. Đây là một biểu hiệu nữa của bát thối chuyền. Hơn nữa, một Bồ-tát bát thối chuyền có gắng có được thiện pháp dù cho ông ấy trả giá bằng sinh mạng của mình và tất cả những thứ tùy thuộc. Vì thế, ông ấy nỗ lực vô thượng để có được thiện pháp qua sự yêu mến và kính trọng pháp, qua sự yêu mến và kính trọng các Phật và Thế Tôn quá khứ, vị lai và hiện tại. Trong niềm tin quyết rằng “các Pháp thân là các Phật, các Thế Tôn.” [339] Ông ấy đạt được thiện pháp qua lòng yêu mến và kính trọng của ông ấy đối với Pháp. Ông ấy đạt được thiện pháp không những chỉ là của các Phật và Thế Tôn quá khứ mà còn là của các Phật và Thế Tôn hiện tại và vị lai. Ông ấy trở nên tin quyết rằng ông ấy cũng gia nhập vào hàng những người được dự tính sẽ là các Phật và Thế Tôn vị lai, rằng ông ấy cũng đã được thọ ký giác ngộ vô thượng đó, rằng ông ấy cũng sẽ có được chính thiện pháp này. Ông ấy cũng mang trong tâm những quán xét này, trong các nỗ lực để có được thiện pháp ấy, khi ông ấy khước từ ngay cả mạng sống và những vật tùy thuộc của mình, khi ông ấy không chán nản, hay trở nên lười biếng. Đây là một biểu hiệu nữa của bát thối chuyền. Hơn nữa, khi Như Lai chứng minh pháp, một Bồ-tát bát thối chuyền không do dự hay nghi ngờ.

Tu-bồ-đề: Ngài ấy cũng không do dự hay nghi ngờ khi một Thanh văn chứng minh pháp?

Thế Tôn: Không, ông ấy không. Vì một Bồ-tát đã có được hạnh vô sinh pháp nhẫn không do dự hay nghi ngờ khi ông ấy nghe nói về thực tướng vô ngại của tất cả các pháp. Được phú bẩm những đức hạnh này, một Bồ-tát trở thành bát thối chuyền. [340] Cũng nên biết đây là những đức tính, biểu hiệu và dấu hiệu của một Bồ-tát bát thối chuyền vì giác ngộ viên mãn.

Chương XVIII

KHÔNG

1. NHỮNG TRẠM DÙNG THÂM SÂU

Tu-bồ-đề: Thật là kỳ diệu, Ôi Thé Tôn, những đức tính vĩ đại làm sao, vô hạn và vô lượng làm sao mà một Bồ-tát được phú bẩm!

Thé Tôn: Đúng vậy, Tu-bồ-đề. Vì một Bồ-tát bất thời chuyển đã có được tri kiến vô tận và vô biên mà các Thanh văn và Duyên giác không có trình báo.

Tu-bồ-đề: Trong nhiều kiếp liên tục Thé Tôn đã có thể tiếp tục xiển dương những đức hạnh, biểu hiệu và dấu hiệu này của một Bồ-tát bất thời chuyển. Do đó bây giờ ngài có thể chỉ những vị thế rất thâm sâu của một Bồ-tát mà chúng kết hợp với bát-nhã ba-la-mật.

Thé Tôn: Khéo nói, Tu-bồ-đề. Hiển nhiên ông đã nêu lên những vị thế rất thâm sâu bởi vì ông muốn được chỉ dạy. “Thâm sâu,” Tu-bồ-đề, của Không đồng nghĩa với thâm sâu của Vô tướng, Vô nguyễn, Vô quả, Vô sinh, Bất sinh, Vô hữu, Vô ưu, Đoạn dứt, Niết-bàn, và Ra đi. [342]

Tu-bồ-đề: Nó chỉ đồng nghĩa với các pháp này hay với tất cả các pháp?

Thé Tôn: Nó đồng nghĩa với tất cả các pháp. Vì sắc, v.v..., thâm sâu. Sắc, v.v..., thâm sâu như thế nào? Thâm sâu như Như, thâm sâu như sắc, v.v... Thâm sâu như Như của sắc, v.v... Ở chỗ không có sắc, đó là thâm sâu của sắc, v.v...

Tu-bồ-đề: Thực là kỳ diệu, Ôi Thé Tôn, làm sao một thiết bị vi tế mở sắc, v.v..., ra [hay: không chướng ngại], và đồng thời chỉ Niết-bàn.

2. PHỤNG SỰ BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT NHƯ THẾ NÀO

Thé Tôn: Khi một Bồ-tát phản chiếu, tư duy và thiền định về

những địa vị rất thâm sâu này mà chúng kết hợp với bát-nhã ba-la-mật, và có gắng trụ, tu luyện và tiến bộ như đã được qui định, miêu tả và giải thích trong bát-nhã ba-la-mật, [343] rồi nếu ông ấy làm như thế trong chỉ một ngày, việc mà ông ấy làm trong một ngày đó vĩ đại làm sao! Nếu một người, xúc động bởi những quan tâm về tham, đã hẹn hò ngày gặp với một nữ nhân xinh đẹp, hấp dẫn, và nếu bây giờ nữ nhân đó bị một người khác giữ lại và không thể ra khỏi nhà được, thì Tu-bồ-đề, ý ông thế nào, những dự tưởng của người đàn ông đó được kết nối với cái gì?

Tu-bồ-đề: Dĩ nhiên, với người đàn bà. Anh ta nghĩ đến sự đến của nàng, về những điều họ sẽ cùng làm với nhau, và về sự mừng rỡ, vui vẻ và hân hoan anh ta sẽ có với cô ta.

Thé Tôn: Anh ta sẽ có nhiều ý tưởng như thế trong vòng một ngày không?

Tu-bồ-đề: Quả thật có nhiều, Ôi Thé Tôn.

Thé Tôn: Cũng nhiều như những ý tưởng như anh ta có trong vòng một ngày, một Bồ-tát cự tuyệt sự sinh tử, quay lưng lại với nó, tìm cách chấm dứt nó, trong rất nhiều kiếp.

3. CÔNG ĐỨC

Khi ông ấy trụ, tu luyện, tiến bộ, thiền định, và tinh tấn như được qui định, miêu tả và giải thích trong bát-nhã ba-la-mật này, ông ấy cũng dứt bỏ những lỗi lầm khiến ông ấy quay đi đối với giác ngộ viên mãn. [344] Nếu bây giờ một Bồ-tát hiến mình cho sự sùng mộ bát-nhã ba-la-mật, và làm những việc chỉ trong một ngày thôi trong khi trú hoàn toàn trong các tâm hành nối kết với bát-nhã ba-la-mật; và nếu một Bồ-tát khác thiếu bát-nhã ba-la-mật, nhưng cúng dường phẩm vật trong vô số kiếp; ở cấp cao hơn ông ấy là Bồ-tát, chỉ trong một ngày, tinh cần về bát-nhã ba-la-mật. Một Bồ-tát chỉ trong một ngày tinh cần về bát-nhã ba-la-mật tạo nhiều công đức hơn một Bồ-tát khác trong vô số kiếp cúng dường phẩm vật cho tất cả các hạng thánh nhân, – từ Dự lưu đến Như Lai – nhưng thiếu bát-nhã ba-la-mật. Nếu Bồ-tát khác đó không chỉ cúng dường phẩm vật như đã

nói, mà thêm vào giữ giới, nhưng thiếu bát-nhã ba-la-mật, thì Bồ-tát này, người trú trong bát-nhã ba-la-mật, sẽ tạo công đức nhiều hơn nếu sau khi ông ấy xuất hiện từ hành tác của tâm trên bát-nhã ba-la-mật, ông ấy sẽ chứng minh pháp. Và điều đó vẫn đúng [345] dù cho cộng thêm Bồ-tát kia được phú bẩm nhẫn nhục. Dù cho cộng thêm ông ấy tận lực tinh tấn, gắng sức về thiền định và các giác chi, nhưng vẫn còn thiếu bát-nhã ba-la-mật; một Bồ-tát, sau khi bố thí pháp, như đã nói trước kia, sẽ chuyển nó đến giác ngộ viên mãn, sẽ tạo nhiều công đức hơn của ông ấy. Còn nhiều hơn nữa là công đức của một Bồ-tát không những chỉ bố thí pháp, không chỉ chuyển nó đến giác ngộ viên mãn, mà còn dùng loại chuyển đã được dạy trong bát-nhã ba-la-mật. Nhưng nếu một Bồ-tát, sau khi đã làm xong tất cả điều đó, không còn nỗ lực vì nó nữa trong ẩn tu thiền định, [346] thì công đức của ông ấy sẽ ít hơn công đức của người cũng nỗ lực vì nó trong ẩn tu thiền định và người được bát-nhã ba-la-mật hộ trợ, khiến cho sự ẩn tu thiền định không thiếu bát-nhã ba-la-mật. Người sau tạo được công đức nhiều hơn.

4. VÔ LUỢNG, RỖNG KHÔNG VÀ THUYẾT THOẠI

Tu-bồ-đề: Làm sao có thể nói rằng mình tạo nhiều công đức vì Thế Tôn miêu tả tất cả những tích lũy là kết quả của sự phân biệt sai?

Thé Tôn: Trong trường hợp đó sự tích lũy công đức về phần của một Bồ-tát theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật cũng phải được miêu tả như là rỗng không, vô giá trị, vô nghĩa và không có thực chất. Đến mức độ một Bồ-tát tiếp tục quán tất cả các pháp theo cách này, đến mức độ ông ấy trở thành người không thiếu bát-nhã ba-la-mật. Và đến độ ông ấy không thiếu bát-nhã ba-la-mật, đến độ ông ấy tạo ra khôi công đức không thể đo lường và không thể tính toán.

Tu-bồ-đề: Có sự phân biệt hay khác biệt nào giữa không thể đo lường và không thể tính toán không?

Thé Tôn: Nó “không thể đo lường” bởi vì tất cả những cách đo

phải ngừng lại nơi nó. Nó “không thể tính toán” bởi vì nó làm cạn kiệt tất cả mọi nỗ lực đếm nó.

Tu-bồ-đề: Có lý do nào để cho rằng các uẩn là không thể đo lường được không?

Thé Tôn: Có. [347]

Tu-bồ-đề: Từ đồng nghĩa của “không thể đo lường được” là gì?

Thé Tôn: Không, Vô tướng, Vô nguyên.

Tu-bồ-đề: Có phải nó là từ đồng nghĩa của chỉ những pháp áy và không phải của những pháp khác?

Thé Tôn: Tôi chưa miêu tả tất cả các pháp như là ‘rỗng không’ ư?

Tu-bồ-đề: Như Lai đã miêu tả tất cả các pháp chỉ là rỗng không.

Thé Tôn: Là rỗng không, chúng cũng là vô tận. Và cái gì là không, cái áy cũng là không thể đo lường được. Vậy thì, theo thực tướng tối hậu, không có sự phân biệt hay khác biệt nào có thể nhận biết được giữa các pháp này. Khi nói chuyện chúng đã được Như Lai miêu tả. Người ta nói chuyện khi người ta nói về ‘không thể đo lường được,’ hay ‘không thể tính toán được,’ hay ‘không thể cùng tận được’ hay ‘rỗng không,’ hay ‘vô tướng,’ hay ‘vô nguyên,’ hay ‘không tác dụng,’ hay ‘vô sinh,’ ‘bất sinh,’ ‘vô hữu,’ ‘vô ưu,’ ‘đoạn,’ ‘Niết-bàn.’ Sự giải thích tường tận này đã được Như Lai miêu tả như là hoàn thành sự chứng minh của ngài áy. [348]

Tu-bồ-đề: Kỳ diệu là thấy mức độ Như Lai chứng minh chân tánh của tất cả các pháp, và người ta không thể nói đúng về chân tánh của tất cả các pháp, [theo nghĩa xác định những thuộc tính phân biệt tách rời các thực thể có thực]. Như con hiểu nghĩa lời dạy của Như Lai, ngay cả tất cả các pháp người ta không thể nói được, theo bất cứ nghĩa thích hợp nào?

Thé Tôn: Đúng vậy, vì người ta không thể diễn tả đúng tánh không của tất cả các pháp bằng lời.

5. KHÔNG TĂNG HAY GIẢM

Tu-bồ-đề: Một vật nào đó có thể tăng hay giảm không, nếu nó ở

bên kia tất cả lời nói phân biệt?

Thέ Tôn: Không, Tu-bồ-đề.

Tu-bồ-đề: Nhưng nếu không thể có sự tăng hay giảm của một thực thể mà nó ở bên kia tất cả lời nói phân biệt, thì không thể có sự tăng hay giảm của sáu ba-la-mật. Vậy thì làm sao một Bồ-tát có thể đạt được giác ngộ viên mãn qua sức mạnh của sáu ba-la-mật, nếu chúng không tăng, làm sao ngài ấy có thể đến gần giác ngộ viên mãn được, vì không có sự hoàn thành các ba-la-mật, ngài ấy không thể đến gần giác ngộ viên mãn? [349]

Thέ Tôn: Đúng vậy, Tu-bồ-đề. Chắc chắn không có sự tăng hay giảm của một thực thể ba-la-mật. Một Bồ-tát theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật, và thiện xảo trong các phương tiện, hiển nhiên không nghĩ rằng “bồ thí ba-la-mật này tăng, bồ thí ba-la-mật này giảm.” Nhưng ông ấy biết rằng “bồ thí ba-la-mật này chỉ là lời nói.” Khi ông ấy bồ thí một phẩm vật ông ấy chuyển nó qua giác ngộ viên mãn những tâm hành, những ý niệm sản sinh, các thiện cẩn liên hệ với hành động bồ thí đó. Nhưng ông ấy chuyển chúng qua theo cách như thế mà ông ấy kính trọng thực tướng thực tế của giác ngộ viên mãn. Và ông ấy tiến hành theo cùng cách khi ông ấy tự chấp nhận các bốn phận đạo đức, khi ông ấy tự hoàn thiện mình trong nhẫn nhục, [350] khi ông ấy tận lực tinh tấn, nhập các thiền, theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật, phát triển bát-nhã ba-la-mật.

Tu-bồ-đề: Vậy thì giác ngộ vô thượng này là gì? [351]

Thέ Tôn: Nó là Chân như. Nhưng Chân như không tăng cũng không giảm. Một Bồ-tát lặp đi lặp lại và thường trú trong các tâm hành kết nối với Chân như đó đến gần với giác ngộ vô thượng hơn, và ông ấy không mất lại các tâm hành. Chắc chắn rằng không thể có sự tăng hay giảm nào cả của một thực thể mà nó ở bên kia tất cả ngôn từ, và do đó không ba-la-mật nào cũng như tất cả các pháp có thể tăng hay giảm. Nó là như thế, khi trú nơi các tâm hành thuộc loại này, một Bồ-tát trở thành một người gần giác ngộ viên mãn.

Chương XIX

NỮ THẦN SÔNG HÀNG

1. TÙY THUỘC PHÁT SINH

Tu-bồ-đề: Nếu một Bồ-tát đạt được giác ngộ viên mãn, có phải đó là vì sự phát tâm bồ-đề đầu tiên hay tâm bồ-đề cuối cùng? Hai hành động đó của tâm không thể kết hợp ở một chỗ nào [và vì thế chúng không thể hợp tác sinh ra kết quả]. Làm sao sự tích lũy các thiện căn của một Bồ-tát có thể xảy ra?

Thế Tôn: Ý ông thế nào, Tu-bồ-đề, cái bắc của cây đèn dầu cháy do cái chạm đầu tiên của ngọn lửa hay do cái chạm cuối cùng của ngọn lửa.

Tu-bồ-đề: Không phải vậy, Ôi Thế Tôn! Nó không cháy do cái chạm đầu tiên của ngọn lửa cũng không phải do sự không tùy thuộc của nó, và nó cũng không cháy do cái chạm cuối cùng của ngọn lửa cũng không do sự không tùy thuộc của nó.

Thế Tôn: Rồi cái bắc ấy có nhất định cháy không?

Tu-bồ-đề: Có, thưa Thế Tôn.

Thế Tôn: Cũng vậy, chẳng phải qua tâm thứ nhất hay cuối cùng về giác ngộ, cũng chẳng phải do sự không tùy thuộc của chúng [353] mà một Bồ-tát đạt được giác ngộ viên mãn. Ông ấy không đạt được nó qua những phát sinh của tâm, cũng không khác hơn qua những phát sinh ấy. Song ông ấy đạt được giác ngộ viên mãn.

2. KHÔNG PHÁT TRIỂN

Tu-bồ-đề: Thâm sâu là sự tùy thuộc phát sinh này!

Thế Tôn: Này Tu-bồ-đề, tâm đó [đầu tiên] đã đoạn [sau khi xuất hiện chốc lát] sẽ phát sinh lại [vào lúc có tâm thứ nhì] không?

Tu-bồ-đề: Dạ không, thưa Thế Tôn.

Thế Tôn: Tâm đó đã phát sinh [trong quá khứ], có phải là do chính bản tính của nó chịu số phận phải đoạn không?

Tu-bồ-đề: Dạ phải, thưa Thé Tôn.

Thé Tôn: Nếu một vật do chính bản tánh của nó chịu số phận phải đoạn, nó sẽ bị diệt không?

Tu-bồ-đề: Dạ không, thưa Thé Tôn. [354]

Thé Tôn: Tâm áy [chưa] sinh, có phải do bản tính của nó chịu số phận phải đoạn không?

Tu-bồ-đề: Dạ không, thưa Thé Tôn [bởi vì một vật chưa sinh không thể bị đoạn được].

Thé Tôn: Nhưng khi nó đến điểm mà bản tánh của nó chịu số phận phải đoạn, thì nó sẽ bị diệt không?

Tu-bồ-đề: Dạ không, thưa Thé Tôn.

Thé Tôn: Nếu yếu tánh của tâm đó không dính líu với sinh hay đoạn, thì nó sẽ bị đoạn không?

Tu-bồ-đề: Dạ không, thưa Thé Tôn.

Thé Tôn: Nếu một pháp, do yếu tánh của nó, đã bị đoạn trong tự tánh, pháp áy sẽ bị đoạn không?

Tu-bồ-đề: Dạ không, thưa Thé Tôn.

Thé Tôn: Chân tánh của các pháp sẽ bị đoạn không?

Tu-bồ-đề: Dạ không, thưa Thé Tôn.

Thé Tôn: Bồ-tát áy sẽ trụ vững theo cùng cách Chân như trụ vững không?

Tu-bồ-đề: Dạ, ngài áy sẽ trụ vững. [355]

Thé Tôn: Rồi Chân như đó sẽ không ở trong nguy hiểm bị thay đổi xa rời tính bất động cao vời của nó chăng?

Tu-bồ-đề: Dạ không, thưa Thé Tôn.

Thé Tôn: Thâm sâu là Chân như.

Tu-bồ-đề: Nó thâm sâu, Ôi Thé Tôn.

Thé Tôn: Tâm có ở trong Chân như không?

Tu-bồ-đề: Dạ không, thưa Thé Tôn.

Thé Tôn: Tâm có [đồng với] Chân như không?

Tu-bồ-đề: Dạ không, thưa Thé Tôn.

Thé Tôn: Tâm có khác hơn Chân như không?

Tu-bồ-đề: Dạ không, thưa Thé Tôn.

Thé Tôn: Ông có thể thấy Chân như chăng?

Tu-bồ-đè: Dạ không, thưa Thέ Tôn.

Thέ Tôn: Một người theo đuổi tựa như Chân như, người ấy theo đuổi trong thâm sâu chăng?

Tu-bồ-đè: Người ấy không theo đuổi ở đâu cả. Vì bất cứ ý tưởng nào về sự biểu hiện của người ấy, theo thói quen, không tiến hành nơi người ấy cũng không xảy ra với người ấy.

Thέ Tôn: Một Bồ-tát theo đuổi ở đâu khi ông ấy theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật? [356]

Tu-bồ-đè: Trong thực tướng cứu cánh.

Thέ Tôn: Khi theo đuổi trong thực tướng cứu cánh ông ấy có theo đuổi trong tướng?

Tu-bồ-đè: Dạ không, thưa Thέ Tôn.

Thέ Tôn: Rồi đối với ông ấy tướng có phải là một cái gì đó mà ông ấy không hủy bỏ bằng cách phát triển thiền định không?

Tu-bồ-đè: Dạ không, thưa Thέ Tôn.

Thέ Tôn: Rồi đối với vị Bồ-tát theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật, tướng ấy có trở thành một cái gì đó mà ông ấy không hủy bỏ bằng cách phát triển thiền định không?

Tu-bồ-đè: Bồ-tát ấy không tạo bất cứ nỗ lực nào, trong khi ngài ấy theo đuổi trong chiềuhướng của một Bồ-tát trong lần sinh hiện tại, để đạt đến cảnh giới trong đó tất cả các tướng đều bị bỏ hết. Nếu ngài ấy đạt đến cảnh giới ấy trước khi tất cả Phật pháp đầy đủ nơi ngài ấy, ngài ấy sẽ tự động trở thành một Thanh văn. Sự thiện xảo trong các phương tiện của một Bồ-tát gồm trong đây, là ngài ấy tri kiến tướng ấy, cả dấu hiệu và nguyên nhân, song ngài ấy hoàn toàn đầu hàng Vô tướng [pháp giới, trong đó không tướng nào từng xuất hiện].

Xá-lợi-phất: Bát-nhã ba-la-mật của một Bồ-tát có tăng khi ngài ấy, ở trong mộng, có phát triển ba cửa giải thoát, nghĩa là, Không, Vô tướng và Vô nguyên không?

Tu-bồ-đè: Nếu nó tăng qua sự phát triển ban ngày, rồi nó cũng tăng nơi người mộng [về nó]. Vì Thέ Tôn có nói rằng mộng và tinh không phân biệt, [cốt yếu là đồng]. Nếu [357] một Bồ-tát thọ nhận bát-nhã ba-la-mật, ngày ngày theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật, thì

ngài ấy trong mộng cũng vẫn hoàn toàn gần gũi với bát-nhã ba-la-mật, rồi bởi vì thực hành lặp đi lặp lại bát-nhã ba-la-mật ngài ấy trong mộng cũng sẽ phát triển nó rất nhiều.

Xá-lợi-phát: Nếu có người trong mộng thực hiện một hành vi, thiện hay bất thiện, hành vi ấy có được thêm vào cái khói hay sự tích tập nghiệp của người ấy không?

Tu-bồ-đề: Cho đến bây giờ Thế Tôn đã dạy rằng tối hậu tất cả các pháp đều như mộng, cho đến bây giờ [nghĩa là, theo quan điểm thực tại tối hậu] hành vi ấy sẽ không được thêm vào cái khói hay sự tích tập nghiệp của người ấy. Nhưng mặt khác, [theo quan điểm thực tại thực nghiệm], hành vi ấy sẽ được thêm vào cái khói hay sự tích tập nghiệp của người ấy nếu, sau khi tỉnh giấc, người ấy nghĩ giác mộng đã qua, và một cách ý thức hình thành ý kiến rằng người ấy muốn giết một người nào đó. Làm sao người ấy làm điều đó? Trong mộng người ấy có thể sát sinh, khi thức dậy, người ấy suy nghĩ như vậy: “tốt là y đã bị giết! Đúng là y đã bị giết! Phải là y đã bị giết! Là ta đã giết y.” Những ý nghĩ như thế tương đương với ý kiến có ý thức là người ấy muốn giết một người nào đó.

3. KHÔNG TRỢ DUYÊN KHÁCH QUAN VÀ KHÔNG TỰ TÁNH

Xá-lợi-phát: Vì kết quả của những tư duy có ý thức như thế, nếu hành vi ấy của người đó được thêm vào sự tích tập nghiệp của người ấy, thì hành vi của Phật, Thế Tôn, khi ngài ấy tự nghĩ, một cách có ý thức hình thành ý kiến ngài ấy muốn nhập diệt, [358] cũng sẽ được thêm vào cái khói và sự tích tập nghiệp của Phật u?

Tu-bồ-đề: Không, quả thực không, thưa ngài Xá-lợi-phát. Vì Như Lai là người đã bỏ hết tất cả suy tư và phân biệt. Hu không tự nó không thể phát sinh một hành vi hay ý nghĩ mà không có trợ duyên khách quan. Một hành vi chỉ có thể phát sinh với trợ duyên khách quan, không phải không có. Một ý nghĩ chỉ có thể phát sinh với trợ duyên khách quan, không phải không có. Những hành động lý trí phải liên quan với các pháp được thấy, nghe, cảm, hay biết.

Liên quan với một vài đối tượng, những hành động lý trí nhận sự ô nhiễm lên chính chúng, liên quan với những đối tượng khác, chúng nhận sự thanh tịnh. Những hành động ý chí và những hành vi, do đó, chỉ có thể phát sinh với có hay không có trợ duyên khách quan.

Xá-lợi-phát: Vì Thé Tôn đã miêu tả tất cả những trợ duyên khách quan là ly cách [không có sự liên hệ vốn có với chủ thể], làm sao một hành động ý chí chỉ có thể phát sinh với có hay không có trợ duyên khách quan?

Tu-bồ-đề: Một hành động ý chí phát sinh với trợ duyên khách quan, và không phải không có trợ duyên khách quan, theo nghĩa người ta xử lý một trợ duyên khách quan thực tế không hiện hữu như là một tướng, như là một trợ duyên khách quan. Sự thực, hành động ý chí cũng ly cách, cũng là một tướng. Và như vậy là các nghiệp hành bị vô minh duyên, và như vậy tất cả các măt xích duyên sinh, cho đến suy và chết bị sinh duyên. Như vậy ngay cả các trợ duyên khách quan cũng ly cách. Hành động ý chí ly cách với tướng, và nó phát sinh chỉ liên hệ với những biểu hiện thế tục hiện hành trong thế gian.

Xá-lợi-phát: Nếu trong mộng một Bồ-tát cúng dường một phẩm vật, và hiên nó cho giác ngộ viên mãn, có thể gọi phẩm vật ấy là được cúng dường một cách hiệu quả không? [359]

Tu-bồ-đề: Chúng ta đang mặt đối mặt với ngài Di-lặc, bậc Bồ-tát, bậc đại sĩ. Như Lai đã thọ ký sự giác ngộ vô thượng của ngài ấy. Ngài ấy là nhân chứng trực tiếp vấn đề này, ngài ấy sẽ trình bày vấn đề này.

Xá-lợi-phát: Thưa ngài Di-lặc, Trưởng lão Tu-bồ-đề đã nói: “Có ngài Di-lặc, bậc Bồ-tát, bậc đại sĩ! Ngài ấy sẽ trình bày vấn đề này.” Xin hãy trình bày vấn đề này, Tôn giả Bát Nắng Thắng⁷⁰!

Di-lặc: Liên hệ với những gì Tôn giả Tu-bồ-đề đã nói, cái gì tương ứng với những chữ “Di-lặc” và “ngài ấy sẽ trình bày vấn đề này”? Sắc của tôi sẽ trả lời? Hay thọ, tướng, hành, hay thức của tôi? Ngoại tướng của tôi sẽ trả lời, hay hình dạng của tôi? Hay không của sắc sẽ trả lời, hay không của thọ, tướng, hành, hay thức? Hiển

⁷⁰ Phạn: Ajita.

nhiên không của sắc, v.v..., không có khả năng trả lời. [360] Tôi không thấy bát cứ một pháp nào đó trả lời, hay pháp ấy trả lời, hay do pháp ấy mà người ta có thể trả lời, hay bát cứ pháp nào cũng được thọ ký giác ngộ vô thương.

Xá-lợi-phát: Thưa ngài Di-lặc, vậy thì có lẽ ngài thực sự có chứng kiến các pháp theo cách ngài dạy chứ?

Di-lặc: Tôi không có. Ngay cả tôi không biết các pháp đó, không nhận biết, không thấy chúng, theo cách lời tôi nói diễn đạt, và ý nghĩ của tôi phản chiếu lên chúng. Nhưng chắc chắn thân không thể tiếp xúc với chúng, ngữ không thể diễn đạt chúng, ý không thể quán sát chúng. Đó là tự tánh của tất cả các pháp, bởi vì chúng không có bát cứ tự tánh nào.

Xá-lợi-phát nghĩ: Quả thật trí tuệ thâm sâu là Bồ-tát Di-lặc, bậc đại sĩ này. Làm sao ngài ấy xiển dương bát-nhã ba-la-mật mà ngài ấy đã theo đuổi trong thời gian dài như thế!

Thé Tôn: Vì sao ý nghĩ ấy xảy ra với ông? Này Xá-lợi-phát, ông có thể thấy pháp được phú bẩm mà với nó ông đã thành một A-la-hán không?

Xá-lợi-phát: Dạ không, thưa Thé Tôn. [361]

Thé Tôn: Cùng cách ấy, nó không xảy ra với một Bồ-tát theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật, rằng “pháp này đã được định trước cho giác ngộ viên mãn, pháp đó sẽ được định trước, pháp đó đang được định trước, pháp đó sẽ biết giác ngộ viên mãn.” Khi theo đuổi theo cách như thế, thì ông ấy theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật.

4. NĂM CHỖ GÂY SỢ HÃI

Trong khi ông ấy theo đuổi như thế, ông ấy không sợ. Ông ấy được tiêm nhiễm sức mạnh mà ông ấy đã có được [trong sự theo đuổi trong cái không căn bản], và nó làm cho ông ấy có thể khăng khăng trong nỗ lực và nghĩ: “Ấy không phải là trường hợp mà ta sẽ không giác ngộ viên mãn.” Nếu ông ấy theo đuổi như thế, là ông ấy theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật. Hơn nữa, một Bồ-tát không sợ khi ông ấy đi vào nơi hoang vắng đầy dã thú. Vì ấy là bốn phận

khước từ mọi sự vật vì tất cả chúng sinh của ông ấy. Vì thế ông ấy nên phản ứng bằng cách nghĩ: “Nếu những dã thú này có vò ta, thì đó sẽ là phẩm vật bồ thí của ta cho chúng. Bồ thí ba-la-mật sẽ trở nên hoàn hảo hơn nơi ta, và ta sẽ đến gần giác ngộ viên mãn hơn. Sau khi đạt giác ngộ viên mãn ta sẽ đi những bước để cho trong Phật địa của ta sẽ không có dã thú nào hết, nơi ấy còn không có ngay cả khái niệm về dã thú mà tất cả chúng sinh trong đó sẽ sống bằng thực phẩm cõi trời.” Hơn nữa, một Bồ-tát không nên sợ nếu ông ấy thấy mình ở nơi hoang vắng đầy bọn cướp. Vì các Bồ-tát vui thích trong việc tu thiện từ bỏ tất cả những vật tùy thuộc của mình. Một Bồ-tát phải vất bỏ ngay cả thân mình, và ông ấy phải khước từ tất cả những cái cần thiết cho đời sống. Ông ấy nên phản ứng sự nguy hiểm bằng ý nghĩ [362]: “Nếu có ai lấy đi của tôi tất cả mọi thứ cần thiết cho đời sống, thì hãy để chúng là món quà của tôi cho họ. Nếu có người cướp đi mạng sống của tôi, tôi không nên có ác ý, tức mình hay giận dữ về chuyện đó. Ngay cả chống lại họ, tôi cũng không nên có hành động phật lòng hoặc bằng thân, ngữ hay ý. Đây sẽ là cơ duyên đem các ba-la-mật bồ thí, trì giới và nhẫn nhục đến độ hoàn thiện vĩ đại hơn, và tôi sẽ đến gần giác ngộ viên mãn hơn. Sau khi đạt được giác ngộ viên mãn, tôi sẽ hành động và cư xử theo cách như thế mà trong Phật địa của tôi hoang vu đầy bọn cướp sẽ không có cách nào tồn tại hay ngay cả có thể suy nghĩ được. Và những tận lực đem lại sự thanh tịnh hoàn toàn nơi Phật địa ấy sẽ rất vĩ đại đến độ trong đó không có những lỗi này hay những lỗi khác hiện hữu, hay ngay cả có thể suy nghĩ được.” Hơn nữa, trong nơi hoang hóa không có nước, một Bồ-tát không nên sợ. Vì tính cách của ông ấy như thế mà ông ấy không bị kinh động hay kinh hãi. Ông ấy nên quyết định rằng sự tu luyện của mình có thể có kết quả trong việc loại bỏ toàn bộ sự khát ra khỏi tất cả chúng sinh. Ông ấy không nên run rẩy khi nghĩ rằng, nếu mình chết vì khát, mình sẽ tái sinh làm Ngạ quỉ. Trái lại, ông ấy nên hướng ý niệm đại bi đến tất cả chúng sinh, và nghĩ [363]: “Hỡi ôi, chắc chắn những chúng sinh đó phải có công đức nhỏ nếu trong thế giới của họ những nơi hoang dã như thế có thể suy tưởng được. Sau khi đạt

được giác ngộ, tôi sẽ thấy rằng trong Phật địa của tôi những nơi hoang vắng như thế không hiện hữu, hay ngay cả không thể nghĩ bàn được. Và tôi sẽ ban cho tất cả chúng sinh công đức nhiều đến độ họ sẽ có nước tuyệt hảo nhất. Như thế tôi sẽ tận lực tinh tấn kiên định nhân danh tất cả chúng sinh, như vậy vào cơ hội đó tinh tấn ba-la-mật cũng sẽ trở nên hoàn hảo hơn nơi tôi.” Hơn nữa, ở nơi hoang hóa không thực phẩm, một Bồ-tát cũng không nê sọ. Ông ấy nên trang bị ý nghĩ: “Tôi sẽ tận lực tinh tấn kiên định, tôi sẽ tịnh hóa Phật địa của riêng tôi theo cách đó, sau khi tôi đạt được giác ngộ, ở nơi Phật địa đó sẽ không có những hoang hóa không thực phẩm, và không ai ngay cả có thể nghĩ bàn được. Những chúng sinh trong địa đó sẽ hoàn toàn hạnh phúc, đầy hạnh phúc, sở hữu tất cả hạnh phúc. Và như thế tôi sẽ hành động toàn bộ ý muốn và kế hoạch của những chúng sinh sẽ được giải thoát. Y như chư thiên ở trời Ba mươi ba một ý tưởng trong tâm họ cũng đủ phát sinh bất cứ điều gì họ có thể ham muốn, như vậy tôi sẽ tận lực tinh tấn kiên định, như thế những chúng sinh đó có thể nhận thức và sản sinh mọi thứ chỉ bằng ý nghĩ đến nó trong tâm họ. Để những ý muốn chính đáng của họ được thực hiện, để những chúng sinh đó, ở mọi nơi và bất cứ ở đâu, sẽ không thiếu những nhu cầu của đời sống, [364] tôi sẽ vì thế đấu tranh cho sự thanh tịnh hoàn toàn trong ý nghĩ của riêng tôi, vì tất cả chúng sinh, rằng vào cơ hội đó thiền định ba-la-mật cũng sẽ trở nên hoàn hảo hơn nơi tôi. Hơn nữa, một Bồ-tát sẽ không sọ trong một khu vực đầy các bệnh dịch. Nhưng ông ấy nên xem xét, phản chiếu và suy tính cẩn thận “ở đây không có pháp nào mà bệnh có thể áp chế, cũng không có cái gọi là ‘bệnh’ là một pháp.” Trong vấn đề đó, ông ấy nên quán không, và ông ấy không nê sọ. Nhưng ông ấy không nên nghĩ rằng “đó sẽ là một thời gian quá dài trước khi tôi đạt được giác ngộ viên mãn,” và ông ấy không nên run rẩy vì một ý nghĩ như thế. Vì niệm đó [thực tế nó không phát sinh] là giới hạn cực điểm của một cái gì đó không có khởi đầu; nói cách khác, ấy là sự vắng mặt của giới hạn. Vì thế một Bồ-tát nên tránh giữ trong tâm mình về những khó khăn, và ông ấy nên nghĩ rằng giới hạn này to lớn và lâu dài mà nó không có bắt đầu, vì nó kết nối

với một niệm duy nhất, nói cách khác, ấy là sự vắng mặt của giới hạn.” Điều này sẽ ngăn ngừa một Bồ-tát khỏi run rẩy vì ý nghĩ rằng còn lâu ông ấy mới đạt được giác ngộ viên mãn. Hơn nữa, này Tu-bồ-đề, nếu những lo sợ và kinh hãi này kia, dù có thấy, nghe, cảm hay biết, không khiến cho một Bồ-tát run rẩy, thì nên biết rằng “người con trai hay người con gái của gia đình thiện lương có khả năng biết giác ngộ viên mãn.” Vì thế một Bồ-tát nên mặc chiếc áo giáp ý niệm vĩ đại: [365] “Như thế tôi sẽ hành động, như thế tôi sẽ tận sức tinh tấn kiên định, sau khi tôi đạt được giác ngộ viên mãn, tất cả chúng sinh trong Phật địa của tôi sẽ không khổ vì bệnh, và sẽ còn không biết nó là gì. Tôi sẽ hành động theo cách như thế mà tôi sẽ thuyết giảng những gì Như Lai đã dạy, và tôi sẽ làm những gì tôi thuyết giảng. Như vậy tôi sẽ làm chủ bát-nhã ba-la-mật, vì tất cả chúng sinh, vào cơ duyên đó bát-nhã ba-la-mật cũng sẽ đến hoàn thành nơi tôi.”

5. SỰ THỌ KÝ CỦA NỮ THẦN SÔNG HĂNG

Ngay sau đó, một *người đàn bà* nào đó đến hội chúng, và ngồi xuống. Từ chỗ ngồi bà ta đứng lên, trật vai áo một bên ra, hai tay chấp lại bái chào Thé Tôn, và nói: ‘Ôi Thé Tôn, khi bị đặt vào những vị trí này, con sẽ không sợ và không có sợ, con sẽ chứng minh pháp với tất cả chúng sinh.’

Vì thế Thé Tôn lúc đó mỉm một nụ cười vàng. Ánh huy hoàng của nó chiếu vô tận vô biên các thiên thế giới, nó len đến cõi Phạm thiên, quay trở về, luân chuyển ba lần quanh Thé Tôn, và lại biến mất nơi đâu của Thé Tôn. Khi thấy nụ cười ấy, người đàn bà ấy cầm những đóa hoa vàng rắc lên Thé Tôn. Không dính cõi định vào đâu, chúng giữ lơ lửng trên không. [366]

A-nan-đa: Lý do, Ôi Thé Tôn, của nụ cười này là gì? Không phải không lý do mà Thé Tôn thị hiện nụ cười.

Thé Tôn: Nữ thần này của sông Hăng, An-nan-đa, trong một thời vị lai sẽ trở thành một Nhu Lai tên là “Kim Hoa”, – một A-la-hán, Chánh đẳng Chánh giác, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện Thệ,

Thé gian giải, Vô thương sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật, Thé Tôn. Trong kiếp như sao trời đó, ông ấy sẽ xuất hiện trong thế gian và biết giác ngộ viên mãn. Khi chết ở đây bà ấy sẽ không còn là nữ nhân, bà ấy sẽ trở thành nam nhân. Ông ấy sẽ tái sinh ở Diệu hỉ,⁷¹ Phật địa của Như Lai A-súc⁷², trong sự hiện của ngài ấy, ông ấy sẽ sống cuộc sống phạm hạnh. Sau khi chết ông ấy sẽ chuyển từ Phật địa này đến Phật địa khác, không bao giờ bị mất cái thấy của Như Lai. Ông ấy sẽ tiếp tục chuyển từ Phật địa này sang Phật địa khác, từ chỗ này đến chỗ kia, luôn luôn chọn không ở những nơi không có các Phật, các Thé Tôn. Một chuyến luân vương có thể chuyển từ chỗ này đến chỗ khác, và lòng các bàn chân của ông ấy suốt đời không bao giờ dẫm lên mặt đất, [367] và ông ấy chết, cho đến lúc chết, chân không bao giờ dẫm lên nền đất. Cũng vậy, Nữ Thần sông Hằng sẽ chuyển từ Phật địa này sang Phật địa khác, bà ấy không bao giờ hay bất cứ lúc nào bị mất cái thấy của các Phật và các Thé Tôn, cho đến khi đạt được giác ngộ viên mãn.

A-nan-đa nghĩ: Những Bồ-tát đó sẽ cùng với Như Lai A-súc thực sự phải được xem là hội các Như Lai.

Thé Tôn đọc được ý nghĩ của A-nan-đa và nói: Đúng vậy, A-nan-đa. Các Bồ-tát đó sống đời phạm hạnh trong Phật địa của Như Lai A-súc, nên biết như là xuất hiện từ bùn, như là đã đến gần sự thành tựu giác ngộ.Thêm vào, A-nan-đa, cộng đồng các đệ tử của Như Lai “Kim Hoa” sẽ không bị bó buộc bởi bất cứ kích thước nào. Đệ tử của ngài ấy sẽ nhiều đên độ vô lượng. Trái lại, họ sẽ phải trở thành kiểu mẫu “không thể đo lường, không thể tính toán.” Thêm vào, A-nan-đa, lúc đó, vào dịp đó, trong Phật địa đó sẽ không có nơi hoang vu đầy dã thú, hay bọn cướp, và không có những nơi hoang hóa không có nước, và không có những khu vực đầy bệnh dịch, và không có những nơi hoang hóa không thức ăn. [368] Tất cả những chỗ này và những chỗ khác không thích nghi trong Phật địa ấy, sẽ không có bất cứ cách nào ở hay nghĩ bàn được. Hoàn toàn

⁷¹ Phạn: *Abhirati*.

⁷² Phạn: *Akshobhya*: *Bất Động*.

chắc chắn rằng sau khi Như Lai “Kim Hoa” đã biết giác ngộ viên mãn, tất cả những loại chỗ cảm thấy sợ hãi ấy sẽ không còn hiện hữu nữa, hoặc ngay cả có thể nghĩ bàn được.

A-nan-đa: Ai là Như Lai mà trong sự hiện diện của ngài ấy vị Nữ Thần này của sông Hằng tròng thiện căn của tâm bồ-đề đầu tiên và chuyển nó qua giác ngộ vô thượng?

Thé Tôn: Đó là ở dưới Như Lai Nhiên Đăng. Và thực tế bà ấy đã rắc hoa vàng lên Như Lai Nhiên Đăng khi bà ấy yêu cầu ngài [thọ ký] giác ngộ vô thượng. Ấy là khi tôi rắc năm hoa sen lên Như Lai Nhiên Đăng, và tôi được vô sinh pháp nhẫn, và lúc ấy Như Lai Nhiên Đăng đã thọ ký sự giác ngộ vị lai của tôi bằng những lời: “Này người thanh niên, trong vị lai ông sẽ trở thành Như Lai tên là Thích-ca-mâu-ni!” Vì thế, khi nghe sự thọ ký của tôi, Nữ Thần đó đã phát sinh một niệm với kết quả [369]: “Ô, chắc chắn, giống như thanh niên đó ta cũng sẽ được thọ ký giác ngộ viên mãn!” Và theo cách đó, A-nan-đa, trong sự hiện diện của Như Lai Nhiên Đăng, Nữ Thần đó đã tròng thiện căn của tâm bồ-đề đầu tiên [và chuyển nó qua] giác ngộ viên mãn.

A-nan-đa: Chắc chắn, như một người đã làm những chuẩn bị cần thiết, như một người đã sắp xếp cấp bậc, Nữ Thần Sông Hằng này đã được thọ ký giác ngộ viên mãn.

Thé Tôn: Đúng vậy, A-nan-đa, như ông nói.

Chương XX

BẢN VỀ SỰ THIỆN XẢO TRONG PHƯƠNG TIỆN

1. KHÔNG VÀ BIÊN TẾ CỦA THỰC TẠI

Tu-bồ-đề: Một Bồ-tát theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật nên thành tựu cuộc thắng phục không hoàn toàn như thế nào, hay ông ấy nên nhập định không như thế nào?

Thé Tôn: Ông ấy nên quán sắc, v.v..., là rỗng không. Nhưng ông ấy nên quán rằng với một loạt các niệm không quấy rầy theo cách như thế, khi ông ấy quán sự thật rằng “sắc, v.v..., là rỗng không,” ông ấy không xem chân tánh của các pháp [tức là, không] như một cái gì đó, là kết quả của chân tánh riêng của nó [tức là, không] là một thực thể có thực. Nhưng khi ông ấy không xem chân tánh của các pháp là vật có thực, thì ông ấy không thể nhận thức biên tế của thực tại.

Tu-bồ-đề: Liên hệ với Thé Tôn đã nói rằng “một Bồ-tát không nên nhận thức không,” làm sao một Bồ-tát trụ [vững chắc trong phép tu tập lặp đi lặp lại] định [về không] này không nhận thức không?

Thé Tôn: Ấy là vì vị Bồ-tát quán không mà nó sở hữu cách thức tốt nhất của tất cả các cách thức [tức là, của sáu ba-la-mật]. Tuy nhiên, ông ấy không quán rằng “Tôi sẽ nhận thức,” hay “Tôi nên nhận thức,” nhưng ông ấy quán rằng “đây là thời gian cho cuộc thắng phục hoàn toàn, và không phải để nhận thức.” [371] Không mất chính mình trong định, ông ấy buộc tâm mình vào một trợ duyên khách quan [vì bi tâm của ông ấy] và ông ấy quyết định mình sẽ nắm lấy bát-nhã ba-la-mật [chủ yếu là thiện xảo trong các phương tiện], và ông ấy sẽ không nhận thức [không, bởi vì nhận thức không không phải là mục đích cuối cùng]. Tuy nhiên, trong khi Bồ-tát ấy không mất các pháp mà chúng hành tác như các giác chi. Ông ấy không làm ảnh hưởng sự diệt các rỉ lậu [mà chúng ngăn

chặn những lần tái sinh trở lại], mà hơn thế là ông ấy cũng thành tựu cuộc chinh phục hoàn toàn. Vào lúc một Bồ-tát trú trong định không – một trong những cửa giải thoát – ông ấy cũng nên trú trong định Vô tướng, nhưng không nhận thức Vô tướng. Vì được phú bẩm pháp thiện căn mà nó đã đến như thế, ông ấy quán rằng “đây là thời gian để thuần thục chúng sinh, và không phải để nhận thức.” Được bát-nhã ba-la-mật hộ trợ ông ấy không nhận thức biên tế của thực tại.

2. BA TỈ DỤ

Thế Tôn: Này Tu-bồ-đề, hãy giả sử rằng có một vị anh hùng tuyệt vời nhất, rất dũng mãnh, có địa vị xã hội cao, đẹp trai, hấp dẫn và đáng nhìn nhìn nhất, có nhiều đức hạnh, sở hữu tất cả những đức tính tốt nhất, những đức tính ấy phát sinh từ nơi rất cao của chủ quyền, đạo đức, học thức, khước từ, và v.v... Người ấy sáng suốt, có thể tự diễn đạt, lập thành ý kiến của mình một cách rõ ràng, chứng minh lời khai của mình; một người luôn luôn biết thời gian, nơi chốn và tình thế thích hợp cho mọi việc. Trong nghệ thuật bắn cung người ấy đi xa đến độ mình có thể, người ấy thành công trong việc phòng ngự tất cả cách tấn công, thiện xảo nhất trong tất cả các môn nghệ thuật, và hàng đầu qua những thành tựu thẩm mỹ, trong tất cả nghề thủ công. Người ấy có trí nhớ tốt, thông minh, lanh lợi, vững vàng và thận trọng, thiện nghệ trong tất cả các luận thư, có nhiều bạn, giàu sang, thân thể mạnh, tứ chi to lớn, đầy đủ tất cả các căn, [372] rộng lượng với tất cả, được quý mến và thích thú đối với nhiều người, bất cứ việc làm nào người ấy có thể đảm đương người ấy quản lý hoàn thành, người ấy nói một cách có phương pháp, chia sẻ sự giàu có của mình với nhiều người, tôn vinh những gì nên tôn vinh, tôn kính những gì nên tôn kính, và sùng bái những gì nên sùng bái. Một người như thế, Tu-bồ-đề, có luôn luôn cảm thấy hoan hỉ và nhiệt tình gia tăng không?

Tu-bồ-đề: Người ấy sẽ cảm thấy như vậy, Ôi Thế Tôn.

Thế Tôn: Vậy giờ hãy giả sử thêm nữa rằng người này đã thành

tựu rát nhiều, nên đem theo gia đình cùng với mình trong một cuộc hành trình, mẹ và cha, con trai và con gái của mình. Do một vài hoàn cảnh, họ thấy mình lạc vào trong một khu rừng hoang rộng lớn. Những người ngu trong bọn họ cảm thấy sợ, kinh hãi và tóc dựng lên. Tuy nhiên, người ấy không sợ và nói với gia đình: “Đừng sợ! Tôi sẽ đưa các người an toàn ra khỏi khu rừng đáng kinh sợ này. Tôi sẽ sớm làm cho các người được tự do!” Nếu khi ấy càng lúc càng nhiều sức mạnh thù nghịch và không ưa thích nổi lên chống lại người ấy trong khu rừng đó, người anh hùng đó có quyết định bỏ rơi gia đình, và chỉ một mình ra khỏi khu rừng đáng kinh sợ đó không? – người ấy không phải là người rút lui, được phú bẩm tất cả sức mạnh vững chắc và khí lực, là người trí tuệ, quá nhân hậu và thương xót, can đảm và chủ nhân của nhiều nguồn tài nguyên.

[373]

Tu-bồ-đề: Dạ không, thưa Thê Tôn. Vì người đó, không bỏ rơi gia đình, có những nguồn tài nguyên sẵn sàng có thể sử dụng theo ý muốn, cả bên trong và bên ngoài. Về phía người ấy, các sức mạnh sẽ phát sinh trong khu rừng hoang đó, và chúng sẽ đứng lên vì người ấy và bảo vệ người ấy. Những kẻ thù và địch thủ của người ấy, tìm nhược điểm, kiểm nhược điểm, sẽ không có được chỗ bám nào nơi người ấy. Người ấy tài năng đối diện với tình thế, và có khả năng, không bị đau đớn hay thương tổn, sớm thoát khỏi khu rừng với gia đình và chính mình, và sẽ đến ngôi làng, thành phố hay thị trấn một cách an toàn và bảo đảm.

Thê Tôn: Cũng vậy, Tu-bồ-đề, với một Bồ-tát đầy lòng thương xót và quan tâm phúc lợi của tất cả chúng sinh, trú trong tâm từ, bi, hỉ và xả, được sự thiện xảo trong phuơng tiện và bát-nhã ba-la-mật hộ trợ, đã chuyển đúng thiện căn của mình, dùng cách chuyển hóa có sự chấp nhận của Phật. Mặc dù ông ấy nhập các định là những cửa giải thoát, tức là, các định về không, vô tướng và vô nguyên, – song ông ấy không nhận thức biên tế của thực tại, nghĩa là, không rơi vào hạng Thanh văn cũng không rơi vào hạng Duyên giác. Vì ông ấy có những trợ lực và uy quyền rất mạnh có thể sử dụng theo ý mình, trong bát-nhã ba-la mật và phuơng tiện thiện xảo. Vì không

bỏ rơi tất cả chúng sinh, như thế ông ấy có thể đạt được giác ngộ viên mãn một cách an toàn. Vào lúc một Bồ-tát đã biến tất cả chúng sinh thành trợ duyên khách quan cho tâm từ của mình, và với từ tâm cao nhất buộc chính ông ấy với họ, vào lúc đó ông ấy vươn lên bên trên sự thích gây chia rẽ của các ô nhiễm và của Ma vương, ông ấy vươn lên bên trên hàng Thanh văn và Duyên giác, [374] và ông ấy trụ trong định [tâm từ]. Nhưng không phải là người đã hết rỉ lậu, ông ấy thành tựu hoàn toàn cuộc chinh phục không mà [trong trường hợp này] được phú bẩm những ba-la-mật cao nhất. Vào lúc một Bồ-tát trú trong định Không, mà nó là một cửa giải thoát, vào lúc đó ông ấy không trú trong định Vô tướng, ông ấy cũng không nhận thức định Vô tướng. Ấy giống như một con chim dang cánh theo dòng không khí. Nó không rơi xuống đất cũng không đứng trên bất cứ sự hộ trợ nào ở bất cứ nơi nào. Nó trú trong hư không, chỉ trong hư không, không được hộ trợ hay an định ở đó. Cũng vậy, một Bồ-tát trú nơi chỗ trú của không, thành tựu hoàn toàn cuộc chinh phục không. Cũng vậy, ông ấy trú trong chỗ trú của Vô tướng và Vô nguyễn, và thành tựu hoàn toàn cuộc chinh phục Vô tướng và Vô nguyễn. Nhưng ông ấy không rơi vào không, hay vào Vô tướng, hay vào Vô nguyễn, với Phật pháp của ông ấy vẫn chưa đầy đủ. Cũng như một bậc thầy của thuật bắn cung, mạnh, luyện tập giỏi, luyện tập một cách hoàn hảo trong thuật bắn cung. Người ấy trước bắn một mũi tên lên trời. Rồi người ấy bắn một mũi tên khác kiểm soát sự rơi của mũi tên thứ nhất. Do sự kế tiếp nhau thường lệ của các mũi tên người ấy không cho phép mũi tên thứ nhất rơi xuống đất, và mũi tên đó sẽ ở trên không trung cho đến khi người ấy quyết định nó nên rơi xuống đất. Cũng vậy, một Bồ-tát theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật và được sự thiện xảo trong các phương tiện hộ trợ, không nhận thức biên tế xa nhất đó của thực tại cho đến khi các thiện căn của ông ấy thuần thực, thuần thực tốt trong giác ngộ viên mãn, [375] chỉ khi ấy ông ấy nhận thức biên tế xa nhất của thực tại. Một Bồ-tát theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật, phát triển bát-nhã ba-la-mật, vì thế nên quán và thiền định về chân tánh thâm sâu của những pháp đó, nhưng ông ấy không nhận thức nó.

3. CÁC CỦA GIẢI THOÁT VÀ THỆ NGUYỆN VÌ CHÚNG SINH

Tu-bồ-đề: Người làm điều khó làm là Bồ-tát, người làm điều khó làm nhất, nếu người ấy theo đuổi và trú trong không, nếu người ấy nhập định không, và không nhận thức biên tế của thực tại! Điều này quá ư kỳ diệu, Ôi Thiện Thệ!

Thệ Tôn: Đúng vậy, Tu-bồ-đề. Vì Bồ-tát ấy không bỏ rơi tất cả chúng sinh. Ông ấy đã lập những thệ nguyện đặc biệt giải thoát cho tất cả chúng sinh. Nếu tâm của một Bồ-tát lập nguyện không bỏ rơi tất cả chúng sinh mà giải thoát cho họ, thêm nữa, nếu ông ấy nguyện nhập định không, Vô tướng, Vô nguyện, tức là, vì ba cửa giải thoát, thì nên biết Bồ-tát ấy là người được phú bẩm sự thiện xảo trong các phương tiện, và ông ấy sẽ không giữa đường nhận thức biên tế của thực tại, trước khi Phật pháp của ông ấy trở nên đầy đủ. Ấy là vì sự thiện xảo trong các phương tiện bảo vệ ông ấy. Tâm bồ-đề của ông ấy [376] chỉ gồm trong sự thật rằng ông ấy không muôn bỏ tất cả chúng sinh lại phía sau. Khi được phú bẩm tâm bồ-đề và sự thiện xảo trong các phương tiện như thế, thì ông ấy không giữa đường nhận thức biên tế của thực tại. Hơn nữa, trong khi một Bồ-tát thực tế quán những trạm dừng thăm sâu đó, tức là, ba cửa giải thoát hay trở nên ham quán chúng, ông ấy nên lập nguyện sau đây trong tâm: “Trong một thời gian dài những chúng sinh đó, bởi vì họ đã có quan niệm về hiện hữu theo đuổi trong nhận biết về một cái căn bản. Sau khi đạt được giác ngộ viên mãn, tôi sẽ chứng minh pháp với những chúng sinh đó như vậy họ có thể bỏ những cái thấy sai về cái căn bản.” Như là một tác nhân tự do ông ấy nhập vào các định không, Vô tướng, Vô nguyện. Một Bồ-tát được phú bẩm tâm bồ-đề này và sự thiện xảo trong các phương tiện như thế không giữa đường nhận thức biên tế của thực tại. Trái lại, ông ấy không mất các định từ, bi, hỉ, và xả. Vì được sự thiện xảo trong các phương tiện hộ trợ, ông ấy làm tăng các pháp thanh tịnh càng lúc càng nhiều. Niềm tin, v.v..., của ông ấy trở nên càng lúc càng nồng nhiệt hơn, và ông ấy có được các lực, các giác chi, và đạo. [377] Hơn nữa, một Bồ-tát tư

duy rằng “trong một thời gian dài những chúng sinh đó, bởi vì họ nhận thức các pháp, theo đuổi trong nhận thức về một cái căn bản,” và ông ấy phát triển tâm nguyện này như đã làm đối với tâm nguyện trước kia, nhập định không. Hơn nữa, ông ấy từ duy rằng bằng nhận thức tướng, những chúng sinh đó, trong một thời gian dài, đã theo đuổi trong tướng, và ông ấy xử lý tâm nguyện này như trước, nhập định Vô tướng. Hơn nữa, một Bồ-tát tư duy: “Trong một thời gian dài những chúng sinh này đã bị điên đảo bởi sự nhận thức về thường, về hạnh phúc, về ngã, về yêu thương. Tôi sẽ hành động theo cách như thế, sau khi giác ngộ viên mãn, tôi sẽ chứng minh pháp để họ có thể bỏ đi những cái thấy điên đảo về thường, về hạnh phúc, về ngã, về yêu thương, và để họ có thể học biết rằng ‘tất cả đây là vô thường, không phải thường; tất cả đây là bệnh, không phải hạnh phúc; tất cả đây không có ngã, không phải có ngã; tất cả đây là đáng ghét, không phải đáng yêu.’” Được phú bẩm tâm bồ-đề này, [378] và sự thiện xảo trong các phương tiện như đã miêu tả trước, được bát-nhã ba-la-mật hộ trợ, ông ấy không giữa đường nhận thức biên tế của thực tại, trước khi tất cả Phật pháp của ông ấy đầy đủ. Ông ấy trú như thế, và đã nhập định Vô nguyện, nhưng ông ấy không mất định tâm từ, v.v.... Vì được sự thiện xảo trong các phương tiện hộ trợ, ông ấy làm tăng càng lúc càng nhiều các pháp thanh tịnh của mình. Niềm tin, v.v..., của ông ấy càng lúc càng trở nên nồng nhiệt hơn, và ông ấy có được các lực, các giác chi, và đạo. Nếu một Bồ-tát khởi lên ý nghĩ sau đây: “Những chúng sinh này cũng có một thời gian dài ở trong thói quen theo đuổi trong sự nhận thức về một cái căn bản, ngay cả bây giờ đây họ cũng làm thế. Trong một thời gian dài họ đã ở trong thói quen theo đuổi trong nhận thức về tướng, trong những cái thấy điên đảo, trong nhận thức các đói tượng không có thực, trong những cái thấy sai, và ngay bây giờ họ tiếp tục làm như vậy. Như thế tôi sẽ làm cho những lỗi lầm này theo mỗi và mọi cách có thể ngừng lại nơi họ, chúng sẽ không thể nghĩ bàn nơi họ”; nếu một Bồ-tát đem tất cả chúng sinh vào tâm theo cách như thế, nếu ông ấy được phú bẩm sự tưởng nhớ tất cả chúng sinh này, sự

phát sinh tâm này, và với sự thiện xảo trong các phương tiện, nếu ông ấy được bát-nhã ba-la-mật hộ trợ, và nếu được phú bẩm tất cả những phẩm tính này, ông ấy quán chân tánh của các pháp thâm sâu đó – qua không, hay Vô tướng, hay Vô nguyện, hay qua vô tác, vô sinh, bất sinh, [379] không có bát cứ sự khả hữu nào của chúng – thì hoàn toàn không thể nào một Bồ-tát như thế được phú bẩm một tri kiến như thế, có thể rơi vào Bất tác, hay trở thành thâm mật với những gì thuộc về ba giới. Điều đó không thể nào có được.

4. BÁT THỐI CHUYÊN

Giả sử một Bồ-tát có một Bồ-tát khác muốn đạt được giác ngộ viên mãn hỏi: “Người ta nên hoàn thành cuộc chinh phục đầy đủ ấy nên vượt qua các pháp nào? Trong tâm nên lập loại nguyện gì, những tâm nguyện khiến cho một Bồ-tát có thể không nhận thức không, hay Vô tướng, hay Vô nguyện, hay Vô tác, hay vô sinh, hay không khẳng định, nhưng tiếp tục phát triển bát-nhã ba-la-mật?” Nếu Bồ-tát ấy đáp chỉ nên chăm sóc không, Vô tướng, Vô nguyện, Vô tác, vô sinh, bất sinh, bất định, và nếu ông ấy không làm thị hiện sự phát sinh tâm không bỏ rời tất cả chúng sinh này, hay nếu ông ấy không bao gồm sự thiện xảo trong các phương tiện trong câu trả lời của mình, thì phải biết rằng Bồ-tát này không ở trong bát thối chuyên đã được các Nhu Lai quá khứ thọ ký giác ngộ viên mãn. Vì ông ấy không chỉ ra pháp đặc biệt này của một Bồ-tát bát thối chuyên [tức là, sự không bỏ rời tất cả chúng sinh], không làm gì nhiều cho nó, không làm nó thị hiện, không tuệ tri nó, không gồm nó trong câu trả lời của mình, và ông ấy không khiến người khác nhập vào địa [của sự thiện xảo trong các phương tiện] mà nó là địa đích thực của một Bồ-tát bát thối chuyên. [380]

Tu-bồ-dề: Và làm sao một Bồ-tát, về vấn đề này, có thể được xem là bát thối chuyên?

Thé Tôn: Nên biết ông ấy là một Bồ-tát bát thối chuyên nếu ông ấy chạm vào câu trả lời đúng dù ông ấy đã nghe bát-nhã ba-la-mật này hay chưa.

Tu-bô-đè: Có nhiều người theo đuổi hướng về giác ngộ, nhưng chỉ một ít có thể trả lời đúng.

Thé Tôn: Bởi vì chỉ một ít là những Bồ-tát đã được thọ ký giai đoạn bất thối chuyển mà ở giai đoạn tri kiến này trở thành khả hữu. Nhưng những người đã được định sẵn cho nó, họ sẽ có câu trả lời đúng. Có thể chắc chắn rằng họ đã trổng những thiện căn sáng ngời trong quá khứ, và toàn thể thế giới, cùng chư thiên, người và a-tula, không thể che lấp chúng được.

5. NHỮNG KINH NGHIỆM TRONG MỘNG VÀ DẤU HIỆU CỦA BẤT THỐI CHUYÊN

Hơn nữa, nếu một Bồ-tát ngay cả trong mộng cũng thấy rằng “tất cả các pháp đều giống như mộng,” nhưng không nhận thức [kinh nghiệm ấy, xem nó như là cứu cánh] thì cũng nên biết đó là dấu hiệu bất thối chuyển của một Bồ-tát bất thối chuyển. Nó là một dấu hiệu nữa nếu, ngay cả trong mộng của mình, dù là hạng Thanh văn hay Duyên giác, hay bất cứ vật gì thuộc ba giới cũng không trở thành một đối tượng mong ước, hay có vẻ có lợi thế đối với ông ấy. Ấy là một dấu hiệu nữa nếu, ngay cả trong mộng, ông ấy cũng thấy mình là một Như Lai, – ở giữa hội chúng hàng trăm ngàn na-do-tha câu-lợi người, [381] ngồi trong thính đường hình tròn mái có đỉnh nhọn, có cộng đồng tăng chúng vây quanh, có cộng đồng Bồ-tát tôn kính, chứng minh pháp. Là một dấu nữa nếu ngay cả trong mộng ông ấy cũng hiện lên trên không trung và chứng minh pháp với chúng sinh, nếu ông ấy nhận thức vàng hào quang quanh Phật, nếu ông ấy triệu gọi tăng chúng đi theo những phuơng hướng khác nhau để thực hiện nhiệm vụ của các Phật ở các thiên thế giới khác và chứng minh pháp ở đó. Ngay cả khi mộng ông ấy đã có những nhận thức như thế. Là một dấu hiệu nữa nếu khi mộng ông ấy vẫn không sợ khi một ngôi làng, thị trấn, thành phố, hay vương quốc bị cướp phá; hay khi ông ấy thấy một đám cháy lớn gây nhiều thiệt hại đang lan rộng; hay khi ông ấy thấy những dã thú hay thú vật gây phiền khác; hay khi ông ấy sắp bị chặt đầu, hay khi ông ấy phải

chịu những nỗi lo sợ và kinh hãi to lớn khác, và khi ông ấy thấy những lo sợ và kinh hãi mà những người khác phải chịu. Không trường hợp nào lo sợ và kinh hãi thực sự phát sinh nơi ông ấy, và ông ấy vẫn không sợ. Và ngay sau khi tỉnh mộng, ông ấy phản chiếu rằng “tất cả như mộng là đây, những gì thuộc về ba giới. Và theo nghĩa đó tôi nên chứng minh pháp sau khi tôi đạt được giác ngộ, là một người chứng minh pháp đúng.” Lại là một dấu hiệu nữa của bất thối chuyển, nếu một Bồ-tát, khi trong mộng thấy [382] những chúng sinh trong các địa ngục, phản chiếu rằng “Như thế tôi sẽ thực hiện điều đó nơi Phật địa của tôi, sau khi tôi đạt được giác ngộ viên mãn, sẽ không có những cảnh buồn khổ nào cả!” Cũng nên biết đây là một dấu hiệu cho thấy rằng một Bồ-tát trở nên thanh tịnh không bao giờ có thể lại tái sinh [trái với ý muốn của ông ấy] trong cảnh buồn khổ. Và làm sao người ta có thể biết được rằng không có cảnh buồn khổ trong Phật địa của Bồ-tát đó? Nếu một Bồ-tát, khi trong mộng thấy các chúng sinh tái sinh nơi địa ngục, như súc sinh, hay như Nga quỉ, lập niệm và quyết định đem đến một Phật địa không có những cảnh buồn khổ như thế, lúc ấy nên biết đó là dấu hiệu cho thấy rằng ông ấy đã trở nên thanh tịnh đến độ không bao giờ có thể bị tái sinh lại trong những cảnh buồn khổ ấy. Hơn nữa, một Bồ-tát có thể mộng thấy [giác mộng tiên tri] kết quả một thị trấn hay ngôi làng bị hỏa hoạn. Sau khi tỉnh thức, ông ấy nhận xét như vậy: tôi có những đức tính, biểu hiệu và dấu hiệu mà tôi đã thấy trong giấc mộng của tôi, như là những đức tính, biểu hiệu và dấu hiệu mà một Bồ-tát bất thối chuyển nên mang trong tâm. Bởi vì Chân lý này, bởi vì lời nói của tôi về Chân lý này, hãy để cho lửa thi trấn hay lửa ngôi làng này, mà nó đang xảy ra ở đó, dịu xuống, nguội lại, tắt đi.” Nếu lửa đó lúc ấy tắt đi, nên biết [383] rằng Bồ-tát đó đã được các Như Lai trong quá khứ thọ ký giác ngộ viên mãn; nếu nó không tắt, nên biết rằng ông ấy đã không được thọ ký. Lại nữa, Tu-bồ-đè, nếu thay vì dịu xuống, con đại hỏa hoạn này vượt qua tất cả biên giới và lan rộng từ nhà này đến nhà khác, từ đường này đến đường khác, thì nên biết rằng Bồ-tát này trong quá đà tích tập nghiệp bao gồm trong sự từ chối pháp, tạo điều kiện cho sự yếu đuối trí tuệ xảy ra.

Từ đó những hậu quả nghiệp của ông ấy đưa ông ấy đến kinh nghiệm này trong đời hiện tại [tức là, sự phiền não của ông ấy là không thể kiểm soát được lừa đó], mà đó đúng là quả của nghiệp để lại từ sự từ chối pháp [trong quá khứ]. Vì như ông biết, các đời quá khứ của một Bồ-tát qui định [sự vắng mặt hay có mặt] dấu hiệu của sự bất thối chuyển về sau. Mặt khác, nên nhớ trong tâm một Bồ-tát thành công trong việc kiểm soát lừa ấy là bất thối chuyển đối với giác ngộ viên mãn.

6. BẤT THỐI CHUYỀN VÀ HUYỀN LỰC CỦA CHÂN THẬT

Và một lần nữa, Tu-bồ-đề, tôi sẽ chứng minh các đức tính, biểu hiệu và dấu hiệu mà do đó một Bồ-tát bất thối chuyển, nên nhớ trong tâm. Hãy chú ý lắng nghe kỹ. Tôi sẽ dạy ông.

Tu-bồ-đề: Hãy như vậy đi, Ôi Thé Tôn.

Thé Tôn: Nếu một người, nam hay nữ – trai hay gái – bị ma bắt hay chiếm giữ, thì một Bồ-tát, tình cờ gặp, nên thực hiện Hành động của Chân lý⁷³, và nói: “Nếu đúng là tôi đã được các Như Lai của quá khứ thọ ký giác ngộ viên mãn, [384] và nếu đúng là ý muồn của tôi đạt được giác ngộ viên mãn là hoàn toàn thanh tịnh, – đến độ tôi muồn đạt được giác ngộ viên mãn và sự chú ý của tôi hoàn toàn thanh tịnh, đến độ tôi đã bỏ lại phía sau những ý niệm của Thanh văn và Duyên giác. Bốn phận của tôi là đạt được giác ngộ viên mãn. Không tôi sẽ không đạt được giác ngộ viên mãn! Nhưng tôi sẽ đạt được giác ngộ viên mãn! Không có gì mà chư Phật và chư Thé Tôn trụ trong vô số thiên thế giới không tri kiến, thấy, cảm, nhận ra và biết đầy đủ. Các Phật và Thé Tôn đó biết ý muồn nồng nhiệt của tôi mà tôi cũng muồn đạt được giác ngộ viên mãn. Bởi vì đây là Chân lý, bởi vì đây là lời nói của Chân lý, nguyện cho y rời đi, kẻ nắm bắt và chiếm hữu người đó bằng sự nắm giữ ma quái!” Nếu kết quả những lời này của vị Bồ-tát mà ma đó không rời đi, nên biết rằng Bồ-tát ấy không có được sự thọ ký; nhưng nếu ma ấy

⁷³ Anh: *the Act of Truth*.

rời đi, nên biết rằng ông ấy đã được thọ ký giác ngộ viên mãn.

Chương XXI

NHỮNG VIỆC LÀM CỦA MA VƯƠNG

**1. SỰ KIÊU MẠN VÀ
HUYỀN LỰC CỦA CHÂN THẬT**

Vị Bồ-tát, như chúng ta đã thấy, có nói: “Tôi đã được các Như Lai của quá khứ thọ ký giác ngộ viên mãn. Bởi vì đây là Chân lý, bởi vì lời của tôi về Chân lý ấy, hãy để cho ma ấy rời đi!” Đến phiên Ma vương cố gắng, vào lúc đó, xúi ma ấy rời đi. Và những nỗ lực của y sẽ mạnh mẽ và có năng lực đặc biệt khi y đối diện với một Bồ-tát chỉ mới lên xe gác đây. Lúc ấy sẽ là huyền lực của Ma vương đuổi ma ấy đi. Nhưng Bồ-tát ấy nghĩ rằng chính hùng lực của mình đuổi ma ấy đi mà ông ấy không biết rằng đó là sức mạnh của Ma vương. Rồi ông ấy buông lơi nỗ lực của mình. Nhưng kết quả chiến thắng [bè ngoài] của ông ấy đối với ma, ông ấy nghĩ rằng mình đã được thọ ký trong quá khứ, và ông ấy khinh thường các Bồ-tát khác, cười khẩy họ, khen ngợi họ một cách mỉa mai, khinh miệt và phản đối họ. Sự kiêu mạn của ông ấy sẽ tiếp tục gia tăng, sẽ trở nên hoàn toàn cứng rắn và cứng ngắc. Sự kiêu hãnh, ngã mạn, công cao, kiêu căng giả dối, tự phụ đó giữ ông ấy xa lìa nhất thiết trí, xa lìa tri kiến vô thượng của một vị Phật, xa lìa tri kiến của Tự-hữu, [386], xa lìa tri kiến của nhất thiết trí, xa lìa giác ngộ vô thượng. Khi ông ấy gặp các Bồ-tát có thể là những thiện tri thức của ông ấy, – đạo đức trong tính cách, quyết tâm về sự cao cả, ý muôn nồng nhiệt, thiện xảo trong phuơng tiện, được phú bẩm pháp bất thối chuyển, – vì tự kiêu ông ấy khinh khi họ, không chăm sóc, yêu thương và tôn vinh họ. Như vậy ông ấy buộc chặt sợi dây của Ma vương thêm nữa. Người ta sẽ mong ông ấy thuộc về một trong hai hạng, hoặc là Thanh văn hoặc là Duyên giác. Như vậy, liên kết với huyền lực của sự phát biểu về Chân lý, Ác Ma có thể tạo chướng ngại đối với giác ngộ viên mãn nơi một Bồ-tát đã lên đường trên xe đại thừa nhưng chỉ mới gần đây, có ít niềm tin, ít học thức, thiếu thiện tri thức, không

được bát-nhã ba-la-mật hộ trợ và thiếu sự thiện xảo trong các phương tiện. Cũng nên hiểu đây là việc làm của Ma vương đối với một Bồ-tát.

2. KIÊU HÃNH TRONG QUAN HỆ VỚI SỰ CÔNG BỐ DANH HIỆU

Hơn nữa, Tu-bồ-đề, những việc làm của Ma vương cũng sẽ tác động trong sự liên hệ với việc công bố danh hiệu của một Bồ-tát. Bằng cách nào? Ma vương dùng ngay cả sự công bố danh hiệu, và những chi tiết khác liên hệ với nó, cám dỗ một Bồ-tát. Y đến với ông ấy trong tất cả mọi lốt ngụy trang, và nói: “Ông đã được các Như Lai trong quá khứ thọ ký. Bằng chứng đây là danh hiệu ông sẽ có khi là một vị Phật, và đây là những người bạn của mẹ ông, cha ông, anh ông, chị ông, bạn ông, thân nhân bên mẹ, bà con và những mối quan hệ của ông.” Y công bố những cái danh hiệu qua bảy đời về trước. Y bảo rằng ông đã sinh ở miền này trong nước này, làng, thị trấn hay khu chợ này. [387] Nếu ông có bất cứ đức tính đặc biệt nào, y sẽ bảo rằng ông cũng đã có đức tính đó trong quá khứ. Dù cho Bồ-tát ấy bản tính chậm lụt hay các cẩn lanh lợi, Ma vương sẽ bảo ông ấy rằng ông ấy cũng như vậy trong quá khứ. Thí dụ như ông ấy là một người ở rừng, hay một người xin ăn từ cửa nhà này sang cửa nhà khác không nhận lời mời, hay ông ấy mặc y phục làm bằng giẻ rách nhặt từ đống bụi, hay ông ấy không bao giờ ăn sau buỗi trưa hay ông ấy ăn bữa trong một lần ngồi, hay ông ấy ngủ đêm ở bất cứ chỗ nào ông ấy có thể bắt chẹt ở đó, hay ông ấy sở hữu không hơn ba chiếc y, hay ông ấy thường sống trong mò địa, hay ông ấy trú dưới gốc cây, hay ngay cả khi ngủ ông ấy vẫn ở trong tư thế ngồi, hay ông ấy sống ở chỗ trống, không có mái che, hay ông ấy mặc y phục làm bằng nỉ, hay ông ấy có ít ước muôn, dễ bằng lòng, không chấp trước, tiết kiệm, dịu dàng trong lời nói, hay là một người ít nói, – trong mỗi trường hợp Ma vương sẽ công bố với ông ấy rằng trong quá khứ, ông ấy cũng đã được phú bẩm cùng đức tính ấy, và chắc chắn các Như Lai quá khứ phải thọ ký cho ông

áy giác ngộ viên mãn và ở địa của Bồ-tát bất thối chuyền, vì bây giờ ông ấy có những phẩm tính như đã nói trên của một nhà tu khổ hạnh, và vì thế ông ấy hoàn toàn chắc chắn cũng phải được phú bẩm phẩm tính đó trong quá khứ. Có thể lúc ấy một Bồ-tát cảm thấy tự phụ khi nghĩ đến sự công bố các danh hiệu và hoàn cảnh của mình trong quá khứ, và những sự tự trùng phạt nghiêm khắc như là một nhà tu khổ hạnh cứng rắn. Thực tế ông ấy có thể nghĩ rằng mình đã được thọ ký trong quá khứ bởi vì bây giờ ông ấy có những phẩm tính của một nhà tu khổ hạnh cứng rắn. Và Ma vương xác nhận ông ấy về quan niệm này. [388] Trong lốt ngụy trang một tỳ-kheo, hay tỳ-kheo ni, hay nam cư sĩ, hay nữ cư sĩ, hay Bà-la-môn, hay gia chủ, hay mẹ, cha, chị, bạn bè hay thân nhân, Ma vương sẽ đến với Bồ-tát ấy và bảo ông ấy rằng trong quá khứ ông ấy đã có được sự thọ ký giác ngộ viên mãn và địa bất thối chuyền của Bồ-tát vì lý do đơn giản rằng bây giờ ông ấy có những phẩm tính đó của một nhà tu khổ hạnh nghiêm túc, mà theo y, là những phẩm hạnh của một Bồ-tát bất thối chuyền. Nhưng Bồ-tát ấy không có được những thuộc tính, biểu hiệu và dấu hiệu của một Bồ-tát bất thối chuyền mà tôi đã miêu tả. Chắc chắn ông ấy là người bị Ma vương bùa vây, không giống như những Bồ-tát khác [có thể là những thiện tri thức của ông ấy]. Vì ông ấy không có được những thuộc tính, biểu hiệu và dấu hiệu mà thực tế chúng là tính cách của một Bồ-tát bất thối chuyền. Và kết quả sự công bố những hoàn cảnh quá khứ của ông ấy khiến ông ấy cảm thấy tự phụ. Vì tự phụ, bị tự phụ to lớn và cứng rắn khắc phục, bị huyền lực của Ma vương đánh bại, ông ấy khinh thường các Bồ-tát bạn, cười khẩy họ và phản đối họ. Nên nhận biết đây là việc làm của Ma vương, kẻ lợi dụng sự công bố những hoàn cảnh quá khứ của Bồ-tát. [389] Hơn nữa, này Tu-bồ-đề, Ma vương cũng hành tác liên hệ với sự thọ ký danh hiệu mà Bồ-tát ấy sẽ có khi thành Phật. Trong lốt ngụy trang một tỳ-kheo, y đến với một Bồ-tát và thọ ký cho ông ấy rằng “đây sẽ là danh hiệu của ông khi ông đạt giác ngộ viên mãn.” Và Ma vương sẽ thọ ký danh hiệu mà Bồ-tát ấy đã đoán cho mình khi ông ấy tự duy danh hiệu mà ông ấy sẽ mang sau khi giác ngộ viên mãn. Nếu

Bồ-tát áy yếu kém trí tuệ và không thiện xảo trong các phương tiện, ông áy sẽ phản chiếu rằng danh hiệu mà vị tỳ-kheo đó đề cập đến cũng là danh hiệu chính ông áy đã phỏng đoán. Ông áy so sánh danh hiệu mà chính ông áy đã nghĩ ra với danh hiệu ông tỳ-kheo kia nói, hoặc là do Ma vương vây búa hay là do Ma vương hay đám người của y gọi dậy, ông áy thấy rằng hai danh hiệu phù hợp với nhau, và ông áy kết luận rằng mình đã được các Như Lai quá khứ thọ ký giác ngộ viên mãn với danh hiệu áy. Nhưng ông áy không có những thuộc tính, biểu hiệu và dấu hiệu của một Bồ-tát bất thối chayen mà tôi đã miêu tả. Vì thiếu những cái đó, ông áy cảm thấy tự phụ vì kết quả của sự thọ ký danh hiệu của ông áy. Vì tự phụ [390] ông áy khinh thường các Bồ-tát bạn, và nghĩ rằng, trong khi ông áy có sự thọ ký mà họ không có. Sự kiêu hãnh, kiêu căng, tự phụ khiến ông áy khinh thường những Bồ-tát khác đó giữ ông áy cách xa nhất thiết trí, và tri kiến của một vị Phật. Không được bát-nhã ba-la-mật hộ trợ, thiếu thiện xảo trong các phương tiện và thiện tri thức, bị ác tri thức nắm giữ, chúng ta mong ông áy thuộc về một trong hai hạng, hoặc Thanh văn hoặc Duyên giác. Nhưng dù vậy, sau khi đã tiêu phí một thời gian dài, một thời rất dài lạc lối và lang thang [trong sinh tử], ông áy lại trở thành người muốn biết giác ngộ viên mãn bằng cách phục hồi bát-nhã ba-la-mật này; và nếu ông áy đi các thiện tri thức và thường đến với họ, và nếu, theo cái nhìn mới tìm được về đời sống trước hết ông áy chỉ trích các ý kiến trước kia của mình, mửa chúng ra, ghét chúng, ném chúng lại phía sau, thấy lỗi của chúng, – ngay cả lúc áy cũng sẽ khó cho ông áy đạt đến Phật cảnh. Rất nghiêm trọng là xúc phạm lòng tự phụ. Trong các tỳ-kheo thuộc về thừa hay hàng Thanh văn là bốn vi phạm không thể tha thứ nghiêm trọng đến độ, nếu có người vi phạm một trong bốn tội áy, thì người áy không còn là tỳ-kheo, Sa-môn, con của Thích-ca (Shakya). Nghiêm trọng hơn bốn vi phạm không thể tha thứ đó là phát sinh tâm kiêu mạn vào dịp thọ ký danh hiệu, một Bồ-tát khinh thường các Bồ-tát khác, và phát sinh tam rất bất thiện, còn nghiêm trọng hơn bốn vi phạm không thể tha thứ. Không chỉ vậy mà nó còn nghiêm trọng hơn năm tội nghịch là sự phát sinh tâm này kết nối

với kiêu mạn, [391] phát sinh vào dịp danh hiệu vị lai của một Bồ-tát [là một vị Phật] được công bố. Ý niệm đó còn ghiêm trọng hơn cả năm tội nghịch. Theo cách này, ngay cả qua sự công bố danh hiệu của một vị Phật, những việc làm rất vi tế của Ma vương có thể phát sinh. Cả chính Bồ-tát ấy và những người khác nên nhận ra chúng là vì cái gì và tránh đi.

3. SAI LÀM LIÊN QUAN VỚI KHÔNG CHẤP TRƯỚC

Hơn nữa, Ác Ma, có thể đến một Bồ-tát cổ xúy và cho ông ấy biết trong sự kết nối với phẩm tính của không chấp trước rằng Như Lai tán thán không chấp, và điều có nghĩa là nêu trú trong khu rừng heo lánh, trong rừng rậm, trong khe núi, mộ địa, hay trên những đồng rơm, v.v... Nhưng đó không phải là những gì tôi dạy về sự không chấp của một Bồ-tát, rằng ông ấy nên sống trong rừng, heo lánh, đơn độc và ly cách, hay trong rừng rậm, khe núi, mộ địa, đồng rơm, v.v...

Tu-bồ-đề: Nếu đó không phải là sự không chấp trước của Bồ-tát, vậy thì nó là gì?

Thέ Tôn: Một Bồ-tát trú trong không chấp trước khi ông ấy trở nên không chấp trước các hoạt động của tâm liên quan với Thanh văn và Duyên giác [392]. Vì nếu ông ấy được bát-nhã ba-la-mật và sự thiện xảo trong các phương tiện hộ trợ, và nếu ông ấy trú trong chỗ trú của đại từ và đại bi hướng về tất cả chúng sinh, rồi ông ấy trú không chấp trước ngay cả khi ông ấy trú nơi láng giềng của một ngôi làng. Ấy là tôi đã sắp xếp sự không chấp trước này theo các hoạt động của tâm kết hợp với Thanh văn và Duyên giác. Một Bồ-tát trú không chấp trước nếu ông ấy trải qua ngày và đêm trú trong không chấp trước này. Nếu một Bồ-tát trú trong chỗ trú này trong khi ông ấy sống ở những chỗ trú heo lánh, trong rừng heo lánh, trong rừng rậm, trong khe núi hay nơi mộ địa, thì ông ấy trú không chấp trước. Nhưng không chấp trước như Ác Ma giới thiệu, – tức là, trú trong rừng heo lánh, rừng rậm, khe núi, và mộ địa, – nếu sự không chấp trước đó thực tế bị những tâm hành kết hợp với Thanh

văn và Duyên giác làm ô nhiễm thì, vì ông ấy không tu tập bát-nhã ba-la-mật, ông ấy không thực hiện những điều kiện cần thiết để đạt được nhất thiết trí. Ông ấy trú ở nơi trú bị ô nhiễm, và trong tâm hành không hoàn toàn thanh tịnh, và vì thế những hành vi của thân, ngữ và ý của ông ấy không thể thanh tịnh hoàn toàn. Vì thế ông ấy khinh thường các Bồ-tát khác trú trong làng mạc, nhưng họ không bị ô nhiễm bởi những tâm hành kết hợp với Thanh văn và Duyên giác, những người trú trong chỗ trú của bát-nhã với nhiều thiết bị và đại bi của nó. Vì những hành vi của thân, ngữ, và ý của ông ấy không hoàn toàn thanh tịnh, ông ấy chỉ là người trú trong ô nhiễm, không phải là người trú trong không chấp trước, mặc dù ông ấy có thể trú trong khu rừng hẻo lánh. Ban đầu ông ấy khinh thường những người sống nơi láng giềng của một ngôi làng, dù họ trú nơi trú của bát-nhã, với những thiết bị và đại bi của nó, dù họ hoàn toàn thanh tịnh theo cách huân tập trong những gì họ làm với thân, ngữ, và ý, dù họ không chấp những tâm hành kết hợp với các Thanh văn và Duyên giác, không bị chúng ô nhiễm [393]; sau đó ông ấy thấy rằng mình không thể có được Thiền, Định, Chứng đắc, Giải thoát và Thần thông, và thấy rằng chúng không đạt sự thành tựu nơi mình. Lý do là ông ấy không có sự thiện xảo trong các phương tiện. Dù cho một Bồ-tát có thể trú trong các khu rừng hoang vắng rộng hàng trăm dặm, không có đồng hành nào khác hơn những dã thú săn mồi, hươu nai, những bầy chim, ngay cả không nhiều là những con vật hoang dã, những Dạ-xoa và La-sát, và không bị phiền não vì sợ bọn cướp, và ông ấy có thể định cư ở đó dù một năm hay một trăm năm, hay ngay cả hàng trăm ngàn na-do-tha câu-lợi năm, hay nhiều hơn nữa; – nếu ông ấy không biết sự không chấp trước mà tôi đã giải thích, và qua đó một Bồ-tát trú như là người đã lên đường với ý muốn nồng nhiệt, đã đạt được ý muốn nồng nhiệt; rồi ngay cả một người hoàn toàn sùng mộ đời sống trong khu rừng hẻo lánh không làm tâm tôi hoan hỉ, nếu ông ấy không biết [sự không chấp trước] này, nếu ông ấy không thiện xảo trong các phương tiện, nếu ông ấy biết được sự không chấp trước đó của mình, bám vào nó, nhất quyết với nó, chiều chuộng nó. Vì sự không chấp trước của một Bồ-tát

mà tôi đã miêu tả không hiện ra trong sự không chấp trước của ông ấy. Nhưng từ chỗ cao trên không trung Ma vương sẽ nói với người trú trong rừng hổ lánh rằng ông ấy trú tốt, rằng sự không chấp trước của ông ấy là sự không chấp trước mà Như Lai đã miêu tả, rằng ông ấy nên tiếp tục trú trong sự không chấp trước này, và vì thế ông ấy sẽ nhanh chóng đạt được giác ngộ viên mãn. [394] Khi ông ấy rời chỗ ly cách đó trong rừng và trở lại làng, ông ấy khinh thường các Bồ-tát ở đó, những tỳ-kheo hành xử đùorg hoang, đức hạnh, tính cách đáng yêu, không bị ô nhiễm bởi những tâm hành kết hợp với Thanh văn và Duyên giác, và sống cuộc sống hoàn toàn thanh tịnh nơi thân, ngữ, và ý. Ông ấy bảo họ rằng chắc chắn họ không trú trong chỗ trú không chấp trước mà trong chỗ trú ô nhiễm và đong đúc. Những Bồ-tát ở đó, trú trong chỗ trú không chấp trước, ông ấy cảnh báo những chỗ trú ô nhiễm và đong đúc. Ông ấy có gắng cam kết với họ một chỗ trú không chấp trước [vì ông ấy nghĩ vậy]. Ông ấy yêu cầu họ kính trọng sự cư trú ly cách của mình, ông ấy trở nên kiêu hãnh, và bảo họ: “Các tiên nhân đã ủng hộ tôi, các tiên nhân đã đến báo tin cho tôi! [Chỗ ly cách trong rừng] này, Tu-bồ-đề, là chỗ trú tôi trú. Chỗ trú gì trong làng từng được tiên nhân ủng hộ và báo tin?” Bằng kiểu này ông ấy khinh thường những người thuộc thura Bồ-tát. Nên biết ông ấy là một Bồ-tát Chiên-dà-la (Candala), một kẻ làm ô danh các Bồ-tát, là một giả Bồ-tát, một ngụy Bồ-tát, một bẩn Bồ-tát, một kẻ cướp đội lốt Sa-môn, một kẻ cướp của những người thuộc thura Bồ-tát, một tên cướp của thế giới chư thiên. Chắc chắn không nên chăm sóc, thương mến hay tôn vinh một kẻ như thế. Vì những người như thế đã rơi vào tự phụ. [395] Họ sẽ còn tiếp tục làm hư hỏng tâm hồn thân thuộc, những kẻ yếu đuối mới lên đường trên xe [đại thura] giàn đây. Nên xem họ là những người bản tánh không thanh tịnh, không có thầy tốt, không có phạm hạnh. Nhưng một Bồ-tát không nên chăm sóc những người như thế, không thương mến hay tôn vinh họ, nếu ông ấy là người không bỏ roi tất cả chúng sinh, cũng không bỏ roi nhất thiết trí hay giác ngộ viên mãn, nếu ông ấy nhiệt tâm muốn đạt giác ngộ viên mãn, và đem lại phúc lợi của tất cả chúng sinh. Trái lại, một người

đã tự mình vươn lên đến một tầm cao mà người ấy quan tâm phúc lợi của tất cả chúng sinh, như thế người ấy có thể thấy thấu suốt những điều này và những hành vi khác của Ma vương, nên luôn luôn có cái tâm lo xiển dương đạo cho những chúng sinh chưa được nó, cái tâm không run rẩy và không bị nhận chìm trong những cuộc lang thang qua ba cõi; trước hết người ấy có thái độ từ ái, thái độ bi mẫn, người ấy phát sinh đại bi và xúc động vì thương xót, người ấy có tâm hoan hỉ đồng cảm với các chúng sinh tiến bộ theo chiều hướng đúng, người ấy không bối vì chân tánh của các pháp là như thế là không thể nhận biết được; [với tất cả điều này trong tâm] người ấy nên lập quyết tâm: “Như thế trong vị lai tôi sẽ làm cho tất cả những lỗi lầm của Ma vương sẽ vô phương hiện hữu hay phát sinh; hay nếu có phát sinh, chúng cũng sẽ lại tức thì ra đi. Tôi sẽ tu luyện mình như vậy!” Nên biết đây cũng là sự can đảm tiến tới của một Bồ-tát hướng về tri kiến thượng đẳng của riêng ông ấy. Vì những gì một Bồ-tát nên biết về những hành vi của Ma vương liên hệ với phẩm tính không chấp trước thì rất nhiều.

Chương XXII

THIỆN TRI THÚC

1. CÁC THIỆN TRI THÚC

Một Bồ-tát đã lên đường với tâm ý nhiệt thành muôn đạt được giác ngộ viên mãn, ngay từ đầu nên chăm sóc, yêu thương và tôn vinh các thiện tri thức.

Tu-bồ-đề: Ai là thiện tri thức của Bồ-tát?

Thé Tôn: Các Phật và các Thé Tôn, cũng như các Bồ-tát bất thối chuyển thiện xảo trong đạo Bồ-tát, chỉ dạy và khuyên nhủ ông ấy trong các ba-la-mật, chứng minh và xiển dương bát-nhã ba-la-mật. Đặc biệt nên xem Bát-nhã ba-la-mật như là một thiện tri thức của Bồ-tát. Sự thật, tất cả sáu ba-la-mật là những thiện tri thức của Bồ-tát. Họ là thầy, là đạo, là ánh sáng, là ngọn đuốc, là quang minh, là nơi che chở, là chỗ nương tựa, là chỗ nghỉ ngơi, là sự voi bót cuối cùng [397], là hòn đảo, là cha, là mẹ của ông ấy, và họ dẫn dắt ông ấy đến tri kiến, đến hiểu biết, đến giác ngộ viên mãn. Vì ở trong sáu ba-la-mật này, bát-nhã ba-la-mật được thành tựu. Một cách đơn giản, đến từ sáu ba-la-mật là nhất thiết trí của các Nhu Lai, những người trong thời quá khứ, đã đạt giác ngộ viên mãn và rồi nhập Niết-bàn. Và như vậy nhất thiết trí của các Nhu Lai trong vị lai sẽ đạt được giác ngộ, và của các Nhu Lai hiện giờ trụ trong các thiên thế giới không thể tính toán được, không thể đo lường, vô cùng, không thể nghĩ bàn. Tu-bồ-đề, tôi cũng là một Nhu Lai trong thời hiện tại đã đạt được giác ngộ viên mãn, và nhất thiết trí của tôi cũng đến từ sáu ba-la-mật. Vì sáu ba-la-mật chứa ba mươi bảy pháp mà chúng hoạt động như là những giác chi, chúng chứa bốn trụ xứ của Phạm-thiên, bốn nghiệp pháp, và bất cứ Phật pháp nào khả hữu, bất cứ tri kiến nào của Phật, tri kiến nào của Tự hữu, bất cứ tri kiến nào không thể nghĩ bàn, không thể so sánh, không thể đo lường, không thể tính toán, vô song, bất cứ tri kiến nào bình đẳng những cái không bình đẳng, bất cứ tri kiến nào của nhất thiết trí. Vì thế, Tu-

bồ-đề, một cách đơn giản nên biết sáu ba-la-mật của một Bồ-tát [398] là những thiện tri thức của ông ấy. Họ là Thầy, v.v..., của ông ấy, v.v..., đến: họ dẫn ông ấy đến tri kiến, đến hiểu biết, đến giác ngộ viên mãn.Thêm vào, một Bồ-tát tu luyện trong sáu ba-la-mật trở thành người phúc lợi chân thật đối với tất cả những chúng sinh đang cần vậy. Nhưng muốn tu luyện trong sáu ba-la-mật, một Bồ-tát trên hết phải nghe bát-nhã ba-la-mật này, nhận nó, mang nó trong tâm, tụng, nghiên cứu, truyền bá, chứng minh, xiển dương, giải thích và viết nó, thẩm tra nghĩa, nội dung và phương pháp của nó, thiền định nó, và tra vấn nó. Vì bát-nhã ba-la-mật hướng dẫn sáu ba-la-mật, dẫn đường, lãnh đạo, chỉ dạy và cố vấn họ, là người sinh và chăm sóc họ. Bởi vì, nếu bị lấy đi bát-nhã ba-la-mật, năm ba-la-mật đầu không đến dưới khái niệm ba-la-mật, và không đáng được gọi là ‘ba-la-mật.’ Vì thế một Bồ-tát nên tu luyện đúng bát-nhã ba-la-mật này nếu ông ấy muốn đạt cảnh giới mà ông ấy không thể bị người khác dẫn dắt sai, và trụ vững trong đó.

2. KHÔNG, NHIỄM VÀ TỊNH

Tu-bồ-đề: Bát-nhã ba-la-mật có tướng như thế nào?

Thé Tôn: Nó có tướng không chấp.

Tu-bồ-đề: Có thể nói rằng cùng cái tướng không chấp đó mà nó hiện hữu trong bát-nhã ba-la-mật đó, cũng hiện hữu trong tất cả các pháp không?

Thé Tôn: Đúng vậy, Tu-bồ-đề. Vì tất cả các pháp ly cách và rỗng không. Vì thế, cùng cái tướng không chấp đó, mà nó khiến cho bát-nhã ba-la-mật ly cách và rỗng không, cũng làm cho tất cả các pháp ly cách và rỗng không.

Tu-bồ-đề: Nếu tất cả các pháp ly cách và rỗng không, làm sao sự nhiễm và tịnh của chúng sinh có thể nghĩ bàn được? Vì cái gì ly cách thì không thể bị nhiễm hay được tịnh, cái gì rỗng không không thể bị nhiễm hay được tịnh, và cái gì ly cách và rỗng không không thể biết giác ngộ viên mãn. Người ta cũng không thể nắm được bát-cứ pháp nào bên ngoài cái không mà nó đã biết, sẽ biết, hay thực

biết giác ngộ viên mãn. Vậy thì làm sao chúng ta biết nghĩa của lời dạy này? Hãy chỉ cho chúng con, Ôi Thé Tôn, hãy chỉ cho chúng con, Ôi Thiện Thệ!

Thé Tôn: Ý ông thế nào, Tu-bồ-đè? Có phải chúng sinh theo đuổi trong sự tạo ra cái tôi và tạo ra cái của tôi trong một thời gian dài không? [400]

Tu-bồ-đè: Đúng vậy, Thé Tôn.

Thé Tôn: Có phải sự tạo ra cái tôi và tạo ra cái của tôi cũng đều là rỗng không không?

Tu-bồ-đè: Chúng rỗng không, Ôi Thé Tôn.

Thé Tôn: Có phải chỉ vì sự tạo ra cái tôi và tạo ra cái của tôi mà chúng sinh lang thang đây đó trong sinh tử không?

Tu-bồ-đè: Đúng vậy, Thé Tôn.

Thé Tôn: Theo nghĩa đó thì sự nhiễm của chúng sinh trở thành có thể nghĩ bàn. Đến độ mà chúng sinh chấp vào sự vật và an định nơi chúng, đến độ đó ở đó là sự nhiễm. Nhưng không ai do đó bị nhiễm. Và đến độ một người không chấp vào sự vật và không an định nơi chúng, đến độ đó người ta có thể nghĩ bàn về sự vắng mặt của sự tạo ra cái tôi và sự tạo ra cái của tôi. Theo nghĩa đó, người ta có thể hình thành khái niệm về tịnh của chúng sinh, tức là, đến độ mà họ không chấp vào sự vật và không an định nơi chúng, đến độ đó có sự tịnh. Nhưng không ai ở đó được tịnh. Khi một Bồ-tát theo đuổi như thế, ông ấy theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật. Theo nghĩa này, người ta có thể hình thành khái niệm về nhiễm và tịnh của chúng sinh bất chấp sự thật rằng tất cả các pháp đều ly cách và rỗng không.

Tu-bồ-đè: Điều này thực kỳ diệu! Và một Bồ-tát theo đuổi như thế, ông ấy theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật. Bởi vì lúc ấy ông ấy không theo đuổi trong sắc, hay trong các uẩn khác. Khi theo đuổi như thế, [401] một Bồ-tát không thể bị toàn thể thế giới cùng với thần, người, a-tu-la của nó nghiền nát. Khi theo đuổi như thế, một Bồ-tát vượt qua sự theo đuổi của tất cả những người thuộc thừa Thanh văn và Duyên giác, và ông ấy được địa vị vô thượng. Vì cảnh giới Phật là vô thượng, và cảnh giới Như Lai, cảnh giới Tự

hữu, cảnh giới nhất thiết trí cũng vậy. Một Bồ-tát, ngày đêm trải qua thời gian của mình trụ trên các tâm hành này kết hợp với bát-nhã ba-la-mật, là hoàn toàn gần giác ngộ viên mãn và sẽ nhanh chóng biết nó.

3. NHỮNG CHÚ Ý ĐỐI VỚI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT VÀ VIÊN NGỌC CÓ GIÁ TRỊ LỚN

Thé Tôn: Đúng vậy, Tu-bồ-đề. Giả sử, này Tu-bồ-đề, tất cả chúng sinh trong cõi Diêm-phù-đè nên đồng thời có được nhân cách con người, nên phát tâm đạt giác ngộ viên mãn, trụ trong [402] tâm niệm giác ngộ viên mãn suốt đời họ, tôn vinh, kính ngưỡng và sùng bái tất cả các Như Lai suốt đời họ. Nếu bây giờ [sau toàn bộ sự chuẩn bị này], họ nên bố thí phẩm vật cho tất cả chúng sinh, và chuyển [công đức từ] sự bố thí đó đến giác ngộ viên mãn, – các Bồ-tát đó có tạo được nhiều công đức bằng sức mạnh đó không?

Tu-bồ-đề: Họ sẽ tạo được, Ôi Thé Tôn.

Thé Tôn: Lại nữa, Tu-bồ-đề, thực người con trai hay con gái đó của gia đình thiện lương tạo được khói công đức lớn, người ấy, như là một Bồ-tát, trụ chỉ trong một ngày duy nhất trong các tâm hành kết nối với bát-nhã ba-la-mật. Vì khi tiếp tục trụ ngày đêm trong các tâm hành đó, ông ấy trở nên ngày càng xứng đáng với những phẩm vật cúng dường của tất cả chúng sinh. Bởi vì không một chúng sinh nào khác có tâm đầy từ mãn như ông ấy có, ngoại trừ các Phật, các Thé Tôn. Và các Như Lai dĩ nhiên là không ai bằng, không có sự tương tự, được phú bẩm những pháp không thể nghĩ bàn. Rồi làm sao người con trai hay người con gái đó của gia đình thiện lương đầu tiên phát nguyện với công đức đó? Người ấy trở thành được phú bẩm với loại nội kiến trí tuệ đó mà nó cho phép người ấy thấy tất cả chúng sinh khi trên con đường đến chỗ tàn sát của họ. Đại bi với cơ duyên đó giữ lấy người ấy. [403] Người ấy quán sát vô số chúng sinh bằng mắt trời, và những gì người ấy thấy làm người ấy đầy bất an to lớn: vì vậy nhiều chúng sinh mang gánh nặng nghiệp đưa đến quả báo tức thời ở các địa ngục, những chúng

sinh khác chịu sự tái sinh không may mắn [giữ họ cách xa Phật và những lời dạy của ngài], những chúng sinh khác nữa chịu số phận bị giết, hay họ bị bao bọc trong mạn lười tà kiến, hay không tìm được đạo, trong những chúng sinh khác đã có được sự tái sinh may mắn lại mất nó. Và người ấy chú ý đến họ với ý nghĩ rằng: “Tôi sẽ trở thành vị cứu tinh cho tất cả những chúng sinh đó, tôi sẽ giải thoát họ khỏi tất cả những khổ đau!” Nhưng người ấy không làm điều này hay bất cứ điều nào khác thành dấu hiệu mà đối với nó người ấy trở nên thiên vị. Đây cũng là ánh sáng trí tuệ của một Bồ-tát cho phép ông ấy biết giác ngộ viên mãn. Vì các Bồ-tát, khi họ trụ trong chỗ trụ này, họ trở nên xứng đáng với những phẩm vật cúng dường của thế gian, song họ không quay lưng lại với giác ngộ viên mãn. Họ tịnh hóa những phẩm vật và sự cúng dường của những ai cho họ những thứ cần thiết của đời sống, khi các ý niệm của họ được bát-nhã ba-la-mật khéo hộ trợ, và họ gần với nhất thiết trí. Vì thế, một Bồ-tát nên trụ nơi việc làm của tâm kết hợp bát-nhã ba-la-mật, nếu ông ấy không muốn tiêu thụ của bố thí một cách không có kết quả, nếu ông ấy muốn chỉ ra con đường cho tất cả chúng sinh, [404] rời ánh sáng qua một tầm mức rộng, giải thoát khỏi sinh tử cho tất cả những chúng sinh khuất phục nó, và tẩy sạch nhẫn quan của tất cả chúng sinh. Nếu ông ấy muốn trụ nơi các tâm hành hướng đến những mục đích này, ông ấy nên ghi nhớ những tâm hành kết hợp với bát-nhã ba-la-mật. Vì một người quyết định đưa những điều này vào trong tâm, tâm người ấy làm việc phúc lợi của tất cả chúng sinh. Nhưng người ấy không nên để chối cho các tâm hành khác, như thế là thiếu bát-nhã ba-la-mật. Nếu người ấy làm như thế [như việc làm của tâm mà chủ yếu là quan tâm yêu thương chúng sinh, thúc giục người ấy], người ấy dùng cả ngày đêm trong những tâm hành kết hợp với bát-nhã ba-la-mật. Giả sử một người thiện nghệ trong những món đồ trang sức và những loại đá quý khác nhau, mới mua được một viên ngọc rất quý. Điều đó khiến anh ta rất mừng và phấn khởi. Nếu lại bị mất viên ngọc quý này, anh ta sẽ buồn và phiền não nhất. Thường và luôn luôn các tâm hành kết hợp với viên ngọc đó tiến hành nơi anh ta, và anh ta

sẽ tiếc nuối vì bị chia lìa với nó. Anh ta sẽ không tiếc nuối, nếu anh ta có lại viên ngọc này hay có được một viên khác có phẩm chất giống như và đồng loại với viên ngọc ấy. Cũng vậy, một Bồ-tát lại bị mất viên ngọc quý bát-nhã ba-la-mật; [405] với nhận thức rõ ràng về sự quý báu của bát-nhã ba-la-mật, và tin rằng ông ấy không nhất định bị chia lìa với nó, với ý niệm không thiếu tâm hành với bát-nhã ba-la-mật, và nó được hướng dẫn đến cảnh giới nhất thiết trí, ông ấy nên tìm kiếm mọi nơi cho đến khi ông ấy có lại được Kinh này, hay có được một kinh tương đương. Tất cả thời gian ông ấy nên là một người không thiếu các tâm hành kết hợp với sự có được viên ngọc quý bát-nhã ba-la-mật, một người không thiếu các tâm hành kết hợp với sự thu thập được viên ngọc lớn nhất thiết trí.

Tu-bồ-dề: Nhưng vì Thế Tôn đã dạy rằng tất cả các pháp và tất cả các tâm hành đều thiếu tự tánh, và rỗng không, – vậy thì làm sao một Bồ-tát có thể trở thành một người không thiếu các tâm hành kết hợp với bát-nhã ba-la-mật, hay với nhất thiết trí?

Thế Tôn: Nếu tâm của một Bồ-tát tiếp tục tác động lên sự thật rằng tất cả các pháp đều do tự tánh của chúng ly cách và rỗng không, và đồng ý như vậy, thì ông ấy trở thành người không thiếu các tâm hành kết hợp với bát-nhã ba-la-mật và với nhất thiết trí. Vì bát-nhã ba-la-mật rỗng không, nó không tăng cũng không giảm.

4. KHÔNG VÀ SỰ TĂNG TRƯỞNG TRONG GIÁC NGỘ

Tu-bồ-dề: Nếu là như vậy, không có sự gia tăng trong bát-nhã ba-la-mật, làm sao một Bồ-tát có thể đạt đến giác ngộ viên mãn, làm sao ông ấy có thể biết giác ngộ viên mãn?

Thế Tôn: Trong thực tế, một Bồ-tát theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật không tăng cũng không giảm. Chỉ vì bát-nhã ba-la-mật rỗng không, không tăng cũng không giảm. Chính vì sự thật này, – tức là, chính vì bát-nhã ba-la-mật rỗng không, [406] không tăng cũng không giảm, Bồ-tát ấy cũng vậy, – mà một Bồ-tát đạt đến giác ngộ viên mãn, và như thế biết được giác ngộ viên mãn. Nếu một Bồ-tát, khi được dạy điều này, không sợ cũng không mất lòng tin, thì nên

biết ông ấy là một Bồ-tát theo đuối trong bát-nhã ba-la-mật.

Tu-bồ-đè: Vậy thì bát-nhã ba-la-mật có theo đuối trong bát-nhã ba-la-mật không?

Thé Tôn: Không, Tu-bồ-đè.

Tu-bồ-đè: Không của bát-nhã ba-la-mật có theo đuối trong bát-nhã ba-la-mật không?

Thé Tôn: Không, Tu-bồ-đè.

Tu-bồ-đè: Vậy thì người ta có thể nhận biết bất cứ một pháp nào bên ngoài không của bát-nhã ba-la-mật theo đuối trong bát-nhã ba-la-mật không?

Thé Tôn: Không, Tu-bồ-đè.

Tu-bồ-đè: Không có theo đuối trong bát-nhã ba-la-mật không?
[407]

Thé Tôn: Không, Tu-bồ-đè.

Tu-bồ-đè: Người ta có thể nhận biết bất cứ pháp nào trong không mà nó theo đuối trong bát nhã ba-la-mật không?

Thé Tôn: Không, Tu-bồ-đè.

Tu-bồ-đè: Không có theo đuối trong không chăng?

Thé Tôn: Không, Tu-bồ-đè.

Tu-bồ-đè: Sắc, v.v..., có theo đuối trong bát-nhã ba-la-mật không?

Thé Tôn: Không, Tu-bồ-đè.

Tu-bồ-đè: Vậy thì một Bồ-tát theo đuối trong bát-nhã ba-la-mật như thế nào?

Thé Tôn: Vậy thì ông, Tu-bồ-đè, có thấy một pháp thực hữu nào theo đuối trong bát-nhã ba-la-mật không?

Tu-bồ-đè: Dạ không, thưa Thé Tôn. [408]

Thé Tôn: Ông có thấy bát-nhã ba-la-mật, mà một Bồ-tát theo đuối trong đó, là một vật có thực không?

Tu-bồ-đè: Dạ không, thưa Thé Tôn.

Thé Tôn: Ông có thấy pháp mà nó không công hiến một căn bản nào để nhận biết là thực hữu không? Có pháp mà do cơ duyên đã được sinh ra, hay sẽ được sinh ra, hay đang được sinh ra, hay đã bị diệt, hay sẽ bị diệt, hay đang bị diệt không?

Tu-bồ-đề: Dạ không, thưa Thέ Tôn.

Thέ Tôn: Nội kiến này ban cho một Bồ-tát hạnh vô sinh nhẫn. Khi được phú bẩm hạnh này, ông ấy được thọ ký giác ngộ viên mãn. Ông ấy chắc chắn tiến đến sự tự tin [vô úy] của một Như Lai. Hoàn toàn không thể có chuyện một Bồ-tát theo đuổi, gắng sức và tranh đấu theo cách này, và tiến bộ theo chiều hướng này, sẽ không đạt đến tri kiến vô thượng của một vị Phật, tri kiến của nhất thiết trí, tri kiến của một Đại thương chủ (Sārvathavāha, danh hiệu của Phật).

Tu-bồ-đề: Có thể nào chân tánh của tất cả các pháp, bao gồm trong sự thật rằng chúng bắt sinh, có thể được thọ ký giác ngộ viên mãn không?

Thέ Tôn: Không, *Tu-bồ-đề*.

Tu-bồ-đề: Vậy thì trong trường hợp đó sự thọ ký pháp này giác ngộ viên mãn làm sao xảy ra?

Thέ Tôn: Ông có thấy pháp mà nó có được sự thọ ký giác ngộ viên mãn là thực hữu không? [409]

Tu-bồ-đề: Dạ không, thưa Thέ Tôn. Con không thấy bất cứ pháp thực hữu nào được thọ ký giác ngộ viên mãn vào lúc nào cả. Con cũng không thấy bất cứ pháp thực hữu nào được những bậc giác ngộ biết, nên biết đối với họ, hay bằng các phương tiện mà họ có được tri kiến viên mãn. Là vì người ta không thể nhận biết tất cả các pháp, không có chuyện tôi nghĩ rằng “pháp này được biết đối với những bậc Giác Ngộ, pháp này nên biết đối với họ, bằng phương tiện pháp này họ thực sự có được tri kiến viên mãn.”

Chương XXIII

THÍCH-ĐÈ**1. ĐỊA VỊ THƯỢNG ĐĂNG CỦA BỒ-TÁT**

Vào lúc đó, Thiên đế *Thích-đè*, ngồi trong chúng, nói: Chắc chắn, thâm sâu là bát-nhã ba-la-mật này, khó thấy, khó hiểu!

Thé Tôn: Đúng vậy, Kiều-thi-ca. Với thâm sâu của hư không là bát-nhã ba-la-mật này thâm sâu. Vì ly cách nó khó thấy, vì rỗng không nó khó hiểu.

Thích-đè: Những chúng sinh nghe bát-nhã ba-la-mật này, nhận lấy nó, nghiên cứu, truyền bá, và viết nó, át được phú bẩm nhiều hơn là một thiện căn nhỏ bé!

Thé Tôn: Đúng vậy. Nếu tất cả chúng sinh trong cõi Diêm-phù-đè đều được phú bẩm [411] [căn cơ quán sát] mười cách làm thiện, họ có tạo được nhiều công đức nhở lực ấy không?

Thích-đè: Dạ có, Ôi Thé Tôn.

Thé Tôn: Một người nghe, nghiên cứu, truyền bá, và viết bát-nhã ba-la-mật này tạo được công đức nhiều hơn họ. Khối công đức vừa kể, do sự trì giới của tất cả chúng sinh trong cõi Diêm-phù-đè, thì vô cùng nhỏ so với khối công đức do thiện căn của người nghe, nghiên cứu, truyền bá và viết bát-nhã ba-la-mật thâm sâu này.

Vì thế, một *tỳ-kheo* nói với Thiên đế *Thích-đè*: Ngài đã bị vượt qua rồi, ngài Kiều-thi-ca, bởi người nghe, nghiên cứu, truyền bá và viết bát-nhã ba-la-mật thâm sâu này!

Thích-đè: Tôi cũng bị vượt qua bởi người con trai hay người con gái của gia đình thiện lương phát tâm đến bồ-đề duy nhất: [412] còn nhiều hơn thế biết bao nếu thêm vào đó họ tu luyện trong Như, tiến đến nó, tinh tấn vì nó; trong cuộc hành trình, họ vượt qua toàn thể thế giới cùng chư thiên, nhân, và a-tu-la trong đó. Trong cuộc hành trình, họ không chỉ vượt qua thế giới với chư thiên, nhân, và a-tu-la, mà còn tất cả các bậc Nhập lưu, Nhất lai, Bát hoàn, A-la-hán và Bích-chi-phật. Họ cũng vượt qua những Bồ-tát là những nhà

đại bố thí nhưng thiếu bát-nhã ba-la-mật và sự thiện xảo trong các phương tiện. Họ cũng vượt qua những người giới luật hoàn toàn thanh tịnh, sở hữu một lượng quảng đại giới luật, không phá giới, không tì vết, không cầu uế, đầy đủ, hoàn toàn thanh tịnh, và không vét đốm, nhưng thiếu bát-nhã ba-la-mật và sự thiện xảo trong các phương tiện. Họ cũng vượt qua những người đã được hanh nhẫn nhục và bình lặng, [413] những người tâm niệm tự tại với thù ghét, cảm thấy không có ác ý ngay cả khi bị cột vào cọc và thiêu sống, nhưng thiếu bát-nhã ba-la-mật và sự thiện xảo trong các phương tiện, và cũng vượt qua những người tận lực tinh tấn, khăng khăng cố gắng, không lười biếng, và vẫn không sợ trong tất cả những gì họ làm với thân, ngũ, và ý, nhưng thiếu bát-nhã ba-la-mật và sự thiện xảo trong các phương tiện. Họ cũng vượt qua những người thích các thiền và hoan hỉ trong đó, những người mạnh mẽ và đầy sức lực trong các thiền, những người trụ vững chắc trong các thiền, những người làm chủ các thiền, nhưng thiếu bát-nhã ba-la-mật và sự thiện xảo trong các phương tiện. Vì khi theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật như nó được xiển dương, một Bồ-tát vượt qua thế giới với chư thiên, nhân, và a-tu-la, vượt qua tất cả những người thuộc thửa Thanh văn và Duyên giác, cũng vượt qua những Bồ-tát không thiện xảo trong các phương tiện. Và họ không thể vượt qua ông ấy. Vì một Bồ-tát theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật như nó được xiển dương, đồng thuận với nó, nhận lấy địa vị của mình như vậy dòng truyền của nhất thiết trí không phải bị gián đoạn, và ông ấy không giữ cách xa các Như Lai. Cuộc hành trình của ông ấy, khi ông ấy tiến hành theo cách này, sẽ đưa ông ấy đến bồ-đề đạo tràng không lâu; [414] tu luyện mình theo cách này, ông ấy sẽ cứu độ những chúng sinh bị chìm trong bùn ô nhiễm. Tu luyện mình theo cách này, ông ấy tu luyện trong sự tu luyện của một Bồ-tát, và không phải trong sự tu luyện của một Thanh văn hay Duyên Giác.

2. BÁO ĐÁP CỦA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

Và bốn vị Đại Thiên vương, những bậc Hộ thé, sẽ đến với vị

Bồ-tát tu luyện theo ách này trong bát-nhã ba-la-mật, và họ sẽ nói với ông ấy: Hãy nhanh chóng tu luyện mình theo chiều hướng này của Bồ-tát, hỡi người con trai của gia đình thiện lương! Hãy nhanh chóng tu luyện mình! Đây là bốn cái bát đụng của bố thí mà anh sẽ nhận khi anh ngồi ở bồ-đề đạo tràng, như là một người khi ấy đã đạt giác ngộ viên mãn.” Không những chỉ bốn vị Hộ thế sẽ đến với vị Bồ-tát tu luyện trong bát-nhã ba-la-mật như nó được xiển dương, mà còn có tôi nữa, chưa kể đến các thiên khác. Các Nhu Lai cũng hằng để ông ấy trong tâm. Tất cả những cái xấu của thế gian có thể xảy đến với vị Bồ-tát theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật, như là những cuộc tấn công từ những người khác, v.v..., sẽ bị ngăn chặn không ảnh hưởng đến ông ấy bằng bất cứ cách nào. Đây cũng là, Ôi Thé Tôn, một phẩm tính mà một Bồ-tát theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật có được trong chính đời này.

Vì thế *A-nan-đa* nghĩ: Lời này của Thiên đế Thích-đè, là do nội kiến của ông ấy, hay do thần lực của Phật?

Thích-đè, nhờ thần lực của Phật, đọc được ý nghĩ của *A-nan-đa*, và nói: Nhờ thần lực của Phật, ngài *A-nan-đa*, nhờ sức hộ trì của Phật nên lời này mới được thêm vào. Vì tự tôi [415] hoàn toàn không có khả năng nói được bất cứ điều gì liên quan đến chủ đề các Bồ-tát.

Thé Tôn: Đúng vậy, *A-nan-đa*, Những gì Thiên chủ *Thích-đè*, đã nói là do thần lực của Nhu Lai, do sức hộ trì của Nhu Lai.

Chương XXIV

TƯ PHỤ

**1. NHỮNG DUYÊN MỞ RA MỘT BỒ-TÁT
CHỊU SỰ ẢNH HƯỚNG CỦA MA VƯƠNG**

Vào lúc một Bồ-tát tu luyện trong bát-nhã ba-la-mật, nỗ lực vì nó và phát triển nó, tất cả các Ác Ma trong đại thiên thế giới đều ở trong trạng thái không chắc chắn: “Bồ-tát này sẽ nhận ra biên tế của thực tại một cách áu trĩ ở mức độ của Thanh văn hay Duyên giác, hay ông ấy sẽ biết giác ngộ viên mãn?” Hơn nữa, khi một Bồ-tát trú ở chỗ trú của bát-nhã ba-la-mật, các Ác Ma bị phi tiêu phiền não xuyên thấu. Khi một Bồ-tát theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật, tạo những nỗ lực vì nó và phát triển nó, các Ác Ma suy nghĩ làm sao chúng có thể làm tổn thương ông ấy. Chúng có thể, chẳng hạn, cố làm cho ông ấy sợ hãi bằng cách buông ra cơn mưa rào sao băng trong tất cả mọi hướng, tạo ra ấn tượng chân trời toàn là lửa cháy. Chúng hy vọng rằng lúc ấy Bồ-tát ấy sẽ trở nên sợ, tóc ông ấy sẽ dựng lên, như vậy ít nhất một niệm duy nhất hướng đến giác ngộ viên mãn có thể bị dập tắt. [417] Nhưng Ác Ma, không cố làm tổn thương tất cả mọi Bồ-tát. Y cố làm tổn thương một số, và không làm tổn thương các vị khác.

A-nan-đa: Ma vương cố làm thương tổn loại Bồ-tát nào?

Thé Tôn: Ma vương cố làm thương tổn một Bồ-tát trong quá khứ, khi được dạy cho bát-nhã ba-la-mật thâm sâu này, không phát sinh tâm có lòng tin vững chắc, và y có được lôi vào ông ấy. Y cố làm thương tổn một Bồ-tát, khi được dạy cho bát-nhã ba-la-mật thâm sâu này, bị những cái không chắc chắn nắm giữ, cảm thấy bối rối, và nghĩ rằng “có lẽ bát-nhã ba-la-mật này là như vậy, có lẽ nó không phải như vậy”; hay các Bồ-tát thiếu thiện tri thức, bị ác tri thức nắm giữ, khi được dạy cho bát-nhã ba-la-mật, không nghe về các trạm dừng thâm thám, vẫn vô minh về chúng, và không hỏi nên phát triển bát-nhã ba-la-mật như thế nào; hay các Bồ-tát bám

vào người chủ trương rằng cái nào không phải là chánh pháp, và nói: “Tôi là người ủng hộ ông ấy, và trong tất cả sự việc ông ấy không bỏ rơi tôi. [418] Có nhiều Bồ-tát khác mà tôi có thể ủng hộ, nhưng họ không thích hợp với tôi. Tôi nhận người này làm người đồng hành thích hợp của tôi và ông ấy sẽ thích hợp với tôi.” Hơn nữa, một Bồ-tát có thể, khi được dạy cho bát-nhã ba-la-mật thâm sâu này, nói với một Bồ-tát khác: “Thâm sâu, quả thật thâm sâu là bát-nhã ba-la-mật này! Ngài lắng nghe điểm gì đó? Vì ngay cả khi tự tôi áp dụng nó theo cách Như Lai đã dạy trong các Kinh văn (Sutranatas) khác, ngay cả khi ấy tôi cũng không đến được tận đáy của nó, cũng không rút ra được thích thú nào trong đó. Điểm trọng yếu ngài nghe và viết ấy là gì? Bằng cách đó ông ấy cố gắng làm cho các Bồ-tát khác trở nên xa lánh. Ma vương cũng đến với một Bồ-tát như thế, cố gắng làm tổn thương ông ấy, và có được lối vào ông ấy. Hơn nữa, A-nan-đa, Ma vương trở nên bằng lòng, phấn khởi và sung sướng, y quá vui, hân hoan và mừng rỡ, kích động, thích thú và hăng say. Trong trường hợp một Bồ-tát khinh thường những Bồ-tát khác, và nghĩ: “Ta sẽ trú trong chỗ trú không chấp trước, nhưng bọn họ không như vậy; chỗ trú của bọn họ không phải chỗ trú trong không chấp trước.” Và Ma vương rất hân hoan bởi vì Bồ-tát này vẫn còn cách xa giác ngộ viên mãn.

Hơn nữa, khi một Bồ-tát nhận một danh hiệu hay bộ tộc, hay khi các phẩm tính khổ hạnh của ông ấy được công bố, ông ấy có thể xem đó là một lý do đủ để khinh thường các Bồ-tát khác, dù họ có thể hành xử đùòng hoàng và tính cách dễ thương. [419] Nhưng ông ấy chưa có những phẩm tính của những Bồ-tát bất thối chuyển theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật, cũng không có những thuộc tính, biểu hiệu hay dấu hiệu của họ. Vì ông ấy chưa có những phẩm tính bất thối chuyển, ông ấy dây lên ô nhiễm, nghĩa là, ông ấy tự đề cao mình, phản đối những người khác, và nghĩ rằng họ không bình đẳng với các pháp đó, như ông ấy. Các Ác Ma lúc ấy thấy trước rằng các cõi Ma sẽ còn trống rỗng, các địa ngục, các cõi súc sinh, ngạ quỷ, và các nhóm hội a-tu-la sẽ đông đúc. Và Ác Ma, vẫn trở nên quyết tâm hơn, và nghĩ: “Với kiểu bắt đầu này, những Bồ-tát đó sẽ sớm

bị ngạt thở bởi danh và lợi. Họ sẽ trở thành những kẻ nói chuyện đáng tin cậy, và với cách nói chuyện đáng tin cậy họ sẽ nắm giữ được nhiều người. Những người đó sẽ quyết định lắng nghe họ, sẽ bắt chước những gì họ thấy và nghe, và như thế sẽ không tu luyện trong Như, không tiến vào nó, không nỗ lực vì nó. Không tu luyện mình trong Như, không tiến vào nó, không nỗ lực vì nó, họ sẽ làm tăng thêm ô nhiễm của họ. Như vậy nó sẽ gây án tượng rằng tất cả những hành vi – của thân, ngữ, và ý – mà họ có thể đảm nhận với tâm thái điên đảo sẽ đưa họ đến sự tái sinh do các duyên không đáng ham muốn, không hài lòng, không thích thú. Vì thế, các cõi của Ma vương sẽ trở nên đông đúc, tức là các đại địa ngục, thế giới súc sinh, thế giới ngạ quỷ, và [420] các hội a-tu-la.” Khi xét hậu quả của những sự cố này, Ác Ma trở nên bàng lòng, phán khởi, sướng khoái, quá vui, đắc chí và hăng say. Hơn nữa, A-nan-đa, khi một Bồ-tát đánh nhau với một người thuộc thừa Thanh văn, tranh cãi với người ấy, bạo hành và mắng chửi người ấy, cảm thấy ác ý và thù ghét người ấy, lúc ấy Ma vương nghĩ rằng “chắc chắn, người con trai này của gia đình thiện lương sẽ tiếp tục cách xa nhất thiết trí, anh ta sẽ vẫn còn ở xa nó.” Ma vương còn trở nên hăng say hơn nữa nếu người ấy thuộc Bồ-tát đánh nhau với một người khác cũng thuộc thừa Bồ-tát, vì y nghĩ rằng “cả hai Bồ-tát này vẫn còn cách xa nhất thiết trí.” Nhưng nếu một Bồ-tát đã có được sự thọ ký, đánh nhau với một Bồ-tát khác cũng đã có được sự thọ ký, và ôm áp ác tâm đối với Bồ-tát kia – trong rất nhiều kiếp, nếu có tâm thái như thế, ông ấy phải mặc chiếc áo giáp [khiến cho ông ấy có khả năng đấu tranh chống lại ác tâm đó], – dĩ nhiên trừ phi ông ấy đã hoàn toàn bỏ rơi nhất thiết trí. [421]

2. THÁI ĐỘ ĐÚNG CỦA BỒ-TÁT ĐỐI VỚI CÁC BỒ-TÁT KHÁC

A-nan-đa: Ông ấy có thể chạy trốn những thái độ đó của tâm, hay ông ấy nhất định bị kết án phải mặc chiếc áo giáp ấy trong suốt thời gian dài đó?

Thé Tôn: A-nan-đa, tôi đã chứng minh một pháp mà nó bao gồm sự có thể chạy trốn, – cho những người của thửa Thanh văn, cho những người của thửa Duyên giác, cho những người của thửa Bồ-tát. Về người thuộc thửa Bồ-tát và cãi lộn với người khác cũng thuộc thửa Bồ-tát, – nếu người ấy không thú nhận lỗi của mình, không hứa kiềm chế trong vị lai, chúa chấp những lệch lạc tiềm tàng với ghét, và trụ trong sự ràng buộc với những lệch lạc đó, – của người ấy, tôi không dạy chạy trốn [tức là vì hậu quả những hành động của người ấy], nhưng người ấy nhất định bị kết án phải mặc chiếc áo giáp ấy trong suốt thời gian dài đó. Nhưng tôi dạy chạy trốn nếu người ấy thú nhận lỗi của mình, hứa kiềm chế trong vị lai, và phản ánh như sau: “Tôi, người mà nhiệm vụ là xua đi, hòa giải và làm lắng dịu những cuộc cãi vã, tranh luận, và xung đột của tất cả chúng sinh, nhưng chính tôi tham gia tranh cãi! Đối với tôi, đó thực sự là mất chứ không phải là được, tôi nên trả lời khi người ta nói với tôi. Khi tôi nên là cái cầu qua biển sinh tử cho tất cả chúng sinh, song tôi nói với người khác, ‘ông cũng vậy,’ hay đáp lại bằng một lời thô bạo. Đây không phải là cách tôi nên nói. Trong những cuộc đánh nhau, cãi vã, và tranh luận tôi nên hành xử như một gã khờ dại, hay như một con cùu ngu đần. Khi tôi nghe một người nào đó dùng những lời làm phật ý, xúc phạm, lăng mạ tôi, lòng tôi không nên áp ủ sự độc ác đối với những người khác. Điều không [422] phù hợp và không đúng đối với tôi là nhận thức lỗi lầm của người khác, hay nghĩ rằng những gì người ta nói về lỗi lầm của người khác thì đáng cho tôi lắng nghe. Tôi không nên cho phép mình lệch hướng ý muốn hăng hái [đạt giác ngộ viên mãn]. Khi tôi nên làm cho tất cả chúng sinh hạnh phúc bằng cách cho họ mọi thứ đem lại hạnh phúc, khi tôi nên đưa họ đến Niết-bàn sau khi đạt được giác ngộ viên mãn, – tuy nhiên tôi mang ác ý! Tôi không nên mang ác ý ngay cả chống lại những người đã làm tôi phật ý, và tôi phải tránh nỗi cơn giận dữ, và tôi phải tinh tấn theo chiều hướng đó. Ngay cả khi mạng sống của tôi ở trong nguy hiểm tôi cũng không nên nỗi giận, và cũng không nên cau mày.” Đối với một Bồ-tát như thế tôi dạy sự chạy trốn. Đây là thái độ mà một Bồ-tát nên

theo cũng như đối với những người thuộc thừa Thanh văn. Không bao giờ nổi giận với bất cứ chúng sinh nào, đó là thái độ của tâm mà người ta nên theo dõi với tất cả chúng sinh. Rồi một Bồ-tát nên có thái độ như thế nào đối với những người khác thuộc thừa Bồ-tát? Cũng giống như đối với Thầy. Ông ấy nên có thái độ “những Bồ-tát này là những vị thầy của ta.” Chắc chắn, họ đã lên cùng một xe (thừa) như ta, đã lên cùng một đường, có ý định giống như ta, đã lên đường cùng một xe như ta. Chỗ họ nên được huấn luyện, đó là phương pháp ta nên được huấn luyện. Nhưng nếu một vài người trong bọn họ trú ở chỗ trú ô nhiễm [do những ý kiến của Thanh văn và Duyên giác], [423] thì ta không nên làm như thế. Tuy nhiên, nếu họ trú nơi trú không ô nhiễm, nơi những tâm hành kết hợp với nhất thiết trí, thì ta cũng nên tu luyện như họ. Không chướng ngại nào cho giác ngộ viên mãn có thể phát sinh đối với một Bồ-tát tu luyện theo cách này trong nhất thiết trí, và ông ấy nhanh chóng biết giác ngộ viên mãn.

Chương XXV

TU LUYỆN**1. MỘT BỒ-TÁT TU LUYỆN NHƯ THẾ NÀO
TRONG NHẤT THIẾT TRÍ**

Tu-bồ-đề: Một Bồ-tát tu luyện, Ôi Thế Tôn, phải tu luyện ở đâu trong nhất thiết trí?

Thế Tôn: Ông ấy nên tu luyện nơi Tịch diệt, nơi Bất sinh, nơi Bất diệt, nơi Vô sinh, nơi Bất định, nơi Ly cách, nơi Thanh thản, nơi Hư không, nơi pháp giới (the element of dharma) và Niết-bàn.

Tu-bồ-đề: Vì lý do gì mà điều đó qui kết bằng sự tu luyện trong nhất thiết trí?

Thế Tôn: Ý ông thế nào, Tu-bồ-đề, Chân như của Như Lai, mà nó là nguyên nhân chính của Như Lai là Như Lai, cái đó có trở thành tịch diệt không?

Tu-bồ-đề: Dạ không, thưa Thế Tôn. Vì Tịch diệt không thể trở thành tịch diệt, tịch diệt không thể tịch diệt. [425]

Thế Tôn: Chân như của Như Lai, mà nó là nguyên nhân chính của Như Lai, bây giờ nó sinh, hay trụ, hay sinh ra; hay nó hưu hay ngừng hưu; hay nó trở thành ly cách; hay tha thiết hay bình thản; hay nó trở nên như hư không, hay nó trở nên có bản tánh của pháp?

Tu-bồ-đề: Dạ không, thưa Thế Tôn.

Thế Tôn: Rồi Chân như đó có nhập Niết-bàn không?

Tu-bồ-đề: Dạ không, thưa Thế Tôn.

Thế Tôn: Thế thì, Tu-bồ-đề, một Bồ-tát tu luyện mình như thế, ông ấy tu luyện trong [niềm tin quyết rằng] “Như không có tịch diệt.” Khi tu luyện như thế, ông ấy sẽ đạt đến sự hoàn thiện toàn bộ sự tu luyện. Ông ấy không thể bị Ma vương, hay những kẻ hợp tác với Ma vương, hay nhóm của Ma vương nghiền nát. Ông ấy sẽ sớm đạt đến cơ duyên của bất thối chuyển. Ông ấy sẽ sớm ngồi ở bồ-đề đạo tràng. Ông ấy theo đuổi trong tâm mực của riêng mình. [426] Ông ấy tu luyện nơi các pháp biến ông ấy thành một người cứu độ,

trong đại từ, đại bi, đại hỉ, đại xả. Ông ấy tu luyện để chuyển bánh xe pháp với ba cuộc cách mạng và mười hai hình thái. Ông ấy tu luyện như vậy là để cứu độ [số] chúng sinh không ít hơn ông ấy nên cứu độ. Ông ấy tu luyện để đảm bảo không có sự gián đoạn của dòng truyền các Nhu Lai. Ông ấy tu luyện để mở cánh cửa pháp bất tử. Tuy nhiên, một chúng sinh hạ đẳng thì không có khả năng tu luyện cao này. Vì một người yếu đuối không thể tu luyện trong sự luyện này. Bởi vì những người tu luyện trong sự tu luyện này là tinh hoa của tất cả chúng sinh, là những người muốn cứu độ tất cả chúng sinh. Họ muốn đạt đến cảnh giới mà họ được nâng lên cao bên trên tất cả chúng sinh. Một Bồ-tát tu luyện như thế không tái sinh nơi địa ngục, hay nơi súc sinh, hay nơi các cõi ngã qui, hay nơi a-tu-la, hay nơi các khu vực ngoại biên [nơi những dân tộc bán khai], hay nơi các gia đình của những người ngoài lề xã hội hay những người bắn chim, những người thợ săn, những người đánh cá hay những người hàng thịt, hay nơi các gia đình thuộc tầng lớp hạ đẳng khác thuộc loại đó, ở đó người ta nghiên những hành vi hạ đẳng. Ông ấy không trở nên mù, điếc, hay chột mắt; ông ấy không bị tàn tật, không bị gù lưng, không phải là người có bàn tay hay cánh tay teo, không bị khập khiễng, hay què, hay choáng váng, [427] không run rẩy hay rung lắc; từ chi của ông ấy không yếu ớt, cũng không bất toàn hay bất thường: ông ấy không yếu đuối cũng không có màu da hay hình dáng xấu; các căn của ông ấy không thấp kém hay bất toàn mà chúng hoàn hảo trong mọi cách; và ông ấy có giọng nói êm tai. Ông ấy không trở thành người sát sinh, hay lấy của không cho, hay đi sai những ham muốn nhục cảm của mình, hay nói sai, nói ác độc, nói thô lỗ, hay nói lắp bắp không rõ, hay người thèm muốn, hay người chứa chấp ác ý trong lòng, hay người có tà kiến, và ông ấy không kiểm sống theo cách sai lầm. Ông ấy không tái sinh nơi các thần sống lâu, ông ấy không chấp nhận những thực hành đạo đức xấu, không chấp giữ những pháp không thực hữu, và ông ấy không nhận tái sinh qua ảnh hưởng của các thiền định và những chứng đắc [vô tướng] của mình. Vì có sự thiện xảo trong các phương tiện, và được phú bẩm như thế, ông ấy không tái sinh nơi

các thần sống lâu. Nhưng thế nào là thiện xảo trong các phương tiện của một Bồ-tát? Ấy chính là bát-nhã ba-la-mật này. Và ông ấy tự áp dụng sự thiền xảo trong các phương tiện theo cách được phú bẩm, Bồ-tát ấy nhập vào các thiền mà không có tái sinh qua ảnh hưởng của các thiền. [428] Khi tu luyện như thế, một Bồ-tát có được sự hoàn toàn thanh tịnh của các lực, các vô úy, và các pháp bất cộng của một vị Phật. Ông ấy đạt đến tất cả điều đó.

Tu-bồ-đề: Nhưng nếu, Ôi Thế Tôn, như tất cả chúng ta đều biết, tất cả các pháp do bản tánh đều hoàn toàn thanh tịnh, thì nơi pháp gì một Bồ-tát có được và đạt đến tính hoàn toàn thanh tịnh của các lực, các vô úy và các pháp bất cộng?

Thế Tôn: Đúng thế, Tu-bồ-đề. Vì tất cả các pháp do [yếu] tánh [của chúng] thì hoàn toàn thanh tịnh. Khi một Bồ-tát tu luyện trong bát-nhã ba-la-mật không chán nản và không sợ hãi mặc dù tất cả các pháp do bản tánh đều hoàn toàn thanh tịnh, thì đó là bát-nhã ba-la-mật của ông ấy. Nhưng hạng phàm phu ngu ngốc không biết cũng không thấy rằng các pháp này thực sự được kiến tạo như vậy, và họ không biết cũng không thấy chân tánh của các pháp. Nhân danh những người đó, vị Bồ-tát ấy đấu tranh và tận lực tinh tấn như vậy khiến cho những người không biết đó có khả năng biết được, như vậy làm cho những người không thấy đó có thể thấy được. Theo cách tu luyện mà họ tu luyện này, và do đó [trong thế giới hiện tướng] một Bồ-tát đạt đến các lực, các vô úy, và tất cả các pháp bất cộng. Khi tu luyện như thế, các Bồ-tát tuệ tri những ý nghĩ và hành động rộn ràng của những chúng sinh khác, của những người khác như thực. Và họ đi qua bên kia tri kiến về ý nghĩ và hành động của những người khác. [429]

2. SỰ CÓ ÍT BỒ-TÁT

Trên trái đất này, ít có những chỗ không có đá, ít có những điểm tìm được vàng và bạc. Nhiều hơn nhiều là những sa mạc có muối, những sa mạc khô cằn, những chỗ phủ cỏ, hay gai, hay những vực thẳm dốc đứng. Cũng vậy, trong thế giới chúng sinh ít Bồ-tát hiện

hữu tu luyện trong sự tu luyện trong nhất thiết trí này, tức là, trong sự tu luyện trong bát-nhã ba-la-mật. Nhiều hơn nhiều là những người tu luyện trong sự tu luyện có tính cách Thanh văn và Duyên giác. Hơn nữa, này Tu-bồ-đề, trong thế giới chúng sinh ít ai làm những việc làm đưa họ đến uy quyền của một chươn luân vương. Nhiều hơn nhiều là những người làm những việc làm đưa họ đến uy quyền của người chỉ huy một thành trì. Cũng vậy, trong thế giới chúng sinh ít người là những Bồ-tát bước lên con đường bát-nhã ba-la-mật này, và quyết tâm biết giác ngộ viên mãn. Nhiều hơn nhiều là những người bước lên con đường Thanh văn và Duyên giác. Hơn nữa, chỉ một ít làm những việc làm cho phép họ trở thành Thiên đế Thích-đề. Nhiều hơn nhiều là những người mà hành vi của họ đưa họ đến thế giới của các [tiểu] thiên. Cũng vậy, chỉ một ít chúng sinh là Bồ-tát tu luyện trong pháp tu bát-nhã ba-la-mật này. Nhiều hơn nhiều là những Bồ-tát tu luyện trong pháp tu của Thanh văn và Duyên giác. [430] Hơn nữa, chỉ một ít chúng sinh làm những việc làm cho phép họ trở thành Phạm-thiên. Nhiều hơn nhiều là những người mà hành vi của họ đưa họ đến hội chúng Phạm-thiên. Cũng vậy, chỉ một ít chúng sinh là bất thối chuyển đổi với giác ngộ viên mãn. Nhiều hơn nhiều là những Bồ-tát quay đi đổi với giác ngộ viên mãn. Thế thì, Tu-bồ-đề, trong thế giới chúng sinh chỉ một ít chúng sinh hiện hữu đã lên đường vì giác ngộ viên mãn. Ít hơn thế là những người tiến bộ trong Như. Còn ít hơn nữa là những người ít ỏi đó nỗ lực tinh tấn vì bát-nhã ba-la-mật. Còn ít hơn nữa là những Bồ-tát rất, rất ít đó là những người bất thối chuyển đổi với giác ngộ viên mãn. Một Bồ-tát muôn được tính vào số những Bồ-tát bất thối chuyển rất, rất ít đó thế thì nên tu luyện trong chính bát-nhã ba-la-mật này, và nỗ lực vì nó. Hơn nữa, Tu-bồ-đề, không một ý nghĩ khó chịu nào phát sinh với một Bồ-tát tu luyện như thế trong bát-nhã ba-la-mật, cũng không một ý nghĩ nghi ngờ nào, hay một ý nghĩ ganh tị hoặc hèn hạ nào, hay một ý nghĩ phi đạo đức nào, hay một ý nghĩ ác ý nào, hay một ý nghĩ lười biếng nào, hay một ý nghĩ ngu xuẩn nào [phát sinh với ông ấy cả].

3. BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT HIỀU ĐÀY ĐỦ TẤT CẢ CÁC BA-LA-MẬT

Như thế khi một Bồ-tát tu luyện trong bát-nhã ba-la-mật, [431] tất cả các ba-la-mật đều tự động hợp tác, chấp nhận, theo dõi và bao gồm. Cái thấy của cá thể bao gồm tất cả sáu mươi hai cái thấy, và dù như vậy, vì một Bồ-tát tu luyện trong bát-nhã ba-la-mật, tất cả các ba-la-mật bao gồm trong đó. Bao lâu sinh căn của một người tiếp tục, tất cả các căn khác được bao gồm trong đó. Dù như vậy đối với một Bồ-tát tu luyện trong bát-nhã ba-la-mật tất cả các thiện pháp được bao gồm trong ấy. Khi sinh căn của một người dừng lại, tất cả các căn khác cũng dừng lại. Dù vậy, đối với một Bồ-tát tu luyện trong bát-nhã ba-la-mật, tất cả những pháp bát thiền khác dừng lại chỉ khi cái phi tri kiến dừng lại, và tất cả các ba-la-mật khác bao gồm trong đó, tự động nắm lấy.

4. CÔNG ĐỨC TỪ BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

Vì thế, Tu-bồ-đề, một Bồ-tát muốn nắm giữ tất cả các ba-la-mật nên tu luyện trong bát-nhã ba-la-mật. Khi tu luyện trong bát-nhã ba-la-mật, một Bồ-tát tu luyện trong đó là mức độ cao nhất của ba-la-mật khả hữu đối với bất cứ chúng sinh nào. Vì công đức của ông ấy là công đức lớn nhất có thể có được. Này Tu-bồ-đề, nếu ông xem tất cả chúng sinh trong đại thiên thế giới, họ có nhiều không?

Tu-bồ-đề: Chỉ một mình cõi Diêm-phù-đề cũng đã có nhiều chúng sinh, thì trong đại thiên thế giới còn nhiều hơn biết bao?

Thé Tôn: Nếu chỉ là một Bồ-tát duy nhất, trong suốt đời ông ấy, cung cấp cho tất cả chúng sinh y áo, bát đựng của bồ thí, chõ ở, thuốc men dùng cho người bệnh, và tất cả những thứ mang lại hạnh phúc cho họ, – [432] một Bồ-tát như thế có tạo được nhiều công đức nhờ sức mạnh ấy không?

Tu-bồ-đề: Ông ấy có, thưa Thé Tôn.

Thé Tôn: Bồ-tát ấy còn tạo ra một công đức to lớn hơn nhiều dù chỉ phát triển bát-nhã ba-la-mật này trong thời gian một khảy móng

tay. Lợi ích rất to lớn là bát-nhã ba-la-mật của các Bồ-tát, bởi vì bát-nhã ba-la-mật nuôi dưỡng giác ngộ vô thượng. Vì thế, một Bồ-tát nên tu luyện trong bát-nhã ba-la-mật nếu ông ấy muốn biết giác ngộ viên mãn, muốn đến địa vị tối thượng trong tất cả chúng sinh, muốn trở thành người bảo vệ những người không có sự trợ giúp, muốn đến tinh cầu của Phật, muốn thi đua tính trượng phu của Phật, muốn chơi thể thao với môn thể thao của Phật, muốn rồng tiếng sư tử rồng của Phật, muốn đạt sự thành tựu của một vị Phật, và muốn giải thích pháp trong đại thiên thế giới. Khi một Bồ-tát tu luyện trong bát-nhã ba-la-mật, tôi không thấy sự thành tựu mà trong đó ông ấy không tu luyện.

5. BỒ-TÁT VÀ THANH VĂN

Tu-bồ-dề: Rồi một Bồ-tát cũng tu luyện trong sự thành tựu của của một Thanh văn ư?

Thé Tôn: Ông ấy cũng tu luyện trong đó. Nhưng ông ấy không tu luyện với ý định luôn luôn tiếp tục với sự thành tựu của một Thanh văn, hay với ý niệm làm nó theo bất cứ cách nào của riêng mình. [433] Ông ấy không tu luyện như thế. Ông ấy cũng biết các phẩm tính của Thanh văn, nhưng không trụ trong đó. Ông ấy đồng hóa chúng, không chống đối chúng. Ông ấy tu luyện với ý định mình nên chứng minh và cũng tiết lộ những đức hạnh của Thanh văn. Khi tu luyện như thế, một Bồ-tát đi đến cơ duyên mà ông ấy xứng đáng nhận phẩm vật cúng dường từ thế giới chư thiên, nhân và a-tu-la. Ông ấy vượt qua tất cả những người khác xứng đáng với các phẩm vật cúng dường, kết hợp với các Thanh văn và Duyên giác. Và nhất thiết trí sẽ ở gần ông ấy. Khi tu luyện như thế, một Bồ-tát không tách rời với bát-nhã ba-la-mật, nhưng ông ấy theo đuổi trong đó, không thiếu chỗ trụ trong bát-nhã ba-la-mật. Khi ông ấy theo đuổi như thế, nên biết ông ấy “không thất bại, nhất định không thất bại” về nhất thiết trí, và ông tránh xa mức độ của một Thanh văn hay Duyên giác. Ông ấy ở gần giác ngộ viên mãn. Tuy nhiên, nếu ông ấy chợt thấy rằng “đây là bát-nhã ba-la-mật mang

đến nhất thiết trí này,” – thì một người có ý kiến như thế không theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật. Trái lại, ông ấy không có ý kiến nào cả dù là về bát-nhã ba-la-mật, ông ấy không nhận thức hay xét lại rằng “đây là bát-nhã ba-la-mật,” hay “cái của ông ấy là bát-nhã ba-la-mật,” hoặc “nó sẽ nuôi dưỡng nhất thiết trí.” Nếu theo đuổi như thế, ông ấy là một Bồ-tát theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật.

Chương XXVI

NHƯ HUYỄN

1. THÍCH-ĐỀ TÁN THÁN CÁC BỒ-TÁT

Ngay lúc ấy, Thiên đế Thích-đề, liền nghĩ: Một Bồ-tát, dù cho ông ấy chỉ theo đuổi đến độ đó, vượt qua tất cả; vậy khi ông ấy biết được giác ngộ viên mãn thì còn nhiều hơn biết bao nhiêu! Một cái được lớn tích lũy cho những chúng sinh đó, họ sống cuộc sống tốt khi ý niệm của họ sải bước trong nhất thiết trí; khi họ phát tâm đến giác ngộ viên mãn còn nhiều hơn thế biết bao! Những chúng sinh đó bị ganh tị là, họ là tinh hoa của tất cả chúng sinh, sẽ biết giác ngộ viên mãn!

Ngay lúc ấy, Thiên đế *Thích-đề*, triệu gọi hoa Mạn-đà-la (Mandarava), cung kính chào hoa, rải hoa lên đức Nhu Lai, và nói: Nguyện cho những người thuộc thừa Bồ-tát đó, và đã phát tâm đến giác ngộ viên mãn, tiếp tục quyết tâm biết giác ngộ viên mãn, và sau đó, chuyển tất cả những chúng sinh sinh ra do cơn lụt lớn sinh tử đến bờ kia êm đềm! Nguyện cho ý niệm giác ngộ đó mà họ đã ước mong, suy nghĩ kỹ và nắm giữ, đưa đến sự hoàn thành nơi họ các pháp của một vị Phật, các pháp kết hợp với nhất thiết trí, các pháp của Tự hữu, các pháp vô thượng! Tôi không có chút hoài nghi dù nhỏ bé nhất rằng các Bồ-tát ấy, được phú bẩm tâm đại bi, có thể bỏ giác ngộ viên mãn mà đi [435] hay những người thuộc thừa Bồ-tát và đã lên đường vì giác ngộ viên mãn có thể bỏ nó mà đi. Trái lại, tôi chắc chắn rằng quyết tâm đạt giác ngộ viên mãn sẽ tăng ngày càng nhiều hơn nơi họ, vì họ giám sát những cái ác làm khổ chúng sinh trên bình diện sinh tử. Vì nhờ tâm đại bi họ muốn phúc lợi của thế gian với chư thiên, nhân, và a-tu-la của nó, đầy thương xót vì nó, họ được phú bẩm thái độ này của tâm, trụ trong thái độ này của tâm mà nó biểu hiện trong quyết tâm của họ “chúng ta đã vượt qua, chúng ta sẽ trợ giúp chúng sinh vượt qua! Đã tự do chúng ta sẽ làm họ tự do! Đã phục hồi chúng ta sẽ giúp họ phục hồi! Đã

đến Niết-bàn chúng ta sẽ đưa họ đến Niết-bàn!

2. NIỀM HÂN HOAN, SỰ CHUYỂN VÀ CÔNG ĐỨC

Người con trai hay người con gái của gia đình thiện lương hoan hỉ vì sự phát tâm của những Bồ-tát vừa bắt đầu lên đường trên chiếc xe ấy, cũng như sự phát tâm của những người tiến bộ trên sự theo đuổi, cũng như vì bản tính bất thối chuyển của những người phải chịu sinh chỉ một lần nữa, – đến độ nào thì công đức của họ là công đức thượng đẳng?

Thέ Tôn: Kiều-thi-ca, người ta có thể có khả năng nắm được kích thước của núi Tu-di, vua của các núi, hay của một thiên thể giới, cho đến đại thiên thể giới, với sự trợ giúp của đầu một cọng rơm, nhưng người ta không thể nắm được số đo công đức đến với người con trai hay người con gái của gia đình thiện lương, hay đến với một Bồ-tát, từ sự phát tâm được kết nối với niềm hân hoan đó. [436]

Thích-đェ: Bị Ma vương bủa vây là những chúng sinh không đến nghe công đức vô lượng này của niềm hân hoan đó phủ qua sự nghiệp của Bồ-tát mà nó bắt đầu với sự phát tâm bồ-đề đầu tiên và kết thúc với giác ngộ viên mãn – không biết nó, không thấy nó, không mang niềm hân hoan đó đến tâm. Chúng là bè đảng của Ma vương, chết trong các cõi của Ma vương. Vì những người đó đã mang đến tâm những ý nghĩ đó, đã chuyển chúng thành giác ngộ vô thượng, đã hoan hỉ vì chúng, họ đã làm như thế để phá tan thế giới Ma vương. Người ta nên, Ôi Thé Tôn, hoan hỉ vì các giai đoạn khác biệt của tâm mà các Bồ-tát vươn lên đạt đến giác ngộ. [437] Những người con trai và con gái của gia đình thiện lương không bỏ rơi Như Lai, Pháp, và Tăng-già, họ nên hoan hỉ trong các địa của tâm bồ-đề!

Thέ Tôn: Đúng vậy, Kiều-thi-ca. Và người con trai hay người con gái của gia đình thiện lương đó đã hoan hỉ trong các địa của tâm bồ-đề, họ sẽ, – dù cho họ thuộc thừa Bồ-tát hay thừa Duyên

giác, hay thừa Thanh văn— sóm làm hài lòng các Nhu Lai, và không phải không làm hài lòng các ngài.

Thích-đè: Đúng vậy, Ôi Thé Tôn. Vì thế, họ có thể tái sinh ở bất cứ nơi nào như kết quả của thiện căn [họ đã trồng] khi lòng họ đầy hân hoan, ở đó họ sẽ được đối xử với sự kính trọng, kính ngưỡng, tôn thờ và sùng mộ. Họ sẽ không bao giờ thấy bất cứ cảnh vật không thích thú nào, không nghe bất cứ âm thanh không thích thú nào, không ngửi một mùi không thích thú nào, không nếm một vị không thích thú nào, [438] cũng không tiếp xúc một vật không thích thú nào. Người ta phải mong họ được tái sinh nơi các cõi trời, và không tái sinh ở những nơi buồn khổ. Vì họ đã hoan hỉ nơi thiện căn của vô số chúng sinh, những thiện căn mang lại hạnh phúc cho tất cả chúng sinh. Những ý nghĩ về niềm hân hoan của những người sau khi đã tạo ra sự thúc giục hướng về giác ngộ, họ hoan hỉ qua các địa kế tiếp của tâm bồ-đề nơi những người thuộc thừa Bồ-tát, khi phát triển, họ sẽ trở thành những người nuôi dưỡng giác ngộ viên mãn. Sau khi đạt được giác ngộ viên mãn, họ cũng sẽ dẫn độ vô số chúng sinh đến Niết-bàn.

Thé Tôn: Đúng vậy, Kiều-thi-ca, như ông đã nói, nhờ thần lực của Nhu Lai. Thiện căn của vô số chúng sinh được hoan hỉ, trồng, và thành tựu như là nghiệp quả của người con trai hay người con gái của gia đình thiện lương hoan hỉ qua các địa kế tiếp của tâm bồ-đề nơi những người thuộc thừa Bồ-tát.

3. BẢN TÁNH CỦA HƯ HUYỄN

Tu-bồ-đè: Nhưng làm sao một cái tâm mà nó là như huyền có thể biết được giác ngộ viên mãn?

Thé Tôn: Nay Tu-bồ-đè, như vậy ông thấy cái tâm như huyền ấy là một thực thể có thực tách rời phải không?

Tu-bồ-đè: Dạ không, thừa Thé Tôn.

Thé Tôn: Ông có thấy huyền như là một thực thể có thực tách rời không?

Tu-bồ-đè: Dạ không, thừa Thé Tôn. [439]

Thé Tôn: Khi ông không thấy huyền cũng không thấy tâm như huyền là một thực thể tách rời, thì có lẽ ông thấy pháp mà nó biết giác ngộ viên mãn là một cái gì khác hơn huyền hay như một cái gì khác hơn tâm mà nó như là huyền phải không?

Tu-bồ-đề: Dạ không, thưa Thé Tôn, con không thấy. Vì thế, với pháp gì con có thể chỉ ra và nói rằng “nó có” hay “nó không có”? Nhưng một pháp mà nó tuyệt đối ly cách, người ta không thể qui cho “nó có” hay “nó không có.” Cũng vậy, một pháp tuyệt đối ly cách không biết giác ngộ viên mãn. Vậy thì, Ôi Thé Tôn, bát-nhã ba-la-mật thì tuyệt đối ly cách. Nhưng một pháp tuyệt đối ly cách, đó không phải là một pháp nên được phát triển, nó cũng không đem lại hay loại bỏ bất cứ pháp nào. Vậy thì làm sao một Bồ-tát có thể, bằng cách phải dùng đến một bát-nhã ba-la-mật tuyệt đối ly cách, mới biết được giác ngộ viên mãn? Ngay cả giác ngộ viên mãn cũng là tuyệt đối ly cách. [440] Ôi Thé Tôn, nếu bát-nhã ba-la-mật tuyệt đối ly cách, và nếu giác ngộ viên mãn tuyệt đối ly cách, làm sao cái ly cách có thể trở thành biết được qua cái ly cách?

Thé Tôn: Đúng vậy, Tu-bồ-đề. Chính vì bát-nhã ba-la-mật tuyệt đối ly cách mà giác ngộ viên mãn tuyệt đối ly cách [được bát-nhã ba-la-mật biết]. Nhưng nếu một Bồ-tát lập thành quan niệm rằng “bát-nhã ba-la-mật tuyệt đối ly cách,” thì đó không phải là bát-nhã ba-la-mật. Như thế chắc chắn rằng nhờ bát-nhã ba-la-mật mà một Bồ-tát biết được giác ngộ viên mãn, và ông ấy không thể biết nó mà không dùng bát-nhã ba-la-mật. Cái ly cách không thể biết cái ly cách, tuy nhiên, một Bồ-tát biết giác ngộ viên mãn, và ông ấy không biết nó, không dùng bát-nhã ba-la-mật.

Tu-bồ-đề: Như con hiểu nghĩa lời dạy của Thé Tôn, một Bồ-tát theo đuổi nơi một đối tượng thâm sâu theo cách này.

Thé Tôn: Người làm việc khó là vị Bồ-tát theo đuổi nơi một đối tượng thâm sâu, và chưa nhận ra đối tượng đó [hay: được], tức là, ở mức độ Thanh văn hay Duyên giác.

Tu-bồ-đề: Như con hiểu nghĩa lời dạy của Thé Tôn, theo cách này không một Bồ-tát nào là người làm việc khó. [441] Vì chính pháp ấy không đạt được cái có thể nhận ra cũng không đạt được cái

có thể bị nhận ra, cũng không phải bằng phương tiện cái mà người ta có thể nhận ra. Nếu khi được dạy cho điều này, một Bồ-tát không nản lòng, không trở nên sợ hay lãnh đạm, không quay lưng lại, và vẫn không sợ, thì ông ấy theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật. Nếu ông ấy không xem nó như là sự thật có thực rằng ông ấy ở gần giác ngộ viên mãn, thì ông ấy theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật. Nếu không xảy ra việc ông ấy xa lánh mức độ Thanh văn và Duyên giác, thì ông ấy theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật. Hu không không có việc “tôi ở gần cái này, hay tôi ở xa cái kia.” Vì hu không không tạo ra những phân biệt như thế. Cũng vậy, không có việc một Bồ-tát theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật mà rằng “giác ngộ viên mãn ở gần tôi, mức độ Thanh văn và Duyên giác ở xa tôi.” Vì bát-nhã ba-la-mật không tạo ra bất cứ phân biệt nào. Với một người do ảo thuật tạo ra thì không có chuyện “người triệu gọi thì ở gần tôi, nhưng đám đông người xem tụ hội thì ở xa tôi.” Vì người huyền không tạo ra những phân biệt như thế. [442] Với ảnh phản chiếu của một vật trong gương hay trong nước thì không có chuyện “vật cho ảnh phản chiếu thì ở gần tôi, nhưng những người đến với gương hay bát nước thì ở xa tôi.” Vì ảnh phản chiếu của một vật không tạo ra sự phân biệt nào cả. Cũng như một Nhu Lai, bởi vì ngài đã bỏ tất cả những tạo tác và phân biệt, không thấy có thân mến hay không thân mến. Cũng vậy là một Bồ-tát theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật, vì không có sự phân biệt nào về phần của bát-nhã ba-la-mật. Cũng như Nhu Lai là người đã bỏ tất cả những tạo tác và phân biệt, bát-nhã ba-la-mật cũng đã bỏ tất cả tạo tác và phân biệt. Với một sinh vật tưởng tượng đã được Nhu Lai dùng huyền thuật gọi lên không có việc “mức độ Thanh văn và Duyên giác thì ở xa tôi, giác ngộ viên mãn thì ở gần tôi.” Vì sinh vật tưởng tượng đó không tạo ra bất cứ sự phân biệt nào. Cũng thế một Bồ-tát theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật không nghĩ rằng “mức độ Thanh văn và Duyên giác thì ở xa tôi, giác ngộ viên mãn thì ở gần tôi.” Và một cách đơn giản bởi vì về phần của bát-nhã ba-la-mật hoàn toàn không có sự phân biệt. [443] Một sinh vật tưởng tượng [do Nhu Lai gọi lên] làm một việc nào đó [cải hóa chúng sinh], thực hiện việc làm đó mà vẫn

không có phân biệt. Chỉ vì nó được kiến tạo như vậy nó hoàn toàn thiếu sự phân biệt. Cũng vậy, một Bồ-tát thực hiện việc làm ấy vì ông ấy phát triển bát-nhã ba-la-mật, nhưng bát-nhã ba-la-mật vẫn hoàn toàn không có sự phân biệt. Một người thợ làm đá hay một người tập sự làm đá, có thể làm một người đàn ông hay đàn bà tự động bằng gỗ, một con bù nhìn có thể điều động bằng cách kéo các sợi dây. Bất cứ hành động nào được tạo ra để thực hiện, hành động ấy sẽ được thực hiện. Song người gỗ ấy không có sự phân biệt nào cả. Bởi vì nó được kiến tạo như vậy nó không có sự phân biệt. Cũng vậy, một Bồ-tát thực hiện việc làm ấy vì ông ấy phát triển bát-nhã ba-la-mật, nhưng bát-nhã ba-la-mật vẫn không có sự phân biệt. Bởi vì bát-nhã ba-la-mật đó được cấu tạo như vậy nó trọn không có tất cả những phân biệt.

Chương XXVII

CỐT LÕI

1. SỰ CAN ĐÁM CỦA BỒ-TÁT TRONG KHÓ KHĂN

Xá-lợi-phát: Trong cốt lõi và bản chất của các pháp một Bồ-tát theo đuổi đích thực là theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật!

Tu-bồ-dề: Nơi một cái gì không bản chất một Bồ-tát theo đuổi đích thực là theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật.

Vì thế điều này xảy ra với nhiều ngàn chư thiên của cõi dục: Kính lễ với những người phát tâm, và những người hoàn thành tâm niệm của họ trong giác ngộ viên mãn, những người theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật thâm sâu này, và những người, khi theo đuổi như thế, họ không nhận ra biên tế của thực tại, dù ở mức độ của một Thanh văn hay của một Duyên giác. Bằng cách này cũng nên biết các Bồ-tát là những người làm việc khó làm, khi họ theo đuổi trong chân tánh của pháp, nhưng không ý thức nó.

Tu-bồ-dề đọc được ý nghĩ của họ, và nói với họ: Không phải điều đó khó đối với các Bồ-tát mà họ không nhận ra biên tế của thực tại. Tuy nhiên, điều này khó cho họ, đây là điều khó nhất đối với họ, [445] là họ mặc chiếc áo giáp quyết tâm để dẫn độ vô số chúng sinh đến Niết-bàn, khi những chúng sinh đó tuyệt đối không hiện hữu. Và vì không hiện hữu, họ bất khả đắc. Vì tính ly cách, những chúng sinh đó nên được rèn luyện làm như thế tuyệt đối không hiện hữu. Trong tinh thần này, các Bồ-tát đã lên đường vì giác ngộ viên mãn, và quyết định rèn luyện chúng sinh. Người ta sẽ quyết định rèn luyện hư không nếu người ta quyết định rèn luyện chúng sinh. Vì nên biết tính ly cách của chúng sinh giống kiểu tính ly cách của hư không. Theo cách này, các Bồ-tát cũng là những người làm việc khó, khi họ mặc chiếc áo giáp vì chúng sinh không hiện hữu, bất khả đắc. Người ta sẽ quyết định chiến đấu với hư không nếu người ta quyết định mặc chiếc áo giáp vì chúng sinh.

Song chiếc áo giáp này đã được các Bồ-tát mặc vì chúng sinh. Nhưng sự không nhận biết chúng sinh đó, trong thực tại tuyệt đối [và tối hậu], đã được Như Lai dạy. Và sự không nhận biết chúng sinh này có thể suy ra từ tính ly cách của họ, và từ tính ly cách của những chúng sinh nên được rèn luyện đó nên suy ra tính ly cách của một Bồ-tát (Bodhi-being). Nếu một Bồ-tát, khi được dạy cho điều này, không chán nản, thì nên biết rằng ngài ấy theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật. Vì tính ly cách của chúng sinh nên biết tính ly cách của sắc, v.v..., và của tất cả các pháp. [446] Như thế nên thấy tính ly cách của tất cả các pháp. Khi được dạy tính ly cách của tất cả các pháp như thế, một Bồ-tát không nản lòng, và vì vậy ngài ấy theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật.

Thé Tôn: Vì lý do gì một Bồ-tát không nản lòng khi được dạy tính ly cách của tất cả các pháp như thế?

Tu-bồ-đè: Bởi vì tính ly cách, không một pháp nào từng có thể nản lòng. Vì người ta không thể có được bất cứ pháp nào nản lòng cũng không có được bất cứ pháp làm cho một pháp nản lòng.

Thé Tôn: Đúng vậy, Tu-bồ-đè. Hoàn toàn chắc chắn rằng một Bồ-tát theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật, khi người ta dạy, chứng minh, xiển dương và chỉ ra điều này thì ông ấy không nản lòng, không thất vọng hay phiền não, không trở nên sợ hãi hay lãnh đậm, không hướng tâm mình đi chỗ khác, không kiệt quệ, và vẫn không sợ.

2. VỊ BỒ-TÁT ĐƯỢC CHƯ THIÊN BẢO HỘ, VÀ CHỐNG LẠI MA VƯƠNG

Tu-bồ-đè: Đúng vậy. Nếu một Bồ-tát theo đuổi như thế, thì ngài ấy theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật. Và chư thiên quanh Thích-đè, quanh Phạm-thiên, quanh Ba-xà-ba-đè,⁷⁴ quanh thần Ishna,⁷⁵ và các đám đông đàn ông và đàn bà quanh các bậc Th้าu thi⁷⁶ sẽ từ

⁷⁴ Phạn: *Prajapati: Sanh chủ.*

⁷⁵ Tức thần *Shiva*.

⁷⁶ Phạn: *Rishi*.

đang xa chắp tay lại kính lẽ một Bồ-tát theo đuổi như thế. [447]

Thế Tôn: Và không những chỉ họ mà còn tất cả các thiên khác cho đến các thiên của Trời Sắc Cứu cánh⁷⁷, sẽ kính lẽ ông ấy. Và với mắt Phật, các Như Lai hiện tại trụ ở vô số thiên thế giới nhìn thấy vị Bồ-tát theo đuổi như thế trong bát-nhã ba-la-mật, các ngài hộ trì ông ấy và đưa ông ấy đến tâm. Hoàn toàn chắc chắn, này Tubbô-đề, rằng các Bồ-tát theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật, được các Như Lai hộ trì và đưa vào tâm, nên được mang trong tâm như là bất thối chuyển đổi với giác ngộ viên mãn. Không một chướng ngại nào do Ma vương hay bất cứ ai khác dựng lên mà có thể ngăn họ lại. Dù cho tất cả chúng sinh trong đại thiên thế giới trở thành những Ác Ma, và nếu mỗi một người trong bọn họ triệu gọi nhiều đoàn quân ma quỷ, [448], thì ngay cả toàn bộ bọn họ cũng không có sức mạnh cản đường ông ấy đi đến giác ngộ viên mãn mà Bồ-tát ấy được các Phật đưa vào tâm, và ông ấy theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật. Và điều đó vẫn đúng dù cho tất cả chúng sinh trong tất cả vô số đại thiên thế giới trở thành những Ác Ma, và nếu mỗi một người trong bọ họ triệu gọi nhiều đoàn quân ma quỷ. Được ban cho hai thần hộ pháp, một Bồ-tát chống lại tất cả những cuộc tấn công từ Ma vương, hay các nhóm của y: Ông ấy không bỏ rơi bất cứ một chúng sinh nào, và ông ấy giám thị tất cả các pháp từ tánh không. Hai pháp khác có cùng hiệu quả: Ông ấy làm như ông ấy nói, và ông ấy được các Phật, các Thế Tôn đưa vào tâm. Khi một Bồ-tát theo đuổi như thế, chư thiên cũng sẽ quyết định đứng lên với ông ấy. Họ sẽ quyết định hỏi những câu hỏi và những câu phản vấn, [449] để tôn vinh ông ấy, và làm mạnh thêm quyết tâm của ông ấy bằng cách nói với ông ấy: “Này người con trai của gia đình thiện lương, anh sẽ sớm biết giác ngộ viên mãn! Vì thế hãy tiếp tục trụ nơi chỗ trụ của bát-nhã ba-la-mật! Vì nhờ thế anh sẽ trở thành người cứu độ của những người không có sự trợ giúp, người bảo vệ của những người không có sự bảo vệ, nơi nương náu của những người không có nơi nương náu, chỗ nghỉ ngơi của những người không có chỗ nghỉ ngơi, sự voi bót cuối cùng của những người không có nó,

⁷⁷ Phạn: Akanishta.

hòn đảo cho những người không có hòn đảo, tia sáng cho những người mù, chỗ lai vãng cho những người không có nơi lai vãng, anh sẽ chỉ đường cho những người lạc lối, và anh sẽ trở thành sự hộ trợ cho những người không có sự hộ trợ.”

3. CÁC PHẬT TÁN THÁN BỒ-TÁT ÁY

Vì các Phật và các Thế Tôn, trụ nơi vô số thiên thế giới, có hội chúng tỳ-kheo vây quanh, có số đông Bồ-tát theo dự, các ngài chứng minh pháp, sẽ tuyên bố danh hiệu, bộ tộc, sức lực, ngoại diện và sắc tướng của một Bồ-tát theo đuổi và trụ trong bát-nhã ba-la-mật, và được phú bẩm các đức hạnh du hí trong bát-nhã ba-la-mật. Và khi chứng minh pháp, các ngài sẽ hoan hỉ vì Bồ-tát áy, tuyên bố danh hiệu, bộ tộc, sức lực, màu sắc và hình tướng của ông áy. Ngay đây và bây giờ tôi sẽ chứng minh pháp, và tôi sẽ công bố danh hiệu, v.v..., của Bồ-tát Ratnaketu và của Bồ-tát Sikkhin. [450] Tôi hoan hỉ vì họ và cũng vì các Bồ-tát khác ngay bây giờ sống phạm hạnh với Như Lai A-súc. Tương tự, các Phật ở các Phật địa khác cũng tuyên bố danh hiệu, v.v..., của những Bồ-tát đó ngay bây giờ sống phạm hạnh ở đây trong Phật địa của tôi, và trụ nơi chỗ trụ của bát-nhã ba-la-mật. Và các ngài áy hoan hỉ vì họ.

Tu-bồ-đề: Các Phật có tôn vinh tất cả các Bồ-tát theo cách như thế không?

Thế Tôn: Không, Tu-bồ-đề. Chỉ những người bất thối chuyển và hoàn toàn không chấp giữ.

Tu-bồ-đề: Ngoài các Bồ-tát bất thối chuyển, có những Bồ-tát nào khác được các Phật tôn vinh theo cách như thế không?

Thế Tôn: Có. Họ là những người thuộc thừa Bồ-tát, mạnh mẽ trong sự phản kháng kẻ địch. Họ ngay bây giờ cam kết học cách theo đuổi của Bồ-tát dưới Như Lai A-súc, và Bồ-tát Ratnaketu, theo đuổi ở đó trong cuộc hành hương của một Bồ-tát, và trụ cam kết học nó.Thêm vào, những Bồ-tát theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật, và tin quyết rằng “tất cả các pháp bất sinh,” tuy nhiên cho đến bây giờ không nhất định có được hạnh vô sinh pháp nhẫn; cũng như

những người tin quyết rằng “tất cả các pháp tịch tĩnh,” tuy nhiên không có nhập vào sự chứng đắc địa bất thối chuyền đổi với tất cả các pháp; những Bồ-tát trụ trong chỗ trụ này được các Phật tôn vinh theo cách trên. [452] Nhưng các Bồ-tát mà các Phật công bố danh hiệu, v.v..., và hoan hỉ vì họ, phải bỏ cấp bậc Thanh văn và Duyên giác. Và người ta phải mong họ ở vào mức độ của Phật. Và họ sẽ được thọ ký giác ngộ viên mãn. Vì những Bồ-tát mà các Phật công bố danh hiệu, v.v..., và hoan hỉ vì họ, họ cũng sẽ trụ trong bất thối chuyền.

4. GIÁC NGỘ VÀ CHÂN NHỰC

Hơn nữa, này Tu-bồ-đề, các Bồ-tát sẽ trụ trong bất thối chuyền nếu khi nghe dạy bát-nhã ba-la-mật thâm sâu này, họ tin quyết nó, không mờ昧, không do dự hay nghi ngờ; nếu trong niềm tin quyết rằng “đúng vậy, như Như Lai đã dạy” họ tiếp tục lắng nghe nó một cách rất chi tiết; và nếu họ lập tâm rằng họ sẽ còn muôn lắng nghe một cách chi tiết hơn nữa bát-nhã ba-la-mật này trong sự hiện diện của Như Lai A-súc; và nếu họ sẽ tin quyết khi họ lắng nghe đúng bát-nhã ba-la-mật này trong sự hiện diện của những người thuộc thừa Bồ-tát trong Phật địa của ngài ấy sống cuộc sống phạm hạnh. [453] Như thế tôi dạy rằng chỉ nghe bát-nhã ba-la-mật [là] đạt được nhiều. Những người tin quyết vào nó, sau đó, nhận lấy một vị trí trong mối liên hệ với Chân như và tiến đến Chân như, sau đó trụ vững trong Chân như, trụ vững trong Chân như và trong nhất thiết trí, sẽ chứng minh pháp.

Tu-bồ-đề: Ôi Thế Tôn, nếu người ta không thể có được bất cứ một pháp khác nào, khác với Chân như, thì pháp trụ vững trong Chân như, hay sẽ biết giác ngộ viên mãn, hay sẽ chứng minh pháp này, là gì?

Thế Tôn: Người ta không thể có được bất cứ một pháp khác nào, khác với Chân như, mà nó sẽ trụ vững trong Chân như. Chính Chân như, bắt đầu không nhận biết được, còn ít hơn biết bao là ông ấy sẽ trụ vững trong Chân như. Chân như không biết giác ngộ viên mãn,

và không một pháp khả đắc nào biết giác ngộ viên mãn, nó sẽ làm như vậy, hay nó làm như vậy. Chân như không chứng minh pháp, và pháp bất khả đắc đó sẽ được chứng minh. [454]

5. KHÔNG VÀ CHỖ TRỤ TRONG BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

Thích-đè: Thâm sâu, Ôi Thế Tôn, là bát-nhã ba-la-mật. Những người làm việc khó là những Bồ-tát muốn biết giác ngộ viên mãn. Vì quả thật không một pháp trụ trong Chân như, không một pháp biết giác ngộ viên mãn, không một người chứng minh pháp. Song việc đó không làm họ sợ, không làm họ do dự, cũng không làm họ mờ昧.

Tu-bồ-đè: Này Kiều-thi-ca, ngài nói rằng “những người làm việc khó là những Bồ-tát, khi được dạy cho những pháp thâm sâu như các pháp này, không cảm thấy do dự hay mờ昧.” Nhưng tất cả những pháp trống rỗng ở đâu mà ai ở đó có thể cảm thấy do dự hay mờ昧?

Thích-đè: Dù cho ngài Tu-bồ-đè thánh thiện có thể xiển dương bất cứ điều gì, mà điều ngài ấy xiển dương có liên hệ đến không, ngài ấy không bị kẹt ở bất cứ chỗ nào. Sự chứng minh pháp của ngài Tu-bồ-đè thánh thiện không bị kẹt bất cứ chỗ nào, không khác hơn mũi tên bắn vào không khí. Thì có lẽ, Ôi Thế Tôn, tôi, nếu tôi quan sát Trưởng lão Tu-bồ-đè, khi ngài ấy dạy và xiển dương như thế, có thể trở thành một người thuyết giảng đúng đạo lý của Như Lai, một người thuyết giảng Pháp, và một người cũng tuyên bố hậu quả hợp lý của pháp.

Thế Tôn: Đúng vậy, Kiều-thi-ca. Khi ông dạy và xiển dương như ông ấy làm thì ông trở thành một người thuyết giảng đúng đạo lý của Như Lai, một người thuyết giảng pháp, và một người cũng tuyên bố hậu quả hợp lý của pháp. Vì bất cứ điều gì [455] Trưởng lão Tu-bồ-đè làm rõ ràng, ông ấy làm nó rõ ràng bằng cách liên hệ với không. Bởi vì Trưởng lão Tu-bồ-đè, bắt đầu còn không xem lại hay nhận biết bát-nhã ba-la-mật, việc ông ấy theo đuổi trong bát-

nhã ba-la-mật thì còn ít hơn biết bao. Ngay cả giác ngộ, bắt đầu ông ấy còn không đạt được, việc ông ấy sẽ biết giác ngộ viên mãn thì còn ít hơn biết bao. Ngay cả nhất thiết trí ông ấy còn không đạt được, việc ông ấy sẽ đạt đến nhất thiết trí thì còn ít hơn biết bao. Ngay cả Chân như ông ấy còn không đạt được, việc ông ấy sẽ trở thành một Nhu Lai thì còn ít hơn biết bao. Ngay cả bất sinh ông ấy còn không đạt được, việc ông ấy sẽ giác ngộ viên mãn thì còn ít hơn biết bao. Ngay cả các lực ông ấy còn không đạt được, việc ông ấy sẽ sở hữu các lực thì còn ít hơn biết bao. Ngay cả các lý do tự tin không sợ hãi [vô úy] ông ấy còn không xem lại, việc ông ấy sẽ tự tin không sợ hãi thì còn ít hơn biết bao. Ngay cả pháp ấy ông ấy còn không đạt được, việc ông ấy sẽ chứng minh pháp thì còn ít hơn biết bao. Vì Trưởng lão Tu-bồ-đề trụ trong chỗ trụ của tính ly cách của tất cả các pháp, trong chỗ trụ của tính không có cái căn bản của tất cả các pháp. Và hoàn toàn chắc chắn rằng chỗ trụ này trong tính ly cách và tính không có cái căn bản của tất cả các pháp, về phần Trưởng lão Tu-bồ-đề, thì có giá trị vô cùng nhỏ so với chỗ trụ của một Bồ-tát theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật và trụ ở đó. Bởi vì, ngoại trừ chỗ trụ của một Nhu Lai, chỗ trụ này của một Bồ-tát theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật, trụ trong đó, vượt qua tất cả những chỗ trụ khác. [456] Chỗ trụ này đã được miêu tả như là tiên tiến nhất trong tất cả các chỗ trụ, là tốt nhất, chọn lựa nhất, tuyệt vời nhất, cao cả nhất, tối thượng, vô thượng, không có gì bằng, không thể so sánh. Nó vượt qua những chỗ trụ của tất cả Thanh văn và Duyên giác. Vì thế lúc ấy, này Kiều-thi-ca, người con trai hay người con gái của gia đình thiện lương muốn đến cảnh giới tốt nhất, cảnh giới lựa chọn nhất, cảnh giới thù thắng nhất, cảnh giới cao cả nhất, cảnh giới không gì bằng, – họ nên trụ chỗ trụ này của các Bồ-tát theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật trụ trong đó.

Chương XXVIII

AVAKIRNAKUSUMA**1. SỰ THỌ KÝ CỦA AVAKIRNAKUSUMA**

Vì thế, vào lúc ấy, một trong các thiên của Trời Ba mươi ba, cầm hoa Mạn-đà-la,⁷⁸ những hoa Mạn-đà-la trang nghiêm, đến chỗ Thé Tôn. Và đúng vào lúc đó, sáu ngàn tỳ-kheo đã tụ tập và ngồi trong hội chúng. Họ từ chỗ ngồi đứng lên, đặt y trên của họ lên một vai, đặt đầu gối phải trên đất, và lễ chào Thé Tôn với hai bàn tay xếp lại. Do thần lực của Phật, tay họ đầy hoa Mạn-đà-la, những hoa Mạn-đà-la trang nghiêm. Họ rắc hoa lên Thé Tôn và nói: “Chúng con, Ôi Thé Tôn, sẽ theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật này! Chúng con, Ôi Thé Tôn, sẽ trụ trong chỗ trụ vô thượng của bát-nhã ba-la-mật!” Vì thế, do cơ duyên đó, Thé Tôn mỉm cười. Nhưng như thế là bản tính của các Phật và các Thé Tôn, khi các ngài thị hiện mỉm cười [trong một hội chúng Bồ-tát], thì hào quang nhiều màu phát ra từ miệng Thé Tôn, – hào quang xanh, vàng, đỏ, trắng, đỏ thẫm, trong suốt, màu bạc nhẹ và vàng kim. Những hào quang này chiếu vô tận vô biên các thiên thế giới với sự huy hoàng, lên cao đến thế giới của Phạm-thiên, lại từ đó quay về đến Thé Tôn, chuyển ba vòng quanh Thé Tôn, và rồi lại biến vào nơi đầu của Thé Tôn. [458] Vì thế, tôn giả *A-nan-đa* từ chỗ ngồi đứng dậy, đặt y trên qua một vai, đặt đầu gối phải trên đất, đưa hai bàn tay xếp lại hướng về Thé Tôn và nói: Không phải không có duyên cớ mà các Như Lai thị hiện mỉm cười. Duyên có gì mà ngài mỉm cười, Ôi Thé Tôn?

Thé Tôn: Sáu ngàn tỳ-kheo đó, A-nan-đa, vào một thời kỳ vị lai, trong kiếp Như Sao Trời, sẽ biết giác ngộ viên mãn, và sau đó chứng minh pháp cho chúng sinh. Tất cả họ sẽ mang cùng một danh hiệu. Với Avakirnakusuma⁷⁹ là danh hiệu của họ, các Như Lai này sẽ là những vị thầy trong thế gian. Tất cả họ sẽ có một tăng-già đệ

⁷⁸ Phạn: *Mandarava: Hoa Như ý*.

⁷⁹ Tán Hoa?

tử bằng nhau. Tất cả họ sẽ sống trong một thời gian dài bằng nhau, tức là hai mươi ngàn kiếp. Mỗi vị trong những vị đó sẽ đều có một thánh lệnh quảng đại, sẽ truyền bá rộng rãi trong trời và người. Trong mỗi trường hợp, thiện pháp của họ sẽ trụ trong một thời gian dài bằng nhau, trong hai mươi ngàn kiếp. Và những trận mưa hoa, tất cả năm màu, sẽ rơi xuống trên họ – bất cứ nơi nào họ có thể rời ngôi nhà họ có trong làng, thị trấn hay chợ, bất cứ nơi nào họ có thể chuyển bánh xe pháp, bất cứ nơi nào họ có thể trú, bất cứ nơi nào họ có thể hiện ra [giữa mọi người]. [459]

2. TÁN THÁN BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

Vì thế lúc ấy, A-nan-đa, các Bồ-tát muốn trụ nơi chỗ trụ cao nhất, muốn trụ nơi chỗ trụ của Như Lai, nên trụ nơi chỗ trụ của bát-nhã ba-la-mật. Và với bất cứ Bồ-tát nào theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật người ta có thể hoàn toàn chắc chắn rằng ông ấy, trước khi tái sinh ở đây giữa loài người, đã chết giữa loài người hay giữa các nhóm thiên của trời Đâu-suất. Vì ở trong loài người và các thiên của trời Đâu-suất mà bát-nhã ba-la-mật này luôn chuyển trong mức độ đầy đủ của nó. Người ta có thể chắc chắn rằng các Như Lai nhin những Bồ-tát theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật này, học nó, mang nó trong tâm, nghiên cứu, thuyết giảng, lặp đi lặp lại, hay chỉ viết nó, và cũng chỉ dạy các Bồ-tát khác, khuyên nhủ, thúc giục và khuyến khích họ. Nên biết rằng họ đã tròng thiện căn với các Như Lai. Họ không những chỉ có tròng thiện căn trong sự hiện diện của các Thanh văn và Duyên giác như thế để tu luyện trong bát-nhã ba-la-mật mà chắc chắn còn có những Bồ-tát tu luyện trong bát-nhã ba-la-mật này và vẫn không sợ hãi, họ đã tròng thiện căn với các Như Lai. [460] Những người thọ nhận bát-nhã ba-la-mật này, mang nó trong tâm, nghiên cứu, thuyết giảng, lặp đi lặp lại, hay chỉ viết nó, theo đuổi nó, – ý nghĩa, nội dung và phương pháp của nó – người ta nên hoàn toàn chắc chắn rằng họ đã mặt đối mặt với các Như Lai. Nếu các Bồ-tát không sỉ nhục bát-nhã ba-la-mật này, không chống đối, phủ nhận hay khuróc từ nó, thì nên biết rằng họ

đã thực hiện phận sự của họ dưới các bậc Chiến Thắng của quá khứ. Nhưng nếu một Bồ-tát không trở về với lời nguyện đạt giác ngộ viên mãn, thì ông ấy không trao thiện căn mà ông ấy đã tròng trong sự hiện diện của các Như Lai cho quả vị Thanh văn hay Duyên giác như là phần thưởng của ông ấy. Và như thường lệ những Bồ-tát như thế biết ơn và tu tập bát-nhã ba-la-mật.

3. TRUYỀN KINH CHO A-NAN-ĐA

Thế thì, A-nan-đa, nhiều lần tôi giao phó và truyền cho ông bát-nhã ba-la-mật này, trình bày bằng văn tự, như thế có thể dùng nó để học, mang trong tâm, thuyết giảng, nghiên cứu và truyền bá rộng rãi, như vậy nó có thể trường tồn, như vậy nó không thể biến mất. A-nan-đa, nếu ông sẽ lại quên tất cả những chứng sự minh pháp mà ông đã trực tiếp học được từ Tôi – ngoại trừ một mình bát-nhã ba-la-mật – nên bỏ chúng đi và cho phép chúng được quên lãng, đó chỉ là một vi phạm nhẹ đối với Tôi. Nhưng nếu ông quên, ném đi và cho phép được lãng quên chỉ một bài kệ của bát-nhã ba-la-mật, hay chỉ một phần của bài kệ, đó sẽ là một vi phạm nghiêm trọng đối với Tôi, và nó sẽ làm phật ý Tôi rất nhiều. Và nếu sau khi đã học bát-nhã ba-la-mật, ông lại quên nó, ném nó đi, cho phép nó được lãng quên, thì ông không có sự kính trọng, tôn kính, và sùng kính đối với Tôi, và đối với các Phật và các Thế Tôn khác của quá khứ, vị lai, và hiện tại. Vì thế, A-nan-đa, hãy nhớ rằng đó là một vi phạm nghiêm trọng đối với Tôi nếu sau khi ông đã học bát-nhã ba-la-mật, ông lại quên nó, ném nó đi, và cho phép nó được lãng quên, và điều đó sẽ làm phật ý Tôi rất nhiều. Vì Như Lai đã nói rằng “bát-nhã ba-la-mật là mẹ, là người tạo ra, là người sinh ra các Như Lai của quá khứ, vị lai, và hiện tại, là bảo mẫu của họ trong nhất thiết trí.” Thế thì, này A-nan-đa, tôi thực sự giao phó và truyền cho ông bát-nhã ba-la-mật này, như vậy nó không thể biến mất. Nên học bát-nhã ba-la-mật này, nên mang nó trong tâm, nghiên cứu, lặp đi lặp lại, viết và phát triển nó. Ông nên khéo chăm sóc bát-nhã ba-la-mật, khéo mang nó trong tâm, khéo nghiên cứu nó, và khéo truyền bá nó. Và

khi học nó, nên phân tích nó cẩn thận về ngữ pháp, từng chữ, từng âm tiết, từng lời. [462] Vì là pháp thân của các Như Lai quá khứ, vị lai và hiện tại là bản văn về pháp có thẩm quyền này. Trong cùng cách áy ông, A-nan-đa, đối xử với Tôi mà trong hiện tại trụ như một Như Lai, với sự cô tịch, yêu mến và kính trọng, và trong cùng một tinh thần đạo đức, ông nên học bát-nhã ba-la-mật này, mang nó trong tâm, nghiên cứu, lặp đi lặp lại, viết và phát triển nó, kính trọng, tôn kính, và sùng kính nó. Đó là cách để ông sùng kính Tôi, đó là cách tỏ lòng yêu thương, niềm tin tịch tĩnh và sự kính trọng các Phật và các Thê Tôn quá khứ, vị lai và hiện tại. Này A-nan-đà, nếu Tôi, bậc Như Lai, thân mến và thích thú đối với ông, và ông không bỏ rời Tôi, vì thế nguyện cho bát-nhã ba-la-mật này trở nên thân mến và hứng thú đối với ông, và nguyện cho ông không bỏ rời nó, như thế ông không thể quên nó ngay cả một chữ duy nhất của nó, như thế nó không thể biến mất. Vì lâu rồi tôi đã có thể nói với ông về sự ban cho bát-nhã ba-la-mật này, trong một kiếp, hay trong phần còn lại của một kiếp, trong một trăm kiếp, cho đến hàng trăm ngàn câu-lợi kiếp, và nhiều hơn thế nữa. Nhưng vẫn tắt, trong cùng cách mà Tôi là thầy của ông, bát-nhã ba-la-mật cũng thế. Trong cùng cách mà các Phật và các Thê Tôn là thầy của thế gian với chư thiên, nhân, và a-tu-la của nó, bát-nhã ba-la-mật cũng vậy. Thế thì, A-nan-đa, [463] với sự ban cho vô lượng, Tôi đã giao phó và truyền cho ông bát-nhã ba-la-mật, mà chính nó vô lượng, vì lợi ích và hạnh phúc của thế gian cùng chư thiên, nhân, và a-tu-la của nó. Nếu người ta không muốn bỏ rời Như Lai, hay Pháp hay Tăng-già, nếu người ta không muốn bỏ rời sự giác ngộ của các Phật và các Thê Tôn quá khứ, vị lai, và hiện tại, – nguyện cho người ta không bỏ rời bát-nhã ba-la-mật! Và còn có sự khuyên nhủ này nữa, là những người học bát-nhã ba-la-mật này, mang nó trong tâm, nghiên cứu, lặp đi lặp lại, viết và phát triển nó, họ hộ trợ sự giác ngộ của các Phật và các Thê Tôn của quá khứ, vị lai, và hiện tại. Vì bất cứ người nào hộ trợ bát-nhã ba-la-mật này khi nó đang đi đến sụp đổ, người ấy hộ trợ sự giác ngộ của các Phật và các Thê Tôn quá khứ, vị lai, và hiện tại. Bởi vì sự giác ngộ của các Phật và các Thê Tôn đến từ

bát-nhã ba-la-mật. Và cái đó khéo hộ trì tất cả chư Nhu Lai, dù quá khú, vị lai hay hiện tại. Vì thế, một Bồ-tát muốn biết giác ngộ viên mãn và tu luyện trong sáu ba-la-mật nên lắng nghe bát-nhã ba-la-mật này, nghiên cứu, lặp đi lặp lại và viết nó, [464] và ông ấy nên tu luyện trong chính bát-nhã ba-la-mật này, và nỗ lực vì nó. Vì bát-nhã ba-la-mật này là mẹ, người tạo và sinh ra các Bồ-tát. Nhờ bát-nhã ba-la-mật mà bất cứ Bồ-tát nào từng tu luyện trong sáu ba-la-mật, và bất cứ lúc nào cũng đi đến giác ngộ viên mãn. Nhờ chính bát-nhã ba-la-mật này mà tất cả họ tiến tới trong sáu ba-la-mật. Bởi vì tất cả các ba-la-mật đến nuôi dưỡng giác ngộ vô thượng sau khi đã đến từ bát-nhã ba-la-mật. Thế thì, A-nan-đa, nhiều lần, trong lần thứ hai, trong lần thứ ba, Tôi thực sự giao phó và truyền bát-nhã ba-la-mật này cho ông như thế nó không thể biến mất. Vì bát-nhã ba-la-mật này là kho tàng pháp vô tận cho các Nhu Lai. Pháp mà các Phật và các Thê Tôn đã chứng minh với chúng sinh trong quá khú, trong thế giới sinh tử không có bắt đầu hay chấm dứt, tất cả đã đến từ kho tàng pháp này, từ bát-nhã ba-la-mật. Và cũng là pháp mà các Phật và các Thê Tôn sau khi giác ngộ viên mãn sẽ chứng minh cho chúng sinh trong thời vị lai, trong thế giới sinh tử vô lượng, pháp ấy cũng sẽ đến từ chính kho tàng pháp này, từ bát-nhã ba-la-mật. Và cả các Phật và các Thê Tôn ngay bây giờ trụ nơi vô số các thiên thế giới, và chứng minh pháp, các ngài ấy cũng đã rút ra sự hiển bày của họ từ chính kho tàng pháp này, từ bát-nhã ba-la-mật. Vì thế, vô tận là kho tàng pháp này, là bát-nhã ba-la-mật. [464a] Nay A-nan-đa, nếu ông sẽ phải chứng minh pháp ở mức độ Thanh văn cho những người thuộc thừa Thanh văn, và nếu kết quả của sự chứng minh pháp của ông mà tất cả chúng sinh trong đại thiên thế giới sẽ chứng ngộ được quả A-la-hán, là ông không hoàn thành nhiệm vụ của ông như là Đệ tử của Tôi nếu theo cách ấy ông sẽ tiếp tục sau Tôi chuyên bánh xe pháp, và chứng minh pháp. Nhưng mặt khác, nếu ông sẽ chứng minh và tiết lộ dù chỉ một bài kệ duy nhất về pháp kết hợp với bát-nhã ba-la-mật với một Bồ-tát, thì Tôi sẽ hài lòng với ông, người sau Tôi chuyên bánh xe pháp, và chứng minh pháp. Nếu ông xem sự chứng minh pháp đó của ông mà qua

đó chúng sinh trong đại thiên thế giới tất cả được thúc giục đạt quả A-la-hán, và những A-la-hán ấy việc làm công đức của họ xây dựng trên bồ thí, trì giới, và phát triển thiền định, tất cả điều đó có tạo nên khói công đức lớn không?

A-nan-đa: Dạ có, Ôi Thế Tôn.

Thế Tôn: Một người thuộc thừa Thanh văn tạo nên một công đức lớn hơn khói công đức đó nếu người ấy chứng minh cho các Bồ-tát pháp mà nó kết hợp với bát-nhã ba-la-mật. Công đức ấy còn lớn hơn nữa nếu đó là một Bồ-tát chứng minh cho một Bồ-tát khác [một bài kệ về] pháp kết hợp với bát-nhã ba-la-mật, – dù chỉ một ngày, một buổi sáng, một giờ, nửa giờ, một phút, dù là một giây, một khoảnh khắc, một thoáng chốc. Về phần của một Bồ-tát, một tặng phẩm của pháp vượt qua tất cả những thiện căn của tất cả những người thuộc thừa Thanh văn hay Duyên giác. Hoàn toàn không thể có chuyện một Bồ-tát như thế được phú bẩm những thiện căn, như thế đem đến tâm thiện căn đó, khả dĩ có thể bỏ giác ngộ viên mãn mà đi. Chuyện đó không thể nào xảy ra.

4. PHẬT ĐỊA CỦA A-SÚC

Vì thế, vào dịp đó Thế Tôn thị hiện lực thần thông của ngài. Toàn thể hội chúng, – tỳ-kheo, tỳ-kheo ni, nam cư sĩ và nữ cư sĩ, các Thiên, Long, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ga-ru-đa, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, người và quỉ – tất cả họ, nhờ thần lực của Phật, [465] đều thấy Như Lai A-súc có tăng chung vây quanh, có Bồ-tát tùy tùng chứng minh pháp, trong một hội mênh mông như biển lớn, sâu và yên tĩnh, có các Bồ-tát được phú bẩm những phẩm tính không thể nghĩ bàn vây quanh và đi kèm, tất cả họ là A-la-hán, – hết rỉ lậu, không ô nhiễm, tự điều đầy đủ, hoàn toàn tự tại trong tâm, khéo giải thoát và trí tuệ, thuần chủng, những Đại Long, việc làm đã xong, phân sự đã thành tựu, gánh nặng đã đặt xuống, hạnh phúc riêng đã thành, những xiềng xích [kiết sử] đã ràng buộc họ trở thành tịch diệt, tâm họ được chánh kiến khéo giải thoát, toàn bộ tâm họ ở trong sự kiểm soát toàn hảo. Vì thế Thế Tôn lại thu hồi thần thông

của ngài. Rồi Thέ Tôn A-súc, đức Như Lai, không còn xuất hiện nữa, và tất cả các Bồ-tát và các đại Đệ tử, và Phật địa áy không còn đến trong phạm vi thấy của những thành viên trong hội chúng của Thέ Tôn. Vì Như Lai đã thu hồi lực thần thông của ngài. Và *Thέ Tôn* nói với A-nan-đa: Cũng vậy, A-nan-đa, tất cả các pháp không đến trong phạm vi thấy. Những pháp không đến trong phạm vi thấy của các pháp, các pháp không biết các pháp. Vì tất cả các pháp có bản tánh như thế mà người ta không thể thấy hay nghe chúng được, và chúng không có khả năng làm bất cứ điều gì. Vì tất cả pháp bất động, không thể nắm bắt chúng bởi vì chúng bất động như hư không. Tất cả các pháp đều không thể nghĩ bàn, tương tự như người huyền. Tất cả các pháp bất khả đắc, bởi vì chúng ở trong trạng thái không hiện hữu. Khi theo đuổi như thế, một Bồ-tát theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật, và ông áy không trụ ở bất cứ pháp nào. [466] Khi tu luyện như thế, một Bồ-tát tu luyện trong bát-nhã ba-la-mật. Nếu một Bồ-tát muôn đạt giác ngộ viên mãn, là sự hoàn thiện cao nhất của toàn bộ sự tu luyện, thì ông áy nên tu luyện trong bát-nhã ba-la-mật. Vì sự tu luyện trong bát-nhã ba-la-mật đã được miêu tả như là hàng đầu của tất cả mọi tu luyện, là cái tốt nhất, cái đáng lựa chọn nhất, cái thù thắng nhất, cái cao cả nhất, cái cao nhất, cái tốt cùng nhất, cái không gì bằng, cái không thể so sánh, nó được bảo là đem lại phúc lợi cho tất cả thế gian, nó được miêu tả là kẻ bảo vệ những người không có sự trợ giúp, nó được Phật phong vị và tán dương. Các Như Lai đã có thể, như là kết quả của sự tu luyện trong bát-nhã ba-la-mật này, có trụ trong pháp tu này, nâng đại thiêng thế giới này lên bằng một ngón chân cái, và rồi lại để nó rơi xuống. Nhưng nó sẽ không xảy ra đối với các Phật và các Thέ Tôn “đại thiêng thế giới này đã được nâng lên, đã bị rơi xuống trở lại.” Vì bát-nhã ba-la-mật được phú bẩm những phẩm tính không thể đo lường và không thể tính toán. Như kết quả tu luyện trong pháp tu bát-nhã ba-la-mật này, các Phật và các Thέ Tôn đã đạt đến cảnh giới không chấp trước các pháp quá khứ, vị lai, và hiện tại. Trong tất cả những tu luyện khả hữu trong thời quá khứ, vị lai và hiện tại, sự tu luyện trong bát-nhã ba-la-mật này là hàng đầu, là tối hảo, là đáng lựa chọn

nhất, là thù thắng nhất, là cao cả nhất, là tối thượng, là tột cùng, là không gì bằng, là không gì có thể so sánh.

5. TỊCH DIỆT, PHI TỊCH DIỆT VÀ BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

Vì bát-nhã ba-la-mật không có giới hạn, nó vô tận và vô biên. [467] Bởi vì các giới hạn, sự kiệt tận và các biên không có mặt trong bát-nhã ba-la-mật. Qui sự cùng tận và các biên cho bát-nhã ba-la-mật sẽ giống như qui chúng cho hư không. Vì bát-nhã ba-la-mật không bị giới hạn, vô tận và vô biên. Tôi không dạy rằng bát-nhã ba-la-mật có bất cứ giới hạn nào, rằng nó có thể cùng tận, rằng nó có bất cứ biên nào. Tổng số các chữ chứa trong Kinh này về bát-nhã ba-la-mật chắc chắn có những giới hạn của nó, nhưng chính bát-nhã ba-la-mật không phải như vậy. Vì tổng số các chữ trong Kinh này không đồng nhất với chính bát-nhã ba-la-mật. Chính bát-nhã ba-la-mật không tùy thuộc vào bất cứ sự giới hạn nào, nó không có bất cứ giới hạn nào.

A-nan-đa: Lại nữa vì lý do gì Thé Tôn không dạy bất cứ giới hạn nào đối với bát-nhã ba-la-mật?

Thé Tôn: Bởi vì nó vô tận và ly cách. Người ta không thể nhận biết ngay cả sự ly cách của pháp ly cách, còn ít hơn biết bao là có thể có một chu vi nhất định cho nó? Như thế, vì ở bên kia tất cả những đo lường mà bát-nhã ba-la-mật không bị giới hạn, không có bất cứ một giới hạn nào. Các Nhu Lai của quá khứ đã rút lấy sức mạnh của họ từ chính bát-nhã ba-la-mật này, [468] song nó không bị tận, không trở thành diệt. Các Nhu Lai của vị lai cũng sẽ rút lấy sức mạnh của họ từ chính bát-nhã ba-la-mật này, song nó sẽ không bị tận, sẽ không trở thành diệt. Các Nhu Lai hiện giờ trụ trong vô số thiên thế giới, họ cũng sẽ rút lấy sức mạnh của họ từ chính bát-nhã ba-la-mật này, song nó không trở nên tận hay diệt. Giờ đây, Tôi cũng là một Nhu Lai, Tôi cũng rút lấy sức mạnh Của Tôi từ chính bát-nhã ba-la-mật này, song nó không trở nên tận hay diệt. Người ta có thể làm kiệt tận bát-nhã ba-la-mật không khác hơn làm

kiệt tận hư không. Vì thế, bát-nhã ba-la-mật này hoàn toàn vô tận.

Vì thế, điều này xảy ra với tôn giả *Tu-bồ-đề*: Thâm sâu là cái trạm dừng (station) này mà Nhu Lai đã dạy. Vậy thì bây giờ hãy để ta hỏi Nhu Lai về cái trạm dừng này. Và *Tu-bồ-đề* nói với Thế Tôn: Vô tận, Ôi Thế Tôn, là bát-nhã ba-la-mật!

Thế Tôn: Bởi vì nó không thể trở thành diệt, vì giống như hư không, nó không thể bị tận, và vì tất cả các pháp bất sinh.

Tu-bồ-đề: Một Bồ-tát nên thành tựu bát-nhã ba-la-mật như thế nào?

Thế Tôn: Do sự không diệt của sắc, v.v..., [469] do sự không diệt của vô minh, của nghiệp hành, của thức, của danh và sắc, của sáu nhập, của xúc, của thọ, của ái, của thủ, của hưu, của sinh, của già và chết, của ưu sầu, thương tiếc, khổ, buồn và thất vọng. Theo cách này, vị Bồ-tát quán sát sự tùy thuộc phát sinh theo cách như thế mà ông ấy tránh tính nhị nguyên của các biên [cực đoan]. Ông ấy quán sát nó mà không thấy bất cứ chỗ khởi đầu, chấm dứt hay ở giữa nào. Quán sát sự tùy thuộc phát sinh theo cách như thế, đó là pháp đặc biệt của vị Bồ-tát ngồi ở bồ-đề đạo tràng. Khi quán sát như thế, ông ấy có được tri kiến nhất thiết trí. Vì một Bồ-tát, trong khi theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật qua sự thành tựu không diệt, quán sát sự tùy thuộc phát sinh, không thể đứng ở mức độ của Thanh văn hay Duyên giác, nhưng ông ấy phải đứng nơi nhất thiết trí. Một vài Bồ-tát có thể quay đi đổi với giác ngộ viên mãn, bởi vì họ không phải sử dụng đến những tâm hành này [mà chúng khao khát sự thành tựu của bất diệt] và sự thiện xảo trong các phương tiện, nếu họ không biết một Bồ-tát theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật nên làm thế nào thành tựu bát-nhã ba-la-mật qua sự thành tựu của bất diệt, [470] nên quán sát sự tùy thuộc phát sinh như thế nào trong bát-nhã ba-la-mật. Tất cả các Bồ-tát bất cứ lúc nào cũng quay đi đổi với giác ngộ viên mãn, làm như thế bởi vì họ không phải sử dụng đến sự thiện xảo trong các phương tiện này. Tất cả những Bồ-tát bất cứ lúc nào cũng không quay đi đổi với giác ngộ viên mãn làm như thế là nhờ bát-nhã ba-la-mật này. Bằng cách này, một Bồ-tát theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật thành tựu bát-nhã ba-la-mật

qua sự thành tựu của bát diệt. Và bằng cách này, sự tùy thuộc phát sinh nên được quán sát trong bát-nhã ba-la-mật qua sự thành tựu của bát diệt. Một Bồ-tát quán sát sự tùy thuộc phát sinh như thế, chắc chắn không xét lại bát cứ pháp nào đang được sinh ra mà không có nguyên nhân, cũng không xét lại bát cứ pháp nào là thường, ổn định, vĩnh viễn, không chịu đảo ngược, ông ấy cũng không xem lại bát cứ pháp nào là tác giả hay thợ giả. Đây là cách quán sát sự tùy thuộc phát sinh về phần của một Bồ-tát thành tựu bát-nhã ba-la-mật này qua sự thành tựu của bát diệt, và theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật này. Vào lúc một Bồ-tát, đang thành tựu bát-nhã ba-la-mật qua sự thành tựu bát diệt, quán xét sự tùy thuộc phát sinh, vào lúc đó ông ấy không xem lại sắc như là một thực thể có thực tách rời, không thọ, tưởng, hành hay thức; cũng không vô minh, nghiệp hành, v.v..., đến già và chết, [471] ưu sầu, thương tiếc, khổ, buồn và thất vọng; ông ấy cũng không xem lại sự thật “đây là Phật địa của tôi” là nó không có thực, cũng không xem lại sự thật “đây là một Phật địa khác,” ông ấy cũng không xem lại bát cứ pháp nào là thực có mà theo đó ông ấy có thể phân biệt được giữa các Phật địa này và kia. Đây, Tu-bồ-đề, là bát-nhã ba-la-mật của các Bồ-tát, các đại sĩ.

6. NHỮNG LỢI THẾ ĐẾN TỪ BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

Khi một Bồ-tát theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật, Ác Ma cảm thấy bị va chạm với bóng tối của nỗi phiền muộn lớn, giống như một người gặp phải khi mẹ hay cha của mình chết.

Tu-bồ-đề: Có phải sự gây phiền não này chỉ có đối với một Ma vương hay nó ảnh hưởng đến nhiều Ma vương, hay nó lan rộng đến tất cả Ma vương trong đại thiên thế giới?

Thé Tôn: Vào lúc các Bồ-tát trú trong chổ trú của bát-nhã ba-la-mật vào lúc ấy tất cả Ma vương trong đại thiên thế giới cảm thấy bị va chạm với bóng tối của sự phiền muộn lớn, và chúng không thể ngồi yên trên những chiếc ngai kính trọng của chúng. [472] Vì toàn

thể thế giới cùng với chư thiên, nhân và a-tu-la của nó, không thể có được lối vào một vị Bồ-tát trú bên trong chỗ trú của bát-nhã ba-la-mật, nó không thể có được một cái bám chân cho phép nó chiếm hữu ông ấy, làm thương tổn ông ấy, khiến ông ấy quay đi đối với giác ngộ viên mãn. Thế thì, Tu-bô-đè, một Bồ-tát muốn biết giác ngộ viên mãn nên theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật. Vì nơi một Bồ-tát theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật, bố thí ba-la-mật phát triển đến mức toàn hảo nhất, và các ba-la-mật trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, và thiền định cũng vậy. Nơi ông ấy tất cả sáu ba-la-mật phát triển đến mức toàn hảo nhất, và tất cả những thiện xảo khác nhau trong các phương tiện cũng vậy. Bất cứ hành vi nào của Ma vương cũng có thể phát sinh nơi một Bồ-tát theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật, ông ấy sẽ tuệ tri nó khi nó xảy ra, và ông ấy sẽ lại loại bỏ nó. Một Bồ-tát muốn có tất cả những thiện xảo khác nhau trong các phương tiện nên theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật và phát triển nó. Vào lúc một Bồ-tát theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật, và khao khát nó, ông ấy nên tâm niệm không những các Phật và các Thê Tôn ở trong vô số thiên thế giới, và nhất thiết trí cũng đến từ bát-nhã ba-la-mật này. Rồi ông ấy nên phát tâm niệm rằng “Tôi cũng sẽ đạt đến những pháp mà chư Phật và chư Thê Tôn đã đạt đến!” [473] Trong một ngày, hay ngay cả chỉ bằng thời gian một khảy móng tay, một Bồ-tát theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật nên phát tâm khao khát chúng. Nhưng một Bồ-tát ngay cả trong một ngày hay ngay cả trong thời gian một khảy móng tay, khao khát bát-nhã ba-la-mật này tạo nên công đức nhiều hơn một Bồ-tát dựa vào cái căn bản, và bố thí phẩm vật trong vô số kiếp. Một Bồ-tát như thế sẽ trụ trong bất thối chuyển. Một Bồ-tát theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật và, dù chỉ trong một ngày hay trong thời gian một khảy móng tay, phát tâm như thế đã được, như chúng ta biết, các Như Lai tâm niệm. Một người hằng ngày theo đuổi những tâm niệm như thế thì còn hơn thế biết bao. Người ta nên mong một Bồ-tát sẽ có một sự thọ ký như thế nào để được các Như Lai nhớ nghĩ đến ông ấy? Không một sự thọ ký nào khác ngoại trừ giác ngộ viên mãn người ta có thể mong cho ông ấy. Ông ấy khả dĩ không thể tái sinh nơi

các cảnh giới buồn khổ. Người ta phải mong rằng ông ấy sẽ tái sinh nơi cõi trời, và ngay cả ở đó ông ấy sẽ không có các Như Lai, và ông ấy sẽ thuần thực chúng sinh. Đây là những phẩm tính và lợi thế của một Bồ-tát theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật, khao khát bát-nhã ba-la-mật, và phát tâm như thế, [474] dù cho chỉ lâu bằng một cái khảy móng tay. Lợi thế của một người theo đuổi những tâm niệm như thế hằng ngày, chẳng hạn như Bồ-tát Càn-đà-ha-đề⁸⁰ mà giờ đây sống đời phạm hạnh trong sự hiện diện của Như Lai A-súc.

⁸⁰ Phạn: *Gandhahastin*.

Chương XXIX

NHỮNG PHƯƠNG PHÁP TIẾP CÂN

Hơn nữa, Tu-bò-đè, một Bồ-tát nên tiến gần bát-nhã ba-la-mật như sau: Qua sự không chấp trước tất cả các pháp. Từ sự không phân biệt tất cả các pháp. Từ sự thật rằng tất cả các pháp khả dĩ bất sinh. Trong niềm tin quyết rằng “tất cả các pháp đều bình đẳng vẫn không bị sự thay đổi ảnh hưởng.” Bởi vì ông ấy thừa nhận bằng trí tuệ rằng tất cả các pháp, vì không có ngã, không cho chúng ta ám hiệu [về chân tánh hay chân ý định của chúng]. Trong niềm tin quyết rằng “tất cả thuyết thoại về các pháp [thì không dính dáng gì đến các pháp], chỉ gồm trong lời nói, chỉ là sự diễn đạt theo qui ước,” – nhưng sự diễn đạt qui ước ấy không ám chỉ bất cứ cái gì có thực, không đến từ bất cứ cái gì có thực, hay chính nó cũng không phải là cái gì có thực. Trong niềm tin quyết rằng “tất cả các pháp nằm bên ngoài sự diễn đạt và thuyết giảng theo qui ước, không phải là chúng được diễn đạt và thoát ra một cách qui ước.” Vì tính không bị giới hạn của các pháp. Vì tính không bị giới hạn của sắc, v.v..., vì tính vô tướng của các pháp. [476] Bằng cách thâm nhập tất cả các pháp. Vì sự thật rằng tất cả các pháp trong bản tính hoàn toàn thanh tịnh. Vì sự thật rằng tất cả các pháp đều ở bên kia ngôn từ. Bởi vì tất cả các loại bỏ rơi khác nhau đều như nhau [theo giá trị và thể loại], vì tất cả các pháp không bao giờ đoạn. Bởi vì Chân như ở mọi nơi đều đồng nhau, vì tất cả các pháp đều đã đạt Niết-bàn. Trong niềm tin quyết rằng “tất cả các pháp không đến, cũng không đi; chúng không thể bị sinh, bất sinh, sự bất sinh của chúng là tuyệt đối.” Bởi vì ông ấy không quán sát mình hay người khác. Trong niềm tin quyết rằng “tất cả các pháp là những A-la-hán thánh thiện, trong bản tánh hoàn toàn thanh tịnh. Trong niềm tin quyết rằng “tất cả các pháp đã đặt gánh nặng xuông, bởi vì không gánh nặng nào từng được đặt lên chúng.” Vì sự thật rằng tất cả các pháp không có nơi chốn hay địa phương. Vì sắc, v.v..., không có nơi chốn hay địa phương, phù hợp với tự tánh của bản tánh nó. Bởi vì ông ấy được

sự đoạn của tất cả các pháp làm cho rất phấn chấn. Bởi vì ông ấy không cảm thấy bằng lòng hay không bằng lòng. Bởi vì ông ấy không trở nên tha thiết hay hay bình thản. Vì sắc, v.v..., trong chân tướng của chúng, trong tự tánh của chúng, không trở nên tha thiết hay bình thản. Trong niềm tin quyết rằng “bản tánh [của tất cả các pháp] thì hoàn toàn thanh tịnh.” Trong niềm tin quyết rằng “tất cả các pháp đều không chấp trước, tự tại với cả chấp trước và không chấp trước.” [477] Trong niềm tin quyết rằng “tất cả các pháp cốt túy là giác ngộ, bởi vì chúng được tri kiến Phật hiểu một cách bình đẳng.” Từ không, Vô tướng và Vô nguyên của tất cả các pháp. Trong niềm tin quyết rằng tất cả các pháp cốt túy là thuốc chữa lành, bởi vì chúng được tâm từ kiểm soát.” Trong niềm tin quyết rằng “tất cả các pháp là người trú trong từ, người trú trong bi, người trú trong hỉ, người trú trong xả.” Trong niềm tin quyết rằng “tất cả các pháp đồng nhất với tinh thần phô quát tối thượng, bởi vì trong tánh⁸¹ của chúng không lỗi lầm nào có thể phát sinh, bởi vì trong yếu tánh⁸² của chúng tất cả mọi lỗi lầm vẫn bất sinh.” Trong niềm tin quyết rằng “tất cả các pháp đều không hy vọng cũng không thù nghịch.”

Người ta nên tiếp cận tính vô biên của bát-nhã ba-la-mật qua tính vô biên của đại dương; qua sự lắp lánh nhiều màu sắc của núi Tu-di⁸³. Người ta nên tiếp cận tính vô biên của bát-nhã ba-la-mật: từ tính vô biên của sắc, v.v...; qua sự chiếu sáng vô biên do vòng hào quang của mặt trời soi rọi; từ tính vô biên của tất cả mọi âm thanh; từ tính vô biên của sự thành tựu cuối cùng của tất cả các pháp của một vị Phật; từ tính vô biên của sự trang bị tuyệt hảo của toàn thể thế giới chúng sinh bằng công đức và tri kiến; từ tính vô biên của yếu tố đất (địa đại); và cũng từ tính vô biên của các yếu tố (đại) nước, lửa, gió, hư không và thức. [478]

Người ta nên tiếp cận tính không bị giới hạn của bát-nhã ba-la-mật; từ tính không bị giới hạn của sự kết tập các pháp thiện và bất

⁸¹ Anh: *being*.

⁸² Anh: *essential being*.

⁸³ Phạn: *Meru*.

thiện; từ tính không bị giới hạn của sự kết tập tất cả các pháp.

Người ta nên tiếp cận tính vô biên của bát-nhã ba-la-mật: qua sự có được tính vô biên của thiền định về tất cả các pháp; từ tính vô biên của tất cả Phật pháp; từ tính vô biên của không; từ tính vô biên của niệm và những thành phần cấu tạo niệm; từ tính vô biên của ý nghĩ và hành động.

Người ta nên tiếp cận tính vô lượng của bát-nhã ba-la-mật từ tính vô lượng của các pháp thiện và bất thiện. Người ta nên tiếp cận những tuyên bố vang động về bát-nhã ba-la-mật qua tiếng gầm của sư tử rồng.

Người ta nên tiếp cận sự thật rằng bát-nhã ba-la-mật không thể bị lung lay do những yếu tố bên ngoài từ sự thật rằng tất cả các pháp không thể bị lung lay bởi những yếu tố bên ngoài. Vì sắc, v.v..., thì giống như đại dương. Sắc, và mỗi uẩn, thì giống như bầu trời; giống như núi Tu-di lấp lánh và nhiều màu; giống như sự phát sinh hào quang của cái đĩa mặt trời; vô biên như tất cả mọi âm thanh; vô biên như toàn thể thế giới chúng sinh; vô biên như sự thành tựu cuối cùng các pháp của một vị Phật; vô biên như sự trang bị bằng công đức và tri kiến của tất cả chúng sinh trong thế gian; [479] nó giống như đất, nước, gió, lửa, hư không và thức; nó tự tại với sự tích lũy tất cả các pháp thiện và bất thiện; nó không có biên giới nhất định nào như sự kết tập của tất cả các pháp. Sắc là sự ra đi [vào cảnh giới Phật], tự tánh của sắc là Phật pháp mà cốt yếu là Chân như của sắc v.v..., cho đến: thức là sự ra đi [vào cảnh giới Phật] tự tánh của thức là Phật pháp mà cốt yếu là Chân như của thức. Sắc, và mỗi uẩn, là chân tánh vô biên của tất cả các pháp; chân tánh rỗng không, vô biên [của sự vật]; tính vô biên của niệm và những thành phần cấu tạo nó; nó phát sinh ý nghĩ và hành động; nó thiện và bất thiện cho đến khi có sự không nhận biết; những yếu tố bên ngoài không thể làm nó lung lay.

Một Bồ-tát nên tiếp cận bát-nhã ba-la-mật theo những cách như thế. [480] Nếu vị Bồ-tát tiếp cận bát-nhã ba-la-mật theo cách này, ý thức nhận thức nó, nhập vào nó, hiểu nó, phản chiếu nó, khảo sát, thẩm tra, và phát triển nó, – với những hành động của tâm đã bỏ rơi

tất cả sự lừa gạt và lừa dối, sự nâng cao mình, toàn bộ sự lười biếng, không tán thành người khác, quan niệm về ngã, quan niệm về hữu, được, vinh dự và danh tiếng, nǎm chướng ngại, ganh ty và đê tiện, và toàn bộ sự dao động, – thì nó sẽ không khó cho ông ấy có được sự hoàn thiện viên mãn tất cả mọi đức hạnh, Phật địa và các pháp vô thượng của một vị Phật.

Chương XXX

TÁT-ĐÀ-BA-LUÂN⁸⁴**1. TÁT-ĐÀ-BA-LUÂN LÊN ĐƯỜNG TÌM
BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT**

Hơn nữa, Tu-bồ-đề, người ta nên tìm bát-nhã ba-la-mật như Bồ-tát Tát-đà-ba-luân đã tìm, người mà hiện tại sống đời sống phạm hạnh trong sự hiện diện của Như Lai Oai Âm Vương⁸⁵

Tu-bồ-đề: Lúc ấy Bồ-tát Tát-đà-ba-luân tìm bát-nhã ba-la-mật như thế nào?

Thế Tôn: Trước hết, Bồ-tát Tát-đà-ba-luân tìm bát-nhã ba-la-mật theo cách ông ấy không quan tâm đến thân mình, không quan tâm đến sinh mạng mình, vinh dự và danh tiếng lại không làm ông ấy chú ý. Ông ấy thấy mình sống ẩn dật trong một khu rừng hẻo lánh, và *một giọng nói* trên không trung nói với ông ấy:

Hãy đi hướng Đông, hỏi người con trai của gia đình thiện lương! Ở đó anh sẽ nghe bát-nhã ba-la-mật! Và trên đường đi, anh đừng chú ý gì đến sự mệt mỏi của thân mình, anh đừng chịu thua bất cứ sự mệt nhọc nào, anh đừng chú ý đến thức ăn hay đồ ống, ngày hay đêm, lạnh hay nóng. Anh đừng lập ra một kế hoạch nhất định nào, dù về bên trong hay về sự vật bên ngoài. Anh chớ nhìn trái hay phải, Nam, Đông, Tây, hay Bắc, hướng lên hay hướng xuống, hay bất cứ hướng giữa của hai hướng nào. Và anh chớ cho phép mình bị ngã hoặc cá thể, hoặc sắc hay các uẩn khác làm lung lay. [482] Vì người nào bị những cái đó làm lung lay, người ấy sẽ quay đi đổi với Phật pháp, rồi người ấy lang thang trong sinh tử. Và khi lang thang trong sinh tử, thì người ấy không theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật, rồi người ấy không thể đến được bát-nhã ba-la-mật.

Tát-đà-ba-luân nói với tiếng nói ấy: Đó là cách tôi sẽ làm. Bởi

⁸⁴ Phạn: *Sadaprarudita*.

⁸⁵ Phạn: *Tathagata Bhishagarjitanirghoshasvara*.

vì tôi muốn đem ánh sáng đến tất cả chúng sinh, bởi vì tôi muốn có được các pháp của một vị Phật.

Tiếng nói áy đáp: Nói khéo đấy, hỡi người con trai của gia đình thiện lương!

Vì thế Bồ-tát Tát-đà-ba-luân lại lắng nghe tiếng nói áy, và những gì ông áy nghe được là như vậy:

Hỡi người con trai của gia đình thiện lương, anh nên tìm bát-nhã ba-la-mật sau khi anh phát sinh niềm tin quyết vững chắc rằng tất cả các pháp là không, vô tướng và vô nguyện. Anh phải tránh các tướng, sự hiện hữu, và cái thấy sai rằng có chúng sinh. Anh nên tránh ác tri thức. Tuy nhiên, thiện tri thức thì anh nên chăm sóc, yêu mến và tôn vinh. Họ là những người chứng minh pháp, và dạy rằng “tất cả các pháp đều rỗng không, vô tướng và vô nguyện, không sinh, không diệt và không hiện hữu.” Khi anh tiến bộ như vậy, không lâu anh sẽ có khả năng nghiên cứu bát-nhã ba-la-mật hoặc là từ sách, hay từ miệng của một tỳ kheo thuyết giảng pháp. Và anh nên đối xử người mà anh có thể đến nghe bát-nhã ba-la-mật như là Thầy, anh nên biết ơn và cảm ơn, và anh nên nghĩ [483]: “Đây là thiện tri thức của ta. Khi ta đã nghe bát-nhã ba-la-mật từ ông áy, ta sẽ sớm trở nên bất thối chuyển đổi với giác ngộ viên mãn, sẽ hoàn toàn gần các Như Lai, sẽ được tái sinh nơi các Phật địa không thiêu các Như Lai, và tránh sự tái sinh không may mắn, ta sẽ được tái sinh cát tường! Khi cân nhắc những lợi thế này, anh phải đổi xử vị tỳ-kheo thuyết giảng pháp đó như là Thầy. Anh không nên theo ông áy vì những động cơ được của thế gian mà vì ham muốn pháp, vì kính trọng pháp. Anh cũng phải thấy thấu những hành vi của Ma vương. Vì luôn luôn có Ác Ma có thể đề nghị rằng thầy anh chăm sóc, thường thức và tôn vinh những sự vật có thể thấy, nghe, ngửi, ném, sờ được, khi trong thực tế ông áy làm như vậy vì phương tiện thiện xảo, và thực sự vươn lên bên trên những thứ đó. Vì thế anh không nên mất niềm tin nơi ông áy, mà hãy nói với chính mình: “Ta không biết rằng sự thiện xảo trong các phương tiện như ông áy tuệ tri nó. Ông áy chăm sóc, thường thức, và tôn vinh những pháp đó, để rèn luyện chúng sinh, để có được

thiện căn cho họ. Vì không có sự chấp trước nào đối với những trợ duyên khách quan hiện hữu nơi các Bồ-tát.” Sau đó anh nêu quán thực tướng của các pháp, tức là, tất cả các pháp không có cả ô nhiễm lẫn thanh tịnh. Vì tất cả các pháp trong tự tánh đều rỗng không [484], chúng không có một sở hữu nào của một chúng sinh, chúng không có sự sống, không có cá tính, không có nhân cách, chúng giống như ảo ảnh, như giấc mộng, như tiếng vang, như ảnh phản chiếu. Khi anh quán thực tướng của tất cả các pháp như thế, theo người thuyết giảng pháp, không lâu anh sẽ đi vào bát-nhã ba-la-mật. Nhưng anh phải coi chừng hành vi khác của Ma vương. Nếu người thuyết giảng pháp có làm anh nản lòng bằng những gì ông ấy nói, điều đó không làm anh không thích bát-nhã ba-la-mật; nhưng với cái tâm chỉ ham muôn pháp, chỉ kính trọng pháp, anh nên theo không mệt mỏi vị tỳ-kheo thuyết giảng pháp.

Sau khi nhận lời khuyên nhủ này từ tiêng nói ấy, Bồ-tát Tát-dà-ba-luân hành trình về phương Đông. Không lâu có chuyện xảy ra là ông ấy đã không hỏi mình phải đi bao xa. Ông ấy đứng yên ngay tại chỗ, khóc, buồn phiền và tiếc nuối. Trong bảy ngày ở lại tại chỗ ấy chờ đợi, ông ấy được bảo cho biết ông ấy có thể nghe bát-nhã ba-la-mật ở đâu, và tất cả thời gian đó ông ấy không chú ý đến bất cứ thứ gì khác, và không ăn mà chỉ đơn giản kính lể bát-nhã ba-la-mật. Nay Tu-bồ-đề, một người bị mất đứa con duy nhất của mình, sẽ rất buồn và không hạnh phúc, [485] và người ấy chỉ nghĩ đến một điều duy nhất, đứa con trai của mình và sự phiền muộn mà người ấy cảm thấy vì đứa con. Dù vậy, Bồ-tát Tát-dà-ba-luân vào lúc đó không thể nghĩ đến điều gì khác ngoại trừ “vậy thì khi nào ta sẽ được nghe bát-nhã ba-la-mật này?”

2. MIÊU TẢ THÀNH CHÚNG HƯƠNG⁸⁶ VÀ ĐỜI SỐNG CỦA BỒ-TÁT ĐÀM-VÔ-KIỆT⁸⁷

Khi Tát-dà-ba-luân buồn bã và gầy mòn nhu thế, một hình tượng

⁸⁶ Phạn: *Gandhavati*.

⁸⁷ Phạn: *Dharmodgata*.

Như Lai [bỗng nhiên] đứng ngay trước mặt ông ấy, chấp thuận và nói: Nói hay đáy, hỡi người con trai của gia đình thiện lương! Vì các Như Lai của quá khứ, khi họ còn là những Bồ-tát, cũng đã cầu tìm bát-nhã ba-la-mật trong cùng một tinh thần như anh cầu tìm nó bây giờ. Trong cùng tinh thần mạnh mẽ và quyết tâm, sót sắng và say mê, – anh hãy đi về phía Đông! Ở đó, cách đây năm trăm dặm là một thị trấn gọi là Chủng hương. Nó được xây bằng bảy thứ báu. Nó dài mười hai dặm và rộng mười hai dặm, và vây quanh bằng bảy bức tường, bảy cái hào và bảy hàng cây cọ. Nó phát đạt và thịnh vượng, an ninh, chúa thura thải thực phẩm dự trữ và đầy thú và người. Năm trăm dãy cửa tiệm chạy qua thị trấn từ đầu này đến đầu kia, nhìn đẹp mắt như tranh vẽ khéo tô màu, sắp xếp từng cái một kế tiếp nhau đều đặn và ở giữa là những địa điểm khéo xây, những những lối đi qua được dựng lên, theo thứ tự cho xe do súc vật kéo, cho kiệu cáng, và cho bộ hành, như thế là có nhiều chỗ cho tất cả. Những bức tường bao quanh thị trấn làm bằng bảy thứ báu. [486] Những mái tường làm bằng vàng từ sông Diêm-phù (Jambu) nhô cao sừng sững. Trên mỗi mái tường trồng một cây, làm bằng bảy thứ báu, trĩu nặng những loại quả khác nhau, cũng làm bằng bảy thứ báu. Chung quanh, giữa mỗi cây và cây kế, treo lơ lửng một sợi dây, cũng làm bằng bảy chất báu. Một mạng lưới những cái chuông nhỏ được cột vào các sợi dây đó, và cứ như thế bao quanh cả thành phố. Khi gió động, những cái chuông nhỏ ấy cho âm thanh ngọt ngào, quyến rũ và vui sướng, giống như âm thanh của năm thứ nhạc cụ khi được các Nhạc thần⁸⁸ chơi hòa âm, thiện xảo trong các bài hát. Những cái hào quanh thành phố tất cả đầy nước chảy hiền hòa, không quá lạnh cũng không quá nóng. Những con thuyền trên dòng sông đó lấp lánh bảy thứ báu, đẹp mắt, và sự hiện hữu của chúng là phần thưởng cho những hành vi quá khứ của cư dân, trên tàu, đổi hướng, thường thức và tự tiêu khiển. Nước ở mọi nơi được những hoa sen xanh, sen hồng, sen trắng, và những hoa khác đẹp và thơm nhất bao phủ. Không có một loài hoa nào trong đại thiên thế giới mà không tìm thấy ở đây. Chung quanh thành phố có năm trăm

⁸⁸ Phạn: *Gandharva*.

công viên, đẹp mắt, lấp lánh bảy thứ báu. [487] Mỗi công viên có năm lần năm trăm ao sen lớn, được những hoa đẹp bao phủ, mỗi hoa cỡ bằng bánh xe, thơm, – xanh, vàng, đỏ và trắng. Tiếng ngỗng, hạc, vịt, dẽ và những loại chim khác đầy khoảng không gian trên những ao đó. Và sự hiện hữu của những công viên đó mà họ không xem chúng như là vật sở hữu riêng tư, là phần thưởng cho những hành vi quá khứ của những người đó, vì họ đã theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật một thời gian lâu, tâm họ thành tín sùng mộ sự Dẫn đạo của chư Phật, và đã cùi xuống lắng nghe và hiểu nó, và trong một thời gian dài họ đã chú tâm đến các pháp thăm sâu. Và ở đó, trong thành Chúng hương, ở chỗ bốn con đường gặp nhau, là nhà của Bồ-tát Đàm-vô-kiệt, – chung quanh một dặm, sáng ngời bảy thứ báu, đẹp mắt, được bảy bức tường, và bảy hàng cây cọ vây kín. Có bốn công viên gần ngôi nhà ấy, để những người sống trong ngôi nhà ấy thường thức. Chúng được gọi là Thường Hỉ⁸⁹, Vô Ưu⁹⁰, Hoa Sức⁹¹, và Hương Sức⁹². Mỗi công viên có tám ao sen, gọi là Hiền⁹³, Hiền Thường⁹⁴, Hoan Hỉ⁹⁵, Hỉ Thường⁹⁶, An Ôn⁹⁷, Đa An Ôn⁹⁸, Viễn Ly⁹⁹, và Bất Thối Chuyển¹⁰⁰. Một bên của mỗi ao bằng vàng, bên thứ nhì bằng bạc, [488] bên thứ ba bằng lưu ly¹⁰¹, bên thứ tư bằng pha lê. Mặt đáy gồm có thạch anh, với vàng và cát trên đó. Mỗi ao có tám cầu thang đến đó, trang trí với bảy nắc, làm bằng những thứ ngọc lốm đốm khác nhau. Và bên trong mọi lỗ của những nắc thang, làm bằng vàng từ sông Diêm-phù¹⁰², ở đó có mọc

⁸⁹ Phạn: *Nityapramudita*.

⁹⁰ Phạn: *Asoka*.

⁹¹ Phạn: *Sokavigata*.

⁹² Phạn: *Pushpacitra*.

⁹³ Phạn: *Bhadra*.

⁹⁴ Phạn: *Bhadrottama*.

⁹⁵ Phạn: *Nandi*.

⁹⁶ Phạn: *Nandottama*.

⁹⁷ Phạn: *Kshama*.

⁹⁸ Phạn: *Kshamotta*.

⁹⁹ Phạn: *Niyata*.

¹⁰⁰ Phạn: *Avivaha*.

¹⁰¹ Phạn: *vaidurya*.

¹⁰² Phạn: *Jambu*.

cây mã đề. Những cái ao đó được nhiều loại hoa sống dưới nước khác nhau bao phủ, và khoảng không gian bên trên thì đầy âm thanh của những loại chim khác nhau. Quanh những ao này trồng những loại cây hoa khác nhau, và khi bị gió khuấy động, hoa rơi xuống các ao đó. Nước trong các ao đó có mùi thơm, màu sắc, vị và cảm giác như gỗ chiên-dàn. Tuy nhiên, Bồ-tát Đàm-vô-kiệt với đoàn tùy tùng, trong bọn họ có sáu vạn tám ngàn thị nữ. Ngài ấy đổi hướng, thưởng thức và tự tiêu khiển, ngài ấy cảm giác và nếm vị năm loại dục lạc. Tất cả cư dân của thành phố đó, cả đàn ông lẫn đàn bà, đổi hướng, thưởng thức và tự tiêu khiển, họ có niềm vui không ngót nơi các công viên và trên những cái ao đó, và họ cảm giác và nếm năm loại dục lạc. Tuy nhiên, Bồ-tát Đàm-vô-kiệt, với đoàn tùy tùng, đổi hướng, thưởng thức, và tự tiêu khiển chỉ trong một thời gian nhất định, và từ đó về sau ngài ấy luôn luôn chứng minh bát-nhã ba-la-mật. Và công dân của thị trấn đó đã xây cho Bồ-tát Đàm-vô-kiệt giữa quảng trường trung tâm thị trấn một tòa cao [để làm bục giảng của ngài ấy]. Nó có bệ bằng vàng, rồi một tấm nệm bằng vải trải lên trên đó, rồi một tấm ra phủ bằng len, một bồ-đoàn và một tấm lụa đặt lên bên trên đó. Cao trên không trung, cao khoảng nửa kos (krośa: khoảng cách hai dặm ruồi), có một tấm bạt che mưa nắng, lắp lánh những viên ngọc. Để giữ tòa vũng chắc, [các công dân] tất cả đều đoàn kết và đầy hân hoan, [489] duy trì nó qua nghiệp quả khéo thiết lập đã thuần thục từ những việc làm khác nhau, họ đã rắc và rải tất cả chung quanh chỗ ấy hoa năm màu, và ướp thơm nó nhiều mùi hương khác nhau. Rất thanh tịnh là tâm của Đàm-vô-kiệt, rất vĩ đại là sự kính trọng của những người nghe pháp. Ngồi trên tòa đó, Bồ-tát Đàm-vô-kiệt chứng minh bát-nhã ba-la-mật. Công dân của thị trấn đó lắng nghe giáo lý của ông ấy với sự kính trọng to lớn đối với pháp, với sự tin cậy nơi pháp, với niềm tin vào những gì đáng tin, với tâm nhảy lên trong niềm tin. Thêm vào, nhiều trăm, nhiều ngàn, nhiều trăm ngàn chúng sinh, trời, người tụ hội ở đó lắng nghe. Một vài người trong bọn họ giải thích bát-nhã ba-la-mật, một ít người sao chép nó, một ít người theo nó với sự chú ý khôn ngoan. Tất cả những chúng sinh đó không còn phải rời

vào những cảnh giới buồn khổ, và họ bất thối chuyển đổi với giác ngộ viên mãn. Hỡi người con trai của gia đình thiện lương, hãy đến với Bồ-tát Đàm-vô-kiệt đó! Từ ông ấy anh sẽ nghe bát-nhã ba-la-mật. Vì từ lâu ông ấy đã là thiện tri thức của anh, đã kêu gọi, thúc giục, và khuyến khích anh đạt giác ngộ vô thượng. Trong quá khứ ông ấy cũng đã cầu tìm bát-nhã ba-la-mật cùng cách anh cầu tìm nó bây giờ. Hãy đi đi, hỡi người con trai của gia đình thiện lương, hãy đi ngày đêm, hãy chú ý không phân chia vào phận sự! Không lâu anh sẽ nghe bát-nhã ba-la-mật!

Khi Bồ-tát Đàm-vô-kiệt nghe được điều này, ông ấy bằng lòng, phấn khởi, hoan hỉ, quá vui sướng. [490] Một người bị một mũi tên độc bắn trúng, không thể nghĩ gì khác ngoại trừ: “Ở đâu tôi sẽ tìm được một nhà phẫu thuật, một y sĩ thiện nghệ, có thể lấy mũi tên này ra, và giải thoát tôi khỏi sự đau khổ này?” Cũng vậy, Bồ-tát Tát-dà-ba-luân vào lúc đó không chú ý đến bất cứ pháp nào khác ngoại trừ: “Khi nào tôi sẽ thấy người con trai đó của gia đình thiện lương mà từ người ấy tôi sẽ nghe bát-nhã ba-la-mật? Khi tôi đã có pháp ấy, tôi sẽ quên tất cả mọi chú ý đến cái căn bản.” Không rời chỗ của mình, lúc ấy Tát-dà-ba-luân nghe Bồ-tát Đàm-vô-kiệt chứng minh bát-nhã ba-la-mật.

3. TÊN VÀ Ý NGHĨA CỦA CÁC TAM-MUỘI

Kết quả ông ấy đã phát sinh một nhận thức mà nó không nương tựa vào bất cứ một pháp nào. Và ông ấy đã đối diện với nhiều pháp môn tam-muội. Tên của các tam-muội ấy như sau: “Quán tự tánh của tất cả các pháp,” “Tự tánh của tất cả các pháp bất khả đắc,” “Nhập tri kiến tự tánh của tất cả các pháp,” “Tính không khác nhau của tất cả các pháp,” “Quán tính không khác của tất cả các pháp,” “Năng soi chiếu tất cả các pháp,” “Lìa bóng tối của tất cả các pháp,” “Nó phá tan tri kiến về tất cả các pháp,” “Nó quăng ném tất cả các pháp,” “Tất cả các pháp bất khả đắc,” “Tán hoa,” “Trong tự thân, thành toàn tất cả các pháp,” “Buông bỏ ảo ảnh,” “Gợi lại những

hình ảnh phản chiếu trong gương,” “Gợi lại âm thanh của tất cả chúng sinh,” “Không có bản nào cả,” “Làm tất cả chúng sinh hoan hỉ,” “Quán thế âm theo các phương tiện thiện xảo,” [491] “Hoàn thành toàn bộ sự khác biệt của văn tự, ngôn từ và tiếng nói,” “Trang thái đến từ cảm biết không có sự cứng đơ,” “Trong yếu tánh, không thể diễn đạt,” “Chứng đắc giải thoát vô ngại,” “Cuộc thăm viếng từ nhà vua,” “Sự phân tích ngũ pháp của lời nói thành ngôn từ và văn tự,” “Thấy tất cả các pháp,” “Nó đã bỏ thế giới của tất cả các pháp lại phía sau,” “Giới hạn vô ngại của tất cả các pháp,” “Có cách thức như bầu trời,” “Như sấm,” “Nhà vua ở gần,” “Nhà vua không đối thủ,” “Đắc thắng,” “Người ta không thể quay mắt đi,” “Có định trên pháp giới,” “Đến từ pháp giới,” “Người ban cho sự an ủi,” “Sư tử rồng,” “Không một thế giới để chúng sinh tái sinh ở đó,” “Không có bản,” “Không bị ô nhiễm,” “Trận pháp hoa sen,”¹⁰³ “Đoạn diệt do dự,” “Người theo toàn bộ sự tuyệt hảo trọng yếu,” “Cao bên trên tất cả các pháp,” “Chứng đắc các tri kiến thượng thừa, các lực và các vô úy,” “Cái xuyên thấu tất cả các pháp,” “Dầu án châm dứt hữu về phần của tất cả các pháp,” “Biển lớn mà tất cả các pháp mất sự hữu của chúng trong đó,” “Người quán sát tất cả các pháp mà không phân biệt,” “Bỏ lại phía sau khu rừng rậm tất cả những cái thấy và hành động,” “Không bóng tối,” “Tất cả các pháp vô tướng,” [492] “Tự tại với tất cả chấp trước,” “Không một dấu vết giảiかい,” “Rọi ánh sáng lên các pháp thâm sâu,” “Có phong cách như Tu-di,” “Bất thối chuyển,” “Phá tan vòng vây quân đội của Ma vương,” “Không có sở thích bất cứ cái gì trong ba giới,” “Phóng quang minh,” “Cái thấy của Như Lai,” “Thấy tất cả Như Lai.”

An trụ trong các tam-muội này, ông ấy thấy các Phật và các Thế Tôn ở vô số thế giới trong mười phương, khi các ngài tiết lộ bát-nhã ba-la-mật này với các Bồ-tát. Các Như Lai đó tán thán và an ủi ông ấy, và các ngài nói với ông ấy:

Trong quá khứ, khi còn là những Bồ-tát, chúng tôi cũng đã cầu tìm bát-nhã ba-la-mật theo cách như vậy. Trong khi cầu tìm, chúng tôi cũng chỉ thu tập được những thiền định (tam muội) mà ông thu

¹⁰³ Anh: *Lotus-array*.

thập được bảy giờ. Sau khi thu thập được những thiền định đó, chúng tôi tiếp tục lên đường, ổn định trong bát-nhã ba-la-mật và các pháp bát-thối chuyển của một vị Phật. Nhưng khi chúng tôi quán sát yếu tánh và tự tánh của những tam muội này, thì chúng tôi không thấy bát-cứ một pháp có thực nào nhập vào đó, hay từ đó hiện ra, theo đuổi giác ngộ, hay biết giác ngộ viên mãn. Sự vắng mặt của những tưởng tượng này về bát-cứ pháp nào, đó là bát-nhã ba-la-mật này. Bởi vì chúng tôi đứng vững trong sự vắng mặt của tất cả những tưởng tượng tự lừa gạt, chúng tôi đã có được các thân màu vàng kim, ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, và những vòng hào quang chung quanh chúng tôi, và chúng tôi đã đạt được tri kiến vô thượng, không thể nghĩ bàn của chư Phật, trí bát-nhã của chư Phật, thiền định vô thượng của chư Phật, sự toàn hảo của tất cả các pháp và phẩm tính của chư Phật. [493] Ngay cả các Như Lai cũng không thể nắm được kích thước, không định rõ được biên giới sự toàn hảo của các phẩm tính đó, – nói chi đến các Thanh văn và Duyên giác. Vì thế, ông nên làm đầy tâm ông bằng sự kính trọng những pháp này của các Phật, vì vậy anh nên ham muốn chúng nhiều hơn nữa, như vậy anh nên càng lúc càng nhiệt tình vì chúng hơn nữa. Bởi vì giác ngộ vô thượng không khó đạt đối với người ham muốn nó, nhiệt tình vì nó. Đối với vị thiện tri thức, anh cũng nên khởi lòng kính trọng và thương mến, và niềm tin của anh noi ông ấy nên bình lặng. Vì khi chúng được thiện tri thức hộ trì mà các Bồ-tát đó sẽ nhanh chóng biết giác ngộ viên mãn.

Tát-dà-ba-luân hỏi các Như Lai: Ai là thiện tri thức của chúng con?

Các Như Lai đáp: Bồ-tát Đàm-vô-kiệt từ lâu đã làm cho anh thuận thực vì giác ngộ vô thượng, ông ấy đã hộ trì anh, ông ấy đã là giáo thọ của anh trong bát-nhã ba-la-mật, sự thiện xảo trong các phương tiện và trong các pháp của một vị Phật. Đó là ông ấy hộ trì anh, và vì hành vi từ ái đó anh phải tôn vinh ông ấy trong biết ơn và cảm ơn, và anh phải nhớ trong tâm những gì ông ấy đã làm cho anh. Hỡi người con trai của gia đình thiện lương, nếu trong một kiếp, hay hai kiếp, hay đến một trăm ngàn kiếp, hay hơn nữa, anh

sẽ phải mang Bồ-tát Đàm-vô-kiệt như một cái khăn đội đầu, cung cấp ông ấy mọi thứ làm cho chúng sinh hạnh phúc, và trình ông ấy nhiều sắc, thanh, mùi, vị và xúc như chúng có trong đại thiên thế giới, [494] – ngay cả lúc ấy anh cũng chưa trả được những gì mà người con trai của gia đình thiện lương ấy đã làm cho anh. Vì nhờ thần lực của ông ấy mà anh đã thu thập được các tam-muội này, mà anh đã nghe được bát-nhã ba-la-mật, sự thiêng xảo trong các phương tiện, và anh đã có được bát-nhã ba-la-mật này.

4. TÁT-ĐÀ-BA-LUÂN VÀ NGƯỜI CON GÁI CỦA THƯƠNG NHÂN

Sau khi an ủi Bồ-tát Tát-đà-ba-luân, các Nhu Lai lại biến mất. Nhưng *Tát-đà-ba-luân* xuất định và tự hỏi “các Nhu Lai từ đâu đến và các ngài ấy đi về đâu?” Vì không còn thấy các Nhu Lai đó nữa, ông ta lo lắng và mòn mỏi vì họ. Ông ta tự nghĩ: “Bồ-tát Đàm-vô-kiệt thánh thiện đã thu thập được các đà-la-ni, ngài ấy sở hữu năm lực thần thông, ngài ấy đã thực hiện bốn phận của mình dưới các bậc Chiến Thắng của quá khứ, ngài ấy là người bảo trợ và là thiện tri thức của ta, từ lâu đã làm tốt cho ta. Khi đến với ngài ấy ta phải hỏi về vấn đề này, yêu cầu ngài ấy giải thích các Nhu Lai từ đâu đến và họ đã đi về đâu.” Vì thế, Tát-đà-ba-luân nuôi dưỡng lòng yêu thương và sự tin tưởng, sự quý mến và lòng kính trọng đối với Bồ-tát Đàm-vô-kiệt. Rồi ông ta phản chiêu: “Bây giờ ta có thể đến gần Bồ-tát Đàm-vô-kiệt với loại phẩm vật tôn vinh gì? Nhưng ta nghèo, và không có vật gì có giá trị [495] mà ta có thể biểu thị lòng kính trọng và tôn quý. Đối với ta dường như không thể có chuyện đến mà không có bất cứ vật gì. Nhưng ta nghèo, và điều đó bây giờ làm ta buồn và hối tiếc.”

Như thế là cảm nhận, như thế là thái độ tôn kính, cùng với chúng Bồ-tát Tát-đà-ba-luân tiến hành cuộc hành trình. Đúng lúc ông ấy đến một thị trấn, đi vào giữa chợ, và quyết định bán thân mình, với giá tôn vinh Bồ-tát Đàm-vô-kiệt. “Vì qua đêm dài quá khứ, trong chu kỳ vô lượng của sinh và tử, hàng ngàn thân của tôi đã đan tành,

lãng phí, bị hoại diệt và bán đi, nhiều lần. Tôi đã trải nghiệm đau đớn trong khôn lường các địa ngục vì dục lạc, vì kết quả của dục lạc, nhưng chưa bao giờ nhân danh pháp như lần này, chưa bao giờ vì mục đích tôn vinh những người thuộc loại như thế.” Rồi Tát-đà-ba-luân đến giữa chợ, cất giọng lên kêu: “Ai cần người? Ai cần người? Ai muốn mua người?”

Vì thế Ác Ma tự nghĩ: “Hãy cản Bồ-tát Tát-đà-ba-luân lại đi. Vì nếu ông ta thành công trong việc bán mình vì quan tâm pháp, nếu ông ta tiếp tục vinh danh Bồ-tát Đàm-vô-kiệt và hỏi ông ấy, về bát-nhã ba-la-mật và sự thiện xảo trong các phương tiện, một Bồ-tát đang theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật làm sao có thể nhanh chóng đạt được giác ngộ viên mãn, thì ông ta sắp đến đại dương thánh trí, sẽ trở thành bất khả xâm phạm đối với Ma vương và nhóm của y, [496] và sẽ đạt sự hoàn thiện của tất cả các phẩm tính, sau đó ông ta sẽ làm việc vì phúc lợi của tất cả chúng sinh, và dẫn họ ra khỏi phạm vi của ta, và ông ta lại dẫn đi những người khác sau khi ông ta biết giác ngộ viên mãn.” Vì thế Ác Ma muốn những người Bà-la-môn và các gia chủ trong thị trấn đó không thể nghe giọng nói của Tát-đà-ba-luân. Khi Tát-đà-ba-luân không thể tìm được người mua mình, ông ta đi đến một bên, kêu gào, khóc lóc, và nói: “Hỡi ôi, thật khó cho chúng tôi, chúng tôi không tìm được người mua ngay cả thân mình, vì sau khi bán được thân, chúng tôi có thể vinh danh Bồ-tát Đàm-vô-kiệt.”

Ngay lúc đó Thiên đế *Thích-đè*, tự nghĩ: “Hãy để ta cân nhắc Bồ-tát Tát-đà-ba-luân xem sao. Nay giờ đây nhiệt tâm, ông ta sẽ từ bỏ thân vì quan tâm đến pháp, hay không?” Rồi *Thích-đè* biến mình thành một thanh niên, đi đến Bồ-tát Tát-đà-ba-luân, và nói: “Tại sao anh, hỡi người con trai của gia đình thiện lương, đứng đó, buồn bã, gầy mòn và nhõ lè?” [497] *Tát-đà-ba-luân* đáp: “Tôi muốn bán mình, nhưng tôi không thể tìm được người mua thân tôi.” *Thích-đè*, trong hình dạng người thanh niên, nói: “Với nhân danh gì mà anh muốn bán mình?” *Tát-đà-ba-luân* đáp: “Vì tình yêu đối với pháp mà tôi muốn bán mình, cũng như vì sùng bái pháp, và tôn vinh Bồ-tát Đàm-vô-kiệt. Nhưng tôi không tìm được người mua thân

này của tôi. Vì thế, tôi tự nghĩ, hối ôi, tôi phải là người thật sự quá ít công đức.” Người *thanh niên* nói: “Tôi thì tôi không cần người. Nhưng cha tôi thì phải hiến sinh. Vì thế tôi cần phải có trái tim, máu, và tủy xương của một người. Ông có thể cho tôi những thứ ấy, và tôi sẽ trả cho ông.” Lúc ấy *Tát-dà-ba-luân* tự nghĩ: “Ta đã có được những gì ta muốn quá dễ dàng. Bây giờ ta biết rằng thân ta đủ hoàn hảo cho ta đạt được bát-nhã ba-la-mật, sự thiện xảo trong các phương tiện và pháp của một vị Phật, bây giờ vì nơi người thanh niên này ta đã tìm được người mua tim, máu và tủy của ta.” Với tâm bùng lên niềm hân hoan, và tất cả sẵn sàng, ông ấy nói: “Tôi sẽ cho anh thân tôi, vì anh cần nó!” Người *thanh niên* hỏi: “Tôi trả cho ông giá thế nào?” *Tát-dà-ba-luân* đáp: “Hãy cho tôi bất cứ giá gì anh muốn.” [498] Rồi *Tát-dà-ba-luân* lấy một thanh kiếm bén, đâm qua cánh tay phải của mình, khiến cho máu chảy ra. Ông ta đâm vào đùi phải, cắt thịt nó, và sải bàn chân lên tường để bẻ gãy xương.

Người con gái của một thương nhân, từ trên cửa sổ cao của nhà nàng, nhìn thấy chuyện này, và nàng tự nghĩ: “Tại sao người con trai của gia đình thiện lương này phải làm như vậy với chính mình? Hãy để ta đến hỏi anh ta xem.” Nàng đi đến *Tát-dà-ba-luân*, và nói: “Tại sao anh phải gây thương tổn đau đớn chí mạng cho bản thân mình như thế này? Anh sẽ làm gì với máu này và tủy xương của anh?” *Tát-dà-ba-luân* nói: “Khi tôi bán những thứ đó cho người thanh niên này, tôi sẽ đi cúng bái bát-nhã ba-la-mật, và vinh danh Bồ-tát Đàm-vô-kiệt.” *Người con gái* của thương nhân nói: “Loại phẩm hạnh này là gì, sự thù thắng của những phẩm hạnh này là gì mà anh tạo ra nơi anh do ý muốn vinh danh Bồ-tát Đàm-vô-kiệt sau khi anh bán tim, máu, và tủy của mình?” *Tát-dà-ba-luân* đáp: “Ngài Đàm-vô-kiệt sẽ giải thích cho tôi bát-nhã ba-la-mật và sự thiện xảo trong các phương tiện. [499] Tôi sẽ tu luyện mình trong những pháp đó, và kết quả, tôi sẽ trở thành nơi qui y cho tất cả chúng sinh; và sau khi tôi biết được giác ngộ viên mãn, tôi sẽ có được thân màu vàng kim, ba mươi hai tướng tốt của tiên nhân, tám mươi vẻ đẹp, sự huy hoàng của vòng hào quang trải rộng vô cùng, đại từ, đại bi,

đại hỷ, đại xả, bốn nền tảng vô úy, bốn trí phân tích¹⁰⁴, mười tám pháp bất cộng của một vị Phật, và tôi sẽ có được năm thàn thông, sự thanh tịnh bất khả tư nghị của hành xử, sự thanh tịnh bất khả tư nghị của tam-muội, sự thanh tịnh bất khả tư nghị của trí tuệ, và mười lực của Như Lai. Tôi sẽ thức tỉnh đầy đủ với tri kiến vô thượng của một vị Phật, và có được pháp bảo quý báu vô thượng mà tôi sẽ chia sẻ với tất cả chúng sinh.”

Người con gái của thương nhân đáp: “Kỳ diệu thay, hỡi người con trai của gia đình thiện lương, cao cả làm sao là các pháp mà ngài vừa công bố. Vì dù cho chỉ một trong những pháp này mà người ta tự nguyện từ bỏ các thân của mình ngay cả trong vô số kiếp, nếu vì nhiều pháp thì còn nhiều hơn biết bao. Những pháp mà ngài đã công bố này cũng làm tôi vui lòng, và dường như là tốt đối với tôi. Nhưng hãy xem, hỡi người con trai của gia đình thiện lương, tôi sẽ cho ngài bắt cứ thứ gì ngài cần, và rồi với những thứ ấy ngài có thể [500] vinh danh Bồ-tát Đàm-vô-kiệt đó! Nhưng đừng làm tổn thương đau đớn như thế cho chính mình! Tôi cũng sẽ đi với ngài đến Bồ-tát Đàm-vô-kiệt! Tôi cũng sẽ cùng với ngài trồng một ít thiện căn giúp đạt được những pháp như thế!”

Thiên đế Thích-đế, ngay lúc ấy ném bỏ lớp nguy trang thanh niên, và trong thân riêng của mình, thản đúng ngay trước Bồ-tát Tát-dà-ba-luân, và nói: “Tôi tán thán ý thức vững chắc của ngài về nghĩa vụ. Trong quá khứ các Như Lai cũng đã có lòng ham muốn to lớn vì pháp, và nó trợ giúp các ngài ấy biết được giác ngộ viên mãn và có được Pháp bảo quý báu, sau khi các ngài ấy đầu tiên đã theo đuổi theo chiều hướng của một Bồ-tát, và hỏi những câu hỏi về bát-nhã ba-la-mật và sự thiện xảo trong các phương tiện. Tôi không cần tim, máu hay tủy của ngài. Tôi chỉ đến đây để trắc nghiệm ngài. Böyle giờ hãy chọn yêu cầu. Tôi sẽ cho ngài bắt cứ yêu cầu gì!”

Tát-dà-ba-luân đáp: “Hãy cho tôi các pháp vô thượng của một vị Phật!” *Thiên đế Thích-đế*, đáp: “Cái đó không nằm trong lãnh vực của tôi. Cái đó nằm trong lãnh vực của các Phật, các Thế Tôn.

¹⁰⁴ Phạn: *pratisamvid*.

Hãy chọn yêu cầu khác!” *Tát-dà-ba-luân* đáp: “Đừng phiền lòng về tình trạng thân tôi bị cắt xéo! Bây giờ tôi sẽ tự làm nó trở lại hoàn toàn bằng huyền lực của sự phát biểu Chân lý của tôi. Vì tôi ở trong sự thật bất thối chuyền, được thọ ký giác ngộ viên mãn và tôi được các Như Lai biết do quyết tâm không thể chinh phục được của tôi, – nguyện nhở Chân lý này, qua lời nói này của Chân lý, thân tôi đây trở lại như nó trước kia! Chính giây phút đó, tức thời và thứ nhì, nhở thần lực của Phật và qua quyết tâm hoàn toàn thanh tịnh của Bồ-tát, thân của Bồ-tát *Tát-dà-ba-luân* trở lại thành như nó trước kia, khỏe mạnh và nguyên vẹn. Thiên đế Thích-đế, và Ác Ma lui vào im lặng, chỉ biến mất khỏi chỗ này.

Rồi *người con gái của thương nhân* nói với *Tát-dà-ba-luân*: “Hãy đi, hỡi người con trai của gia đình thiện lương, hãy đi lên nhà của tôi. Tôi sẽ yêu cầu cha mẹ tôi cho ngài những của cải mà ngài có thể biểu thị lòng ham muốn sùng bái bát-nhã ba-la-mật đó của ngài, và để vinh danh Bồ-tát Đàm-vô-kiệt đó, lòng ham muốn vì tình yêu mến của ngài đối với pháp.” Bồ-tát *Tát-dà-ba-luân* và người con gái của thương nhân cùng nhau đến nhà nàng. Khi họ đến đó, *Tát-dà-ba-luân* cứ đứng trên bậc cửa, trong khi người con gái của thương nhân đi vào trong nhà, và nói với *cha mẹ nàng*: “Ba Mẹ ơi, các người phải cho con một phần của cải ba mẹ đi! Con muốn ra đi với năm trăm cô gái mà ba mẹ đã cho con làm tỳ nữ! Cùng với Bồ-tát *Tát-dà-ba-luân* con muốn đến Bồ-tát Đàm-vô-kiệt, để cúng bái ngài ấy, và ngài ấy sẽ chứng minh pháp cho chúng con, và đó là cách chúng con sẽ có được các pháp của một vị Phật. [502] Cha mẹ nàng đáp: “Vậy thì Bồ-tát *Tát-dà-ba-luân* ai là, và bây giờ ông ấy ở đâu?”

Người con gái của thương nhân nói: “Người con trai của gia đình thiện lương này đứng ở ngưỡng cửa nhà chúng ta. Và ông ta đã lên đường quyết tâm biết giác ngộ viên mãn, nói cách khác, ông ta muốn giải thoát tất cả chúng sinh khỏi đau khổ vô lượng của sinh và tử.” Và nàng kể cho họ tất cả những gì nàng đã thấy và nghe, [503] *Tát-dà-ba-luân* đã bán thân, cắt xéo thịt nó như thế nào, nàng đã hỏi lý do của ông ấy như thế nào, và ông ấy đã tán thán và tiết

lộ với nàng những phẩm tính không thể nghĩ bàn của một vị Phật và các pháp vô lượng của một vị Phật, mà ông ấy đã có trong tâm làm mục đích. Nàng tiếp tục nói rằng “Khi con nghe về những phẩm tính không thể nghĩ bàn của một vị Phật, con cảm thấy quá vui sướng. Và con tự nghĩ: ‘Thực là kỳ diệu đến độ người con trai này của gia đình thiện lương là người làm điều khó làm, và ông ấy phải yêu thích pháp biết bao để chịu đựng áp lực và đau đớn nơi thân mình. Vì đó là do yêu thích pháp mà ông ấy từ bỏ chính mình. Làm sao chúng ta có thể không sùng bái pháp, và lập thệ nguyện cầu tìm những trạm dừng (stations) như thế, chúng ta những người có những sở hữu quảng đại và thừa thãi?’” [504] Vì thế, con đã nói với người con trai của gia đình thiện lương đó: “Đừng gây thương tổn chí mạng như thế cho bản thân! Tôi sẽ cho ông nhiều của cải giàu sang, ông có thể dùng để cúng bái và vinh danh Bồ-tát Đàm-vô-kiệt thánh thiện đó, tôi cũng sẽ đi cùng ông đến vị Bồ-tát đó, và tôi sẽ cúng bái ngài ấy. Tôi cũng sẽ thành tựu các pháp vô thượng đó của một vị Phật mà ông đã công bố! Ba Mẹ ơi, hãy cho phép con đi, và cho con những của cải mà con đã yêu cầu!”

Cha mẹ cô ta đáp: “Kỳ diệu làm sao con đã khéo liên hệ với những khó khăn của người con trai của gia đình thiện lương đó. Không thể nghĩ bàn, vì chắc chắn phải là vì pháp, vì thế mà ông ta có thể chịu đựng những khó khăn đó, đó phải là những điều khác biệt nhất trong toàn thế gian, một nguồn hạnh phúc cho tất cả chúng sinh! Chúng ta sẽ cho phép con đi. Chúng ta cũng sẽ thích đi với con, để xem, lễ chào, vinh danh, cúng bái Bồ-tát Đàm-vô-kiệt đó.” Người con gái đáp: “Hãy làm như ba mẹ nói. Con không phản đối những người ở bên phía đúng.”

5. GẶP BỒ-TÁT ĐÀM-VÔ-KIỆT

Như thế là người con gái của thương nhân lên đường đến cúng bái và vinh danh Bồ-tát Đàm-vô-kiệt. [505] Nàng lấy năm trăm cỗ xe và ra lệnh cho năm trăm thị nữ chuẩn bị sẵn sàng. Nàng lấy rất nhiều của cải, và rất nhiều lương thực dự trữ, lên một xe cùng với

Bồ-tát Tát-dà-ba-luân, và tiến về phía Đông, vây quanh là năm trăm thị nữ trên năm trăm chiếc xe của họ, tháp tùng là một đoàn tùy tùng đông đảo và đi trước là cha mẹ nàng. Sau một thời gian Bồ-tát Tát-dà-ba-luân thấy thành Chúng hương từ đàng xa. Ở giữa chợ, ông ta thấy Bồ-tát Đàm-vô-kiệt trên tòa cao, chứng minh pháp, vây quanh là một hội chúng nhiều trăm, nghìn, nghìn trăm ngàn người. Giây phút thấy ông ấy, ông ta tràn đầy thú hạnh phúc [506] mà một tỳ-kheo cảm thấy khi ông ta có được tam-muội đầu tiên với sự chú ý qui nhất. Ông ta nhìn lên ông ấy và tự nghĩ: “Dường như không phải để cho mình ngồi trên xe mà đến gần Bồ-tát Đàm-vô-kiệt. Vì thế mình hãy xuống xe đi!” Ngay lúc đó ông ta xuống xe, và người con gái của thương nhân với năm trăm thị nữ của nàng theo sau. Tát-dà-ba-luân, với người con gái của thương nhân và năm trăm thị nữ lúc ấy đi lên chỗ Bồ-tát Đàm-vô-kiệt ngồi giữa một nơi trung bày những nguyện vọng về đạo. Vì Bồ-tát Đàm-vô-kiệt lúc đó đã tạo ra, vì bát-nhã ba-la-mật, một tháp nhọn, làm bằng bảy báu, trang trí bằng gỗ chiến-đàn đỏ, và bao quanh là những đồ trang trí bằng ngọc. Đặt ở bốn góc của tháp nhọn là những viên ngọc, làm nhiệm vụ của những ngọn đèn. Bốn bình nhang làm bằng bạc treo lơ lửng bốn bên, và gỗ già-la đen thanh tịnh đang cháy bên trong các bình, như là dấu hiệu cúng bái bát-nhã ba-la-mật. Và đặt ở giữa tháp nhọn ấy là một chiếc trường kỷ làm bằng bảy báu, và trên đó là một chiếc hộp làm bằng bốn viên ngọc lớn. Đặt vào đó là những chữ bát-nhã ba-la-mật viết bằng ngọc lưu ly tan ra trên những tấm bản nhỏ bằng vàng. Và tháp nhọn đó được trang nghiêm bằng những vòng hoa có màu sắc sáng treo trên những mảnh vải dài và hẹp.

Bồ-tát Tát-dà-ba-luân và người con gái của thương nhân với năm trăm thị nữ nhìn lên tháp nhọn đó, được trang trí rất trang nghiêm như một sự trung bày những nguyện vọng của đạo. Họ thấy hàng ngàn thần, với Thiên đế Thích-đè, rải lên tháp nhọn hoa trời Mạn-đà-la, bột chiến-đàn cõi trời, bụi vàng cõi trời, bụi bạc cõi trời, [507] và họ nghe nhạc của những nhạc khí cõi trời. Rồi Tát-dà-ba-luân hỏi Thiên đế Thích-đè: “Vì mục đích gì mà ngài, cùng với

nhiều ngàn chúng thiên, rải lên tháp nhọn gồm nhiều thứ quý, hoa trời Mạn-dà-la, v.v..., và tại sao chư thiên chơi nhạc trời bằng những nhạc cụ của họ trên hư không?"

Thích-đè trả lời: Ông không biết sao, hỡi người con trai của gia đình thiện lương? Đây là bát-nhã ba-la-mật, là mẹ và người dẫn đạo của các Bồ-tát. Khi các Bồ-tát tu luyện trong đó, họ sớm đạt đến mức toàn hảo của các phẩm tính, và như thế, tất cả các pháp của một vị Phật và nhất thiết chủng trí (the knowledge of all modes)."

Tát-dà-ba-luân đáp: "Bát-nhã ba-la-mật này, người mẹ và người dẫn đạo của Bồ-tát ấy ở đâu?"

Thích-đè trả lời: Bồ-tát Đàm-vô-kiệt đặt nó ở giữa tòa tháp nhọn này, sau khi ngài ấy đã viết nó lên trên những tấm bảng nhỏ bằng vàng bằng lưu ly tan ra, và niêm nó lại bằng bảy dấu ấn. Chúng tôi không thể chỉ cho ngài một cách dễ dàng."

Vì thế, Bồ-tát Tát-dà-ba-la và người con gái của thương nhân, với năm trăm thị nữ của nàng, tất cả đều cúng bái bát-nhã ba-la-mật – bằng hoa mà họ đã mang theo, và bằng những vòng hoa, tràng hoa, y áo, ngọc, nhang, cờ, và hoa bằng vàng và bạc [508] và từng người một, họ đặt phần của họ phía trước, để vinh danh Bồ-tát Đàm-vô-kiệt nhiều hơn. Rồi họ sùng bái Bồ-tát Đàm-vô-kiệt bằng cách rải hoa, v.v..., lên ngài ấy, và chơi nhạc trời trên các nhạc cụ của họ – được điều động bởi lòng ham muốn sùng bái pháp.

Rồi hoa hiện lên cao bên trên đầu của Bồ-tát Đàm-vô-kiệt và tạo thành hình một tháp hoa nhọn. Và hoa đó có nhiều màu sắc khác nhau, vàng và bạc, đứng cao trên không trung, giống như cái đình. Và y áo, ngọc đứng cao trên không trung, giống như một cái đình trong mây. Khi Bồ-tát Tát-dà-ba-luân và người con gái của thương nhân với năm trăm thị nữ của nàng nhìn thấy điều kỳ lạ này, họ tự nghĩ: "Thật kỳ diệu là thấy diệu lực mà Bồ-tát Đàm-vô-kiệt này sở hữu, một thần lực vĩ đại làm sao, một ánh hưởng vĩ đại làm sao. Cho đến bây giờ ngài ấy chỉ theo đuổi theo chiều hướng của một Bồ-tát, và bây giờ ngài ấy đã sở hữu rất nhiều năng lực làm những điều kỳ diệu. Ngài ấy còn có nhiều hơn biết bao sau khi ngài ấy biết được giác ngộ viên mãn!" [509] Vì thế, người con gái của thương

nhân và năm trăm thị nữ cảm thấy mong ước Bồ-tát Đàm-vô-kiệt. Tất cả một lòng, họ quyết vươn tâm lên đến giác ngộ vô thượng, và nói: “Nguyện cho chúng con, nhờ thiện căn này, trong một thời vị lai trở thành những Như Lai! Nguyện cho chúng con đến theo đuổi theo chiều hướng của các Bồ-tát, và nguyện cho chúng con thọ nhận chính những pháp mà Bồ-tát Đàm-vô-sám này đã thọ nhận! Và nguyện cho chúng con như thế vinh danh và kính trọng bát-nhã ba-la-mật như Bồ-tát Đàm-vô-kiệt này vinh danh và kính trọng nó, và nguyện cho chúng con khải thị nó với nhiều người như ngài ấy khải thị! Và nguyện cho chúng con trở thành như được phú bẩm bát-nhã ba-la-mật, sự thiện xảo trong các phương tiện, và được thành tựu nơi chúng như Bồ-tát Đàm-vô-kiệt này vậy!”

Bồ-tát Tát-dà-ba-luân, và người con gái của thương nhân với năm trăm thị nữ, sau khi họ đã cúi đầu bái lạy bát-nhã ba-la-mật và vinh danh Bồ-tát Đàm-vô-kiệt, cung kính lễ chào với hai tay chắp lại, và đứng sang một bên. Rồi Bồ-tát Tát-dà-ba-luân kề toàn bộ câu chuyện về cuộc cầu tìm bát-nhã ba-la-mật của mình, bắt đầu với tiếng nói mà ông ấy đã nghe trong khu rừng đó, bảo ông ấy đi về phía Đông. [510] Ông ấy nói với Bồ-tát Đàm-vô-kiệt ông ấy đã trú trong nhiều tam-muội như thế nào, và chư Phật và chư Thê Tôn trong mười phương đã an ủi và tán dương ông ấy như thế nào, và nói: “Làm hay đây, hỡi người con trai của gia đình thiện lương! Các tam-muội này đã xuất phát từ bát-nhã ba-la-mật. Bằng cách trụ vững chắc trong bát-nhã ba-la-mật, chúng ta đạt được tất cả các pháp của một vị Phật.” Ông ấy tiếp tục liên hệ: “Lúc ấy các Như Lai lại biến mất, và tôi ra khỏi cảnh giới tam-muội đó. Rồi tôi tự hỏi ‘bây giờ các Như Lai này đã từ đâu đến, và các ngài ấy đã đi đâu?’ Tôi tự nghĩ rằng ‘Bồ-tát Đàm-vô-kiệt thánh thiện đã thọ nhận các đà-la-ni, [511] ngài ấy sở hữu năm thần thông, ngài ấy đã thi hành các bốn phận của mình dưới các bậc Chiến Thắng trong quá khứ, ngài ấy đã tròng các thiện căn, và tu luyện tốt trong bát-nhã ba-la-mật và các phương tiện thiện xảo. Ngài ấy sẽ giải thích vấn đề này như thực, và nói với tôi các Như Lai đó từ đâu đến và đi về đâu.’ Bây giờ tôi đã đến với ngài, và tôi hỏi ngài, hỡi người con trai

của gia đình thiện lương: ‘Các Nhu Lai đó đã từ đâu đến và đi về đâu? Hãy chứng minh với tôi, hỡi người con trai của gia đình thiện lương, sự đến và đi của các Nhu Lai ấy, như thế chúng tôi có thể tri kiến nó, và như thế chúng tôi có thể trở thành không thiếu cái thấy của các Nhu Lai ấy.’”

Chương XXXI

BỒ-TÁT ĐÀM-VÔ-KIỆT

1. SỰ ĐẾN VÀ ĐI CỦA CÁC NHƯ LAI

Đàm-vô-kiệt: Chắc chắn các Như Lai không từ đâu đến và cũng không đi về đâu. Bởi vì Chân như bất động, và Như Lai là Chân như. Không sinh không đến cũng không đi, và Như Lai không sinh. Người ta không thể tư duy về sự đến và đi của biên tế của thực tại, và Như Lai là biên tế của thực tại. Cũng có thể nói như vậy về không, về cái gì hiện hữu phù hợp với sự thật, về sự không bị sự xúc động làm ảnh hưởng, về sự dừng lại, về thế giới hư không. Vì Như Lai không ở ngoài các pháp này. Chân như của các pháp này, Chân như của tất cả các pháp, và Chân như của Như Lai một cách đơn giản chỉ là Chân như duy nhất này. Không có sự phân chia trong Chân như. Chỉ đơn giản cái một duy nhất là Chân như này, không hai, không ba. Chân như đã vượt qua tính toán, bởi vì nó không tồn tại. Một người, bị nóng mùa hè nung đốt, trong tháng cuối cùng của mùa hè [513] giữa trưa thấy bập bềnh một bóng nước trong sa mạc, có thể chạy đến đó, và nghĩ ‘ở đó ta sẽ tìm được một ít nước, ở đó ta sẽ tìm được cái gì đó để uống.’ Anh nghĩ thế nào, hỡi người con trai của gia đình thiện lương, nước đó có từ đâu đến, hay nước đó có đi về đâu, đến đại dương to lớn ở phía Đông, hay phía Nam, phía Bắc, hay phía Tây không?

Tát-đà-ba-luân: Không có nước hiện hữu trong cái bóng nước đó. Làm sao người ta có thể suy nghĩ về nước đến hay đi? Người đó lại khờ khạo và ngu si nếu khi thấy bóng nước, người ấy hình thành ý niệm về nước ở nơi không có nước. Nước trong tự tánh của nó chắc chắn không hiện hữu nơi cái bóng nước ấy.

Đàm-vô-kiệt: Cũng ngu như vậy là tất cả những người chấp Như Lai qua sắc, thanh, và chung qui tướng tượng ra sự đến hay đi của một Như Lai. Vì người ta không thể thấy Như Lai từ sắc thân. Các pháp thân là những Như Lai và thực tánh của các pháp không đến

hay đi. Không có sự đến hay đi của thân của một con voi, con ngựa, cái xe hay người bộ binh do một nhà huyền thuật triệu gọi. Cũng vậy, không có sự đến cũng không có sự đi của các Như Lai. Một người đang ngủ có thể thấy trong giấc mộng của mình một Như Lai, hay hai, hay ba, hay cho đến một ngàn, hay hơn nữa [514]. Tuy nhiên khi thức dậy, người ấy sẽ không còn thấy dù cho chỉ một Như Lai. Ý ông thế nào, hỏi người con trai của gia đình thiện lương, các Như Lai này có từ đâu đến hay có đi về đâu chăng?

Tát-dà-ba-luân: Người ta không thể nghĩ rằng trong giấc mộng đó tất cả bất cứ pháp nào cũng có địa vị của một thực tướng viễn mãn và toàn hảo, vì mộng là lừa dối.

Dàm-vô-kiệt: Cũng vậy các Như Lai đã dạy rằng tất cả các pháp đều như mộng. Tất cả những ai không tuệ tri tất cả các pháp như thực, tức là, như mộng, như chư Như Lai đã chỉ ra, chúng dính bám vào các Như Lai qua danh thân và sắc thân của các ngài, và kết cục họ tưởng tượng rằng Như Lai đến và đi. Những ai ở trong vô minh về chân tánh của các pháp tưởng tượng sự đến hay đi của các Như Lai, họ là những người phàm ngu ngốc, toàn bộ thời gian họ thuộc về sinh tử với sáu nơi tái sinh, và họ cách xa bát-nhã ba-la-mật, cách xa các pháp của một vị Phật. Trái lại, tuy nhiên những ai biết tất cả các pháp như thực đều là như mộng, hợp với lời dạy của Như Lai, họ không tưởng tượng sự đến hay đi của bất cứ một pháp nào, cũng không tưởng tượng sự sinh và diệt của chúng. Họ tuệ tri Như Lai trong chân tánh của ngài, và họ không tưởng tượng sự đến hay đi của các Như Lai. Và những ai tuệ tri chân tánh của một Như Lai, họ theo đuổi gần giác ngộ viên mãn và họ theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật. Những vị đệ tử này của đức Thé Tôn không tiêu hóa của bố thí một cách không có kết quả, [515] và họ xứng đáng với những tặng phẩm của thế gian. Ngọc trong biển lớn không đến từ phía Đông, hay phía Tây, hay ở bất cứ chỗ nào khác trong mười phương, nhưng chúng nợ các thiện căn của chúng sinh về sự hiện hữu của chúng. Chúng không sinh từ không nhân. Và khi tùy thuộc vào nhân, duyên, và lý do, những viên ngọc này sinh và diệt do các duyên, chúng không chuyển đến bất cứ chỗ nào bất cứ ở đâu trên

thé gian bằng bất cứ phương nào trong mười phương. Tuy nhiên, khi những duyên đó hiện hữu, các viên ngọc gia tăng; khi những duyên đó vắng mặt, không có sự gia tăng nào xảy ra. Cũng vậy, thân toàn hảo của các Như Lai không đến từ bất cứ nơi nào ở bất cứ nơi đâu trong thế giới mười phương. Nhưng thân của các Phật và các Thê Tôn không phải không có nhân. Nó đã được sự hành xử của các ngài trong quá khứ đưa đến toàn hảo, và nó đã được sinh ra tùy thuộc vào các nhân và duyên, cùng được sinh bởi các phụ duyên, sinh ra như là kết quả của nghiệp trong quá khứ. Tuy nhiên, nó không ở bất cứ chỗ nào bất cứ nơi đâu trong thế giới mười phương. Nhưng khi những duyên đó vắng mặt, sự thành tựu của thân trở nên chẳng thể nghĩ bàn. Khi âm thanh của đàn hạc¹⁰⁵ phát ra, nó không từ đâu đến. Khi ngừng, nó không đi đâu, cũng không chuyển đến bất cứ chỗ nào. Nhưng nó được tùy duyên sinh ra do tổng thể của các nhân và duyên, – nghĩa là, cái thân rỗng có hình chiếc thuyền của cây đàn hạc, miếng tăng âm bằng giấy da, các dây đàn, cái cần đàn rỗng, sự đóng thùng, miếng gảy đàn, người chơi đàn, sự gắng sức của người chơi. [516] Như vậy, âm thanh này đến từ đàn hạc, tùy thuộc các nhân, tùy thuộc các duyên. Song âm thanh đó không đến từ cái thân rỗng của đàn hạc, không từ miếng tăng âm bằng giấy da, không từ các sợi dây đàn, không từ cái cần rỗng, không từ sự đóng thùng, không từ miếng gảy đàn, không từ người chơi đàn, cũng không từ sự gắng sức của người chơi nó. Ấy chỉ là sự kết hợp của tất cả những thứ đó tạo nên âm thanh có thể nghĩ ra được. Và khi ngừng lại, âm thanh ấy cũng không đi đâu. Cũng vậy, thân toàn hảo của các Phật và các Thê Tôn tùy thuộc vào các nhân, tùy thuộc vào các duyên, và nó đã được đưa đến toàn hảo qua những tận lực dẫn đến nhiều thiện căn. Nhưng sự gia tăng của thân Phật không kết quả từ một nhân duy nhất, không từ một duyên duy nhất, cũng không từ một thiện căn duy nhất. Và nó không phải không nhân. Nó được sinh bởi một tổng số nhiều nhân và duyên, nhưng nó không đến từ bất cứ chỗ nào. Và khi tổng số của các nhân và duyên ngừng hiện hữu, nó không đi về đâu. Nó là như thế mà ông

¹⁰⁵ Anh: *boogharp*.

nên xem sự đến và đi của các Như Lai đó, và ông nêu chấp nhận chân tánh của tất cả các pháp. Và nó chỉ vì ông sẽ tuệ tri rằng các Như Lai, và tất cả các pháp cũng vậy, không phải sinh cũng không phải diệt, ông sẽ trở nên có định trên giác ngộ viên mãn, và nhất định ông sẽ theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật và sự thiện xảo trong các phương tiện.

Khi được dạy cho sự trình bày công phu này về sự thật rằng các Như Lai không đến cũng không đi, trái đất và toàn thể đại thiên thế giới chấn động theo sáu cách, nó bị khuấy động, lung lay, lúc lắc, và vang dội àm àm. Và tất cả cõi của Ma vương đều bị khuấy động và bối rối. Tất cả cỏ, bụi cây, thảo mộc và cây trong đại thiên thế giới cong theo chiều hướng của Bồ-tát Đàm-vô-kiệt. [517] Hoa lên ngoài mùa. Từ trên cao trong không trung một trận mưa hoa lớn đổ xuống. *Thiên đế Thích-đè*, và *Bốn Đại Thiên Vương* rải và đồ bột gỗ chiên-dàn của trời lên Bồ-tát Đàm-vô-kiệt, và nói: “Nói hay đáy, hỡi người con trai của gia đình thiện lương. Nhờ thần lực của anh chúng tôi đã nghe một bài pháp đến từ thực tướng tối hậu, trái với toàn thế giới, không cho lý do nào cho bất cứ ai trong những chúng sinh đã trụ vững trong bất cứ cái thấy nào liên quan đến sự giả định về một cá thể, hay người đã an trụ trong bất kỳ quan điểm nào trong các quan điểm giả định sự hiện hữu của một vật không có.”

Rồi *Tát-dà-ba-luân* hỏi Đàm-vô-kiệt: “Nguyên nhân gì, lý do gì mà cơn địa chấn to lớn này thị hiện trong thế gian?”

Đàm-vô-kiệt: Do ông yêu cầu trình bày công phu về sự không đến và không đi này của các Như Lai, và qua sự quảng diễn của tôi về nó, tám ngàn chúng sinh đã đạt được hạnh vô sinh pháp nhẫn, tám mươi na-do-tha chúng sinh đã phát tâm bồ-đề, và sáu vạn bốn ngàn chúng sinh đạt được con mắt pháp an nhiên, không cầu uế được tịnh hoá vì cái thấy pháp.

2. SỰ TỰ HY SINH CỦA TÁT-ĐÀ-BA-LUÂN

Rồi Bồ-tát *Tát-dà-ba-luân* đã có một cảm nhận vô thượng, cao cả của nhiệt tình và hoan hỉ: “Ấy là sự được đối với tôi, một sự

được rất to lớn, bằng cách đòi hỏi bát-nhã ba-la-mật và sự trình bày công phu, tôi đã tạo ra cảnh hạnh phúc của rất nhiều chúng sinh. [518] Một mình điều đó sẽ đem lại cho tôi công đức đủ cho sự thành tựu giác ngộ viên mãn. Chắc chắn tôi sẽ trở thành một Nhu Lai.” Trong nhiệt tình và hoan hỉ, ông ấy đã giơ bảy cây cọ lên cao trên không trung, và đứng ở độ cao của bảy cây cọ, ông ấy phản chiếu: “Làm sao tôi có thể, đứng ở đây trong không trung, vinh danh Bồ-tát Đàm-vô-kiệt?” Thiên đế *Thích-đè*, thấy ông ấy, đọc được ý nghĩ của ông ấy, cúng dường ông ấy hoa trời Mạn-đà-la, và nói với ông ấy: “Hãy vinh danh Bồ-tát Đàm-vô-kiệt với những hoa trời này! Vì chúng ta cảm thấy rằng chúng ta sẽ vinh danh người đã giúp ngài. Hôm nay thần lực của ngài đã tạo ra cảnh hạnh phúc nhiều ngàn chúng sinh. Hiếm có là những người, giống như ngài, có sức mạnh, vì tất cả chúng sinh qua vô số kiếp mang gánh nặng to lớn.”

Rồi Bồ-tát *Tát-đà-ba-luân* lấy những hoa Mạn-đà-la từ Thiên đế Thích-đè, và rải lên Bồ-tát Đàm-vô-kiệt. Ông ấy cúng dường Bồ-tát Đàm-vô-kiệt bằng thân của riêng ông ấy, và nói: “Con cúng dường ngài bằng chính con đây như một phẩm vật, và con sẽ là thí giả hầu cận từ hôm nay trở đi.” Và với hai tay chấp lại, ông ấy đứng trước Bồ-tát Đàm-vô-kiệt. [519] Người con gái của thương nhân và năm trăm thị nữ lúc ấy nói với Bồ-tát Tát-đà-ba-luân: “Đến lượt chúng con cúng dường chính chúng con với ngài, hởi người con trai của gia đình thiện lương. Nhờ thiện căn này chúng con cũng sẽ trở thành những người thọ nhận chính những pháp này, và cùng với ngài chúng con sẽ vinh danh và tôn kính các Phật và các Thế Tôn, và các Bồ-tát hết lần này đến lần khác và chúng con sẽ ở lại gần ngài.” Tát-đà-ba-luân nói: “Này các cô gái, nếu các cô bắt chước nhiệt tâm của tôi, cúng dường chính các cô với nhiệt tâm cho tôi, thì tôi sẽ chấp nhận.” Các cô gái đáp: “Chúng con bắt chước ngài, và với quyết tâm nhiệt thành chúng con cúng dường chúng con cho ngài như một phẩm vật cúng dường, ngài hành xử thế nào tùy ý.” Vì thế, Bồ-tát Tát-đà-ba-luân cúng dường người con gái của thương nhân và năm trăm thị nữ, đã tô điểm và trang sức, cùng với năm trăm cỗ xe khéo trang trí cho Bồ-tát Đàm-vô-kiệt, và nói: “Tất cả

những cái này con xin cúng dường ngài làm thị giả và cận sự, và năm trăm cỗ xe cũng cho ngài tiện dụng.” Thiên đế Thích-đè, chúc mừng ông ấy và nói: “Làm hay lầm, hỡi người con trai của gia đình thiện lương! Một Bồ-tát phải từ bỏ tất cả những sở hữu của mình. Nhờ ý niệm từ bỏ đó ông ấy sớm đạt được giác ngộ viên mãn, và như thế những cúng bái mà ông ấy đáp trả cho những người thuyết giảng pháp khiến cho ông ấy có thể nghe bát-nhã ba-la-mật và sự thiện xảo trong các phương tiện. [520] Cũng vậy trong quá khứ các Như Lai, khi vẫn còn là Bồ-tát, do sự thật rằng các ngài đã từ bỏ mọi thứ, đã có được sự khẳng định về giác ngộ viên mãn; và các ngài ấy cũng đã hỏi những câu hỏi về bát-nhã ba-la-mật và về sự thiện xảo trong các phương tiện.” Bồ-tát Đàm-vô-kiệt chấp nhận món quà của Tát-đà-ba-luân, vì thế thiện căn của ông ấy có thể đạt đến mức viên mãn. Ngay sau đó ông ấy trả nó lại cho Tát-đà-ba-luân. Sau đó, Bồ-tát Đàm-vô-kiệt đi vào nhà. Mặt trời sắp lặn.

Rồi Bồ-tát *Tát-đà-ba-luân* tự nghĩ: “Quả thật đối với ta, người đến đây vì yêu mến pháp, dường như không phải là để ngồi hay nằm. Ta sẽ vẫn hoặc đứng hay đi, cho đến lúc Bồ-tát Đàm-vô-kiệt sẽ lại ra khỏi nhà, để khai thị pháp cho chúng ta.”

Rồi Bồ-tát Đàm-vô-kiệt vẫn cứ như thế trong bảy năm nhập trong một cảnh giới định không bị gián đoạn, và ông ấy ở trong vô số ngàn tam-muội, đặc biệt đối với các Bồ-tát, phát xuất từ bát-nhã ba-la-mật và sự thiện xảo trong các phương tiện. Trong bảy năm Tát-đà-ba-luân không bao giờ dùng bất cứ một tư thế nào khác hơn hai tư thế vừa kể, và ông ấy không bao giờ rời vào giải đãi và hôn trầm. Trong bảy năm ông ấy không bao giờ cảm thấy bất cứ một bộn tâm nào về nhục dục, hay ác ý, hay làm hại người khác, ông ấy không bao giờ cảm thấy bất cứ một sự hăng hái nào về mùi vị, hay bất cứ một sự tự mãn nào. Nhưng ông ấy nghĩ: “Rồi đến khi nào Bồ-tát Đàm-vô-kiệt xuất định, [521] như thế chúng ta có thể trải tòa ngồi cho ngài ấy, ở đó ngài ấy có thể chứng minh pháp, và như thế chúng ta có thể rưới nước mát chỗ ngài ấy sẽ khai thị bát-nhã ba-la-mật và sự thiện xảo trong các phương tiện, xúc dầu thơm cho nó và trang trí nó bằng nhiều hoa?” Và người con gái của thương

nhân với năm trăm thị nữ theo gương ông ấy, trải qua thời gian của họ chỉ trong hai tư thế, và bắt chước tất cả những việc ông ấy làm.

Một hôm Bồ-tát Tát-đà-ba-luân nghe *tiếng trên không* nói rằng: “Vào ngày thứ bảy kể từ hôm nay Bồ-tát Đàm-vô-kiệt sẽ xuất định, và rồi ông ấy sẽ ngồi ở trung tâm thị trấn chứng minh pháp.” Khi Tát-đà-ba-luân nghe tiếng nói trên không, ông ấy hài lòng, phấn khởi, hoan hỉ, và vui sướng. Cùng với người con gái của thương nhân và năm trăm thị nữ của nàng, ông ấy quét sân, trải tòa ngồi làm bằng bảy thứ báu, cởi chiếc áo ngoài của mình ra và trải nó trên tòa ngồi. Các thị nữ cũng cởi áo ngoài của họ, trải năm trăm chiếc áo ngoài của họ lên tòa ngồi đó, và nghĩ: “Ngồi trên tòa đó Bồ-tát Đàm-vô-kiệt sẽ chứng minh pháp.” [522] Và họ cũng hài lòng, phấn khởi, hoan hỉ, và quá vui sướng.

Khi Bồ-tát Tát-đà-ba-luân muôn rưới nước mặt nền đất, ông ấy không thể tìm được nước, mặc dù ông ấy đã tìm khắp chung quanh. Vì Ác Ma, đã giấu tất cả nước. Và y đã giấu, như thế nếu không thể tìm thấy nước, Tát-đà-ba-luân sẽ trở nên phiền não và buồn, hay đổi ý, với kết quả là thiện căn của ông ấy sẽ biến mất, hay sự hăng hái cúng bái này sẽ lảng xuồng. Rồi Bồ-tát *Tát-đà-ba-luân* tự nghĩ: “Để ta đâm lủng thân ta và rưới nền đất bằng máu ta. Nền đất này đầy bụi bay lên, và ta e rằng một ít bụi đó có thể rơi trên thân của Bồ-tát Đàm-vô-kiệt. Ta có thể làm gì khác bằng thân này mà nhất thiết nó phải chịu số phận tan rã? Thà chắc chắn rằng thân này của ta sẽ phải bị hoại diệt do một hành động như thế còn hơn là bởi một hành động không có hiệu quả gì. Vì các dục lạc, như kết quả của những dục lạc mà nhiều ngàn bộ xương của ta có hết lần này đến lần khác, trong khi ta lang thang trong sinh tử, đã bị tan rã, nhưng không bao giờ ở trong thuận duyên như những duyên này, không bao giờ vì được thiện pháp. Nếu chúng phải bị tan rã một lần nữa, trong bất kỳ trường hợp nào hãy để chúng tan rã trong một nguyên nhân thánh thiện.” Rồi ông ấy [523] lấy một thanh kiếm bén, đâm vào thân mình khắp mọi bên, và rưới khắp mọi nơi của mảnh đất ấy với máu của mình. Người con gái của thương nhân với năm trăm thị nữ theo gương ông ấy, làm như ông ấy đã làm. Nhưng không có

thay đổi gì hoặc ở nơi Bồ-tát Tát-dà-ba-luân hay ở nơi tất cả các cô gái đó, mà nó sẽ cho Ác Ma một cơ hội nhập vào để làm chướng ngại các thiện căn của họ.

Lúc ấy Thiên đế Thích-đè, tự nghĩ: “Kỳ diệu biết bao là Bồ-tát Tát-dà-ba-luân này yêu mến pháp, ý thức nghĩa vụ của ngài ấy kiên định làm sao, cái áo giáp ngai ấy vĩ đại biết bao, và ngài ấy không quan tâm đến thân, mạng sống, lạc thú của mình như thế nào, và ngài ấy quyết tâm lên đường với mục đích biết giác ngộ viên mãn, với mong muốn giải thoát tất cả chúng sinh khỏi những đau khổ vô lượng của sinh và tử như thế nào, sau khi ngài ấy biết được giác ngộ viên mãn.” Rồi Thích-đè dùng huyền thuật biến tất cả máu ấy thành nước chiên-dàn của cõi trời. Và chung quanh miếng đất ấy, trong một trăm dặm, một mùi hương cao khiết không thể nghĩ bàn, mùi hương của nước chiên-dàn cõi trời ấy, đầy không trung. Và Thích-đè nói với Tát-dà-ba-luân: “Làm hay lấm, hỡi người con trai của gia đình thiện lương! Tôi tán thưởng sức mạnh không thể nghĩ bàn của ngài, tình thương yêu cao cả và sự cầu tìm pháp của ngài. Các Như Lai trong quá khứ [524] cũng đã tìm được đúng [đường] đến giác ngộ viên mãn qua loại chủ tâm, sức mạnh, và lòng yêu mến vì pháp này.”

Rồi Bồ-tát *Tát-bà-đa-luân* tự nghĩ: “Ta đã trải tòa cho Bồ-tát Đàm-vô-kiệt, ta đã quét và đã rưới kỹ mảnh đất này. Bây giờ ta vẫn còn phải có hoa để phủ lên mảnh đất này, và để rắc lên Bồ-tát Đàm-vô-kiệt khi ngài ấy chứng minh pháp.” Lúc ấy Thích-đè nói với Tát-dà-ba-luân: “Hãy nhận những hoa Mạn-đà-la cõi trời này cho hai mục đích!” Và Thích-đè tặng ông ấy hai ngàn Khara hoa cõi trời. Bồ-tát Tát-dà-ba-luân chấp nhận những hoa đó, và dùng một ít để phủ mảnh đất, sau đó, rắc những hoa khác lên Bồ-tát Đàm-vô-kiệt.

3. BỒ-TÁT ĐÀM-VÔ-KIỆT CHỨNG MINH PHÁP

Sau bảy năm trôi qua, Bồ-tát Đàm-vô-kiệt xuất định, lên tòa đã trải ra cho ông ấy, ngồi xuống trên đó, và một hội chúng nhiều trăm ngàn người theo dự và ngồi vây quanh, ông ấy chứng minh

pháp. Khoảnh khắc Bồ-tát Tát-đà-ba-luân [525] thấy Bồ-tát Đàm-vô-kiệt, ông ấy đầy thứ hạnh phúc mà một tỳ-kheo cảm thấy khi đạt được thiền thứ nhất với chú ý qui nhát. Và đây là sự chứng minh bát-nhã ba-la-mật của Bồ-tát *Đàm-vô-kiệt*.

“Bát-nhã ba-la-mật tự đồng nhất, bởi vì tất cả các pháp đồng nhất. Bát-nhã ba-la-mật ly cách bởi vì tất cả các pháp ly cách. Bát-nhã ba-la-mật bất động. Bát-nhã ba-la-mật không có tâm hành bởi vì tất cả các pháp không có tâm hành. Bát-nhã ba-la-mật không có số đếm, bởi vì tất cả các pháp không có số đếm. Bát-nhã ba-la-mật chỉ có một vị duy nhất bởi vì tất cả các pháp có một vị và cùng vị. Bát-nhã ba-la-mật vô biên vì tất cả các pháp vô biên. Bát-nhã ba-la-mật bất sinh bởi vì tất cả các pháp bất sinh. Bát-nhã ba-la-mật bất diệt bởi vì tất cả các pháp bất diệt. Như bầu trời vô biên, bát-nhã ba-la-mật cũng vậy. Như biển lớn vô biên, bát-nhã ba-la-mật cũng vậy. Như Tu-di chiếu sáng nhiều màu, bát-nhã ba-la-mật cũng vậy. Như bầu trời không kiêu cách, bát-nhã ba-la-mật cũng không kiêu cách. Bát-nhã ba-la-mật vô biên, bởi vì sắc, và các uẩn khác vô biên. Bát-nhã ba-la-mật vô biên bởi vì địa đại và các đại khác vô biên. Bát-nhã ba-la-mật tự đồng nhất, bởi vì pháp kim cương bất hoại tự đồng nhất. Bát-nhã ba-la-mật vô phân biệt bởi vì tất cả các pháp vô phân biệt. Bát-nhã ba-la-mật bất khả đắc là do tất cả các pháp bất khả đắc. Bát-nhã ba-la-mật vẫn đồng với bất cứ cái gì nó có thể vượt qua bởi vì tất cả các pháp vẫn đồng với bất cứ cái gì chúng có thể vượt qua. [526] Bát-nhã ba-la-mật không có lực hành động bởi vì tất cả các pháp không có lực hành động. Bát-nhã ba-la-mật không thể suy nghĩ bởi vì tất cả các pháp không thể suy nghĩ.”

Vì thế vào dịp sinh ra nơi Bồ-tát Tát-đà-ba-luân, vua của các tam-muội gọi là “tính đồng nhất của tất cả các pháp,” và theo đó, các tam-muội được gọi là “tính ly cách tất cả các pháp,” “tính bất dịch của tất cả các pháp,” “sự thiếu vắng tâm hành của tất cả các pháp,” “không có sự tê liệt nơi tất cả các pháp,” “nhất vị của tất cả các pháp,” “tính vô biên của tất cả các pháp,” “tính bất sinh của tất cả các pháp,” “tính bất diệt tất của cả các pháp,” “vô biên như bầu trời,” “vô biên như đại dương,” “sáng và nhiều màu như núi Tu-di,”

“không kiều cách, như bầu trời,” “vô biên như sắc, v.v...,” “vô biên như địa đại, v.v...,” “như kim cương,” “tính vô phân biệt của tất cả các pháp,” “tính đồng nhất của tất cả các pháp dù chúng có thể vượt qua bất cứ cái gì,” “tất cả các pháp không có sức hành động,” “tất cả các pháp không thể nghĩ bàn.” Bắt đầu với những tam-muội này, Bồ-tát Tát-đà-ba-luân đạt được sáu triệu tam-muội.

Chương XXXII

TRAO PHÓ**1. KẾT THÚC CÂU CHUYỆN TÁT-ĐÀ-BA-LUÂN**

Cơ duyên trùng hợp với sự đắc thành sáu triệu pháp môn tam-muội, Bồ-tát Tát-đà-ba-luân thấy chư Phật và chư Thé Tôn, – trong tất cả mươi phương nơi vô số đại thiên thế giới – có tăng chúng của các ngài ấy vây quanh, có những đám đông Bồ-tát tùy tùng, dạy chỉ một mình bát-nhã ba-la-mật này, chỉ bằng những lời này, chỉ trong những văn tự này, dù cho ngay bây giờ tôi ở trong đại thiên thế giới này chứng minh pháp, – có chúng tỳ-kheo vây quanh, có những đám đông Bồ-tát tùy tùng, và chỉ dạy một mình bát-nhã ba-la-mật này chỉ bằng các phương pháp này, chỉ bằng những lời này, chỉ bằng những văn tự này. Ông ấy trở nên được phú bẩm cái học không thể nghĩ bàn, và thánh trí mênh mông như đại dương. Trong tất cả những lần sinh của mình, ông ấy không bao giờ lại bị không có Phật. Ông ấy chỉ tái sinh nơi nào ông ấy có thể mặt đối mặt với các Phật, các Thé Tôn. Dù là trong mộng, ông ấy cũng không thiếu các Phật, các Thé Tôn. Ông ấy đã bỏ tất cả những lần tái sinh không may mắn và bảo đảm những hoàn cảnh cho phép ông ấy thành tựu hết lần tái sinh cát tường này đến lần khác.

**2. TRAO PHÓ BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT
CHO A-NAN-ĐÀ**

Vì thế, *Thé Tôn* nói với Tôn giả A-nan-đa: Vì vậy ông cũng nên biết bát-nhã ba-la-mật này là người chăm sóc tri kiến của nhất thiết trí nơi các Bồ-tát. Vậy thì, A-nan-đa, một Bồ-tát muốn đạt được tri kiến nhất thiết trí nên theo đuổi trong bát-nhã ba-la-mật này, [528] nghe nó, nhận nó, nghiên cứu, truyền bá, tụng niệm và viết nó. Khi nhờ thần lực của Như Lai hộ trì, nó được viết khéo, bằng những chữ rõ ràng, trong một quyển sách lớn, người ta nên vinh danh, tôn

kính, ngưỡng mộ và lễ bái nó, với hoa, nhang, mùi thơm, vòng hoa, cao đơn, phân thơm, tràng phan, lọng, phướn, chuông, cò và những hàng đèn chung quanh, tất cả với nhiều loại cúng bái. Đây là lời khuyên nhủ của chúng ta cho ông, A-nan-đa. Vì trong bát-nhã ba-la-mật này tri kiến nhất thiết trí sẽ được đưa đến hoàn thiện. Ý ông thế nào, A-nan-đa, có phải Như Lai là thầy của ông không?

A-nan-đa: Dạ phải, thưa Thέ Tôn.

Thέ Tôn: Như Lai là thầy của ông, A-nan-đa. Ông đã chăm sóc tôi, A-nan-đa, với những hành động từ mẫn của thân, ngữ, và ý. Vậy thì, A-nan-đa, cũng như ông đã cho tôi sự thương mến, niềm tin và sự kính trọng như tôi hiện tại trong nhục thân này, cũng vậy, A-nan-đa, sau khi tôi qua đời ông nên hành động như vậy với bát-nhã ba-la-mật. Trong lần thứ nhì, lần thứ ba, tôi trao phó và truyền cho ông bát-nhã ba-la-mật này, như thế nó không thể biến mất. Không ai khác phù hợp hơn ông. [529] Chừng nào bát-nhã ba-la-mật này còn được theo trong thế gian, người ta có thể chắc chắn rằng “chừng ấy Như Lai vẫn còn ở nơi thế gian,” rằng “chừng ấy Như Lai còn chứng minh pháp,” và chúng sinh ở đó không thiếu trong cái thấy của Phật, cái nghe của pháp, sự tham dự của Tăng-già. Người ta nên biết rằng những chúng sinh đó đang sống trong sự hiện diện của Như Lai sẽ nghe bát-nhã ba-la-mật này, nhận nó, nghiên cứu, truyền bá, tụng niệm và viết nó, và sẽ vinh danh, tôn trọng, ngưỡng mộ và lễ bái nó.

Thέ Tôn nói như thế, các Bồ-tát vô cùng hùng thú, dẫn đầu là Di-lặc, và Tôn giả Tu-bồ-đề, và Tôn giả A-nan-đa, và Thiên-đế Thích-đề, và toàn thể thế giới với trời, người, a-tu-la, chim cánh vàng, và càn-thát-bà hân hoan trong lời dạy của Thέ Tôn.

PHỤ LỤC

LIỆT KÊ CÁC ĐỀ MỤC

I. Tuyệt đối

- Nhát thiết trí (*sarva-jnātā*, all-knowledge), i 11, 15-16, 19, 23-25; ii 42-43, 48; iii 57-58; iv 95; vii 170, 175; viii 188; x 210-11, 227; xi 237, 239, 240, 249; xii 254, 255; xiv 289, 290; xv 292, 302-3; xxii 408
- Bồ-đề, Giác ngộ (*bodhi*, enlightenment), và pháp (dharmas), xvi 313; xix 360-361; xxii 409
- Niết-bàn (*Nirvana*), i 9, 20-21; ii 36-37, 40; iii 53; vi 151; ix 204; xi 234; xii 273; xiii 283; xv 293, 296; xviii 342
- Biên té của thực tướng [biên té của thực tại] (*bhūta-koti*, Reality-limit), i 15; v105; x215; xi 250; xxiv 416; xxvii 444
- Như Lai (*tathagata*), i 9; iii 58; iv 100; xii 272, 274; xxii 402; xxvi 442; xxxi 512
- xá-lợi của (relics of), iii 57 ff.; iv 94 ff.
- Ở bên kia (*pāram*, beyond), viii 189, 196; xiv 286; xv 295
- Tâm, niêm (citta, *thought*), i 5-6
- Như, Như thế, (*tathā-tva*, thusness), iii 79; x 208, 222; xxiii 412; xxiv 419; xxvii 453
- Chân như, Như vậy (*tatha-tā*, suchness), v 133; xi 235; xii 271-73; xvi 306 ff.; xvii 323; xviii 342; xix 345-46; xxiv 419; xxv 424-25; xxvii 453; xxxi 512
- Pháp, miêu tả (*dharma*), (described), xvi 306
- Pháp thân (*Dharma-kāya*), iii 58; iv 94, 99; xvii 339; xxviii 462; xxxi 513
- Pháp giới (*dharma-dhātu*, Dharma-element), viii 197; xii 273; xvii 327
- Pháp tánh (*Dharma-tā*, Dharmahood), i 4, 9, 21; ii 48; vi 153; viii 196; xii 274; xiii 278, xvii 323; từ đồng nghĩa (synonyms), xvii 329, 339; xxxi 514

II. Bát-nhã ba-la-mật (pra-jñā-pāram-itā)

A. Trong tự thể, trong chính nó, theo nghĩa tối hậu (in itself, in ultimate sense)

miêu tả (described): ix 205-7; xxii 399

32 tướng (32 characteristics): vii 170-71

Không hay Tánh không (*sūnyatā*, emptiness)

từ đồng nghĩa (synonyms), xviii 341, 347; xxx 482

ii 35; vii 177; ix 204; xi 243; xii 256; xv 298; xvi 313-14; xxiii 410; xxvii 454-55

quen thuộc với (*paricaya* [*parijaya*], familiarity with), xix 365; xx 370 ff.

tự tánh (*sva-bhāva*), i 10-11; vii 175-76; viii 185-86; xii 256-57; xix 360; xxx 483

rỗng không, trống không (*sūnya*, empty), xii 273, 275, 276; xxii 399, 405; xxiv 419; xxvii 448

Vô tướng (*a-nimitta*, signless), xii 273; xix 356; xx 371

Vô nguyện (*a-pra-ṇi-hita*, wishless), xii 273

Tích, và vô tận (*ksha*, *a-kshaya*; extinction, and inextinguishable), xii 272; xxv 424; xxviii 467-68

Tính thanh tịnh (*vi-suddh-i*, purity), viii 186-89, 192; ix 200 ff.; x 220; xii 276; xxv 428

Miêu tả bằng cách phủ định (described by way of negation)

i 7, 31; vii 173ff.; xii 271; xv 294-95, 301, 303

Vô phân biệt, bất nhị (no-discrimination, non-duality), i 27; viii 192; xv 295; xvii 323; xix 357-58; xxvi 441 ff.

Bất sinh và bất diệt (no-discrimination and no-stopping), i 25 ff.; ii 43; vii 174; viii 197; xii 273; xv 297; xix 353-54; xxii 408

Không ô nhiễm và thanh tịnh (no defilement and purification), xii 273; xxii 399 ff.; xxx 483

Không buộc cũng không mở (neither bound nor freed), i 21-22; viii 185-86, 195; ix 200

Không đem lại với nhau (*an-abhi-saṃskāra*, not brought together), xii 273

- Không tăng hay giảm (No growth nor diminution), ii 42; xviii 348-51; xix 357; xx 376; xxii 405
- Không đến và không đi (*anāgamana, agamana*, not coming and not going), xv 303, 304
- Không cái căn bản (no basis), vi 151 ff.; xx 376
- Không nương tựa (*a-ni-śri-ta*, not relying on), i 31; xii 273-75; xxx 490
- Tĩnh lặng (*sānta*, calmly quiet), xii 276
- Không có hay không là (no is or is not), i 5-6, 14-15
- Không hiện hữu, vô hữu (*abhāva*, non-existence), xii 273
- Không nối kết, không liên hệ (*na sam-baddha*, no connection), xv 300
- Không chấp, vô trước (*a-saṅga*, no attachment), xii 274
- Vô tận (*a-nanta-tā*, without end), ii 46
- Không thể diễn đạt (inexpressible), xviii 347-48; xix 360
- Không thể suy nghĩ (*a-cint-ya*, unthinkable), iii 81; viii 193; x 219, 220; xii 276; xiii 277 ff.
- Bất khả tri, v.v... (unknowable, etc.), xii 275
- Cách ly, biệt lập, cô lập (*vi-vik-ta*, isolated), vi 149-50; vii 177; viii 192; ix 204; xii 276; xxii 399, 405; xxvii 445-46
- Không che phủ (*an-ā-var-aṇa*, no coverings), xvi 322
- Như hư không (*ākāś-a-uparma*, like space), i 24; viii 193, 196, 197; ix 201, 205; x 220; xii 273; xiii 279-80; xv 297, 299, 301, 303, 304; xvi 306, 314; xxiii 410; xxv 424; xxvi 441; xxvii 445, xxviii 465, 467, 468
- Miêu tả theo cách tỏ thái độ* (described by way of attitude)
- Không xét lại hay nhám vào (no reviewing or gatting at), i 5, 7, 10, 13-14, 23-25; ix 203
- Theo đuôi trong (coursing in), viii 193-94; xxii 406-7
- Đứng trong, trụ trong (standing in), I; ii 35 ff.; x 211-12
- Theo sau nó (following it), xxix
- Di đến, tiến đến (go forth to), i 3
- Không sợ, vô úy (fearlessness), I 5, 7, 17, 26; iii 56; iv 98-99; vi 139; x 213, 226; xv 302; xvii 323, 326; xx 381

B. Liên hệ với những hành vi cá nhân đấu tranh (In relation to deeds of struggling individuals)

Các địa, các giai đoạn của Bồ-tát (The Bodhisattva's stages):

Người mới bắt đầu (beginner), i 17; vi 139; xiii 282; xv 292
Bất thối chuyển (irreversible), i 6, 8; ii 40; iii 61; v 128, 130; vi 139; x 212-13; xv 302; xvii; xviii 341; xx 379ff.; xxi 387; xxiv 419; xxvii 450 ff.

Thụ ký (prediction), i 13

Xứng đáng nhận cúng dường (worthy of gift), ix 204; xxii 402-3; xxv 433; xxxi 515

Ba thanh tịnh đầy đủ (threefold complete purity), i 11; xvii 326-27

Tâm bồ-đề (thought of enlightenment), i 5

Liên hệ với Thanh văn, v.v... (In relation to Disciples, etc.)

- a) Loại trừ họ, chúng (excludes them), i 8; xi 234 ff.; xv 293; xvii 327, 329
- b) Đồng nhất với nó (Identical with it), i 6-7; xiii 281; xv 300 ff.; xvi 319, 320; xvii 323, 339; xxv 432-33

A-la-hán (Arhat), i 3; xiii 282

Địa ngục (hell), vii 180 ff.; xx 382

Tái sinh (rebirth), vii 176 ff.; xi 233; xiv 284 ff.; xxv 426-27; xxvi 437-38; xxvii 459; xxviii 373-74

Các duyên dẫn đến bát-nhã ba-la-mật (conditions which lead to perfection of wisdom), iii 79; vii 177-78; xxvii 459; xxviii 473-74

Các duyên tránh xa bát-nhã ba-la-mật (conditions which keep away from perfection of wisdom), vii 178 ff.; viii 185; xiii 282; xvi 313

Trợ giúp Bồ-tát (help for a Bodhisattva), xxvii 447

Những lợi thế gian từ bát-nhã ba-la-mật (Worldly advantages from perfect of wisdom), iii; ix 201; xxiii 414; xxv 427

Bát-nhã ba-la-mật như là mẹ của chư Phật (perfect of wisdom as mother of Buddhas), xii 253 ff.

Bát-nhã ba-la-mật như là một thần chú (perfect of wisdom as a

spell), iii 54 ff., 72 ff.

Bát-nhã ba-la-mật giả, tương tự (counterfeit perfect of wisdom), v 112-13

C. Liên hệ với các ba-la-mật khác (relation to other perfections)

5 ba-la-mật (5 perfections), vi 163 ff.; xv 292-93; xvi 310, 322; Xxiii412-13

Nhẫn nhục (patience), ii 38-39

Liên hệ (relation), iii 51, 80 ff.; iv 100-101; vii 172-73; xxii 396-97; xxv 430-31; xxviii 464

Công đức (merit), iii 57 ff.; v 103 ff.; vi 154 ff.; xiii 283; xviii 344-46; xxii 401-3; xxiii 410 ff.; xxv 431-32; xxvi 435-36; xxviii 464a

Liên hệ với sự thờ cúng Phật (relation to cult of Buddha), iii 58 ff.

III. Thiện xảo trong các Phương tiện (Skill in Means)

iii 58, 75; xi 243; xiv 287; xvi 310 ff.; xix 356; xx 375; xxv 427

Đại bi (the great compassion), xxii 402-3

Chứng ngộ, nhận ra (realisation), xx 370 ff.

Phật địa (Buddha-fields), i 11; xx 382

Chúng sinh (beings), i 28

chỉ là lời nói, ngôn từ (mere words), ii 47

không bỏ rơi (not abandoned), xx 375, 379; xxvii 448

thái độ đối với (attitude to), xvi 321

trợ giúp (help), xv 293 ff.

đưa đến Niết-bàn và vô hữu (lead to Nirvana and non-existent), I 20 ff.

hạnh phúc của số nhiều (weal of the many), x 218-19

nhận thức của (perception of), xx 376

nguyễn (vows for), xxvi 433-34; xxvii 449

sự không hiện hữu của (non-existence of), xxvii 445

IV. Thế giới Hữu vi (The conditioned world)

Tùy thuộc phát sinh (conditioned co-production), xvi 322; xix 352-53, 358; xxviii 469-70

Loại trừ tùy thuộc và không tùy thuộc (Exclusion of conditioned and unconditioned), I 8, 11, 19-20; ii 44; vi 154

Sự đối lập bát-nhã ba-la-mật và thế gian (opposition of perfect wisdom and world), xiii 278 ff.

Tính đồng nhất tùy thuộc và không tùy thuộc (identity of conditioned and unconditioned), xiii 278 ff.

So sánh (comparision):

mộng (dream), ii 39 ff.; ix 205; xix 356-57; xx 380 ff.; xxx 484; xxxi 513-14

huyễn (illusion), i 16 ff., 21 ff.; ii 39 ff.; viii 196; ix 205; xxvi 438-43; xxviii 465; xxx 484

hưởng (echo), viii 198; ix 201, 205; xxx 484

huyễn hóa (magical creation), ii 39, 41; xi 250; xxvi 442-43; xxxi 513

bóng nước trong sa mạc (mirage), ix 205; xxxi 513

búp bê gỗ (wooden doll), xxvi 443

ảnh phản chiếu (reflected image), ix 205; xxvi 442; xxx 484

chỉ lời nói (mere words), i 16, 25; ix 200

V. Những Thực hành Đưa đến Cứu độ (Practices conducive to salvation)

Sai biệt (various), xvii

10 nghiệp đạo thiện (10 wholesome karma-paths), xvii 324

Thiện tri thức (good friends), i 17; vi 139; xv 292; xxii 396 ff.

Vui sướng (jubilation), vi; xxvi 435-36

Chuyển qua (turn over), iii 80-81; vi; vii 172; viii 190, 191; xv 292-93; xvi 312; xix 358

- Những phẩm tính khô hạnh (Ascetic qualities), xxi 387
 Các tam-muội (concentrations), i 8, 13; xxx
 Thuyết giảng (preaching), v 102ff.; xv 299; xvii 325
 Chánh ngữ (right speech), xvii 326
 Chánh niệm (right mindfulness), xvii 326, 332
 Niềm tin, tín ngưỡng (faith), i 8 ff., 15; iii 59, 62, 93; v 104; x 220, 227
 Biết ơn (gratitude), ii 35; xii 274-75
 Vượt qua ác ý (ill-will overcome), iii 53-54
 Các huân tập tịnh (clean habits), iii 89

VI. Chương ngại (Obstacles)

- x 220 ff., xi, xvii 323
 Chú ý sai (wrong attentions), xi 240-42
 Tướng, dấu hiệu (sign), i 8-9, 11; vi 138, 150; xiii 191; xvi 312; xix 356; xx 371; xxx 482
 Nhận thức, tưởng (perception), vii 174, 177 + từ đồng nghĩa (synonyms)
 Chấp trước (attachment), viii 190 ff.; xii 274
 Những cái thấy điên đảo, tà kiến (perverted views), vi 138-39; 142; xx 377
 Những cái thấy, quan điểm (views), i 19; xii 269-70
 Trợ duyên khách quan (objective support), i 23; ii 46; viii 191; xii 276; xix 358-59; xx 370
 Tôi và cái của tôi (I and mine), xxii 399-400
 Kiêu hãnh, kiêu mạn (Pride) vii 184; xxi 385, 389-90; xxiv 418 ff.

VII. Đức Phật (The Buddha)

- 10 đức tính (10 attributes), ii 48; xix 366
 Miêu tả (Description), xxv 432
 Những sự biến trong đời sống của ngài và huyền thoại (Events in his life and legend):

- Do dự thuyết giảng, xv 304
Các hộ thần thế gian cúng dường bát ăn (World Guardians Give bowls), xxiii 414
Được A-nan-đa chăm sóc, xxxii 528
- Những nét thần kỳ:
Hào quang (rays), xix 365; xxvii 457
Vòng hào quang (halo), xx 381; xxx 492
Hiện lên không trung (rising into air), xx 381
Mỉm cười (smile), xix 366; xxviii 457-58
Rung chuyển của đất (trembling of earth), xvi 309
Rắc hoa Mạn-đà-la (bestrewn with Mandarava flowers), xxviii 457
Gọi lên Phật địa (conjures up Buddha-field, xxviii 464a-46
Nâng thế giới lên bằng ngón chân cái (lift up world with big toe), xxviii 466
sự vinh quang của ngài (his glory), ii 33
rắc hoa tràn ngập (overstrewn with flowers), vi 158
được chư thiên tôn kính (homage by gods), viii 198
thần lực của Phật (The Buddha's might), i 4, 25; ii 44; x 211, 222; xxiii 414-15; xxvi 438

VIII. Tí dụ (Similes)

- Ngọc trong đại dương (Jewels in ocean), iii 80
Ngọc trong đất (Jewels in earth), iii 81
Thích-đè ở Diệu pháp (Sakra in Sudharma), iv 94-95
Ngọc như ý (Wishing jewel), iv 96 ff.
Cây và bóng (trees and their shadows), iv 101
Thức ăn có độc (poisoned food), vi 151
Người mù và người dẫn đường (the blind and the leader), vii 172-73
Người ra khỏi rừng đến làng (Man out of forest to village), x 215-16
Cây cối dự đoán mùa xuân (Vegetation which forecasts spring),

x 217

Người đàn bà mang thai (Pregnant woman), x 218

Con chó và thức ăn của người chủ (Dog and his master's food), xi 234

Người mù và con voi (Blind man and elephant), xi 235

Ngọc trong đại dương và vũng nước nơi dấu chân bò (Jewels in ocean and cow puddle), xi 235

Cung điện và mặt trời mặt trăng (Palace and sun and moon), xi 236-37

Vua chuyền luân và vua của một thành trì (Wheel turning king and king of a fort), xi 237-38

Thức ăn ngon và thức ăn dở (Good food and stale food), xi 239

Ngọc vô giá và thứ cấp (Priceless and inferior gem), xi 239-40

Sự quan tâm của con đối với mẹ (Children's concern over mother), xii 253-54

Vua và quan thượng thư (King and minister), xiii 281

Bò cái và bò con (Cow and calf), xiv 284

Đắm tàu (Shipwreck) xiv 286

Bình nung (Burned pot), xiv 287

Con tàu đóng không tốt (Badly built vessel), xiv 288 ff.

Ông già (The old man), xiv 290-91

Con chim khổng lồ rơi xuống đất (Huge bird who falls to ground), xvi 310 ff.

Hò hẹn với đàn bà (Date with woman), xviii 343-44

Lửa và bắc đèn (Flame and wick), xix 352-53

Thiên quân (Universal monarch), xix 366-67

Người anh hùng không bỏ gia đình (Hero who does not forsake his family), xx 371-73

Chim được đôi cánh giữ trong hư không (Bird help up by wings in space), xx 374

Người bắn cung (Archer), xx 374-75

Viên ngọc có giá vĩ đại (The gem of great price), xxii 404-05

Sự hiếm có của vàng và bạc (Rarety of gold and silver), xxv 429

Ngọc và đại dương, v.v..., (Gems and ocean, etc., xxxi 515

IX. Định nghĩa

- Bồ-tát (Bodhisattva), i 18
Đại sĩ (Great being), i 18ff.
Thế gian (World), xii 256
Không thể suy nghĩ (Unthinkable), viii 193, xiii 277
Vô lượng (Immeasurable), i 23; xviii 346
Không thể tính toán (Incalculable), xviii 346
Như Lai (Tathagata), xi 272, 274

X. Sai biệt (Various)

- Ma, quỉ (Ghost), xx 383-84
Những nơi hoang vu (Wildernesses), iii 76; xi 247; xix 361-64;
367-68
Người khác đạo, ngoại đạo (Heretics), xvii 324
Phụ nữ (Women), xvii 324
Ngã, tự ngã (Self), i 25-26; viii 188-89, 91; xv 304; xxx 481
Da-xoa (Yakshas), ii 38
Cãi nhau (Quarrels), iii 51-52
Ruong đựng thánh tích (Shrine), iii 57-58
Tháp miếu (Stupa), iii 62 ff., 91
A-tu-la (Asuras), iii 72
Thiên, thần, (danh sách) (Gods, list of), iii 86-87
Mộng (Dreams), iii 91; xvii 325
Thức ăn (Food), iii 92
5 tội vô gián (5 ānantarya sins), vii 181
Gia chủ (Householder), xvii 332

THUẬT NGỮ

do William Powell biên soạn

Ác tri thức (*papa-mitra*, bad friend): Người xao lãng pháp. Vị thầy xấu.

An trú, người (*aranā-vihārin*, one who dwells in peace): Người làm cho sự giải thoát khỏi ô nhiễm xảy ra và do đó thoát khỏi đam mê và không đam mê. Tu-bồ-đề được xem là đã đạt cảnh giới này.

A-la-hán (*arhan*): Nghĩa đen: ‘đáng kính trọng’ [ứng cúng]. Vị Thánh toàn hảo của Tiểu thừa (Hinayana). Người biết cái gì hữu dụng cho sự cứu độ của riêng mình và bằng lòng đạt giác ngộ cho một mình mình.

A-nan-đa (*ānanda*): Nổi tiếng vì niềm tin và sự sùng mộ. Ông được cho là người đã đọc lại những lời dạy của Phật theo trí nhớ của mình tại Hội nghị của 500 vị A-la-hán. Ông cũng được hiểu là người đã nói ở đầu mỗi Kinh bằng câu, “Tôi đã nghe như vậy một thời.”

A-súc (*akṣobhya*): Nghĩa đen: ‘bất động.’ Vị Phật trị vì nước Phật Diệu Hỉ, ở phương Đông.

A-tu-la (*asura*): Thần hiếu chiến, luôn đánh nhau với các thần khác.

Avakīrṇakusuma, (Covered with flowers): ‘Phủ Hoa,’ nói về một nhóm các vị Phật vị lai.

Ba-la-mật (*pāramitā*, perfection): Có sáu: 1) bồ thí, 2) trì giới, 3) nhẫn nhục, 4) tinh tấn, 5) thiền định, 6) trí tuệ [bát-nhã].

Ba thời (*tryadhva*, three periods of time): Quá khứ, vị lai, và hiện

tại.

Ba-tư-nặc, vua (*prasenajit raja*): Vua xứ Cô-tát-la (Kośala).

Ba-xà-ba-đè (*prajāpati*): Tàu dịch là Sinh chủ. ‘Chúa Sáng Tạo,’ tên cho các thần nổi bật của Ấn độ giáo.

Bà-la-môn trẻ (*mānava*, young Brahmin): Thành viên của giai cấp theo truyền thống được xem là người tín nhiệm và người truyền đạt tri kiến thiêng liêng. Trong một đời trước kia, đức Phật là một thành viên của giai cấp này.

Bánh xe pháp (*dharma-cakra*, wheel of the dharma): Do đức Phật chuyển khi ngài thuyết giảng pháp của ngài lần đầu tiên.

Bảo (*ratna*, jewels): Tam bảo: Phật, Pháp, Tăng-già.

Bát Niết-bàn (*parinirvāṇa*, final nirvana): vô dư niết-bàn, niết-bàn cuối cùng.

Bát-nhã (*prajñā*, wisdom): Dịch: trí tuệ. Căn thứ năm trong năm căn. Trong Phật giáo nguyên thủy đây gồm có sự quán các pháp theo phương pháp và nội kiến tự tánh của chúng. Xem **Bát-nhã ba-la-mật**.

Bát-nhã ba-la-mật (*prajñā-pāramitā*, perfect(ion of) wisdom): Ba-la-mật thứ sáu. Ba-la-mật quan trọng nhất trong các ba-la-mật trong giáo thuyết Đại thừa, nó được nhân cách hóa như là một nữ thần. Cái dụng của nó là thuần tinh thần và đưa đến nội kiến tất cả các pháp đều ‘rỗng không.’

Bậc Chiến Thắng (*jina*, conqueror): danh hiệu của Phật.

Bất lai (*anāgāmin*, never-returner): Còn gọi là bất hoàn. Một vị

thánh sau khi chết sẽ không bao giờ trở lại thế gian này, nhưng đạt Niết-bàn ở một nơi khác. Đạo quả thứ ba trong Bốn Đạo quả.

Bi (*karunā*, compassion): Vô lượng thứ nhì trong bốn vô lượng. Một đức hạnh chỉ về mặt xã hội trong truyền thống Trưởng lão, là lòng ham muốn giúp đỡ chúng sinh bởi vì không thể chịu đựng được sự đau khổ của họ. Trong Đại thừa, nó được xếp bậc với trí, tự phát sinh, và không phát khởi từ bên ngoài.

Bích-chi Phật (Pratyekabuddha): Xem **Duyên giác**.

Bì-xá-xà (*piśāca*): Một ác quỷ.

Biên tế của thực tướng (thực tại) (*bhūta-koti*, reality limit): Điểm mà thực tại như chúng ta biết nó đến chỗ chấm dứt; từ đồng nghĩa cho Niết-bàn của Tiêu thừa.

Bồ-đề đạo tràng (*bodhi-maṇḍa*, terrace of enlightenment): Tên đặt cho địa điểm dưới cây bồ-đề mà đức Phật đã ngồi trên đó khi ngài giác ngộ. Còn gọi là nơi giác ngộ.

Bồ-đề phần (*bodhipakṣa*, wings of enlightenment): Có ba mươi bảy phần: 1) bốn niệm xứ, 2) bốn chánh cẩn, 3) bốn như ý túc, 4) năm cẩn, 5) năm lực, 6) bảy giác chi, 7) tám thánh đạo.

Bồ-tát hay **Bồ-đề-tát-đoà** (*bodhi-sattva*, enlightenment-being): Nghĩa đen: ‘người giác ngộ.’ Lý tưởng của Đại thừa, người do Bi tâm vô lượng cầu tìm giác ngộ của tất cả chúng sinh hơn là của một mình mình.

Bồ-tát, thùra (*bodhisattva*, Bodhisattva vehicle): Một tên khác của Đại thừa. Xem **Thùra**.

Bố thí (*dāna*, giving): Ba-la-mật thứ nhất trong sáu ba-la-mật. Gồm

bố thí vật chất, chỉ dạy pháp, thân, sinh mạng, và công đức tích lũy của mình cho lợi ích của những chúng sinh khác.

Bốn (Đại) Thiên Vương: Xem **Bốn Hộ Thê.**

Bốn Hộ Thê (*cātur loka-pāla*, Four World-guardians): Bốn thiên vương của Thích-đè trú ở bốn bên của núi Tu-di trong cõi thứ nhất của sáu cõi thuộc dục giới. Họ phòng chống những cuộc tấn công thế gian của các quỉ thần ác độc. Phía Đông là Trì Quốc Thiên Vương (*Dhṛtarāṣṭra*), phía Nam là Tăng Trường Thiên Vương (*Virūḍhaka*), phía Tây là Quảng Mục Thiên Vương (*Virūpākṣa*), phía Bắc là Đa Văn Thiên Vương (*Vaiśravana*).

Càn-thát-bà (*gandharva*): 1) Một chúng sinh sắp vào thai cung, 2) nhạc thần.

Căn (*indriya*, faculty): Năm căn: 1) tin, 2) tinh tấn, 3) niêm, 4) định, 5) huệ. Những đức hạnh chính của Phật giáo nguyên thủy.

Câu-li (*kotī*): tên số: một trăm vạn.

Cây bồ-đề (*bodhi-vṛkṣa*, tree of enlightenment): Cây vả thiêng liêng mà đức Phật đã đạt giác ở bên dưới nó.

Cõi Phạm-thiên (*brahma-kāyika*, Realm of Brahma): Cũng gọi là ‘Nhóm Phạm-thiên,’ các thần thấp nhất của sắc giới.

Công đức (*puṇya*, merit): Quả của những hành vi thiện và điều kiện để được hạnh phúc nhiều hơn hay để được sự tiến bộ tinh thần.

Cửa giải thoát (*vimokṣa-dvāra*, doors of deliverance): Ba cửa: 1) không, 2) vô tướng, 3) vô nguyễn. Khi đắc Đạo, ba cửa này là phương pháp tiếp cận Niết-bàn.

Chánh tinh tấn (*samyak-prahāṇa*, right efforts): Có bốn: phát khởi ý chí, tạo nỗ lực, đưa ra khí lực, làm tâm ý căng lên, tự tận lực đúng cách: 1) như làm cho các pháp ác và bất thiện chưa sinh không sinh (vị lai), 2) bỏ những pháp ác và bất thiện đã sinh, 3) làm cho sự sinh của những pháp bất thiện chưa sinh không sinh, 4) duy trì, không làm biến mất, phát triển thêm nữa và hoàn thành toàn hảo những pháp thiện đã sinh.

Chân đế (*paramārtha*, supreme object):

Chiên-dà-la Bồ-tát (*bodhisattva-candala*): Một Bồ-tát hành xử như một người chiên-dà-la [giai cấp cùng định].

Chim cánh vàng (*garuda*): Tàu dịch là *kim xí điểu*. Một loại chim bắt mồi thần thoại, kẻ thù của loài rắn.

Chúng sinh (*sattva*, being): sinh vật hữu tình.

Chuyển công đức (*pariṇāmanā*, dedication): Sự chuyển công đức của mình đến phúc lợi và sự giác ngộ cùng của tất cả chúng sinh.

Chướng ngại (*nīrvarāṇa*, hindrances): Có năm: 1) tham dục, 2) ác ý, 3) uể oải và mê mệt, 4) bất an và lo âu, 5) nghi ngờ.

Dạ-xoa (*yakṣa*, fairy): Một chúng sinh nửa là thần (tiên), thường là từ thiện. Một ‘gnome’ (thần lùn giữ cửa). Đầu tiên là những thần cây, hiện diện trong nhựa cây, làm cho phì nhiêu và trưởng thành.

Di-lặc (*maitreya*): Vị Phật kế tiếp Phật Thích-ca Mâu-ni.

Diêm-phù-đè (*jambuvīpa*): Tên Phật giáo cho Ấn độ.

Diệu Hỉ (*abhirati*, Delightful): Cõi Phật ở phương Đông do Phật A-súc (*akshobhya*) trị vì.

Diệu pháp (*saddharma*, good law): Giáo thuyết Phật giáo.

Du sĩ (*parivrājaka*, wanderer): một khất sĩ du phương không phải Phật giáo, sở hữu trí tuệ có giới hạn.

Dục giới (*kāma-dhātu*, realm of sense desire): giới thấp nhất trong ba giới.

Dục lạc (*kāma-guṇa*, sensuous pleasures): Có năm: đến từ cảnh, âm thanh, mùi, vị, và xúc.

Duyên giác (*pratyekabuddha*): Độc giác Phật. Tự giác ngộ, nhưng không muốn hay không thể dạy người khác. Cũng gọi là Bích-chi Phật.

Đà-la-ni (dharani): Chú, mật chú, chơn ngôn, tổng trì... những công thức ngắn gọn giúp chúng ta nhớ những điểm quan trọng của pháp.

Đại (*mahābhūta*, great element): Bốn đại (yếu tố): đất, nước, gió, lửa. Hư không và thức đôi khi được thêm vào tạo thành sáu. 2) Mười tám giới, tức là, sáu trần, sáu căn, và sáu thức. 3) Pháp tánh, 4) Như Lai tánh.

Đại bi (*mahā-kuruṇā*, great compassion): Toàn diện hơn bi tâm thông thường trong đó nó 1) phát sinh không chỉ do sự đau khổ hiển nhiên mà còn do bị che giấu nữa, 2) trải qua bên kia dục giới đến sắc giới và vô sắc giới, và 3) cảm thấy bình đẳng cho tất cả chúng sinh, 4) bỏ rơi, thêm nữa là ghét và mê hoặc, 5) không chỉ thương xót mà còn bảo vệ nữa.

Đại đệ tử (*mahā-śravaka*, great disciples): Tám mươi đệ tử quan trọng hơn của đức Phật.

Đại địa ngục (*mahā-niraya*, great hells): Những nơi trùng phạt, được đánh dấu bằng những hành hạ như quá nóng hay quá lạnh hay nhiều thứ khác.

Đại sĩ (*mahā-sattva*, Great being): Danh hiệu chuẩn của một Bồ-tát. Cũng là ‘anh hùng có tinh thần vĩ đại’ bởi vì những nguyện vọng của ngài ấy ở mức anh hùng.

Đại Long (*mahā-nāga*, Great serpents): Danh hiệu của các đệ tử của đức Phật, chỉ đại trí tuệ của họ. Xem Thanh văn.

Đại thùra. Xem **Thùra**.

Đảo Táo Hồng (*jambudvīpa*, Rose-apple Island): Tên Phật giáo cho Ân độ.

Đạo quả, bốn (Paths, Four): Nhập lưu, Nhất hoàn hay Nhất lai, Bát hoàn hay Bát lai, và A-la-hán.

Đạo phần (*mārgāṅga*, limbs of the Path): Những bước của Bát Chánh Đạo.

Đâu-suất thiên (*tuṣita deva*, tushita gods): Các thiên hay thần ở cõi trời Đâu-suất. Các thần Hỷ túc này trú ở tầng thứ tư của các cõi dục. Một Bồ-tát sống đời cuối cùng ở đây trước khi ngài ấy trở thành Phật.

Đế-thích (*indra*, Chief of gods): Một thần Aryan vĩ đại, thường được biết như là Śkra (Thích-đè) hay Kauśika (Kiều-thi-ca).

Địa bất thối chuyển của Bồ-tát (*avanivartanīya bodhisattvabhūmi*, Irreversible stage of a Bodhisattva): Giai đoạn mà một Bồ-tát không còn rời lại, hay quay trở lại, trên cuộc hành trình đến giác ngộ viên mãn của một vị Phật.

Địa ngục (*niraya*, hell): hay ‘Luyện ngục,’ một nơi trừng phạt và thanh tẩy.

Điều ngự (*vaśibhūta*, fully controlled): Một phẩm hạnh được qui cho A-la-hán.

Định hay **tam-muội** (*samādhi*, concentration): Một cách thu hẹp sự chú ý kết quả trong tĩnh lặng. Bước thứ tám trong tám chánh đạo. Theo truyền thống gồm có ba loại tu tập: 1) tám thiền (*dhyāna*), 2) bốn vô biên, 3) các thần lực.

Đường đến Thần túc thông (*rddhi-pāda*, roads to psychic power): Có bốn: 1) ham muốn làm, 2) khí lực, 3) tâm, 4) khám phá. Cũng là ‘Những căn bản của thần túc thông.’

Gia chủ (*grhapati*, householder): Một cư sĩ Phật giáo, không phải là một sát-đé-lì (*ksatriya*) hay một bà-la-môn (*brahmin*).

Giác chi (*bodhy-aṅga*, limbs of enlightenment): Cũng gọi là ‘Giác.’ Có bảy: 1) niệm, 2) phân biệt pháp, 3) tinh tấn, 4) tĩnh lặng, 5) hỉ lạc, 6) định, 7) xả.

Giác ngộ viên mãn (*anuttara-samyak-saṃbodhi*, full enlightenment): Nghĩa đen: vô thượng chánh đẳng chánh giác. Đặc biệt đối với các Phật. Mục đích của Đại thừa chiếm chỗ của mục đích Niết-bàn riêng tư của A-la-hán.

Giới (*dhātu*, element): Mười tám giới: sáu trần, sáu căn, và sáu thức.

Giới luật (*śīla*, morality): Ba-la-mật thứ nhì trong sáu ba-la-mật, nó cũng gồm trong mười thiện đạo hay năm giới.

Ghê tởm (*aśubha*, repulsive): Đặc trưng của tất cả mọi khía cạnh của kinh nghiệm khoái cảm. Nó thường được thêm vào ba tướng.

Hành¹ (*abhisaṃskāra*, formative influence): ‘Nghiệp hành’ là khoen thứ nhì trong sợi xích tùy thuộc phát sinh.

Hành² (*samskārā*, impulses): Uẩn thú tư trong năm uẩn. Có năm mươi lăm hành, phát sinh từ sáu căn, là tham, sân, si, và những cái đối nghịch của chúng.

Hành hương khó khăn, cuộc (*duṣkara-cārika*, difficult pilgrimage): Một thuật ngữ chỉ sự nghiệp của một Bồ-tát với nhiều khó khăn và hành động tự hy sinh.

Hỉ (*muditā*, sympathetic joy): hoan hỉ trong sự thành công về vật chất hay tinh thần của người khác. Vô lượng tâm thứ ba trong Bốn Vô lượng tâm.

Hiền kiếp (*bhadrakalpa*): Kiếp cát tường trong đó một ngàn đức Phật xuất hiện. Tiêu thừa chỉ chấp nhận năm.

Hình ảnh của Như Lai (*tathāgata-vigraha*, *tathāgata-frame*): hình ảnh hay hình dáng của một Như Lai.

Hộ pháp (*sudharma*, Maintaining Justice): Hội trường của chư thiên.

Hội chúng (Assembly) xem **Tăng-già**.

Huệ nhãn (*prajñā-cakṣus*, wisdom eye): Tri kiến chân tướng của các pháp khác nhau.

Huyễn hóa (*māyā*, illusion): Lừa dối, lừa gạt, bản tánh của hiện tượng.

Hướng đạo của chư Phật (*buddha-netri*, guide of the Buddhas): Bát-nhã Ba-la-mật-đa.

Hữu (*bhava*, becoming): Tiếp tục đi vào hiện hữu. Khoen thứ mười trong mươi hai khoen của duyên sinh.

Īśāṇa: Một trong những tên cũ của thần Śiva-Rudra, vừa là kẻ sáng tạo vừa là kẻ hủy diệt.

Kiếp (*kalpa*, aeon): thời kỳ của thế giới.

Kiếp như tinh tượng (*tārakōpama-kalpa*, starlike aeon): Tên của một kiếp vị lại.

Kiết sùr (*samyojana*, fetters): Có mười: 1) thấy có thân (ngã), 2) chấp làm giới cấm (giới cấm thủ), 3) nghi, 4) tham dục, 5) sắc ái, 6) vô sắc ái, 7) oán giận, 8) bất an, 9) mạn, 10) vô minh.

Kiều-thi-ca (*kauśika*): Tên của Đế-thích (Indra).

Kim Cương Thủ (*varjapāni*): ‘Với chày kim cương trong tay,’ một vị hộ thần Dạ-xoa (*yakṣa*) hùng tráng ở thành Vương xá (*rājagrha*). Có thể là do một vị Bồ-tát triệu gọi để trấn uy những kẻ làm ác. Thường thấy ở các bức vẽ trên tường tùy tùng một vị Phật.

Kim Hoa (*suvarṇa-puṣpa*, golden flower): Tên của một vị Phật vị lai đã được thọ ký.

Kinh (*sūtra*): Một bản văn tuyên bố là đã do chính đức Phật nói.

Kinh văn (*sūtrantā*): Một bản văn Phật giáo, hay các giáo thuyết chứa trong đó.

Khẩn-na-la (*kiṇṇara*): Những chúng sinh kỳ lạ, nửa thân trên là người, nửa thân dưới là chim.

Kos (*krośa*): Một khoảng cách khoảng hai dặm rưỡi.

Không chấp tất cả các pháp (*sarva-dharmaparigr̥hīta*, non-appropriation of all dharmas): Không bám vào bất cứ tâm cảnh nào.

Không tác dụng (*anabhisaṃskāra*, unaffected): Điều không do phản ứng đối với nguyên nhân tác động sinh ra.

Không tùy thuộc (*asamks̄rta*, unconditioned): Không tùy thuộc vào nhân hay duyên để hiện hữu. Thường là một danh hiệu cho Niết-bàn. Cũng dịch là ‘vô vi.’

Khô (*duḥkha*, ill): Tướng thứ nhì trong ba tướng [vô thường, khô, và vô ngã].

La-sát (*rākṣasa*): Một loại quỉ bạo ác.

Linh hồn (*jīva*, soul): Lực hợp nhất và sinh động trong một sinh vật.

Long (*nāgā*): Thần nước, mäng xà hay rồng, hoặc bảo vệ hoặc phá hoại.

Luật tạng (*vinaya*): Một trong ba tạng kinh điển. Nói về giới luật của tu sĩ, tu viện.

Lưu ly (*vaidurya*, lapis lazuli): ngọc lưu ly.

Lực (*bala*) của Như Lai, (power) of a Tathgata): Có mười, ví dụ: tuệ tri, như thực, những gì có thể có là những gì có thể có, và những gì không thể có là những gì không thể có.

Lý do không sợ hãi (*vāśāradya*, grounds of self-confidence): Có bốn: sự tự tin của Như Lai đến từ 1) đã biết đầy đủ tất cả các pháp, 2) đã khô hết rỉ lậu, 3) đã miêu tả đúng những chướng ngại đối với giải thoát, 4) đã chỉ cho người ta cách vào con đường đến giải

thoát. [Đây là bốn lý do không sợ hãi (vô úy) của đức Phật].

Ma-ha Ca-chiên-diên (*mahākātyāyana*): Một đệ tử của Phật.

Ma-ha Ca-diếp (*mahākāśyapa*): Cũng gọi là ‘Đại Ca-diếp’. Một đệ tử của Phật, hàng đầu trong những người tu khổ hạnh.

Ma-ha Câu-hi-la (*mahākoṣṭhila*): Một đệ tử của Phật.

Ma-hầu-la-già (*mahoragas*, Great serpents): Tàu dịch: Đại mäng thần. Một nhóm quỉ thần.

Ma vương (*māra*): Thần chết. Sát thủ và kẻ thù của những gì thiện và xảo. ‘Kẻ cám dỗ,’ cách nhân hóa của tất cả những cái ác và đam mê, mồi nhử và cạm bẫy là những khoái lạc nhục cảm. Đôi khi được đồng hóa với năm uẩn, với những gì vô thường, khổ và vô ngã.

Ma vương, đám quân của (*māra-sena*, army of Māra): Một đám quân quỉ thần ghê tởm và thô bạo tấn công các Bồ-tát. Chúng biểu thị những đam mê cuồng nhiệt của con người.

Mäng xà (serpents): Xem **Đại long**.

Mắt (*cakṣus*, eyes): Năm chiêu kích của cái thấy, phần vật lý, phần tâm linh: 1) mắt thịt (nhục nhãn), 2) mắt trời (thiên nhãn), 3) mắt trí (huệ nhãn), mắt pháp (pháp nhãn), mắt Phật (Phật nhãn).

Mẹ của chư Bồ-tát (*bodhisattva-mātā*, Mother of the Bodhisattvas): Bát-nhã ba-la-mật.

Na-do-tha (*niyuta*): Tên số: muôn ức hay ngàn vạn.

Nam cư sĩ (*upāsaka*, layman): Người tự nhận là tin vào trí tuệ của

đức Phật và chính thức qui y Phật, Pháp, và Tăng-già. Có thể là một gia chủ và không cần đưa ra sự đồng ý có tính cách tín điều đối với những giáo lý như Bốn Đế.

Niết-bàn (*nirvana*): ‘Thối tắt, mãn hạn.’ Tĩnh lặng, cao cả, thực sự hiện hữu, không đên đảo.

Niệm (*smṛti*, mindfulness): Căn thứ ba của năm căn, bước thứ bảy trong tám bước của Tám Thánh Đạo, chi thứ nhất trong bảy giác chi. Hành động ghi nhớ ngăn chặn những ý tưởng khỏi ‘trôi đi,’ và chống lại sự quên lãng, bất cẩn và rối loạn.

Nơi tái sinh (*gati*, places of rebirth): Xem **Sáu nẻo**.

Nữ cư sĩ (*upāsikā*, laywoman): Xem **Nam cư sĩ**.

Núi Linh thúu (*grdhra-kūṭā-parvata*, Vulure Peak): Một ngọn núi gần thành Vương xá.

Nữ thần sông Hằng (*gāṅgadevī-bhaginī*, Goddess of the Ganges): Một hình ảnh được biết nhiều trong thần thoại Ấn độ.

Ngã (*ātman*, self): Một thực thể thực chất nó vẫn là một, không thay đổi và tự do.

Ngã mạn (*māna*, conceit): Một trong mười kiết sử (*saṃyojana*).

Ngạ quỷ (*preta*, hungry spirit): Loài ma đói thường lui tới tràn gian. Một trong sáu loại chúng sinh luân hồi.

Ngũ nghịch, tội (*ānantaryāṇi*, five deadly sins): Năm hành động đem lại quả báo tức thời: 1) giết mẹ, 2) giết cha, 3) giết A-la-hán, 4) gây bất hòa trong tăng giới, 5) làm Như Lai đổ máu.

Ngục A-tì hay Vô gián (*Avīchi*): Một địa ngục nóng trong đó sự đau khổ liên tục ‘không gián đoạn.’

Người (*pudgala*, person): Một thực thể thường hằng luân hồi từ lần đầu thai này đến lần đầu thai khác.

Người con trai của gia đình thiện lương (*kulaputra*, son of a good family): Hình thức nói một cách lê phép cho những tín đồ Phật giáo ám chỉ sự phú bẩm tinh thần tốt, hay một địa vị xã hội tốt, hay cả hai.

Người phàm (*prthag-jana*, common people): Người tầm thường chưa đạt được Đạo, và bị tham, sân, si chế ngự.

Nghiệp (*karma*): Hành động có ý muốn, dù thiện hay bất thiện, nó là cái đi qua trong sự liên tục không gián đoạn từ một khói các uẩn nhất thời này đến một khói khác, hoặc trong đời sống hiện thời của một người hay sau khi người ấy chết, cho đến khi kết quả (*vipāka*) của mọi hành vi có ý muốn của thân, ngũ hay ý, đã làm, đến.

Nghiệp hành (*samskāra*, karma-formations): Những kết hợp phức tạp, những sự vật hữu vi, những xung lực. 1) uẩn thứ tư trong ngũ uẩn, 2) duyên thứ năm của tùy thuộc phát sinh, 3) cái đối lập của vô vi.

Nhập (*āyatana*, sense-fields): Có mươi hai nhập, tương ứng với sáu căn và sáu trần.

Nhập lưu, quả (*srotāpatti*, treamwinner): Người đã nhập Đạo. Nghĩa đen: ‘vào dòng.’ Đây là giai đoạn thứ nhất trong bốn giai đoạn phát triển đạo của Tiểu thừa.

Nhẫn nhục (*ksānti*, patience): Ba-la-mật thứ ba trong sáu ba-la-mật. Không oán giận và không bất an đối với đau đớn, khó nhọc,

bạo hành, và những giáo pháp khó khăn và không tương đắc.

Nhất lai (*sakṛdāgāmin*, Once Returner): Đã được định trước là sẽ có một lần đầu thai nữa. Đạo quả thứ nhì trong bốn Đạo quả.

Nhất thiết trí (*sarva-jñatā*, all-knowledge): Trí biết tất cả của một vị Phật.

Nhiên Đăng (*dīpaṃkara*, Lighter Bringer): Còn dịch là Đính Quang. Một vị Phật, bậc tiền bối thứ 24 của Phật Cồ-đàm, đã thọ ký cho Phật Cồ-đàm rằng một ngày kia ngài sẽ thành Phật.

Nhiên Đăng, thành (*dīpaṃvatī*): Kinh đô của Nhiên Đăng.

Nhiếp pháp (*samgraha-vatsu*, means of conversion): Có bốn: 1) bố thí, 2) ái ngữ, 3) lợi hành, và 4) đồng sự.

Nhục nhãn (*māṃsa-cakṣus*, fleshly eye): Nghĩa đen: mắt thịt. Mắt người thường với nó những vật hữu hình có thể thấy được; phạm vi của nó rất giới hạn.

Như Lai (*tathā-gata* hay *tathā-āgata*, *tathāgata*): Một danh hiệu của đức Phật có nghĩa là ‘Như Đến’ hay ‘Như Đi.’

Chân như (*tathatā*, suchness): Cũng là như thế (thusness), thực tướng, không thêm hay bớt.

Oai Âm Vương (*Bhīṣma-garjita-nirghoṣa-svara*): Một Như Lai. Một vị có giọng nói gây kính sợ.

Ô nhiễm (*kleśa*, defilement): Sự bất tịnh hay ô nhiễm, ‘đam mê’ hay ‘tật xấu.’

Phạm hạnh (*brahma-caryā*, holy life): Làm tăng hay ni. Sống đức

hạnh, sống thánh thiện.

Phạm-thiên (*bhramā*): Một vị thần thuộc hàng rất cao. Được cho là thần sáng tạo thế giới theo truyền thống đạo Ba-la-môn.

Phạm-thiên trú xứ (*brahma-vihārā*, Brahma dwellings): túc bốn Tâm Vô lượng.

Pháp (*dharma*): 1) Thực tại tối hậu duy nhất; 2) một sự biến có thực tối hậu; 3) như được phản chiếu trong đời sống: chính trực, đức hạnh; 4) như được giải thích trong lời dạy của Phật: Giáo thuyết, Kinh, Chân lý; 5) đối tượng của giác quan thứ sáu, túc là của tâm; 6) một sở hữu, thí dụ, các trạng thái của tâm, vật, phảm tính.

Pháp bất công (Dharmas peculiar to a Buddha): Pháp đặc biệt của một vị phật. Xem **Phật pháp**.

Pháp giới (*dharma-dhātu*, dharma-element): 1) Pháp Tuyệt Đôi hay một cách đơn giản là Tuyệt đối thể, 2) lãnh vực của đạo, 3) lãnh vực đối tượng của tâm.

Pháp nhãn (*dharma-cakṣus*, dharma eye): Nghĩa đen: mắt pháp. Có khả năng biết, về cá nhân, do đó họ có thể tạo ra quyền giáo để tìm đường cứu độ.

Pháp thân (*dharma-kāya*): 1) Thân tuyệt đối của Phật tánh, không có tất cả những phảm tính nhất định, hay 2) kết tập tất cả các giáo lý của Phật.

Phân biệt (*vikalpa*, discrimination): Xem là sai và tưởng tượng vô ích.

Phẫn nộ (*krodha*, wrath): Một trong mười ô nhiễm thứ cấp.

Phật địa (*buddha-kṣetra*, Buddha-field / Buddha land): Hệ thống thế giới trong đó một vị Phật dạy pháp và đưa chúng sinh đến sự thuần thực về tinh thần. Như thế có nhiều địa.

Phật lực (*buddha-nubhāva*, power of the Buddha): Sức lôi cuốn hay uy lực của Phật.

Phật nhã (*buddha-cakṣus*): Nghĩa đen: mắt Phật. Trực giác về tất cả các pháp, không ngoại trừ.

Phật pháp (*buddha-dharma*): Những phẩm tính hay đức tính của một vị Phật. Cũng là lời dạy (dharma) của đức Phật.

Phật, Uy lực của (*buddha dhiṣṭhāna*, authority of the Buddha): Sự truyền cảm hứng hay sức lôi cuốn của đức Phật qua đó ngài truyền ý niệm vào tâm người và duy trì sự ủng hộ pháp.

Phi nhân (*amanuṣya*, ghost): ‘Không phải người,’ siêu nhân, quỉ.

Phú-lâu-na (*pūrṇa*): Con trai của Maitrāyanī, một đệ tử của Phật.

Phương (*diś*, directions): Có mười: bốn phương chính, bốn phương giữa, và hai phương trên và dưới.

Quả (*phala*, fruit): Quả kết thành của hành động tốt và xấu.

Rỉ lậu (*āsvara*, outflows): Có bốn: 1) tham dục, 2) hữu, 3) vô minh, 4) thấy sai. Rỉ lậu diệt tạo thành A-la-hán quả.

Rỗng không (*sūnya*, empty): 1) Tâm phàm và vô ích khi áp dụng vào sự vật của thế gian này, 2) sự không hiện hữu của ngã, 3) pháp vô vi.

Sa-môn (*śramaṇa*): người nỗ lực, độc thân, khổ hạnh. Một tu sĩ

khát thực.

Sahāpati: ‘Chúa tể của Thế giới Loài người.’ Tên Phật giáo cho Phạm-thiên (Brahmā).

Sát-dé-lị (*kṣatriya*, warrior class): Một thành viên của giai cấp chiến sĩ.

Sáu nẻo (*gati*, destinies): Sáu nẻo của chúng sinh là: 1) thiên (thần), 2) người, 3) a-tu-la, 4) súc sinh, 5) ngã quỉ, 5) địa ngục.

Sắc (*rūpa*, form): Uẩn thứ nhất trong năm uẩn: vật chất.

Sắc giới (*rūpa-dhātu*, realm of form):

Sắc thân (*rūpa-kāya*, form-body): Thân vật chất, thân có thể thấy được bằng mắt thịt. Trái với Pháp thân (Dharma-body).

Sân (*dveṣa*, hate): Căn thứ nhì của ba căn (độc). Thuốc giải độc là trí tuệ.

Si hay mê hoặc (*moha*, delusion): Căn thứ ba trong ba căn [độc]. Sự nhầm lẫn, ngu xuẩn, bối rối, ngu si.

Sinh tử hay sinh-và-tử (*samsāra*, birth-and-death): chịu sự luân hồi. Không khác với Niết-bàn trong giáo lý Đại thừa (Maha-yana).

Sông Diêm-phù (*jambu-nadī*, Jambu river): Một con sông nổi tiếng chảy từ núi Tu-di, do nước trái cây Diêm-phù (táo hồng) trên núi đó tạo thành.

Súc sinh (*tiryagyoni*, animal): Nẻo thấp nhất thứ ba trong sáu nẻo luân hồi, gồm Rồng (Naga), dã thú và những chim thần thoại khác.

Tà kiến (*viparyāsa*, perverted views): Thấy sai có bốn: Vô minh phân tích như là tìm câu hay tìm thấy: 1) thường trong những gì cốt yếu là vô thường, 2) dễ chịu nơi những gì không thể tách rời với khổ, 3) có ngã trong những gì không dính mắc với bất cứ một ngã nào, và 4) hoan hỉ trong những gì cốt yếu là ghê tởm và gớm ghiếc.

Tam bảo (*tri-ratna*, triple jewel): 1) Phật, 2) Pháp, 3) Tăng-già. Đây cũng là những nơi qui y của nam và nữ cư sĩ.

Tam giới (*traidhātutuka*, triple world): 1) dục giới, 2) sắc giới, 3) vô sắc giới.

Tam-ma-đè (*samāpatti*, attainments): Nói chung về ‘chín địa vị kế tiếp nhau,’ tức là, bốn thiền, bốn định vô sắc, và định của diệt thọ và tưởng.

Tam-muội pháp môn (*samādhi-mukha*, concentration doors): Sự tập trung vào các chân lý khác nhau mở ra những cánh cửa đến bình an.

Đại thiên thế giới hay **Tam thiên Đại thiên thế giới** (*trisāhasra-mahāsāhasra-lokadhātu*, great trichiliocosm): Một vũ trụ gồm 1.000 triệu mặt trời, 1.000 triệu mặt trăng, 1.000 triệu thiên đàng và địa ngục, v.v...

Tội không thể miễn thứ (*mūlāpatti*, unforgivable offences): Có bốn: 1) gian dâm, 2) trộm cắp, 3) giết người, 4) khai gian về sự chứng đắc tâm linh. Phần của giới luật (*prātimokṣa*) tự viện nguyên thủy.

Tạo ra tôi (*aham-kāra*, i-making): Quan niệm về cá thể của một người, nghĩ về mình.

Tăng-già (*saṃgha*, community): bốn chúng: tỳ-kheo, tỳ-kheo ni,

nam cư sĩ, nữ cư sĩ. Một trong tam bảo.

Tâm (*citta*, thought): 1) sự hoạt động của tâm, hay 2) ‘ý nghĩ,’ tinh thần.

Tâm bình đẳng (*sama-citta*, equalled thought): Cái tâm hiểu tính nhất như của tất cả sự vật và nguyên lý. Đạt được ở địa thứ bảy của Bồ-tát địa.

Tâm bồ-dề (*bodhi-citta*, thought of enlightenment): Tâm trong đó vị Bồ-tát lần đầu tiên quyết định đạt giác ngộ vô thượng chánh đẳng chánh giác (*anuttarasamyaksambodhi*) của một vị Phật.

Tâm hành (*manasikāra*, acts of mind): Tập trung chú ý, định tâm.

Tần-bà-sa-la, vua (*bimbisāra rāja*): Vua của nước Ma-kiệt-đà (Magadha) vào thời đức Phật.

Tịch diệt (*nirvṛti*, blessed rest): Niết-bàn của Tiêu thừa, sự chứng đắt tối hậu của A-la-hán.

Tiên-ni (*srenika*): Tên của một du sĩ khất thực. Xem **Du sĩ**.

Tiêu thiên thế giới (*sāhasra-cūḍika-lokadhā*, small chiliocosm): Một vũ trụ gồm 1.000 mặt trời, mặt trăng, thiên đường, địa ngục, v.v...

Tiêu thừa: Xem **Thừa**.

Tin (*śraddhā*, faith): Căn đầu tiên trong năm căn. Một trạng thái tạm thời mà nó sẽ trở nên ít quan trọng hơn khi ý thức tinh thần gia tăng. Nó có bốn đối tượng: 1) tin nghiệp và tái sinh, 2) chấp nhận những giáo lý căn bản về bản tính của thực tướng, như là tùy thuộc phát sinh, 3) tin tam qui: Phật, Pháp, và Tăng-già, 4) tin hiệu quả

của những pháp tu được qui định trước, và Niết-bàn như là con đường cuối cùng ra khỏi những khó khăn.

Tinh tần (*vīrya*, vigour): Căn thứ nhì trong năm căn. Phát xuất từ chữ *vīra* (anh hùng) và ám chỉ sự gắng sức có tính cách anh hùng làm lợi ích cho những chúng sinh khác cũng như sự nỗ lực không ngừng để vượt những lỗi lầm và trau dồi đức hạnh của mình.

Tịnh cư (súddhāvāsa, pure abode): Xem **Thiên** hay **Thần ở cõi Trời Tịnh cư**.

Tôn giả (*āyuṣmat*, venerable): Cách gọi kính trọng một tỳ kheo.

Tu-bồ-dề (*subhūti*): Một trong những đại đệ tử của Phật, ngài ấy nổi bật vì lòng từ bi theo truyền thống Trường lão. Trong Đại thừa ngài ấy được xem là đệ tử hàng đầu. Ngài ấy là người đàm thoại chính trong kinh Bát nhã Ba-la-mật-đa, nói không có lỗi nhò uy lực của Phật.

Tu-di, núi (sumeru): Núi nằm ở giữa thế giới và có bảy vòng đồng tâm và những rặng núi vây quanh. Cũng gọi là Meru.

Tuệ tri (*jñāna*, gnosis): Biết bằng tuệ tri đưa đến cứu độ.

Tùy thuộc phát sinh (*pratīya-samutpāda*, conditioned coproduction): Mười hai nhân duyên, bắt đầu với vô minh và kết thúc với già chết, làm cho mọi sự vật xảy ra trong thế giới này.

Tù tâm (*maitrī*, friendliness): Vô lượng thứ nhất trong bốn Vô lượng. Gồm có ban cho người khác những lợi ích, đặt căn bản trên khả năng thấy bên thích thú của họ, và kết quả trong sự tinh lảng oán giận và ác độc.

Tự tánh (*sva-bhāva*, own-being): Điều kiện tự nhiên hay vốn có

của một vật đang hiện hữu do một mình năng lực của riêng nó, có tướng bất biến và không thể trở thành xa lạ, và có yếu tánh bất di bất dịch. Trong ‘tự tánh,’ một vật là chính nó, và không chỉ là nó liên quan với chúng ta, hay với những vật khác.

Tướng¹ (*lakṣaṇa*, mark): 1) Đặc tính của thực thể. Theo nghĩa này, người ta phân biệt các tướng biệt và chung. Biệt tướng là nét đặc trưng của những vật khác nhau, tướng ‘chung’ tìm thấy trong tất cả những sự vật hữu vi, tức là, khổ và sự vắng mặt của ngã. 2) 32 tướng của một siêu nhân. Những cái đặc biệt thấy nơi thân của Phật, cũng như nơi thân của một Chuyển Luân Thánh Vương.

Tướng² (*nimitta*, sign): 1) Đối tượng của chú ý, 2) căn bản của nhận biết, 3) cơ hội để nhập vào.

Tưởng (*samjñā*, perception): Khái niệm, quan điểm, ý niệm. Có sáu tưởng, tương ứng với sáu giác quan. Uẩn thứ ba trong năm uẩn.

Tỳ-kheo (*bhikṣu*, monk): Tăng nhân, người xuất gia và nhận thê nguyện làm tu sĩ.

Tham (*raga*, greed): Căn thứ nhất của ba căn (độc). Thuốc giải độc là tin.

Thanh văn (*śrāvaka*, disciple): Người lắng nghe; về mặt thuật ngữ chỉ những người nghe pháp trực tiếp từ đức Phật, nhưng chỉ áp dụng cho những người theo Tiểu thừa trong các bản văn Đại thừa.

Tháp miếu (*stūpa*): rương chứa thánh tích, ụ đá hình tháp, cái miếu, thường có hình cái chuông và xây trống để chứa xá-lợi của Phật và của những đệ tử của ngài hoặc để tưởng niệm những hành động của họ.

Thần chú (*mantram*, spell, incantation): thần chú, chân ngôn.

Thần thông (*abhijñā*, superknowledges): 1) Thần túc thông (*rddhividhi*, psychic power), 2) thiên nhĩ thông (*divyaśrotra*, heavenly ear), 3) tha tâm thông (*paracittājñāna*, cognition of others' thoughts, 4) túc mệnh thông (*pūvanivāsānusmṛti*, recollection of past lives, 5) thiên nhãn thông (*divyacakṣus*, heavenly eye), 6) lậu tận thông (*āsravakṣayajñāna*, cognition of outflows). Đôi khi thần thông thứ năm bị bỏ. Các A-la-hán đạt tất cả sáu thần thông.

Thầu thị (*rishis*, Seers): Những bậc trí tuệ huyền thoại, những nhà sáng tác thánh ca Vệ-đà, được đưa lên đến tận trời và với địa vị có thể sánh với địa vị của các thần.

Thầy (*sāstar*, teacher): Một vị Phật.

Thấy (*drṣṭi*, view): Cái thấy, ý kiến, hầu như luôn luôn sai.

Theo đuỗi (*carati*, to course): Động từ trong Phạn ngữ (Sanskrit) có ngữ căn *car*, có nghĩa là di động, và theo nghĩa rộng là, sống, thực hành, thực hiện, hay quan sát.

Thế gian giải (*loka-vid*, world knower): Một danh hiệu của đức Phật.

Thế giới bốn châu (*caturdvīpaka* *lokadhātu*, four-continent world system): Trái đất được xem như là chúa bốn châu huyền thoại, trong đó châu Diêm-phù-đè là quan trọng nhất.

Thế Tôn (*bhagavan*, Lord, Blessed One): Một danh hiệu của Phật.

Thích-ca (*sākyas*): Một bộ tộc địa chủ và chiến sĩ (*kṣatryas*) ở Ca-tì-la vệ (Kapila-vastu) mà đức Cồ-đàm hạ sinh từ đó.

Thiên hay thần (*deva*, god): Nghĩa đen: 'vị chiếu sáng.' Không có nghĩa là tạo hóa, cũng không có nghĩa toàn tri hay toàn năng; một

cách đơn giản chỉ là một cư dân ở cõi trời.

Thiên hay thần ở cõi Trời Tịnh cư (*suddhāvāsa*, gods of the Pure Abode): Năm loại thiên ở trong năm cõi Trời Tịnh cư. Đây là những loại cao nhất trong 18 loại thiên trú trong sắc giới (*rūpa-dhātu*), và được cho là ở trong tầng thứ tư và cao nhất của cõi đó.

Thiên hay thần của tầng ba mươi ba (*trayastrīmśakāyikā deva-putrā*, gods of the thirty-three): Kết hợp với Đế-thích (*Indra*) và trú ở ba mươi ba đỉnh của núi Tu-di trong các cõi thứ nhì và thứ sáu của dục giới (*karma-dhātu*).

Thiên hay thần trong cõi trung gian (*antarīkṣa-deva*, gods in the intermediate realm): Các thần xuất hiện trên bầu trời.

Thiên nhãn (*divya-cakṣus*, heavenly eye): Xem xét sự chết và tái sinh của chúng sinh trong vũ trụ trong tất cả sáu nẻo luân hồi, mà không gặp bất cứ trở ngại nào và vẫn vô ngại đối với núi, rừng và tường vách.

Thiên thế giới (*loka-dhātu*, world-system): Một thế giới với tất cả thiên đường và địa ngục mà nó có thể chứa.

Thiền định (*dhyāna*, trance): Bốn cảnh giới tiến bộ: cảnh giới thiền thứ nhất, cảnh giới thiền thứ nhì, cảnh giới thiền thứ ba, và cảnh giới thiền thứ tư.

Thiện căn (*kuśala-mūla*, wholesome roots): Một thuật ngữ chỉ công đức quá khứ sẽ mang đến thiện báo.

Thiện nghiệp đạo (*kuśalakarmapatha*, wholesome ways of acting): Có mươi: 1) không sát sinh, 2) không lấy của không cho, 3) không tà dâm, 4) không nói dối, 5) không nói lời ly gián, 6) không nói lời thô ác, 7) không nói lời nhơ bẩn, 8) không tham dục, 9) không sân

hận, và 10) không tà kiến.

Thiện Thệ (*sugata*, Well-gone): Một danh hiệu của đức Phật người đi đúng đường và đến đúng chỗ.

Thiện tri thức (*kalyāṇa-mitra*, good friend): Người trợ giúp chuyển hóa hay tiến bộ trong pháp. Đạo sư hay bậc thầy tâm linh.

Thiện xảo trong phương tiện (*upāya-kauśalya*, skill in means): sự thiện xảo của Bồ-tát trong khi làm bất cứ việc gì cần thiết để cứu độ chúng sinh.

Thọ (*vedanā*, feelings): Có thể phân tích các thọ [cảm giác] thành thích thú, không thích thú, và trung tính. Uẩn thứ nhì của năm uẩn.

Thuần chủng (*ājāneya*, thoroughbreds): thuộc chủng cao quý, thường nói về loài vật, nhưng đã được nới rộng sang người, đặc biệt là các Phật và các Bồ-tát.

Thù địch (*upanahā*, enmity): Một trong mười ô nhiễm phụ.

Thủ uẩn (*upādāna-skandha*, grasping aggregates): Năm uẩn.

Thùra (*yāna*, vehicle): Những phương pháp cứu độ như được Đại thùra phân tích. Có ba: 1) Thanh văn, 2) Duyên giác. Hai thùra này tạo thành Tiểu thùra, thùra kém hơn hay nhỏ hơn: có nghĩa xấu cho những người Phật giáo không chấp nhận giáo lý mới của Đại thùra. 3) Đại thùra, nghĩa đen: chiếc xe lớn: Phong trào Phật giáo phát khởi vào khoảng đầu kỷ nguyên Ki-tô giáo tán thành giáo thuyết Bồ-tát, mục đích của nó là Phật tánh hay là sự giác ngộ viên mãn, vô thượng và kết hợp với một giáo thuyết siêu hình về tánh không phổ quát.

Thúrc (*vijñāna*, consciousness): Tùy theo văn mạch nó có nghĩa: 1)

uẩn thứ năm của năm uẩn. (Bốn uẩn khác tùy thuộc vào nó trong đó nó làm duyên và quyết định, và nó là cái ý thức về sự vận hành của bốn uẩn kia, 2) ý thức thuần túy, 3) ý nghĩ, 4) tâm, hay 5) yếu tố vật chất thứ sáu.

Thương chủ (*sāthavāha*, caravan leader): Một danh hiệu của Phật.

Trí phân tích (*pratisamvid*, analytical knowledge): Có bốn: phân tích nghĩa, các pháp, ngôn ngữ, lời nói.

Trụ cột của niêm (Bốn) (*smṛtyupasthā*, pillars of mindfulness): Có bốn: áp dụng niệm vào: 1) thân, 2) thọ, 3) tâm, 4) pháp (những điều kiện của hiện hữu)

Trời Sắc-cứu-cánh (*akaniśṭhā devā*): Trời cao nhất trong năm trời của Tịnh cư thiêん, trời cao nhất trong sắc giới (*rūpa-dhātu*).

Trung thiêん thế giới (*devisāhasra-madhyama lokadhātu*, medium dichiliocosm): Một vũ trụ gồm một triệu mặt trời, mặt trăng, thiêん đường, địa ngục, v.v...

Trưởng lão (*sthavira*, elder): 1) Danh hiệu chỉ tính chính thống, 2) thành viên của bộ phái nguyên thủy chấp vào ‘giáo thuyết của các Trưởng lão.’

Uẩn (*skandas*, aggregates): Nghĩa đen: ‘chứa nhóm.’ Có năm: 1) sắc, 2) thọ 3) tưởng, 4 hành, 5) thức. Đây là những thành phần cấu tạo cái gì bị nhầm cho là ngã hay một người.

Vô lượng (*apramāṇa*, unlimited): Có bốn: 1) từ, 2) bi, 3) hỉ, và 4) xả. Những đức tính này được xem là những đức tính xã hội và có tầm quan trọng thứ nhì trong giáo thuyết Tiểu thừa, nhưng chúng được nhấn mạnh nhiều hơn trong Đại thừa.

Vô minh (*avidyā*, ignorance): Nguyên nhân tối hậu của luân hồi, nó là hệ quả tiêu cực của tuệ giác (gnosis); nhân thứ nhát của mười hai nhân duyên tùy thuộc phát sinh. Cũng gọi là ‘thiếu trí tuệ.’

Vô Năng Thắng (*ajita*, Invincible): A-dật-đa. Danh hiệu của Bồ-tát Di-lặc.

Vô ngã (*anātman*, not-self): Tướng thứ ba của ba tướng. Được diễn đạt theo công thức, ‘Bất cứ cái gì có, tất cả đó không phải cái của tôi, tôi không phải cái này, cái này không phải ngã của tôi.’

Vô nguyện (*apraṇihita*, wishless): ‘Không đặt cái gì ra phía trước,’ một cảnh giới trong đó người ta không lập kế hoạch cho vị lai. Từ này cũng có thể dịch là ‘vô mục đích.’ Nó là cửa thứ ba trong ba cửa giải thoát.

Vô sắc định (*ārūpya-samāpatti*, formless attainments): Có bốn: 1) định hư không vô biên xứ, 2) định thức vô biên xứ, 3) định vô sở hữu xứ, 4) định phi tưởng phi tưởng xứ.

Vô tướng (*a-nimitta*, signless): Cửa thứ nhì trong ba cửa giải thoát. Cảnh giới đoạn diệt tất cả dục tưởng, là cửa vào Niết-bàn. Người ta nói đó là sự đắc thành của A-la-hán.

Vui sướng (*anumodanā*, jubilation): Biểu hiện sự cảm ơn, mãn nguyện, hay chứng nhận sự đạt đạo của người khác (tùy hỷ).

Vương xá (*rājagṛiha*): Thủ đô của nước Ma-kiệt-đà (Magadha).

Xá-lợi-phất (*sāriputra*): Một trong các đại đệ tử của Phật. Nổi tiếng trong hàng Trưởng lão vì trí tuệ và thiện xảo trong A-tỳ-đạt-ma. Tuy nhiên, Đại thừa xem trí tuệ của ngài là trí tuệ kém.

Xả (*upekṣā*, evenmindedness, impartiality): ‘bỏ qua.’ Tâm vô

lượng thứ tư. Thái độ bình thản hay thư thái đối với tất cả những sự vật hữu vi, tự phản ánh như thái độ không thiên lệch về tất cả chúng sinh.

THU MỤC

Edward Conze:

- The Large Sutra on Perfect Wisdom with the Division of the Abhisamayālankāra*, translated from Sanskrit, University of California Press, Berkley, CA, 1975.
- The Perfection of Wisdom in Eight Thousand Lines & Its Verse Summary*, translated from Sanskrit, published by Four Seasons Foundation, CA 1995.
- Perfect Wisdom, The Short Prajñāpāramitā Texts*, translated from Sanskrit, Buddhist Publishing Group, Totnes, UK, 2002.
- Buddhist Wisdom, The Diamond Sutra and The Heart Sutra*, translation from Sanskrit and commentary by E. Conze, published by Vintage Spiritual Books, Random House, Toronto, Canada, 2001.
- Buddhist Scriptures*, translated from various sources by E. Conze, published by The Penguin Classics, 1959.
- Buddhist Texts*, translated from various sources by E. Conze, published by Bruno Cassirer (Publishers) LTD, Oxford, England, 1954.
- Buddhist Thought in India*, published by Routledge Library, Canada & U.S.A., 2008.
- Buddhist Meditation*, published by Harper & Row, NY, 1969.
- Buddhism, A Short History*, published by OneWorld, Oxford, England, 2008.
- Buddhism, Its Essence and Development*, published by Bruno Cassirer (Publishers) LTD, Oxford, England, 1967.
- The Way of Wisdom, The Five Spiritual Faculties*, published by BPS Online Edition © (2008).
- Thirty Years of Buddhist Studies, Selected Essays*, published by Bruno Cassirer (Publishers) LTD, Oxford, England, 1953.
- The Buddha's Law Among the Birds*, translation from Tibetan and commentary by E. Conze, published by Motilal Banarsidass, Delhi, India, 1975.

Nāgārjuna:

-*The Treatise on the Great Virtue of Wisdom of Nāgārjuna, Volumes: I, II, III, IV, & V*, translated from French Translation of Etienne Lamotte by Gelongma Karma Migme Chodron, Gampo Abbey, Online PDF Files.

-*Nāgārjuna on The Six Perfections*, translated from Chinese by Bhikshu Dharmamitra, published by Kalavinka Press, U.S.A., 2009.

Kinh & Luận:

-Kinh *Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật* Tập I, II, & III, Thích Trí Tịnh dịch dịch, Phật Học Viện Quốc Tế xuất bản, CA, USA 1989.

-*Chư Kinh Tập Yếu*, Đoàn Trung Còn dịch, Nguyễn Minh Hiển và Nguyễn Minh Tiến hiệu đính, Nhà xuất bản Tôn Giáo, Hà Nội, Việt Nam 2003.

-*Luận Đại Trí Đô* Tập 1-9, Bồ-tát Long Thọ, Thích Trung Quán dịch, Phật Học Viện Quốc Tế xuất bản, CA, USA 1990-1993.

-*Trung Luận & Hồi Tranh Luận*, Bồ-tát Long Thọ, Đỗ Đình Đồng dịch, Nhà xuất bản Hồng Đức, VN, 2015.

Vài Nét về Dịch giả của Bản dịch Tiếng Anh



Edward Conze
(1904-1979)

Tiến sĩ Edward Conze sinh ở Anh quốc, từ nhỏ đã học thông thạo nhiều thứ tiếng. Tiến sĩ Conze là tác giả của nhiều sách và là dịch giả nhiều bản văn Bát-nhã Ba-la-mật-đa của Phật giáo Đại thừa. Ông phục vụ các phân khoa của nhiều trường đại học ở Anh và Hoa Kỳ gồm cả Oxford, London, và California. Ông không những là một học giả lớn về Phật giáo mà còn là một hành giả nghiêm túc, và các dịch phẩm của ông cũng được đánh giá cao. Nói chung, ông đã nghiên cứu Phật giáo trong thời gian ba mươi năm. Có lẽ ông là người đầu tiên và duy nhất cho đến nay đã nghiên cứu và dịch các kinh Bát-nhã của Phật giáo Đại thừa sang tiếng Anh.

Các dịch phẩm và tác phẩm của ông về Phật giáo gồm có: *The Large Sutra on Perfect Wisdom*, *The Perfection of Wisdom in Eight Thousand Lines & Its Verse Summary*, *The Diamond Sutra and the Heart Sutra*, *Perfect Wisdom: The Short Prajñāpāramitā Texts*, *Buddhist Meditation*, *Buddhism: Its Essence and Development*, *A Short History of Buddhism*, *Thirty Years of Buddhist Studies*, v.v...